

ĐÔNG A SÁNG



# KINH DỊCH

Trí tuệ  
và Quyền biến

(MÙA CỦA NGƯỜI QUÂN TỬ)

QUYỂN  
HẠ

ĐÔNG A SÁNG



# KINH DỊCH

Trí tuệ  
và Quyền biến

(MÙA CỦA NGƯỜI QUÂN TỬ)

QUYỂN  
HẠ

# KINH DỊCH - TRÍ HUỆ VÀ QUYỀN BIẾN (QUYỂN HẠ)

By Đông A Sáng

Copyring Đông A Sáng

Smashwords Edition.

T

MỤC LỤC:

[Phần ba :KINH DỊCH \(HẠ KINH - QUÊ 31 - 64\)](#)

[Phần bốn :TRUYỆN](#)

[SÁCH THAM KHẢO](#)

[AUTHOR](#)

<http://blog.%20smahwords.com>

T

Phần ba : :KINH DỊCH (HẠ KINH - QUÊ 31 - 64)

### 31. TRẠCH SƠN HÀM TÊN QUÊ

**Kinh Dịch gồm có 64 quẻ, 30 quẻ đầu gọi là Thượng kinh, 34 quẻ còn lại gọi là Hạ kinh.**

Mở đầu Thượng kinh là hai quẻ Càn – Khôn, mở đầu Hạ kinh là quẻ Hàm, nam – nữ gặp nhau ; thể hiện tam tài Thiên – Địa – Nhân hoặc Thiên – Nhân hợp nhất.

Thứ tự quẻ, tự quái giải thích như sau : Đầu tiên có Trời Đất, sau mới có vạn vật, đã có vạn vật, sau mới có trai gái, có trai gái mới có âm dương giao kết mà thành vợ chồng, đã có vợ chồng mới có công sinh dục mới thành cha con. Vậy sau mới thành trật tự loài người, mới sinh ra quân thần, đã có quân thần mới có chế độ mà chia ra trên dưới, đã có trên dưới, vậy sau mới đặt ra lễ nghĩa, mới có chỗ thực hành.

(Hữu thiên địa, nhiên hậu hữu vạn vật, hữu vạn vật, nhiên hậu hữu nam nữ, hữu nam nữ, nhiên hậu hữu phu phụ, hữu phu phụ, nhiên hậu hữu phụ tử. Hữu liễu phụ tử nhiên hậu quân thần, hữu liễu quân thần, nhiên hậu hữu thượng hạ, hữu liễu thượng hạ, nhiên hậu lễ nghĩa hữu sở kiến lập, hữu sở thực chi.

### HÌNH QUÊ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Cấn - sơn, trên Đoài - trạch, gọi là Trạch Sơn Hàm.

Dưới là Cấn, thuộc quẻ dương, tượng trưng cho biết dừng, tri chí, là thiếu nam ; trên là Đoài, thuộc quẻ âm, tượng trưng hoà duyệt, vui vẻ, là thiếu nữ, là sự chuyên nhất.

Dương cảm ứng với âm ; thiếu nam biết dừng, biết cung kính, tìm thiếu nữ ; thiếu nữ cảm động, hoà duyệt, vui vẻ mà chuyên nhất với thiếu nam ; nam nữ tâm đầu ý hợp, rất mực chung tình.

Dưới Cấn - núi, thuộc dương cương ; trên Đoài - đầm, thuộc âm nhu. Đầm có tính chảy xuống, thấm nhuần xuống dưới ; núi nhận được sự thấm, nhuần.

Núi làm cho nước chăm thêm đẹp, nước chăm làm cho núi tươi nhuận, hai khí âm dương giao lưu với nhau, cảm thông tương ứng, hoà hợp với nhau, gọi là hàm.

Chữ hàm còn có những nghĩa sau :

Chữ hàm, có chữ tâm, gần với chữ cảm , có bộ tâm ; hàm là cảm ứng vô tâm, là chân cảm, phát sinh tự nhiên từ khí, và đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu, là hợp với Thiên đạo ; cảm là giao cảm hữu tâm, là tư tâm, không hợp với Thiên đạo.

**Tạp quái truyện giải thích : Hàm là nhanh (hàm tốc giả). Do tính khác nhau, dị tính, nên thanh niên nam nữ gặp nhau cảm ứng một cách nhanh chóng, theo lẽ tự nhiên.**

Khổng Sơ giải thích, chữ cảm ở đây có nghĩa là hoà hợp (hoà).

SOÁN TỪ

Hàm, hanh, lợi trinh, thủ (thú) nữ cát.

**Hàm là cảm ứng, cảm ứng nên hanh thông (hàm hanh) ; vì cảm ứng theo Thiên đạo, nên trinh chính, không tà vạy, nên lợi (lợi trinh) như việc lấy vợ, gặp được vợ cũng trinh chính, là tốt lành (thú nữ cát).**

**Nếu trai gái, vợ chồng, trên dưới, mọi mối quan hệ giao cảm với nhau, theo tư tâm, không trinh chính, thì chưa chắc đã được hanh thông (hanh), chưa chắc có lợi (lợi) và chưa chắc đã tốt lành (cát).**

SOÁN TRUYỆN



Hàm, cảm dã. Nhu thượng nhi cương hạ, nhị khí cảm ứng dĩ tương dữ. Chỉ nhi thuyết (duyet), nam hạ nữ, thị dĩ hanh, lợi trinh, thủ (thú) nữ cát dã. Thiên Địa cảm nhi vạn vật hoá sinh, thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hoà bình. Quan kì sở cảm, nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ !

**Quẻ Hàm, trên là Đoài có tính âm nhu (nhu thượng), dưới Cấn có tính dương cương (nhi cương hạ), hai khí âm dương cảm ứng với nhau mà hoà hợp với nhau (nhị khí cảm ứng dĩ tương dữ).**

**Về đức quẻ, Cấn có tính dừng (chỉ), Đoài có tính hoà duyệt (chỉ nhi duyệt). Cấn là thiếu nam, Đoài là thiếu nữ, nam cầu nữ, chịu hạ mình với nữ (nam há nữ), nam nữ tương cảm, nên nói : hanh thông, lợi, trinh (chính), lấy được vợ, vợ cũng trinh chính là tốt (thị dĩ, hanh, lợi trinh, thú nữ cát).**

**Trời đất cảm ứng, trời lấy khí dương cảm với khí âm của đất, mà vạn vật được hoá sinh (thiên địa cảm, nhi vạn vật hoá sinh).**

**Tương tự, đạo cảm của trời đất, thánh nhân cảm ứng mà cảm được lòng người (thánh nhân cảm nhân tâm) nhờ vậy mà thiên hạ hoà bình (nhi thiên hạ hoà bình).**

**Theo đạo cảm ứng (quan kì sở cảm), thấy được cái tình của trời**

**đất đối với vạn vật, tình của vạn vật đối với trời đất (nhĩ thiên địa vạn vật chi tình).**

Nếu thấy được cái tình của trời đất đối với vạn vật, vạn vật đối với trời đất, hẳn thấy được cái tình của thánh nhân đối với thiên hạ, cái tình của thiên hạ đối với thánh nhân (khả kiến hĩ)

**ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Sơn thượng hữu trạch, Hàm ; quân tử dĩ hư thụ nhân.

\* Ghi chú :Soán từ chỉ nói cái tình của trời đất đối với vạn vật, vạn vật đối với trời ; là ý ở ngoài lời. Soán từ, muốn cho người đọc tự suy nghĩ về cái tình của thánh nhân đối với thiên hạ, cái tình của thiên hạ đối với thánh nhân.

**Dưới Cấn - núi, trên Đoài - trạch, trên núi có chằm nước (Sơn thượng hữu trạch).**

Núi nhờ có vùng trũng, vùng trống, hư, mới có chằm, có nước thấm nhuận cho núi, thành quẻ Hàm, cảm ứng. Nếu núi không có vùng trũng, vùng trống, hư, thì không có chằm, không có nước thấm nhuận cho núi, không thành quẻ Hàm.

**Quân tử theo tượng của quẻ Hàm, theo cái hư của núi, mà hư tâm, vô tâm cảm ứng với người và sẽ nhận được cảm ứng của người, như núi được đầm tưới nhuận (quân tử dĩ hư thụ nhân).**

Hư tâm không có nghĩa cái tâm trống rỗng, mà cái tâm cảm ứng theo Thiên đạo, theo nhân đạo, theo công lợi, thanh tĩnh, biết tiếp thụ chân lí và công lí. Thiên hạ sẽ cảm ứng với mình, tưới nhuận cho mình, như núi có nước có chăm, luôn xanh tốt.

Nếu cái tâm bị vật dục, tà ác, tư tâm, thiên kiến, tự mãn, bị tạp niệm che lấp, sẽ không cảm ứng với người, không dung nạp được Thiên đạo, nhân đạo, chân lí và công lí. Thiên hạ cũng sẽ vô cảm với mình, làm cho mình ngày càng khô cằn, như núi không có nước, không có chăm.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, Hàm kì mẫu.

Hào 1 âm, cảm ứng ở ngón chân cái.

Tượng viết: Hàm kì mẫu, chí tại ngoại dã.

Tượng viết : Cảm ứng ở ngón chân cái, chí ở ngoài.

### 1. Sơ lược

Hào 1 âm, ở vị trí dương, bất chính, ôu dưới cùng quẻ Hàm.

### 2. Hoàn cảnh

Trang Tử dẫn lời của Liệt Tử : Tin tức về sự đầy vơi của Đất Trời ứng vào trong các vật.

Mẫu là ngón chân cái, chỉ sự cảm ứng của cơ thể về sinh lí cũng như về tâm lí.

Hào 1 âm nhu, bất chính, âm nhu, ở vị trí thấp nhất, tượng trưng cảm ứng trong buổi sơ giao, mối quan hệ nam – nữ hoặc bạn bè (Hàm, kì mẫu).

### 3. Quyền biến

(1) Sách Độc Dịch bút kí, Phương Tông Thành cho rằng : Bắt đầu hành động, thì chưa phân được thiện và ác.

Hào 1 dương biểu thị mối sơ giao, nên hào từ không nói về tốt (cát) hoặc xấu (hung) nhưng ngầm hiểu : Cảm ứng, sơ giao, vô tâm, thiện tâm, thì tốt ; cảm ứng, sơ giao, hữu tâm, tà tâm, thì xấu.

(2) Hào 1 dương ở quẻ Cấn, nội quái, ứng với hào 4 dương ở quẻ Đoài, ngoại quái, gọi là chí ở bên ngoài (chí tại ngoại dã).

Có sách giải thích : Chí là tâm chí, là tâm lí, là tâm niệm. Một niệm bên trong, ý thức hay tiềm thức, biểu hiện ra bên ngoài, ngón chân cái ; sự cảm ứng rất vi diệu, biểu hiện trên bộ phận của con người thay lời nói (Hàm kì mẫu, chí tại ngoại dã).

Lục nhị, Hàm kì phì, hung ; cư cát.

**Hào 2 âm, như cảm ứng ở bắp chân, xấu ; biết thừa thuận, tĩnh, giữ được đạo thường, thì tốt.**

Tượng viết : Tuy hung cư cát, thuận bất hại dã.

Tượng viết : Tuy hung nhưng ở yên, thuận theo đạo thường, thì cũng không phương hại gì.

### 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc chính, đắc trung ; ứng với hào 5 dương.

### 2. Hoàn cảnh

**Hào 1 âm đề cập đến ngón chân cái (mẫu) ; hào 2 âm đề cập đến bắp chân (phì) ; biểu thị sự cảm ứng, giao cảm đang có chiều hướng phát triển.**

### 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm, đắc trung, đắc chính, ứng với hào 5 dương, là rất tốt nhưng hào từ lại viết là xấu ? Nguyên nhân :

**Giữa hào 2 âm và hào 5 dương cách trở bởi hào 3 dương, hào 4 dương, nếu nóng vội, sẽ thất bại (hung), nên giữ tính âm nhu, không nên nóng vội, ở yên nhìn thời thế chuyển biến (cư cát).**

**Lời soán cho rằng, hào 3 âm nhu, biến thành hào 3 dương cương,**

**nên thành quẻ Đoài, theo hình quẻ là nhu ở trên, cương ở dưới (nhu thượng nhi cương hạ).**

**Hoặc, hào 3 dương, lúc chưa biến, vốn là hào 3 âm của quẻ Khôn ; hào 2 âm sẽ thuộc quẻ Khôn, có tính thuận, tính tĩnh. Lời đoán quẻ Khôn viết : Đi trước thời mê, lạc đường, biết thừa thuận ở sau, thì giữ được đạo (lí) thường (Tiên mê thất đạo, hậu thuận đắc thường).**

Hào 2 âm, biết thừa thuận, tĩnh, giữ được đạo thường (cư), tốt (cát).

**(2) Tình cảm nam – nữ dễ xung động, nóng gấp, mù quáng (tuy hung), nếu biết kiềm chế sự xung động, không nóng vội, ở yên, xét thời thế (cư cát), thuận theo đạo thường, cũng không phương hại gì đến sự giao cảm, cảm ứng (thuận bất hại dã).**

Cửu tam, Hàm kì cổ, chấp kì tuy, vãng lận.

**Hào 3 dương, nhiều dục vọng, thiếu thành ý, lệ thuộc như cảm ứng ở đuôi lẻo đẻo theo người, vượt qua giới hạn, kết cục là rất xấu hổ.**

Tượng viết : Hàm kì cổ, diệc bất xử dã. Chí tại tùy nhân, sở chấp hạ dã.

Tượng viết : Đã tùy thuộc như bấp vế, không biết xuất xử. Nóng vội chạy theo người ta, hạ mình, theo dưới, tư cách thật là kém cỏi.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, đắc chính, ứng với hào trên cùng âm, ở trên cùng quẻ Cấn.

## 2. Hoàn cảnh

**(1) Cổ là bấp vế, chỉ sự cảm ứng đang phát triển lên cao, đến giới hạn của quẻ Cấn.**

**Hào 3 dương đắc chính, ứng với hào trên cùng âm, là hào tốt, nhưng hào từ lại viết là xấu hổ (vãng lận) ?**

**Nguyên : Hào 3 dương, bản tính nóng vội, một mặt hướng lên ứng với hào 4 âm ; mặt khác lại tùy thuộc, lệ thuộc vào hào 1 âm, hào 2 âm, cứ thế mà đi, như bấp vế, không tự đi được phải dựa vào ngón chân (chấp kì tùy) ; hào 3 dương, lại ở trên cùng quẻ Cấn, có**



**tính tĩnh chỉ, không cho vượt qua giới hạn.**

Hào 3 dương vừa bắt cá hai ba tay, nhiều dục vọng, thiếu thành ý ; vừa lệ thuộc không rút ra được (chấp kì tùy) ; vừa muốn vượt qua mọi giới hạn (vãng) ; kết cục là rất xấu hổ (lận).

**(2) Đã tùy thuộc như bấp vế (hàm kì cổ), không biết xuất xử (như hào 2 âm : cư cát), nóng vội chạy theo người ta (chí tại tùy nhân), hạ mình, theo hai hào dưới, tư cách thật là kém cỏi (sở chấp hạ dã).**

### 3. Quyền biến

Trong cảm ứng, giao tiếp, nên chuyên tâm chuyên nhất, thành ý, có giới hạn ; không nên tùy thuộc, lệ thuộc, theo người, không vượt qua giới hạn, mới giữ được phẩm cách của mình.

Cửu tứ, trinh cát, hồi vong. Đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư.

Hào 4 dương, cảm ứng tự nhiên, mới được tốt, những tạp niệm đáng ăn năn đều biến mất. Mình cảm người, người sẽ ứng mình, người cảm mình, mình ứng với người, có qua có lại, có lại có qua, thuận theo đó mà ngẫm nghĩ đạo lí của việc cảm ứng tự nhiên.

Tượng viết : Trình cát hồi vong, vị cảm hại dã. Đồng đồng vãng lai, vị quang đại dã.

Tượng viết : Do cảm ứng tự nhiên mà được tốt, không bị tạp niệm hối hận quấy nhiễu, không cảm ứng bằng tư tâm nên không mắc vào điều hại, sự cảm ứng qua lại – lại qua chưa lấy gì lớn lao sáng láng cho lắm, so với đạo lí của quẻ Hàm.

## 1. Cửu tử

Hào 4 dương, ở vị trí âm (nhu), dưới quẻ Đoài.

## 2. Hoàn cảnh

**Người xưa cho rằng, ở trên vùng bụng, tâm (tim) ở trên bắp vế, là trung tâm, giữa thân trên và thân dưới, là nơi giao cảm của thân trên và thân dưới ; tâm tạng chủ quản của tuần hoàn máu huyết, có công năng tư duy ; là tâm linh, nhận thức về việc cảm ứng. Việt Nam có câu : Suy bụng ta, ra bụng người. Tức là tư duy bằng bụng.**

Năm hào quẻ Hàm nhắc những bộ phận cơ thể con người : ngón chân cái, bắp

chân, bắp vế, vùng thịt lưng, mép, má, lưỡi.

Riêng hào 4 dương, không thủ tượng bằng hình thể, nhưng qua các hào có thể hiểu là bụng, là tim.

Vì hào 4 dương đã vượt qua quẻ Cấn dưới, bắt đầu quẻ Đoài trên, như cảm ứng từ thân dưới, lên đến bụng, vùng tim, vùng giao cảm thân dưới với thân trên.

### 3. Quyền biến

**(1) Hào 4 âm, ở quẻ Đoài, Đoài vốn có tính hoà duyệt, vui vẻ, dễ thiên về tình cảm - hữu tâm, nên cái tâm phải vô ngã, hư tâm, tự nhiên (trình), mới được tốt, những tạp niệm đáng ăn năn đều biến mất (hối vong).**

Nếu hữu ngã, hữu tâm, bị ngoại vật chi phối, cái tâm động, cái tâm đầy, thì không thể cảm ứng, không được tốt, không xua đuổi được tạp niệm, đáng ăn năn.

**Đồng đồng là trùng phức, vãng lai là qua lại ; đồng đồng vãng lai là qua lại, xô đẩy nhau không ngừng.**

**Trong việc cảm ứng, có sự tương giao, có cảm – có ứng, có qua - có lại, có lại – có qua, đồng đồng vãng lai ; mình cảm người, mong**

**người sẽ ứng mình, người cảm mình, mình ứng với người, có qua có lại, có lại có qua.**

**Bằng là chỉ số, gồm 5 hào còn lại, thủ tượng bằng các bộ phận của người ; tòng là thuận, tư là suy ngẫm nghĩ từ cái tâm, cái bụng hoặc là tâm.**

Hào 4 dương, nên căn cứ vào sự cảm ứng tự nhiên qua - lại, lại - qua của các hào, thuận theo đó mà ngẫm nghĩ đạo lí của việc cảm ứng tự nhiên.

Hệ từ viết về sự qua - lại, lại qua :

**Về đạo lí, đạo lí trong thiên hạ, chỉ có cảm với ứng, cảm bằng tự nhiên thì ứng bằng tự nhiên, cần gì phải dụng tâm ngẫm nghĩ bằng bụng riêng, toan tính bằng mưu mẹo ? (thiên hạ hà tư hà lự ? ) ; đường đi trong thiên hạ khác nhau (nhưng do cảm - ứng) mà đồng quy về một đường (thiên hạ đồng quy nhi thù đồ) ; toan tính sắp đặt tuy có trăm lối, cuối cùng (do cảm ứng) chỉ thu về một lẽ (nhất trí chi bách lự) ; thế thì cần gì mà phải lấy bụng riêng mà ngẫm nghĩ, lấy mưu mẹo để toan tính ? (thiên hạ hà tư hà lự ?).**

**Về vũ trụ, mặt Trời chạy qua, cảm cho mặt Trăng, mặt Trăng ứng với mặt Trời (Nhật vãng tắc Nguyệt lai) ; mặt Trăng chạy qua cảm mặt Trời, mặt Trời ứng lại với mặt Trăng (Nhật vãng tắc nguyệt lai).**

**Nhờ sự qua - lại, lại - qua, xô đẩy nhau hoài mà phát ra ánh sáng (tắc Nhật Nguyệt tương thôi nhi minh sinh yên).**

**Về năm, mùa rét qua cảm được mùa nắng, thời mùa nắng ứng lại (hàn vắng tắc thử lai) ; mùa nắng qua cảm được rét, mùa rét cũng ứng với mùa nắng (thử vắng tắc hàn lai), rét nóng qua – lại, lại – qua, xô đẩy nhau hoài, tự nhiên được thành một năm (hàn thử tương thôi nhi tuế thành yên).**

**Về khoảnh khắc, phút trước là qua, mấy phút sau là lại ; cái qua đi thì co lại, cái lại thì duỗi ra (vãng dĩ khuất giả, lai dĩ thân giả). Co là cảm – duỗi là ứng, mà cảm nhau, sinh ra ích lợi (khuất thân tương cảm nhi sinh lợi sinh yên).**

**Về loài vật, nếu đem cái lí của sự co là cảm – duỗi là ứng, xét các giống vật thì lại càng rõ : Con sâu đo, muốn thẳng thì phải co lại (Xích quặc chi khuất, dĩ cầu thân). Loài rồng, loài rắn chờ ngày bay lượn (duỗi), thì phải co lại, ẩn náu dưới vực, dưới đất để bảo tồn cái thân (Long xà chi trập, dĩ tồn thân dã).**

**Về con người, muốn sau này làm nên sự nghiệp (duỗi), trước tiên phải (co), là lo bồi dưỡng lấy tri thức, nghiên cứu tìm tòi cho thấu lẽ tinh vi, thần diệu và công dụng của tri thức (tinh nghĩa nhập thần, dĩ trí dụng dã) ; khi đã có tri thức, thấu lẽ tinh vi của tri thức và công dụng của tri thức thì lợi, dùng cái lợi đó an định**

**thân mình, làm cho đạo đức của mình ngày cao lên (lợi dụng an thân dĩ sùng đức dã) ; khi đã dùng được tri thức, đã có đạo đức cao, thì tiến lên mãi (quá thử dĩ vãng), sự tiến lên rất mực thần diệu, người mắt thường không thể thấy được, đo lường được (vị chi hoặc vị tri dã) ; khi đã dùng được tri thức, có đạo đức cao, biết hết lẽ biến hoá rồi, thì đức càng thịnh hơn nữa (cùng thần trí hoá, đức chi thịnh dã).**

Nói chung, hào từ hào 4 dương mở ra đạo lí lớn của quẻ Hàm.

(2) Hào 4 dương do cảm ứng tự nhiên mà được tốt, không bị tạp niệm hối hận quấy nhiễu (trình cát, hối vong) ; không cảm ứng bằng tư tâm nên không mắc vào điều hại (vị cảm hại dã).

**Sự cảm ứng qua lại – lại qua của hào 4 dương (do vị trí) nên cũng chưa lấy gì lớn lao, sáng láng cho lắm so với đạo lí của quẻ Hàm và thời Hàm (đồng đồng vãng lai vị quang đại dã).**

Cửu ngũ, Hàm kì mai, vô hối.

Hào 5 dương, quay lưng mà cảm thiên hạ như cảm bằng thịt lưng, may mắn mới không hối hận.

Tượng viết : Hàm kì mai, chí mật dã.

**Tượng viết : Quay lưng với thiên hạ, bế tắc về tâm linh, sinh hèn mật.**

## **1. Cửu ngũ**

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, ngôi chí tôn, ứng với hào 2 âm.

## **2. Hoàn cảnh**

(1) Trình Huyền giải thích, mai là đám thịt ở lưng ; trái với bụng, thay vì cảm ứng bằng bụng, bằng tim, lại cảm ứng ở đám thịt lưng.

**Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, ngôi chí tôn, ứng với hào 2 âm, đáng lẽ là hào tốt (cát), nhưng hào từ chỉ viết là không hồi hận (vô hối) ?**

Nguyên nhân, việc cảm ứng xuất phát từ tim thì nhanh nhạy, mẫn cảm, nhưng xuất phát từ thịt lưng thì chậm chạp, thiếu nhanh nhạy.

Đã là bậc chí tôn phải nhanh nhạy, mẫn cảm, cảm thiên hạ bằng trái tim, thì thiên hạ mới ứng bằng trái tim, nay cảm thiên hạ bằng thịt lưng, thì thiên hạ quay lưng.

Bậc chí tôn đã quay lưng mà cảm thiên hạ như cảm bằng thịt lưng (hàm kì mai), tự khoá trái tim mình, tự mình cô lập lấy mình, tự mình hành xử không theo đạo lí của cảm ứng, may mắn lắm mới không hối hận (vô hối).

Mạnh Tử nói : Bậc trên cùng, vui với cái vui của dân, thì dân cũng vui cái vui của mình, cùng buồn nỗi buồn của dân, thì dân cũng buồn nỗi buồn của mình.

Chung vui với thiên hạ, chia buồn với thiên hạ, mà không dựng được nghiệp vương, thì việc ấy chưa từng thấy !

Ví dụ :

Mạnh Tử đến gặp Lương Huệ vương.

Lương Huệ vương đứng trên đài, nhìn hồng nhan bay, hươu nai chạy nhảy và hỏi :

- Bậc hiền giả có được vui chơi hay không ?



Mạnh Tử đáp :

- Bậc hiền giả luôn vui sau, vui chung với dân.

- Xin nói rõ

- Dân đủ ăn đủ mặc, được giáo hoá, kẻ khốn cùng có nơi nương tựa, lại được sống yên ổn khỏi phải hi sinh cho những kẻ hiếu chiến, thì dân sẽ vui ; và lúc đó nhà cầm quyền có thể vui chơi mà dân không oán.

**Vua mở nhạc ở đây, bách tính nghe tiếng chuông, tiếng sáo tiếng tiêu của nhà vua mà lộ vẻ vui mừng, bảo nhau : Vua ta chắc mạnh khoẻ nên mới chơi nhạc được.**

**Vua mở cuộc săn bắn ở đây, bách tính nghe tiếng xe tiến ngựa, thấy cờ xí đẹp đẽ mà lộ vẻ vui mừng, bảo nhau : Vua ta chắc mạnh khoẻ, nên mới đi săn.**

Có lẽ gì khác đâu, chỉ do vua vui sau, cùng vui với dân vậy !

**(2) Chí là tâm chí, là chí hướng, mặt chí là hèn mặt. Hào 5 dương, địa vị tuy tôn quý, nhưng quay lưng với thiên hạ (Hàm kì muội) lí tưởng không cao, chí khí sa sút, tiêu trầm, bế tắc về tâm linh, sinh hèn mặt (chí mặt dã) ; không làm nên được sự nghiệp vương bá.**

### 3. Quyền biến

Người có địa vị cao, tôn quý, muốn cảm thiên hạ, thiên hạ ứng theo thì phải cảm bằng cái tâm, phải có lí tưởng cao, chí khí cao.

Thượng lục, Hàm kì phụ giáp thiết.

Hào trên cùng âm, cảm ứng bằng miệng lưỡi (mồm, mép, má, lưỡi).

Tượng viết : Hàm kì phụ giáp thiết, đăng khẩu thuyết dã.

Tượng viết : Cảm ứng bằng miệng lưỡi, nói một đăng làm một nẻo.

### 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, ở trên cùng quẻ Đoài và quẻ Hàm.

## 2. Hoàn cảnh

**(1) Phụ là mép, giáp là má, thiệt là lưỡi ; là những khí quan sinh lí ; nói chung chỉ miệng lưỡi, đầu môi chót lưỡi.**

**Dương Hùng, đời Hán, cho rằng : Ngôn ngữ là âm thanh của tâm ; ngôn ngữ có thể biểu đạt sự cảm ứng của tâm.**

Nhưng cái tâm đã không thành, hoặc cảm bằng tư tâm và lời nói không đồng nhất với nhau, gọi là xảo ngôn, là lời nói khéo hoặc khéo nói, là miệng lưỡi.

Hào trên cùng âm, đã âm nhu, ở vào quẻ Đoài hoà duyệt, muốn cảm hoá người nhưng lòng không thành, chỉ dùng lời nói khéo, khéo nói, miệng lưỡi để thuyết phục. Hào từ không nói đến tốt (cát), xấu (hung) nhưng rõ ràng là xấu (hung).

**(2) Sách Chu Dịch tập chú giải thích : Vì quẻ Hàm, cảm, đã ở cực điểm nên đi ngược lại, chỉ ứng ở đầu môi chót lưỡi.**

**Kinh Thi chú thích, đăng là lời nói của kẻ vô sỉ, đăng có thể đọc là xà xà (xà : con rắn, miệng rắn ; xà xà tựa tiếng loài rắn), là nói thánh nói tướng (thạch ngôn), khéo như lưỡi có lò xo, mặt tỏ ra hiền hậu (xảo ngôn lệnh sắc). Bọn vô sỉ, nói việc nhỏ thì hại một người, nói việc lớn thì hại quốc gia.**

Mạnh Tử cho rằng : Phải giữ cái tâm, đừng để nó thất lạc, để nó thất lạc thì thật là đáng thương. Con gà, con chó mà chạy lạc, ai cũng chạy đi kiếm, đi tìm. Vậy mà kẻ để cái tâm, lương tâm, thất lạc, mà không biết cách tìm.

Khổng Tử cho rằng : Ngày xưa, nghe lời người ta nói, thì tin vào hành động của họ ; ngày nay, nghe lời người ta nói, phải quan sát hành động của họ. Tức là lời nói, không đi đôi với việc làm.

**Hào trên cùng âm nhu, tượng trưng loại người đánh mất cái tâm, khía môi múa mép (Hàm kì phụ, giáp thiết), vô sỉ, nói một đằng làm một nẻo (đăng khẩu thuyết dã).**

### 3. Quyền biến

Muốn cảm với người, được người ứng, phải chân thành, vô tâm, lời nói phải đi đôi với hành động.

### TIỂU KẾT

Quẻ Hàm nêu 4 loại hình cảm ứng hoặc cảm

1. Hào 1 âm, 2 âm, 3 dương, là hình cảm : ngón chân cái, bấp chân, bấp vế, là tiếp xúc nhục thể, sinh lí.

2. Hào 4 dương, là tâm cảm, sự cảm - ứng, qua – lại, lại – qua của tâm linh ; có thể cảm ứng được đạo lí của sự cảm ứng.

3. Hào 5 dương, bế tắc trong tâm cảm, tâm linh, lại quay về hình cảm (thịt lưng), cảm nhục thể sinh lí, quay lưng lại với thiên hạ.

4. Hào trên cùng âm, là cảm bằng lời nói ngôn ngữ, ngôn ngữ phải xuất từ cái tâm vô ngã, gắn liền với hành động.

Trong các mối quan hệ xã hội (nam - nữ, bạn - bè, trên - dưới, nhà cầm quyền – dân chúng) đều thuộc vào các loại hình cảm ứng, cảm, vừa nêu trên.

## 32. LÔI PHONG HẰNG

TÊN QUÊ

**Sách Thuyết văn định nghĩa : HẰNG là thường (HẰNG, thường giả) ; hẰNG đồng nghĩa với thường, biểu thị sự lâu dài, bất biến, theo Kinh Dịch là không thay đổi (bất dịch).**

Chữ khải viết chữ hẰNG , gồm bộ tâm , chữ nhĩ , chữ châu - thuyền, hàm ý một nam một nữ cùng nhau lèo lái con thuyền, vượt qua mọi gian nan nguy hiểm, trường cửu, lâu dài như đạo của trời đất.

Có thuyết nói : Cổ văn viết chữ hằng đi theo chữ nguyệt ( : trăng), có câu thơ thường hằng như trăng (như nguyệt chi hằng), nguyên chúng ta thấy trăng khi tròn khi khuyết, là không thường hằng ; vì vậy, thêm hai nét ngang, chỉ mặt Trăng vận hành trong trời đất, vốn là không khuyết, là thường hằng.

Xét chung, hằng có hai ý nghĩa, thuộc hai trạng thái :

Trạng thái động (dịch) là trời đất, vạn vật luôn biến hoá.

Trạng thái tĩnh (bất dịch) là sự biến hoá của trời đất, vạn vật đều theo quy luật vĩnh hằng.

HÌNH QUẺ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Tốn - phong, trên Chấn - lôi, gọi là Lôi Phong Hăng.

Quẻ Hăng ngược với quẻ Hàm : Quẻ Hàm dưới là Cấn - thiếu nam, trên là Đoài - thiếu nữ cảm nhau, đã cảm nhau thì thành vợ chồng.

Dưới là Tốn - trưởng nữ (ở trong), trên Chấn - trưởng nam (ở ngoài) ; tức là hai người trưởng thành, thành vợ thành chồng, vợ lo việc trong nhà, chồng lo việc ở ngoài xã hội, hợp với đạo vợ chồng lâu dài, nên gọi là Hăng.

Chồng hoặc vợ không giữ đạo hăng, gia đình sẽ sinh bi kịch.

Ví dụ :

Tấn Hiến Công, thời Xuân thu, chinh phạt Li Nhung, Li Nhung dâng nàng Li Cơ.

Năm thứ 19, đời Hiến Công nhà Tấn, Hiến Công nói riêng với Li Cơ :

- Ta muốn phế thái tử Thân Sinh mà lập Hề Tề lên thay.

Li Cơ khóc nói :



- Thân Sinh đã được lập làm thái tử, việc đó các nước chư hầu đều biết. Vả lại Thái tử Thân Sinh đã nhiều lần cầm quân, trăm họ đều có lòng quy phục. Lẽ nào vì tiện thiếp mà làm việc phế lập bỏ ngành con cả, dùng con ngành thứ ? Nếu quân thượng nhất định làm như vậy, thì tiện thiếp sẽ tự tử !

Ngoài mặt, Li Cơ làm ra bộ quý mến thái tử Thân Sinh, nhưng bên trong vẫn ngầm ngầm nói xấu thái tử, cốt sao cho con mình là Hề Tề, được thay thế thái tử.

Năm thứ 21, Li Cơ bảo Thân Sinh :

- Mấy đêm vua cha nằm mơ thấy bà Tề Khương về, thái tử mau mau đến Khúc Ốc làm lễ tạ đi. Nhớ mang phần thịt về dâng cho vua cha đấy !

Thân Sinh bèn đến Khúc Ốc tế mẹ – bà Tề Khương – rồi đem phần thịt về dâng cha. Lúc đó, Hiến Công đi săn vắng, Thân Sinh để thịt biếu ở trong cung. Li Cơ sai người bỏ thuốc độc vào.

Hai hôm sau, Hiến Công về, tế quan đem phần thịt dâng, Hiến công định ăn thịt thì Li Cơ ngăn lại nói :

- Thịt từ nơi xa lại, xin cho thử xem sao đã !

Hiến công nghe lời, thử đem phần thịt tế địa thần, thịt đổ xuống đất, thì mặt đất giộp lên, vứt cho chó ăn, chó lăn ra chết, viên quan cũng chết luôn. Li Cơ khóc nói :

- Sao mà thái tử ác tâm đến thế ! Cha đẻ ra mình mà còn định giết đi để cướp ngôi, huống hồ là người khác. Cha già rồi, có sống cũng chẳng được bao lâu nữa, há không rán đợi được ư, mà toan làm chuyện hí đoạt ?

Rồi nói với Hiến Công :

- Thái tử hành động như vậy, là chẳng qua vì tiện thiếp và Hề Tề đó thôi. Mẹ con tiện thiếp xin được tránh đi nước khác hay là sớm tự sát, còn hơn là để cho thái tử làm thịt. Độ nào, quân thượng định phế thái tử, chính tiện thiếp còn trộm lấy không bằng lòng, bây giờ tiện thiếp mới nhận ra rằng là mình đã lầm.

Chuyện đến tai thái tử Thân Sinh, thái tử chạy trốn đến Tân Thành. Hiến Công nổi giận giết quan thái phó dạy Thân Sinh là Đỗ Nguyên Khoản.

Có người mách Thân Sinh rằng :

- Thuốc độc kia chính Li Cơ đã đánh, sao thái tử không đích thân trình bày cho vua cha thấy rõ sự thật ?

Thân Sinh nói :

- Cha tôi già rồi ! Không có Li Cơ thì ngủ không ngon giấc, ăn chẳng ngon miệng. Dù tôi có biện bạch, thì người vẫn cứ giận tôi. Thôi, không nên.

Lại có người xui Thân Sinh :

- Thái tử nên chạy ra nước ngoài.

Thái tử nói :

- Mang cái xấu bất hiếu, mưu giết cha để cướp ngôi, là chạy ra nước ngoài thì còn ai chịu dung nạp mình ?

Tháng mười hai, ngày mậu thân, Thân Sinh tự sát ở Tân Thành.

Thân Sinh chết, Trùng Nhĩ bị đuổi. Không bao lâu, nước Tấn đại loạn.

SOÁN TỪ

Hằng, hanh, vô cữu, lợi trinh. Lợi hữu du vãng.

Xét trạng thái tĩnh, làm việc gì theo đạo thường hằng bất biến thì hanh thông (hanh) không tội lỗi (vô cữu), giữ được trinh chính (lợi trinh).

**Xét trạng thái động, giữ được sự trinh chính của đạo thường**

**hằng, thì tiến hành việc gì cũng có lợi (lợi hữu du vãng).**

Ngược lại, không giữ được sự trinh chính của đạo thường hằng (trạng thái tĩnh), thì chưa chắc đã được hanh thông, gặp tội lỗi ; làm việc gì chưa chắc đã có lợi (trạng thái động).

## SOÁN TRUYỆN

!

Hằng, cửu dã. Cường thượng nhi nhu hạ, lôi phong tương dữ, tổn nhi động. Cường nhu giai ứng, Hằng. Hằng, hanh, vô cửu, lợi trinh, cửu ư kì đạo dã. Thiên Địa chi đạo, hằng cửu nhi bất dĩ dã. Lợi hữu du vãng, chung tắc hữu thi dã. Nhật Nguyệt đắc thiên, nhi năng cửu chiếu, tứ thời biến hoá, nhi năng cửu thành, thánh nhân cửu ư kì đạo nhi thiên hạ hoá thành. Quan kì sở Hằng nhi Thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ.

**Sở dĩ, gọi Hằng là lâu dài, trường cửu (hằng cửu dã) là vì :**

**Xét về quẻ, nếu đưa hào 1 âm lên trên, đưa hào 4 dương xuống dưới, sẽ thấy dưới là quẻ Càn , trên là quẻ Khôn ; nói cách khác, hai quẻ Càn – Khôn trao đổi cho nhau hào 1 dương (cường), hào 4 âm (nhu) mà thành quẻ Hằng (cường thượng nhi nhu hạ).**

**Trên là quẻ Chấn - sấm, dưới là quẻ Tốn -gió ; sấm đem thể cho gió, gió đem lực cho sấm (lôi phong tương dữ).**

Chấn - sấm có tính động, Tốn - gió có tính thuận, gió thuận theo Chấn mà động (tốn nhi động).

**Theo hình quẻ, có 3 hào dương - cương, ba hào âm - nhu, thay đều tương ứng với nhau (cương nhu tương ứng), hoà hợp với nhau.**

Với những hiện tượng vừa nêu, mọi việc, mọi sự đều có đạo lí mà thường hằng, lâu dài, nên gọi là quẻ Hằng (Hằng).

**Xét về nhân sự, sở dĩ (quái từ viết) Hằng là hanh thông, không tội lỗi (vô cửu) làm gì cũng lợi (lợi) là vì giữ được lâu dài sự trinh chính, lễ thường hằng (Hằng, hanh, vô cửu, lợi trinh, cửu ư kì đạo dã).**

**Xét về đạo Trời, ngay như đạo Trời Đất (Thiên Địa chi đạo), vì có đạo chính mới hằng cửu, mới hay được sự hằng cửu (Thiên Địa chi đạo, hằng cửu nhi bất dĩ dã).**

**Làm việc gì cũng lợi (lợi hữu du vãng), việc gì kết thúc thì cũng có sự bắt đầu (chung tắc hữu thi dã), đã có bắt đầu thì có chung cuộc, có chung cuộc lại có bắt đầu, đó là đạo thường hằng.**

**Mặt Trời mặt Trăng, cứ thuận (theo lẽ hằng) của Trời, soi rọi không bao giờ cùng (Nhật Nguyệt đặc thiên, nhi năng cửu chiếu) ; bốn mùa biến hoá, thành hàng năm, mãi mãi như thế (tứ thời biến hoá, nhi năng cửu thành).**

**Xét về đạo đức, thánh nhân theo đạo hằng của Trời – mặt Trời, mặt Trăng soi rọi ; theo đạo hằng của bốn mùa, mà giữ đạo đức trình chính, thường hằng thì thiên hạ sẽ nghe theo sự giáo hoá của mình, mà thiên hạ cũng hình thành được đạo trình chính, thường hằng (Thánh nhân cửu ư kì đạo, nhi thiên hạ hoá thành).**

Quan sát đạo Trời, mặt Trời, mặt Trăng chiếu rọi, bốn mùa luân chuyển, thấy thánh nhân giữ được đạo trình chính, thường hằng (Quan kì sở hằng) ; ta mới rõ được từ Trời Đất (Thiên Địa), thánh nhân, đến vạn vật đều có đạo hằng và thể hiện cái tình ý của đạo hằng (Quan kì sở hằng, nhi Thiên Địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ).

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Lôi phong, Hằng ; quân tử dĩ lập bất dịch phương.

Theo tượng quẻ Hằng, Chấn là sấm, Tốn là gió ; sấm gió đồng thời phát động,

tức là sự biến hoá, biến dịch.

**Sách Thành trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí giải thích : Trong sự thay đổi, biến hoá trước sau, biến dịch, là đạo thường hằng, lâu dài vô cùng.**

**Nhưng người quân tử đứng mà không xô dịch, bất dịch, hằng có nghĩa là tiết, khí tiết không thay đổi (Quân tử dĩ lập bất dịch phương).**

Trời đất tuy có lúc biến động, khi Trời quang mây tạnh, lúc gió sấm ùng ùng, nhưng đạo Trời (vận hành) vạn cổ vẫn y nhiên.

Cuộc đời, bãi bể biến cồn dâu, tình người nóng lạnh bất thường, nhưng khí tiết của người quân tử không bao giờ thay đổi.

## HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, tuần Hằng, trinh hung, vô du lợi.

Hào 1 âm, sơ giao đòi hỏi sâu, vì thời gian ngắn mà lại như lâu dài, gặp nguy

hiểm ; không thể nói đến thuận lợi hoặc lợi.

Tượng viết : Tuất Hằng chi hung, thi cầu thâm dã.

Tượng viết : Tai hoạ do tuấn hằng mà xảy ra, vì buổi đầu sơ giao mà cầu vọng quá nhiều, quá sâu.

## 1. Sơ lục

Hào 1 âm, ở vị trí dương - cương, bất chính, ứng với hào 4 dương.

## 2. Hoàn cảnh

**(1) Hào 1 âm ứng với hào 4 dương, âm dương tương tế, là đúng theo lẽ thường hằng, là tốt ; nhưng hào từ lại cho rằng xấu (hung) ?**

Nguyên hào 1 âm, bất chính, địa vị thấp, lại bị hào 2 dương, 3 dương ngăn cách, lại muốn ứng với hào 4 dương - cương, địa vị cao, chỉ hay trông lên, ít ngó xuống dưới.



**Tuấn là sâu, tuần Hằng là muốn thân mật quá sâu ; thông thường trong giao tiếp từ sơ đến thân, từ nông (thiển) đến sâu (thâm).**

Hoặc giao tình còn đương cạn, mà thỉnh cầu thì quá sâu, chỉ rước nhục vào thân.

Hào 1 âm vừa không nhìn lại mình, không biết nhìn người mà cầu thân. Lại thêm, giao tình đương cạn, mà đòi hỏi quá sâu nặng, đem tình thâm giao tiếp với người, nhưng nhận lại tình của người rất cạn.

Vì sơ giao đòi hỏi sâu, vì thời gian ngắn mà lại như lâu dài (trình), nên gặp nguy hiểm (hung).

**Đã gặp nguy hiểm, thì không thể nói đến thuận lợi hoặc lợi (vô du lợi).**

Ví dụ :

**Theo Hán thư, Giả Nghị truyện kể, thời Hán Văn đế, cục diện nhà Hán mới định, lão thần Giả Nghị nắm quyền, nôn nóng muốn cải cách triều chính, muốn đuổi các công thần, trong đó có Giáng Quách, bèn viết Trị an sách dâng lên Hán Văn đế.**

Trị an sách chưa được áp dụng, thì hoàng thân, quốc thích, phản đối kịch liệt Hán Văn đế và Giả Nghị, tình thế chính trị lại trở nên rất xấu. Giả Nghị không cải cách được, uất ức mà chết.

Cũng theo sách Hán thư, Kinh Phòng truyện kể : Thời Hán Nguyên đế, loạn quan chuyên quyền, làm loạn triều chính đứng đầu là Thạch Hiễn.

Kinh Phòng thấy vậy, bói Dịch, mượn việc luận về âm dương, khuyên nhà vua nên trừ Thạch Hiễn.

Chuyện đến tai Thạch Hiễn. Thạch Hiễn và phe đảng âm mưu bắt Kinh Phòng nhốt vào ngục, hành hạ cho đến chết.

**Giả Nghị, Kinh Phòng đều không xem xét thời cơ, phạm vào tuần hắc, nên trên không giúp được vua, dưới không cứu được mình.**

**(2) Tai họa do tuần hắc mà xảy ra (tuần hắc chi hung), vì buổi đầu sơ giao mà cầu vọng quá nhiều, quá sâu (thĩ cầu thâm dã).**

### 3. Quyền biến

Thời Hắc, nên biết mình, biết người, biết thời thế mới kết giao, lúc mới sơ giao không nên đòi hỏi, cầu mong quá nhiều, mới không gặp nguy hiểm.

Cửu nhị, hồi vong.

**Hào 2 dương, theo đạo trung kết giao, không hồi hận.**

Tượng viết : Cửu nhị hồi vong, năng cửu trung dã.

Tượng viết : Hào 2 dương không hồi hận, vì giữ được lâu dài đạo trung.

### 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, thất chính, nhưng đắc trung, ứng với hào 5 âm.

### 2. Hoàn cảnh

**Vong đồng nghĩa với chữ vô, hồi vong có nghĩa là không hồi hận ; hào 2 dương, ở vị âm, là thất chính, đáng lẽ là hồi hận.**

### 3. Quyền biến

(1) Nhưng hào 2 dương lại đặc trưng, xử theo đạo trung dung, ứng với hào 5 âm cũng đặc trưng, xử theo đạo trung dung, nên không hối hận.

(2) Hằng vốn là thường hằng, lâu dài, chỉ có trung mới giữ được thường hằng và lâu dài.

Vì thế, hào 2 không hối hận (cửu nhị hối vong), vì giữ được lâu dài đạo trung dung (năng cửu trung dã).

Cửu tam, bất Hằng kì đức, hoặc thừa chi tu, trinh lận.

Hào 3 dương, không giữ được đức của đạo hằng, rước lấy sự xấu hổ, dù chính cũng đáng tiếc.

Tượng viết : Bất Hằng kì đức, vô sở dung dã.

Tượng viết : Không giữ đức của đạo hằng, không có chỗ dung thân.

1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, là đắc chính, nhưng bất trung, ở trên quẻ Tốn, dưới quẻ Chấn, ứng với hào trên cùng âm.

## 2. Hoàn cảnh

**(1) Hào 3 dương, đắc chính, ứng với hào trên âm, vừa đắc chính, vừa âm dương tương ứng vốn là hào tốt (cát), nhưng hào từ lại cho rằng không có chỗ dung thân (vô sở dung dã), tức là hào xấu ? Nguyên nhân :**

Hào 3 dương cương ứng với hào trên cùng âm, bỏ bản tính dương cương chạy theo âm nhu.

Hào 3 dương lại ở trên cùng quẻ Tốn, gần quẻ Chấn có tính động, nên động theo.

Hơn nữa, đắc chính nhưng thất trung, không giữ được gốc của đạo Hằng là đạo trung dung.

Nói chung, hào 3 không giữ được đức của đạo Hằng (Hằng kì đức), tự rước lấy sự khinh bỉ, sự xấu hổ vào thân (hoặc thừa chi tu).

**Tư cách thấp kém như hào 3 dương, không giữ được đạo Hằng, dầu hành xử có chính đáng (trinh) thì cũng đáng xấu hổ (lận).**

**(2) Không giữ được đạo Hằng (bất Hằng kì đức), mưu cầu tư lợi, danh vọng, nên đổi trắng thay đen, tráo trở như hào 3 dương, thì chẳng có đất dung thân (vô sở dung dã).**

Ví dụ :

Như đã dẫn, Lữ Bố tôn Đinh Nguyên làm cha, để được chức kị đô úy. Khi Đồng Trác làm loạn, Lữ Bố chặt đầu Đinh Nguyên để dâng cho Đồng Trác, gọi Đồng Trác là cha, đứng đầu các tướng. Lúc Vương Doãn lập mưu trừ Đồng Trác, Lữ Bố lại giết Đồng Trác, được phong là Ôn hầu.

Lí Ứng và Lữ Bố khởi binh ; lúc thất bại, Bố khi theo Viên Thuật, lúc theo Lưu Bị.

**Lúc Lữ Bố bị Tào Tháo bắt được, do dự chưa giết, hỏi Lưu Bị. Bị nói : Thế công minh không nhớ chuyện Đinh Nguyên và Đồng Trác sao ? Tháo nghe xong, lập tức cho treo cổ Lữ Bố.**

### 3. Quyền biến

Trong giao thiệp phải biết vị trí, năng lực của mình, phải giữ lấy đạo Hằng (trung – trình) mới giữ được tư cách và có chỗ dung thân.

Cửu tứ, điền vô cầm.

Hào 4 dương, đi săn mà không được cầm thú.

Tượng viết : Cửu phi kì vị, an đắc cầm dã?

Tượng viết : Không thích hợp với vị trí lâu dài, còn đi săn thì không bắt được thú.

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, bất trung, ứng với hào 1 âm, gần hào 5 âm (quân chủ).

## 2. Hoàn cảnh

**(1) Sách Chính nghĩa, Khổng Dĩnh Đạt giải thích, điền là nơi săn bắn, đã săn bắn mà không bắt được cầm thú (điền vô cầm) tức là**

**không làm nên được công trạng gì ; hào từ không nói đến tốt (cát), xấu (hung) nhưng rõ ràng là xấu (hung).**

Hào 4 dương, tượng trưng bậc trọng thần, thân cận với quân chủ, ứng với hào 1 dương. Hào 4 dương cương, vừa bất trung, bất chính, trái với đạo thường Hằng, phản phúc vô thường như hào 3 dương, nên không công, vô ích, là xấu.

**(2) Hào 4 dương cương ở vị trí âm nhu, là không hợp với vị trí lâu dài của mình (cửu bất phi kì vị).**

**Đã thế, hành động lại bất trung, thiếu suy xét, làm sao mà thành công ? Như đi săn mà không biết nơi nào có thú, không bắt được cầm thú (an đắc cầm dã).**

Ví dụ :

Tô Tần, thời Chiến Quốc, trước tiên tiến về phía tây, vào nước Tần, thuyết vua Tần theo thuật liên hoành, để đánh 6 nước (Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy). Vua Tần không dùng.

Tô Tần về nhà tiều Tụy xơ xác, không có cơm mà ăn. Tô Tần đóng cửa đem sách ra học.

Học xong, lại đi về phía đông, thuyết 6 nước, theo thuật hợp tung, để chống Tần. Vua sáu nước nghe theo.



Tô Tần lại gài bạn thân của mình là Trương Nghi bên cạnh vua Tần, thực hành thuật liên hoành. Nhờ thuật hợp tung, liên hoành, Tô Tần buôn chính trị và chiến tranh rất phát đạt, nổi danh khắp chư hầu, du thuyết thành công, Tô Tần cho xe chở vàng bạc lụa là một hàng dài.

Kết cục, Tô Tần bị hành thích, dặn vua Tề chặt đầu mình treo giữ chợ để tìm hung thủ. Có thuyết cho rằng, Tô Tần làm phản gián cho nước Yên, bị vua Tề dùng xe xé xác !

### 3. Quyền biến

Lúc không thích hợp với vị trí lâu dài, càng nên giữ đạo lí thường Hằng, đạo trung – chính, mới sống còn.

**Lục ngũ, Hằng kì đức, trinh. Phụ nhân cát, phu tử hung.**

Hào 5 âm, giữ được đức thường hằng, bền mà chính. Phụ nữ thì tốt, đàn ông thì xấu.

Tượng viết : Phụ nhân trinh cát, tòng nhất nhi chung dã ; phu tử chế nghĩa, tòng phụ hung dã.

Tượng viết : Phụ nữ theo chồng giữ trinh chính là tốt, theo cho đến cùng ; đàn ông phải chế ra nghĩa, tuân theo nghĩa mà làm, đừng như phụ nữ lẻo đẻo theo chồng thì xấu.

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm (quân vị), ở vị trí dương, thất chính, nhưng đặc trưng ứng với hào 2 dương.

## 2. Hoàn cảnh

(1) Hào từ cho rằng, đối với phụ nữ là tốt (phụ nhân cát), đối với nam là xấu (phu tử hung) ?

Quan niệm của người xưa, nam cao (tôn) nữ thấp (tì), phụ nữ phải theo chồng, âm phải theo dương.

**Hào 5 âm, tuy ở quân vị nhưng giữ được đức của đạo Hằng : nhu thuận (mĩ đức), khiêm cung, ứng với hào 2 dương, âm thuận theo dương, vợ theo chồng, phu xướng phụ tùy, một cách trinh chính, tốt (Hằng kì đức, trinh ; phụ nhân cát).**

**Hào 2 dương cương, tượng người chồng, bất tài, vô lực nhắm mắt chạy theo người vợ có quyền lực (dương chạy theo âm) là xấu (phu tử hung).**

Hoặc, hào 5 âm là quân chủ, tuy là nam giới, nhưng tính tình lại nhu nhược (như phụ nữ), nhất nhất nghe theo kẻ dưới ; hoặc không chế ngự được kẻ dưới cương cường, thì gặp tai hoạ.

Ví dụ :

Lỗ Ai công, thời Xuân Thu, tính tình nhu nhược, trong lúc thế lực của quan đại phu nước Lỗ rất mạnh, không thể kiềm chế nổi. Cuối cùng, Lỗ Ai công bị đuổi, chết ở đất khách quê người.

**(2) Đạo của người phụ nữ, theo chồng giữ trinh chính cho đến cùng thì tốt (phụ nhân trinh cát, tòng nhất nhi chung dã) ; nếu là đàn ông, phải tự mình chế ra điều nghĩa, tuân theo điều nghĩa (phu tử tự chế nghĩa), cái gì hợp với nghĩa thì theo, không hợp với nghĩa thì bỏ, không cứ phải bo bo như người phụ nữ (theo chồng) sẽ gặp tai hoạ (tòng phụ hung dã).**

Khổng Tử cho rằng : Người quân tử theo nghĩa, theo thời mà hành động, không nhất định theo hoài một việc, cũng không nhất định cho việc ấy là trái mà cứ chống đối.

Mạnh Tử thì cho rằng : Đại nhân là người chẳng phải nói buộc (người khác) phải

tin, chẳng phải làm việc gì thì quả quyết làm bằng được, mà phải theo nghĩa mà cân nhắc, hợp với nghĩa thì nói, hợp với nghĩa thì làm.

### 3. Quyền biến

Đạo Hằng là theo chồng, trinh chính cho đến cùng thì tốt. Đạo hằng của nam phải chế ra nghĩa, tuân theo nghĩa, theo thời, mà hành động, mới tốt.

Thượng lục, chấn Hằng, hung.

Hào trên cùng âm, nhiều sự, xấu.

Tượng viết : Chấn Hằng tại thượng, đại vô công dã.

Tượng viết : Ở trên thiên hạ mà nhiều sự, chẳng làm công cán.

### 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, ở trên hào 5 âm, quân chủ, trên quẻ Chấn, trên cùng quẻ Hằng.

## 2. Hoàn cảnh

(1) Hào trên cùng âm, ở trên quẻ Chấn, chấn có tính động, nên gọi là chấn Hằng (chấn là nóng vội, lắc cắc, cửa quật, nhiều sự, không chịu ở yên).

Hào trên cùng âm ở gần vị trí âm : tĩnh, trên quân chủ, ở cuối thời Hằng, cực tắc phản, đầy biến động, lại không chịu ở yên, nhiều sự, nên gặp tai hoạ (hung).

(2) Hào trên cùng âm, ở trên quẻ Hằng, là ở trên người, trên thiên hạ (Chấn hằng tại thượng), nhưng lại nhiều sự, làm càn, không những chẳng làm nên trò trống gì (đại vô công), đem tai hoạ đến cho thiên hạ.

Thiên hạ vốn đang vô sự, kẻ tầm thường làm cho thiên hạ thêm nhiều sự, không chỉ bản thân kẻ tầm thường gặp tai hoạ mà kẻ tầm thường còn gieo hoạ cho thiên hạ.

Ví dụ :

Hoàn Ôn, thời Đông Tấn, quyền nghiêng triều đình, uy lớt cả quân chủ. Hoàn Ôn nghĩ nên làm việc gì đó để lưu danh hậu thế.

Nghĩ là làm, Hoàn Ôn liền mời các quan đến thương nghị, rồi quyết định đem

quân chinh phạt phương Bắc.

Năm 369, Hoàn Ôn đem quân Bắc phạt, ban đầu thắng mấy trận, giương giương tự đắc. Sau đó, thất bại liên miên, bị tám vạn quân thiết kỵ truy kích, quân Tấn chết 3 vạn.

Nước Tấn đang yên ổn, trở nên chấn động và suy vong.

### 3. Quyền biến

Thời thế đang chuyển biến, càng không nên nhiều sự.

## TIỂU KẾT

1. Khổng Tử nói rằng : Người phương Nam có câu, người không giữ được đạo thường Hằng, thì cũng không thể làm được nghề (thông thường) như thầy cúng, thầy thuốc. Lời nói này phải lắm !

Kinh Dịch có câu, chẳng giữ đức thường Hằng, tự rước lấy xấu hổ.

Vì người ta không chiêm nghiệm quẻ Hằng, nên không giữ được đức thường hằng – hằng tâm, không thể làm được nghề bình thường như thầy thuốc thầy cúng, huống chi làm việc lớn lao !

2. Mạnh Tử nói với Lương Huệ vương : Người cai trị nhân dân mà không có hăng tâm, chẳng có hăng sản, thì hỏi dân không khổ đến sao được, đất nước sao hưng vượng được ?

3. Đối với con người, quan trọng nhất là hăng tâm ; không có hăng sản nhưng có hăng tâm thì sự nghiệp thành tựu ; có hăng sản mà không có hăng tâm thì dễ rơi vào con đường tà ác và xa xỉ.

### 33. THIÊN SƠN ĐỘN

#### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn giải thích : Độn là trốn chạy (Độn, đào giả) ; cổ văn thường viết là chạy trốn (độn đào). Độn có những nghĩa chính là trốn (đào tẩu), tránh, ẩn, thoái lui.

Đã có tiến thì phải có thoái, tiến là thuộc dương cương, thoái thuộc âm nhu, trong hành xử có cương có nhu, có lúc tiến, thì phải có lúc thoái.

**\*Ghi chú :Lời hào từ của hào 3 dương, quẻ Hằng.**

#### HÌNH QUẺ





Dưới Cấn - sơn, trên Càn - thiên, gọi là Thiên Sơn Độn.

Dưới là Cấn - núi, là quẻ trong, là gần ; trên là Càn - Trời, là ngoài, là xa. Núi thì gần, Trời thì xa, núi ở trong, Trời ở ngoài, gọi là Độn.

## SOÁN TỪ

Độn, hanh, tiểu lợi trinh.

Theo hình quẻ Độn, hai hào âm ở dưới (hào 1 âm, hào 2 âm) đang lớn dần lên, bốn hào dương ở trên lùi dần, thoái ẩn ; âm trưởng – dương tiêu.

Xét về tiết khí, thì dương khí từ thoái ẩn, âm khí từ từ dâng lên, khí tiết bốn mùa biến hoá, theo quy luật, làm cho vạn vật sinh – trưởng – thu - tàng, nên hanh thông (Độn hanh).

Đại chỉ hào dương, tiểu chỉ hào âm ; trinh là trinh chính, là chính đạo, là quy luật biến hoá của bốn mùa. Quẻ Độn có lợi cho các hào âm (tiểu lợi), có lợi cho âm khí, là quy luật có lợi cho vạn vật (lợi trinh).

Xét về sự vật, sự việc, có giai đoạn phát triển, có giai đoạn đặc thù. Nếu ở giai

đoạn phát triển, mà tiến lên thì tốt (cát), thối lui là xấu (hung). Ngược lại, trong giai đoạn đặc thù, cứ tiến lên là xấu, thối lui là tốt.

Tuân theo đạo Độn thì hoá xấu thành tốt, hanh thông ; không theo đạo Độn hoá tốt thành xấu, bế tắc.

Ví dụ :

Năm 1887, quân của Tăng Quốc Phiên, gọi là Tương Quân, dưới sự chỉ huy của Lí Độc Tân, thống lĩnh Tương quân gồm bảy vạn người ngựa, phát động chiến dịch Tam Hà, tiến đánh quân Thái Bình Thiên Quốc.

Tướng của Thái Bình Thiên Quốc là Trần Ngọc Thành, với mười vạn quân, nhưng thấy tình thế bất lợi liền im hơi lặng tiếng, thối lui để bảo toàn lực lượng, vừa thối lui nhưng cũng vừa bày binh bố trận.

Tương Quân thế như chẻ tre, đánh chiếm Thái Hồ, Tiềm Sơn, Đồng Thành, Thư Thành, vơ vét hết của cải những nơi đã chiếm được. Do đánh đâu thắng đấy, nên Tương Quân sinh chủ quan khinh địch, cứ tiến hoài.

Mười vạn quân Thái Bình Thiên Quốc, giăng thiên la địa võng, bao vây bảy vạn người ngựa của Tương Quân vào giữa và tiêu diệt.

SOÁN TRUYỆN

Độn hanh, Độn nhi hanh dã. Cương đương vị nhi ứng, dự thời hành dã. Tiểu lợi trình, tằm nhi trường dã. Độn chi thời nghĩa đại hĩ tai !

Lời soán lập lại chữ Độn và chữ hanh (Độn hanh, Độn nhi hanh), tức là nói theo thứ tự trước sau, trước độn thì sau mới hanh thông, độn hanh thông thì kết quả độn mới hanh thông ; độn không hanh thông, thì kết quả độn không hanh thông.

Trước, dương khí thoái ẩn theo quy luật hanh thông, thì sau đó trời đất, vạn vật mới hanh thông.

Hệ từ hạ truyện viết : Đức lớn của trời đất gọi là sinh ; bảo vật mà trời đất trao cho thánh nhân gọi là vị ; thánh nhân đã thừa nhận vị ấy tất phải xứng với vị, thì mới giữ được địa vị, thánh nhân giữ được vị, gọi là nhân (Thiên địa chi đại đức viết sinh ; thánh nhân chi đại bảo viết vị ; hà thủ vị viết nhân).

Chữ vị (đương vị) không chỉ chỉ vị trí (của hào 5 dương), địa vị (quân chủ), mà còn chỉ tố chất, phẩm chất của thánh nhân mà Trời ban cho hào 5 dương.

Về vị trí, địa vị : Hào 5 dương - cương, đắc trung đắc chính, ứng với hào 2 âm, đắc trung đắc chính (cương đương vị nhi ứng).

Về tố chất, phẩm chất : Hào 5 dương, theo tố chất, phẩm chất, theo thời mà hành động, như bốn mùa, lúc tiến thì tiến, lúc thoái thì thoái, lúc giúp đời thì giúp, lúc thoái ẩn thì thoái ẩn (dự thời hành dã).

Ví dụ :

Đào Uyên Minh bỏ chức tước, quan trường (địa vị), để giữ gìn phẩm chất là giữ lấy cái vị mà trời đất đã ban cho.

Tầm là thấm từ từ, dần dần ; các hào âm, theo quá trình, theo quy luật, mà tiến, từ từ lấn các hào dương (tiểu lợi trinh, tầm nhi trưởng), vẫn còn thời gian cho các hào dương thoái ẩn.

Xử vào thời Độn, mặc dù sự việc phát sinh từ từ nhưng phải cướp thời gian, đi trước, để thoái lui hoặc thoái ẩn. Lão Tử nói : Bất vi là đi trước thiên hạ (Bất vi thiên hạ tiên).

Về quy luật tự nhiên, thời (thời) tiết bốn mùa, Độn là một quy luật lớn, có ý nghĩa rất lớn ! (Độn chi thời nghĩa đại hỉ tai !).

Về thời thế, tùy thời mà tiến thoái, tùy thời mà hành động, nghĩa chữ Độn thật là lớn !

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Thiên hạ hữu sơn, Độn ; quân tử dĩ viễn tiểu nhân, bất ác nhi nghiêm.

Núi thì cao có hạn, trời thì rộng vô cùng, đứng dưới núi, thấy trên đỉnh núi là trời, lúc lên đến tận đỉnh núi lại thấy trời mênh mang mù mịt, gọi là Độn (Thiên hạ hữu sơn).

Ác là ghét bỏ, oán, hận ; bất ác là không ghét, không oán, không hận ; nghiêm là nguyên tắc.

Quân tử xem tượng của quẻ Độn mà lánh xa bọn tiểu nhân (Quân tử viễn tiểu nhân) ; dù bị bọn tiểu nhân đè nén, cũng không nên ghét bỏ, oán, hận chúng, lấy đức khoan dung làm nguyên tắc, hoặc lấy nguyên tắc mà đối đãi với chúng (bất ác nhi nghiêm).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, Độn vĩ, lệ, vật dụng hữu du vãng.

**Hào 1 âm, lúc thối lại lui sau người ta, nên gặp nguy, đừng làm gì cả.**

**Tượng viết : Độn vĩ chi lệ, bất vãng hà tai dã.**

Tượng viết : Thối sau người ta như cái đuôi, nguy, không nên làm gì mới không gặp tai họa.

## 1. Sơ lược

Hào 1 âm, ở vị trí dương, bất chính, ở đầu quẻ Cấn, đầu quẻ Độn.

## 2. Hoàn cảnh

Cấn tượng trưng cho con chó, nên hào từ nhắc đến cái đuôi, đi sau, gọi là Độn vĩ.

Sách Tả truyện ghi : Cành lớn thì dễ gãy, đuôi to thì khó vẫy. Truyện Tây du kí kể : Tôn Ngộ Không biến thành cái miếu cổ, lấy đuôi biến thành cột cờ. Nhị Lang Thần tức cười, đánh miếu cổ. Tôn Ngộ Không phải hiện nguyên hình.

Nói theo người Việt Nam là dấu đầu lòi đuôi.

Cấn – sơn, có tính dừng nhưng hào 1 âm không hiểu đạo Độn, không chịu dừng, lúc thối lại lui sau người ta, nên gặp nguy (lệ).

### 3. Quyền biến

Thời Độn, ở vị trí như hào 1 âm, mà thối sau người ta, thì sẽ gặp nguy ; đã thối sau người ta thì nên ẩn náu, không nên làm việc gì (vật dụng hữu du vãng).

Khi lỡ thối sau người ta, đã rơi vào cảnh nguy hiểm, thì xem xét thời thế, không nên tiến lên, không hành động thì không gặp tai hoạ (Độn vĩ chi lệ, bất vãng hà tai dã).

Ví dụ :

Chu Hy, thời Nam Tống, rất giỏi Kinh Dịch, ở nhà dạy học, nhưng chịu ân sủng của triều đình, ra làm quan, liền dâng một bức thư dài một vạn chữ, can gián nhà vua nên trừ gian đảng. Bọn bè, đệ tử can ngăn nhưng Chu Hy không nghe.

Lúc bấy giờ, Hàn Thác Trụ đang nắm đại quyền ở trong triều, âm mưu cùng gian đảng, cách chức Chu Hy, ghép ông ta vào tội yêu (ma), đày đến Đạo Châu. Chu Hy chết ở đất khách quê người.

Chu Hy giỏi Kinh Dịch nhưng lại chết vì không nghe lời khuyên của hào 1 âm, quẻ Độn.

Lục nhị, chấp chi dụng hoàng ngưu chi cách, mạc bất thăng thuyết (thoát).

**Hào 2 âm, gấn bó bền chặt, không cởi ra, thoát ra được.**

Tượng viết : Chấp dụng hoàng ngưu, cố chí dã.

Tượng viết : Giao tình khăng khít, bền chặt, bền chí.

## 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc trung, đắc chính, ứng với hào 5 dương, đắc trung, đắc chính.

## 2. Hoàn cảnh

(1) Hoàng là màu vàng, màu đất, đất tượng trưng cho nhu thuận ; hoàng ngưu chi cách là dùng dây bò vàng để bện lại cho chặt ; mạc chi thăng thuyết (thoát) là không cởi ra được, không thoát ra được.



Hào 2 âm trung chính, ứng với hào 5 dương, trung chính, tượng trưng sự gắn bó giữa thần và quân chủ, nhu thuận, bền chặt, không rời ra, không thoát ra được (chấp chi dụng hoàng ngưu chi cách, mạc chi thăng thuyết).

(2) Trong thời động, thoái ẩn, do mối quan hệ với hào 5 dương, nên hào 2 âm không thoái ẩn được mà vẫn bền chí với hào 5 dương (Chấp dụng hoàng ngưu, cố chí dã).

Ví dụ :

Cơ Tử biết vua Trụ bạo ngược, nhà Ân thế nào cũng bị diệt. Cơ Tử bị Trụ vương ruồng bỏ.

Có người khuyên Cơ Tử nên thoái ẩn. Cơ Tử nói : Tôi không thể thoái ẩn được. Cơ Tử giả điên.

Theo sách Sử kí - Tống Vi tử thế gia viết : Sau khi Chu Vũ vương diệt vua Trụ, cung thất nhà Ân bị phá hoại, trở thành nơi trồng trọt.

Cơ Tử thấy vậy, rất thương cảm, khóc mà không khóc được, liền làm bài ca :

Lúa mạch mọc lên hè

Ruộng kê rầu rầu

Đứa con nít (ám chỉ vua Trụ) xảo quyệt hề

Không tốt với ta hề

Dân nước Ân nghe bài ca, ai nấy rơi lệ.

3. Quyền biến

**Với mối kết giao bền chặt như hào 2 âm với hào 5 dương ; hào 2 âm vì nghĩa mà không thoái ẫn.**

Cửu tam, hệ Độn, hữu tậ lệ. Súc thần thiếp, cát.

**Hào 3 dương, do tham luyến, không kịp cao bay xa chạy, gặp nguy khốn. Nên làm những việc nhỏ, tư tình, như nuôi kẻ hầu, người hạ, vợ con, thì tốt.**

Tượng viết : Hệ Độn chi lệ, hữu tật bị dã. Súc thần thiếp cát, bất khả đại sự dã.

Tượng viết : Do tham luyện, không kịp cao bay xa chạy, gặp nguy khốn. Nên làm những việc nhỏ, tư tình, như nuôi kẻ hầu, người hạ, vợ con, thì tốt nhưng đem tư tình mà làm việc lớn, thì không được tốt.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở trên cùng quẻ Cấn.

## 2. Hoàn cảnh

Hệ là bịn rịn, lưu luyến ; hệ Độn là khi thối lui vẫn còn lưu luyến, bịn rịn ; tật là tật bệnh, tật lệ là nguy khốn bởi tước lộc, thanh sắc.

Hào 3 dương – cương, ở trên quẻ Cấn, có tính dừng, tức là thối lui, thoái ẩn, nhưng lại gần gũi với hào 2 âm, mê luyến hào 2 âm, âm dương tương hoà, nên không thối lui thoái ẩn.

Tượng trưng, quân tử nghe lời tiểu nhân mua chuộc hoặc tham luyến bởi tước lộc, thanh sắc, không cao bay xa chạy, nên gặp nguy khốn (hệ Độn, tật hữu lệ).

Súc là nuôi dưỡng ; thần là gia đồng, gia bộc, kẻ hầu hạ ; thiếp là vợ con.

Không thoái ần kịp nhưng biết làm việc nhỏ nuôi dưỡng, sai khiến được người trong nhà, sai khiến được bọn tiểu nhân thì tốt (súc thần thiếp cát).

### 3. Quyền biến

**Do tham luyện, không kịp cao bay xa chạy, gặp nguy khốn (hệ Độ chi lệ, hữu tật bị dã), lúc này nên làm những việc nhỏ, tư tình, như nuôi kẻ hầu, người hạ, vợ con... là một trong những phương pháp tránh họa, thì tốt nhưng đem tư tình mà làm việc lớn, thì không được tốt (bất khả đại sự dã).**

Ví dụ :

Tạ An, thời Đông Tấn, ẩn cư ở Đông Sơn rất lâu, trong nhà nuôi rất nhiều ca kỹ, ai cũng nghĩ Tạ An mê thanh sắc.

Lúc thời thế thay đổi, Tạ An từ bỏ cuộc sống ẩn dật, thanh sắc, xuống núi chấp chính, đánh trận Phì Thủy thành công và trở thành danh tướng.

Cửu tứ, hiếu Độ, quân tử cát, tiểu nhân phủ.

Hào 4 dương, giỏi thoái ần, quân tử tốt, tiểu nhân không làm được.

Tượng viết : Quân tử hiếu Độn, tiểu nhân phủ dã.

Tượng viết : Quân tử giỏi thoái ẩn, tiểu nhân không làm được.

## 1. Cửu tử

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, ra khỏi quẻ Cấn, ở đầu quẻ Càn, ứng với hào 1 âm.

## 2. Hoàn cảnh

(1) Hiếu có nghĩa như chữ thiện, là giỏi ; hiếu Độn là giỏi Độn, Độn chân thành ; hiếu cũng có nghĩa là háo như hiếu học.

Sách Thành trai dịch truyện, Dương Vạn Lí phân biệt : Độn một cách chân thành gọi là hiếu Độn, ẩn mà giả dối gọi là tố ẩn.

Hào 4 dương, có tính dương cương, lại ở đầu quẻ Càn, thừa hưởng đức tính dương cương của Càn, nên rất sáng suốt, cơ biến, dứt tình với hào 1 âm, nên gọi là quân tử giỏi độn, giỏi thoái ẩn nên tốt (hiếu Độn, cát).

Tiểu nhân vẫn không dứt được tình hiếu sắc, hiếu danh, hiếu lợi nên không thôi được, sẽ sụp vào chốn thanh sắc, lợi lộc.

Tiểu nhân có thoái ẩn cũng chỉ là hành vi giả dối (tố ẩn), trong lòng vẫn tơ tưởng đến danh lợi, chờ cơ hội là xuất đầu lộ diện.

Ví dụ :

Sách Thế thuyết tân ngữ kể : Tôn Xước giỏi văn chương, miệng nói làu làu thuyết Lão – Trang (xuất thế), làm mấy cái miếu ở trong núi để ẩn dật, sáng kính chiều mờ om sòm. Sau đó, xuống núi đến cầu cạnh gian thần Hoàn Ôn để xin chức tước. Người đời chê Tôn Xước là kẻ thô bỉ.

(2) Quân tử thì làm được việc thoái ẩn (quân tử hạo Độn), tiểu nhân không làm được, hoặc có thoái ẩn cũng không thành tâm (tiểu nhân phủ được).

### 3. Quyền biến

Quân tử thoái ẩn là chân thành tốt ; tiểu nhân thoái ẩn một cách giả dối hư ngụy, thì gặp nguy.

Cửu ngũ, gia Độn, trình cát.

Hào 5 dương, giỏi tránh xa tiểu nhân, theo điều chính, tốt.

Tượng viết : Gia Độn trình cát, dĩ chính chí dã.

Tượng viết : Tránh xa cực giới, giữ trình chính tốt, tốt là do ý chí ngay thẳng.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc trung, đắc chính ; ứng với hào 2 âm đắc trung đắc chính, ở giữa quẻ Càn.

## 2. Hoàn cảnh

Hỉ cữu nghĩa rộng và sâu hơn hiếu ; hỉ là cực giỏi (đại thiện), là cực đẹp (đại mỹ).

Vua Nghiêu, Thuấn công thành thân thoái, tên tuổi lưu danh mãi mãi, gọi là hỉ Độn.

Dương Vạn Lí cho rằng, vua Nghiêu, vua Thuấn là Độn ở thiên lịch, Y Doãn, Chu Công Độn ở thiên kinh, Mạnh Tử Độn ở thiên ý, gọi là sáu người Độn, sáu cách Độn, Độn là đến, đến thì chính, chính thì vui, nên gọi là hi Độn.

Hào 5 dương cương, quân chủ, ra khỏi quẻ Cấn có hai hào âm, tránh xa bọn tiểu nhân ; ứng với hào 2 âm, âm dương tương ứng, tiểu nhân không hại được, cực giỏi Độn ở giữa đời, một cách trinh chính, là tốt (gia Độn, trinh cát). Giỏi Độn nhưng không trinh chính chưa chắc đã được tốt.

Sách Thành trai dịch truyện, Dương Vạn Lí giải thích : Hào 5 dương, quân vị thừa hưởng đức trạch của Trời (Càn), Độn tại thế, nên tốt. Trời không quay lưng lại với đời, huống chi là thánh nhân ?

(2) Hào 5 dương cực giỏi tránh xa bọn tiểu nhân một cách trinh chính, nên tốt ; tốt vì chí hướng trước sau một mực ngay thẳng (Gia Độn trinh cát, dĩ chính chí dã).

### 3. Quyền biến

**Trong thời Độn, tiểu nhân thẳng thế, người quân tử phải giỏi tránh xa tiểu nhân, ý chí giữ sự trinh chính, thì tốt.**

Thượng cửu, phì Độn, vô bất lợi.



Hào trên cùng dương, lánh mà tự do tự tại, không có gì là không lợi.

Tượng viết : Phì Độn vô bất lợi, vô sở nghi dã.

Tượng viết : Lánh tự do tự tại, do không nghi ngờ gì nữa.

### 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, bất chính, vô vị, không ứng với hào nào, ở cuối cùng quẻ Độn.

### 2. Hoàn cảnh

Trong thời tiểu nhân lớn mạnh, quân tử suy, nhưng lại không ứng, không ràng buộc với ai, có vị mà xem như vô vị, tự do tự tại.

### 3. Quyền biến

(1) Phì là béo, màu mỡ, tương tự chữ phi ( : một loại côn trùng), đọc tương tự

chữ phi ( : bay) ; phì Độn là cao bay, xa chạy.

Sách Chu dịch tập giải cho rằng, hào trên cùng dương, ở ngoài cùng hết, ngoài vòng cương tỏa, không ứng với bên trong, tâm không tham luyến việc gì, vượt ra khỏi đời (danh lợi), một mình nuôi dưỡng đức hạnh, nên gọi là phì Độn.

Đã cao bay xa chạy một cách tự do tự tại, thì không có gì là không lợi (phì Độn vô bất lợi).

(2) Cao bay xa chạy, không có gì là không lợi (phì Độn vô bất lợi), nguyên nhân là không còn tâm không còn gì để tham luyến, trí không còn nghi ngờ nữa (vô sở nghi dã).

Ví dụ :

Phạm Lãi nhận xét : Việt vương Câu Tiễn môi dài mỏ quạ, là người nhẫn tâm, chỉ sống cùng nhau trong lúc hoạn nạn, không thể sống cùng nhau trong lúc an lạc.

Sau khi nước Việt thắng nước Ngô, Phạm Lãi nói : Chim bay hết thì cung nỏ bị xếp xó, con thỏ xảo quyệt đã hết thì con chó săn bị giết, địch quốc bị diệt thì mưu thần bị lược.

Nghĩ vậy, Phạm Lãi đã bỏ chức tước, gia sản, đi qua Tam Giang, Ngũ Hồ và rồi không ai biết đi đâu.

Văn Chung, bạn của Phạm Lãi, vì nghĩ rằng Câu Tiễn sẽ không phụ bạc mình, còn ham mê chức tước, không nghe lời khuyên của Phạm Lãi ; cuối cùng bị Việt vương ban cho thanh kiếm để tự xử.

## TIỂU KẾT

### 1. Xét toàn quẻ Độn :

Hào 1 âm chạy sau người mà bị nguy.

Hào 3 dương, chạy mà còn lưu luyến (tư tình, thanh sắc, địa vị) nên bị khốn.

Hào 4 dương, tuy có vướng víu tư tình nhưng quyết đoán, chạy xa, nên được tốt.

Hào 5 dương, cương vị quân chủ, giỏi tránh tiểu nhân, là cách Độn tại thế, một cách trình chính, nên tốt.

Hào trên cùng dương, tránh một cách tự do tự tại, nên chẳng có gì mà không lợi.

Riêng hào 2 âm, vì nghĩa lớn đối với quốc gia, vì tình gắn bó vua tôi, nên không chạy, không trốn, không tránh, không Độn.

Người quân tử phải biết Độn, trước hay sau, xa hay gần, nhanh hay chậm, khéo

hay vụng, thoái hay không thoái, đều phụ thuộc vào trí tuệ và quyền biến.

2. Độn (chạy, lánh, tránh, thoái ẩn) có ý nghĩa rất lớn, rất rộng, là minh triết để giữ thân :

(1) Quẻ Càn cho rằng, người quân tử có đức tính của rồng (long đức), đã có long đức thì lúc ẩn thì ẩn, lúc hiện thì hiện, lúc tiến lúc thoái.

Quẻ Đại Quá viết : Người quân tử có tính độc lập, không sợ hãi, có lúc bỏ tục trốn đời, cũng không buồn (Quân tử độc lập bất cụ, độn thế vô muộn).

(2) Sách Ẩn dật truyện viết :

Ẩn dật để lập chí, hoặc thối lui để bảo toàn đạo nghĩa, hoặc tĩnh để trấn tĩnh sự nóng gấp, hoặc bỏ nơi nguy hiểm để được sống bình an, hoặc vất bỏ bụi bặm để tăng thêm tinh thần khoáng khái, hoặc thanh lọc để tâm hồn thêm trong trẻo.

(3) Lời Trang Tử :

Thời xưa, ẩn sĩ không phải là người ẩn mình không cho ai thấy, hoặc ngậm miệng không nói, hoặc giấu trí tuệ không cho nó biểu lộ ra. Họ làm ẩn sĩ là do đời không thuận mà loạn, là không gặp thời.

Vì không gặp thời, nên gặp cảnh khốn cùng, họ ráng giữ bản nguyên, yên tĩnh đợi thời, bảo toàn được thân.

### 34. LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

#### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Tráng là lớn (Tráng, đại giả). Người ba mươi tuổi gọi là tráng (tráng niên).

Sách Hậu Hán thư cho rằng : Thân cao tám thước, khí lực tráng mạnh.

Tráng là tráng kiện, cường tráng, hùng tráng.

#### HÌNH QUẺ



Dưới Càn - thiên, trên Chấn - lôi, gọi là Lôi Thiên Đại Tráng.

Dưới là Càn - thiên, gồm 3 nét dương, trên là Chấn - lôi có 2 nét âm ; hai hào âm đang tiêu, bốn hào dương đang lớn mạnh, gọi là Đại tráng.

Hoặc sấm (Chấn) chấn động, âm thanh vang rền cả vòm Trời, gọi là Đại tráng ; chỉ sự vật đang ở thời kì phát triển mạnh mẽ.

SOÁN TỪ

Đại tráng, lợi trinh.

**Lớn mạnh, theo điều chính thì lợi.**

Đại là hào dương, tiểu là hào âm ; nhìn hình quẻ, đại không chỉ hào dương mà còn chỉ 4 hào dương, hợp lại với nhau, thế lực rất lớn, rất mạnh (Đại Tráng), dương thắng (đại thắng) thì âm suy (tiểu suy).

Trinh là trinh chính, là chính khí, chính đạo, chính nghĩa ; có trinh chính thì mới lớn, có lớn mới chính. Trái nghĩa với trinh chính kiêu ngạo, xa hoa, dâm dật

(kiêu dật).

Nuôi dưỡng, giữ gìn chính khí, chính đạo, chính nghĩa thì có lợi (lợi trình), mới đạt được Đại Tráng.

Ngược lại, bất chính, kiêu ngạo, kiêu sa, dâm dật, thì chỉ là sức mạnh bình thường, không gọi là Đại tráng, là bất lợi.

Nói chung, Đại là trạng thái tĩnh (trình : chính), Tráng là trạng thái động (lợi) ; Đại là chủ thể rất lớn, tráng là thể lực của chủ thể rất lớn (Đại tráng lợi trình).

## SOÁN TRUYỆN

Đại tráng, Đại giả Tráng giả. Cương dĩ động, cố tráng. Đại tráng lợi trình, đại giả chính dã. Chính đại nhi Thiên Địa chi tình khả kiến hĩ !

Gọi là Đại Tráng vì có 4 hào dương là lớn (Đại giả), thể lực rất mạnh (tráng giả).

Dưới hoặc trong là Càn có tính cương, trên hoặc ngoài là Chấn có tính động, nên gọi là tráng (cương dĩ động, cố tráng).



Sở dĩ lớn mạnh chính đáng, có lợi (Đại tráng lợi trình), lớn là vì chính (đại giả chính dã), vì chính nên lớn thêm (chính đại), xem ở chính đại, suy ra được cái tình của Trời Đất (chính đại nhi Thiên Địa chi tình), cũng có thấy được cái tình của Trời Đất ! (khả kiến hĩ !).

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Lôi tại thiên thượng, Đại Tráng. Quân tử dĩ phi lễ phát lí.

Dưới là Chấn - sấm, trên là Càn - Trời, tiếng sấm động trên Trời, tiếng kêu rất lớn, uy nó vang rất xa, gọi là Đại tráng (Lôi tại thiên thượng, Đại tráng).

Trên là Trời, dưới là Chấn (lôi công) thay Trời để thực hành công chính, công lí, trừng trị kẻ tà ác, vô lễ, làm trái đạo Trời.

Lí là làm, phát lí là không làm. Người quân tử xem tượng ấy mà bắt chước làm cho mình lớn mạnh, cái gì không hợp với lễ thì không làm (Quân tử phi lễ, phát lí).

Sách Luận ngữ viết : Vật gì không hợp với lễ thì không xem, không nghe, cái gì không hợp với lễ thì không nói, không động tới.

Khổng Tử cho rằng, người tự khắc phục mình, hành động theo lễ là người nhân (Khắc kỉ phục lễ vi nhân).

Sách Trung dung, Tử Lộ hỏi về cách tự cường, Khổng Tử nói : Người quân tử hoà với chúng nhưng không trôi nổi theo chúng, đứng một cách trung chính không nương tựa nghiêng lệch về phía nào. Mạnh vậy, mới thật là mạnh.

Lão Tử nói : Biết người là trí, biết mình là sáng ; thắng người là sức, thắng mình là mạnh mẽ.

Phật giáo cho rằng : Giặc ở ngoài có thể đẩy lui được, sáu giặc ở bên trong là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là rất khó đánh đổ.

Người lớn mạnh, là người không chế, đánh đổ được sáu giặc ấy.

## **HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN**

Sơ cửu, tráng vu chỉ, chinh hung, hữu phu.

**Hào 1 dương, mạnh ở ngón chân, đi lên thì xấu, tin chắc như vậy.**

Tượng viết : Tráng vu chỉ, kì phu cùng dã.

Tượng viết : Mạnh ở ngón chân, chắc chắn gặp khốn cùng.

## 1. Sơ cứu

Hào 1 dương ở vị trí dương, dưới quẻ Càn, dưới cùng quẻ Đại Tráng.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 1 dương cương, ở vị trí dương là chính vị, là tốt nhưng hào từ lại nói chắc chắn gặp nguy hiểm (chính hung) ?

Chỉ là ngón chân, đại biểu cho bàn chân, ngón chân đi được là do tâm và thân chỉ huy điều khiển ; phu là tin, hữu phu là chắc chắn.

Mới bắt đầu thời Đại tráng, hào 1 dương ở vị trí thấp nhất, dương khí mới sinh ra, đức chưa đầy, sức chưa đủ, chỉ có kiêu khí là thịnh vượng, nhắm mắt hành động, nóng vội mong thành công.

Hành động với cái tâm đầy kiêu khí, với cái thân nóng vội, nhắm mắt mà làm,

chắc chắn chân sẽ sa vào vòng nguy hiểm (tráng vu chỉ, chinh hung, hữu phu).

Sách Chu nghĩa, tổng nghĩa cho rằng : Các quẻ trong Kinh Dịch quý nhất là các hào âm, hào dương đắc vị, là tốt. Riêng, quẻ Đại Tráng, hào dương ở vị trí âm mới tốt, ở vị trí dương là xấu.

Vì hào dương – cương, ở vị trí dương - cương, mạnh càng thêm mạnh, cương thêm cương, quá thịnh nên phải suy, quá cương nên phải gãy.

(2) Hào 1 dương, ở địa vị thấp nhất, lại đem kiêu khí mạnh mẽ đối chọi với đời Đại tráng, nên phải gặp sự khốn cùng (tráng vu chỉ, kì phu cùng dã).

### 3. Quyền biến

Lớn mạnh về đức, về tài thì tốt, lớn mạnh về kiêu khí thì gặp nguy khốn.

Bắt đầu làm việc gì cũng cần thận, xem xét thời thế, so sánh lực lượng, mới thành công.

Cửu nhị, trinh cát.

Hào 2 dương, có đức chính, tốt.

Tượng viết : Cửu nhị trinh cát, dĩ trung dã.

Tượng viết : Hào 2 dương có đức chính tốt, là do giữ được đạo trung.

## 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, bất chính nhưng đắc trung ; ở giữa quẻ Càn, ứng với hào 5 âm (quân chủ).

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương, ở vị trí âm, nên vừa có cương có nhu, khiêm tốn, không kiêu ngạo ; ở giữa quẻ Càn, nắm thụ được chất cương trung ; ứng với hào 5 âm, âm dương tương trợ ; có đức trung chính, cho nên tốt (trinh cát).

Sách Thành Trai dịch truyện phân tích : Hào 2 dương ở cương vị đại thần, là gốc của các hào dương, ứng với hào 5 âm quân chủ.

Tương tự, Chu Công giúp Thành vương, tuy được vua tin dùng, công lao hiển

hách, nhưng không hiếp trên, chẳng ép dưới, luôn giữ chính đạo, từ trước đến sau, tên tuổi lưu truyền trong sử sách, là dấu hiệu của điều tốt (cát).

### 3. Quyền biến

Sở dĩ hào 2 dương được trình cát là biết giữ đạo trung, đã trung tất trinh, tất chính (Cửu nhị trinh cát, dĩ trung).

Cửu tam, tiểu nhân dụng tráng, quân tử dụng võng, trinh lệ. Đề dương xúc phiên, luy kì giác.

Hào 3 dương, tiểu nhân dùng sức mạnh, quân tử không dùng như tiểu nhân, dù giữ điều chính cũng nguy. Như con dê đực húc vào cái gậy, bị thương cái sừng.

Tượng viết : Tiểu nhân dụng tráng, quân tử dụng võng dã.

Tượng viết : Tiểu nhân dùng sức mạnh, quân tử không dùng sức mạnh như tiểu nhân.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, ở trên cùng quẻ Càn.

## 2. Hoàn cảnh

(1) Sách Chu Dịch giảng chú, Mã Chấn Bưu cho rằng : Kẻ thất phu chỉ có dũng, chứ không được Đại tráng. Quân tử là người nắm thụ chính khí trong trời đất mới được đại tráng.

Suy ra, chữ tráng trong câu tiểu nhân dụng tráng, có nghĩa là dũng, không phải chữ tráng trong Đại tráng.

Quân tử và tiểu nhân đều tráng (đều có sức mạnh, cường tráng, cái dũng) nhưng cách dùng sức mạnh, cường tráng, cái dũng của tiểu nhân và quân tử hoàn toàn khác nhau.

Tiểu nhân dùng tráng (cường tráng, sức mạnh, cái dũng) là do tình cảm riêng tư, do dục vọng, do tư lợi, dùng sức mạnh để lộng hành, là hữu vi (tiểu nhân dụng tráng).

Vọng có nghĩa như chữ vô, là không. Quân tử dùng tráng (sức mạnh, cường tráng, cái dũng) là theo ý Trời (Thiên ý), không bị dục vọng chi phối, do công lợi, không dùng sức mạnh để lộng người, là vô vi ; tức quân tử dụng tráng (sức mạnh, cường tráng, cái dũng) khác với tiểu nhân, không như tiểu nhân (quân tử dụng vọng).

Trinh là động từ, vừa chỉ sự chiêm bốc, bói quẻ vừa chỉ sự trinh chính ; lệ tương tự chữ lệ , chỉ bệnh truyền nhiễm, rất nguy hiểm.

Như đã nói ở trên, chính (trinh) mới lớn, đã lớn thì chính (trinh), bất chính thì không thể lớn và không gọi là lớn, lớn nhất là Thiên đạo, Thiên ý.

Bản thân tiểu nhân, lớn cường tráng là chính (trinh), nhưng sử dụng cái lớn (cái cường tráng, sức mạnh, cái dũng) không theo Thiên đạo, Thiên ý, mà theo tư dục nên tự rước họa rước bệnh vào thân (trinh lệ).

**Hào 3 dương, 4 dương và hào 5 âm, hợp với nhau thành quẻ Đoài , tượng trưng cho con dê, dê đực 3 tuổi rất mạnh ; vì vậy, hào từ nhắc đến con dê đực húc vào giậu, bị gãy cả sừng (đề dương xúc phiên).**

Như đã nói, quẻ Đại tráng, hào dương ở vị trí dương, là không tốt ; hào 3 dương ở vị dương, ở trên cùng quẻ Càn là dương cương, cương đến cùng cực, rất mạnh ; tượng con dê đực cậy sức mạnh húc vào giậu, gãy cả sừng, thương tổn cho bản thân.

Sách Chu Dịch cổ lịch quan, Hồ Phác An giảng : Tiểu nhân dụng tráng (sức mạnh, cường tráng bạo lực) để húc vào tường.

Lão Tử cho rằng : Dùng bạo lực thì chết bạo tàn (Cường lương giả, bất đắc kì tử).



Ví dụ :

Thời Hán Vũ đế, tướng quân Quyên Phu, dựa vào Ngự kì hầu Hiến Anh và Thừa tướng Điền Phấn.

Quyên Phu cậy thế lực và sức khoẻ của mình, thường ngồi uống rượu chửi bới lung tung, coi thường người khác. Kết cục, mang hoạ sát thân.

(2) Tóm lại, tráng của tiểu nhân là ở sức lực, tráng của quân tử là đạo đức, trí huệ ; tiểu nhân dụng tráng (sức mạnh), người quân tử không dụng tráng theo cách của tiểu nhân (Tiểu nhân dụng tráng, quân tử vọng dã).

### 3. Quyên biến

Người quân tử phải biết dùng tráng (sức mạnh, thế lực, đạo đức, trí huệ), theo Thiên đạo, Thiên ý, theo công lợi, mới không bị thương tổn, không gặp tai hoạ.

Cửu tứ, trinh cát, hồi vong. Phiên quyết bất luy, tráng vu đại dư chi phúc.

**Hào 4 dương, theo điều chính thì tốt, hồi hận mất hết. Giậu đã**

**mở, mạnh mẽ tiến lên, như cỗ xe lớn, trục xe vững vàng.**

**Tượng viết:Phiên quyết bất luy, thượng vãng dã.**

Tượng viết : Giậu đã đỗ, tiến lên mãi.

## 1. Cửu tử

Hào 4 dương, ở vị trí âm, dưới quẻ Chấn, ở trên các hào dương, dưới hào 5 âm (quân chủ).

## 2. Hoàn cảnh

(1) Hào 4 dương ở dưới quẻ Chấn, có tính động, hoàn cảnh biến động. Theo quẻ Đại Tráng, hào 4 dương ở vị trí âm, là tốt, có tính khiêm cung ; hào 4 dương đứng ở dưới hào 5 âm, âm dương tương trợ, vừa có người giúp đỡ, trợ giúp, lại hành động một cách trinh chính, nên tốt, hối hận mất hết (trinh cát, hối vong).

Hào 3 dương, 4 dương và 5 âm hợp thành quẻ Đoài , tượng con dê, nên hào từ đề cập đến con dê được húc hàng giậu. Hào 3 dương, con dê được húc giậu, bị gãy sừng ; hào 4 dương, thì hàng giậu đã đỗ, không còn trở ngại. Đại dư là xe lớn, phúc là trục xe, tráng vu đại dư chi phúc là cỗ xe lớn mạnh, là phương tiện có thể

đi xa ngàn dặm.

Nhìn hình quẻ, trên chỉ còn 2 hào âm suy yếu như hàng giậu đã đổ, dưới là các hào dương lớn mạnh, do hào 4 dương dẫn đầu, như chiếc xe mạnh đi tới, không gặp trở ngại (phiên quyết bất luy, tráng vu đại dư chi phúc).

(2) Hàng giậu đã đổ rồi, tiến lên lên mãi là việc đương nhiên (Phiên quyết bất luy, thượng vãng dã).

### **3.Quyền biến**

Tuy đã thắng thế (đại tráng) nhưng phải khiêm cung, cẩn thận, trình chính, cần người giúp đỡ, san bằng những trở ngại và phải có đủ phương tiện mới tiến xa được.

Ví dụ :

Thời Tam quốc, Gia Cát Lượng phò Lưu Thiện, chuẩn bị lương thực, quân đội đánh Ngụy nhưng trước hết là phải trừ bọn hoạn quan như Hoàng Hạo, rồi mới xuất binh.

Lục ngũ, táng dương vu dị, vô hối.

**Hào 5 âm, biết trước mất sau được, nhu thuận, vui vẻ hoà duyệt như làm cho bầu dề hết hung hăng, thì sẽ không ân hận.**

Tượng viết : Táng dương vu dị, vị bất đáng dã.

**Tượng viết : Biết trước mất sau được, nhu thuận, vui vẻ hoà duyệt như làm cho bầu dề hết hung hăng, thì mới xứng đáng với vị trí.**

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm – nhu, ở vị trí dương, thất chính, ứng với hào 2 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hỗ quái là Đoài, nên hào từ vẫn lấy con dê làm vật tượng trưng, táng dương là mất dê ; Đoài còn tượng trưng cho sự vui vẻ, hoà duyệt.

Hào 5 âm nhu, ở cương vị chí tôn, bản chất âm nhu, thế lực lại không có, trong lúc các hào dương đang hăng hái như đàn dê húc rào giậu, phá đổ rào giậu tiến lên.

Trong tình thế ấy, hào 5 âm phải dùng nhu thuận, vui vẻ, hoà duyệt (dùng nhu chế cương) mà đối đãi, làm cho các hào dương dịu bớt sự cương cường, như bày dê biến mất một cách dễ dàng, không còn ăn năn (táng dương vu dị vô hối).

Lão Tử nói : Biết như con trống, làm như con mái.

Hoặc : Lấy đạo chí nhu trong thiên hạ mà đẩy chí cương trong thiên hạ.

Chữ cổ viết chữ dịch tương tự với chữ Dịch, chỉ dân tộc ít người ở phương Bắc (Trung Hoa).

Sách Sơn hải kinh kể : Vương tử Hối, nhà Ân, do hoang dân nên bị vua và quan nước Dịch giết chết, nước Dịch bắt hết trâu dê của vương tử Hối (táng dương vu dị).

Sau đó, vương tử Thân, nhà Ân, lên nắm quyền, đem quân đánh nước Dịch để báo thù cho vương tử Hối. Đánh nước Dịch thắng lợi, nên nhà Ân càng mạnh lên (vô hối).

Hào 5 âm ở vị trí dương là thất chính như bị mất dê. Hào 5 âm ứng với hào 2 dương, âm dương tương ứng, nên không ăn năn (vô hối), tuy không tốt nhưng giữ được đại tráng.

### 3. Quyền biến

Ở vị trí hào 5 dương phải thấy đất nước có khi mất, có khi còn ; sự nghiệp có lúc thịnh, có lúc suy ; việc có lúc thành lúc bại ; cho nên phải nhìn xa trông rộng ; có việc trước mất nhưng sau được.

Hào 5 âm phải xuất xử như vậy (nhu thuận, hoà duyệt, trước mất sau được), nếu không làm sao ở vị trí ấy được (Táng dương vu dĩ, vị bất đáng dã).

Thượng lục, đề dương xúc phiên, bất năng thoái, bất năng toại, vô du lợi, gian tắc cát.

Hào trên cùng âm, dề đức húc vào giậu, mắc kẹt, lui không được, tiến cho toại ý cũng không xong, không có lợi gì cả, trong gian nan, giữ được sự sáng suốt, thuận theo thế mà động, thuận theo Trời mà hành, trong đường chính ngoài xem thời, thì tốt.

Tượng viết : Bất năng thoái, bất năng toại, bất tường (tường) dã. Gian tắc cát, cữu bất trường dã.

Tượng viết : Lui không được, tiến không toại chí, do không xem xét thời thế. Trong gian nan, giữ được sự sáng suốt, thuận theo thế mà động, thuận theo Trời mà hành, trong đường chính, ngoài xem xét thời, sẽ tốt, tội không nhiều.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, trên cùng quẻ Chấn, quẻ Đại tráng.

## 2. Hoàn cảnh

**(1) Hào trên cùng âm nhu, ở trên cùng quẻ Chấn, hoàn cảnh cực động ; trong lúc bốn hào dương đang mạnh, tiến lên ; hào trên cùng dương lui tới đều không được, như con dê được húc vào giậu, muốn lui thì không thể rút sừng ra, muốn tiến thì không đủ sức để húc, không có gì là thuận lợi cả (dễ dương xúc phiên, bất năng thoái, bất năng toại, vô du lợi).**

Nhưng ở cuối thời Đại Tráng, tình thế chuyển hoá, nếu hào trên cùng âm biến thành hào dương với các hào 4 dương, 5 âm thành quẻ Li , có tính sáng suốt.

Quẻ Đại tráng thành quẻ Đại hữu, hào từ trên cùng quẻ Đại Hữu viết : Tự Trời giúp cho mình, tốt lành không có việc gì mà không lợi (Tự thiên hữu chi, cát vô bất lợi).

(2) Hào trên cùng âm, không thối được, tiến không xong (bất năng thối, bất năng toại), vì không rõ thời thế nên rơi vào cảnh ấy (bất tường dã), trong gian nan mà bên trong vẫn giữ được sự sáng, biết thuận theo lẽ Trời, Trời sẽ giúp nên tốt (nan tắc cát), thì tội lỗi cũng không nhiều (cữu bất trường dã).

### 3. Quyền biến

Hào trên cùng âm ở trong hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi, lui không xong, tiến chẳng được. Nhưng bên ngoài thời thế đang chuyển biến ; bên trong có đức sáng suốt, thuận theo thời, theo Trời mà hành động, đã chuyển xấu thành tốt, chuyển nguy thành an.

## TIỂU KẾT

### 1. Tinh thần quẻ Đại Tráng

Bốn hào dương lớn mạnh, hai hào âm (tiểu nhân) tiêu dần, chính khí bốc lên, tà khí mất dần, đạo quân tử trường, đạo tiểu nhân tiêu.

### 2. Điểm đặc biệt

Quẻ Đại Tráng, hào dương ở vị trí âm thì được tốt (trinh cát) ; hào dương ở vị trí dương thì gặp nguy khốn (lệ) hoặc xấu (hung).

Hào dương – cương, ở vị trí âm - nhu, làm cho hào dương cương bớt tính cương cường, trở thành nhu thuận khiêm cung, giữ được trinh chính, nên tốt.



Hào dương - cương ở vị trí dương - cương, cương lại thêm cương, cương cường, cường bạo, thì dễ thất bại.

### 3. Thời Đại Tráng là vận hội của người quân tử

Nhìn chung sáu hào, không hào nào là thật tốt. Phải chăng, trong phúc đã ẩn cái hoạ, lúc thịnh phải lo lúc suy ? Là thâm ý của Kinh Dịch.

## 35. HOẢ ĐỊA TẤN

### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Tấn là tiến, mặt Trời mọc vạn vật tiến (Tấn, tiến giả, nhật xuất vạn vật tiến). Vạn vật tiến, là tiến hành, sinh trưởng, tiêu trưởng, biến hoá, qua lại, phát triển.

Giáp cốt văn viết chữ Tấn, dưới là khí cụ, trên trang trí hai mũi tên ; ám chỉ hành động theo chuẩn tắc, tiến thẳng, bay thẳng như mũi tên.

### HÌNH QUẺ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Khôn - địa, trên Li - hoả, gọi là Hoả Địa Tấn.

Dưới Khôn - đất, trên Li - mặt Trời ; mặt Trời mọc lên trên mặt đất, nên gọi là Tấn.

## SOÁN TỪ

Tấn, khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp.

Có nhiều thuyết giải thích về Khang hầu : Khang là một trong ba người em trai của Vũ vương (Khang thúc, Quản thúc, Sái thúc). Hoặc, Khang hầu là tước phong của thời nhà Chu, người ta tìm ra được cái đỉnh đồng xanh thời cổ có ghi Khang hầu đỉnh.

Thuyết dễ chấp nhận và phù hợp với quái từ : Theo quy định của thời nhà Chu, người nào được phong tước hầu, trị lí giỏi sẽ được gọi là Khang minh an bang và được nhà vua ân thưởng.

Tích gần với chữ tứ (ban thưởng) ngựa (tất là có xe), ban thưởng hậu hĩnh (tích mã phồn thứ) ; một ngày 3 lần tiếp đón, ban thưởng (trú nhật tam tiếp).

Nói chung, nhà vua trọng vọng, ban thưởng hậu hĩnh cho những người (tước hầu) yêu dân, trị nước giỏi.

Nhờ yêu dân, cai trị giỏi mà nhân dân tiến lên thịnh vượng, nhờ tài cai trị giỏi, yêu dân, mà được nhà vua tin cậy, trọng vọng, ban thưởng dồi dào (là con đường tiến của bản thân) ; cách trọng vọng, ban thưởng của nhà vua cũng là cách khích lệ các tước hầu khác noi theo, tiến theo.

Quái từ không nói tốt (cát) nhưng qua mối quan hệ vua tôi, giữa người cai trị với nhân dân, rõ ràng là tốt.

## SOÁN TRUYỆN

**Tấn, tiến giả. Minh xuất địa thượng, thuận nhi lệ hồ đại minh, nhu tiến nhi thượng hành, thị dĩ khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp dã.**

Tấn nghĩa là tiến lên (Tấn tiến giả). Mặt Trời mọc ra khỏi đất (Nhật xuất địa thượng), đức sáng soi rọi khắp nơi, rất vẻ vang, người có đức thuận dựa vào bậc nguyên thủ có đức thánh minh (thuận nhi lệ hồ đại minh).

Hào 5 vốn là hào dương của quẻ Càn, biến thành hào âm nhu mà thành quẻ Tấn (nhu tiến nhi thượng hành).

Vì thời Tấn có vị tước hầu yêu dân, có nguyên thủ hết lòng trọng vọng người yêu dân nên nói : Nhà vua ban thưởng hậu (ngựa, xe...) cho tước hầu (trí lí giỏi), một ngày tiếp, thưởng ba lần (Thị dĩ khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp dã).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Minh xuất địa thượng, Tấn ; quân tử dĩ tự chiêu minh đức.

Đức sáng của mặt Trời mọc lên trên mặt đất nên gọi là Tấn (Minh xuất địa thượng, Tấn). Thực tế đức sáng mặt Trời không bao giờ tắt, đêm do địa cầu che khuất nên ta không thấy. Tương tự, trong lòng người luôn có đức sáng, nhưng do vật dục che lấp mà ta không thấy.

Do đó, người quân tử bắt chước quẻ Tấn mà tự làm sáng đức sáng trong lòng mình, không để cho vật dục che lấp (quân tử dĩ tự chiếu minh đức).

Sách Đại học viết : Đạo lí lớn của học vấn, người có học vấn lớn là làm sáng cái đức sáng (Đại học chi đạo, tại minh minh đức).

Vì có đức sáng mới tu thân (tu thân để thêm đức sáng), có tu thân mới tề gia, có tề gia mới trị quốc, có trị quốc mới bình thiên hạ.

Sách Đại học chỉ rõ : Muốn bình thiên hạ, trước tiên trị quốc ; muốn trị quốc, trước tiên tề gia, muốn tề gia trước tiên phải tu thân ; muốn tu thân trước tiên phải chính tâm ; muốn chính tâm, trước tiên phải thành ý ; muốn thành ý trước tiên trí tri ; muốn trí tri phải cách vật.

Cách vật là quan sát sự vật, nghiên cứu sự vật, phân tích sự vật.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, Tấn như, tồi như, trinh cát. Vồng phu, dụ, vô cữu.

**Hào 1 âm, tiến lên mà bị ngăn cản, giữ đạo chính thì tốt. Người chẳng tin mình thì nên khoan thai, bình tĩnh, sẽ không có lỗi.**

Tượng viết : Tấn như tồi như, độc hành chính dã. Dụ vô cữu, vị thụ mệnh dã.

Tượng viết : Tiến lên bị ngăn cản không buồn, một mình giữ chính đạo. Thanh thản vì chưa nhận mệnh của quân chủ.

## 1. Sơ lược

Hào 1 âm ở vị dương, ở dưới cùng quẻ Tấn, ứng với hào 4 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Tôi là kẻ yếu, phá hoại ; hào 1 âm ứng với hào 4 dương, muốn tiến lên (Tấn như), lại bị hai hào 2 âm, hào 3 âm ngăn trở (tôi như).

Vọng là vô, vọng phu là chưa tin ; bản thân hào 4 dương bất trung bất chính, chưa chắc đã tin, đã tín nhiệm hào 1 âm.

Muốn đến với người, người không tin, còn bị những kẻ khác ngăn trở, đó là hoàn cảnh của hào 1 âm.

## 3. Quyền biến

(1) Trong hoàn cảnh bị ngăn trở, hào 1 âm giữ được sự trinh chính nên tốt (trinh cát).

Dĩ là thanh thản ; trong lúc người không tin mình, mình vẫn thanh thản, nên không tội lỗi (dĩ vô cữu).

Mạnh Tử nói : Ta yêu người mà người không yêu ta, ta nên trách đức nhân của ta. Ta trị người mà người không phục, ta nên trách cái trí của ta.

**(2) Buổi đầu thời Tấn, tiến lên bị ngăn trở không lấy làm buồn (Tấn như tồi như) ; người đời chưa tin cũng không trách người, chỉ riêng mình giữ chính đạo (độc hành chính dã). Và lại, bản thân hào 1 âm, ở địa vị còn thấp, chưa nhận mệnh của bậc quân chủ nên càng thanh thản, tự do tự tại, không gặp tội lỗi (dĩ vô cữu, vị thụ mệnh dã).**

Lục nhị, Tấn như, sầm như, trinh cát. Thụ tư giới phúc, vu kì vương mẫu.

**Hào 2 âm, thời Tấn mà không có người ứng, rầu rĩ, giữ đạo chính thì tốt. Sẽ hưởng được phúc dày của tổ mẫu.**

Tượng viết : Thụ tư giới phúc, dĩ trung chính dã.

Tượng viết : Hưởng phúc dày, do giữ được đạo trung chính.



## 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc trung, đắc chính, ở giữa quẻ Khôn, không ứng với hào 5 âm (đồng tính).

## 2. Hoàn cảnh

Trong thời Tấn, hào 2 âm, đắc trung, đắc chính đáng lẽ phải được tiến lên, tiến cử, nhưng hào 5 âm không ứng, như không có người giúp đỡ, lòng riêng hơi buồn phiền rầu rĩ (Tấn như, sầu như).

## 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm ở giữa quẻ Khôn, tượng trưng cho đất, cho người mẹ, nên hào từ nhắc đến vương mẫu (tổ mẫu).

Hào 2 âm, vượt qua buồn phiền, giữ được đức trung chính (trinh), lại ở giữa quẻ Khôn, có đức dày (hậu đức tải vật), có sức chịu đựng, nên được tốt lành (cát) như được hưởng phúc đức của tổ mẫu (thụ tư giới phúc vu kì vương mẫu).

Ví dụ :

Sái Mô, tự là Đạo Minh, thời Đông Tấn, làm chức tư đồ.

Nhà vua muốn phong cho Sái Mô làm tể tướng, một chức ai cũng thèm thuồng dòm ngó nhưng Sái Mô từ chối. Có người hỏi tại sao ?

Sái Mô nói : Tôi làm chức tư đồ còn chưa xong, làm tể tướng người đời sau sẽ cười chê.

Đông Tấn lúc bấy giờ, có bốn đại quý tộc chia nhau quyền lực và cát cứ là họ Sưu, họ Hoàn, họ Vương và họ Tạ.

Nếu Sái Mô nhận chức tể tướng thì bốn họ ấy chẳng để yên, thế nào cũng gặp nguy hiểm. Vì vậy, Sái Mô từ chối.

Về sau, tình hình chính trị biến chuyển, Sái Mô bị cách chức về làm thứ dân, với tội danh là không tuân ý của triều đình. Hoàng thái hậu (nhà Đông Tấn) vẫn cho Sái Mô hưởng được những bổng lộc đã ban.

Vậy, thăng quan tiến chức chưa phải là điều đáng mừng, không được thăng quan tiến chức chưa phải là điều buồn, đáng lo !

(2) Hào 2 âm, hưởng được đức dày, đạo đức dày, là do giữ được đạo trung chính (Thụ tư giới phúc, dĩ trung chính dã).

Lục tam, chúng doãn, hồi vong.

Hào 3 âm, mọi người tin cần, thì mọi sự hồi tiếc sẽ mất đi.

Tượng viết : Chúng doãn chí chí thượng hành dã.

Tượng viết : Đồng lòng, cùng chí hướng, nên tiến lên.

## 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, thất chính, ở trong quẻ Khôn, ứng với hào trên cùng dương.

## 2. Hoàn cảnh

**Hào 3 âm, tuy thất chính nhưng ở trên quẻ Khôn đất, tượng trưng nhiều người ; Khôn lại có tính thuận, dựa theo đạo lí mà hành động, mà tin tưởng tín nhiệm, không chạy theo tư lợi, nên hào từ đề cập đến chúng doãn (nhiều người tín nhiệm).**

### 3. Quyền biến

(1) Hào 3 âm, dưới được nhiều người (hào 1 âm, hào 2 âm) tín nhiệm, trên lại ứng với hào trên cùng dương, âm dương tương trợ, nên thắng tiến, không có việc gì hối mà không tiêu tan (Doãn chúng, hối vong).

(2) Cả 3 hào âm đồng lòng, cùng chí hướng, nên tiến lên (chúng doãn chí chí, thượng hành dã).

Sách Thành Trai Dịch truyện cho rằng : Nếu gọi hào 2 âm là đại thần, hào 4 dương là cận thần (của hào 5 âm, quân chủ), hào 3 âm thấp, thân tuy sau nhưng đạo đức tiến, địa vị tuy thấp nhưng danh giá cao, được nhiều người ngưỡng mộ.

Ví dụ :

Yên Chiêu vương nói với Quách Ngỗi :

- Nước Tề thấy nước Yên loạn, nên đem quân tàn phá nước Yên. Nay ta tức vị, muốn báo thù nhưng lực nước Yên thì yếu, hiền tài không có biết làm sao ? Xin tiên sinh chỉ dạy cho cách cầu hiền.

Quách Ngỗi nói :

- Nhà vua thành tâm cầu hiền sĩ thì bắt đầu từ Ngỗi tôi. Ngỗi tôi mà được dùng hưởng hồ những người giỏi hơn, họ đâu có ngại xa xôi mà không đến nước Yên.

Yên Chiêu vương bèn xây cung thất, đón Ngỗi về và đãi như bậc quân sư.

Không bao lâu, những hiền tài như Nhạc Nghị, Trâu Diễn, Kịch Tân đến Yên.

Hai mươi tám năm sau, Yên đánh thắng Tề.

Cửu tứ, Tấn như thạch thử, trình lệ.

Hào 4 dương, tiến lên, giữ những thói xấu như con chuột đồng, thì nguy.

Tượng viết : Thạch thử trình lệ, vị bất đáng dã.

Tượng viết : Giữ thói xấu như con chuột đồng, không xứng đáng với chức vị.

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương ở vị trí âm, bất trung, bất chính, ở trên hào 3 âm, dưới hào 5 âm.

## 2. Hoàn cảnh

(1) Hào 4 dương, hào 3 âm và hào 2 âm, hợp thành quẻ Cấn, tượng trưng con chuột, nên hào từ nhắc đến con chuột đồng (thạch thử), tượng trưng cho sự tham lam và đổ kị.

Sách Giảng chú của Sái Ung cho rằng : Chuột đồng có thể bay nhưng bay không cao, có thể trèo nhưng trèo chẳng đến ngọn, có thể bơi nhưng bơi chẳng bao xa, có thể đào hang nhưng cũng không đủ để che thân, có thể chạy nhưng chạy thua người ta.

Tượng trưng người biết trăm nghề nhưng chẳng tinh thông nghề nào, học hành không đến nơi đến chốn.

Hào 4 dương, bất trung, bất chính, dưới áp bức hào 3 âm nhu, trên muốn vượt quyền hào 5 âm ; tham lam, đổ kị, học chẳng đến nơi, hành chẳng đến chốn như con chuột đồng (Tấn như thạch thử) ; nếu cứ giữ khư khư (trình : giữ bo bo) những thói hư tật xấu ấy, thế nào cũng gặp nguy (trình lệ).

(2) Vừa bất trung, bất chính, vừa tham lam, đổ kị, không có một tài nào như con chuột đồng (Thạch thử), nếu cứ giữ thói ấy sẽ gặp nguy (trình lệ), hào 4 dương thật không xứng đáng với chức vị của mình (vị bất đáng giả).

### 3. Quyền biến

Không xứng đáng ở địa vị, vị trí, còn không chịu bỏ những thói hư tật xấu, thì rước họa vào thân.

Ví dụ :

Tư Mã Duệ, vua thứ bảy đời Đông Tấn, mới lên ngôi, thấy không đủ tài năng cai quản triều đình phải dựa vào anh em Vương Đạo và Vương Đôn, phong cho Vương Đạo làm tể tướng, Vương Đôn làm đại tướng.

Sau khi đã ngồi yên ổn trên ngai vàng, Tư Mã Duệ chuyển quyền lực sang Lưu Quỹ và Điều Hiệp, muốn thu hẹp quyền lực hai anh em nhà họ Vương.

Vương Đôn biết ý đồ của Tư Mã Duệ, liền đem quân giết Lưu Quỹ và Điều Hiệp.

Trước sức mạnh của Vương Đôn, Tư Mã Duệ khiếp vía, phải nhân nhượng, chia xẻ quyền lực với họ Vương. Từ đó, Tư Mã Duệ lòng luôn lo âu, buồn bực đến phát ốm mà chết.

Tư Mã Thiệu lên ngôi. Vương Đôn có ý thoán đoạt ngôi vua, bị Tư Mã Thiệu cất quân thảo phạt. Quân Vương Đôn đại bại. Vương Đôn lo lắng mà chết.

Lục ngũ, hồi vong, thất đắc vật tuất, vãng cát, vô bất lợi.

Hào 5 âm, không có gì ân hận cả, đừng lo được hay mất, cứ tiến thì tốt, không gì là không lợi.



Tượng viết : Thất đắc vật tuất, vãng hữu khánh dã.

Tượng viết : Không lo mất, không lo được, tiến là vui lớn.

### 1. Lục ngũ

Hào 5 âm – nhu, ở vị trí dương, thất chính, ở giữa hào 4 dương và hào trên cùng dương, giữa quẻ Li, ứng với hào 2 dương.

### 2. Hoàn cảnh

Thất là mất, đắc là được ; tuất là lo lắng, vật tuất là không lo lắng, không nên lo ; không lo được, không lo mất, tai họa đến không hoảng hốt, tai họa đi không vội mừng, tâm hoàn toàn định tĩnh, không bị ngoại cảnh chi phối.

Hào 5 âm (nhu), thất chính, ở giữa 2 hào dương cương rất thịnh, tượng trưng bậc đế vương (tôn) phải ở giữa, ở dưới, hàng quý tộc, tôn dưới quý.

### 3. Quyền biến

(1) Nhưng hào 5 âm – nhu, với cái tâm định tĩnh (thất đắc vật tuất), ở giữa quẻ Li - đại minh, tượng trưng vô cùng sáng suốt, lấy nhu làm chính, dù địa vị cao (tôn) nhưng vẫn khuất mình dưới hoàng thân quốc thích, với quý tộc (quý) ; lại hạ ứng với hào 2 dương, trung chính ; nên hồi hận tiêu tan (hối vong), đi đâu cũng tốt (vãng cát), làm gì cũng lợi (du vô bất lợi).

Nói chung, hào 5 âm là lấy nhu chế cương, lấy yếu để thắng mạnh, lấy trí huệ, quyền biến để ứng xử.

(2) Theo các nhà nghiên cứu Kinh Dịch, ít hào được chữ khánh, hào 5 âm được chữ khánh, là niềm vui lớn, vui lớn là làm gì cũng có lợi.

Tâm sáng, định tĩnh (thất đắc, vật tuất), nên tiến lên là vui lớn (vãng hữu kháng dã).

Ví dụ :

Hán Văn đế Lưu Hằng lên ngôi, phe cánh Lữ hậu vẫn còn, nên thân cô, thế cô, trên không có hoàng thân quốc thích để dựa, dưới không có tâm phúc đỡ đần, ngoài cõi không có đất để làm căn bản, ngôi vị bấp bênh, ông chỉ biết dựa vào Trần Bình, Chu Bật và Quán Anh.

Nhưng Hán Văn đế biết dùng nhu chế cương, tùy cơ ứng biến, dần dần nắm được quyền bính, xây dựng một đất nước cường thịnh, gọi là Văn Cảnh chi trị (Văn đế, Cảnh đế đại trị hoặc thịnh trị). Lịch sử Trung Quốc ca ngợi Lưu Hằng là ông vua hiền, sáng suốt.

Ngược lại, Lưu Hạ được phong làm Xương Ấp vương. Khi Chiêu đế mất, Lưu Hạ được Đại tướng Hoắc Quang sai người đón về, lập lên làm vua.

Mới lên ngôi, thay vì khiêm tốn, Lưu Hạ lại tỏ ra kiêu ngạo, ngang ngược, hoang dâm, mê muội.

Tướng Hoắc Quang thấy vậy, liền phế truất, đưa về lại Xương Ấp làm Hải ôn hầu.

Lưu Hạ chỉ được làm vua trong 27 ngày, ngắn nhất trong lịch sử vương triều Trung Quốc.

Thượng cữu, Tấn kì giác, duy dụng phạt ấp. Lệ, cát, vô cữu, trinh lận.

Hào trên cùng dương, chỉ tiến lên như thú dùng cặp sừng, lo nội trị dù có nguy, kết quả cũng tốt, không tội lỗi. Ngoại trị dù chính cũng đáng thẹn.

Tượng viết : Duy dụng phạt ấp, đạo vị quang dã.

Tượng viết : Chỉ dùng để nội trị, thì tốt, dù con đường thẳng tiến không sáng lắm.

## 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, thất chính, ứng với hào 3 âm, ở trên cùng quẻ Li, quẻ Tấn.

## 2. Hoàn cảnh

Dốc là cái sừng, cứng - cương, sức mạnh của loài thú tập trung ở sừng.

Hào trên cùng dương ở quẻ Li, tượng trưng cho sự chinh phạt ; hào trên cùng dương ứng với hào 3 âm thuộc quẻ Khôn, tượng trưng đất, nên hào từ đề cập đến phạt ấp.

Sách Doãn xuyên Dịch truyện, Trình Di giải thích : Phạt bốn phương là ngoại trị, phạt ấp là nội trị.

(1) Quẻ Tấn đã đến cùng cực, tức là thời thế đang chuyển hoá, ở trên cùng quẻ Li, tượng mặt Trời đã lên quá cao ; hào trên cùng dương cương, nóng vội tiến lên như con thú dùng sừng hết sức để húc (tấn kì đốc) tức sẽ gặp nguy hiểm (lệ), nhưng hào từ lại nói tốt, không tội lỗi (cát, vô cửu) ?

Nguyên nhân, hào trên cùng dương (cương) hạ ứng với hào 3 âm, thuộc Khôn,

có đức dày, nên dùng sức của mình để trị lí trong ấp, chỉ chăm lo nội trị (duy dụng phạt ấ), nên được tốt, không tội lỗi (cát vô cữu).

Ngược lại, chỉ có tài nội chính mà làm việc ngoại chính, thì sẽ gặp nguy khốn, tội lỗi, dù việc ngoại chính là chính đáng, cũng xấu hổ (trinh lận).

Ví dụ :

Thời Xuân Thu, Tử Ngạc làm tướng nước Sở, tính tình hẹp hòi, đầy kiêu khí, muốn người trong nước xem mình là tài giỏi, cầm quân đánh Tống.

Tấn đem quân cứu Tống. Sở và Tống, Tấn đánh nhau ở Thành Bộc. Tấn Văn công hạ lệnh cho quân liên minh lui lại 3 xá (1 xá là 10 dặm), mục đích giành chính nghĩa về mình, dụ quân địch. Tử Ngạc lại tướng quân Tống và Tấn sợ quân Sở, liền đốc quân tiến lên, quyết chiến. Không ngờ đại bại. Tử Ngạc phải tự sát.

(2) Như tượng của quẻ Tấn đã nói, thời Tấn là thời mặt Trời mới mọc, mới lên, chưa có thể soi rọi, chưa chiếu sáng khắp nơi.

Nhưng hào trên cùng dương, quá cương, muốn thi thố tài năng với thiên hạ, chiếu sáng cả thiên hạ là không hợp với thời, chỉ đem cái cương, cái tài của mình để chăm lo việc nội trị (duy dụng phạt ấ), thế mới đúng, mới tốt, dù cho con đường thẳng tiến không có gì sáng lắm (đạo vị quang dã).

### **3. Quyền biến**

Tuỳ theo thời, lượng tài, lượng sức mà hành động thì mới không gặp nguy.

## **TIỂU KẾT**

### **1. Vua và tôi**

Quẻ Tấn, dưới là Khôn (thuận), trên là Li (sáng), 3 hào âm dưới phải dựa vào các hào dương trên mới sáng.

Vua ở trên, thần ở dưới, vua sáng thì thần thăng tiến, tận trung tận lực với vua đó là điều tốt, tôi dựa vào vua mà sáng, là thuận.

Hoặc người trên sáng, người dưới thăng tiến, người dưới dựa vào người trên để tỏa sáng là thuận. Thuận nên vô cữu (hào 1 âm), hưởng phúc (hào 2 âm), hối hận tiêu (hào 3 âm).

Ngược lại, các hào cương cường, lấn lướt tiến lên, tức là nghịch. Nghịch thì thì nguy (hào 4 dương, hào trên cùng dương), giới lắm thì mới chuyển từ nguy (lệ) sang tốt (cát).

### **2. Cái sáng của một người và cái sáng của nhiều người**

Quẻ trên là Li, tượng trưng cho sự sáng suốt, có hai loại sáng, cái sáng của mình (độc minh) và cái sáng của nhiều người (chúng minh).

Đem cái sáng của nhiều người cộng với cái sáng của mình, thì thành công.

Mình không sáng nhưng nhờ cái sáng của người thì làm nên sự nghiệp.

Chỉ tin vào cái sáng của mình hoá ra lại ngu muội, thì thất bại.

### 36. ĐỊA HOẢ MINH DI

#### TÊN QUẺ

Di có nghĩa là ngang, là diệt, là không, là vô sắc.

Lão Tử viết : Nhìn mà không thấy, gọi là di (Thị bất kiến, viết di).

Trịnh Huyền giải thích : Di là bị thương. Mặt Trời mọc lên trên đất, là sáng. Mặt Trời lặn xuống đất, ánh sáng bị thương (Minh Di).

Minh Di chỉ thời đen tối, nhiều nhương, loạn thế.

HÌNH QUẺ



[REDACTED]

100

\_\_\_\_\_

1. *Journal of Management Studies*, 1996, 33, 1, 1-14.

[REDACTED]

\_\_\_\_\_


100

\_\_\_\_\_

100%



Figure 1. The effect of the number of trials on the number of correct responses. The number of correct responses was significantly higher for the 10 trials condition than for the 5 trials condition. Error bars represent the standard error of the mean.



100

Response	Percentage
U.S. should take action	85%
U.S. should not take action	15%



Response	Percentage
Yes	68%
No	28%
Don't know	4%

Dưới Li - hoả, trên Khôn- địa, gọi là Địa Hoả Minh Di.

Quẻ Tấn, dưới Khôn - đất, trên Li - mặt Trời, mặt Trời mọc lên khỏi mặt đất, ánh sáng.

Ngược lại, quẻ Minh Di, dưới là Li - mặt Trời, trên là Khôn - đất, mặt Trời lặn vào dưới đất, ánh sáng bị thương, đêm tối không thấy trăng sao.

## SOÁN TỪ

Minh Di, lợi gian trinh.

Trịnh Huyền giải thích : Trong thời Minh Di, mặt Trời sáng mà bị thương. Thời loạn, những bậc hiền nhân quân tử có đức sáng thường ở địa vị thấp, không được dự chính sự, phòng tránh tiểu nhân làm hại, quả là gian nan. Dù thời thế có biến đổi, nhưng đạo lí thì bất biến (như mặt Trời lặn xuống đất nhưng không mất), trong lúc gian nan nên giữ được chính thì mới có lợi (lợi gian trinh).

## SOÁN TRUYỆN

Minh nhập địa trung, Minh Di. Nội văn minh nhi ngoại nhu thuận. Dĩ mông đại nạn, Văn Vương dĩ chi. Lợi gian trinh, hồi kì minh dã. Nội nạn nhi năng chính kì chí, Cơ Tử dĩ chi.

Dưới là Li- mặt Trời, trên là Khôn - đất ; mặt Trời, vầng sáng sụp vào trong đất, mặt đất tối, gọi là Minh Di (Minh nhập địa chi trung, Minh Di).

Quẻ Li ở dưới (hoặc ở trong), có đức sáng, đức văn minh ; quẻ Khôn ở trên (hoặc ở ngoài), có đức nhu thuận, dùng đức ấy mà ứng xử với đại nạn (nội văn minh, nhi ngoại nhu thuận, dĩ mông đại nạn). Văn Vương cũng đã dùng đức (nội văn minh nhi ngoại thuận) mà ứng xử, vượt qua được đại nạn (Văn Vương dĩ chi).

Phương pháp vượt gian nan (lợi nan), nên hết sức (trinh) giấu cái sáng của mình (hồi kì minh), trong gian nan vẫn giữ được đạo chính, không rời chí hướng của mình (nội nan nhi năng chính kì chí), ông Cơ Tử đã ứng dụng như vậy (Cơ Tử dĩ chi).

Ví dụ :

Vua Trụ quá tàn bạo, Tỷ Can can ngăn, bị vua Trụ giết. Cơ Tử can ngăn, vua Trụ không nghe.

Cơ Tử biết, ở với Trụ thì phải chết, bỏ nước đi thì không nỡ, đành phải giả điên,

giả đại... có lúc đi làm đầy tớ cho người ta, tức là che dấu cái sáng, để vượt qua gian nan.

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Minh nhập địa trung, Minh Di ; quân tử dĩ li chúng, dụng hối nhi minh.

Mặt Trời sáng lặn xuống đất, gọi là Minh Di (Minh nhập địa trung, Minh Di).

Người quân tử bắt chước tượng ấy mà trị lí nhân dân, làm lợi cho dân chúng (quân tử dĩ li chúng), bằng nghệ thuật lấy tối làm sáng (dụng hối nhi minh).

Khổng Dĩnh Đạt dẫn chứng : Các bậc vua chúa ngày xưa thường đội mũ miện, lấy giấy ngọc che mắt, có tua bịt tai. Tượng trưng, mắt kém (tệ minh), tai kém (tệ thính), thể hiện sự vô vi thanh tĩnh, để giáo hoá dân.

Lão Tử cho rằng : Không làm nhưng không có việc gì là không làm (Vô vi nhi vô bất vi).

Hoặc : Chính trị mà soi xét quá rạch ròi thì dân khốn khổ (Kì chính sát, tắc kì dân khốn).

Suy ra, lấy tối làm sáng, cái gì cũng tỏ tối tăm nhưng không có cái gì là không thấy, không có gì là không sáng, khi làm chính trị không quá rạch ròi để làm lợi cho dân.

Soán từ nêu : Che dấu ánh sáng (hối kì minh) ; tượng từ viết : lấy tối để làm sáng (dụng hối nhi minh), là hai phương pháp quyền biến của người quân tử, là diệu dụng của Kinh Dịch.

Che dấu ánh sáng (trí tuệ, tài năng) để vượt qua đại nạn.

Lấy tối làm sáng (vô vi - thanh tĩnh – lắng nghe) để trị lí quốc gia, làm lợi cho dân chúng.

## **HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN**

Sơ cửu, Minh di vu phi, thùy kì dục ; quân tử vu hành, tam nhật bất thực ; hữu du vãng, chủ nhân hữu ngôn.

Hào 1 dương, ở thời nhiều nhường, như con chim muốn bay mà cánh rũ xuống ; người quân tử có cơ hội thì bỏ đi ngay, dù phải nhịn đói ba ngày, dù bị chủ chê trách.

**Tượng viết : Quân tử vu hành, nghĩa bất thực dã.**

Tượng viết : Quân tử bỏ đi, của phi nghĩa không ăn.

### 1. Sơ cứu

Hào 1 dương, ở vị trí dương - cương, đắc chính, dưới quẻ Li, ứng với hào 4 âm.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 1 dương cương, ở quẻ Li có đức sáng, ứng với hào 4 âm, vốn là hào tốt, nhưng hào từ không cho là tốt ?

Nguyên nhân, hào 1 dương, sống trong thời loạn (Minh Di), người đức sáng thì bị ghét, có tài dương cương thì bị người ghen, tượng như con chim muốn bay lên nhưng bị thương ở cánh, lại sa xuống (vu phi thùy kì dực), dùng dằng, không quyết.

Có sách giải thích, ba từ thùy kì dực (rũ cánh) ảnh hưởng của Kinh Thi, nói lên tâm trạng day dứt không nở rời bỏ quê hương ; hoặc nhìn chim bay, bộc lộ tình cảm lưu luyến, lẻ loi :

Chim yến cùng bay

Chấp chơi bên ao

Đưa em lấy chồng

Tiến xa mấy dặm

Ngó chẳng thấy đâu

Nước mắt như mưa

(Yến yến vu phi

Tha trì kì vũ

Hi tử vu quy

Viễn tống vu lí

Thiên vọng phát cập

Khấp lệ như vũ)

### 3. Quyền biến

(1) Thời loạn lạc, nhiều nường, người quân tử dứt khoát ra đi (quân tử vu hành), dù phải nhịn đói đến ba ngày (tam nhật bất thực) ; dù bị chủ hoặc người đời trách móc, chỉ trích (chủ nhân hữu ngôn).

(2) Có sách giảng : Nghĩa bất thực, xuất phát từ câu thành ngữ lại đây mà ăn (sai lại chi thực ; sai có nghĩa là khinh rẻ) ; chuyện kể :

Thời cổ, nước Tề đói kém, có một người xin ăn trên đường phố.

Một người làm giàu bất chính qua đường, ném thức ăn trên đường và gọi người hành khất một cách khinh bỉ : Ế ! Lại đây mà ăn.

Người hành khất cho rằng, của người giàu cho mình là của phi nghĩa, nên không đến. Anh ta nhịn đói mà chết.

Người quân tử ra đi vì không muốn ở với người phi nghĩa, không ăn của phi nghĩa (Quân tử vu hành, nghĩa bất thực dã).



Hào 1 dương đã đưa ra hai trường hợp, thối sớm và thối muộn, thối sớm thì an, thối muộn thì nguy.

Ví dụ :

Đồng Dường, thời Đông Tấn, được thăng làm Thái học, thấy loạn bát vương sắp xảy ra, liền từ quan đưa vợ con lánh vào đất Thục, mọi người không biết ông đi đâu.

Tạ Côn, thường nghiên cứu đàm đạo Kinh Dịch, được người đời tôn là danh sĩ, nhưng không nhìn xa trông rộng, theo Vương Đôn.

Sau Vương Đôn muốn làm loạn, Tạ Côn can gián, Đôn không nghe, lúc đó muốn thối lui thì đã muộn.

Lục nhị, Minh di, di vu tả cổ, dụng chửng mã tráng, cát.

Hào 2 âm, ở thời nhiều bị tổn hại như đùi bên trái bị thương, nhưng chóng khỏi, sẽ như con ngựa mạnh mẽ tiến lên, tốt.

Tượng viết : Lục nhị chi cát, thuận dĩ tắc dã.

Tượng viết : Hào 2 âm được tốt, vì biết xử thuận với thời, với hoàn cảnh và có phép tắc.

## 1. Lục nhị

**Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc trung, đắc chính, ở giữa quẻ Li.**

## 2. Hoàn cảnh

Hào từ nhắc đến đùi trái (tả cố), không nói đùi bên phải (hữu cố) ?

Nguyên nhân, quẻ Li (theo tiên thiên bát quái) thuộc phương vị bên trái.

Thường, bên phải là vị trí của vua, bên trái là vị trí của thần ; hào 2 âm tượng trưng cho đại thần nên hào từ đề cập chân trái (tả cố).

Khổng Sơ giải thích : Con người có bên phải, bên trái, bên phải tiện thì bên trái bất tiện, có giúp thì giúp bên phải.

Người xưa quan niệm, bị thương ở bên phải là nặng, bị thương ở bên trái là nhẹ.

Nếu hào 2 âm biến thành dương, cùng với hào 1 dương và hào 3 dương sẽ thành quẻ Càn , tượng trưng cho con ngựa, nên hào từ đề cập đến con ngựa (mã), con ngựa mạnh chạy lên phía trước (mã tráng : con ngựa chạy lên phía trước).

### 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm, đắc chính, ở trong quẻ Li (sáng suốt), nhưng ở dưới quẻ Khôn, tượng trưng bị đất đai, bóng tối che phủ, không thấy được bên ngoài.

Hoặc một vị đại thần, trong thời nhiều nhương, bị vua hôn quân áp bức, bị tiểu nhân ám hại, nên bị thương tổn.

Nhưng bị thương nhẹ, chỉ ở đùi, ở thân dưới chưa phạm đến thân trên, chưa đụng tới cái tâm sáng suốt, rất chóng lành (dụng chững).

Không những chóng lành, mà còn như con ngựa mạnh, cất vó tiến lên, cho nên tốt (cát).

Bị thương là xấu (hung) nhưng trong xấu (hung) có xu hướng tốt, trước xấu sau tốt.

Ví dụ :

Văn Vương bị vua Trụ giam vào ngục Dữu Lí. Văn Vương phải dùng gái đẹp, ngựa hay để dâng cho Trụ vương.

Sau khi được thả về, Văn Vương chuẩn bị thực lực để chống lại Trụ vương, chinh phạt Trụ vương.

(2) Hào 2 âm, ở thời nhiều nhường hôn ám nhưng vượt qua nghịch cảnh, tốt (lục nhị cát), vì giữ được sự trung, chính, sáng suốt, vừa thuận thời, thuận thế vừa đúng phép tắc (thuận dĩ tắc dã).

Cửu tam, Minh di vu Nam thú, đắc kì đại thủ, bất khả tật trinh.

Hào 3 dương, thời hắc ẩm, thu phục phương Nam, bắt được kẻ đầu sỏ, nhưng không nóng vội, phải nêu cao chính nghĩa.

Tượng viết : Nam thú chi chí, nãi đại đắc dã.

Tượng viết : Chí thu phục phương Nam, là rất lớn.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị dương, đắc chính, ở trên cùng quẻ Li, ứng với hào trên cùng âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 3 dương, đắc chính, ứng với hào trên cùng âm, vốn là hào tốt, nhưng hào từ không gọi là tốt ?

Hào 3 dương, đắc chính, có tài dương cương, lại ở trên cùng quẻ Li nên có đức cực sáng, nhưng ứng với hào trên cùng quẻ Khôn, hắc ám vô cùng, áp bức không cho ánh sáng lọt ra ngoài. Ánh sáng không thể chung với bóng tối, nên sinh ra mâu thuẫn, đẩy động can qua.

Quẻ Li theo hậu thiên bát quái là phương Nam, tượng trưng sự chinh phạt, nên hào từ nói đến việc đi săn, ở phương Nam, bắt cho kì được con đầu bầy (vu Nam thú, đại thủ).

Hào 3 dương, hào 2 âm, liên kết với nhau, lấy mục tiêu là phía Nam để chinh phạt, bắt cho được đầu đảng (vu Nam thú, đắc kì đại thủ).

Có thuyết cho rằng, Nam là chỉ nhà Ân, Văn Vương muốn đánh vua Trụ, bắt vua Trụ.

Xét về thực lực, lúc bấy giờ lực lượng của Văn Vương chưa đủ sức đối chọi với vua Trụ, nhà Ân.

Xét về vị trí, nhà Ân ở Trung Nguyên (phía Đông), nhà Chu ở Thiểm Tây (phía Tây).

Trước đó, dân tộc Chu nhiều lần chống nhà Ân nhưng thất bại.

Chắc vì dân tộc Chu không thần phục nhà Ân, nên vua Trụ bắt Văn Vương giam vào ngục Dữu Lí.

Cho nên, giải thích, đi săn phương Nam để bắt tên đầu sỏ (Trụ) là chưa hợp lí.

Có sách thuyết giải thích, các nước Nhung, Địch ở Tây Nam, rất yếu.

Dân tộc Chu nhiều lần kiên tính Nhung, Địch để mở mang thế lực, là mục tiêu trước mắt, kế lâu dài để chống với nhà Ân.

Dù mục tiêu gần hoặc chiến lược lâu dài, thì cũng không nóng vội, gấp gáp (bất khả tật), phải giữ được sự chính, nêu cao chính nghĩa (trinh).

(2) Chí chinh phạt, thu phục phía Nam, là chí lớn (Nam thú chi chí, nãi đại đắc dã).

### 3. Quyền biến

Việc chinh phạt để đánh đổ thế lực hắc ám hoặc chinh phục lân bang, phải có chí lớn, nêu cao chính nghĩa, không nóng vội, phải xác định mục tiêu gần, chiến lược xa.

Lục tứ, nhập vu tả phúc, hoạch Minh di chi tâm, vu xuất môn đình.

Hào 4 âm, sa vào chỗ tối như ở trong bụng trái, thuận theo lòng, khỏi bị thế lực hắc ám quấy nhiễu, là nên bỏ mà đi.

Tượng viết : Nhập vu tả phúc, hoạch tâm ý đã.

Tượng viết : Sa vào chỗ tối tăm như ở trong bụng trái, càng phải theo cái tâm sáng, ý sáng.

#### 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, trên quẻ Li, đầu quẻ Khôn, gần với hào 5 âm

(quân chủ).

## 2. Hoàn cảnh

Khôn tượng trưng cho cái bụng, là cửa cung đình, là tâm ; cho nên hào từ nhắc đến tả phúc, tâm, môn đình.

Hào 4 âm nhu thuận, đắc chính nhưng gần với hào 5 âm nhu, hôn ám, như cận thần gần ông vua hôn ám.

Hào 4 âm, vừa ra khỏi quẻ Li (chỗ sáng), bước vào đầu quẻ Khôn (tối tăm), như sắp sụp vào chỗ tối tăm, như lọt thỏm vào cái bụng phía trái của con người (nhập vu tả phúc). Như đã nói, bên trái là nhẹ, tức sụp chưa sâu, còn rút chân ra được.

Hoạch là thu hoạch, là nắm được ; hoạch Minh di chi tâm là thuận theo cái tâm, không để cái tâm tối theo thời Minh di. Xuất môn đình là ra khỏi cửa quan quyền, chốn bon chen, bỏ tước lộc.

## 3. Quyền biến

(1) Rơi vào chỗ tối (nhập vu tả phúc), thuận theo cái tâm, không muốn cái tâm mình bị thời Minh di quấy nhiễu, bóng tối che lấp (hoạch Minh di chi tâm), thì bỏ tối, tìm sáng, bỏ nơi hắc ám, bỏ quan quyền tước lộc, rời chốn bon chen (xuất môn đình).



(2) Rơi vào cảnh tối om, như ở trong cái bụng bên trái (nhập vu tả phúc), càng phải thuận theo tâm (sáng), ý (sáng) của mình (hoạch tâm ý đã).

Lục ngũ, Cơ tử chi Minh di, lợi trinh.

Hào 5 âm, như ông Cơ Tử ở thời hắc ám cứ bền giữ đạo chính thì lợi.

Tượng viết : Cơ Tử chi trinh, minh bất khả tức dã.

Tượng viết : Cơ Tử trung trinh, bên ngoài giả tối, nhưng tấm lòng, cái trí bên trong sáng rõ, như không bao giờ tắt.

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm ở vị trí dương, bất chính, dưới không ứng với hào 2 âm, ở dưới hào trên cùng âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 5 âm vốn nhu thuận, dưới không ứng với hào 2 âm, trên là hào trên cùng quẻ Khôn, hôn ám cực điểm, truy bức ; chức vị hào 5 âm thì lớn nhưng quyền thì nhẹ, tình thế rất khó xử.

Thông thường hào 5, tượng trưng cho quân chủ, riêng quẻ Minh Di, hào từ nhắc đến Cơ Tử, chỉ làm đến chức tam công hoặc thái sư của vua Trụ ?

Có nhiều cách giải thích : Cơ tử là Hối tử, chỉ vua Trụ (Cơ và Hối đọc tương tự nhau). Hoặc Cơ đọc như Kì ?

Những cách giải thích này không rõ, không thông lắm ; hai cách giảng sau đây tương đối dễ hiểu:

Một, Trình Di giải thích, thường hào 5 là quân vị, nhưng Dịch là biến động tùy thời ; thời Minh di, hào trên cùng âm là cực kì hôn ám, mới là chủ quẻ.

Cơ Tử vốn là trung thần, sáng láng, gần quân chủ hôn ám. Cơ Tử không nỡ bỏ vua Trụ, bỏ nước mà đi ; ở bên vua Trụ, can ngăn vua Trụ thì sẽ bị giết, tình cảnh éo le ngang trái ?

Buộc Cơ Tử phải giả điên, giả dại, ngoài làm tối để giữ cái sáng kiên cố trong lòng (trình), nên không phải là không có lợi ?

Hai, theo sách Dịch Kinh đích trí huệ, Trần Tuyền giải thích : Sở dĩ hào 5 âm nhắc đến Cơ Tử là để đề cao đức sáng của Văn Vương.

Nếu Văn Vương ở địa vị (hào 5, quân vương) như vua Trụ, thì không đối xử với Cơ Tử như vậy. Cơ Tử sẽ không lâm vào nghịch cảnh, phải lấy tối (giả điên giả dại) để giữ sáng cái lòng trung với nước như vậy.

Thủ pháp nghệ thuật là mượn Cơ Tử để nói Văn Vương. Làm tôi tự che cái sáng, làm tối, là vì vua tối, vua sáng thì tôi sẽ tỏa sáng đức độ, tài năng.

(2) Bài văn bia đề miếu Cơ Tử, Liễu Tông Nguyên giải thích tại sao Cơ Tử không chịu chết như Tỉ Can, không chịu bỏ đi như Vi Tử ? Trong đó có đoạn :

Sở dĩ, thầy Cơ Tử nhẫn nhục giả điên cuồng, mong giữ lại cái thân, sẽ có ngày khôi phục nước cũ, chẳng phải đại trung, đại trí hay sao ?

Trinh là trung trinh, trinh chính, minh là trí tuệ ; ông Cơ Tử trung trinh (Cơ Tử chi trinh), bên ngoài giả tối, giả cuồng, nhưng tấm lòng bên trong, cái trí bên trong sáng rõ, như không bao giờ tắt (minh bất khả tức dã).

### 3. Quyền biến

(1) Người trên phải có đức sáng, thì kẻ dưới mới bộc lộ trí tuệ, tài năng. Người trên u tối, thì người dưới, đôi khi phải dấu trí tuệ tài năng. Kẻ sáng thì xứng với chức vị. Người tối có chức vị nhưng chưa chắc thiên hạ đã thừa nhận.

(2) Đức trung trinh, đức sáng của trí tuệ, có thể giúp con người vượt qua được nghịch cảnh.

Thượng lục, bất minh hối, sơ đăng vu thiên, hậu nhập vu địa.

**Hào trên cùng âm, hôn ám, ở chốn hôn ám, thời hôn ám, bóng tối  
mịt mù, chẳng thấy tia sáng, lúc đầu cao hết mực, đến tột trời,  
sau tối hết mực, như lọt vào lòng đất.**

Tượng viết : Sơ đăng vu thiên, chiếu tứ quốc dã ; hậu nhập vu địa thất tắc dã.

Tượng viết : Hào một mà thăng lên trên, thì tình thế đã khác, ánh sáng sẽ chiếu  
khắp nơi, nhưng (hào trên cùng âm) cứ đi xuống đất.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, ở cuối cùng quẻ Khôn, trên cùng quẻ Minh di.

## 2. Hoàn cảnh

(1) Hào trên cùng âm, bản thân hôn ám, ở nơi hôn ám, ở chốn hôn ám, thời hôn ám, bóng tối mịt mù, chẳng thấy tia sáng nào (bất minh hồi).

Xét về vị trí, hào trên cùng âm, lúc đầu cao hết mực, đến tột trời (sơ đẳng vu thiên).

Xét về đức, thì hào trên cùng âm, sau tối hết mực, như lọt vào lòng đất (nhập vu địa).

Địa vị như thế, mà đức như thế ! Thì thật là nguy, trèo cao thì té nặng.

Sách Diên thiết luận viết : Kẻ tiểu nhân mà ở địa vị cao, đạo không thịnh, đức không thường hằng, mà hưởng được suốt đời là điều chưa từng thấy !

(2) Nếu trước đó, hào 1 dương, tiến lên trên thay thế hào 4 âm (sơ đẳng vu thiên), quẻ Minh Di sẽ thành quẻ Giải , tượng trưng cho giải nạn.

Hoặc, nếu hào trên cùng âm lại biến thành dương sẽ thành quẻ Bí , tượng trưng soi rọi khắp nơi (chiếu tứ quốc dã).

Nhưng sự thế thì không như vậy, hào trên cùng, không giữ đạo, không có chuẩn tắc, thiếu ứng biến, u tối gần như hết thuốc chữa, cứ tìm nẻo tối, nẻo đoạn trường mà đi, tìm đất mà chui xuống (hạ nhập vu địa, thất tắc dã).

### 3. Quyền biến

1. Thời Minh di là thời loạn, thời tối tăm, hầu như 5 hào dưới trong quẻ Minh di đều bị thương về thể xác, hoặc đức sáng bị thương tổn, nhưng giữ được đức sáng (minh đức) thì thoát cảnh tối tăm.

2. Riêng hào trên cùng, hào chủ, làm cho ánh sáng bị thương tổn quá nhiều nên lại càng thêm tăm tối, vì thế hào từ, ý ở ngoài lời, không còn nhắc đến chữ Minh di nữa.

Suy ra, làm thương tổn cái sáng của người, diệt cái sáng của người, chính diệt cái sáng của chính mình. Đó là ý nghĩa thâm thúy của quẻ Minh di.

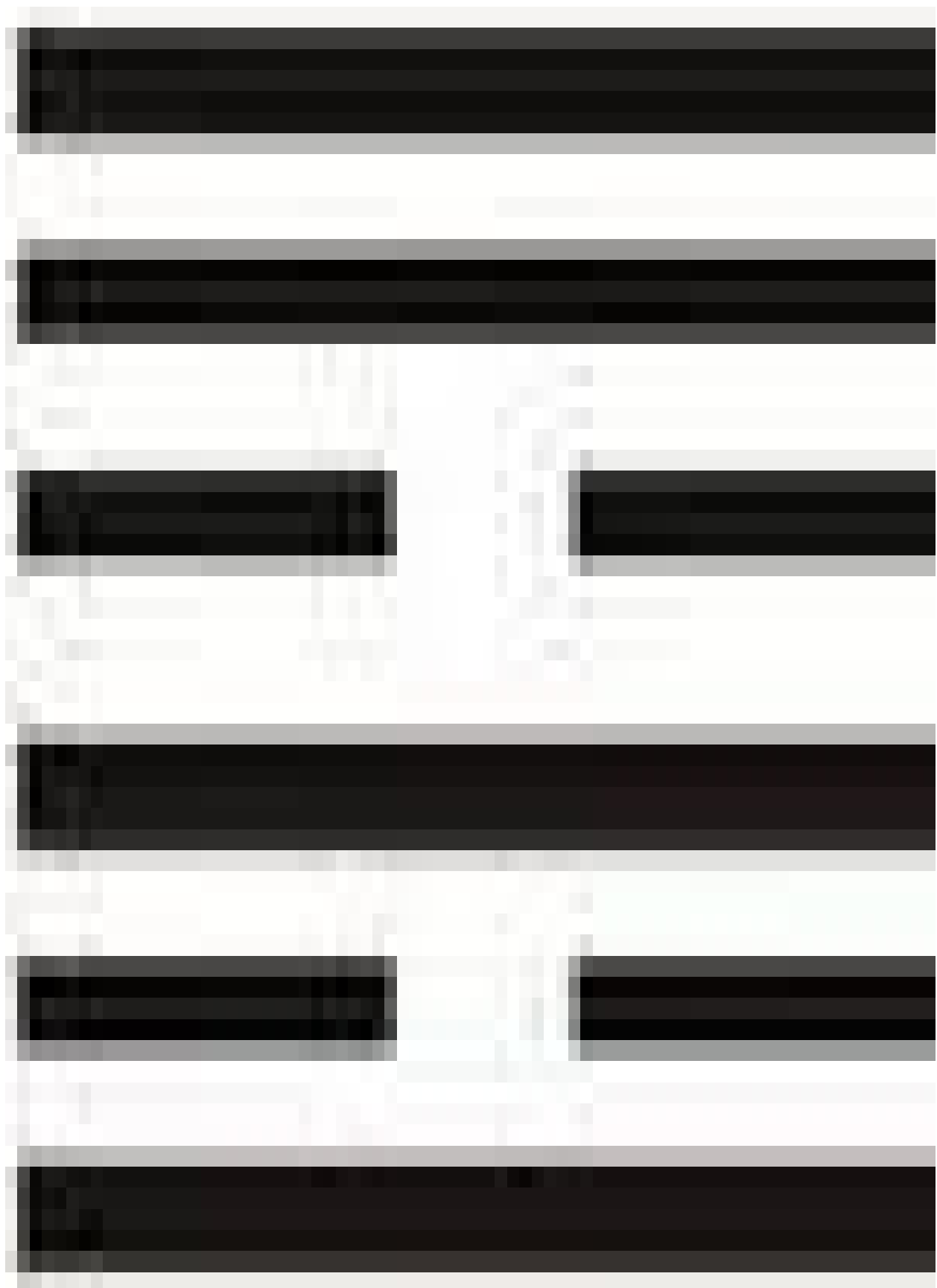
### 37. PHONG HOẢ GIA NHÂN

#### TÊN QUẺ

Thời cổ, chế độ công xã, nhiều người ở trong một khu, thường dùng cái vạc để nấu cơm chung, khi nấu, lửa bốc lên, làm cho gió thổi, nên gọi là Gia Nhân, người trong một nhà.

Người ta cũng thường nói bốn bề một nhà, suy rộng là một xã hội, một quốc gia.

#### HÌNH QUẺ



Dưới Li - hoả, trên Tốn - phong, gọi là Phong Hoả Gia Nhân.

Dưới là Li - hoả, lửa, trên là Tốn - phong, gió, mộc, gió tự lửa mà ra, gọi là Gia Nhân.

Trên Tốn tượng trưng cho mộc, mộc sinh hoả, gió lại giúp thế cho hoả, hoả nóng bốc lên Trời, hoả lại sinh ra gió. Trương Hoành Cừ nói : Lửa là mẹ đẻ ra gió.

## **SOÁN TỪ Ất**

Gia nhân, lợi nữ trinh.

Trên là Tốn, tượng trưng trưởng nữ ; dưới là Li, tượng trưng trung nữ, hai người phụ nữ đã lấy chồng, cùng ở chung một nhà, cùng lo việc trong gia đình (Gia Nhân).

Trinh là không dâm loạn, siêng năng, tiết kiệm (cần kiệm). Người phụ nữ trinh có lợi cho việc nhà (lợi nữ trinh).

Người phụ nữ trinh chính, thì đàn ông trinh chính ; đàn ông trinh chính, thì phụ



nữ trinh chính.

Người xưa cho rằng, gia tề thì nước trị, nước trị thì thiên hạ bình, lợi cho nhà, mới lợi cho nước, lợi cho nước thì mới có lợi cho thiên hạ.

## SOÁN TRUYỆN

Gia nhân, nữ chính vị hồ nội, nam chính vị hồ ngoại, nam nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã. Gia nhân hữu nghiêm quân yên, phụ mẫu chi vị dã. Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ, nhi gia đạo chính, chính gia nhi thiên hạ định hĩ.

Quẻ Gia nhân, hào 2 âm ở chính vị trí âm, ở quẻ trong (quẻ dưới), tượng trưng phụ nữ lo việc trong nhà (nữ chính vị hồ nội).

Hào 5 dương, ở chính vị trí dương, ở quẻ ngoài (quẻ trên), tượng trưng cho người đàn ông lo việc ở ngoài (nam chính vị hồ ngoại).

Đàn ông lấy chính mà xử trí ở ngoài, phụ nữ lấy đạo chính mà xử việc trong nhà (nam nữ chính), là hợp với nghĩa lớn của Trời Đất (Thiên Địa chi đại nghĩa dã).

Người ta thường gọi cha là nghiêm phụ, gọi mẹ là từ mẫu. Quân trong soán từ không có nghĩa là vua, mà chỉ cha mẹ. Nghiêm quân, là làm cha mẹ phải

nghiêm.

Muốn những người trong gia đình trình chính (nam chính, nữ chính), thì cha mẹ phải nghiêm (Gia nhân hữu nghiêm quân yên) và làm đúng chức phận và trách nhiệm của mình (phụ mẫu chi vị dã).

Tuy mẹ rất thương con nhưng phải nghiêm ; người xưa cho rằng, người mẹ không nghiêm là sâu mọt của gia đình (Mẫu chi bất nghiêm, gia chi đổ giả).

Trong gia đình, cha phải giữ đạo làm cha (phụ phụ), con giữ đạo làm con (tử tử), anh giữ đạo làm anh (huynh huynh), em giữ đạo làm em (đệ đệ), chồng giữ đạo làm chồng (phu phu), vợ giữ đạo làm vợ (phụ phụ).

Trong gia đình ai cũng làm tròn đạo lí của mình, thì đạo nhà mới chính (nhi gia đạo chính), đạo nhà đã chính thì thiên hạ an định (gia nhi thiên hạ định hĩ).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Phong tự hoả xuất, Gia nhân ; quân tử dĩ ngôn hữu vật, nhi hành hữu hằng.

Dưới là Li - hoả, trên là Tồn - gió, gió từ lửa thổi ra, lửa sinh ra hơi, hơi sinh ra gió, nên gọi là Gia nhân (Phong tự hoả xuất, Gia nhân).

Trên là Tốn , nếu đảo lại thì thành quẻ Đoài , tượng trưng cho cái miệng, lời nói (ngôn).

Dưới là quẻ Li - lửa, lửa thường phụ thuộc, phải dựa vào vật gì (hữu vật) để cháy. Li còn tượng trưng cho ánh sáng mặt trăng mặt trời ; mặt trời luôn đi mạnh mẽ – thiên hành kiện, mặt trăng cũng luôn vận hành ; mặt trời, mặt trăng luôn vận hành (hành hữu hằng).

Người quân tử bắt chước tượng quẻ Gia nhân, nói việc gì phải có chứng cứ, sáng sủa (dĩ ngôn hữu vật), lời nói luôn luôn đi đôi với việc làm (nhi hành hữu hằng).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, nhàn hữu gia, hối vong.

Hào 1 dương, bắt đầu đạo tề gia mọi người trong nhà phải tuân theo lễ pháp, những việc đáng ăn năn đều tiêu hết.

Tượng viết : Nhàn hữu gia, chí vị biến dã.

Tượng viết : Việc nhà mới bắt đầu, ý chí của mỗi người chưa kịp thay đổi, chưa biến đổi, nên việc đầu tiên là phải ngăn ngừa.

### 1. Sơ cửu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở dưới quẻ Li, dưới cùng quẻ Gia nhân.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 1 dương, ở dưới cùng quẻ Gia nhân, tượng trưng người bắt đầu đạo tề gia.

Nếu hào 1 dương biến thành âm, quẻ Li sẽ thành quẻ Cấn , có tính dừng, ngăn đón, phòng ngừa, nên hào từ nhắc đến nhàn.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 1 dương cương, đắc chính, ở trong quẻ Li, nên có đức sáng, đức nghiêm, đức uy, nhìn xa, nên bắt đầu đạo tề gia phải ngăn ngừa tà ác, dâm loạn, xa xỉ, mọi người trong nhà phải tuân theo lễ pháp (nhàn hữu vong), nên những việc đáng ăn năn, đều tiêu hết.

(2) Việc nhà mới bắt đầu, ý chí của mỗi người chưa kịp thay đổi, chưa biến đổi, nên việc đầu tiên là phải ngăn ngừa (Nhàn hữu gia, chí vị biến dã).

Sách Thành Trai dịch truyện, Dương Vạn Lí giải thích : Dạy vợ từ khi mới đến, dạy con từ thưở còn thơ.

Tục ngữ Việt Nam :

Dạy con từ thưở còn thơ

Dạy vợ từ thưở bơ vơ mới về

Việc ngăn ngừa không chỉ giành riêng cho phụ nữ, con cái, mà ngay cả nam giới cũng phải khép mình theo lễ pháp.

Ví dụ 1 :

Tào Tháo có đến 13 thê thiếp ; vợ cả của Tào Tháo là Biện hậu. Em trai của Biện hậu là Biện Bình, giữ chức Biệt đô tư mã.

Qua nhiều năm, Biện Bình không được thăng chức, nên có ý trách móc và muốn dựa vào chị mình là Biện thị, để được thăng tiến. Tào Tháo biết được liền nói với Biện Bình :

- Người được làm em vợ của ta vẫn chưa đủ sao ?

Việc muốn dựa dẫm để thăng quan tiến chức không thành, Biện Bình liền xoay ra cách kiếm tiền. Tháo thấy vậy, nói :

- Những gì mà người đã ăn cắp còn chưa đủ hay sao ?

Từ đó, Biện Bình không dám ho he.

Ví dụ 2 :

Cao tông Lí Trị, nhà Đường, tư thông với Võ Tắc Thiên, thiếp của vua cha Lí Thế Dân. Sau này, Lí Trị lập Võ Tắc Thiên làm hoàng hậu. Võ Tắc Thiên tàn sát đẫm máu vương tôn công thần, kể cả con cái của mình. Vương triều nhà Đường một phen điêu đứng.

Lục nhị, vô du toại, tại trung quĩ, trình cát.

**Hào 2 âm, xen vào những chuyện khác của chồng, chưa chắc đã thành công, chu toàn bốn phận, một cách trinh chính thì mới tốt.**

Tượng viết : Lục nhị chi cát, thuận dĩ tổn dã.

Tượng viết : Hào 2 dương được tốt, vì thuận tòng hào 5 dương, ở quẻ Tốn.

### 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc trung, đắc chính, ở giữa quẻ Li, ứng với hào 5 dương, đắc trung, đắc chính.

### 2. Hoàn cảnh

Soán vừ đã viết, hào 2 âm tượng trưng người phụ nữ lo việc nhà (nữ chính hồ nội), hào 5 dương, tượng trưng người đàn ông (nam chính hồ ngoại).

Vô du toại, tức là không phải việc gì cũng ôm đồm, hoặc xen vào, không phải (phụ nữ) làm việc gì cũng thành công. Quy chỉ công việc nấu nướng, ăn uống, cơm áo trong gia đình.

### 3. Quyền biến

Hào 2 âm, trung chính, ở giữa quẻ Li, tuy có đức sáng, lo xa, có đức thuận, nhưng bản thân âm nhu, nhu nhược, chưa chắc đã chu toàn việc nhà.

Vì vậy, hào từ khuyên tính chất người phụ nữ như hào 2 âm không nên xen vào những chuyện khác của chồng, chưa chắc đã thành công (vô du toại), thuận ứng theo hào 5 dương (chồng) để chu toàn bốn phận, lo cơm ăn áo mặc cho gia đình (tại trung quy), một cách trinh chính thì mới tốt (trinh, cát).

Sách Nhan thị gia huấn, Nhan Chi Thôi cho rằng : Phụ nữ chủ về việc lo ăn uống, cơm rượu, cơm áo cho những người trong gia đình.

Người phụ nữ không nên tự cho mình là tài trí, thông kim bác cổ, bỏ bê việc gia đình, xen vào việc (chính sự) của chồng, phụ giúp chồng những việc bên ngoài, nếu tài trí không đủ sẽ sinh hoạ gà mái gáy sớm (tấn kê mẫu minh).

Ví dụ :

Sách Hậu Hán thư kể, thời Hán An đế. Nhữ mẫu của Hán An đế cầu kết với bọn hoạn quan, thao túng triều đình làm loạn chính sự. Dương Chấn dâng sớ lên nhà vua, trong sớ dẫn câu thơ : Cui chùng gà mái gáy như gà trống (Giới tấn kê mẫu minh).

(2) Hào 2 dương được tốt (lục nhị chi cát), vì thuận tòng hào 5 dương, ở quê Tốn (thuận dĩ Tốn dã). Hoặc vợ thuận theo chồng, nữ thuận theo nam là tốt.

Cửu tam, Gia nhân hác hác, hối lệ, cát ; phụ tử hi hi, chung lận.



Hào 3 dương, chủ gia đình nghiêm khắc, quá lo xa, hay soi xét, khiến cho người trong nhà trách móc, ta oán, nhưng dù có hối hận, hơi đau lòng nhưng kết cục là tốt ; việc tề gia không nghiêm để đàn bà con trẻ ồn ào như chợ, kết cục phải gặp nguy, mắc lấy điều xấu hổ.

Tượng viết : Gia nhân hác hác, vị thất dã ; phụ tử hi hi, thất gia tiết dã.

Tượng viết : Việc tề gia, quá nghiêm, người nhà có thể ta oán nhưng không có hại cho gia đình ; việc tề gia mà buông lỏng, để phụ nữ, trẻ con trong nhà ồn ào, là mất tôn nghiêm mất lễ tiết.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương - cương, ở vị trí dương, đắc chính, không ứng với hào trên cùng dương, ở trên cùng quẻ Li.

## 2. Hoàn cảnh

Hác hác là tiếng oán, tiếng than ; hối lệ là hối hận, hơi đau. Hi hi là tiếng nói cười ồn ào của trẻ em, phụ nữ.

(1) Hào 3 dương, ở vị trí dương, nên rất cương, rất nghiêm khắc ; ở trên cùng quẻ Li nên quá sáng, quá lo xa, hay soi xét, với tính cách gia trưởng, khiến cho người trong nhà trách móc, ta oán (gia nhân hác hác), nhưng dù có hối hận, hơi đau lòng nhưng kết cục là tốt (cát).

Hào 3 dương cùng với hào 2 âm, hào 4 âm hợp thành quẻ Khảm, tượng trưng cho nguy hiểm, nên hào từ đề cập đến xấu hổ (chung lận).

Nếu hào 3 dương không nghiêm trong việc tề gia, để đàn bà con trẻ ồn ào như chợ (phụ tử hi hi), kết cục phải gặp nguy, mắc lấy điều xấu hổ (chung lận).

(2) Trong việc tề gia, quá nghiêm, người nhà có thể ta oán nhưng không có hại cho gia đình (Gia nhân hác hác, vị thất giả). Trong việc tề gia mà buông lỏng, để phụ nữ, trẻ con trong nhà ồn ào, là mất tôn nghiêm, mất lễ tiết (phụ tử hi hi, thất gia tiết giả).

Có sách giảng, trong nhà có tiếng nói, tiếng cười của trẻ con, phụ nữ là vui, biểu thị sự hoà thuận, là vui hợp với thiên luân.

Hi hi là tiếng cười nói ồn ào, tiếng vói vĩnh, để được chiều chuộng, nuông chiều, không hợp với thiên luân, là mầm của tai hoạ.

Ví dụ :

Con trai cả của Viên Thiệu là Viên Đàm, con trai thứ là Viên Thượng. Viên Thượng có hình dáng rất đẹp, nên được Viên Thiệu yêu mến, bỏ Viên Đàm lập

Viên Thượng.

Lúc Viên Thiệu đánh nhau với Tào Tháo, bị Tào Tháo đánh bại. Hai anh em bất hoà, không lo chống Tào Tháo mà sinh sự ra đánh nhau. Sự nghiệp của Viên Thiệu tiêu tan.

### 3. Quyền biến

Trong việc tề gia phải nghiêm, đôi khi quá nghiêm khắc, dù có đau lòng hối hận thì vẫn tốt. Nhưng lại quá yêu chiều vợ, con, lại là mầm của tai hoạ.

Lục tứ, phú gia, đại cát.

Hào 4 âm, trong gia đình, trên dưới một lòng, có người vợ thuận tòng, nuôi dưỡng con cái, người trong nhà no đủ, của cải tăng lên, gia đạo hưng thịnh, thì không có gì tốt bằng.

Tượng viết : Phú gia đại cát, thuận tại vị dã.

Tượng viết : Sở dĩ gia đạo hưng thịnh, no đủ, không có gì tốt bằng, vì hào 4 dương thuận tòng, giữ đúng bốn phận, vị trí của mình.

## 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ứng với hào 1 dương, dưới hào 5 dương, ở quẻ Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 âm, ở dưới cùng quẻ Tốn, Thuyết quái truyện cho rằng, Tốn lợi đến 3 lần nên hào từ gọi là gia phú, có thể đọc là phú gia.

Hào 4 âm, đắc chính, ở quẻ Tốn có tính thuận, trên thuận ứng với hào 5 dương (chí tôn), dưới ứng với hào 1 dương.

Trên dưới thuận hoà, đồng lòng, đồng sức, gia đạo hưng thịnh (gia phú), gia đạo hưng thịnh thì của cải tăng gấp bội (gia phú).

## 3. Quyền biến

(1) Sách Chu Dịch triết trung, phân tích : Hào 4 ở những quẻ khác, tượng trưng là thần, là tôi. Riêng quẻ Gia nhân tượng trưng người vợ, đạo làm vợ. Trong gia đình, cha có bốn phận giáo dục con cái, mẹ có bốn phận nuôi dưỡng con cái.

Trong một gia đình, trên dưới một lòng, có người vợ thuận tòng, nuôi dưỡng con cái, người trong nhà no đủ, của cải tăng lên, gia đạo hưng thịnh (phú gia), thì không có gì tốt bằng (đại cát).

(2) Sở dĩ gia đạo hưng thịnh, no đủ, không có gì tốt bằng (phú gia, đại cát), vì hào 4 dương thuận tòng, giữ đúng bốn phận, vị trí của mình (thuận tại vị dã).

Cửu ngũ, Vương giả (cách) hữu gia, vật tuất, cát.

Hào 5 dương, như Văn Vương, thực hành đạo tề gia cực thịnh, dẫn đến việc trị quốc, bình thiên hạ tốt đẹp, không có gì lo lắng, nên tốt lành.

Tượng viết : Vương cách (cách) hữu gia, giao tương ái dã.

**Tượng viết : Văn Vương khéo trị nhà, làm cho mọi người thương yêu nhau.**

### 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc trung đắc chính, ở cương vị chí tôn, ứng với hào 2 âm, trung chính.

## 2. Hoàn cảnh

Vương là Chu Văn Vương ; cách nghĩa là lớn, thịnh ; Vương cách hữu gia là Chu Văn Vương tạo ngôi nhà lớn, đạo tề gia thịnh ; vật tuất là không lo lắng.

## 3. Quyền biến

(1) Hào 5 dương, ở địa vị chí tôn, là chủ quẻ, thực hành đạo tề gia cực thịnh (Vương cách hữu gia), dẫn đến việc trị quốc, bình thiên hạ tốt đẹp, không có gì lo lắng (vật tuất), nên tốt lành (cát).

(2) Văn Vương thực hành đạo tề gia thịnh (Vương cách hữu gia), khiến những người trong gia đình thương yêu nhau (giao tương ái).

Sách Chu Dịch cổ sử quan giải thích : Đạo một gia đình được lập, thì người trong nhà thương yêu nhau ; đạo một quốc gia được lập, thì người trong nước thương yêu nhau ; đạo thiên hạ được lập thì người trong thiên hạ thương yêu nhau. Đó là ý nghĩa của chữ giao tương ái.

Thượng cửu, hữu phu, uy như, chung cát.

Hào trên cùng dương, đạo tề gia vừa cương vừa nhu, thái độ vừa khiêm cung hoà thuận, vừa thành tín, vừa nghiêm trang, nên tốt đẹp dài lâu.

Tượng viết : Uy như chi cát, phản thân chi vị dã.

Tượng viết : Nghiêm trang là tốt, xét lại bản thân một cách nghiêm cần.

### 1. Thượng cửu

**Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, bất chính.**

### 2. Hoàn cảnh

Hào trên dùng dương – cương, bất chính, không ứng với hào 3 dương bên dưới, ở trên cùng quẻ Gia nhân, thường chuyển hoá mâu thuẫn, nhưng hào từ gọi là tốt đẹp dài lâu (chung cát) ?

### 3. Quyền biến

(1) Hào trên cùng dương là hào thực, nên hào từ nhắc đến chữ tín, thành tín (phu) ; là hào dương – cương, ở vị trí trên cùng, nên hào từ đề cập đến nghiêm

trang (ngghiêm như).

Hào trên cùng dương – cương, nhưng ở vị trí âm - nhu, nên đạo tề gia vừa cương vừa nhu, thái độ vừa khiêm cung hoà thuận, vừa thành tín (hữu phu), vừa ngghiêm trang (uy như), nên tốt đẹp dài lâu (chung cát).

(2) Ngghiêm trang là tốt (uy như chi cát), nhưng trước hết phải xem xét lại đạo tề gia của mình một cách ngghiêm cẩn (phản thân chi vị giả).

Nếu chỉ ngghiêm với người mà không tự xem xét đạo tề gia của mình một cách ngghiêm cẩn thì chưa chắc là được tốt.

Ví dụ :

Trước khi sắp mất, Gia Cát Lượng dâng biểu cho Hậu chủ, trong đó có đoạn :

Nhà thần, ở Thành Đô có tám trăm gốc dâu, có 15 khoảnh ruộng xấu, người trong nhà đủ ăn đủ mặc.

Trong khi thần ra ngoài làm việc... y phục tùy thân, việc ăn uống đều do trong cung cung cấp, không hề đòi hỏi nào, để mong được cung phụng một cách đặc biệt và hoang phí.

Nếu mai kia thần chết, trong nhà không có một tấm lụa thừa, bên ngoài không thêm tài sản nào khác.



Có như vậy, thần mới không phụ lòng bệ hạ.

## TIỂU KẾT

### 1. Gia đình

Sáu hào trong quẻ Gia nhân, tượng trưng sáu người trong gia đình : Hào 1 là con. Hào 3, hào 5 là chồng. Hào 2, hào 4 là vợ. Hào 4 là em. Hào trên cùng là cha.

Biểu thị sự tôn ti, trật tự trong gia đình.

Dưới là Li, còn gọi là nội quái ; trên là Tốn, còn gọi là ngoại quái ; nữ lo chuyện gia đình, nam lo chuyện bên ngoài hoặc nam nữ hữu biệt.

### 2. Những việc trong gia đình

Sách Chu Dịch cổ lịch quan, Hồ Phác An tổng hợp :

Hào 1, nói về việc phòng xa trong xa đình.

Hào 2, nói về người phụ nữ chăm lo việc gia đình.

Hào 3, nói về việc giữ lễ tiết trong gia đình.

Hào 4, nói về sự hưng thịnh của đạo tề gia.

Hào 5, nói về tình thân ái.

Hào 6, nói về người chủ gia đình phải luôn xem lại bản thân mình.

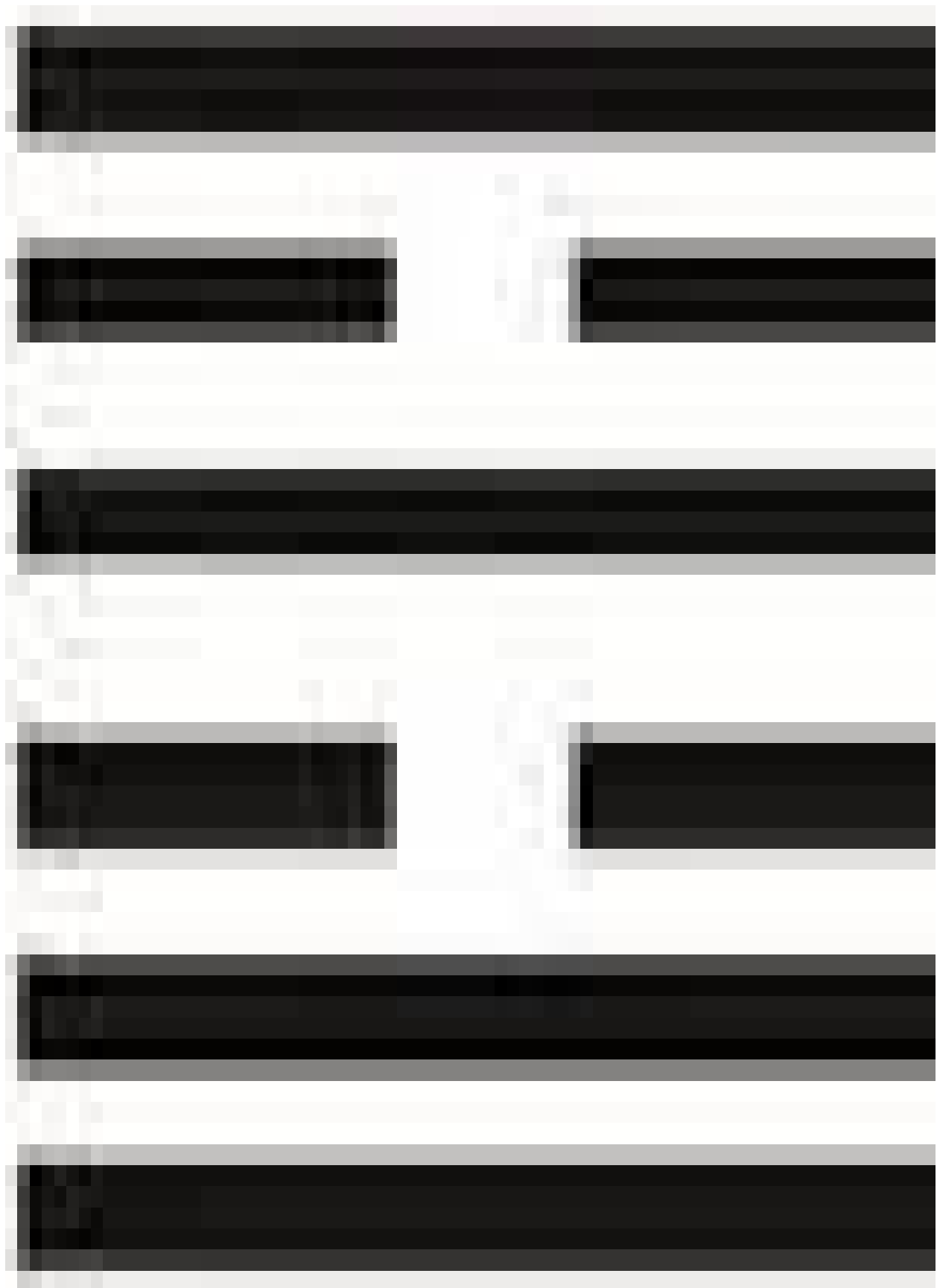
Đó là những việc cần phải chú ý trong việc tề gia.

### 38. HOẢ TRẠCH KHUÊ

#### TÊN QUẺ

Tự quái truyện giải thích : Gia đạo đến cùng tất ngang trái, chia lìa, gọi là Khuê. Khuê có nghĩa là quai (quái), quai là li tán, cách biệt, không hợp nhau.

#### HÌNH QUẺ



Dưới Đoài- trạch, trên Li - hoả, gọi là Hoả Trạch Khuê.

Dưới là Đoài - trạch, tính của trạch có tính ngấm xuống. Trên là Li - hoả, hoả có tính bùng lên. Một bên ngấm xuống, một bên bùng lên, hai bên trái nhau, nên gọi là Khuê.

## SOÁN TỪ

Khuê, tiểu sự cát.

Đoài tượng trưng thiếu nữ, Li tượng trưng trung nữ ; hai nữ, hai chị em, cùng ở chung một nhà. Em gái hướng về cha mẹ, chị gái hướng về nhà chồng, ở chung nhà nhưng chí hướng khác nhau, nên gọi là Khuê.

Tiểu sự là việc nhỏ hoặc cẩn thận tùy theo sự việc (tiểu tâm tòng sự) hoặc nhu thuận theo người.

Đã chí hướng khác nhau thì nên làm việc nhỏ hoặc cẩn thận tùy theo từng sự việc hoặc thuận tòng theo mới tốt (tiểu sự cát).

Ví dụ :

Trong lúc Lưu Bang đang tranh hùng với Sở vương Hạng Võ, thì các tướng của Lưu Bang như Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố, mỗi người cầm một đội quân, lấy cố tướng ở ngoài, không nghe theo lệnh vua, muốn quay lưng (khuê vi) lại với Hán vương, tự lập làm vua.

Cán cân quân sự bị nghiêng lệch, Lưu Bang rất lo sợ.

Trương Lương hiến kế, nên sai sứ giả đem ấn phong vương cho Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố... cùng hợp lực đánh Sở vương Hạng Võ.

Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố sau khi được phong, liền tập trung quân lực bủa vây Hạng Võ ở Cai Hạ.

Nhờ biết đạo tề Khuê, Lưu Bang đã chuyển bại thành thắng.

## **SOÁN TRUYỆN**

Khuê, hoả động nhi thượng, trạch động nhi hạ, nhị nữ đồng cư, kì chí bất đồng hành. Thuyết (duyet) nhi lệ hồ minh, nhu tiến nhi thượng hành, đắc trung ứng hồ cương, thị dĩ tiểu sự cát. Thiên địa Khuê nhi kì sự đồng dã ; nam nữ Khuê nhi kì chí thông dã ; vạn vật Khuê nhi kì sự loại dã. Khuê chi thời dụng đại hĩ tai !

Li - hoả, tính hoả khi phát động thì bùng lên trên (hoả động nhi thượng), Đoài là trạch, tính của trạch, khi phát động thì đi xuống dưới (trạch động nhi hạ).

Li tượng trưng trung nữ, Đoài tượng trưng thiếu nữ, như hai nữ cùng ở chung một nhà (nhi nữ đồng cư), nhưng tính và chí của hai người khác nhau, nên không đi chung với nhau (kì chí bất đồng hành). Vì tính khác nhau, chí khác nhau, mỗi người đi mỗi ngã nên gọi là Khuê.

Li có đức sáng, Đoài có đức hoà duyệt, nên đã dựa vào đức sáng của Li (duyet nhi lệ hồ minh) ; hào 5 âm tuy âm nhu tiến lên (nhu tiến nhi thượng hành) làm chủ quẻ Khuê, hào 5 âm đặc trung hạ ứng với hào 2 dương cương (đặc trung nhi ứng hồ cương), được hào 2 dương trợ giúp. Hoà duyệt theo đức sáng, thì làm được việc nhỏ, có tính cẩn thận, thuận theo người thì tốt (tiểu sự cát).

Trời cao, Đất thấp, tuy khác nhau (Thiên Địa chi Khuê) ; nhưng Trời Đất có sự giống nhau là cùng chở che vạn vật (nhi kì sự đồng dã).

Nam thuộc dương, nữ thuộc âm, tuy khác nhau (nam nữ chi Khuê) ; nhưng nam cầu hợp với nữ, nữ cầu hợp với nam, chí tương cầu thông với nhau (nhi kì chí thông dã).

Vạn vật có nhiều loài khác nhau (vạn vật Khuê) ; nhưng việc sinh hoá vẫn theo từng loài (nhi kì sự loại dã).

Thế mới thấy được cái diệu dụng to lớn ở thời Khuê ! (Khuê chi thời dụng, đại hỉ tai !)

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Thượng hoả hạ trạch, Khuê ; quân tử dĩ đồng nhi dị.

Trên Li - hoả , dưới Đoài - trạch, hoả có tính bùng lên, trạch có tính hạ xuống, trái nhau, mâu thuẫn nhau, gọi là Khuê, quân tử xem tượng ấy mà phân biệt trong cái đồng (giống nhau), có cái dị (khác nhau).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, hối vong. Táng mã, vật trạch, tự phục ; kiến ác nhân, vô cửu.

Hào 1 dương, hối hận tiêu hết. Li sẽ hợp như mất ngựa đừng tìm tự nó sẽ về, gặp kẻ ác, tránh được lỗi.

Tượng viết : Kiến ác nhân, dĩ tích (tị) cữu dã.

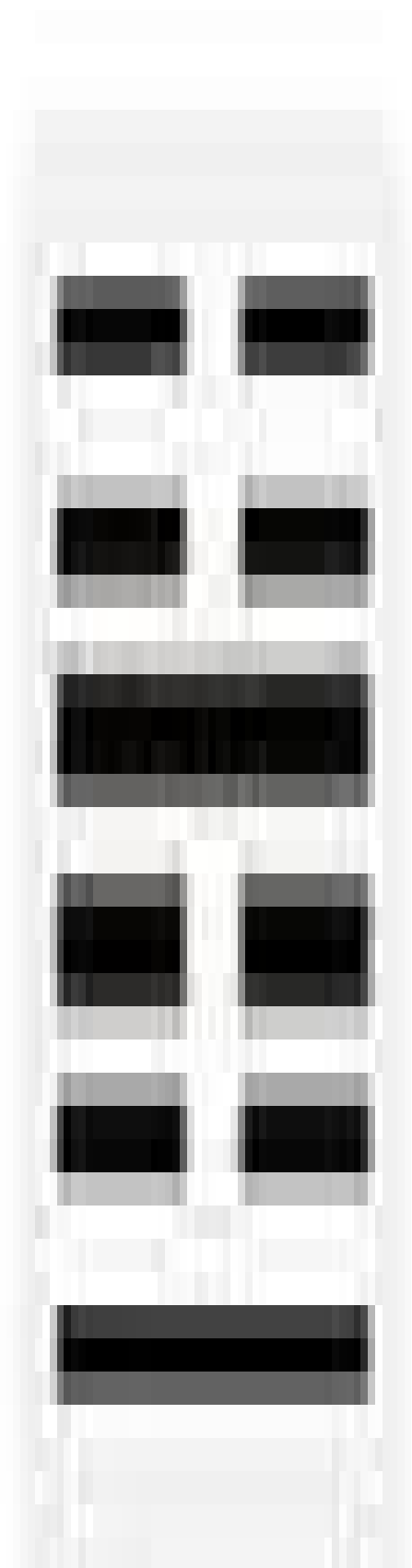
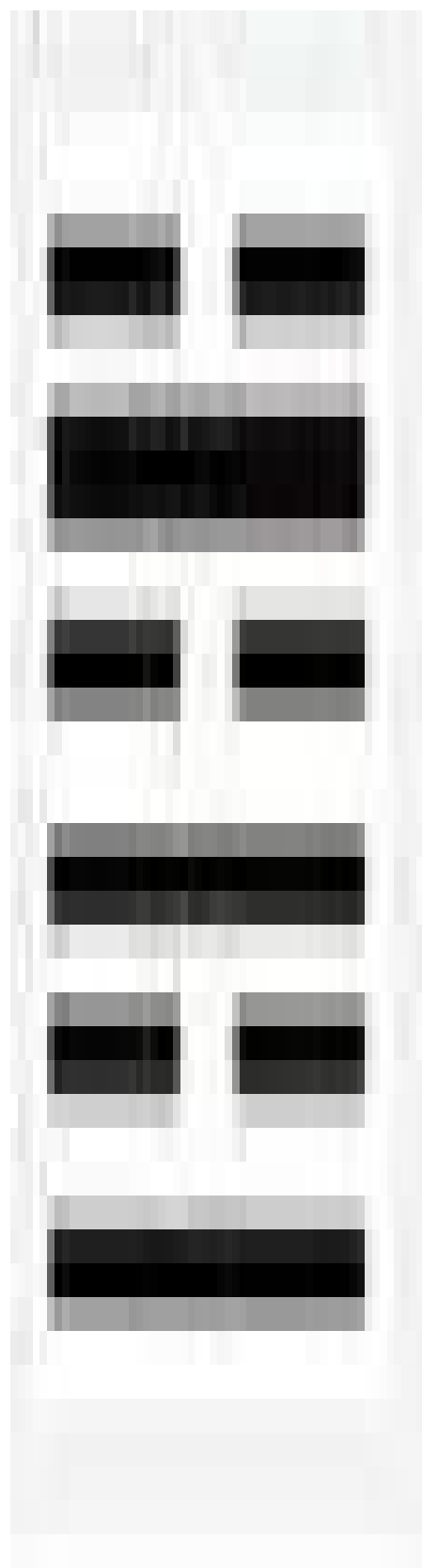
Tượng viết : Gặp ác nhân, để nó không ghét mình.

## 1. Sơ cứu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở dưới quẻ Đoài, vị trí thấp nhất của quẻ Khuê.

## 2. Hoàn cảnh





Vật trực là chẳng cần tìm, không chỉ được nhắc đến ở quẻ Khuê, mà còn được nhắc đến ở trong quẻ Kí Tể (hình bên trái) và quẻ Thuần Chấn (hình phải).

Quẻ Kí Tể nếu hào 2 âm biến thành dương và hào 3 dương biến thành âm, quẻ Li dưới sẽ biến thành quẻ Đoài, hào từ hào 2 âm viết : Người phụ nữ đi xe mà mất cái mũ xe che, nhưng chẳng cần tìm, chỉ cần bảy ngày là được có mũ xe đi được (Phụ táng kì phát, vật trực, thất nhật đắc).

Quẻ Thuần Chấn , hào 2 âm biến thành dương, quẻ Chấn dưới sẽ thành quẻ Đoài, hào từ hào 2 âm viết : Chấn động đột nhiên đến, có nguy cơ, e chừng mất của, nên phải liệu lên gò cao để tránh, tự nhiên, bảy ngày không can gì (Chấn lai, lệ, ức táng bối, tên vu cửu lãng, vật trực, thất nhật đắc).

Sở dĩ, hai quẻ đều nói bảy ngày được (thất nhật đắc), tức mỗi quẻ Dịch có sáu hào vị, hết sáu hào (đến hào thứ bảy) sẽ thành quẻ khác. Bảy ngày được là chỉ sự trấn tĩnh, chờ thời cơ biến đổi.

Mất ngựa (táng mã) là nói đến chia lìa ; ngựa tự quay về (tự phục) là nói đến sự tụ hợp, hợp ; gặp người ác là tụ hợp là đồng, người quân tử khác với ác nhân là khác (dị).

### 3. Quyển biến

(1) Hào dương, ở vị trí dương, đắc chính, tuy ở vị trí thấp nhất nhưng ở trong thời Khuê (do chí hướng khác nhau, tính cách khác nhau), nên không thể không mất mát, như mất ngựa, không thể không gặp người ác, tất nhiên có hối hận,

nhưng hối hận sẽ mất đi (hối vong).

Nhưng hào 1 dương, ở trong quẻ Đoài có tính hoà duyệt, trấn tĩnh, thản nhiên, hiểu rõ lẽ li hợp, như mất ngựa chẳng cần tìm mà ngựa vẫn trở về (táng mã, vật trục, tự phục) ; gặp người ác, hiểu rõ lẽ đồng – dị, nên không tội lỗi (kiến ác nhân, vô cữu).

(2) Trong thời Khuê không thể không gặp người ác, gặp người ác không phải là theo chúng, mà cốt cho chúng khỏi thù oán với mình (Kiến ác nhân, dĩ tị cữu dã).

Cửu nhị, ngộ chủ vu hạng, vô cữu.

**Hào 2 dương, bỏ tiểu tiết để gặp chủ, không có lỗi.**

Tượng viết : Ngộ chủ vu hạng, vị thất đạo dã.

Tượng viết : Bỏ tiểu tiết gặp chủ, không mất đạo lí thời Khuê.

## 1. Cửu nhị

Hào 2 dương - cương, ở vị trí âm, thất chính, ứng với hào 5 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương, hào 3 âm, hào 4 dương hợp thành quẻ Li, có đức sáng.

Hào 2 dương, cương, ở vị trí âm, tuy thất chính, nhưng cương hoá thành nhu, khiêm tốn, cẩn thận, sáng suốt ở trong thời Khuê.

Ở thời khác, hào 2 dương ứng với hào 5 âm là việc bình thường, nhưng ở trong thời Khuê, thì phải đi đường tắt, hẹn nhau ở ngõ hẹp, tức là cả quân và thần phải bỏ qua những tiểu tiết mới gặp nhau để làm việc tế Khuê.

Hào 2 dương ứng với hào 5 âm, trung chính, âm dương tương ứng là tốt (cát) nhưng hào từ chỉ nói không tội lỗi (vô cửu) ?

Sách Thành Trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí giải thích, sở dĩ, ở hoàn cảnh hào 2 dương không được tốt mà chỉ không tội lỗi là do gặp ba điều bất hạnh :

Một, ở thời Khuê.

Hai, là hào 5 âm, quân chủ, nhu nhược.

Ba, hào 2 dương không được các hào khác giúp đỡ.

### 3. Quyền biến

(1) Ở thời Khuê, gặp quân chủ nhu nhược, không có người nâng đỡ, nên cẩn thận, nhu, sáng suốt, bỏ qua tiểu tiết để gặp quân chủ thì mới không tội lỗi.

(2) Đạo, chỉ việc cư xử ở thời Khuê. Vượt qua tiểu tiết để gặp quân chủ, hoặc người cùng chí hướng, là không sai với việc cư xử ở thời Khuê (Ngộ chủ vu hạng, vị thất đạo dã).

Ví dụ :

Bách Lí Hề vốn là kẻ chăn trâu, tuổi đã cao, nhưng vẫn cầu tiến thân, giúp Tần Mục Công. Nịnh Thích giả đi ca hát giữa chợ để mong gặp Tề Hoàn Công.

Bách Lí Hề, Nịnh Thích bỏ qua tiểu tiết để gặp chủ. Tần Mục Công, Tề Hoàn Công bỏ qua tiểu tiết để dùng người.

Lục tam, kiến dư duệ, kì nguừ xiết, kì nhân thiên thả tị, vô sơ hữu chung.

Hào 3 âm, xe bị níu, bò bị cản, không tiến được như người bị hành tội, mới đầu cách trở, sau gặp nhau.

Tượng viết : Dư duệ, vị bất đáng dã ; vô sơ hữu chung, ngộ cương dã.

Tượng viết : Xe bị níu, vì không đáng vị ; đầu gay go sau gặp nhau.

## 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, thất chính, ứng với hào 6 dương, thất chính.

## 2. Hoàn cảnh

Dư là chiếc xe, duệ là kéo lui. Kiến dư duệ, kì nguừ xiết, là con trâu kéo xe, bị người ta níu lại. Thiên là người bị tội gọt tóc ; kì nhân thiên thả tị, là người bị tội gọt tóc, xẻo mũi.

Hào 3 âm ở vị trí dương, thất chính, lại ở trên cùng quẻ Đoài, gần như không có sức lực.

Hào 3 âm, hào 4 dương, hào 5 âm, hợp thành quẻ Khảm , tượng trưng cho nguy hiểm, tai hoạ.

Hào 3 âm, ở trên hào 2 dương, dưới hào 4 dương, một âm ở giữa hai dương ; tượng trưng hào 3 âm đang đánh xe trâu lên ứng với hào trên cùng dương, vừa bị hào 2 dương kéo lại (kiến dư duệ), vừa bị hào 4 dương ngăn cản con trâu (kì ngư xiết), lui tới đều khó khăn, làm cho thân thể bị thương như bị cực hình cắt tóc, xẻo mũi (kì nhân thiên thả tị), tình cảnh ban đầu rất gay go (vô sơ) nguy hiểm.

### 3. Quyền biến

(1) Nhưng hào 3 âm ở cuối quẻ Đoài có tính hoà duyệt, nhu thuận, rất mực cẩn thận. Hào 3 âm, hào 2 dương và hào 4 dương, hợp thành quẻ Li , có đức sáng, thượng ứng với hào trên cùng dương, biết tiến, biết lui, biết dừng, đã chuyển nguy thành an, được tốt (hữu chung).

Nếu hào 3 âm biến thành dương, quẻ Khuê sẽ thành quẻ Đại hữu. Hào từ hào 3 dương, quẻ Đại Hữu, viết : Tước công được thiên tử đến nhà ăn tiệc, kẻ tiểu nhân không được như thế (Công dụng vu thiên tử, tiểu nhân phát khắc).

Suy ra, thời Khuê, hoàn cảnh gay go (vô sơ), chỉ có người quân tử quyền biến, chuyển sang tốt (hữu chung), còn tiểu nhân không được như thế.

(2) Hào từ nêu hào 3 âm ở giữa hai tình huống là bị hào 2 dương kéo xe lại (kiến dư duệ) và bị hào 4 dương chặn đầu trâu (kì ngư xiết).

Tượng từ chỉ nêu một tình huống là bị hào 2 dương kéo xe (kiến dư duệ), không còn bị hào 4 dương chặn đầu trâu.

Chứng tỏ hào 4 dương không còn ngăn cản hào 3 âm, để hào 3 âm tiến lên với hào trên cùng dương - cương, vì hào 3 âm - nhu, đã dùng nhu chế cương.

Nguyên nhân, hào 3 âm vẫn còn bị níu xe, vì không xứng với vị của mình (kiến dư duệ, vị bất đáng giả).

Nhờ quyền biến, cẩn thận, lấy nhu thắng cương, sáng suốt, biết tiến biết thoái, biết dừng, vượt qua gay go, cuối cùng ứng được với hào trên cùng dương (vô sơ hữu chung, ngộ cương dã).

Ví dụ :

Người cha lúc chết dặn Tư Mã Thiên :

- Chữ hiếu trước hết là thờ cha, sau mới thờ vua, sau cùng phải lập nên sự nghiệp, lưu danh lại đời sau, làm vẻ vang cho cha mẹ, tổ tiên.

Do ông biện hộ cho Lí Lăng về việc đầu hàng Hung Nô, nên bị ghép vào tội nhục nhất thời đó là thiến. Ông rất đau khổ, muốn chết quách cho xong, nhưng nhớ lời cha dặn, đành sống để viết bộ Sử kí.



Giọng văn Tư Mã Thiên đôi chỗ ngậm ngùi, đầy tâm sự bi ai, ông viết : Người hiền thật biết tiếc vì cái chết, kẻ hèn kém vì chút tiểu tiết cảm kích mà tự sát thì đâu được cái dũng, chẳng qua là họ không có được lối thoát mà thôi !

**Cửu tứ, Khuê cô, ngộ nguyên phu ; giao phu, lệ vô cữu, chí hành dã.**

Hào 4 dương, ở thời Khuê bị cô lập, nếu gặp được đại nhân, mà chí thành kết hợp với nhau bằng sự thành tín, trong hoàn cảnh nguy hiểm, kết quả không có lỗi, lại còn thực hiện được chí hướng.

Giao phu vô cữu, chí hành dã.Ất

Tượng viết : Lấy lòng thành tín kết giao không chỉ không tội lỗi mà còn thực hiện chí tề Khuê.

### 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, thất chính.

## 2. Hoàn cảnh

**Nguyên có nghĩa là lớn, là hào dương lớn, hào âm là tiểu ; phu là người, nguyên phu là đại nhân, chỉ hào 1 dương.**

Hào 4 dương thất chính, lại ở giữa hai hào âm, tượng trưng cho sự bị cô lập, độc lập (Khuê cô).

Hào 4 dương, hào 3 âm, hào 5 âm hợp thành quẻ Khảm, tượng trưng nguy hiểm (lệ).

## 3. Quyền biến

(1) Hào 4 dương, ở vị trí âm, tuy cương mà xử nhu, khiêm tốn, lấy lòng thành tín kết giao với hào 1 dương (giao phu), kết quả là không tội lỗi (vô cữu).

(2) Thời Khuê, hào 4 dương và hào 1 dương, tuy hai hào dương nhưng lấy lòng thành tín kết giao với nhau, không chỉ là không tội lỗi (giao phu vô cữu) mà còn thực hiện được chí hướng tề Khuê của mình (chí hành dã).

Ví dụ :

Nhà Đường, dưới thời Võ Hậu, Địch Nhân Kiệt là người cương trực, bị Võ Tam Tư, Lai Tấn Thần câu kết với nhau, cô lập và hãm hại.

Địch Nhân Kiệt kết thân với Diêu Sùng, Trương Giản, cùng đồng tâm cứu nhà Đường. Kết cục, Đường Huyền Tông lên ngôi, mở ra thời bình trị, gọi là Khai Nguyên chi trị.

Lục ngũ, hối vong, quyết tông, phệ phu, vãng, hà cữu?

Hào 5 âm, hối hận tiêu hết, mối quan hệ vua tôi ngày càng ngày càng thân tình như cắn miếng thịt mềm, làm việc gì có người giúp đỡ, không có lỗi.

Tượng viết : Quyết tông phệ phu, vãng hữu khánh dã.

Tượng viết : Quan hệ giữa vua tôi thân thiết như cắn miếng thịt mềm, công việc càng ngày càng tốt đẹp.

1. Lục ngũ

Hào 5 âm - nhu, ở vị trí dương, nhưng có đức trung, ở giữa quẻ Đoài.

## 2. Hoàn cảnh

Tông là tông thân, quyết tông là vị trọng thần thân thích, chỉ hào 2 dương.

Hào 5 âm, ở giữa quẻ Li, tượng trưng cái miệng, nên hào từ nhắc đến việc cắn vào miếng thịt mềm (phê phụ), muốn ăn thịt trước cắn lớp da, sau đó đến thịt, đến xương ; ý chỉ mối quan hệ càng ngày càng thân, càng sâu.

Hào 5 âm (nhu), ở vị trí dương (thất vị) ; hào 5 âm, hào 4 dương, hào 3 âm, hợp thành quẻ Khảm, tượng trưng sự hối hận (hữu hối), nguy hiểm (hung). Nhưng hào từ lại nói hối hận tiêu hết (hối vong), lại nói không có lỗi gì (hà cữu) ?

## 3. Quyền biến

(1) Nguyên, hào 5 âm, quân chủ, hạ ứng với hào 2 dương, trọng thần, có tài dương cương, được hào 2 dương phò tá nên hối hận tiêu hết (hối vong). Mối quan hệ giữa vua với trọng thần ngày càng thân tình (quyết tông phê phụ), hào 5 âm muốn làm việc gì thì có hào 2 dương giúp đỡ, nên không có lỗi gì (vãng hà cữu) ?

(2) Trong thời Khuê, mối quan hệ giữa hào 5 âm - quân với hào 2 dương - thần, càng thân thiết (quyết tông phê phụ), thì công việc càng ngày càng tốt đẹp (vãng hữu khánh).

Ví dụ :

Chu Thành vương, lúc nên ngôi còn trẻ, thông minh, tín nhiệm và được Chu Công Đán phò tá, nên làm nên đại nghiệp.

Lưu Thiện lên ngôi, mặc dầu ngu mê, nhưng được Gia Cát Lượng hết lòng phò tá thì cũng không đến nỗi nào. Gia Cát Lượng mất, thì nhà Thục cũng suy yếu.

Thượng cừu, Khuê cô, kiến thi phụ đồ, tải quý nhất xa, tiên trương chi hồ, hậu thuyết (thoát) chi hồ ; phi khẩu hôn cấu, vãng ngộ vũ, tắc cát.

Hào trên cùng dương, thời Khuê bị cô lập, nghi sinh ra ghét, thấy người ta như con heo đội cục bùn, giữa ban ngày ban mặt như thấy một xe chở đầy ma quỷ, lại thấy giống bọn cướp, muốn giương cung mà bắn, lúc biết mình lâm hạ cung xuống, đến cầu hôn, như nắng hạn gặp mưa, âm dương hoà hợp, tất gọi hết nghi ngờ, nên tốt.

Tượng viết : Ngộ vũ chi cát, quần nghi vong dã.

Tượng viết : Âm dương hoà hợp, gặp mưa, nghi ngờ tan cả.

## 1. Thượng cữu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, thất chính, ứng với hào 3 âm, ở trên quẻ Li, trên cùng quẻ Khuê.

## 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, thất chính, ở quẻ Li có tính sáng nhưng sáng quá, sinh soi mói, đa nghi, xét nét.

Hào trên cùng dương muốn hạ ứng với hào 3 âm, để làm việc thời Khuê. Hào 3 âm nhu nhược, muốn tiến lên ứng với hào trên cùng lại bị hào 2 dương kéo lui, hào 4 dương ngăn cản. Vì thế, hào trên cùng rơi vào cảnh cô độc trong thời Khuê (Khuê cô).

Trong thời Khuê, nhân tình vốn đã li tán, phản trắc lẫn nhau, nay ở trong hoàn cảnh cô độc, bị cô lập, lại có tính soi mói, đa nghi, sinh nghi ngờ người này lây sang người khác : Nghi hào 2 dương, hào 4 dương làm hại mình ; hào 3 âm ở giữa hào 2 dương, 4 dương, cũng bị nghi lây.

Đã nghi thì sinh ra ghét, đã ghét thì nhìn theo cách nhìn của mình, mọi vật như biến dạng, gọi là ảo tượng. Dưới mắt hào trên cùng, hào 3 âm chẳng qua là kẻ nhơ nhớp, như con heo đội cục bùn (thỉ phu) ; giữa ban ngày ban mặt, thấy hào 3 âm như thấy một xe chở đầy ma quỷ (tái quỷ nhất xa), thấy hào 3 âm như thấy bọn cướp (phỉ khấu), muốn giương cung mà bắn, muốn làm hại (tiên trượng chi cô).

Sở dĩ hào trên cùng dương có thái độ như vậy là do tâm lí đa nghi, từ đa nghi sinh ra ảo giác, ảo tượng, từ ảo giác có thể dẫn đến hành động sai lầm.

Ví dụ :

Đường Đức Tông là ông vua rất sáng suốt nhưng có tính đa nghi, bên trong nghi các đại thần, bên ngoài nghi các tướng lĩnh.

Trung thần nghĩa sĩ dần dần bị đuổi. Loạn lạc nổi lên khắp nơi. Nước không bao giờ yên ổn.

Người xưa cho rằng, mưa là do hai khí âm dương hoà hợp, có lợi cho sự sinh trưởng của vạn vật, gặp mưa là tốt.

Hào trên cùng dương, ở trên cùng quẻ Khuê, thời Khuê, từ phản chuyển sang hợp, lúc đó mới thấy được hào 3 dương là trong sạch (không phải là heo đội bùn), là người (không phải ma quỷ), là người bạn đời tương lai (không phải là giặc), lúc đó mới hạ cung xuống (hậu thoát chi cô) đến cầu hôn (hôn cầu), như nắng hạn gặp mưa, âm dương hoà hợp, tắm gội hết nghi ngờ, nên tốt (vãng ngộ vũ, tắc cát).

### 3. Quyền biến

(1) Thời Khuê, nhân tình li tán, tâm lí sinh nghi kị tất cả, ghét tất cả, sinh ảo giác, dẫn đến thái độ sai, hành động sai ; cần phải tắm gội sạch cái nghi kị ghen

ghét, gột bỏ ảo giác, mới nhìn rõ con người kết giao để làm việc thời Khuê.

(2) Khí âm dương hoà hợp sinh mưa, gặp mưa là tốt, mưa gột rửa hết mọi nghi ngờ (Ngộ vũ chi cát, quần nghi vong dã).

Ví dụ :

**Một người mất một cái búa, ông ta nghi con nhà hàng xóm lấy trộm. Từ đó, ông ta thấy người con hàng xóm có tướng gian xảo, những người nhà anh hàng xóm đều là những tên đầu trộm đuôi cướp.**

Sau, ông ta tìm ra cái búa, hết nghi. Ông nhìn người nhà hàng xóm là những người tốt, có tướng lương thiện.

### 39. THUYẾT SƠN KIẾN

#### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Kiến là cà thọt (Kiến, phàn giả), chân bị cà thọt, đi rất khó khăn.

Tự quái định nghĩa : Kiến là nạn, gay go hiểm trở (Kiến giả, nạn dã).



HÌNH QUÊ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Cấn - sơn, trên Khảm - thủy, gọi là Thủy Sơn Kiến.

Dưới là Cấn - núi, có tính dừng, trên là Khảm – nước, có tính hiểm. Trước bị sông đón, sau lưng bị núi ngăn, đi đứng thật khốn nạn, nên gọi là Kiến.

## SOÁN TỪ

Kiến, lợi Tây Nam, bất lợi Đông Bắc ; lợi kiến đại nhân, trinh cát. Có hai cách giải thích về Tây Nam, Đông Bắc :

Một, theo học thuyết âm dương - ngũ hành phân chia, Khôn , thuộc về Tây Nam, tức là bình nguyên là lợi, Cấn thuộc về Đông Bắc, nhiều núi non hiểm trở, nên bất lợi.

Hai, thời nhà Chu, các sử quan hoặc các thầy bói Dịch, gọi phía Thiểm Tây, Vị Thủy là hoặc phía các dân tộc ít người Nhung, Địch, thế lực yếu hơn nhà Chu, là Tây Nam ; gọi phía nhà Ân lúc ấy mạnh hơn nhà Chu, Trung Nguyên, là Bắc.

Theo Văn Vương, nên phát triển về phía Tây Nam, làm căn bản thì có lợi, lúc ấy chống lại nhà Ân là chưa có lợi.

Nói chung, trong cảnh hiểm, cần phải cân nhắc, tính toán, tìm con đường thuận lợi để thoát ra khỏi cảnh hiểm (Kiến, lợi Tây Nam, bất lợi Đông Bắc).

Vừa tìm ra con đường thuận lợi, vừa có người lãnh đạo (lợi kiến đại nhân), nêu cao kiên trì với chính nghĩa (trinh), là tốt (cát).

## SOÁN TRUYỆN

**Kiến, nạn dã, hiểm tại tiền dã. Kiến hiêm nhi năng chỉ, tri (trí) hĩ tai ! Kiến lợi Tây Nam, vãng đắc trung giả ; bất lợi Đông Bắc, kì đạo cùng dã ; lợi kiến đại nhân, vãng hữu công dã, đương vị trinh cát, dĩ chính bang dã. Kiến nhi thời dụng đại hĩ tai !**

Kiến chính là nạn (Kiến nạn dã) ; quẻ Khảm trên, còn được gọi là tiền, Khảm tượng trưng cho nguy hiểm, nên gọi là hiểm ở trước mặt (hiểm tại tiền dã) ; dưới là Cấn có tính dừng, thấy hiểm mà dừng lại, tức là người trí (kiến hiêm nhi năng chỉ, trí hĩ tai).

Trong thời Kiến, đi theo hướng Tây Nam, tìm con đường lợi mà thoát ra, thì được đạo trung (Kiến lợi Tây Nam, vãng đắc trung dã), nếu đi theo hướng Đông Bắc, bất lợi, tất nhiên đường phải cùng vậy (bất lợi Đông Bắc, kì đạo cùng dã).

Trong thời Kiến phải trông chờ vào người có đại đức, đại tài (lợi kiến đại nhân), có như vậy rồi, mới có được công lớn (vãng hữu công dã), lại phải được vị trung

chính (đương vị trình chính), thì mới tốt (cát), mới chính được bang quốc (dĩ chính bang dã), thoát thời Kiến.

Ở vào thời Kiến (nạn), thánh nhân kiên anh hùng có đạo tế Kiến, xem xét thời thế, có trí, có quyền biến. Xem thế, mới biết công dụng về thời của Kiến thật lớn thay ! (Kiến chi thời dụng, đại hĩ tai !)

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Sơn thượng hữu thủy, Kiến ; quân tử dĩ phản thân tu đức.

Dưới là Cấn - sơn, trên là Khảm - thủy, núi đã hiểm trở, trên núi lại có nước càng thêm hiểm, ấy là Kiến (Sơn thượng hữu thủy, Kiến).

Ngược lại, trên là Cấn - sơn, dưới là Khảm - thủy, sẽ thành quẻ Mông , tượng trưng cho sự khai sáng trí tuệ, học tập.

Hoặc, khi lật ngược 2 quẻ trong quẻ Kiến, quẻ Cấn sẽ thành Chấn , quẻ Khảm vẫn là Khảm, ta có quẻ Giải , có nghĩa là giải trừ Kiến nạn.

Quân tử xem tượng của quẻ Kiến, có tính hiểm, tính dừng, có biến dịch ; động là dừng, là xem xét biến đổi của thời thế ; tĩnh là xem xét lại mình, tự khai sáng trí tuệ, học tập, đó là cách thoát Kiến, giải trừ Kiến nạn (Quân tử dĩ phản thân tu

đức).

## HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, vãng kiến, lai dự.

Hào 1 âm, tiến lên thì gặp nạn, ngừng lại là cơ trí.

Tượng viết : Vãng Kiến lai dự, nghi đãi dã.

Tượng viết : Tiến gặp nạn, dừng là nhìn xa, đợi thời.

### 1. Sơ lục

Hào 1 âm - nhu, ở vị trí dương, bất chính, không ứng với hào 4 âm (đồng tính), ở quẻ Cấn.

## 2. Hoàn cảnh

Vãng là tiến lên, lai là dừng, dự là nhìn xa trông rộng ; hào 1 âm nhu, không có tài tế Kiến, không nên tiến lên, tiến lên sẽ lâm vào cảnh hiểm (vãng Kiến).

## 3. Quyền biến

(1) Hào 1 âm, tuy âm nhu, không có tài tế Kiến nhưng ở dưới quẻ Cấn, có tính dừng, cơ trí hơn người, biết nhìn xa trông rộng nên đã dừng lại (lai dự).

Lão Tử nói : Biết dừng thì không bao giờ nguy (Tri chỉ tắc bất đãi).

(2) Tiến lên sẽ gặp nguy hiểm, nên dừng lại chờ đợi thời cơ (Vãng Kiến lai dư, nhi đãi dã).

Lục nhị, Vương thần Kiến Kiến, phỉ cung chi cố.

Hào 2 âm, bậc bề tôi chịu gán hết gian nan này tới gian nan khác là vì vua, vì nước, chứ không phải vì mình.

Tượng viết : Vương thần Kiến Kiến, chung vô vưu dã.

Tượng viết : Những bậc vương thần, tai hoạ đập vùi, dững cảm vượt qua khó khăn chông chất, thành bại không lường, nhưng chung cuộc vẫn chẳng có gì đáng chê, chẳng có gì đáng trách.

### 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc trung đắc chính, ứng với hào 5 dương.

### 2. Hoàn cảnh

Vương thần là chỉ trọng thần của quốc gia ; Kiến Kiến là gặp hết nạn này qua nạn nọ hoặc dững cảm chống chọi với khó khăn chông chất. Phỉ cung chi cố, là không phải bản thân của mình.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm, trung chính, là bậc trọng thần phải ra tay tế Kiến, gặp hết nạn này đến nạn khác, dững cảm chống chọi khó khăn chông chất (Vương thần Kiến Kiến), không phải vì bản thân mình (phỉ cung chi cố), vì dân vì nước mà cúc cung tận Tụy.



Ví dụ :

Trong Xuất sư biểu, Khổng Minh viết :

Thần cúc cung tận Tụy đến chết mới thôi, đến như thành hay bại, lợi hay cùn, thì không phải sức của thần mà biết trước được.

Hoặc, trong bài Li Tao, Khuất Nguyên biết can ngăn vua Sở là sẽ gặp muôn ngàn tai hoạ nhưng vẫn cứ can ngăn :

Vẫn biết hoạ nạn trùng trùng hề !

Nhưng vẫn không sao bỏ được

(Dư cố tri Kiến Kiến dị vi hoạ hề

Nhân ni bất năng xả dã).

(2) Những bậc vương thần như hào 2 âm, tai hoạ đập vùi, dững cảm vượt qua khó khăn chồng chất, thành bại không lường (Vương thần Kiến Kiến) nhưng chung cuộc vẫn chẳng có gì đáng chê đáng trách (chung vô vưu dã).

Cửu tam, vãng kiến, lai phản (phản).

Hào 3 dương, tiến thì mắc nạn, nên trở lại.

Tượng viết : Vãng Kiến lai phản (phản), nội hỉ chi dã.

Tượng viết : Tiến thì mắc nạn, trở lại, hào 2 âm vui vẻ.

### 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ứng với hào trên cùng âm, đã đến gần quẻ Khảm.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 3 dương, đắc chính, ứng với hào trên cùng âm, âm dương tương ứng, là hợp lẽ.

### 3. Quyền biến

(1) Xét về con người, hào 3 dương thấy hào trên cùng âm nhu nhược, chưa đủ sức để giúp mình ; nếu sớm ứng với hào trên cùng âm, không khéo lại còn rước thêm tai họa (vãng Kiến). Hào 3 dương quay lại (lai phản) kết thân với hào 2 âm, tuy không có tài tế Kiến nhưng lại là bậc vương thần trung trinh.

Xét về thời thế, hào 3 dương ứng với hào trên cùng âm, rất bất lợi, có thể nguy hiểm. Trong tình cảnh đó, hào 3 dương phải lui về kết bạn với hào 2 âm, làm căn bản, tích tụ lực lượng, đợi thời cơ, để tính kế lâu dài ; tức là thối để mà tiến (lai phản).

(2) Hào 2 âm ở quẻ dưới, còn gọi là nội quái. Hào 3 dương không tiến lên mà lui về (Vãng Kiến lai phản), khiến cho hào 2 âm, ở nội quái, rất vui vẻ, nghênh đón (nội hỉ chi dã).

Ví dụ :

Thời Tam quốc, trước khi xảy ra trận Xích Bích, Tào Tháo đem 10 vạn quân đến Nam Bình (Kinh Châu) đánh Lưu Bị.

Trong lúc đó, Lưu Bị chỉ có 1 vạn quân nếu quyết chiến với Tào Tháo ắt sẽ bị tiêu diệt.

Trong tình cảnh đó, Gia Cát Lượng khuyên Lưu Bị thối lui, rồi tìm cách liên minh với Đông Ngô cùng chống Tào. Đông Ngô nghênh đón Gia Cát Lượng.

Việc liên minh giữa Lưu Bị và Đông Ngô đã mở đầu cho trận Xích Bích thắng lợi. Gia Cát Lượng đã lấy thối để mà tiến, bỏ hại tìm lợi.

Lục tứ, vãng Kiến, lai liên.

Hào 4 âm, tiến tới thì mắc nạn liên tiếp.

Tượng viết : Vãng Kiến lai liên, đương vị thực dã.

Tượng viết : Tiến tới mắc nạn liên tiếp, ở hoàn cảnh ấy thật là khổ tâm.

## 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở đầu quẻ Khảm.

## 2. Hoàn cảnh

(1) Hào 4 âm gặp nguy hiểm trùng trùng : Ở trong thời Kiến. Tiến lên thì lọt vào giữa quẻ Khảm, tượng trưng cho nguy hiểm. Lui về thì không ứng với được với hào 1 âm. Lại ở trên hào 3 dương (cương).

Sách Văn tuyển, Ban Cố viết :

Truân chiên hoạn nạn chừ liên tiếp

**Biết đến bao giờ mới hết đây?**

(Thuần truân chiên dữ kiến liên hề

**Hà nạn đa tri cùng ?)**

Sách Chu Dịch giải thích : Vãng Kiến lai liên là Kiến liên, là bốn mặt đều gặp hoạn nạn, hề làm là có lỗi.

(2) Vị là địa vị, vị trí ; thực là sự thực, là sự khổ tâm. Hào 4 âm, không chỉ gặp hoạn nạn trùng trùng, mà ở trong vị trí ấy, không ứng được với hào 1 âm, không có người giúp đỡ là sự thực, hoàn cảnh ấy thật khổ tâm (Kiến vãng lai liên, đương vị thực dã).

3. Quyền biến

(1) Không có gì khổ tâm hơn là giữa đời hoạn nạn, không có người giúp đỡ. Lúc hoạn nạn có người giúp đỡ thì thật là đáng quý.

(2) Có sách giảng, hào 4 âm trở lại (lai) liên kết với hào 3 dương, 3 dương liên kết với hào 2 âm, tạo thành một nhóm, lấy lòng thành thực đối đãi với nhau, cùng nhau tế Kiển.

Cửu ngũ, đại Kiển, bằng lai.

Hào 5 dương, cực kì gian nan, nhưng người có tới giúp.

Tượng viết : Đại Kiển bằng lai, dĩ trung tiết dã.

Tượng viết : Cực kì gian nan, nhưng có người tới giúp, bởi vì là trung tâm, biết hoá giải gian nan.

1. Cửu ngũ

Hào 5 dương - cương, ở vị trí dương, chủ quẻ, ở giữa quẻ Khảm, ứng với hào 2 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Sách Dịch truyện giải thích : Hào 5 dương ở vị trí quân chủ, gặp nạn, trở thành mối nạn chung của thiên hạ, nên gọi là đại Kiến.

Sách Chu Dịch triết trung cho rằng : Phàm thần gặp nạn, chỉ là một việc, chúa gặp nạn là nạn lớn.

Sách Quảng nhã giải thích, bằng có nghĩa là so sánh, là loại (bằng tỉ giả, loại giả).

Ngày xưa, nhà vua thường xưng là quả nhân hoặc cô gia, tức là người không có bạn.

Ở vị trí hào 5 dương là quân chủ, nên hiệu bằng là người cùng hoạn nạn, những người cùng chung sức.

## 3. Quyền biến

(1) Hào 5 dương, giữa quẻ Khảm hiểm, gặp đại nạn, nhưng nhờ ứng với hào 2 âm, trung chính. Lại được các hào 3 dương, hào 4 âm, những người cùng thời Kiến, cùng hoạn nạn, giúp hào 5 dương tề Kiến.

Hào từ không nói tốt, nhưng với lực lượng như vậy hào 5 dương có thể vượt qua đại nạn, là tốt.

Sách Dịch truyện cho rằng, từ xưa các bậc thánh vương tề Kiển cho thiên hạ, không thể không có sự trợ giúp của các vị tôi hiền.

Ví dụ :

Vua Thành Thang được Y Doãn trợ giúp. Chu Vũ vương được Lữ Vọng phò tá.

(2) Trung là trung tâm, chỉ hào 5 dương, quân chủ là trung tâm ; tiết là khống chế, tiết chế, giải quyết, giải trừ Kiển nạn.

Sở dĩ, ở trong đại nạn, được nhiều người đến giúp (Đại Kiển bằng lai) là vì hào 5 dương ở địa vị quân chủ trung tâm, có tài giải nạn (dĩ trung tiết dã).

Thượng lục, vãng Kiển, lai thạc, cát ; lợi kiển đại nhân.

Hào trên cùng âm, tiến tới thì gian nan, lùi lại với người đức lớn, tài lớn, là tốt ; ra mắt gặp đại nhân thì có lợi.



Tượng viết : Vãng Kiến lai thạch, chí tại nội dã ; lợi kiến đại nhân, dĩ tông quý dã.

Tượng viết : Tiến tới thì gian nan, lui lại với người tài đức lớn, có chí hướng bên trong ; ra mắt đại nhân, phục tông người dân chúng quý mến.

### 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm - nhu, ở vị trí âm, đắc chính, ở cuối cùng quẻ Khảm, cuối cùng thời Kiến, ứng với hào 3 dương.

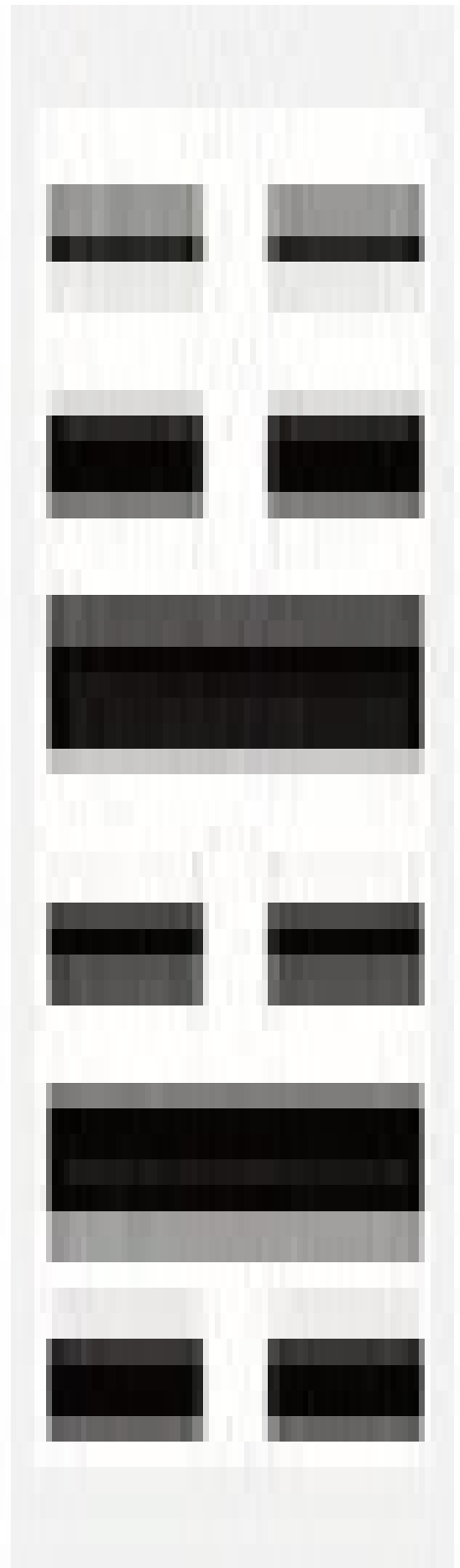
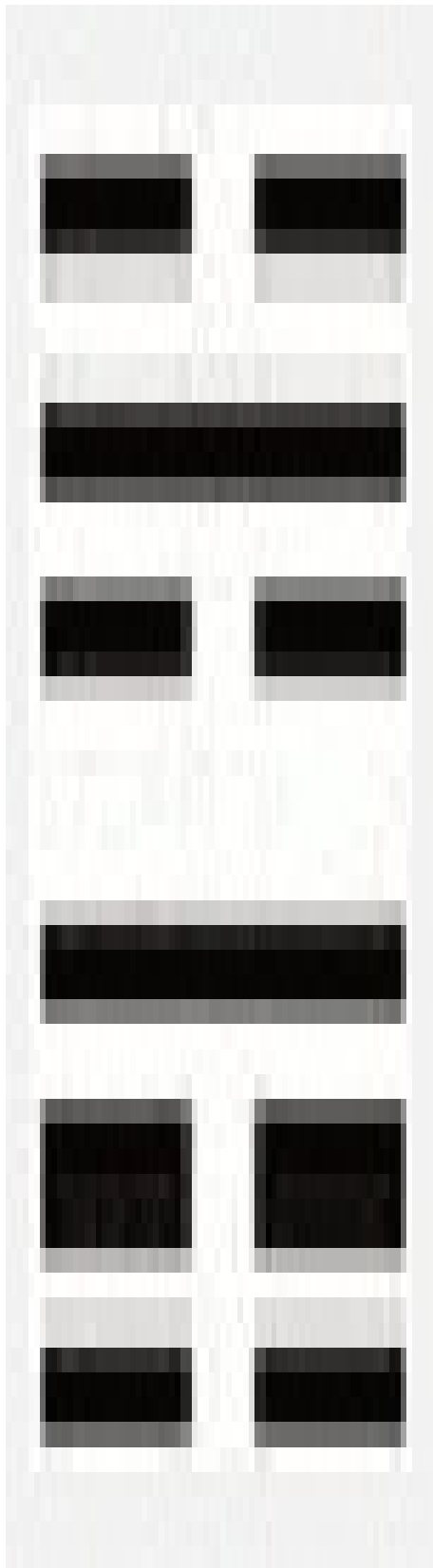
### 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng âm nhu, vẫn còn ở trong cảnh hiểm, không thể làm được việc tế Kiến, nếu tiến lên lại càng nguy hiểm (vãng Kiến).

Thạch là rất lớn, là béo mạnh, chỉ người có đạo đức, có học vấn cao thâm, uyên bác ; lai thạch là trở lại với người có đạo đức, có học vấn uyên bác, cao thâm, thạch còn có nghĩa là quả.

### 3. Quyền biến





(1) Hào trên cùng âm hạ ứng với hào 3 dương, lại thân cận với hào 5 dương, quân chủ, làm tăng thêm sức vượt hiểm.

Như đã nói ở trên, quẻ Chấn đổi thành quẻ Cấn, quẻ Kiến (trái) sẽ thành quẻ Giải (phải), thời Kiến sẽ được hoá giải.

Nói cách khác, ở cuối cùng thời Kiến, thời thế thay đổi chuyển hoá.

Vừa có người giúp đỡ, vừa có quân chủ hậu thuẫn, vừa thuận theo thời thế, nên kết quả tốt (cát).

(2) Đại nhân, quý chỉ hào 5 dương, chủ quẻ, là quân vị, được dân chúng quý mến.

Thời Kiến, muốn vượt qua hoạn nạn phải có trí nhưng bên trong phải có chí hướng, trí là nhân, chí là quả để biết tiến, biết dừng, biết thoái (Vãng Kiến, lai thạc chí tại nội dã).

Sở dĩ hào trên cùng dương tốt, vì có trí có chí, biết tiến, biết dừng, biết thoái, lại biết ra mắt đại nhân (lợi kiến đại nhân), biết phục tùng người, được dân chúng quý mến (dĩ tòng quý giả).

Hào trên trên cùng dương, tài không bằng hào 3 dương, vị trí đức độ không bằng hào 5 dương, tính nhu nhược như hào 1 âm, 2 âm, nhưng hào trên cùng lại tốt hơn hết các hào trong quẻ ?

Vì hào trên cùng dương đã ở vào cuối thời Kiến, lại biết phục tòng vị quân chủ được mọi người quý mến. Vừa được thời, vừa được người thì công việc hanh thông, gặp mọi sự tốt lành.

#### 40. LÔI THUỶ GIẢI

##### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Giải là cắt ra, dùng giao cắt sừng trâu (Giải phán gả, tòng đao phán ngưi giác). Giải là phân ra, phân tích, phân giải, giải tán, giải thoát, giải nạn, giải pháp.

##### HÌNH QUẺ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Khảm - thủy, trên Chấn - lôi, gọi là Lôi Thủy Giải.

Dưới là Khảm - nước, là mưa ; trên là Chấn - sấm ; âm dương giao hoà, sấm động mưa xuống, bao nhiêu khí u uất tan hết, gọi là Giải.

Hào 2 dương, hào 3 âm, hào 4 dương, hợp thành quẻ Li - hoả, quẻ dưới là Khảm, nước ; nước và lửa giúp nhau, giải thoát cho nhau, gọi là Giải.

Hoặc, Li (hoả) tượng trưng cho sấm, cho uy ; Khảm tượng trưng cho nước, cho ân trạch, vừa có uy vừa có ân trạch, gọi là Giải.

## SOÁN TỪ

Giải, lợi Tây Nam. Vô sở vãng, kì lai phục, cát. Hữu du vãng, tức cát.

**Có 3 cách giải thích về lợi Tây Nam : Như đã nói ở quẻ Kiến, hướng về các nước ở hướng Tây Nam để phát triển thế lực là có lợi. Theo hậu thiên bát quái, Tây Nam là phương vị của quẻ Khôn (đất), đất có đức tải vật, chở dân chúng, lại có đức thuận ; thuận theo dân chúng. Tây Nam cũng có nghĩa là đường lối sách lược tốt nhất trong thời Kiến bước sang thời Giải.**

Giải nạn là thuận theo dân chúng (lợi Tây Nam), không nên nhiều sự (vô sở vãng), nên lập lại kỉ cương, luật pháp, khôi phục lại sự nghiệp cho dân chúng sống hoà bình, yên ấm là tốt (kì lai phục, cát).

Túc gần với tốc ( : nhanh). Có những việc cần làm thì phải làm (hữu lai phục), làm cho nhanh mới tốt (túc, cát).

Quái từ nêu hai chữ phục cát và túc cát : không nhiều sự ; lập lại kỉ cương, luật pháp, dân chúng sống yên ổn là tốt (phục cát). Những việc gì cần làm phải làm, nên làm gấp mới tốt (túc cát). Làm được cả hai việc là rất tốt, đại cát.

Ví dụ :

Trong 3 năm, sau khi vào đất Thục, Lưu Bị, cùng Lưu Chương đánh Trương Lỗ.

Lưu Chương lúc thì tin, lúc thì nghi Lưu Bị, cuối cùng hai bên sinh sự đánh nhau.

Rốt cuộc Lưu Chương đầu hàng Lưu Bị. Bị cho Chương làm Trấn Oai tướng quân.

Lưu Bị lấy được Tây Xuyên, nghe lời Triệu Vân trả ruộng đất cho dân, còn Gia Cát Lượng đặt ra pháp luật cai trị.



Từ đó quân dân yên ổn, Lưu Bị chia quân giữ khắp 41 châu, đâu đấy an cư lạc nghiệp.

## SOÁN TRUYỆN

**Giải, hiểm dĩ động, động nhi miễn hồ hiểm, Giải. Giải lợi Tây Nam, vãng đắc chúng dã, kì lai phục cát, nãi đắc trung dã. Hữu du vãng, túc cát, vãng hữu công dã. Thiên địa giải, nhi lôi vũ tác ; lôi vũ tác, nhi bách quả thảo mộc giai giáp tích. Giải chi thời đại hĩ tai !**

Giải là Khảm có tính hiểm, Chấn có tính động (Giải, hiểm dĩ động) ; hiểm sinh ra nạn, động mà thoát được nạn, gặp hiểm mà động để thoát hiểm, quả là người có tài giải nạn, nên đặt tên quẻ là Giải (động nhi miễn hồ hiểm, Giải).

Giải nạn là đi về phía Tây Nam (con đường, sách lược tốt nhất trong thời Giải), thì thuận với lòng người, được lòng người (Giải, Tây Nam, vãng đắc chúng dã).

Lúc hoạn nạn đã qua rồi, nên lập lại sự trị an lâu dài là tốt (kì lai phục cát), hợp với đạo trung (nãi đắc trung dã).

Việc này phải tiến hành nhanh mới tốt (hữu du vãng, túc cát), việc gì đáng làm thì làm, việc gì không đáng thì không nên làm, có như vậy mới có công trạng

(vãng hữu công dã).

Trời Đất, khí âm u uất, vạn vật khó sinh sôi, lúc hai khí âm dương hoà hợp, sấm ran, mưa xuống, khí u uất tiêu tan (Thiên Địa giải nhi lôi tác) ; sấm ran, mưa xuống, trăm loài quả cỏ cây đều nứt ra (Lôi vũ tác nhi bách quả mộc thảo giai giáp tích). Cho nên, thời Giải thật là to lớn ! (Giải chi thời đại hỉ tai !)

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Lôi vũ tác, Giải ; quân tử dĩ xá quá hữu tội.

Chấn - sấm, Khảm - mưa ; sấm mưa là do hai khí âm dương hoà giải ; sấm là uy, mưa là ân, nên gọi là Giải.

Quân tử xem tượng ấy mà nên dùng ân hơn dùng uy, rộng lượng khoan dung, cho những người lầm lỗi ; khoan thứ, giảm nhẹ hình phạt cho những kẻ phạm tội ác.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, vô cữu.

Hào 1 âm, không lỗi.

Tượng viết : Cương nhu chi tế, nghĩa vô cữu dã.

Tượng viết : Có cương có nhu, cương thì thêm nhu, nhu thì thêm cương, đó là nghĩa dẫn đến không có lỗi.

### 1. Sơ lục

Hào âm ở vị trí dương, thất chính, đầu quẻ Khảm, bắt đầu thời Giải.

### 2. Hoàn cảnh

Một số quẻ trong Kinh Dịch, hào từ thường có hai chữ đơn giản như : Hào 2 dương, quẻ Hằng là hối vong ; hào 2 dương, quẻ Đại Tráng là trinh cát ; riêng hào 1 âm, quẻ Giải là vô cữu.

### 3. Quyền biến

(1) Các nhà nghiên cứu Kinh Dịch cho rằng, hào 1 âm ở vị trí dương, tuy thất chính, nhưng trong thời Giải là đắc nghi, biểu thị người biết dùng cương – nhu một cách thích nghi với hoàn cảnh và thời thế.

Sở dĩ, hào từ chỉ nêu không có lỗi (vô cửu), không nêu thêm chữ nào khác, nhằm diễn đạt ý tưởng hào 1 âm dùng vô vi thanh tĩnh để trị an đất nước, cốt để dân chúng được nghỉ ngơi.

Ví dụ :

Hán Huệ đế, năm thứ 3, thừa tướng Tiêu Hà bị bệnh nặng. Huệ Đế đích thân đến thăm. Tiêu Hà tiến cử Tào Tham.

Tiêu Hà mất, Tào Tham từ nước Tề về nhậm chức thừa tướng.

Các quan trong triều lo lắng nghĩ rằng, Tiêu Hà và Tào Tham công trạng ngang nhau nhưng khi phong thưởng thì Tào Tham vẫn đứng sau Tiêu Hà, chắc là Tào Tham oán Tiêu Hà lắm. Phen này, Tào Tham thay thế chức thừa tướng thế nào cũng có những thay đổi về chính sách, ai thân cận với Tiêu Hà coi chừng mất chức, mất quyền !

Tào Tham nhận ấn xong, bố cáo người nào làm việc gì cứ làm việc đó, công việc hành chính cứ theo cũ mà làm, không được lơ là hoặc thay đổi.

Các quan đọc bố cáo, ai nấy nhẹ nhõm và tỏ ra cần mẫn hơn.

Tào Tham hình như không làm việc gì cả, cứ cả ngày uống rượu, quan trong triều có ai hỏi điều gì, ông ta nghe rất chăm chú nhưng chẳng hề đưa ra ý kiến gì, chỉ nói : Tục ngữ có câu, trên biết lắng nghe, thì dưới tất yên ổn.

Chuyện Tào Tham đến tai Huệ đế Lưu Doanh, ông cho gọi con trai của Tào Tham là Tào Dao giữ chức trung đại phu vào hỏi :

- Ta nghe phụ thân người làm chức tể tướng, thế mà suốt ngày chẳng để mắt đến công việc, chỉ uống rượu là cố sao ?

Tào Dao thưa :

- Hạ thần nghe phụ thân nói, bách quan đã vô sự thì không nên nhiều sự.

Lưu Doanh hỏi :

- Ý nghĩa câu này là gì ?

Tào Dao thưa :

- Hạ thần không biết.

Lưu Doanh bức bối lắm.

Tào Dao là người thật thà, về kể lại với cha. Tào Tham nghe xong, giận mắg :

- Miệng người còn hôi sữa mà lại nhiều lời. Ta có dạy người lắm điều như thế đâu ?

Nói xong, liền rút roi đánh Tào Dao 200 roi. Tào Dao chỉ xin tha.

Sáng hôm sau, Tào Dao bị đánh đau, đi không nổi, mặt mày thê thảm nhưng vẫn phải vào triều.

Thiết triều xong, Lưu Doanh gặp ngay Tào Tham hỏi :

- Tào thừa tướng ! Hôm qua, tại sao lại đánh mắg trung đại phu như vậy ?

Tào Tham thưa :

- Tâu bệ hạ, hần chỉ trích hạ thần cả ngày chẳng làm việc gì, lại còn nhiều lời tâu trình với bệ hạ.

Lưu Doanh vặn :

- Thừa tướng cả ngày uống rượu, không để mắt đến việc gì, có đúng không ?

- Tâu bệ hạ, quả đúng như vậy.

Lưu Doanh nói :

- Làm thừa tướng phải có trách nhiệm với triều đình, nay ông không làm gì cả, là sao ?

Tào Tham nói :

- Thần không làm việc gì nhưng chẳng có việc gì mà thần không làm cả.

- Ông nói gì ? Ta chẳng hiểu gì hết.

Tào Tham nói :

- Nếu bệ hạ cho phép thần hỏi, thì thần mới nói.

- Ông cứ hỏi, ông cứ nói.

Tào Tham hỏi :

- Xin bệ hạ cho phép tôi được hỏi : Nói về thánh minh, anh vũ so với tiên đế và bệ hạ thì ai hơn ?

- Tiên đế thánh minh, anh vũ hơn ta gấp trăm lần.

- Tâu bệ hạ, nói về tài năng, Tiêu Hà so với hạ thần thì ai hơn ?

Lưu Doanh ngân ngữ nói :

- Ông nói đi !

Tào Tham nói :

- Tài năng của thần thua xa thừa tướng Tiêu Hà.

Lưu Doanh nói :

- Thế sao khi ông ở nước Tề, ai cũng khen ông là người tài năng. Chẳng qua ông quá khiêm tốn mà thôi.



Tào Tham nói :

- Tâu bệ hạ, thần không khiêm tốn ! Nhưng từ ngày nhậm chức, ngày nào thần cũng uống rượu, vì đây không phải là nước Tề, cần phải có thuật trị quốc khác nước Tề.

Lưu Doanh hỏi :

- Thuật gì mà lạ thế ?

Tào Tham thưa :

- Thuật này chỉ tóm gọn trong tám chữ : Thanh tĩnh vô vi, thuận ứng tự nhiên.

Lưu Doanh nói :

- Thừa tướng giải thích thêm ta mới hiểu.

- Thứ nhất, trăm họ vừa trải qua cuộc chiến lâu dài, ai cũng muốn thiên hạ thái bình, triều đình đừng bắt lính, không có chuyện nay bắt phu, mai bắt phen, không muốn các quan chức địa phương sách nhiễu, ai cũng muốn cày cấy, muốn có cơm ăn áo mặc, muốn an cư lạc nghiệp.

Thứ hai, sau khi tiên đế đã lấy được thiên hạ, thừa tướng Tiêu Hà đã phò tá tiên vương đặt ra pháp lệnh để thiên hạ đại định, thái bình và để người đời sau sử dụng, tiếp tục thi hành.

Nay bộ hạ kế vị lâm triều, thần phải trung thành với chức vụ, nếu không cần thiết thì không đưa ra pháp lệnh mới, không sửa đổi lung tung. Nếu sửa đổi lung tung thì làm sao pháp lệnh của tiên vương thực thi được, làm sao thiên hạ đại trị được ?

Huống chi, thánh minh, anh vũ của bộ hạ không bằng tiên đế, tài năng của thần không bằng thừa tướng Tiêu Hà làm sao dám sửa đổi lẽ lối trước.

Lưu Doanh khen :

- Thanh tĩnh vô vi, thuận ứng tự nhiên, thuật trị quốc này hay lắm !

Từ đó, Lưu Doanh không nhắc đến chuyện uống rượu, hoặc công việc của Tào Tham nữa.

Tào Tham làm thừa tướng 23 năm, việc nhỏ việc lớn không hề xảy ra, thiên hạ thái bình,

Người đời sau cho rằng, Tiêu quy Tào tùy, Tiêu Hà đặt ra luật lệ, Tào Tham dựa vào đó mà theo.

(2) Quẻ Giải, hào 1 âm – nhu, ở vị trí dương - cương, đắc nghi, lại ứng với hào 4 dương - cương, lại càng thêm đắc nghi, nếu quá nhu thì thêm cương, nếu quá cương thì thêm nhu, cương nhu chi tế, đó là ý nghĩa, kết quả của việc không có gì đáng trách (nghĩa vô cữu dã).

Cửu nhị, điền hoạch tam hồ, đắc hoàng thi, trinh cát.

Hào 2 dương, tìm được mầm hoạ tiềm ẩn như đi săn được ba con cáo, tính cương trực như mũi tên màu vàng nhưng giữ đạo chính, thì tốt.

Tượng viết : Cửu nhị trinh cát, đắc trung đạo dã.

Tượng viết : Sở dĩ hào 2 dương được sự trinh chính, tốt, vì giữ được trung đạo.

## 1. Cửu nhị

**Hào 2 dương – cương, ở vị trí âm nhu, thất chính, ứng với hào 5 dương (quân chủ).**

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương, hào 3 âm và hào 4 dương, hợp thành quẻ Li , tượng trưng việc chinh phạt, nên hào từ nói đến việc đi săn bắt được ba con cáo (điền hoạch tam hồ) và mũi tên màu vàng (đắc hoàng thi).

Người xưa cho rằng, hồ là con cáo rất狡 hoạt, nịnh nọt, có sức cám dỗ, mê hoặc ; tam hồ là ba con cáo, tượng trưng cho những tai hoạ tiềm ẩn.

Hoàng là màu vàng, màu trung ương, thi là mũi tên ; hoàng thi là tượng trưng cho sự cương trực, ngay thẳng.

Hào 2 dương, cương vị đại thần, ứng với hào 5 âm, quân chủ ; âm dương tương tế.

## 3. Quyền biến

(1) Với cương vị đại thần, được quân chủ tín nhiệm, hào 2 dương cần tìm ra được những tai hoạ như bọn狡 hoạt, bọn nịnh nọt, những cám dỗ ... đang tiềm ẩn trong thời Giải như đi săn bắt được 3 con cáo (điền hoạch tam hồ).

Hào 2 dương, với đức tính cương trực ngay thẳng như mũi tên vàng (đắc hoàng thi), nhưng trong lúc tiêu trừ tai hoạ nên giữ sự trinh chính thì mới tốt (trinh cát).

(2) Mặc dù hào 2 dương cương trực, ngay thẳng nhưng phải trình chính mới tốt (cửu nhị trình cát), mới là người giữ được đạo trung (đắc trung đạo dã).

Ví dụ :

Vua Hiến Tông, đời Đường, các phiên trấn ở Hà Nam, Hà Bắc, Hoài Tây cát cứ và nổi loạn.

Vua Hiến Tông muốn bình định các phiên trấn, họp các quần thần, nhưng các quan trong triều mỗi người bàn một cách, nhà vua rất do dự. Riêng tể tướng Bùi Độ quyết đem quân dẹp loạn.

Cuối cùng, Bùi Độ tiêu diệt được các thế lực cát cứ như Lưu Tích, Lí Kỳ, Ngô Tuyên Tể, chiêu hàng được tiết độ sứ Điền Hoàn Chính, rồi thu phục được nhiều phiên trấn khác, thống nhất được đất nước, củng cố trung ương tập quyền.

Lục tam, phụ tả thừa, trí khẩu chí, trình lặn.

Hào 3 âm, đắc chí vênh vang, coi thường người trên, thô bạo với kẻ dưới, khác nào tự mời giặc đến, nếu không chữa thói xấu ấy, thật là đáng xấu hổ.

Tượng viết : Phụ khả thừa, diệc khả xú (sửu) dã ; tự ngã chí nhưng, hựu thù cữu dã?

Tượng viết : Hạng tiểu nhân được ngồi xe, đã thấy xấu hổ rồi ; tự mình mời giặc đến, còn oán trách nỗi gì ?

## 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, bất chính, ở dưới quẻ Khảm.

## 2. Hoàn cảnh

Phụ là mang đội, lưng đội vai mang, là việc làm của kẻ tiểu nhân ; thừa là ngồi xe, là vật sang trọng để đãi bậc quân tử.

Tiểu nhân mà được đãi như bậc quân tử hoặc dùng đồ đặc như người quân tử, không khác gì trộm cắp địa vị của người quân tử. Phụ thả thừa, còn có nghĩa đầu thì đội, chân thì đạp, coi thường người trên, thô bạo với kẻ dưới, đặc chí vênh vang.

(1) Hào 2 dương, hào 3 âm, hào 4 dương hợp lại thành quẻ Li, tượng trưng chính phạt, vì vậy hào từ nhắc đến trộm cướp, giặc bé (khẩu), giặc, giặc lớn (nhưng).

Hào 3 âm vừa âm nhu, vừa bất trung bất chính, đứng gần quẻ Khảm hiểm, lại đặc chí vênh vang, coi thường người trên, thô bạo với kẻ dưới, khác nào tự mời giặc đến (Phụ tả thừa, trí khấu chí), nếu không chữa thói xấu ấy, thật là đáng xấu hổ (trinh lộn).

(2) Hào 3 âm chỉ là kẻ tiểu nhân tầm thường mà được trọng đãi hoặc ra vẻ người quân tử, thật đáng xấu hổ (Phụ tả thừa, diệc khả xú dã), là tự mình mời giặc đến nhà, còn trách lỗi ai được (tự ngã trí nhưng, hựu thù cữu dã).

Ví dụ :

Cuối thời nhà Hán, nạn hoạn quan và ngoại thích chuyên quyền, nạn quân phiệt cát cứ.

Đại tướng Hà Tiến bất tài nhưng muốn diệt hoạn quan, liền triệu Đồng Trác xuất binh tiến kinh, giả danh là phò Hiến đế, khác nào mời giặc đến nhà.

Thế là thiên hạ đại loạn, làm cho nhà Hán diệt vong sớm hơn. Hà Tiến muốn giải nạn nhưng hoạn nạn lại gia tăng.

### 3. Quyền biến

Muốn giải nạn phải tu dưỡng tài năng, đạo đức, tìm con đường tốt nhất, không nên tự mời giặc vào nhà, nạn không được giải mà còn tăng thêm nạn.

Cửu tứ, giải nhi mẫu, bằng chí tư phu.

Hào 4 dương, Giải nạn nhưng bị thương chân cái, được kẻ dưới tin cậy.

Tượng viết : Giải nhi mẫu, vị dương vị dã.

Tượng viết : Giải nạn bị thương ngón chân cái, thật không đáng vậy.

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, thất chính, vượt qua quẻ Khảm, ở đầu quẻ Chấn, ứng với hào 1 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Quẻ Chấn tượng trưng cho chân, hào 4 dương ở đầu quẻ Chấn, tượng ngón chân cái (mẫu).



Sách Xuân thu phần lộ, Đồng Trọng Thư giải thích : Muốn bước đi phải xem ngón chân cái. Giải nhi mẫu là ngón chân cái bị thương. Bằng, chỉ sự tương ứng với hào 1 âm ; phu là tin cần nhau.

Hào 3 âm, hào 4 dương, hào 5 âm hợp lại thành quẻ Khảm , tượng trưng cho nguy hiểm.

Hào 4 dương, bất trung, bất chính, vừa qua khỏi quẻ Khảm, tượng tự vừa ra khỏi cảnh hiểm, ở đầu quẻ Chấn, có tính động, ứng với hào 1 âm để giải nạn, nhưng rồi như người bị thương ngón chân cái, không đi được, lại rơi vào Khảm, gặp cảnh hiểm khác.

(2) Theo lệ của Dịch, hào 2 và hào 4 là ở vị trí vương thần, có mối quan hệ rất trọng yếu, trách nhiệm rất nặng nề.

Hào 4 dương ứng với hào 2 âm, tin tưởng nhau cùng nhau giải nạn, vượt qua Khảm hiểm là tốt nhưng hào từ nói kết quả không được tốt như người bị thương ngón chân ?

Nguyên nhân, hào 4 dương ở dưới hào 5 âm, quân chủ, giữa quẻ Chấn, có tính nghi kỵ, nên mới bị nạn như người bị thương ngón chân cái.

**Thật ra, hào 4 dương không đáng tội, bị thương chân cái, không đáng bị đối xử như vậy (Giải nhi mẫu, vị đáng dã).**

Ví dụ :

Đại tướng Quách Tử Nghi, nhà Đường, bình định được loạn An Sử, lập được nhiều chiến công hiển hách. Nhưng bị bọn tiểu nhân gièm pha, khiến vua nhà Đường nghi ngờ, không tin dùng như trước.

### 3. Quyền biến

Có sách giải thích, hào 4 dương cương, ở vị trí âm nhu, vốn đã bị nghi ngờ, lại quan hệ với hào 1 dương (tiểu nhân). Cho nên, trước hết phải xa hào 1 dương thì mới giải được mối nghi ngờ.

Lục ngũ, quân tử duy hữu Giải, cát ; hữu phu vu tiểu nhân.

Hào 5 âm, giải pháp giải nạn là quan hệ với người quân tử là tốt ; lấy thành tín để thu phục tiểu nhân.

Tượng viết : Quân tử hữu Giải, tiểu nhân thối dã.

Tượng viết : Người quân tử giải nạn là làm cho tiểu nhân tự lui.

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm ở vị trí dương, thất chính, ngôi vị quân chủ, ở giữa quẻ Chấn.

## 2. Hoàn cảnh

Duy là ràng buộc, quan hệ. Sách Chu Dịch triết trung cho rằng, hào 4 dương và hào 5 âm đều nhắc đến phu (tin cần) : Bằng chí tư phu (hào 4 dương) là nói về sự tin tưởng nhau giữa những người quân tử ; hữu phu vu tiểu nhân (hào 5 âm), là nói về bọn tiểu nhân tin cần nhau. Quân tử tin cần nhau là để làm điều thiện, tiểu nhân tin cần nhau, thế nào chúng cũng làm điều ác.

## 3. Quyền biến

(1) Hào 5 âm nhu nhược, thất chính, không đủ sức giải nạn ; ở cương vị quân chủ, hào 5 âm nên tìm giải pháp là quan hệ, ràng buộc với quân tử là tốt (quân tử hữu Giải), lúc cần cũng nên quan hệ với tiểu nhân để giải nạn.

Không những lấy lòng thành tín đối đãi với quân tử mà còn lấy thành tín đối với tiểu nhân (hữu phu vu tiểu nhân) thì tiểu nhân mới tin phục đi theo để giải nạn, hoặc trong lúc gần tiểu nhân cũng nên coi chừng mối quan hệ của bọn tiểu nhân.

(2) Nếu hào 5 âm là người quân tử giỏi giải nạn (Quân tử hữu giải), giải pháp hay nhất là làm cho bọn tiểu nhân tự thối lui, hoặc khiến chúng không làm điều ác, hoặc cải ác thành thiện (tiểu nhân thối).

Ví dụ :

Trần Bình vốn nhà nghèo, không chịu làm ăn, lêu lổng, ăn trộm của chị dâu ; thờ Ngụy, Ngụy chẳng dùng, phải bỏ chạy ; về với Sở, cũng chẳng hợp, bỏ trốn, loanh quanh nghiêng ngửa giữa khoảng Sở, Ngụy ; rốt cuộc về với Lưu Bang.

Trần Bình giúp Lưu Bang, thường đưa ra nhiều mưu lạ, giải quyết được những tai nạn khó gỡ, làm quốc gia vượt khỏi nhiều mối lo âu.

Thượng lục, công dụng xạ chuẩn vu cao dung chi thượng, hoạch chi, vô bất lợi.

Hào trên cùng âm, việc giải nạn như vị công nhắm bắn con chim chuẩn ở trên bức tường cao, bắn được, không gì là không lợi ích.

Tượng viết : Công dụng xạ chuẩn, dĩ giải bội dã.

Tượng viết : Vị vương công đã bắn được con chim chuẩn, thì cũng có thể bắt được bọn bội phản.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở trên cùng quẻ Chấn, cuối cùng thời Giải.

## 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, ở trên quẻ Chấn, nên vừa chính vừa động, cuối cùng của thời Giải.

Hệ từ giải thích : Chuẩn là giống chim dữ tàn ác, cung tên là vật dùng để bắn, người bắn được chim chuẩn là người tài (Chuẩn giả cầm giả, cung thi giả khí giả, xạ chi giả nhân giả).

Người quân tử phải giữ (vũ) khí trong mình, đợi thời cơ mà hành động, không gì là không lợi (Quân tử tàng khí vu thân, đãi thời nhi động, hà bất lợi chi hữu).

Khi đã hành động, thì không có gì ràng buộc, trở ngại, tất nhiên là thành công (Động nhi bất quát, thị dĩ xuất nhi hữu hoạch), cho nên phải rèn luyện, trau dồi (vũ) khí (ngữ thành khí giả dã).

Hào từ hào 3 âm nhắc đến con cáo là loại gian xảo, dua nịnh, có sức cắn dữ ; hào trên cùng âm nhắc đến con chim chuẩn, là loài chim tàn ác.

Mặc dầu trong thời Giải, đã tóm được bọn gian xảo, dua nịnh, nhưng chắc chắn cuối thời giải vẫn chưa dẹp hết những loài tàn ác, cho nên phải đề phòng.

### 3. Quyền biến

Ở cương vị hào trên cùng âm, việc giải nạn tương tự bậc vương đề phòng, bắn con chim chuẩn tàn ác ở trên tường cao (công dụng xạ chuẩn, vu cao dung chi thượng).

Muốn bắn chim thì trong mình nên có sẵn cung tên (tàng khí), phải tập luyện cho thuần thục, trăm phát trăm trúng (thành khí), phải đợi đúng cơ hội, chim dưới tường thì chưa bắn được, chim bay rồi thì bắn trật, bắn khi nó đang đậu trên tường thì mới trúng. Được như thế, thì bắt được chim, không gì là không lợi (hoạch chi, vô bất lợi).

Tương tự, muốn trị kẻ gian tà, thì phải tự mình tu dưỡng đạo đức, học vấn, tài năng, mưu lược (tàng khí) ; phải thực hành đạo đức, áp dụng tài năng, mưu lược, cho thành thạo (thành khí) ; phải biết hành động đúng thời cơ, kẻ gian xảo tàn ác chưa lộ diện thì chưa tóm được chúng, khi cao bay xa chạy khỏi tường cao thì không bắt được, chỉ chờ đúng lúc thì mới tóm gọn được ; được thế chẳng gì mà không lợi.

(2) Cuối thời Giải, như bậc vương công đã dẹp yên nội loạn như đã bắn được con chim rồi (Công dụng xạ chuẩn), thì có thể bình định được bọn bội loạn ở bên ngoài (dĩ bội dã).

Ví dụ :

Sau khi Vũ vương mất, Thành vương còn nhỏ mới lên ngôi, sợ các chư hầu không phục, Chu Công liền chuẩn bị trước kế hoạch đối phó.

Quả nhiên, Quản Thúc, Sái Thúc và Chu Khang âm mưu khởi binh phản loạn. Chu Công phụng mệnh Thành vương đem quân đông chinh.

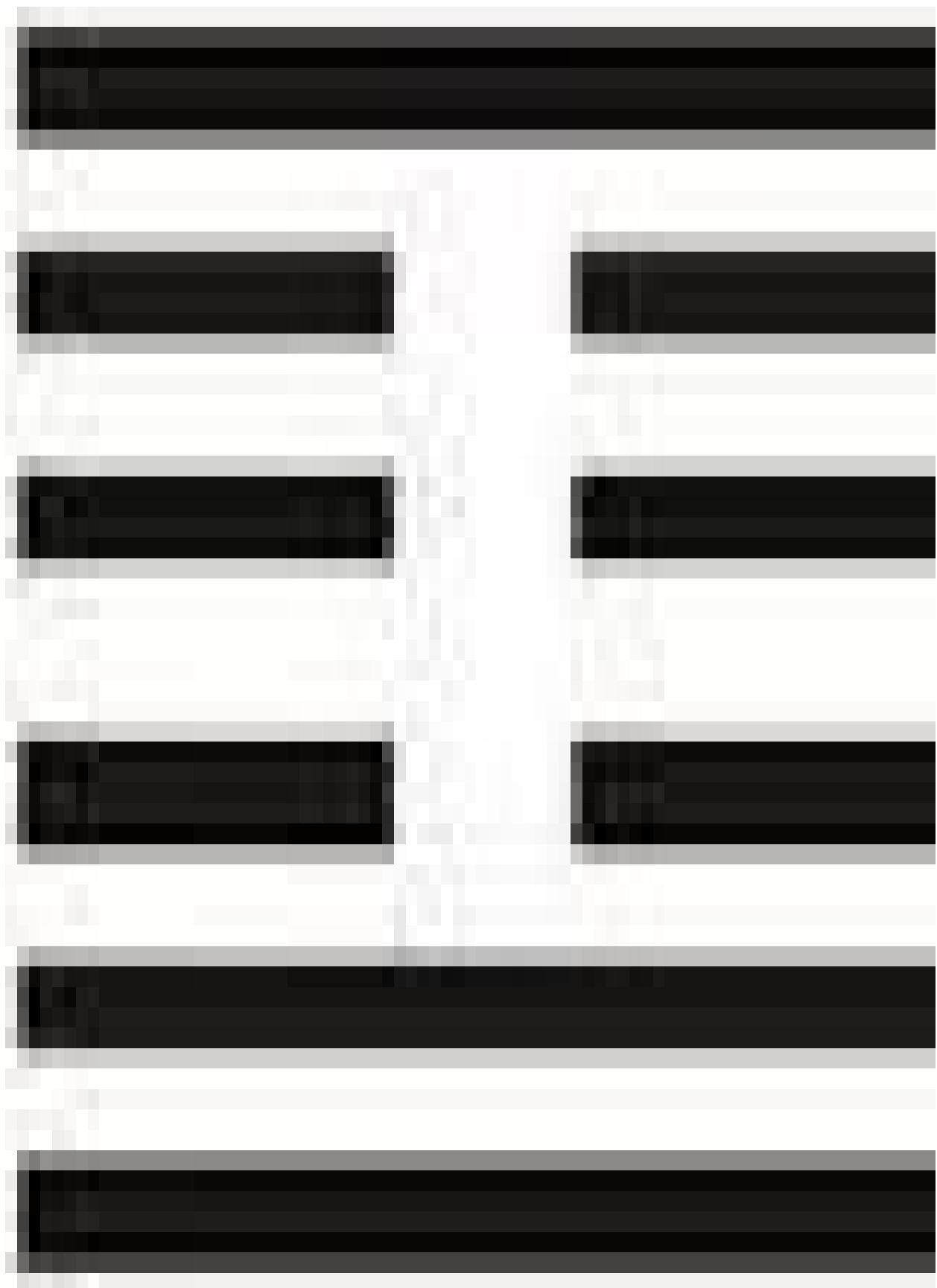
Hai năm sau, Chu Công giết được Quản Thúc, Chu Khang, đuổi được Sái Thúc. Chư hầu lúc đó lại phục tùng nhà Chu.

#### 41. SƠN TRẠCH TỒN

##### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Tồn là giảm đi (Tồn, giảm giả). Tồn như tổn thất, tổn hại, hủy hoại.

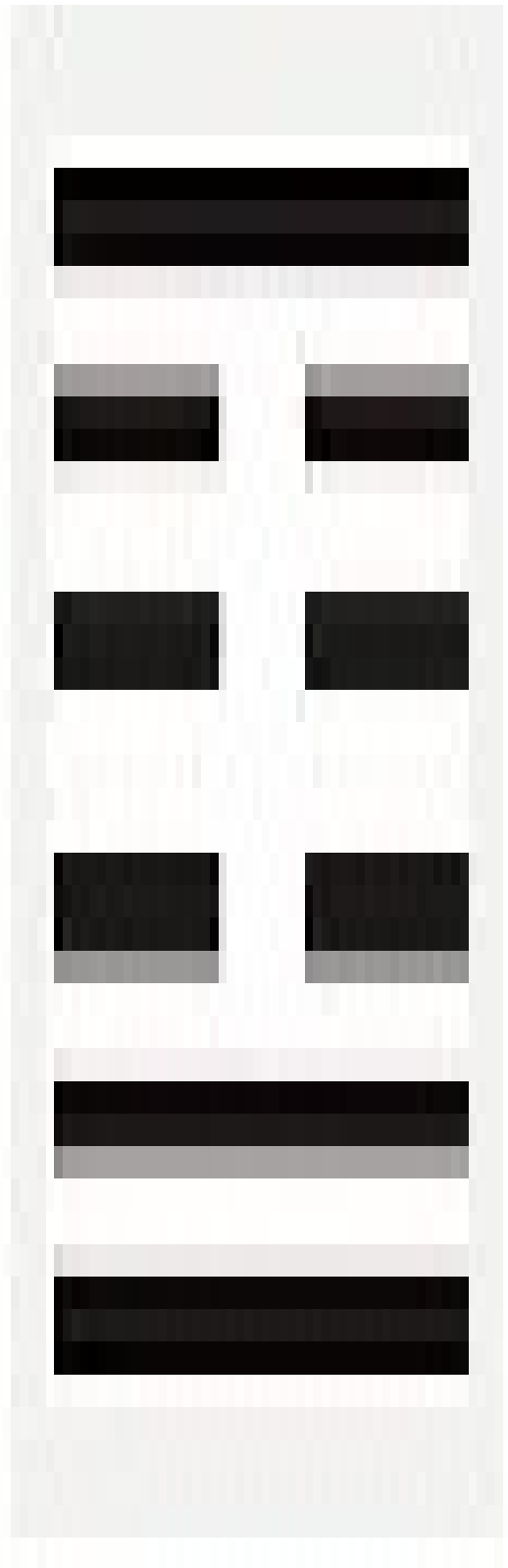
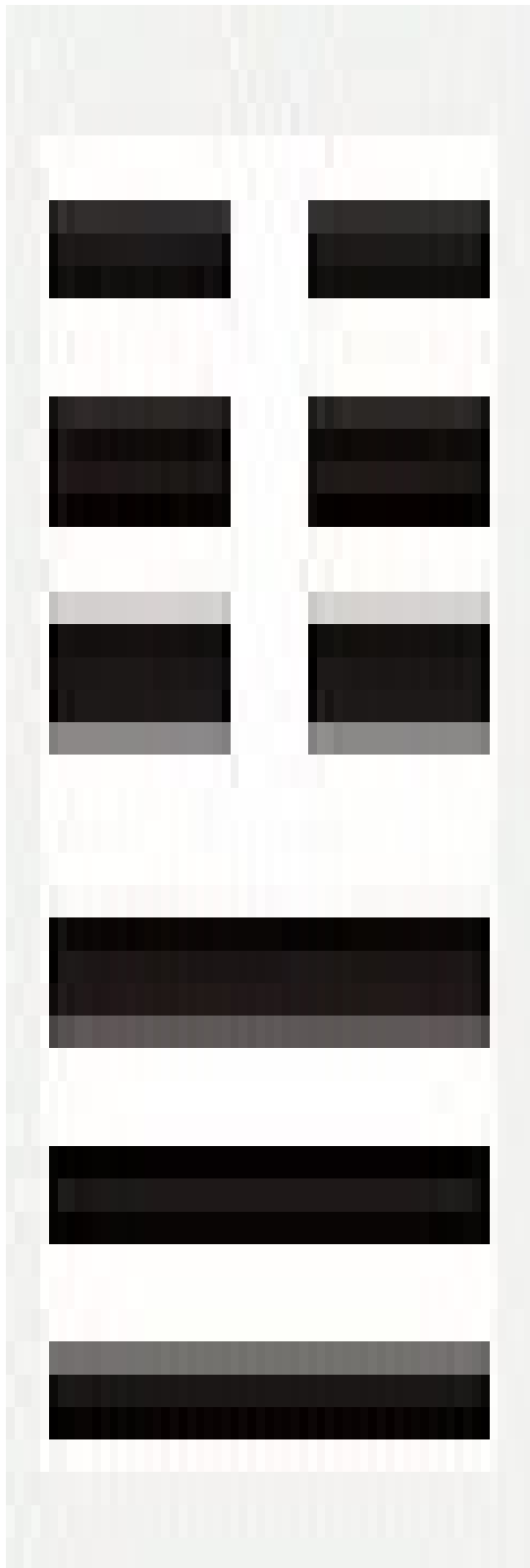
##### HÌNH QUẺ





Dưới là Đoài - trạch, trên Cấn - sơn, gọi là Sơn Trạch Tổn.

Xét quẻ Thái (hình trên), dưới giảm bớt một hào dương, trên thêm một hào dương, thành quẻ Tổn.



Dưới là quẻ Đoài - trạch, trên là Cấn - núi, nguyên là quẻ Khôn - đất, nếu giảm đi một hào âm ở trên, thêm một hào dương vào phía dưới sẽ thành quẻ Chấn ; Chấn động bên trên sẽ giảm tổn, ích cho trạch, nên gọi là Tồn.

Trên là Cấn - núi, đá trên núi rơi xuống Đoài - trạch hoặc Đoài - nước không ngừng xói mòn Cấn - núi.

Một bên tổn - Cấn, một bên ích - Đoài ; hoặc Đoài - nước luôn luôn nuôi dưỡng cỏ cây trên núi, Đoài – trạch tổn mà ích Cấn - núi.

Nói cách khác, là bên này tổn bên kia ích, bên kia tổn bên này ích, hỗ tương lẫn nhau.

SOÁN TỪ

**Tồn, hữu phu, nguyên cát, vô cửu, khả trinh, lợi hữu du vãng. Hạt chi dụng? Nhị quĩ khả dụng hưởng.**

Sách Y xuyên Dịch truyện, Trình Di giải thích bốn ý :

Một, trên Cấn - núi cao, dưới Đoài - trạch sâu, dưới sâu ích cho trên cao.

Hai, trạch ở dưới núi, khí thông, nhuận cho cây cỏ.

Ba, dưới là Đoài, có tính duyệt, vui vẻ, 3 hào dưới ứng với 3 hào trên, dưới cung phụng trên.

Bốn, nếu Đoài thêm một hào dương thế hào âm sẽ thành quẻ Càn , trên bớt một hào dương, thêm một hào âm sẽ thành quẻ Khôn ; Càn cương, giảm cương ích cho Khôn nhu, giảm nhu mà ích cho cương, tổn trên ích dưới, tổn dưới ích trên, gọi là Tồn.

Tường cao tuy tổn mà ích cho nền, là ích yên ổn ; tường cao mà làm tổn cho nền, xói mòn nền là tổn nguy hiểm.

Tương tự, người cầm quyền ban ân huệ cho dân, được lòng dân, là ích, là yên ổn ; bóc lột nhân dân, làm hao tổn sức dân, của dân, là tổn nguy hiểm.

Người cầm quyền thấy dân nghèo, có kế sách làm cho dân bớt nghèo, dân khổ sở thì bớt phu phen tạp dịch, dân bị sưu cao thuế nặng thì bớt thuế cho dân, dân quá xa xỉ, thì khuyên dân bớt xa xỉ (Tồn).

Với lòng chí thành như vậy thì dân mới tin (hữu phụ), trăm sự tốt lành (nguyên cát), xử trí như vậy mới không lầm lỗi (vô cửu), nếu cứ thực hành mãi (khả trình), làm việc gì cũng thuận lợi (lợi du vãng).

Quý là cái âu đựng đồ cúng tế ; theo lệ, khi tế lễ phải dùng 8 cái âu hoặc 6 cái hoặc 4 cái, nay bớt đi chỉ còn 2 cái (nhị quý).

Chẳng hạn, trong việc cúng tế, khả dĩ có giảm bớt phẩm vật (hạt chi dụng), lễ bạc nhưng lòng thành thì cũng không sao (nhị quý dụng hưởng).

Ví dụ :

Tể tướng Hàn Hưu là người cương trực, thấy vua Đường Huyền Tông mắc một sai lầm nhỏ cũng không bỏ qua, chỉ cần biết là thẳng thắn can gián.

Một hôm, trong tiệc rượu, Đường Huyền Tông có thái độ không đúng mực, ông nhớ ra và hỏi tả hữu :

- Hàn Hưu có biết chuyện này không nhỉ ?

Hỏi chưa dứt lời thì tấu văn của Hàn Hưu đã tới.

Một nịnh thần nói với Đường Huyền Tông :

- Từ khi Hàn Hưu làm tể tướng đến nay, bệ hạ tâm sức mỗi một hao gầy, long thể hao tổn, làm cho chúng thần rất lo ngại. Lẽ ra, bệ hạ nên cách chức ông ta mới phải.

Đường Huyền Tông nói :

- Thật thiệt thòi cho Hàn Hưu, tuy trăm có gầy đi nhưng nhờ có Hàn Hưu trăm họ mới béo lên.

## SOÁN TRUYỆN

Tổn, tổn hạ ích thượng, kì đạo thượng hành. Tổn nhi hữu phu, nguyên cát, vô cửu, khả trinh, lợi hữu du vãng. Hạt chi dụng ? Nhị quỹ khả dụng hưởng ; nhị quỹ ứng hữu thời. Tổn cương ích nhu hữu thời, Tổn ích doanh hư, dữ thời giai hành.

Nguyên dưới là quẻ Càn, ba nét dương ; trên là quẻ Khôn, ba nét âm ; nay bớt một nét dương ở dưới, đưa lên trên ; tức là bớt dưới thêm cho trên, gọi là Tổn (Tổn, tổn hạ ích thượng), đây là đạo làm ích cho trên (kì đạo thượng hành).

Đạo Tổn là giảm cho dân những gì cần giảm, với lòng chí thành (Tổn nhi hữu phu) thì trăm sự tốt lành (nguyên cát), không tội lỗi (vô cửu), cứ thực hành mãi như vậy (khả trinh), việc gì mà chẳng lợi (lợi hữu du vãng).

Chẳng hạn, thay vì 8 cái âu để đựng lễ vật, nay giảm đi chỉ còn 2 âu lễ vật, nhưng có lòng thành tín, thì cũng không sao (hạt chi dụng, nhị quỹ khả dụng hưởng), bỏ bớt văn mà trọng về chất, bỏ cái rườm rà, coi trọng sự đơn giản, là rất hợp với thời Tổn (nhị quỹ ứng hữu thời).

Như đã nói, bỏ bớt 1 hào dương của quẻ Càn (tồn cương), thêm 1 dương cho quẻ Khôn (ích nhu). Vì gặp thời thế phải làm như thế (hữu thời), không phải là cứ làm mãi việc tồn dưới ích trên.

Tồn – ích, đầy – vơi (tồn - ích, doanh- hư), bốn lẽ ấy, qua - lại, lại - qua, tùy thời mà hành xử (dự thời giai hành).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Sơn hạ hữu trạch, Tồn ; quân tử dĩ trường phận trất dục.

Dưới núi có đầm (sơn hạ hữu trạch), đầm sâu chừng nào, núi cao chừng ấy, núi càng cao thì chân núi càng bị xói mòn đi, đó là tượng của quẻ Tồn.

Dưới là Đoài, tượng trưng thiếu nữ ; trên Cấn tượng trưng thiếu nam, đôi nam nữ còn trẻ, thiếu kinh nghiệm (Tồn).

Cấn – thiếu nam, khí huyết đang hăng, cái gì trái ý thì giận, thì căm phẫn (phẫn) như núi rung, đất chuyển.

Đoài – thiếu nữ, có tính vui vẻ nhưng cũng có nhiều ham muốn (dục), có thể

chìm đắm trong nước đầm.

Tuy vậy, Cấn - núi có tính dừng, tính tĩnh ; Đoài - trạch có tính trong, tính lắng.

Người quân tử xem tượng ấy mà biết dừng, biết tĩnh, biết nén cơn giận dữ căm phẫn (quân tử dĩ trừng phẫn), biết tiết chế, dẫn dục vọng, lắng trong, soi lại tâm hồn (trất dục).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, dĩ (tự) sự suyển vãng, vô cửu, chúc Tôn chi.

Hào 1 dương, làm gấp việc tổn mình ích người, không có lỗi, nhưng nên cân nhắc, thận trọng trong việc tổn mình ích người.

Tượng viết : Dĩ (tự) sự suyển vãng, thượng hợp chí dã.

Tượng viết : Việc tổn mình ích người là gấp nhưng phải hợp chí của người nhận.



## 1. Sơ cứu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở trong quẻ Đoài, ứng với hào 4 âm, ở đầu thời Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở trong quẻ Đoài, có tính hoà duyệt, ứng với hào 4 âm, âm dương hoà hợp, là hào tốt (cát) nhưng hào từ cho là không tội lỗi (vô cữu) ?

Nguyên nhân, hào 1 dương cương, khí rất thịnh, ở vị trí thấp nhất, muốn tồn mình ích cho hào 4 âm một cách nhanh chóng (dĩ sự suyền vãng) ; gặp hào 4 âm, ở vị trí cận thần, nhu nhược, chấp nhất, cảm thấy mình như bị xúc phạm, nên việc tốt xấu đi, chỉ còn không tội lỗi (vô cữu).

## 3. Quyền biến

(1) Ở vị trí hào 1 dương, gặp người như hào 4 âm, nên cân nhắc, đo lường, cẩn thận trong việc tồn mình ích người (chước Tốn chi) thì mới tốt. Nói cách khác, cách cho hơn của cho.

Ví dụ :

Nước Tề gặp nạn đói to, người hành khất đầy đường.

Một người giàu có muốn làm việc thiện, tích đức, tay cầm thức ăn, tay cầm thức uống, lớn tiếng gọi mấy người hành khất : Bọn bay, tới đây mà lấy !

Dương Kì, một người đang xin ăn, thấy anh nhà giàu kiêu ngạo, khinh thường những người cơ nhỡ một cách quá đáng, nhin đói cho đến chết.

Có của cho, không biết cách cho, thì không được tốt.

(2) Vì vậy, trong thời Tồn, làm việc tổn mình ích người, cứu người nhưng phải hiểu cái chí hướng của người (Dĩ sự suyền vãng, thượng chí dã).

Cửu nhị, lợi trinh, chinh hung. Phất Tồn, ích chi.

Hào 2 dương, lợi do giữ được đạo chính, nếu vội tiến thì xấu. Không tự làm tổn hại mình, người không muốn tăng ích, ích cả hai.

Tượng viết : Cửu nhị lợi trinh, trung dĩ vi chí dã.

Tượng viết : Hào 2 dương lợi do trinh chính, chí giữ được đạo trung.

### 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, trung nhưng thất chính, ứng với hào 5 âm, quân chủ.

### 2. Hoàn cảnh

**Hào 2 dương thất chính nhưng cương trung ở vị trí âm - nhu, nên có tính khiêm tốn, hoà nhã, lấy đức trinh chính, ứng với hào 5 âm thì có lợi -lợi- trinh) ; cương nhu tương ứng, trên dưới lấy khiêm tốn, hoà nhã đối xử với nhau, là hợp với đạo trung.**

### 3. Quyền biến

(1) Theo nguyên tắc quẻ Tồn, là lấy chỗ dư bù chỗ thiếu (tồn hữu dư, bổ bất túc). Ở hoàn cảnh này, hào 2 dương, ở vị trí âm nên không dư ; hào 5 âm tuy không đủ nhưng ở vị trí quân chủ, cũng không muốn hào 2 dương tự tồn (phất Tồn), không muốn tăng ích (bất ích chi ích) cho mình, nên có ích cho cả đại cục (ích chi).

Hào 2 dương, hào 3 âm và hào 4 âm thành quẻ Chấn, tượng trưng cho con đường lớn, quyết đoán vội vàng nóng nảy.

Ở hoàn cảnh hào 2 dương, quyết đoán nóng nảy, tiến lên, thì gặp nguy hiểm (chính hung).

(2) Hào 2 dương nên giữ đức cương trung trinh chính thì có lợi. Về chí hướng nên giữ lấy đạo trung (Cửu nhị lợi trinh, trung dĩ vi chí dã), nếu bỏ đạo trung, sẽ gặp nguy hiểm.

Ví dụ :

Thời Đông Tấn, Phù Kiên đem một trăm vạn quân vây hãm Giang Nam. Hoàn Xung muốn đem quân ở Kinh, Tương tăng viện cho triều đình.

Tể tướng Tạ An phân tích tình thế, khuyên Hoàn Xung không nên đem quân tăng viện, vẫn ở Kinh, Tương, tạo thế ỷ giốc hổ tương lẫn nhau.

Kết cục, trận Phì Thuỷ, quân Tấn đại thắng.

Lục tam, tam nhân hành, tắc Tổn nhất nhân ; nhất nhân hành, tắc đắc kì hữu.

Hào 3 âm, ba người đi, bớt một người ; một người đi, được thêm bạn.

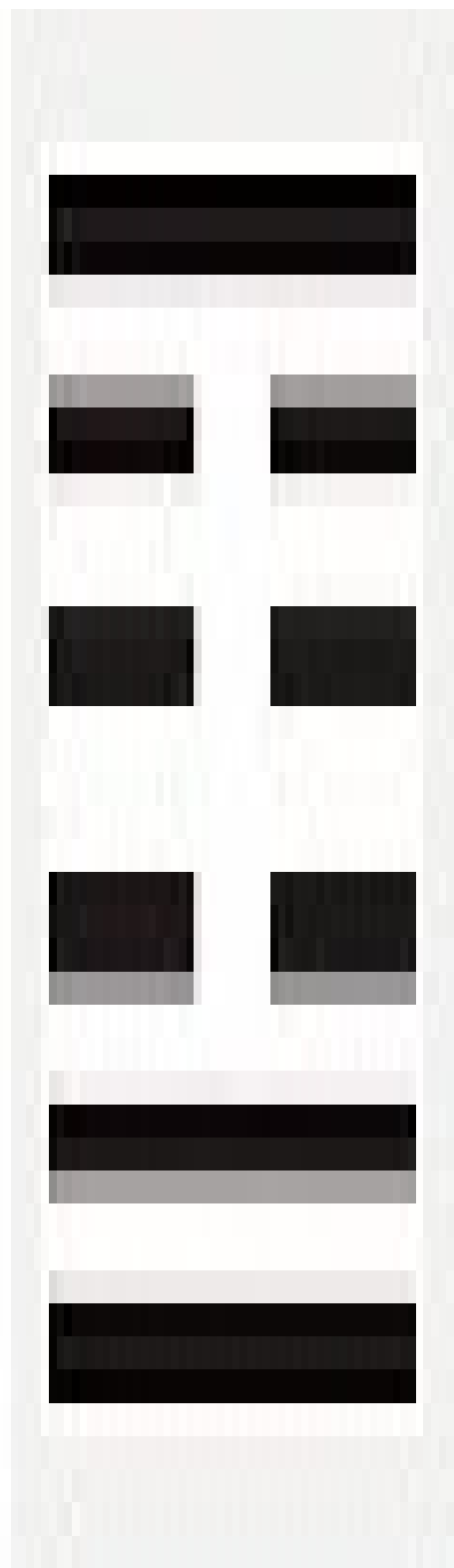
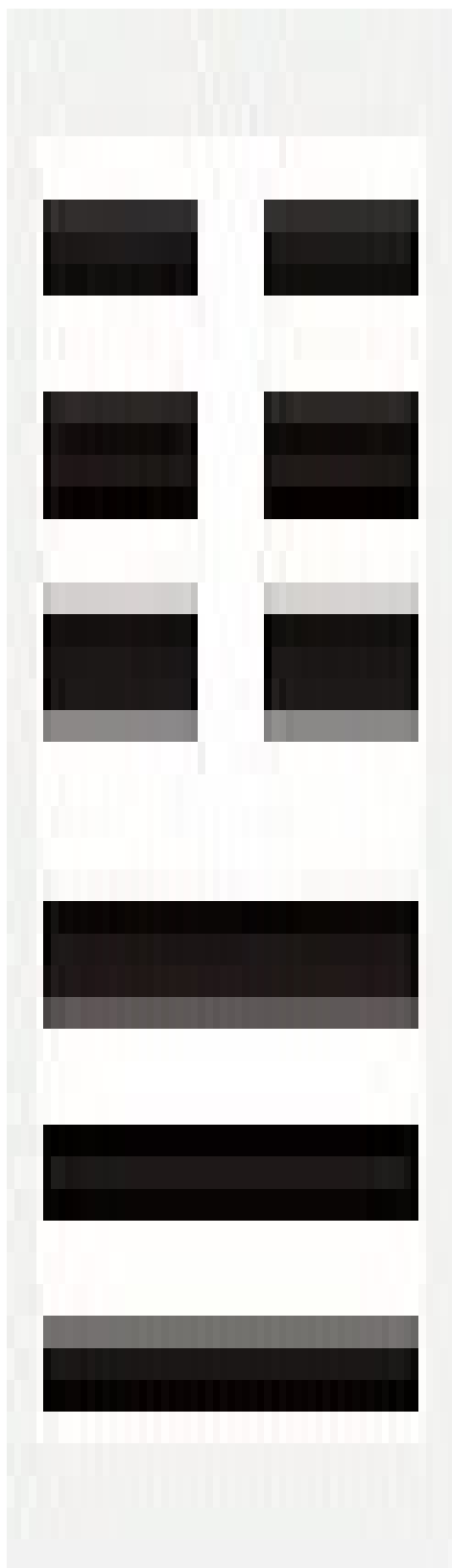
Tượng viết : Nhất nhân hành, tam tắc nghi dã.

Tượng viết : Một người đi, hào 3 âm thích nghi hết thấy.

### 1. Lục tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương đắc chính, ở trên quẻ Đoài.

### 2. Hoàn cảnh



Như đã nói ở trên, quẻ Thái (hình trên), dưới là Càn có 3 nét dương, trên là Khôn có 3 nét âm ; bớt quẻ Càn một nét dương, thêm vào quẻ Khôn, sẽ thành quẻ Tốn.

Xét các hào, từng cặp âm dương, tương ứng với nhau, tương đắc với nhau, thành bạn với nhau, là đúng với đạo Tốn.

Hệ từ viết : Trời Đất chỉ một âm một dương, giao cảm với nhau mà thành vạn vật, vạn vật nhờ đó mà hoá thuần. Nam nữ là một vợ, một chồng, giao cấu tình khí với nhau, vạn vật nhờ đó mà hoá sinh.

Ba người (tam nhân) là chỉ hào 3 âm, hào 4 âm, hào 5 âm ; một người (nhất nhân) là chỉ hào trên cùng dương.

Nếu hào 3 âm, ở trong quẻ Đoài, vui vẻ hoà duyệt với các hào 4 âm, 5 âm, cả ba hào đồng tính với nhau, thì bài xích lẫn nhau, ít nhất là một người bị thương tổn.

Hoặc cả hào 3 âm, 4 âm, 5 âm cùng kéo nhau ứng với hào trên cùng dương, tạo thành mối tình tay ba tay tư, ít nhất cũng làm thương tổn một người (tam nhân hành, tắc Tốn nhất nhân).

Mối quan hệ như vậy là tạp loạn, là trái với đạo lí của trời đất, trái với đạo lí quẻ Tốn.

Hào 3 âm ứng với hào trên cùng dương, một âm một dương, sẽ được bạn, kết bạn với nhau, bầu bạn với nhau (nhất nhân hành, tắc đắc kì hữu) như vậy là hợp

với đạo Tồn, hợp với đạo lí của trời đất, hợp với nhân luân.

### 3. Quyền biến

Hào 3 âm tương ứng với hào trên cùng dương, một âm, một dương (nhất nhân hành), xét về phương diện nào, thời Tồn, đạo của trời đất, nhân luân, thì hào 3 dương đều thích nghi hết thảy (tam tắc nghi dã).

Lục tứ, tổn kì tật, sử thuyên hữu hi, vô cữu.

Hào 4 âm, bớt bệnh của mình, thuyên giảm, đáng mừng, không có lỗi.

Tượng viết : Tồn kì tật, diệt khả hi dã.

**Tượng viết : Hào 4 âm bớt bệnh, vui cho cả hai.**

#### 1. Lục tứ



Hào 4 âm - nhu, ở vị trí âm, đầu quẻ Cấn, ứng với hào 1 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 4 âm biến hành hào dương, hợp với hào 3 âm, 5 âm, sẽ thành quẻ Khảm, tượng trưng nguy hiểm, nên hào từ nhắc đến tật (tật bệnh, tâm bệnh).

Hào 4 âm vốn nhu nhược, lực không đầy đủ, đứng trước cảnh hiểm. Tượng trưng người lảm bệh, ngoài yếu đuối, trong tâm bệh, ở thời Tồn nên bệh, càng thêm bệh (bệh).

## 3. Quyền biến

(1) Nhưng hào 4 âm, ở quẻ Cấn có tính dừng, ứng với hào 1 dương cương, đầy đủ chính khí, nên hào 4 âm như được bồi bổ, tăng ích, có những chuyển biến rất rõ từ trong ra ngoài, bệh thuyên giảm (Tồn kì tật, sử thuyên), từ yếu chuyển sang mạnh, đáng mừng (hữu hi) và không có lỗi (vô cửu).

(2) Hào 4 âm được hào 1 dương giúp, tự giảm được bệh, thật đáng mừng cho cả hai (Tồn kì tật, diệc khả hi dã).

Ví dụ :

Trịnh là một nước nhỏ, bị ba nước lớn là Tấn, Sở, Tề dòm ngó, như người bệh từ trong ra ngoài. Tử Sản chấp chính, tiến hành cải cách.

Ban đầu, trong dân gian truyền bài ca :

Tử Sản lấy đi áo mào của chúng ta, cất giấu áo mào chúng ta đi.

Hắn lấy đất đai của chúng ta mà sắp xếp lại ruộng đất.

Ai mà giết hắn, ta sẽ giúp cho.

Ba năm sau, nước Trịnh cường thịnh, các nước không dám dòm ngó, trong dân gian truyền bài ca :

Chúng ta có con cháu, Tử Sản giáo dục.

Chúng ta có đất đai, Tử Sản làm cho chúng sinh lợi.

Tử Sản mà không chấp chính nữa, thì sẽ ai kế thừa công việc ông đây ?

Thời bấy giờ, dân chúng nước Trịnh thường tụ tập ở hương hiệu, vừa là trường học, vừa là nơi dân chúng quây quần nghỉ ngơi, trò chuyện.

Quan đại phu nước Trịnh là Cách Miệt sợ dân tụ tập nói xấu chính quyền, liền đề

nghị với Tử Sản :

- Nên đóng cửa hương hiệu.

Tử Sản nói :

- Sao lại phải làm như vậy ? Đó là chỗ nghỉ ngơi của dân, trong lúc nghỉ ngơi họ có thể đàm luận tình hình chính trị. Cái nào hay ta giữ lại, cái nào dở ta sửa chữa ngay. Đó là nơi đàm luận của những bậc thầy của chúng ta, tại sao ta phải đóng cửa ?

Tôi nghe nói, thành tâm làm việc thiện cho dân sẽ giảm trừ được oán hận, chưa nghe nói dùng cách dọa dẫm dân mà lại có thể loại trừ được oán hận bao giờ.

Trị dân khác nào trị một dòng nước lớn, nước tích tụ, tức nước sẽ vỡ bờ, cuốn trôi người ta, lúc ấy, có muốn cứu không cứu được ; chỉ bằng khơi ngòi cho nước chảy thông dòng là hơn.

Ông đóng cửa hương hiệu là muốn bịt miệng dân nhưng cũng không thể nào bịt được.

Nên để dân bày tỏ ý kiến, ta nên xem đó là phương thuốc hay để cứu chữa quốc gia.

Nghe Tử Sản giảng giải, Cách Miệt rất khâm phục.

Lục ngũ, hoặc ích chi thập bằng chi quy, phát khắc vi, nguyên cát.

Hào 5 âm, nhiều người làm ích cho mình bảo vật như một con rùa lớn, không biết phương nào, mọi việc đều tốt.

Tượng viết : Lục ngũ nguyên cát, tự thượng hựu dã.

**Tượng viết : Lục ngũ được mọi điều tốt lành, Trời cũng giúp cho.**

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm, ở vị trí dương, ứng với hào 2 dương cương trung.

## 2. Hoàn cảnh

Người xưa, dùng vỏ sò làm đơn vị tiền tệ, hai vỏ sò gọi là bằng, 10 bằng là 20 vỏ sò. Quy là con rùa, sống rất thọ, là linh vật quý, người ta dùng mai rùa để bói

toán (chiêm bốc), hỏi những điều còn nghi ngờ chưa quyết, hoặc có thể dùng mai rùa làm đơn vị tiền tệ. Thập bằng chi quy là những bảo vật vô giá, thu được trong phạm vi rộng.

### 3. Quyền biến

(1) Trong thời Tồn, hào 5 âm có đức hư trung, có đức thuận, địa vị quân chủ, ứng với hào 2 dương, có đức cương trung, cương nhu tương đắc, được hào 2 dương và thiên hạ giúp ích, như được bảo vật vô giá (Hoặc ích chi thập bằng chi quy).

Sách Chu Dịch bản nghĩa, Chu Hi giải thích, điều ngạc nhiên là không biết bảo vật vô giá từ đâu tới (phất khắc vi) ? Là do dân chúng tự nguyện đưa đến, như trăm con sông đổ về biển cả, biển tuy được ích nhưng không cao, nên mọi sự tốt lành (nguyên cát).

(2) Sách Thượng thư cho rằng, quân chủ có điều gì nghi hoặc, do dự chưa quyết, thì tự hỏi lòng mình, hỏi sĩ khanh, hỏi thứ dân, sau đó mới hỏi trời bằng cách chiêm bốc (xem mai rùa). Lúc nhân tâm đã thuận, trời đã thuận thì quyết đoán.

Hào 5 âm, hư tâm, nhu thuận, thu phục được lòng người, được mọi điều tốt lành (Lục ngũ nguyên cát), đã vậy, trời cũng chiều theo (tự thượng hựu dã).

Thượng cửu, phất Tồn, ích chi, vô cửu, trinh cát. Lợi hữu du vãng, đắc thần vô

gia.

Hào trên cùng dương, không làm tổn người, làm ích cho người, không có lỗi. Chính đáng thì tốt, làm việc gì cũng lợi, được người quy phục, chẳng phải chỉ một nhà mà cả nước, cả thiên hạ ủng hộ.

Tượng viết : Phất Tồn ích chi, đại đắc chí dã.

Tượng viết : Không làm tổn người, làm ích lợi cho người, nhiều người vui, mình vui, là chí (của hào trên cùng dương).

## 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, thất chính, ở trên cùng quẻ Tồn, ứng với hào 3 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Theo nguyên tắc của quẻ Tồn là tổn dưới ích trên, ở vị trí hào trên cùng dương là được ích quá nhiều, dưới tổn quá nhiều, tượng núi chân núi bị xói mòn, lâu ngày núi sẽ đổ.

Đắc thần là được thần dân quy phục ; vô gia có nghĩa là quốc gia, không phải một nhà, mà cả người trong nước, cả thiên hạ ; vô gia còn có nghĩa là những bậc vương giả không nên vơ vét của cải trong thiên hạ làm ích lợi cho tư gia của mình.

Hào trên cùng dương, tượng trưng người dư dả, ứng với hào 3 âm, tượng trưng người không đầy đủ. Nếu người trên đã dư thừa, lại muốn đầy thêm, cứ làm tổn hại người dưới ; người dưới càng ngày càng mòn mỏi ; cái hố ngăn cách càng sâu, chắc chắn sẽ có ngày sẽ nghiêng đổ.

### 3. Quyền biến

(1) Vì vậy, hào trên cùng, không nên làm tổn hại hào 3 âm, mà nên làm ích cho hào 3 âm (phất Tồn ích chi), thì mới không tội lỗi (vô cữu), cứ kiên trì giữ chính đạo mà làm như vậy là tốt (trình cát), không có gì mà không lợi (lợi hữu du vãng), sẽ được dân chúng, thiên hạ ủng hộ (đắc thần vô gia).

(2) Không làm tổn người, chuyên làm điều ích lợi cho người (phất Tồn, ích chí), làm lợi ích cho người càng nhiều, khiến lòng người càng thêm vui vẻ, thì mình vui, đó là cái chí lớn của hào trên cùng dương (đại đắc chí dã).

Ví dụ 1 :

Sách Thành Trai Dịch truyện nêu Ví dụ : Vua Đại Vũ ăn rau phỉ mà trong thiên hạ không có người đói, Văn Vương mặc áo thô mà thiên hạ không ai bị rét, tập viết chữ trên đất mà nhà nhà có lửa khói (no ấm, ấm cúng). Tức là tổn mình mà ích cho thiên hạ.

Ví dụ 2 :

Sách Hán thư, Ngũ hành chí ghi : Vua Thành đế, Tây Hán, thích tuần du, vợ vét của cải trong thiên hạ đem về làm của riêng.

Cốc Vĩnh, dẫn hào trên cùng dương (quẻ Tồn) dâng lên Thành đế : Kinh Dịch có gọi đắc thần vô gia, có nghĩa là bậc vương giả lấy thần dân làm ngôi nhà chung, không có nhà riêng (tư gia).

Nay, bệ hạ lấy ruộng của dân, vợ vét xe ngựa, gia súc của dân, đem về hết ở Bắc cung, tùy tiện đãi đằng khách khứa, chia chác cho bọn tiểu nhân, bọn chúng say sưa no đủ, còn dân thì sao ? Đó là điều bất tường của quốc gia.

Thành Đế không nghe, vương triều Tây Hán, nhanh chóng sụp đổ.

## 42. PHONG LÔI ÍCH

### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn giải thích : Ích là nhiều, là phong phú (Ích, nhiều giả), ích và tồn tương ứng với nhau, đã có tồn thì có ích.

Tự quái truyện giải thích : Tồn đã cùng cực thì có Ích, vậy sau quẻ Tồn là quẻ



Ích (Tồn nhi bất kị, tất Ích, cố thụ chi dĩ Ích)

HÌNH QUÊ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

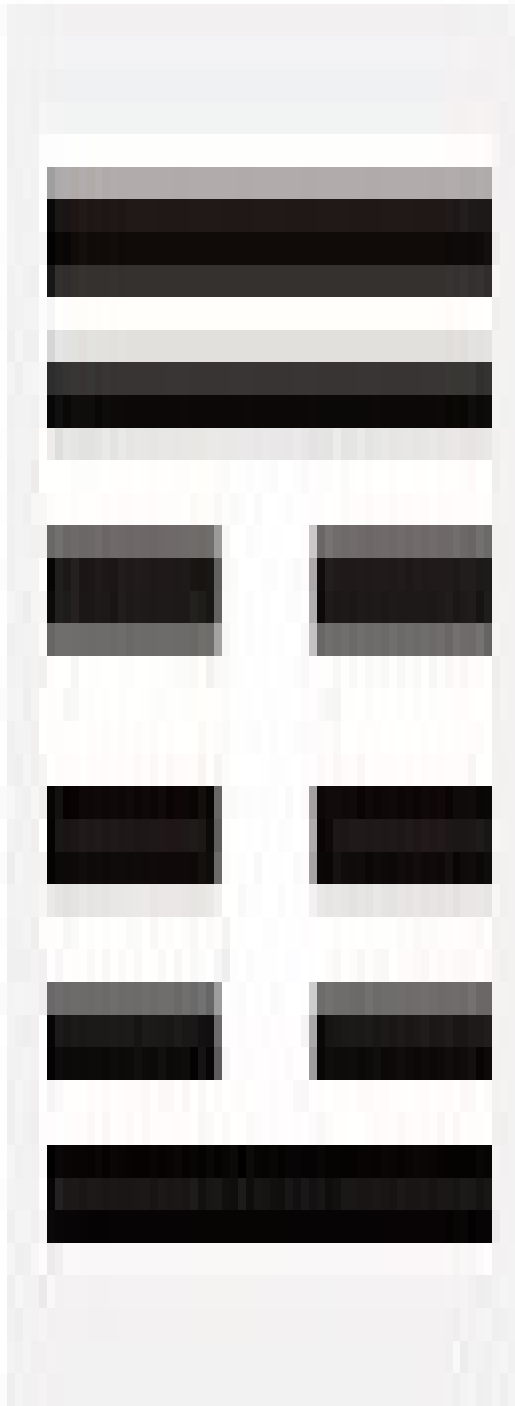
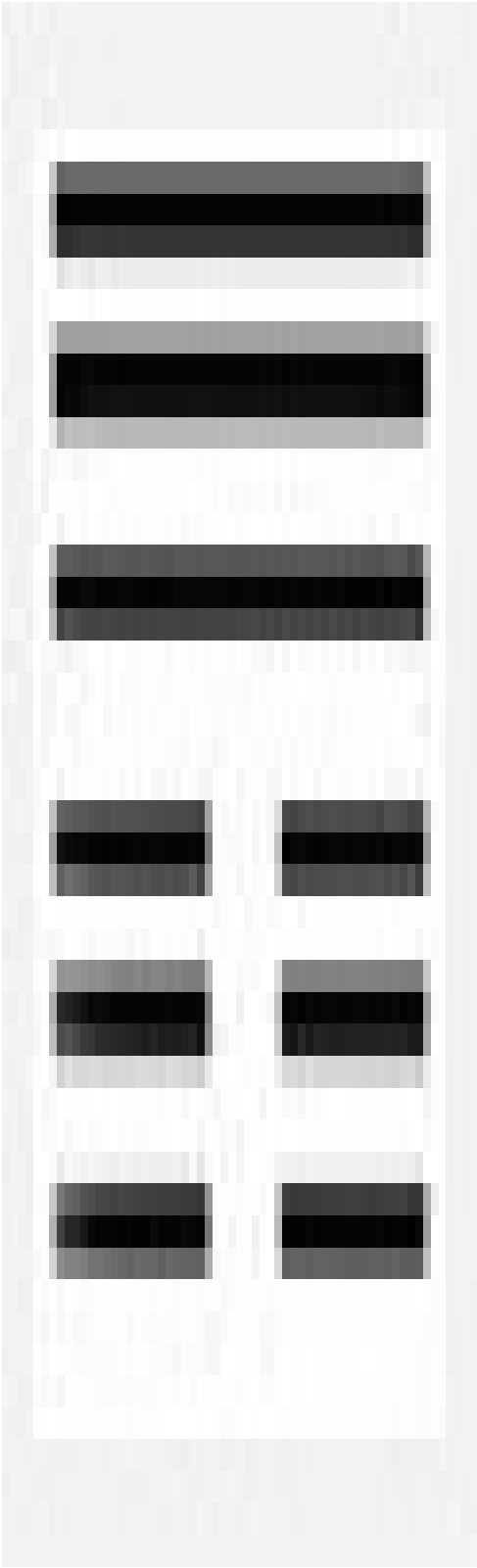
[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Chấn - lôi, trên là Tốn - phong, gọi là Phong Lôi Ích.



Dưới là quẻ Chấn - sấm, trên là quẻ Tốn - gió, gió càng mạnh thì sấm càng dữ, sấm càng ran thì gió càng mạnh, hai bên giúp nhau, gọi là Ích.

Quẻ Ích, nguyên là quẻ Bĩ (hình trái) bớt một hào dương của quẻ Càn trên, thành quẻ Tốn, thêm vào cho quẻ Khôn dưới thành quẻ Chấn, bớt trên, thêm cho dưới, gọi là Ích (hình phải).

## SOÁN TỪ

Ích, lợi hữu du vãng, lợi thiệp đại xuyên.

Dưới là quẻ Chấn - sấm, có tính động; trên là quẻ Tốn – gió, có tính thuận, sấm động thì gió thuận theo mà thổi, hai bên tăng uy thế cho nhau, tăng ích cho nhau, gọi là Ích.

Đã thuận theo đạo lí và lòng dân mà hành động, đem lại lợi ích cho dân, thì làm bất cứ việc gì cũng xong (hữu du vãng), dù gặp nguy hiểm đến mấy cũng vượt qua (lợi thiệp đại xuyên).

## SOÁN TRUYỆN

Ích, tổn thương ích hạ, dân thuyết (duyet) vô cương, tự thượng hạ hạ, kì đạo đại quang. Lợi hữu du vãng, trung chính hữu khánh. Lợi thiệp đại xuyên, mộc đạo nãi hành. Ích động nhi tổn, nhật tiến vô cương. Thiên thí địa sanh, kì ích vô phương. Phàm ích chi đạo, dự thời giai hành.

Theo đức quẻ, bớt 1 nét dương của quẻ Càn - trời trên, thêm vào một nét dương cho quẻ Khôn - đất dưới, giảm ở trên mà thêm vào dưới (tổn thương ích hạ).

Đức của kẻ cầm quyền là giảm tổn kém của bộ máy chính quyền mà thêm lợi ích cho dân, thì dân vui vẻ, sung sướng biết ngần nào (dân duyet vô cương).

Hào 5 dương, cương vị chí tôn, hạ ứng với hào 2 âm, âm dương tương ứng, đem lại lợi ích cho hào 2 âm (tự thượng há hạ).

Tượng trưng kẻ trên (quân) mà chịu nhún nhường, lo toan đem lại ích lợi cho người dưới (thần), thì đạo lí của mình càng sáng tỏ (kì đạo đại quang).

Làm gì cũng lợi (lợi hữu du vãng), do quân thần có mối quan hệ trung chính, cùng lo hạnh phúc cho dân (trung chính hữu khánh).

Quẻ Chấn, quẻ Tổn, tượng trưng cho mộc, mộc dùng làm thuyền bè để vượt sông, nên oán từ nêu dùng thuyền bè để qua sông (mộc đạo nãi hành).

Khi quân thần đã cùng lo toan hạnh phúc cho dân, dù có lúc gặp nguy hiểm thì cũng có cách vượt qua ; như có sông lớn ngăn trước mặt, thì cũng có thuyền bè để vượt sông (lợi thiệp đại xuyên, mộc đạo nãi hành).

Quẻ Ích, Chấn (sấm) có tính động, Tốn - gió có tính thuận, hành động mà thuận theo đạo lí, với lòng dân, làm ích cho dân, công việc làm ích sẽ tiến mãi không ngừng (Ích động, nhi Tốn, nhật tiến vô cương).

Trời – Càn, bớt khí dương, một hào dương, cho Đất - Khôn, làm ích cho đất, nhờ vậy mà vạn vật được sinh ra (Thiên Địa thí sinh), phần ích đó thật mênh mông, vô cùng, vô hạn (kì ích vô phương).

Phàm thực hành đạo Ích, phải hợp thời mới thu được lợi ích (Phàm ích chi đạo, dự thời giai hành).

Chẳng hạn, đang mùa cày cấy mà bắt dân đi làm đường, đang mùa mưa bão mà bắt dân đi đào sông, việc ích không hợp thời, thành vô ích.

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Phong lôi, Ích ; quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên, hữu quá tắc cải.

Gió và sấm giúp cho nhau thêm uy phong và thế lực, gọi là Ích.

Sách Chu Dịch triết trung giải thích, sấm động là do dương khí hưng khởi, làm cho lòng người phấn chấn mà làm theo điều thiện ; gió lên thì âm khí tiêu tan, làm cho lòng người lay động mà tiêu trừ điều ác. Đó là thực hành đạo Ích của người quân tử.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, lợi dụng vi đại tác, nguyên cát, vô cửu.

Hào 1 dương, lấy cái ích của mình mà làm việc lớn, đem lại lợi ích lớn cho dân chúng, thì mọi sự tốt lành, nếu không may mắn lắm là không tội lỗi.

Tượng viết : Nguyên cát vô cửu, hạ bất hậu sự dã.

Tượng viết : Công việc dân chúng mọi sự tốt, bản thân cũng không tội lỗi, nếu không được vậy thì không xứng đáng với công việc, địa vị, của người chủ quẻ.

### 1. Sơ cửu



Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đầu quẻ Chấn, ứng với hào 4 âm, đầu thời Ích.

## 2. Hoàn cảnh

Như đã nói ở trên, quẻ Càn bớt đi một hào dương trên, đưa xuống quẻ Khôn dưới, mà thành quẻ Ích, vậy hào 1 dương là chủ quẻ, tượng trưng cho Ích.

Hào 1 dương ứng với hào 4 âm, âm dương tương ứng, hào 4 âm giúp ích cho hào 1 dương, nên ích lại càng thêm ích, đại ích.

## 3. Quyền biến

(1) Dùng đại ích của mình, làm việc lớn đem lại đại ích cho thiên hạ (lợi dụng vi đại tác), thì trăm sự mới tốt lành (nguyên cát), nếu không làm được việc lớn đem lại đại ích cho dân, may lắm mới không tội lỗi (vô cữu).

Sách Lục thập tứ kinh giải, Châu Tuấn Thanh giải thích, quẻ Chấn vừa tượng trưng cho tháng giêng, vừa tượng trưng cho việc cày cấy, sấm động thì có ích cây cỏ ; nên hào từ nhắc đến đại tác, chỉ việc lớn của nhà nông như cày bừa, gieo hạt.

Cho nên, vào mùa cày cấy, gieo hạt (lợi dụng vi đại tác), những ông quan coi sóc về nông nghiệp, không nên sai dân làm việc khác, không làm mất thời cơ của dân, đó là một cách giúp ích cho dân, trăm việc nông tang của dân thuận lợi tốt

lành (nguyên cát), có như vậy mới không tội lỗi.

(2) Nếu không làm được lớn, đem lại đại ích cho dân, khiến mọi công việc của dân được hoàn thành (nguyên cát), bản thân mình cũng không tội lỗi (vô cữu), thì không xứng đáng công việc của người chủ quẻ (hạ bất hậu sự dã).

Cửu nhị, hoặc Ích chi thập bằng chi quy, phát khắc vi, vĩnh trinh cát. Vương dụng hưởng vu đế.

Hào 2 dương, được thiên hạ biểu tặng bảo vật, không rõ phương nào, giữ mãi trinh chính thì tốt. Tương tự bậc vương tế lễ Thượng đế.

**Tượng viết : Hoặc Ích chi, tự ngoại lai dã.**

Tượng viết : Thu được nhiều lợi ích, từ ngoài vào.

1. Cửu nhị

Hào 2 âm ở vị trí âm, đắc trung, đắc chính, ứng với hào 5 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào âm là hào hư, hào 2 âm tượng trưng hư trung, hư tâm, có hư rỗng mới thu được ích ; hào 2 âm đặc trưng đặc chính, có đức nhu thuận khiêm tốn, lại hư tâm nên thu được nhiều ích, nếu không hư tâm chưa chắc đã thu được ích.

Ví dụ :

**Nhà thơ Tô Đông Pha cho rằng, muốn ngôn ngữ thơ ca đạt đến chỗ kì diệu, không thể không để lòng mình trống không, không thể không tĩnh.**

Lòng tĩnh mới nghe được ngôn ngữ từ lòng mình, lòng trống không mới thu nạp được vạn cảnh.

## 3. Quyền biến

Hào 2 âm lại ứng với hào 5 dương, tượng trưng vị cận thần được quân chủ tín nhiệm, sủng ái, cho nên càng thu thêm nhiều lợi ích vô giá, như được thiên hạ biểu tặng bảo vật (hoặc ích chi thập bằng chi quy, phát khắc vi).

Quẻ Tốn, tổn dưới mà ích trên, nên hào 5 âm, quân chủ, được thiên hạ cống hiến bảo vật.

Quẻ Ích, tổn trên mà ích dưới, nên hào 2 dương, thần tử, được thiên hạ biểu tặng bảo vật.

Ở quẻ Tổn, hào 5 âm ích là thu được bảo vật, nhưng không làm tổn hại cho hào 2 âm.

Ở quẻ Ích, hào 2 âm thu bảo vật, không làm tổn hại đến hào 5 dương, mà còn tăng được huệ tâm của hào 5 âm.

Nếu cả hai hào 2 âm cứ giữ được đức trung chính, hư tâm hoặc mối quan hệ giữa hào 2 âm - thần với hào 5 dương – quân, mãi mãi trinh chính như vậy thì mới tốt (vĩnh trinh cát).

Đem lại lợi ích cho thiên hạ, thiên hạ tặng bảo vật, nghĩa là lòng thiên hạ đã thuận theo, thì Trời cũng theo đó mà làm tăng thêm lợi ích, tương tự bậc Vương dùng lễ vật tế Thượng đế, Thượng đế thụ hưởng, ban cho những điều tốt lành (Vương dụng hưởng vu đế, cát).

(2) Bản thân hào 2 âm, nhu thuận, hư tâm, thu được điều lợi ích ; được hào 5 âm tín nhiệm là ích ; làm việc ích cho thiên hạ, được thiên hạ biểu tặng bảo vật, tỏ lòng quy phục là ích ; bao nhiêu ích bên ngoài (ngoài quẻ Chấn, ngoài phạm vi mình biết) đưa đến cho mình (Hoặc ích chi, tự ngoại lai dã).

**Lục tam, Ích chi, dụng hung sự, vô cửu. Hữu phu trung hành, cáo công dụng khuê.**

Hào 3 âm, thời Ích gặp gay go nhưng không tội lỗi. Thành tín, thực hành trung đạo, thành kính như dùng ngọc khuê đi tế lễ.

**Tượng viết : Ích dụng hung sự, cố hữu chi dã.**

Tượng viết : Trong thời Ích gặp gay go, lại phải giữ được những tính tốt đẹp vốn có như thành tín, thực hành trung đạo, kính cẩn, mới được người trên và dân chúng cứu thì mới thoát ra được cảnh hung hiểm.

### 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, bất chính, bất trung, ở cuối quẻ Chấn, ứng với hào trên cùng dương.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 3 âm, ở trong thời Ích, nên cũng thụ hưởng được ích, nhưng nhu nhược, bất trung bất chính, ở cuối quẻ Chấn, bước lên quẻ Tốn, nên gặp nguy hiểm.

Nếu hào 3 âm, biến thành dương, hợp với hào 2 âm, 4 âm sẽ thành quẻ Khảm , tượng trưng cho nước, nguy hiểm. Tuy ở thời Ích, trước sau đều gặp nguy hiểm, mọi sự đều gay go (Ích chi dụng hung sự).

### 3. Quyền biến

(1) Nhưng hào 3 âm, ứng với hào trên cùng dương, trong thời Ích là tồn trên ích dưới, nên được cứu. Hào 3 âm, hào 2 âm, hào 4 âm hợp thành quẻ Khôn , tượng trưng dân chúng, có tính thuận, được dân chúng cứu. Nhờ vậy, hào 3 âm mới vượt qua được cảnh hung hiểm, không tội lỗi (vô cữu).

Khuê là ngọc khuê, loại ngọc trắng, mà trong, vật dùng để tế lễ, tượng trưng cho lòng thành kính.

Ở hoàn cảnh hào 3 âm, họa có thể chuyển thành phúc, nhưng phúc có thể chuyển thành họa.

Cho nên, hào 3 âm đã vượt qua mọi nguy hiểm, gay go, nhưng trong lòng phải giữ được sự thành tín, thực hành trung đạo, hết sức thành kính, như người dùng ngọc khuê trong lúc tế lễ, mãi mãi mới không tội lỗi.

(2) Trong thời Ích gặp gay go (Ích dụng hung sự), lại phải giữ được những tính tốt đẹp vốn có như thành tín, thực hành trung đạo, kính cần (cố hữu chi dã), mới được người trên và dân chúng cứu, mới thoát ra được cảnh hung hiểm.

Ví dụ :

Tấn Huệ Công lên ngôi, trong nước mất mùa luôn mấy năm Trời, kho tàng hết sạch, dân chúng không có gì ăn.

Tuy mối quan hệ Tấn và Tần không được tốt đẹp, nhưng Tấn Huệ Công vẫn sai người sang Tần xin vay thóc.

Quần thần nước Tần bàn bạc. Cuối cùng, cho Tấn vay thóc vì nghĩ rằng thiên tai nước nào không có, cứ giúp người thì Trời sẽ giúp lại.

Sang năm sau, nước Tần mất mùa nặng, mà nước Tấn lại được mùa, Tần Mục Công sai sứ giả sang Tấn mượn thóc.

Tấn Huệ Công hội họp quần thần. Cuối cùng, ông nghe lời bọn Lã Di Xanh và Khước Nhuế không cho nước Tần vay thóc. Tấn còn muốn liên kết với nước Lương để đánh Tần.

Bọn quần thần to tiếng nói với sứ giả nước Tần: Muốn ăn thóc nước Tấn thì đưa quân sang mà lấy !

Sứ giả về tâu trình, vua tôi nước Tần thấy Tấn lấy oán trả ơn, liền xuất quân đánh Tấn.

Tấn thua, Tấn Huệ Công bị bắt áp giải về Tần. Bọn tay chân của Tấn Huệ công

đầu tóc rũ rượi, áo quần xốc xếch, lảo đảo theo sau.

Lục tứ, trung hành, cáo công tòng. Lợi dụng vi y, thiên quốc.

Hào 4 dương, thực hành trung đạo, nói người trên nghe, ngay cả việc trọng đại như đời đô vẫn được người trên nghe theo.

Tượng viết : Cáo công tòng, dĩ ích chí dã.

**Tượng viết : Nói người trên nghe, với lợi ích của dân, chí của người trên, chí của mình.**

1. Lục tứ

**Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở đầu quẻ Tốn có tính thuận, ứng với hào trên cùng dương, ở dưới hào 5 dương quân chủ.**

2. Hoàn cảnh



**Hào 4 âm tuy âm nhu, không đặc trưng nhưng đặc chính ; ứng với hào trên cùng dương, âm dương tương ứng nên càng thêm ích.**

### 3. Quyền biến

Nếu hào 5 dương và hào trên cùng dương, hợp lại thành một hào dương ; các hào 2 âm, hào 3 âm hợp lại thành một hào âm ; hào 4 âm sẽ thành hào giữa của quẻ Li , tượng trưng đức sáng, thực hành trung đạo (trung hành) tự hợp được cả hào âm, hào dương, không những người dưới tin cậy, mà khi nói người trên cũng nghe theo (cáo công tòng).

Y là dựa vào sách Chu Dịch tập chú giải thích : Phàm đóng đô, dời đô là dựa vào địa hình, địa thế, mục đích là an dân và dựa vào dân.

Ở địa vị hào 4 âm, dưới quân chủ, vừa thu được lợi ích cho mình mà cũng có thể đem lợi ích cho người. Ngay cả kế sách phi thường của hào 4 âm, như việc dời đô, vẫn được người trên nghe theo (lợi dụng vi y thiên quốc).

(2) Kế sách của hào 4 âm, được người trên nghe theo, vì hợp với lợi ích của dân của nước, hợp với chí của người trên và với chí của mình.

Ví dụ :

**Hán Cao tổ Lưu Bang, định đô ở Trường An, là dựa vào thắng địa Quan Trung, thủ được cả ba mặt, lúc tiến thì thể ra Đồng Quan, tiến để tranh hùng với Trung Nguyên.**

Hoặc, Tào Tháo sau khi đã thắng Lí Thôi, Quách Dĩ, lấy danh nghĩa phò Hiến đế, đóng quân ở thành Đại Lương.

Tháo nghe kể của Đổng Chiêu là người phi thường mới làm việc phi thường nên rước nhà vua về Hứa Đô, mục đích là xa những thế lực muốn bắt Hiến để làm con bài chủ.

Khi đến Hứa Đô, Tháo cho sửa sang cung miếu, xã tắc cùng các tòa các nha môn, lập kho tàng, khuyến khích nông nghiệp.

Các quan an tâm, dân chúng bắt đầu xây dựng lại sự nghiệp.

Cửu ngũ, hữu phu, huệ tâm, vật vấn, nguyên cát. Hữu phu, huệ ngã đức.

Hào 5 dương, có lòng thành tín, ơn đức, không cần hỏi cũng biết là mọi sự tốt đẹp. Người nhận được ích cũng đem lòng thành tín mà đối đãi lại.

Tượng viết : Hữu phu huệ tâm, vật vấn chí hĩ. Huệ ngã đức, đại đắc chí dã.

Tượng viết : Người có lòng thành tín, ơn đức (vốn đã tốt) hỏi làm chi nữa. Người nhận được ích, cũng đem lòng thành tín, ơn đức mà đối đãi với mình, cho và được nhận, thật là thoả chí.

### 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, ở cương vị chí tôn.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 5 dương có tài dương cương, đắc trung đắc chính, ở trên 2 hào âm, âm dương tương ứng, không cần nói thêm, hỏi thêm, đã biết là hào tốt rồi (vật vấn).

### 3. Quyền biến

(1) Huống chi, hào 5 dương, quân chủ, có lòng chí thành, giàu ơn đức đem lại lợi ích cho thần tử (hữu phu huệ tâm), mọi sự tốt lành (nguyên cát) ; thần tử cũng lấy lòng thành tín, giàu ơn đức mà đối đãi với quân chủ (huệ ngã đức).

(2) Người đã có lòng chí thành, giàu ơn đức, đem lợi ích cho mọi người (hữu phu huệ tâm), như thế (vốn là tốt rồi) còn hỏi làm gì (vật tuất chí hĩ).

Những người nhận được ơn đức, cũng đem ơn đức mà đối đãi với mình (huệ ngã đức), làm người cho mà được nhận, thật là thoả chí, vui sướng (đại đắc chí dã).

(3) Lữ Tổ Khiêm, đời Tống, giải thích, bậc quân chủ có lòng chí thành, có huệ tâm, làm lợi cho dân, thì cũng chẳng cần hỏi dân là có cảm được cái ân, cái chí thành của mình hay không (vật vấn). Bậc quân chủ anh minh lỗi lạc, làm mà không kể công, thế mới thực sự là tốt đẹp (nguyên cát).

Ví dụ :

Nhà Ân Thương, Bàn Canh mất, hai em là Tiểu Tân và Tiểu Ất thay nhau kế vị, đất nước càng ngày càng suy yếu. Tiểu Ất mất, con là Vũ Đinh kế vị.

Vũ Đinh lên ngôi, giảm bớt hành dịch cho dân, giúp dân chữa trị bệnh tật, ban nhiều ơn huệ cho dân. Ông lại còn mạnh dạn dùng Phó Duyệt, là một người xuất thân từ bình dân, làm tướng. Không bao lâu, nhà Ân Thương trung hưng.

(4) Xét thời Tốn, hào 5 âm, quân chủ, được dân chúng hiến báu vật (thập bằng linh quy), tổn dưới ích trên, thì mọi sự tốt lành.

Xét thời Ích, hào 5 dương, quân chủ, lấy huệ tâm của mình ban xuống cho dân chúng, tổn trên ích dưới, thì mọi sự cũng tốt lành.

Thời thế khác nhau, phương pháp tuy khác nhau nhưng kết quả vẫn như nhau ; đó là sự quyền biến.

Thượng cửu, mặc Ích chi, hoặc kích chi, lập tâm vật hằng, hung.

**Hào trên cùng dương, không thu được ích lợi gì, gây oán thù đánh nhau, chẳng có chút tâm thường có, gặp nguy.**

Tượng viết : Mặc Ích chi, thiên từ dã. Hoặc kích chi, tự ngoại lai dã.

Tượng viết : Không thu được lợi ích, một lời nói cũng thiên lệch. Người bị đánh, người ngoài hưởng ứng.

### 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương - cương, ở vị âm, bất chính, ở cuối cùng quẻ Ích, ứng với hào 3 âm.

### 2. Hoàn cảnh

(1) Hào trên cùng dương, vốn có tính dương cương, bất chính, ở cuối thời Ích lại càng thêm nôn nóng vun vén cho mình.

Thời Ích, tồn trên mà ích dưới, hào trên cùng dương lại muốn tồn dưới mà ích trên, tức là không hiểu thời thế.

Vừa không am hiểu thời thế, vừa muốn vun vén, hào trên cùng dương, ứng với hào 3 âm, muốn hào 3 âm đem lại lợi ích cho mình.

Nhưng hào 3 âm lại không đủ sức đem lại lợi ích cho hào trên cùng dương (mạc ích chi) ; từ đó, sinh mâu thuẫn, oán thù, công kích (kích chi).

Lập tâm, ở trong lòng, rắp tâm, cái lòng đã chai sạn ; hằng là lòng tốt thường có ; hào vừa nóng gấp, vừa tham, vừa gây oán thù, lòng chai sạn (lập tâm) không có lòng tốt mà con người thường có (vật hằng), nên chắc chắn gặp nguy hiểm (hung).

(2) Sách Thành Trai Dịch truyện cho rằng, người khéo làm ích, là ích mình mà không tổn hại đến người ; người vụng làm ích là ích mình nhưng tổn hại cho người, như vậy là vô ích.

Hào trên cùng dương vụng làm ích nên chẳng có ích gì (mạc ích chi).

Thiên là thiên lệch, khác với chữ trung, ở chính giữa. Thiên từ là nhất thiên chi từ, bụng đã thiên lệch, thì mỗi lời nói cũng thiên lệch.

Do lòng tham mà thiên lệch, dù một lời nói, cũng bộc lộ sự thiên lệch (thiên từ dã), tìm cách vun vén cho mình, không nghĩ đến người, chuyên làm việc ích mình hại người.

Chính vì thế mà sinh ra oán thù, không chỉ bị người mình làm tổn hại công kích, mà người ngoài cuộc cũng hưởng ứng việc công kích (hoặc kích chi, tự ngoại lai dã).

Ví dụ :

Cuối thời nhà Hán, Đông Trác dẫn quân vào kinh thành, tàn sát, đốt phá, vơ vét hết của cải đem hết về Mi Ổ.

Thiên hạ trên dưới đều oán giận ; chư hầu hưng binh đánh Đông Trác. Trác bị Lữ Bố giết.

### 3. Quyền biến

Tồn – ích, ích – tồn xoay vần, dễ sinh thù oán ; cho nên những việc liên quan đến tồn - ích phải xử theo đạo trung, dù một lời nói cũng không nên thiên lệch.

Ích người ích ta, tồn ta ích người, là tốt ; ích ta tồn người, là mời tai họa đến.

TIỂU KẾT

## 1. Tồn và Ích

Được phân làm hai quẻ nhưng có thể hợp thành một, là hai mặt mâu thuẫn của một vấn đề.

Tồn mình ích người, tồn người ích mình ; tồn mà được ích, ích mà lại tồn, mâu thuẫn biến hoá khôn lường.

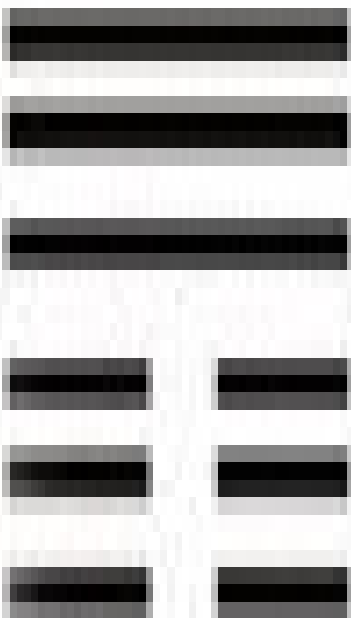
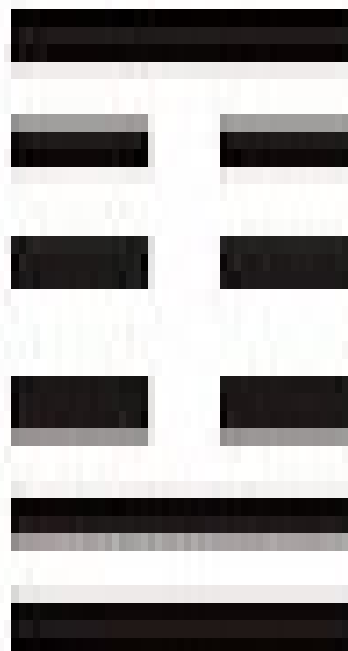
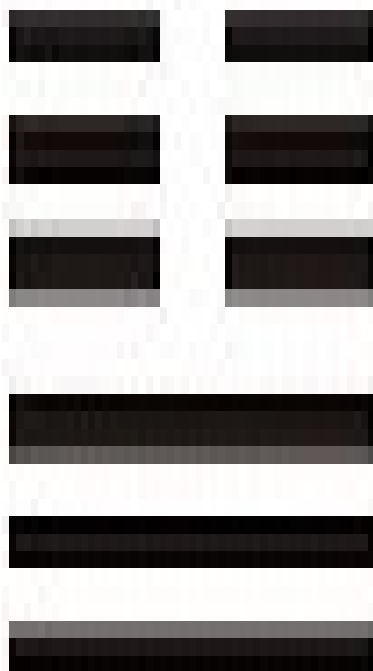
Cho nên, những việc liên quan đến ích – tồn nên cân nhắc xử sự cho hợp với đạo trung thì tốt, thiên lệch thì xấu.

## 2. Bĩ và Thái

Như đã nói ở trên (dòng trên), do bớt hào 1 dương của quẻ Thái , đưa lên mà thành quẻ Tồn .

Do bớt 1 hào dương của quẻ Bĩ (dòng dưới) , đưa xuống mà thành quẻ Ích





Nếu hiểu Thái là tốt, Bĩ là xấu, Tồn là giảm, là hại, Ích là tăng, là lợi.

Suy ra, trong thời Thái đã ẩn tàng cái Bĩ, trong thời Bĩ đã nhú mầm sự Thái ; trong cái tốt có cái giảm, cái hại ; trong cái xấu, có cái tăng, cái lợi ; trong cái lợi mà hại, trong cái hại mà lợi.

Đó là nét tư duy hoạ phúc, ứng biến, độc đáo của Kinh Dịch !

### 3. Ý nghĩa quẻ Tồn và Ích

Sách Hậu Hán thư kể, Hướng Trường tự Tử Bình, người ở Triều Ca Hà Nội, vốn là một ẩn sĩ, ông thích đọc Kinh Dịch.

Lúc đọc đến hai quẻ Tồn và Ích, liền thở dài và nói : Tôi ngày thường chỉ biết giàu không biết nghèo, biết phú quý không biết đến bần hàn, không biết chết đi để sống lại.

Cái tổn thất lớn lao nhất của con người là chết, mất đi sinh mệnh nhưng người xưa không chịu chết đi làm sao có người ngày nay ?

Người đi trước không chịu lao tâm khổ trí, hao tổn tinh thần, làm sao có những giá trị tinh thần để lại cho con cháu.

Đạo tổn – ích không chỉ là sự chia chác vật chất mà còn có ý nghĩa tinh thần cao cả, là sinh mệnh của con người !

#### 4. Lễ Tổn Ích

Sách Hoài Nam tử ghi, Khổng Tử đọc đến quẻ Tổn, quẻ Ích cũng trầm ngâm mà thở dài. Tử Hạ rời chiếu, thưa :

- Tại sao thầy lại thở dài ?

Khổng Tử đáp :

- Tự hao tổn mình thì ích, tự ích mình thì thiếu ? Nên ta thở dài.

Tử Hạ hỏi :

- Thưa thầy, thế thì việc học là vô ích hay sao ?

Khổng Tử đáp :

- Không phải vậy đâu ! Đạo trời thành thực mà trường cửu. Học vì hư danh, phù phiếm, thiếu thành thực mà cho là được thì thật là sai lầm. Chán gì người trong thiên hạ, học chưa đến, mà tự cho mình là đầy đủ.

Vua Nghiêu là đấng thiên tử, vẫn tự cho mình là thiếu, hư tâm, hư tĩnh, luôn học hỏi người khác, để làm cho quốc thái, nên lòng chở cả trăm xe kiến thức, mà không đầy !

Nay, thầy trò mình tự cho là đã học đầy đủ, kiến thức cao vòi vọi, thì thật là sai lầm. Chẳng phải là chưa hiểu lẽ tồn ích đó sao ?

Tử Hạ thừa :

- Thế thì con sẽ học suốt đời !

## **5. Đạo Trời và Tồn – Ích**

Lão Tử cho rằng :

Đạo của Trời

Bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu.

Đạo của Người thì không như vậy

Bớt chỗ thiếu, bù chỗ dư

Vì ai có dư đâu mà bù cho thiên hạ

Nếu không phải người đã đạt Đạo ?

(Thiên chi đạo

Tồn hữu dư nhi bổ bất túc

Nhân chi đạo, tắc bất nhiên

Tồn bất túc dĩ phụng hữu dư

Thực năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ ?

Duy hữu Đạo giả ?)

Lão Tử cũng cho rằng, học mỗi ngày mỗi ích, thì Đạo mỗi ngày một tồn.

Tồn rồi tồn nữa, cho đến vô vi, vô vi nhưng chẳng có gì mà không làm.

(Vi học giả nhật ích, vi đạo giả nhật tổn.

Tổn chi hữu tổn, dĩ chí vu vô vi, vô vi nhi dĩ vi).

Lão tử muốn nói, cái học trí xảo tuy có ích cho công danh sự nghiệp, nhưng chỉ làm tổn hại cho Đạo.

Người (đạt Đạo) phải chịu tổn, tổn rồi tổn nữa, tổn khi nào cùng tận đến vô vi, làm hết thấy mà như không làm, không làm nhưng không có việc gì mà không làm

## **43. TRẠCH THIÊN QUẢI**

TÊN QUẺ

Soán từ định nghĩa : Quải là quyết (Quải, quyết dã), quyết là cương quyết, quyết đoán.

HÌNH QUẺ



Dưới Càn - thiên, trên Đoài - trạch, gọi là Trạch Thiên Quải.

Dưới là Càn - trời, trên là Đoài - nước chăm, hơi nước chăm bốc cao lên trời, gặp lạnh mưa xuống tưới tắm cho vạn vật, gọi là Quải.





Năm hào dương ở dưới, một hào âm ở trên, năm dương cương quyết trừ khử một âm như năm quân tử quyết trừ khử một tiểu nhân.

Vương Bột cho rằng, ngược với quẻ Quải (hình trái) là quẻ Bác (hình phải) . Bác là cương tiêu, nhu trưởng, âm bóc lột dương, quân tử tiêu, tiểu nhân trưởng.

Quải là cương trưởng, nhu tiêu, cương quyết nhu, quân tử trưởng, tiểu nhân tiêu.

## SOÁN TỪ

Quải, dương vu vương đình, phu hiệu, hữu lệ. Cáo tự ấp, bất lợi tức hung, lợi hữu du vãng.

Quẻ Quải, dưới là Càn , tượng trưng quân chủ ; ngược với quẻ Càn là Khôn , tượng trưng cho dân chúng.

Vì vậy, soán từ đề cập đến đình lớn, nơi đông dân chúng hội họp (vương đình).

Quẻ Quải, trên là Đoài, tượng trưng cái miệng, ngược với quẻ Đoài là Cấn , tượng trưng cửa khuyết. Do đó, soán từ nhắc đến hiệu lệnh (phu hiệu).

Mặc dù 5 hào dương đang thịnh, 1 hào âm suy, tượng quân tử thẳng thắn, cương quyết trừ khử tiểu nhân (Quải).

Việc cương quyết trừ tiểu nhân nên thận trọng, gồm 5 việc : Làm rõ tội ác của tiểu nhân, công khai trước công chúng (dương vu đình). Lấy thành tín mà phát lệnh (phu hiệu). Luôn lo sợ sự phản trắc của bọn tiểu nhân mà phòng bị (hữu lệ). Lo tự trị ấp mình cho tốt hoặc tuyên cáo cho ấp mình biết tội trạng của tiểu nhân (cáo tự ấp). Dùng chính nghĩa, mưu kế để thu phục là hay nhất, không nên dùng vũ lực (bất lợi tức hung).

Có như vậy, sự nghiệp của quân tử càng ngày càng tấn tới (lợi hữu du vãng).

Sách Thành Trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí than thở : Xem Dịch mới biết việc trừ tiểu nhân không phải dễ !

Xét về lực lượng, 5 dương cương quyết dùng vũ lực trừ khử 1 âm, là chuyện dễ. Nhưng xét toàn diện, làm thế nào không phương hại đến quốc gia, dân chúng yên ổn, vui vẻ, lâu dài, lại thu phục được tiểu nhân là chuyện khó, không nên xem thường.

Ví dụ :

Vua Vũ phải cử 16 tướng để diệt 4 tên phản loạn. Chu Công cùng 10 đại phu mới khử được bọn tam giám.

Nhà Hán, mượn tay Viên Thiệu diệt hoạn quan, nhưng nhà Hán suy vong cũng một phần vì Viên Thiệu.

## SOÁN TRUYỆN

**Quải, quyết dã, cương quyết nhu dã. Kiện nhi thuyết (duyet), quyết nhi hoà. Dương vu vương đình, nhu thừa ngũ cương dã. Phu hiệu hữu lệ, kì nguy nãi quang dã. Cáo tự ấp, bất lợi tức nhưng, sở thượng nãi cùng dã. Lợi hữu du vãng, cương trường nãi chung dã.**

Quải là quyết, 5 cương quyết 1 nhu (Quải quyết dã, cương quyết nhu dã). Trong là quẻ Càn, có tính cương kiện ; ngoài là quẻ Đoài, có tính vui vẻ, hoà duyệt. Nên Quải vừa cương kiện vừa vui vẻ, quyết đoán nhưng hoà thuận (kiện nhi duyệt, quyết nhi hoà).

Sở dĩ, phải làm rõ tội của bọn tiểu nhân trước vương đình, trước công chúng : Vì âm mưu, tham vọng của tiểu nhân đã bại lộ rõ ràng, như một hào âm cười lên 5 hào dương (Dương vu vương đình, nhu thừa ngũ cương dã).

Phải lấy sự thành tín của mình mà phát ra hiệu lệnh, vừa lo sợ phòng bị bất trắc thì đạo của mình mới sáng rộng khắp được (Phu hiệu, hữu lệ, kì nguy nãi quang dã).

Nên cai trị ấp mình cho tốt, hoặc nói cho ấp mình rõ âm mưu của tiểu nhân ; không nên dùng vũ lực, vì dùng vũ lực e đưa tiểu nhân đến bước đường cùng, bất lợi (Cáo tự ấp, bất lợi tức nhung, sở thượng nãi cùng dã).

Trong thời Quải, người quân tử phải tiến hành công việc trừ, thu phục tiểu nhân (Lợi hữu du vãng). Tương tự, 5 hào dương quyết 1 hào âm, nếu hào trên cùng âm biến thành hào dương (cương trưởng), sẽ thành quẻ Càn ; để ai nấy đều là quân tử ; lúc ấy, công việc mới hoàn thành (nãi chung dã).

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Trạch thượng vu Thiên, Quải ; quân tử dĩ thí lộc cập hạ, cư đức tắc kị.

Đoài tượng chằm (nước), Càn tượng Trời ; nước bốc hơi lên Trời (Trạch thượng ư Thiên), thành mây, gặp lạnh thành mưa, tưới nhuần cho vạn vật, đem ân trạch tạo phúc cho thiên hạ, gọi là Quải.

Người quân tử vốn là người có đức lại có lộc, xem tượng ấy, như trời mưa xuống, quyết đem ơn huệ xuống cho dân (quân tử dĩ thí lộc).

Xem quẻ Quyết, hào 1 âm, tiểu nhân, ở cao hơn cả, nhưng chỉ biết tích tụ của cải, tiểu nhân tự cho đó là cái đức của y được hưởng, y chẳng kiêng kị gì, không biết lo xa, không biết phòng xa là điều tối kị (cư đức tắc kị). Xem tượng ấy, người quân tử phải biết lo xa và phòng xa.

Ví dụ :

Văn Vương lên ngôi, thi ân bố đức, làm lợi cho thiên hạ. Ngày thường kính lão, yêu trẻ, đãi người hiền, đang ăn nhả cơm để tiếp kẻ sĩ. Thiên hạ quy phục.

Ngược lại, Trụ vương chỉ biết vơ vét của thiên hạ, xây Lộc đài, ao rượu, núi thịt, để hưởng lạc, dẫn đến mất nước.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, tráng vu tiên chỉ, vãng bất thăng, vi cửu.

Hào 1 dương cậ mạnh tiến lên như ngón chân bước lên trước, không chắc thăng, có lỗi.

**Tượng viết : Bất thăng nhi vãng, cửu dã.**

Tượng viết : Cầm quân chưa chắc thắng mà tiến, gặp tội lỗi.

## 1. Sơ cứu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở quẻ Càn, ở dưới 4 hào dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 1 dương, ở vị trí dương, ở dưới quẻ Càn, có tính cương kiện, cương quyết, theo lệ là hào tốt. Nhưng hào từ lại nói tội lỗi ?

(1) Hào 1 dương ở dưới 4 hào dương, có tính dương, tiến tới, nên hào thủ tượng bằng ngón chân tiến tới (tiền chỉ).

Hào 1 dương – cương, vốn mạnh, cậy sức dùng cương, muốn tiến lên trừ tiểu nhân, y như ngón chân bước lên trước, đối chọi với tiểu nhân, nhưng không thắng được, lại gặp tội lỗi (tráng vu tiền chỉ, vãng bất thắng, vi cửu).

Âu Dương Tu cho rằng, viết Dịch, khi dùng cương, thánh nhân thường dặn dò rất kỹ ngay từ đầu (hào 1 dương).

Ví dụ :

Mục đế, đời Đông Tấn, muốn tiêu diệt Thạch Tú để lấy lại Trung nguyên. Mục đế phân phó Ân Hoạt làm tướng quân coi trung quân, cùng phối hợp với chinh tây tướng Hoàn Ôn và đô đốc của 5 châu khác là Dương châu, Dự châu, Từ châu, Duyện châu, Thanh châu cùng Bắc phạt.

Ân Hoạt vừa chuẩn bị quân binh chưa đầy đủ, tính toán chưa kĩ,, vừa không hội quân cùng tướng quân Hoàn Ôn và với các châu khác ; ông ta cậy tài, cậy sức, một mình thân chinh Bắc phạt.

Kết cục, Ân Hoạt thua, hao quân tổn tướng.

**(2) Cầm quân chưa chắc thắng, mà cứ tiến lên, tất nhiên là gặp tội lỗi (Bất thắng nhi vãng, cửu dã).**

### 3. Quyền biến

Tôn tử binh pháp cho rằng : Việc binh là việc lớn của quốc gia, là vấn đề sinh tử của nhân dân, là con đường mất còn của đất nước, nên không thể không suy xét một cách thận trọng.

Năm vấn đề cần suy xét là Đạo - chính nghĩa, trên dưới một lòng, là Thiên - thiên văn, thời tiết, là Địa - địa hình, là Tướng - tướng lĩnh, là Pháp - tổ chức quân đội.



Cửu nhị, thích hào, mạc (mộ) dạ hữu nhưng, vật tuất.

Hào 2 dương, cảnh giác, báo tin, giỏi dạ chiến, không đáng ngại.

Tượng viết : Hữu nhưng vô tuất, đặc trung đạo dã.

Tượng viết : Có lâm chiến, không ngại, vì đã chiếm được ưu thế (trung đạo).

## 1. Cửu nhị

**Hào 2 dương, ở vị trí âm, tuy không đắc chính nhưng đắc trung.**

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 2 dương, biến thành hào âm, hợp với hào 1 dương, 3 dương thành quẻ Li , tượng trưng binh phạt, nên hào từ đề cập đến binh phạt (nhưng).

Thời cổ, trong chiến trận, thường rất kị ban đêm, gọi là dạ chiến, nhưng tướng giỏi cầm quân thường dùng dạ chiến để phòng thủ hoặc tấn công kẻ địch, nên

hào từ nhắc đến đêm tối, binh phạt (mộ dạ, hữu hung).

### 3. Quyền biến

(1) Hào 2 dương, đắc trung, tức là có một vị trí tốt, hào 5 dương đắc trung, là vị trí tốt.

Tương tự, bày binh bố trận, các cánh quân đều chiếm được địa hình tốt, là địa lợi ; lại biết giáo dục quân sĩ biết cảnh giác, có địch đến thì báo cho nhau (hào), tướng sĩ trên dưới một lòng, một hiệu lệnh, tức là nhân hoà ; lại thiện chiến trong đêm, tức là vận dụng được thiên thời. Được cả thiên thời, địa lợi, nhân hoà, nên không đáng lo sợ (vật tuất).

(2) Xét về đạo lí và quy tắc, hào 2 dương, đắc trung có nghĩa là hợp với trung đạo ; xét về vị trí, hoàn cảnh, hào 2 dương đắc trung là chiếm được địa lợi. Cầm quân dù lâm trận cũng không đáng ngại (Hữu hung, vật tuất) vì đã chiếm được ưu thế : nắm vững đạo lí, quy tắc của chiến trận, chiếm được địa hình, địa lợi (đắc trung đạo dã).

Cửu tam, tráng vu quỳ, hữu hung, quân tử quả quải, độc hành ngộ vũ, nhược nhu hữu uân, vô cửu.

Hào 3 dương, mạnh và giận hiện trên mặt, gặp điều xấu, quân tử cương quyết trừ bỏ tiểu nhân, nếu đi một mình gặp mưa, ướt lấm lem, bị bạn nghi ngại giận, phải

quyết đoán mới không có lỗi.

Tượng viết : Quân tử quả quả, chung vô cửu dã.

Tượng viết : Quân tử quyết rồi, quyết nữa, rất mực cương quyết, chung cuộc mới không tội lỗi.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở trên cùng quẻ Càn, ứng với hào trên cùng âm, trong thời Quả.

## 2. Hoàn cảnh

Trong hoàn cảnh hào 3 dương, hào từ đưa ra hai trường hợp là nguy hiểm (hung) và không có lỗi (vô cửu) ?

Hào 3 dương cương, đắc chính, lại ở trên quẻ Càn, có tính cương kiện ; tượng trưng người quả quyết, nóng nảy ; vẻ mạnh bạo (tráng), hung hăng, giận ghét, bộc lộ ra thần thái, hiện rõ trên gò má (tráng vu quỳ), dễ gặp nguy hiểm (hữu hung).

Có sách giải thích, chữ quy đối ứng với chữ khao, quy là xương lưng, quyên, khao là xương đuôi, xương cụt.

Quẻ Lí viết : Dẫm vào đuôi hổ nhưng hổ không cắn (Lí hổ vĩ bất khiết nhân), dẫm vào tiểu nhân nhưng tiểu nhân không dám cắn lại.

Nay hào 3 dương muốn dẫm tiểu nhân, sắc diện vừa lộ ra mặt, khác nào muốn bắt cọp lại đứng trước miệng cọp, thế nào cọp cũng vồ, thật là nguy hiểm !

Quẻ Khuê, hào trên cùng dương viết : Gặp mưa thì tốt (vãng ngộ vũ tắc cát), mưa là âm dương tương hợp.

Quẻ Quải, hào 3 dương ứng với hào 6 âm, âm dương tương hợp, nhưng từ hào 3 dương lại viết đi một mình gặp mưa, mình ướt đầm, lấm lem (độc hành, ngộ vũ nhược nhu), tức là không tốt ?

Thời Quải, 5 dương quyết bài trừ một âm, thay vì cùng đi, hào 3 dương lại đi một mình (độc hành), khiến những người quân tử nghi ngại (hữu uẩn), là không thức thời. Tuy không nguy hiểm lắm nhưng bị ngờ vực, bị tiếng xấu, như đi dưới mưa bị ướt át lấm lem (ngộ vũ, nhược nhu).

### 3. Quyền biến

(1) Sở dĩ, hào 3 dương gặp nguy hiểm, mang tiếng, là do không khéo léo, không thức thời, thiếu quả quyết ; nếu đã quyết rồi, quyết nữa, thật quả quyết, bài trừ tiểu nhân (quải quải) thì mới không tội lỗi (vô cữu)

(2) Ở hoàn cảnh của hào 3 dương, phải quả quyết, quyết đoán mới hoá hung thành cát, biến dữ thành lành, chung cuộc không tội lỗi (Quân tử quả quải, chung cục mới được vô cữu).

Ví dụ :

Thời Đông Tấn, Ôn Kiêu, một trong những đại công thần, là bạn đồng liêu với tướng quân Vương Đôn. Đôn có ý làm phản.

Ôn Kiêu biết thế lực Vương Đôn rất mạnh, chưa chắc đã dẹp nổi, tuy quyết tâm trừ Vương Đôn, nhưng ngoài mặt vẫn không lộ vẻ căm ghét Vương Đôn, ông chỉ khuyên Vương Đôn không nên hành động bừa bãi. Vương Đôn không nghe.

Có người biết âm mưu của Vương Đôn, bẩm báo với nhà vua, đều bị Vương Đôn giết chết.

Sau khi liên kết thế lực trong ngoài đã đầy đủ, Ôn Kiêu bẩm báo với nhà vua và cầm quân bình định Vương Đôn. Kết quả, Ôn Kiêu đã diệt được Vương Đôn, lập chiến công hiển hách.

Cửu tứ, đồn vô phu, kì hành thứ thư. Khiên dương hồi vong, văn ngôn bất tín.

Hào 4 dương, ngồi không yên ổn như bàn tọa mà không có thịt, đi chập chững. Lui thì như người dắt dê (không lui được), ăn hận tiêu tan, nghe mà chẳng tin.

Tượng viết : Kì hành thứ (tự) thư (thư), vị bất đáng dã. Văn ngôn bất tín, thông bất minh dã.

Tượng viết : Đi không vững, không xứng đáng với vị trí. Nghe không tin, có tai như điếc.

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất trung, bất chính, ở đầu quẻ Đoài.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 dương, ở đầu quẻ Đoài, Đoài tượng trưng con dê, cái miệng dùng để nói, nên hào từ đề cập đến việc dắt dê (khiên dương), dương (dê) cũng đọc tương tự dương (hào dương). Văn ngôn bất tín là nghe nhưng không tin hoặc chung quanh có nhiều kẻ dùng đường mật bịt tai không được nghe lời nói phải.

Hào 4 dương bất trung, ở giữa các hào dương, trong thời Quải nhưng lại rất do dự, thiếu quyết đoán.

Tương tự, người gầy, mỏng không có thịt, cứ nhấp nhõm không yên (đồn vô phu), đi chập chững, không có sức (kì hành từ thư), như người dắt dê đứng trước mũi dê, lui cũng không xong (khiên dương).

Đã vậy, hào 4 dương còn gác ngoài tai những chuyện phải trái, thuận cũng không nghe, trái thì nghi ngờ, hoặc bị kẻ chung quanh bưng tai, cũng là một hình thức thiếu quyết đoán (văn ngôn bất tín).

Trong thời Quải (quyết), thái độ do dự, tư tưởng thiếu quyết đoán, bỏ lỡ cơ hội, tiêu trừ tiểu nhân, gặp hối hận (hối).

(2) Bốn nhược điểm trong thời Quải : Không đủ lực như đi không vững vàng (kì hành từ thư). Hào dương ở vị trí âm, lún vào vùng đục vọng đen tối, không xứng đáng với vị trí (vị bất đáng dã). Không rõ đạo lí, nghe mà chẳng tin (văn ngôn bất tín). Có tai mà điếc (thông bất minh giả).

Ví dụ :

Tướng Lưu Lao, thời Đông Tấn, nguyên là tướng tiên phong của Tạ Huyền, trong trận Phì thủy, lập được nhiều chiến công hiển hách.

Vì tranh danh đoạt lợi, Lưu Lao phản Vương Cung (Duyệ Châu), tiếp phản Tư Mã Nguyên Hiển (Lang quận), đầu hàng Hoàn Huyền lại muốn phản Hoàn Huyền.

Tham quân của Lưu Lao khuyên rằng : Việc tối kị nhất là làm phản, trước đây tướng quân đã phản Vương Cung, gần đây lại phản Tư Mã Nguyên Hiền, nay lại muốn phản Hoàn công. Một đời người, ba lần phản trắc, làm sao mà đứng vững ?

Lưu Lao không nghe. Cuối cùng, bị Hoàn Huyền tước hết binh quyền, Lưu Lao phải tự sát.

### 3. Quyền biến

Trong thời Quải, thái độ phải quyết đoán, hành động phải quyết đoán, tư tưởng phải quyết đoán, thì hồi hận sẽ tiêu tan (hối vong).

**Cửu ngũ, hiện lục quả quả, trung hành vô cửu.**

Hào 5 dương, bọn tiểu nhân như loại rau ngổn rau lục, cương quyết (đào tận gốc nó), theo đạo trung, không lỗi.

Tượng viết : Trung hành vô cửu, trung vị quang dã.



Tượng viết : Thực hành đạo trung mới không tội lỗi, nếu dây dưa với tiểu nhân thì đạo trung và tương lai quân tử chưa hẳn đã sáng sủa.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, quân chủ, dưới hào trên cùng âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 5 dương, trung chính, tượng trưng người quyết tâm trừ kẻ tiểu nhân đang gần gũi.

Hiện, lục là hai loài cỏ ; nghiện là cây mã xỉ hiện, lục là cỏ lục, còn gọi là thương lục. Đặc điểm hai loại cỏ này, hấp thụ được âm khí, nên khó khô, nhưng rất dễ sống, nên muốn trừ, phải đào tận gốc ; cỏ nghiện, cỏ lục tượng trưng tiểu nhân.

Khổng Tử đã từng than rằng : Nuôi bọn tiểu nhân thật khó thay !

Chúng như loài cỏ hiện, cỏ xỉ, trước sống lây lất, sau cành nhánh càng ngày càng sum suê ; chúng nhiều tham vọng, phản trắc vô thường, làm cho người ta nghiện chúng lúc nào không hay, sa ngã lúc nào không biết, dây dưa với chúng có lúc mang họa vào thân.

Ví dụ :

Đường Túc Tông sủng ái, tin dùng tên đứng đầu hoạn quan là Lí Phụ Quốc.

Ban đầu, Lí Phụ Quốc chỉ là một tên gia nô, sau này lại tự xưng là thượng phụ, quyền nghiêng thiên hạ, khiến nhà Đường một phen điên đảo.

### 3. Quyền biến

(1) Muốn trừ bọn tiểu nhân, phải hết sức cương quyết, bài trừ tận gốc, như bài trừ cỏ nghiến, cỏ lục (hiện lục quả quả), hành động hợp với trung đạo, thì không tội lỗi (hành trung, vô cửu).

Nếu không thực hành đạo trung, không nhổ tận gốc bọn tiểu nhân thì chưa chắc đã không tội lỗi (vô cửu).

(2) Hào 5 dương gần gũi với hào 6 âm, tương tự quân tử gần kẻ tiểu nhân, được kẻ tiểu nhân nịnh nọt nuông chiều, từ đó nảy sinh tình cảm với tiểu nhân, không muốn rời xa chúng, không muốn diệt trừ chúng, nương tay với chúng, chúng sẽ chờ cơ hội mà thao túng, nắm vận mệnh quân tử, quân tử sẽ gặp nguy hiểm.

Cho nên, phải kiên quyết thực hành đạo trung, cương quyết xa chúng, bài trừ tận gốc (trung hành), mới không tội lỗi (vô cửu), nếu dây dưa với chúng chưa chắc đạo trung và tương lai của người quân tử đã được sáng tỏ (trung vị quang dã).

Ví dụ :

Dịch Nha làm thịt con cho nhà vua ăn. Thụ Điều tự hoạn mình để hầu hạ nhà vua. Khai Phương bỏ ngôi thế tử để theo nhà vua. Vì thế 3 người được Tề Hoàn Công yêu mến lắm.

Quản Trọng lâm bệnh nặng, khuyên Tề Hoàn Công nên xa ba người đó. Tề Hoàn Công im lặng.

Sau khi Quản Trọng mất, Tề Hoàn Công đuổi Dịch Nha, Thụ Điều và Khai Phương.

Đuổi chúng đi rồi, nhà vua ăn không ngon, ngủ không yên, mặt lúc nào cũng buồn bã, nên gọi chúng trở lại.

Lúc Tề Hoàn Công đau nặng, Dịch Nha, Thụ Điều và Khai Phương không cho thầy thuốc đến chữa trị.

Chúng xây bốn bức tường cao chung quanh giường ngủ Tề Hoàn Công. Hoàn Công vốn là một bá chủ nhưng chết khát trong 4 bức tường.

**Hoàn Công chết, bọn Dịch Nha, Thụ Điều, Khai Phương nắm hết quyền hành. Nước Tề đại loạn.**

Thượng lục, vô hào, chung hữu hung.

Hào trên cùng âm, kêu gào vô ích, cuối cùng sẽ bị hoạ.

**Tượng viết : Vô hào chi hung, chung bất khả trường dã.**

Tượng viết : Kêu gào vô ích gặp nguy, số phận không dài.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, trên quẻ Đoài, ở trên 5 hào dương, ứng với hào 3 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng âm, ở quẻ Đoài, tượng trưng cái miệng, nên hào từ đề cập đến việc kêu khóc (hào), vô hào có kêu la khóc lóc cũng vô ích.

(1) Hào trên cùng âm, ở trên 5 hào dương, tượng trưng tiểu nhân đặc chí, nên bị các hào dương cương quyết bài trừ.

Hào trên cùng âm, ứng với hào 3 dương, nhưng hào 3 dương lại là một trong những trụ cột của nhóm quân tử bài trừ tiểu nhân, nên hào trên cùng âm rơi vào thế bị cô lập.

Đã rơi vào thế hoàn toàn bị cô lập, dù có kêu rên thế nào cũng vô ích, chung cuộc cũng không thoát khỏi tai ương, nguy hiểm (vô hào, chung hữu hung)

(2) Thường hào trên cùng của quẻ, chuyển hoá rất nhanh, mâu thuẫn càng gay gắt.

Tương tự, xét hoàn cảnh của hào trên cùng âm, cuối cùng thời Quải, gặp nguy hiểm dù kêu rên khóc lóc cũng vô ích (vô hào chi hung), nhìn chung, số phận cũng chẳng tồn tại lâu dài (chung bất khả trường dã).

### 3. Quyền biến

Muốn bài trừ tiểu nhân, phải cô lập chúng, phải xem xét chuyển biến của thời thế, thì mới thành công.

## TIỂU KẾT

1. Xem quẻ Quải, bài trừ tiểu nhân là việc rất gian nan

Hào 1 dương, cây mạnh, một mình tiến lên, mắc tội lỗi.

Hào 2 dương, phải vận dụng mọi sách lược để chống chọi với tiểu nhân.

Hào 4 dương, không đủ tài, đủ sức, thiếu quyết đoán trong việc trừ khử tiểu nhân, gần như vô dụng.

Trong 5 hào dương, chỉ có hào 3, hào 5 là có hai chữ quải quải (cương quyết, quyết tâm).

Đôi khi, thái độ, hành động của hào 3 dương không minh bạch, tượng trưng kẻ nội gián, luồn lách, trà trộn trong đám tiểu nhân, gọi là phép kì binh.

Hào 5 dương tượng trưng lãnh đạo của quân tử, đường đường chính, gọi là phép chính binh.

Cả hai hào, kì - chính tương sinh, nội công ngoại kích, mới bài trừ được gốc rễ bọn tiểu nhân.

Đủ biết, Kinh Dịch không chỉ là sách chuyên chở đạo lí, mà còn thể hiện mưu lược, thủ đoạn kinh hồn của thánh nhân.

## 2. Dịch và những nhà chính trị

Sách Thanh sửảo kể : Dưới đời Khang Hy, nhà Thanh, đại học sĩ Minh Châu câu kết bè đảng, tăng thêm quyền lực, nhiễu loạn triều chính.

Minh Châu đem vàng bạc biếu xén, mua chuộc các đại phu, trong đó có Hàn lâm thị giảng Đức Cách Cần. Đức Cách Cần từ chối không nhận.

Muốn biết lành dữ, Đức Cách Cần bói Dịch. Bói được quẻ Quải (năm hào dương quyết một âm).

Biết được âm mưu của Minh Châu, nhân lúc giảng luận kinh sử, Đức Cách Cần tìm cách thâm trình với Hoàng đế.

Lúc Minh Châu bị đuổi rất ngạc nhiên, kinh sợ, khi nghe được chuyện bói Dịch của Đức Cách Cần.

Chúng ta không bàn về việc bói Dịch, nhưng chứng tỏ Kinh Dịch là sách gối đầu giường của những nhà chính trị.

## **44. THIÊN PHONG CẦU**

TÊN QUẺ

Thành ngữ Trung Hoa có câu : Không hẹn mà gặp (Giải câu tương ngộ).

Cầu là gặp gỡ, con gái tình cờ gặp con trai ; cầu còn có nghĩa là hôn cầu.

HÌNH QUÊ





Dưới Tốn - phong, trên Càn - thiên, gọi là Thiên Phong Cấu.

Quẻ Quải, dưới là 5 hào dương, trên là 1 hào âm. Quẻ Cấu, hào 1 âm ở dưới, trên là 5 dương, một âm gặp gỡ 5 hào dương, gọi là Cấu.

Hoặc, nguyên là quẻ thuần Càn, 6 hào dương, một hào âm sinh ra, âm gặp dương, nên gọi là Cấu.

Việc Quải (quyết), 5 hào dương vừa đánh đuổi 1 hào âm, chưa hẳn đã hoàn thành, thì một hào âm lại sinh ra ở dưới rồi ! Đạo quân tử vun trồng khó mà chưa xong, thì tiểu nhân đã xuất hiện.

## SOÁN TỬ

Cấu, nữ tráng, vật dụng thủ (thú) nữ.

Nhìn hình quẻ Cấu, 1 hào âm ở dưới, mới sinh ra đã gánh 5 hào dương, biểu thị rất mạnh mẽ, nếu phát triển nữa thì sẽ mạnh chừng nào !

Âm tượng trưng nữ, dương tượng trưng nam, một nữ gánh đỡ nổi 5 nam, quả là

mạnh bạo (tráng nữ). Không nên lấy cô gái đó làm vợ (vật dụng thú nữ).

Vương Bột giải thích : Nam - nữ, âm – dương, cương - nhu gặp gỡ là điều tất nhiên, hợp với trung chính. Quẻ Cấu, một âm nhưng lại quá mạnh, tượng gặp nữ quá mạnh, âm quá thịnh ắt dương suy, nữ mạnh thì nam yếu, không nên tiến đến hôn nhân.

Chu Hy giải thích, 1 âm gặp 5 dương, 1 nữ gặp 5 nam, thì đã không trinh chính rồi, lấy làm vợ chỉ thêm hại mình, làm cho gia đạo tan hoang.

Nếu âm tượng trưng tiểu nhân, là chuyện không tốt, thì cũng phải xa lánh nó ngay, đừng nên dính dáng đến chuyện chẳng lành.

## SOÁN TRUYỆN

Cấu, ngộ dã, nhu ngộ cương dã. Vật dụng thủ (thú) nữ, bất khả dự trường dã, Thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương dã. Cương ngộ trung chính, thiên hạ đại hành dã. Cấu chi thời nghĩa đại hĩ tai !

Cấu là gặp gỡ (Cấu ngộ dã), một âm nhu vừa sinh ra đã gặp 5 dương cương (nhu ngộ cương).

Tuy một âm nhưng rất mạnh, tương tự nam gặp nữ quá mạnh, không nên nói đến chuyện hôn nhân, không nên tính chuyện lâu dài (vật dụng thú nữ, bất khả trường dã).

Xét hai khí, khí dương thuộc về trời, khí âm thuộc về đất, hai khí gặp gỡ nhau, mà vạn vật sinh trưởng, vật nào vật ấy đều rõ ràng (Thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương dã).

Xét hào 5 dương cương lại được đắc chính, đắc trung (cương ngộ trung chính). Cương là dương, dương tượng trưng quân tử, đạo quân tử. Hào 5 dương, tượng quân chủ, quân chủ mà có đức như thế thì đạo của người quân tử sẽ phát triển được khắp thiên hạ (thiên hạ đại hành dã).

Xét cho cùng, thời và nghĩa của quẻ Cẩu thật là lớn ! (Cẩu chi thì nghĩa đại hĩ tai !)

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Thiên hạ hữu phong, Cẩu ; hậu dĩ thi, mệnh cáo tứ phương.

Dưới là Tốn - gió, trên Càn - trời, dưới trời có gió, gió đi khắp trời, gặp gỡ muôn vật, gió là hiệu lệnh, dự báo của trời, gọi là Cẩu (Thiên hạ hữu phong, Cẩu).

Nguyên chữ Cấu, trước chữ nữ sau là chữ hậu . Sau khi nhìn tượng quẻ Cấu, thì tuyên bố, dự báo, làm cho dân chúng bốn phương (hậu dĩ cáo mệnh tứ phương), theo thời tiết mà chăm lo công việc của mình. Chẳng hạn, cây đang sinh trưởng giúp nó sinh trưởng, cây ra hoa, kết quả thì chăm sóc cây sinh nhiều hoa, đậu nhiều quả.

## HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, hệ vu kim nê, trinh cát. Hữu du vãng, kiến hung. Luy thi phu (phù) trịch trục.

**Hào 1 âm, dùng vật kim loại hãm xe, giữ đạo chính, tốt. Nếu tiến lên thì xấu. Đừng vội như heo cái gầy mà cứ nhảy lông lên.**

Tượng viết : Hệ kim vu nê, nhu đạo khiên dã.

Tượng viết : Dùng vật hãm xe, dùng đạo nhu mà dịu dặt.

### 1. Sơ lục

Hào 1 âm, ở vị trí dương, ở dưới quẻ Tốn, ở gần hào 2 dương, ứng với hào 4 dương.

## 2. Hoàn cảnh

**Quẻ trên là Càn, tượng trưng kim, nên hào từ nhắc đến vật dùng để hãm xe (kim nê).**

Nếu hào 3 dương biến thành âm, hợp với hào 2 dương, hào 1 âm, thành quẻ Khảm, tượng trưng con heo, hào từ nhắc đến con heo cái gầy (luy thì). Phụ gần nghĩa với phù, khinh phù, xem thường, nóng vội.

(1) Hào 1 âm, bất trung, bất chính, ở dưới quẻ Tốn, có tính nóng vội, nên hào từ khuyên: Tự kiềm chế như hãm chiếc xe lại (hệ vu kim nê), giữ gìn chính đạo (trinh), thì tốt (cát).

Ngược lại, thay vì ứng với hào 4 dương, hào 1 âm lại khinh thường, nóng vội tiến lên với hào 2 dương kề cận, nữ tìm nam, gái tìm trai mà thiếu cân nhắc, là không đúng với đạo lý, tương tự con heo cái gầy, mà cứ nhảy nhót tìm bạn, sẽ gặp nguy hiểm.

(2) Khiên là dất, hệ là quan hệ, ràng buộc. Càn tượng trưng cho trời, trời thì đi mạnh (Thiên hành kiện), Khôn tượng trưng cho đất, nhu thuận, nhưng dẫn dắt được trời. Cả hai đều có mối quan hệ tương sinh tương khắc, chế ước, dẫn dắt lẫn nhau.

Tương tự, xe vốn có tính đi nhưng bị vật cản chế ước, ràng buộc (hệ vu ki nê), rõ ràng nhu đạo chính là sự dẫn dắt (nhu đạo khiên dã).

### 3. Quyền biến

Trong hoàn cảnh như hào 1 âm, cần phải giữ chính đạo, biết kiềm chế, lấy nhu đạo mà xuất xử, quan hệ thì mới tốt.

Cửu nhị, bao (bào) hữu ngư, vô cữu, bất lợi tân.

Cửu nhị, câu cá, giỏ đầy cá, không tội lỗi, khách bất lợi.

Tượng viết : Bao (bào) hữu ngư, nghĩa bất cập tân dã.

Tượng viết : Câu cá, giỏ đầy cá, chủ - khách không quên quy tắc.

### 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, bất chính, ở giữa quẻ Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Bao gần âm với chữ bào ( : nhà bếp), bao hữu ngư là giỏ đầy cá hoặc nhà bếp có cá, cá là loài vật thuộc âm. Chẳng hạn, hào 4 dương hoặc cả 5 hào dương đi tìm 1 hào âm, như những người đi đánh cá, bắt cá.

Thông thường, hào 2 dương bất chính thì không tốt, nhưng hào từ lại viết là không tội lỗi (vô cữu) ?

## 3. Quyền biến

(1) Nguyên, hào 2 dương ở giữa quẻ Tốn, gặp gỡ mật thiết với hào 1 âm, âm dương tương ngộ, hợp với lễ nghĩa, trung đạo, nên không tội lỗi (vô cữu).

Tương tự, người chủ, đi trước, đánh cá, bắt được cá (bao hữu ngư), không tội lỗi (vô cữu) còn khách, đi sau, thì không bắt được cá, bất lợi (bất lợi tân).

Ví dụ :

Các chư hầu hợp nhau đánh Tần, giao ước rằng, ai vào Quan Trung trước thì được làm vua.



Lưu Bang tiến vào Quan Trung trước, quân lệnh rất nghiêm, ban bố mệnh lệnh không được sách nhiễu dân chúng, được dân chúng ủng hộ.

Hạng Vũ đi đến đâu tàn phá, giết hại đến đấy, vào Quan Trung sau, dân chúng oán ghét.

Từ đó Hán – Sở trở giáo đánh nhau. Hạng Vũ mạnh, mất lòng dân, mất địa lợi, nên mất cả thiên hạ. Lưu Bang yếu hơn, được lòng dân, được địa lợi, được cả thiên hạ.

Sau này, Khoái Thông, một biện sĩ nước Tề, nói với Lưu Bang : Nhà Tần mất hươu, cả thiên hạ đuổi bắt, người nào tài cao, chân mau thì người ấy được. Thiên hạ thiếu gì người mài giao sắc, cầm mũi nhọn làm cái việc bệ hạ làm, chẳng qua sức làm không nổi đấy thôi !

Kinh Dịch nói là cá, Sử kí gọi là hươu, nghĩa tương tự nhau.

Có sách cho rằng, nếu hiểu bao ngư là giỏ cá thì không liên quan gì đến tượng quẻ (Tốn hoặc Càn) ?

Kinh Dịch nhiều lần nhắc đến chữ bao như bao hoang (quẻ Thái), bao thừa (quẻ Bĩ), bao sai (quẻ Mông), bao có nghĩa là bao bọc, bao dung ; ngư đọc gần với chữ ngộ. Trong việc gặp gỡ tương ngộ, phải có đức bao dung (bao hữu ngư), thì mới không tội lỗi (vô cữu).

Tuy vậy, chỉ có hào 2 dương, mới có thể bao bọc chế ngự được hào 1 âm, như cái đê ngăn chặn được gian tà. Nếu hào 1 âm, tiểu nhân, gặp gỡ người khác, như hào 4 dương, bất lợi cho họ (bất lợi tân).

(2) Nghĩa có quy tắc, đã gặp gỡ nhau, tất có chủ có khách, phải giữ quy tắc chủ – khách. Bao bọc chở che, hoặc được bao bọc chở che (bao hữu ngư), cũng nên giữ gìn quy tắc chủ khách, không phải ai cũng là chủ, cũng chẳng ai cũng là khách (nghĩa bất cập tân).

Có sách giải thích, nếu hiểu ngư là cá, cá thường bơi lội tung tăng, vui sướng, ngư gần âm với dư (dư dã). Vì thế, ngày xưa, hằng năm, người ta dùng một mâm cá để tế lễ, cầu mong dư dã, vui vẻ.

Trong việc gặp gỡ, đem lại cho nhau sự vui vẻ, dư dã (bao hữu ngư), theo quy tắc (nghĩa) không phân biệt chủ khách (bất cập tân). Hoặc, bao dung nhau, là nguyên tắc, không kể chủ hoặc khách.

Cửu tam, đồn vô phu, kì hành thứ (tư) thư (thư), lệ, vô đại cửu.

**Lục tam, ngồi không yên như mộng không thật, đi không vững, nguy hiểm, (biết phản tỉnh), thì chỉ phạm lỗi nhỏ.**

Tượng viết : Kì hành thứ (tư) thư (thư), hành vị khiên dã.

Tượng viết : Đi không vững, lại chẳng ai dìu dắt.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc trung nhưng bất chính, ở trên cùng quẻ Tốn, ứng với hào âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào từ nêu hai trường hợp là nguy hiểm (lệ), chỉ phạm lỗi nhỏ (vô đại cửu).

Nếu hào 3 dương biến thành hào âm, hợp với hào 1 âm, hào 2 dương, sẽ thành quẻ Khảm, tượng trưng nguy hiểm, nên hào từ nhắc đến lệ.

Hào 3 dương cương, ở vị trí dương, cương thêm cương, bất chính, ứng với hào 1 âm nhưng bị hào 2 dương ngăn cách, tiến lên với hào 6 dương, lại không phải ứng với mình, ngồi, tiến, lui để gặp gỡ, đều nguy hiểm.

Tương tự, người ngồi nhấp nhồm, vì mộng không thật (đồn vô phu), đi thì không vững vàng, khắp khiêng (kì hành từ thư), thật là gay go (lệ).

### 3. Quyền biến

(1) Tuy vậy, hào 3 dương vẫn có tính cương chính, ở giữa quẻ Tốn, tượng trưng gió có tính quay lại, phản tỉnh, chỉ phạm sai lầm nhỏ (đại vô cửu).

Hào từ hào 4 dương, quẻ Quải và hào từ hào 4 dương quẻ Cấu có 2 nhược điểm giống nhau : Ngồi như mộng không thật, đi thì không vững, khắp khiêng (đồn vô phu, kì hành kì thư) ; riêng quẻ Quải có thêm nhược điểm nghe mà không tin (văn bất tín).

Hào 4 dương, hào 2 dương, hào 3 dương hợp thành quẻ Càn , có tính cương kiện, tính động, vừa cương kiện vừa động là kiêu căng.

Nếu hào 4 dương biến thành âm, hợp với hào 5 dương, 3 dương, thành quẻ Khảm , tượng trưng nguy hiểm (hối).

Quẻ Quải, hào 4 dương, ở vị trí âm, thất chính, hổ quái là quẻ Càn, nên có tính cương kiện, động, kiêu, nóng vội.

Tương tự, người ngồi nhấp nhồm, đi thì không vững, lại thêm nhược điểm bị bưng tai, nghe mà không tin, nên gặp nguy hiểm (hối).

Chỉ khi nào bỏ những nhược điểm trên thì hối hận mới tiêu tan (hối vong) ; tức là vẫn còn ở trong vòng bất lợi.

Quẻ Cẩu, hào 4 dương chỉ có 2 nhược điểm, nhấp nhồm đi không vững, vẫn gặp nguy hiểm (lệ). Nhưng nhanh chóng phản tỉnh, chỉ phạm sai lầm nhỏ (vô đại cữu).

Suy ra, thời thế khác nhau, hoàn cảnh tương tự, có những nhược điểm giống nhau, càng phản tỉnh sớm thì càng tốt.

Nhược điểm, khó phản tỉnh nhất là có tai như điếc, hoặc bị người ta bưng tai, không rõ đạo lý chân lí, e suốt đời trầm luân trong cảnh tối tăm.

Đó là cái hay, cái thâm thúy của Kinh Dịch.

(2) Thường hai khí âm – dương gặp nhau, tương cảm nhau, thì dắt díu nhau đi, trời đi mạnh nhưng đất dẫn dắt ; vị khiên là không có ai dẫn dắt.

Hào 3 dương, trên không ứng được với hào trên cùng dương, dưới ứng với hào 1 âm thì bị trở ngại, tương tự người chẳng có ai dẫn dắt.

Vừa không đủ sức đi trên đường (Kì hành từ thư), đi lại không ai dìu dắt (hành vị khiên dã), nên phải tự phản tỉnh, tự tìm lối đúng mà đi.

Cửu tứ, bao (bào) vô ngư, khởi hung.

Cửu tứ, câu cá giỏ chẳng được con cá nào, nguy hiểm đến rồi.

**Tượng viết : Vô ngư chi hung, viễn dân dã.**

Tượng viết : Câu cá, giỏ chẳng được con nào nguy hiểm, do xa dân.

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, bất trung, ở dưới quẻ Càn.

## 2. Hoàn cảnh

Khởi tương tự chữ kháng ; hào trên cùng quẻ Càn viết : Rồng lên cao hồi hận (Kháng long hữu hối). Tương tự, hào 4 dương ở dưới quẻ Càn, nên hào từ nói đến hoạn nạn phát sinh (khởi hung)

(1) Hào 4 dương vừa bất trung, bất chính, ở dưới quẻ Càn, cương kiện nhưng nóng gấp mong ứng với hào 1 âm, bị hào 3 dương, 2 dương ngăn cản, chẳng được gì, tương tự người đi câu chẳng được con cá nào (bao vô ngư).

(2) Sách Thành Trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí giải thích : Một quẻ có 1 hào âm, 5 hào dương, thế nào cũng sinh tranh giành, các hào dương giành 1 hào âm.

Tương tự, trên sông có một con cá, mấy người buông câu, nay cá đã vào giỏ hào 2 dương rồi, thì giỏ của các hào còn lại trống không (bao vô ngư), đã tranh nhau thế nào cũng có người bị thương, thế là đã nguy hiểm rồi (khởi hung).

Hào 4 dương ở trên, muốn tranh cướp với các hào 2 dương, hào 3 dương dưới, khác nào, trên tranh với dưới, quan tranh với dân, tức là tự mình tạo ra nguy hiểm cho mình.

Ví dụ :

Thời Tam quốc, Lưu Bị bước đầu lập nghiệp không có tắc đất cắm dùi, đành nhờ vả Lưu Biểu (Kinh Châu), miếng đất còn con ở Tân Dã, ngồi không yên, đi không được, nguy khốn (đồn vô phu, kì hành từ thư, lệ).

Nhân lúc Tào Tháo đem hùng binh muốn thôn tính Giang Đông, mấy chục vạn nói quá lên hàng trăm vạn, Gia Cát Lượng bày mưu tính kế liên kết với Giang Đông, cùng đánh Tào.

Kết cục, quân đội không quen thủy chiến, do nạn kiêu binh, do bị liên hoàn kế, Tào Tháo thất bại trận Xích Bích, đại quân tan tành. Từ đó, Tháo không dám ngó Giang Đông nữa.

Tào Tháo hư trương thanh thế, đi bắt cá, rốt cuộc về không. Lưu Bị, Gia Cát Lượng, thừa nước đục thả câu, được một mẻ cá lớn là có được liên minh và đất đai.

(2) Hào 4 dương có 3 điều bất lợi: Hào dương, ở vị trí âm, bất chính, bất trung là vô đức. Ở dưới hào 5 dương, ngôi cao ngất ngưỡng nhưng chẳng phải là vua, tức là vô vị (chẳng có vị trí gì, chức vị gì). Ứng với hào 1 âm, nhưng hào 1 âm đã theo hào 2 dương (tương tự nói không đúng sự thực hoặc nói một đằng làm một nẻo).

Vô đức, làm sao được lòng dân ; vô vị thì không đến với dân được ; nói một đằng làm một nẻo, làm sao dân tin ? Không làm được việc gì, như đi không lại về không, là do xa dân, dân không tin (Vô ngư chi hung, viễn dân dã).

### 3. Quyền biến

Người trên không nên tranh cướp với người dưới, vừa không được gì, vừa tự gây ra tai họa. Hoặc, gặp gỡ mà không có đức bao dung lẫn nhau, là gieo mầm tai



hoạ. Hoặc xa dân, dân không tin, thì chẳng làm được việc gì.

Cửu ngũ, dĩ kỉ bao (bào) qua, hàm chương, hữu vận tự Thiên.

Hào 5 dương, che chở, như cây cao tàn rộng che cho loài dừa, lòng có đức sáng, tốt lành như của Trời cho.

Tượng viết : Cửu ngũ hàm chương, trung chính dã ; hữu vận tự Thiên, chí bất xả mệnh dã.

Tượng viết : Hào 5 dương lòng chứa đức sáng, trung chính ; tốt lành như được Trời cho, chí của mình hợp với chí của Trời.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc trung, đắc chính, cương vị quân chủ.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 5 dương, biến thành hào âm, hợp với hào 4 dương, hào trên cùng

dương, thành quẻ Li, tượng trưng đức sáng suốt, nên hào từ gọi là ngậm chứa đức sáng (hàm chương).

Sách Y xuyên Dịch truyện, Trình Di cho rằng, kì là loại cây cao lớn, lá to che phủ tất cả, chỉ hào 5 dương. Qua là cây dừa, mọc dưới thấp, loài âm tính, chỉ hào 1 âm.

Quẻ Càn, do hào 1 dương biến thành hào âm thành quẻ Cấn. Hào 1 dương quẻ Càn vốn là con rồng ở vực sâu (tiềm long). Hào 1 âm, quẻ Cấn lại dùng con heo cái gầy (luy thi) làm tượng.

Thời thế, hoàn cảnh đã làm cho con vật thay đổi : Từ con rồng, biến thành con heo, nhưng chắc chắn, trong hình heo vẫn còn chất rồng.

Người tốt, do thời thế, hoàn cảnh, có thể biến thành người xấu, nhưng hi vọng trong chúng vẫn còn chút lương thiện, quay về nẻo thiện.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 5 dương, vừa đắc trung, đắc chính, vừa ngậm chứa đức sáng ở trong lòng, trong thời Cấn, gặp gỡ hào 2 dương, như quân chủ gặp hiền thần.

Hào 5 dương, lại che chở, chế ngự được hào 1 âm, kẻ tiểu nhân, như cây cao, lá to che chở cho loài cây leo sống bám, nó vẫn có ích.

Mọi sự tốt lành, như vận tốt trời cho (hữu vận tự thiên).

(2) Vận là rụng xuống ; người xưa có tục dùng trái bầu chín rụng làm sính lễ, khi cô dâu về đến nhà chồng thì người ta chia trái bầu ra làm hai, thành 2 cái gáo, dùng để uống rượu. Rót đầy rượu vào gáo, cô dâu uống một gáo, chú rể uống một gáo, vừa biểu thị là duyên trời định và sự tốt lành.

Hào 5 dương có đức sáng suốt (Cửu ngũ hàm chương), trung chính (trung chính), y như trái dưa chín đến ngày rụng, thuận theo quy luật tự nhiên, tức ý của người thuận với ý của Trời (chí bất xả mệnh dã).

Thượng cửu, cầu kì giác, lặn, vô cửu.

Thượng cửu, thời Cửu, lấy chí cương mà gặp gỡ, xấu hổ, đổ lỗi cho ai ? Hoặc thời Cửu, nên xa chốn tranh giành, xấu hổ nhưng không tội lỗi. Ất

Tượng viết : Cầu kì giác, thượng cùng lặn dã ?

Tượng viết : Thời Cửu lấy chí cương mà gặp gỡ, cuối cùng chuyển hoá càng nhanh, xấu hổ, đổ lỗi cho ai ? Hoặc, thời Cửu, nên xa lánh chốn tranh giành, xấu hổ, không tội lỗi.

## 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương – cương, ở vị trí âm, bất chính, ở trên cùng quẻ Cấn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng dương ở trên quẻ Càn, tượng con rồng ; nếu hào trên cùng biến thành âm, quẻ Càn biến thành quẻ Đoài , tượng trưng con dê ; rồng và dê là con vật có sừng nên hào từ nhắc đến cái sừng (giác), nơi tập trung sức mạnh gọi là chí cương.



(1) Hào trên cùng cương, ở trên cùng quẻ Cẩu, cương lại thêm cương (chí cương) hăng hái muốn gặp gỡ người khác y như con vật cậy có sừng mạnh, dùng sừng để húc (Cẩu kì giác), nên không thành, đáng xấu hổ (lận), không còn đổ lỗi cho ai được nữa (vô cữu hoặc vô sở quy cữu).

Có sách giải thích, giác có nghĩa là giác lạc (nơi khuất, xa xôi hẻo lánh).

Nguyên, ngược với quẻ Cẩu (hình bên trái) là quẻ Quải (hình bên phải), âm lên thì dương xuống, dương xuống thì âm lên, có hào âm không có hào dương, hai hào không gặp gỡ nhau, cách tuyệt nhau.

Nếu theo hình quẻ Cẩu, thì hào dương trên cùng, ở rất xa hào âm, không gặp gỡ hào âm, cũng khó chế ngự hào âm.

Nói chung, hào trên cùng dương xa lánh hào âm, xa lánh sự tranh giành, tượng trưng người xuất thế, lẩn khuất xa xôi, không tranh giành danh lợi, tuy xấu hổ (lận) nhưng chung cục là không lầm lỗi (vô cữu).

(2) Trong thời Cẩu, việc gặp gỡ có hợp - phân, chính – phản, quá cầu hợp thì lại phân, quá cầu chính lại phản, nên phải theo trung chính.

Hào trên cùng dương cương mà bất trung, còn lấy chí cương mà hợp, y như con vật cậy có sừng mà xông tới (Cẩu kì xúc), hoá lại thành phân li, chính mà lại thành phản ; ở cuối cùng thời Cẩu (thượng cùng), phân – hợp, chính – phản chuyển hoá rất nhanh, nên thật đáng xấu hổ (lận dã).

### 3. Quyền biến

Thời Cấu, đạo gặp gỡ, nên biết có phân - hợp, có chính – phản, nên phải có đức trung chính thì mới không xấu hổ, không tội lỗi.

Quẻ Cấu, 5 dương giành một âm, tượng trưng lợi danh thì ít, kẻ cầu danh háms lợi thì nhiều, sinh ra xâu xé nhau, dùng mọi thủ đoạn, mưu toan để hại nhau, khác nào loài vật có sừng, đem sừng mà quáng húc nhau.

Kẻ thức thời nên xa lánh chốn giao tranh, tuy xấu hổ một chút còn hơn là chuốc lấy tai hoạ.

### TIỂU KẾT

#### 1. Khi năm quân tử, vây đánh một tiểu nhân

Hào 3 dương, quá cương mà bất trung, nên việc không thành, may mới không tội lỗi.

Hào 4 dương, vừa bất trung, bất chính, nên gặp nguy hiểm.

Hào trên cùng dương, bất trung, chí cương, rước lấy thất bại, mang nhục vào thân.

Chỉ có hào 2 dương, hào 5 dương, vừa trung chính, vừa có đức bao dung nên mới thu phục được tiểu nhân.

Trung chính, bao dung là bí quyết thu phục, chế ngự tiểu nhân. Đối với Kinh Dịch, phần lớn đức trung chính, quyết định tốt xấu của hào, quyết định họa phúc của con người.

## 2. Cái xấu, cái ác

Năm hào âm ở trên, một hào âm ở dưới, tượng trưng cái xấu, cái ác, tiểu nhân mới manh nha. Phải trừ tiểu nhân khi nó mới phát sinh, xa cái xấu khi nó mới bắt đầu, dập ngay ý ác khi nó mới xuất hiện.

Những việc này, không dễ một chút nào !

## 45. TRẠCH ĐỊA TUY

### TÊN QUẺ

Đã gặp gỡ tức có tụ họp, nên sau quẻ Cấu (gặp gỡ) là quẻ Tuy (tụ họp).

Sách Quảng nhĩ định nghĩa : Tuy là nhóm tụ lại (Tuy, tụ giả).



Tuy là nhóm hợp, tụ hợp.

HÌNH QUẺ

<div></div>	<div></div>
<div></div>	<div></div>
<div></div>	<div></div>

Dưới Khôn - địa, trên Đoài - trạch, gọi là Trạch Địa Tuy.

Dưới Khôn - đất, trên Đoài - trạch, trạch làm cho cây cỏ tươi tốt, chim thú tụ tập lại, gọi là Tuy.

## SOÁN TỪ

Tuy, hanh. Vương giả (cách) hữu miếu. Lợi kiến đại nhân, hanh, lợi trinh. Dụng đại sinh, cát, lợi hữu du vãng.

Người xưa quan niệm, muốn trị nước, trước hết phải tề gia, tức người trong huyết thống, tông tộc, phải đoàn kết với nhau. Cho nên tông miếu, xã tắc là một trong những tiêu chí thể hiện sự tồn vong, suy thịnh của một quốc gia.

Tông miếu, xã tắc không chỉ là nơi tế lễ tổ tiên, mà còn thể hiện lòng hiếu tâm, thành kính, sự đoàn kết, nghị luận về chính trị, là nơi tụ họp, nhóm họp (Tuy).

Chẳng hạn, Văn Vương cũng tổ chức tế lễ tổ tiên, gặp gỡ, tụ họp những người trong tông tộc, các bậc tam công, các chư hầu, việc hội họp thành công nên hanh thông (hanh, Vương cách hữu miếu).

Tất nhiên, trong hội hợp, hội tụ phải có người đứng đầu, người đứng đầu ra mắt quần chúng thì có lợi, mới hanh thông (lợi kiến đại nhân hanh).

Trong việc tụ hợp từ tâm đến đức, từ sự trai giới đến lễ vật, từ sự đối đãi trên dưới, trước sau, phải rất mực chính đáng thì mới thực sự có lợi (lợi trình).

Quẻ Tuy, dưới là Khôn , tượng trưng con trâu, trên là Đoài , tượng trưng con dê, nếu hào 4 dương biến thành âm, hợp các hào 5 dương, hào trên cùng âm sẽ thành quẻ Khảm , tượng trưng con heo. Heo, dê, trâu là tam sanh, dùng để tế lễ. Biểu thị phẩm vật tế tổ tông, xã tắc, rất trang trọng, phong phú, phản ánh đời sống sung túc, vậy không có gì tốt hơn (dụng đại sinh cát).

Xem cách hội hợp, sửa soạn phẩm vật, biết rằng, sự nghiệp của tông tộc, của xã tắc sẽ phát triển lâu dài (lợi hữu du vãng).

## SOÁN TRUYỆN

Tuy, tụ dã ; thuận dĩ thuyết (duyet), cương trung nhi ứng, cố tụ dã. Vương giả (cách), hữu miếu, trí hiếu hưởng dã. Lợi kiến đại nhân hanh, tụ dĩ chính dã. Dụng đại sinh cát, lợi hữu du vãng, thuận Thiên mệnh dã. Quan kì sở tụ, nhi Thiên Địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ.

Tuy là tụ hợp, hội hợp (Tuy tụ dã). Khôn (đất) có tính thuận, Đoài (đầm) có tính vui vẻ ; thuận với lòng người, ai nấy vui vẻ (thuận dĩ duyet), lại thêm hào 5

dương, quân chủ, có đức cương trung, nên người người hưởng ứng (cương trung nhi ứng), nên tụ họp, nhóm họp được mọi người (cố tụ dã).

Ví dụ :, vua Văn Vương tế lễ ở miếu, lấy sự thành kính và chí hiếu mong tổ tiên thụ hưởng (Vương cách hữu miếu, trí hiếu hưởng dã).

Trong việc tụ họp, nhóm họp, người đứng đầu ra mắt quần chúng thì có lợi và hanh thông (lợi kiến đại nhân, hanh). Muốn được vậy, việc nhóm họp, từ trên xuống dưới, mọi người phải giữ gìn đạo chính (tụ dĩ chính dã).

Phẩm vật phải dùng tam sinh (đại sinh), biểu thị đúng lễ nghi, hiếu tâm, tôn kính, phản ánh được đời sống sung túc của con cháu, tông tộc là tốt (cát), nói lên được sự phát triển hưng thịnh lâu dài (lợi hữu du vãng), tức là thuận với thời và đạo Trời (thuận thiên mệnh dã).

Khí âm khí dương gặp gỡ hội tụ mới sinh ra muôn vật, xem đạo lí của quẻ Tuy mới thấy được cái tình của trời đất đối với vạn vật (nhi thiên địa vạn vật chi tình) ; xem cách mới thấy được cái tình của tổ tiên đối với con cháu, tông tộc ; thấy được hiếu tâm, thành kính, cái tình của con cháu, tông tộc đối với tổ tiên (khả kiến hĩ).

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Trạch thượng vu địa, Tuy ; quân tử dĩ trừ hung khí, giới bất ngu.

Đoài - trạch ở trên, Khôn - đất ở dưới, trên đất có đầm, nước tụ lại, nuôi dưỡng cho đất đai cây cỏ sinh sôi tươi tốt, chim thú tụ họp, đối với nhà nông dùng nước đầm tưới cho ruộng đồng, nông tang phát đạt, gọi là Tuy (Trạch thượng ư địa, Tuy).

Người quân tử xem tượng ấy, biết rằng tụ họp là đoàn kết là thời thịnh thế, nhưng cũng cần tu chính (trừ) những gì cần phải tu chỉnh, đề phòng, tương tự việc sửa sang binh khí (giới khí), để đối phó những bất trắc có thể xảy ra (giới bất ngu).

## HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, hữu phu bất chung, nãi loạn nãi Tuy. Nhược hào, nhất ác vi tiểu, vật tuất, vãng vô cữu.

Hào 1 âm, chẳng tin đến cùng, tạp loạn, tụ mà không hội, bị ngăn cản cười chê, cứ tiến lên, không có lỗi.

Tượng viết : Nãi loạn nãi Tuy, kì chí loạn dã.

Tượng viết : Tạp loạn, tụ mà không hợp, chí nhu nhược nên bị làm rối loạn.

## 1. Sơ lược

Hào 1 âm, ở vị trí dương, thất chính, ở dưới quẻ Khôn, ứng với hào 4 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 1 âm tuy thất chính nhưng ứng với hào 4 dương, đáng lẽ là hào tốt. Nhưng hào từ chỉ nêu cố gắng lắm mới không tội lỗi (vô cữu), tượng từ chỉ nêu mặt bất lợi ?

Nguyên nhân hào 1 âm, thất chính, ứng với hào 4 dương nhưng bị hào 2 âm, 3 âm ngăn cản, bản thân là âm nhu, sinh ra dao động, như mất lòng tin (hữu phu bất chung).

Một âm – một dương gặp gỡ, tụ hợp, hợp với thời thế, hợp đạo lí của Tuy (tụ hợp).

Nay hào 1 âm lại muốn tụ hợp với hào 2 âm, 3 âm, cùng chung trong quẻ Khôn, là âm dương thất hoà, sinh phức tạp hỗn loạn (nãi loạn), không hợp với đạo lí của Tuy, nên tụ hợp mà không tụ hợp (nãi Tuy). Tương tự, đi theo, tụ hợp với đám tiểu nhân, gọi là vọng Tuy.

## 3. Quyền biến

(1) Trong hoàn cảnh đó, nếu hào 1 âm cứ một lòng một dạ chính ứng với hào 4 dương (nhược hào), âm dương hội tụ, mới hợp với đạo lí.

Dù có bị hào 2 âm, 3 âm ngăn cản, xúm lại cười chê (nhất ác vi tiểu) cũng không ngại (vật tuất), cứ tiến lên (vãng), có như vậy mới không tội lỗi (vô cữu).

(2) Sở dĩ hào 1 âm suýt đi theo đám tiểu nhân tạp loạn (nãi loạn), tụ mà không hội, hội mà không hợp (nãi Tuy), vì bản thân nhu nhược, bị bọn tiểu nhân làm loạn cả thần chí (kì chí loạn dã).

Như đã nói, tượng từ chỉ nêu mặt bất lợi, không nêu xấu hoặc tốt ?

Một, do sự lựa chọn, quyền biến của hào 1 âm.

Hai, với hoàn cảnh, tính chất - nhu nhược, chưa chắc hào 1 âm đã thoát ra được tình cảnh ấy.

Nói chung, việc tốt xấu là do bản thân hào 1 âm tự quyết định.

Có sách giải thích : Nhược hào, là bấm báo lên trên. Ác gồm bộ thủ và ốc ; chữ thủ liên quan đến chữ bao , vòng tay ; ốc là phòng hội họp của các đại phu.

Thời cổ, các nước chư hầu có 3 vị đại phu gồm thượng đại phu, trung đại phu,



thường họp lại trong một phòng (ốc), các đại phu vòng tay thủ lễ (bảo) thương nghị việc lớn.

Sau khi đã đồng đức, đồng lòng, đồng nhất, mọi người cười hoan hỉ (nhất ác vi tiểu), không còn lo lắng nữa, cùng nhau (vãng) ra quyết sách, tâm tình lên trên, có vậy mới không tội lỗi.

Việc hội họp bàn chính sự, không có chủ, hoặc không có chủ đích (toàn âm nhu), là tạp loạn, làm rối thêm, hội mà không họp, nát càng nát thêm (nãi loạn, nãi Tụy).

Hội họp bàn chính sự, phải có chủ đích, có người làm chủ, sau khi đã đồng lòng, đồng đức, lúc ấy mới không lo, cùng nhau dâng quyết sách, mới không tội lỗi.

Lục nhị, dẫn cát, vô cữu, phu nãi lợi dụng thược.

**Hào 2 âm, được dịu dặt tốt, không có lỗi, phải chí thành, tương tự tế lễ, lễ bạc mà lòng thành. Ất**

Tượng viết : Dẫn cát vô cữu, trung vị biến dã.

Tượng viết : Được dịu dặt, không có lỗi, không mất đạo trung.

## 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc chính, đắc trung, ứng với hào 5 dương, gồm 3 đức cương, trung, chính, ở giữa quẻ Khôn.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 2 âm biến thành hào 2 dương, hợp với hào 1 âm, 3 âm, thành quẻ Khảm, tượng trưng cánh cung, hào từ nhắc đến chữ dẫn, dẫn có nghĩa là dịu dặt ; Khảm còn tượng trưng nguy hiểm. Lúc đó, toàn quẻ Tuy sẽ biến thành quẻ Khốn, tượng trưng sự khốn cùng.

Nhan Chi Cố cho rằng, thực tức là lược rau để tế, chỉ sự đạm bạc.

Hào hai âm trung chính, ứng với hào 5 dương, cương – trung – chính, là tốt nhưng chỉ được vô cữu ?

Nguyên, hào 2 âm ở giữa quẻ Khôn, giữa 2 hào 1 âm, 3 âm, lẫn lộn trong đám tiểu nhân, có thể bị tiểu nhân rủ rê, khi đã bị rủ rê, lòng có thể lung lay, thay đổi.

Lòng đã lung lay, cùng tụ hợp với tiểu nhân sẽ lọt vào vòng nguy hiểm khốn

cùng.

Đã lọt vào vòng nguy hiểm, khốn cùng thì phải có người như hào 5 dương dẫn dắt, người cứu lên (dẫn).

Người bắn cung, giương cung, phải định thần, định tâm, tâm ngay thẳng chí thành thì mới bắn trúng đích, tốt (dẫn cát). Lòng người gặp cảnh khốn cùng cũng phải có cái tâm ngay thẳng, chí thành mới được cứu thoát ra khỏi vòng khốn cùng, nguy hiểm.

Lúc ấy, hào 2 âm mới không tội lỗi (vô cữu), khi ấy người được cứu, và người cứu mới tin tưởng nhau (phu) ; tương tự, luộc rau để tế lễ, lễ bạc nhưng lòng thành là được (nãi lợi dụng thực).

(2) Sở dĩ, hào 2 âm được cứu, được dìu ra khỏi cảnh hiểm, không tội lỗi (dẫn), vì bản thân hào 2 âm có lòng chí thành, chân thực (cát), tuy ở giữa đám tiểu nhân mà lòng không thay đổi, không đánh mất đạo trung (trung vị biến dã).

Ví dụ :

Bách Lí Hề, người nước Ngưu, 30 tuổi đã xa người vợ nghèo, đi lập công danh. Đến nước Tề, muốn làm quan nhưng thấy nước Tề không yên, bỏ sang nhà Chu, nuôi trâu cho vương tử Đồi. Ở Chu, sợ mang họa lây với vương tử Đồi, phải về lại nước Ngưu.

Biết vua Ngưu không phải là ông vua hiền, nhưng Bách Lí Hề như con cá mắc

cạn, muốn có giọt nước bồng lộc để nuôi thân, đành làm quan nước Ngu.

Nước Ngu bị mất, Bách Lí Hề phải trốn sang nước Tống, làm nghề nuôi trâu.

Tần Mục Công biết Bách Lí Hề là người giỏi, liền sai người đem 5 bộ da dê chuộc về, lấy cớ là chuộc về để trị tội. Nước Tống phải nghe theo.

Lúc Bách Lí Hề bị giải đi, ai cũng nghĩ Bách Lí Hề thế nào phải chết, khóc lóc đưa tiễn. Riêng Bách Lí Hề nghĩ, lần ra đi này thế nào cũng được Tần Mục Công tin dùng, lúc ấy đã 70 tuổi.

Tần Mục Công phong Bách Lí Hề làm thượng khanh, giao cho việc chính sự.

Người nước Tần nói với nhau : Bách Lí Hề là người ở dưới mõm trâu mà vua nước Tần đem về dùng đấy !

### 3. Quyền biến

Thời Tuy, thời gặp gỡ hội tụ nhân tài với minh quân, thế mà cũng thật gay go, trắc trở, may mắn mới không tội lỗi.

Phải chăng hào 2 âm muốn nói : Không phải thời nào nhân tài cũng gặp được minh quân hoặc minh quân hết lòng cầu nhân tài ?

Có thời, biết bao nhân tài có hùng tâm, tráng chí, đau đáu một lòng với nước, vẫn phải mai một ở chốn khốn cùng, bị đánh đồng với đám tiểu nhân, vàng thau lẫn lộn ?

Kinh Dịch không chỉ là cuốn sách mưu cho người quân tử, mà còn thể hiện sự xót với người quân tử, những gì người quân tử phải nếm trải !

Lục tam, Tuy như, ta như, vô du lợi. Vãng vô cữu, tiểu lận.

Hào 3 âm, hợp mà không được, than thở, chẳng có gì tốt cả. Tiến lên xấu hổ một chút, không có lỗi.

**Tượng viết : Vãng vô cữu, thượng Tốn dã.**

Tượng viết : Tiến lên không có lỗi, lên là thuận.

1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, bất chính, bất trung, ở gần hào 4 dương và hào 5

dương.

## 2. Hoàn cảnh

Thông thường, hào 3 ứng với hào trên cùng, là hợp với Dịch, nhưng hào trên cùng là hào âm (nhu), lại xa xôi, nên hào 3 âm rất do dự.

Nguyên nhân hào 3 âm, hào 4 dương, 5 dương thành quẻ Tốn , có tính thuận và dễ luồn lách ; lại gặp thời Tuy, ra mắt đại nhân, kẻ có quyền có thế, thì có lợi (Lợi kiến đại nhân).

Vì thế, hào 3 âm, bất trung bất chính muốn luồn lách, gần gũi tụ hợp với hào 4 dương, hào 5 dương. Nhưng hào 4 dương đã ứng với hào 1 âm, hào 5 dương đã ứng với hào 2 âm, chưa chắc hào 4 dương, 5 dương đã thu nạp hào 3 âm.

Giả sử, hào 3 âm luồn lách, chen chân vào đám quyền thế, có tụ hợp được thì cũng tạp loạn (Tuy như), thật là đáng buồn (ta như), cũng chẳng có lợi cho ai cả (vô du lợi).

## 3. Quyền biến

(1) Hào 3 âm nên tiến lên ứng với hào trên cùng âm, tuy cùng âm nhu, tuy xa, tuy có xấu hổ một chút (tiểu lận), nhưng hợp với đạo lí, có như vậy mới không tội lỗi (vô cửu).

(2) Hào 3 âm, ở u trong hồ quái Tốn - gió, gió có tính thuận, tiến lên (vãng), mới không tội lỗi (vô cữu), ứng hào trên cùng, mới đúng với tính thuận của Tốn (thượng Tốn dã).

Cửu tứ, đại cát, vô cữu.

Hào 4 dương, rất tốt, mới không có lỗi.

Tượng viết : Đại cát vô cữu, vị bất đáng dã.

Tượng viết : Rất tốt mới không tội lỗi, nếu không hành xử đúng cương vị (sẽ gặp tội lỗi).

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, thất chính, thất trung, ở dưới hào 5 dương, quân chủ.

## 2. Hoàn cảnh

Trong thời Tuy, quân thần tỵ hợp, hào 4 dương tuy thất chính, thất trung nhưng ở dưới quân chủ, tượng trưng tể tướng, đại thần, dưới lại được hào 3 hào âm cầu ứng, chế ngự được 3 hào âm ; thời thế, hoàn cảnh đều quá tốt (đại cát).

### 3. Quyền biến

(1) Đại cát và vô cữu có mối quan hệ nhân quả, hoàn cảnh, thời thế tốt, xuất xử tốt thì mới không tội lỗi ; thời thế tốt, hoàn cảnh tốt, xuất xử không tốt chưa chắc đã không tội lỗi.

Ví dụ :

Thời Tam quốc, Tào Tháo mượn danh nghĩa phò Hiến đế, dưới sai khiến chư hầu là thiên thời. Nhưng Tào Tháo biết tụ hội hàng trăm văn thần vũ tướng, người tài theo về, mới lấy được một phần ba thiên hạ.

(2) Sách Thành Trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí giải thích : Thánh nhân khuyên hào 4 dương, cương ở vị trí nhu, phải nhu thuận khiêm tốn, hành xử xứng đáng với cương vị của mình, thì tốt cho mình và cho nước, mới không tội lỗi (đại cát, vô cữu). Nếu không khiêm tốn, không hành xử đúng với cương vị của mình (vị bất đáng dã), không hại nước thì cũng tan nhà, tự hại mình.

Cửu ngũ, Tuy hữu vị, vô cữu, phỉ phu. Nguyên vĩnh trinh, hối vong.



**Hào 5 dương, vị (cương vị, đức cao) hợp được người, không có lỗi. Nếu có người nghi ngờ, phải giữ tư tu dưỡng đạo đức, trước sau như một, mới không hối hận.**

Tượng viết : Tuy hữu vị, chí vị quang dã.

**Tượng viết : Sở dĩ bị nghi ngờ là do cái đức chưa sáng rõ.**

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, ở giữa quẻ Đoài.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 5 dương có đức dương cương, đắc trung, đắc chính, ở trên quẻ Đoài nên có tính hoà duyệt, lại ở vị trí bậc quân chủ là chủ quẻ.

Vị không chỉ là vị trí, cương vị, mà còn hiểu là đức độ, nhân cách, chí hướng. Trong thời Tuy, hội tụ nhân tài, xét về địa vị tôn quý, về đức, về nhân cách, về ý chí, trong thời Tuy, hào 5 dương không có gì tội lỗi (Tuy hữu vị, vô cửu).

Tuy vậy, có người trong thiên hạ vẫn nghi ngờ, chưa chắc đã hoàn toàn tin phục đức của hào 5 dương (phỉ phụ) ?

Nguyên là bắt đầu, cái vốn có ban đầu ; cửu là lâu dài ; trinh là trinh chính, là kiên cố.

Hào 5 dương hợp với hào 4 dương, hào 3 âm thành quẻ Tốn là gió. Đức của gió đi đến đâu thì cỏ rạp đến đấy, tượng trưng đạo đức quân tử có thể khuất phục được tiểu nhân.

### 3. Quyền biến

(1) Phương pháp giải mỗi nghi ngờ của một số người trong thiên hạ tu dưỡng đạo đức : Giữ được trung chính, trinh chính, kiên cố, trước sau như một (nguyên vĩnh trinh), những nghi ngờ những hối hận sẽ tiêu tan (hối vong) ; mọi người tin phục, thuận như gió, đi đến đâu, cỏ rạp đến đấy.

(2) Sở dĩ, trong thời hội tụ nhân tài vẫn có người nghi ngại, là do cái đức, cái chí của bậc quân chủ chưa thật sáng tỏ, chưa lan rộng (Tuy hữu vị, chí vị quang dã).

Thượng lục, tê tư, thế di, vô cửu.

Hào trên cùng âm, than thở, sứt sùi, không trách lỗi ai được.

Tượng viết : Tê tư thế di, vị an thượng dã.

Tượng viết : Than thở, sứt sùi, ở trên không yên.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, ở trên cùng quẻ Tuy, trên hào 5 dương, không ứng với hào 3 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng âm nhu, không ứng được với hào 3 dương, ở gần hào 5 dương, hào 5 dương cũng không tin dùng (phỉ phụ), bản thân đã âm nhu, cưỡi lên hào 5 dương, quân chủ, nguy hiểm ; lại ở cuối thời Tuy, tự đang chuyển sang tán, xem như gần hết thời, lại càng thêm nguy hiểm.

(1) Hào trên cùng âm, tượng trưng kẻ tiểu nhân nhưng cầu thân chẳng ai chịu làm thân, quân chủ cũng không đoái hoài, vừa cô độc, vừa không có cơ hội, chỉ biết than thở, khóc lóc (tê tư thế di), chẳng biết trách ai (vô cữu : vô sở quy cữu).

(2) Hào trên cùng âm nhu, là hình ảnh của tiểu nhân, thiếu đức lẫn tài nên phải rơi vào hoàn cảnh cô độc thở than, khóc lóc, ngồi ghế cao nhưng không yên ổn (Tê tư thế di, vị an thượng dã).

### 3. Quyền biến

(1) Đã không có đức, chẳng có tài cán, lại muốn ăn trên ngồi trước người có đức có tài (hào 5 dương). Lại không thức thời, thời đã chuyển sang tán mà muốn tụ ; tất nhiên sẽ rơi vào hoàn cảnh cô độc, chỉ biết thở than khóc lóc.

(2) Có sách giải thích, ở hoàn cảnh hào trên cùng âm, may mắn gặp được hào 5 dương, quân chủ, có đức khoan dung, dung nạp, nên hào trên cùng âm, mới không tội lỗi (vô cữu).

## TIỂU KẾT

### 1. Quẻ Tuy, tượng trưng sự hội tụ

Theo lẽ, vật cùng loại thì tụ với nhau, người theo loài mà phân ra từng nhóm (Vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân).

Trên cạn, những vật nhỏ bé như con ong, cái kiến, sống từng bầy. Dưới nước, cá bơi với nhau từng đàn.

Trên không, chim nhận bay từng hàng. Con chim lạc đàn cất tiếng kêu thê thảm, bi thương !

Trong xã hội, loài người hội tụ với nhau, thời nào cũng có những người quân tử, có những kẻ tiểu nhân, chỉ khác nhau ở chỗ là quân tử lấy nghĩa (chính nghĩa, tình nghĩa) mà tụ với nhau, tiểu nhân lấy lợi mà họp với nhau.

## 2. Trong việc hội tụ cũng rất khó khăn

Hào 1 âm, vị trí thấp, địa vị thấp, đức không cao, không tụ họp được người, muốn tụ họp với người cũng rất cam go.

Hào 2 âm, vị trí còn thấp, địa vị thấp, mà đức cao, tụ họp được người.

Hào 3 âm, vị trí nửa trên nửa dưới, đức mỏng, cũng không tụ họp được người, muốn theo người cũng rất khó khăn.

Hào 4 âm, ở vị trí khá cao, địa vị chỉ dưới hào 5 dương, có đức, nên việc tụ họp tốt hơn cả.

Hào 5 dương, vị trí đã cao, đức lại càng cao, nên tụ họp được người.

Hào trên cùng dương, có vị nhưng bất đức, chẳng hội được người, người cũng chẳng thêm tụ, lẻ loi như nhận lạc bầu.

Suy ra, muốn tụ hợp được người phải có hai điều kiện là đức và vị.

Có đức, có vị mới hội tụ được người, có đức mà không có vị chưa chắc nhóm họp được người, có vị mà không có đức lại càng không tụ hợp được người.

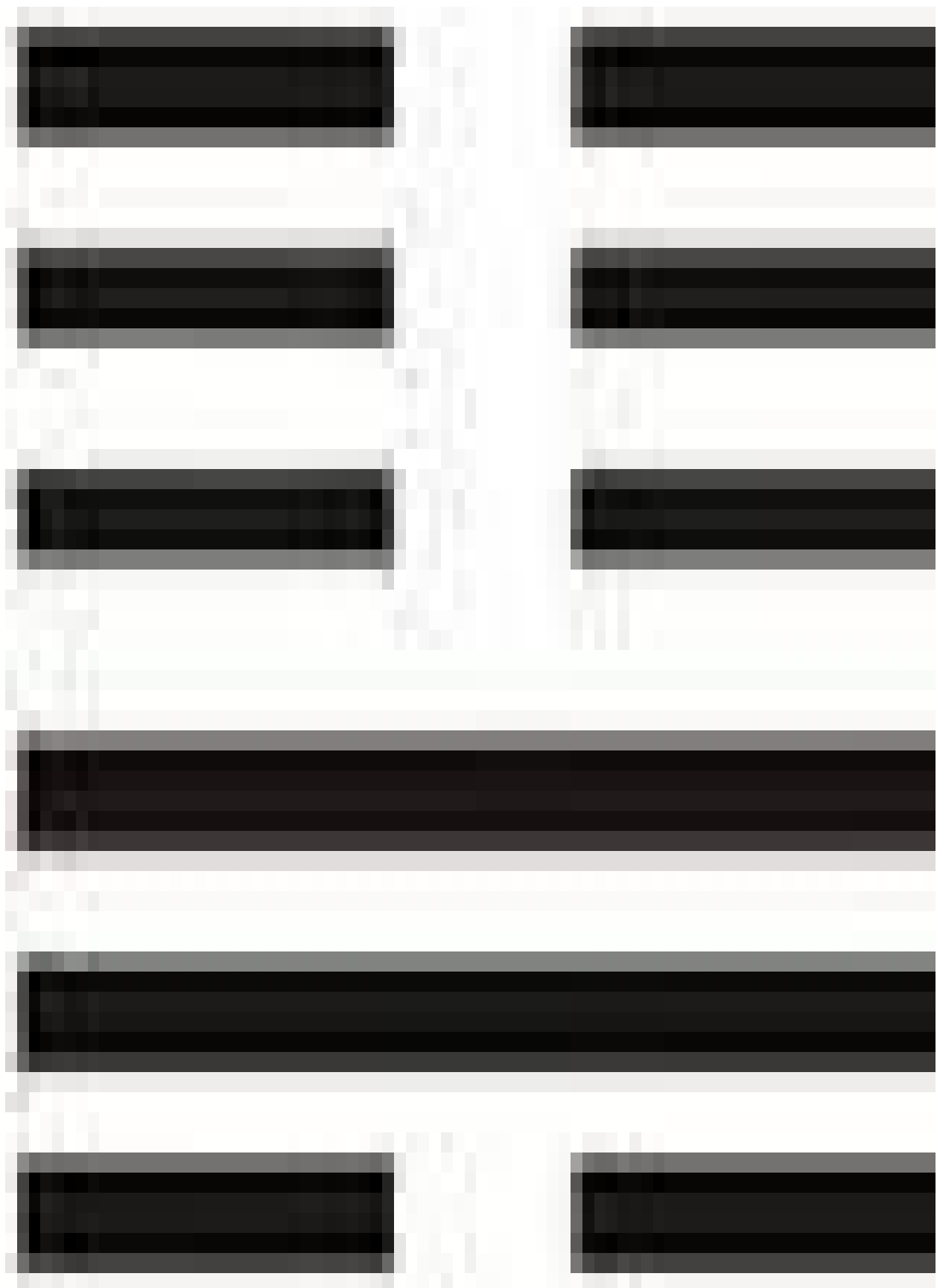
#### 46. ĐỊA PHONG THĂNG

##### TÊN QUẺ

Sách Chính tự thông định nghĩa : Thăng là bước lên, leo lên, trèo lên (Thăng, đăng giả). Sách Luận ngữ viết : Lên xe, ngồi thẳng mới yên ổn.

Thăng là mọc lên, bước lên, trèo lên, chông lên, tiến lên, thẳng tiến.

##### HÌNH QUẺ



Dưới Tốn - phong, trên Khôn - địa, gọi là Địa Phong Thăng.

Dưới là Tốn - mộc : cây, trên là Khôn - địa : đất, cây ở trong đất mọc lên, gọi là Thăng.

## SOÁN TỪ

**Thăng, nguyên hanh, dụng kiến đại nhân, vật tuất. Nam chinh, cát.**

Sách Chu Dịch, Mã Vương Đồi xuất sĩ, viết chữ lợi (lợi kiến đại nhân), không phải là chữ dụng. Sách Kinh điển thích văn cũng cho rằng : Dụng kiến đại nhân là lợi kiến đại nhân.

Theo hậu thiên bát quái, Khôn là Tây Nam, Tốn là Đông Nam, chỉ chung là phương Nam, hướng Nam. Nguyên, hướng Nam là hướng mặt Trời ấm áp, có lợi cho con người. Vì thế, người xưa, khi làm nhà thường tọa Bắc, hướng Nam là tốt.

Soán từ ám chỉ con đường chính nghĩa và phương hướng tốt, có lợi cho việc phát triển sự nghiệp.



Dưới là Tồn - mộc, trên là Khôn - đất, cây cỏ mọc lên trên đất càng ngày càng cao, gọi là Thăng, bắt đầu rất hanh thông (nguyên hanh).

Sách Thành Trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí giải thích : Đạo thăng tiến là do đại nhân, địa vị thăng tiến là do vương công, đạo đức thăng tiến là do thánh hiền.

Đại nhân là hạng người quân tử ; ra mắt đại nhân, quân tử, tức là đạo đức đã thăng tiến, đi theo đạo của người quân tử, không theo đường lối của tiểu nhân.

Trong thời Thăng, bắt đầu hanh thông, đạo đức thăng tiến, đi theo đạo người quân tử, hoặc được quân tử cất nhắc, thì có lợi (lợi kiến đại nhân).

Thời cơ đã thế, đạo đức đã thế, gặp người quân tử như thế, thì chẳng phải lo lắng (vật tuất).

Vấn đề là theo con đường chính nghĩa và định phương hướng để phát triển sự nghiệp cho tốt (Nam chinh), thì mới tốt (cát).

Ví dụ :

Vua Thuấn (đại nhân) khen và nâng đỡ Vũ, Tắc là những người hiền.

Vua Trụ (đại nhân) khen và nâng đỡ Phi Liêm là kẻ ác.

Người quân tử thận trọng trong việc khen người, cất nhắc người.

Kẻ tiểu nhân khen người, cất nhắc người một cách tùy tiện.

## SOÁN TRUYỆN

Nhu dĩ thời Thăng, tổn nhi thuận, cương trung nhi ứng, thị dĩ đại hanh. Dụng kiến đại nhân, vật tuất, hữu khánh dã. Nam chinh cát, chí hành dã.

Dương cương đi lên là lẽ thường, nay nhìn quẻ Khôn, âm nhu mà đi lên, thành quẻ trên, quả đúng là thời Thăng (nhu dĩ thời Thăng).

Tổn có tính hoà, tính khiêm tốn, Khôn có tính thuận (Tổn nhi thuận). Xét hào 2 dương, có đức cương trung ; hào 5 âm nhu trung ứng với hào 2 dương (cương trung nhi ứng). Có đức hoà, khiêm tốn, thuận, cương trung, nhu trung như vậy nên mọi sự rất hanh thông (thị dĩ đại hanh).

Thời Thăng bắt đầu, hanh thông, đạo đức thăng tiến, lại tuân theo đạo của người quân tử, thì không có gì phải lo, sự nghiệp (đạo đức, địa vị) sẽ phát triển rõ ràng (Lợi kiến đại nhân, vật tuất, hữu khánh dã).

Xác định con đường chính nghĩa, xác định phương hướng phát triển tốt, có chí hướng, chắc chắn sẽ tiến lên được (Nam chinh cát, chí hành dã).

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Địa trung sinh mộc, Thăng ; quân tử dĩ thuận đức, tích tiểu dĩ cao đại.

Tổn - cây, Khôn - đất, cây mọc lên từ trong đất, càng ngày càng cao, gọi là Thăng (Địa trung sinh mộc, Thăng).

Người quân tử xem tượng ấy mà thuận theo đường lối đạo đức mà tu đức, tích đức, từ nhỏ đến lớn, lớn đến tột bậc (Quân tử dĩ thuận đức, tích tiểu dĩ cao đại).

Chu Hy giải thích : Cây mỗi ngày mỗi cao, nếu không phát triển được thì cây khô héo ; người học, cả ngày không biết mệt mỏi không mai một.

Tuân Tử cho rằng, đất tích lại thành núi cao mới không sợ mưa gió xói mòn ; nước tích tụ lại sâu thẳm mới có giao long đến ở ; tích thiện thành đức, đến độ thần minh, thì thánh nhân mới yên tâm.

## **HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN**

Sơ lục, doãn Thăng, đại cát.

Hào 1 âm, tin nhau, thăng tiến, rất tốt.

Tượng viết : Doãn thăng đại cát, thượng hợp chí dã.

Tượng viết : Tin nhau, thăng tiến, rất tốt, do chí hướng hợp nhau.

## 1. Sơ lục

Hào 1 âm ở vị trí dương, bất chính, không ứng với hào 4 dương, ở đầu quẻ Thăng.

## 2. Hoàn cảnh

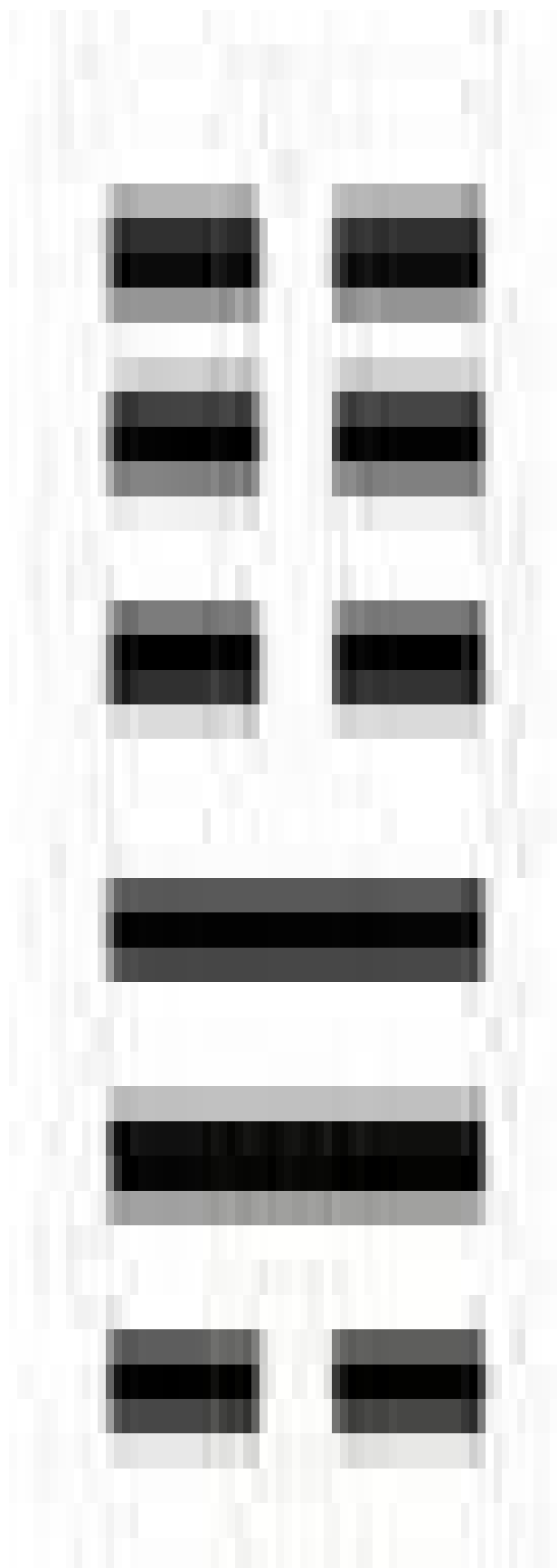
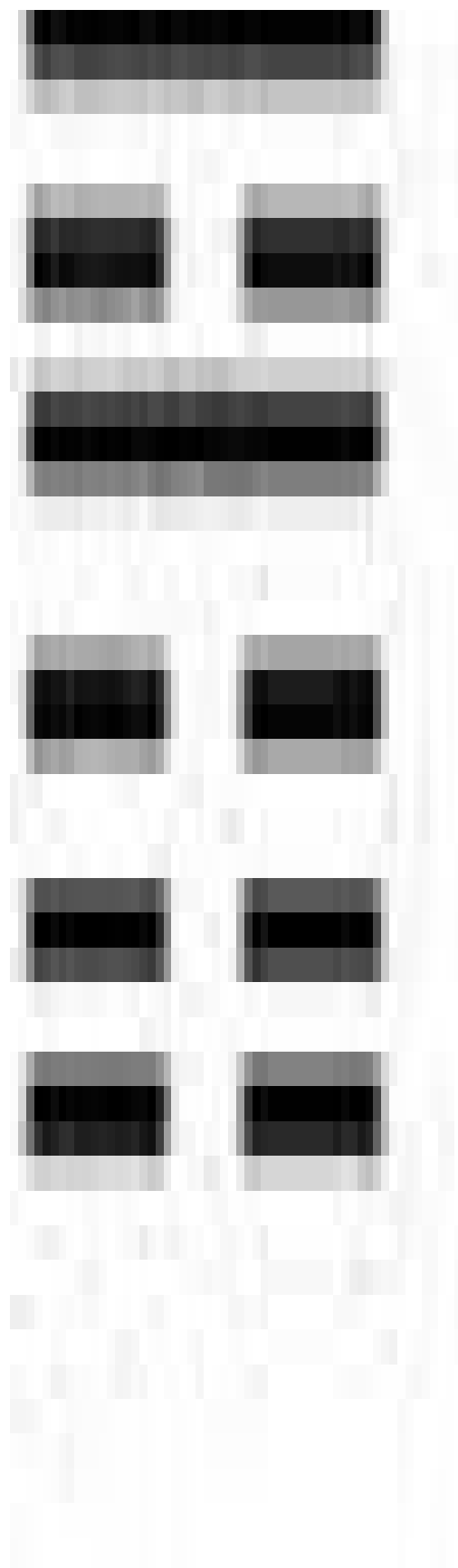
Hào 1 âm nhu nhược, bất chính, không ứng với hào 4 dương, là không tốt. Nhưng hào từ lại cho rằng rất tốt (đại cát) ?

### 3. Quyền biến

(1) Nguyên hào 2 dương, chủ của quẻ Tốn, và hào 3 dương tin nhau (doãn) ứng với hào 1 âm, hào 1 âm thăng tiến (thăng), nên tốt lành (đại cát).

Sách Chu Dịch triết trung, Vương Thân giải thích : Hào 1 âm nhu, ở quẻ Tốn, tượng trưng cây, gốc cây được đất (Khôn) nuôi dưỡng, gốc vững, cây ngày càng cao, đó là lẽ tất nhiên, hào từ gọi là đại cát.

Làm việc gì có gốc, biết nhìn xa, trông rộng, thì tốt.



(2) Quẻ Tấn (hình bên trái) , hào từ hào 3 âm viết : Nhiều người tin, hối hận tiêu hết (Doãn chúng, hối vong). Hai hào âm ở dưới tin nhau tiến lên với hào 3 âm, nên chỉ được hối hận tiêu hết (hối vong).

Quẻ Thăng (hình bên phải) , hào 2 dương, hào 3 dương tin nhau mà hào 1 âm được thăng tiến, tức là âm dương tin nhau nên được đại cát.

Tuy, kết quả lớn nhỏ có khác nhau, đại cát hoặc hối vong, đã đi với nhau thì phải tin nhau.

Hào 2 dương, hào 3 dương tin nhau ứng với hào 1 thăng tiến, được tốt lành, là chí hướng hợp với nhau (Doãn Thăng đại cát, hợp chí dã).

Cửu nhị, phu, nãi lợi dụng thược, vô cửu.

Hào 2 dương, hoà duyệt, tin tưởng như lễ bạc mà lòng thành, không có lỗi.

Tượng viết : Cửu nhị chi phu, hữu hi dã.

Tượng viết : Hào 2 âm vui vẻ, tin tưởng (đối với quân chủ), ai nấy đều vui.

### 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, ứng với hào 5 âm.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương có đức cương trung, ứng với hào 5 dương nhu nhược ; tượng trưng vị đại thần cương trung, sáng suốt, gặp quân chủ nhu nhược, hôn ám, hoàn cảnh rất khó xử. Hào âm, vạch đứt gọi là hư, hào dương vạch liền gọi là thực, lấy thực tâm đối hư tâm.

Hào 2 dương, hợp với hào 3 dương, hào 4 âm thành quẻ Đoài, có tính vui vẻ hoà duyệt, nên hào từ nhắc đến chữ phu. Quẻ Tuy, hào 2 âm đã nêu nãi lợi dụng thược, tức là dùng lễ bạc mà có lòng thành tín, nãi lợi dụng thược cũng có nghĩa là giản dị.

### 3. Quyền biến

(1) Trong thời Thăng, hoàn cảnh như hào 2 dương, thần tử, nên thực tâm, vui vẻ, hoà duyệt (phu), giản dị, thành tín (nãi lợi dụng thược) mà xuất xử với hào 5 âm, quân chủ, mới không tội lỗi (vô cữu). Ngược lại, hào 5 dương cũng phải tin tưởng hào 2 dương, mới không tội lỗi.



Ví dụ :

Gia Cát Lượng vốn cương trung sáng suốt phò Lưu Thiện nhu nhược hôn ám.

Gia Cát Lượng cả đời cúc cung tận Tụy, chỉ lo việc nước, không để ý chuyện riêng tư. Lưu Thiện tuy nhu nhược hôn ám nhưng rất kính nể, cảm kích Gia Cát Lượng.

Trong lịch sử, nhiều đại thần thấy quân chủ hèn yếu, hôn ám thì xu nịnh, để mong thăng tiến, vinh thân phì da, hoặc kết bè kết cánh, chèn ép, âm mưu để cướp ngôi. Nhìn chung, thất bại nhiều hơn thành công.

(2) Hào 2 dương, ở cương vị đại thần lấy lòng vui vẻ, giản dị, thành tín, đối đãi với quân chủ khiến cho quân chủ cảm kích, bản thân và quân chủ đều không tội lỗi, còn tạo phước cho thiên hạ, ai nấy cảm thấy vui vẻ (Cửu nhị chi phu, hữu hĩ dã).

Cửu tam, Thăng hư ấp.

**Hào 3 dương, thăng tiến như vào cái ấp không người.**

Tượng viết : Thăng hư ấp, vô sở nghi dã.

Tượng viết : Thăng tiến nhanh như tiến vào ấp trống, chắc có người nghi ngờ.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ứng với hào trên cùng âm, ở trên quẻ Tốn, sắp bước vào quẻ Khôn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào dương là thực, hào âm là hư, quẻ Khôn có 3 hào âm hư, nên hào từ nhắc đến chữ hư và hư ấp. Người xưa quy định, cứ 4 ấp là một khâu, 4 khâu thành một hư ; hư có nghĩa là vùng ấp quốc không có người (hư ấp).

(1) Hào 3 dương, ở quẻ Tốn, tượng trưng cái cây, ở thời kì sinh trưởng, đội đất mà lên vào trên không. Tương tự, hào dương (thực) tiến lên, vượt qua các hào âm - hư của quẻ Khôn, một cách dễ dàng như người tiến vào ấp quốc trống.

Hào 3 dương, hào 2 dương, hào 4 âm, thành quẻ Đoài , tượng trưng vui vẻ, hoà duyệt, khiêm tốn. Về hoàn cảnh, hào 3 dương và hào 2 dương đều ở trong hồ quái Đoài.

Hào từ hào 2 dương cho rằng, không tội lỗi (vô cữu), tượng từ viết vui vẻ (hữu hĩ). Hào từ và tượng từ hào 3 dương, không đề cập đến xấu tốt ?

Nguyên nhân : Soán truyện đã nêu, thời Thăng là thời thăng tiến của nhu, của các hào âm (nhu dĩ thời thăng), không phải thời của cương, các hào cương.

Hào 2 dương, ở vị trí âm, vừa nhu vừa cương, khiêm tốn, thăng tiến từ từ mới không tội lỗi, vui vẻ.

Hào 3 dương, ở vị trí dương, rất cương, tiến nhanh như đi vào chỗ không người nên hoạ phúc cũng chưa rõ nhưng thiên về hoạ hơn là phúc.

(2) Vì vậy, tượng từ cho rằng, ở vị trí hào 3 dương, thăng tiến nhanh như vào chỗ đất trống, tất không tránh được nghi ngờ (Thăng hư ấp, vô sở nghi dã).

### 3. Quyền biến

Cùng cơ hội, cùng hoàn cảnh nhưng thái độ và cách xử xử khác nhau thì kết quả khác nhau ; hoạ phúc là tự do mình lựa chọn và quyết định.

Lục tứ, Vương dụng hanh (hưởng) vu Kì sơn, cát, vô cữu.

Hào 4 âm, Văn Vương tế lễ ở Kì sơn, hanh thông, tốt, không có lỗi.

Tượng viết : Vương dụng hanh (hưởng) vu Kì sơn, thuận sự dã.

Tượng viết : Văn Vương tế lễ ở Kì sơn hanh thông, thuận với thiên hạ, chư hầu, thuận với sự việc.

## 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị âm, đắc chính, ở dưới hào 5 âm, giữa quẻ Khôn.

## 2. Hoàn cảnh

Vương chỉ vua Văn Vương ; Kì Sơn ở phía Bắc Thiểm Tây, nơi dùng tế lễ của dân tộc Chu.

Chu Văn Vương tế lễ ở Kì Sơn, để chứng minh dân tộc Chu thắng tiến từ chỗ yếu đến chỗ mạnh, hội chư hầu để chứng minh sự thắng tiến của thế lực, để thiên hạ thắng tiến vào cảnh thanh bình, nên mọi việc hanh thông (Vương dụng hanh Kì sơn), tốt lành (cát), bản thân Văn Vương cũng không gặp tội lỗi (vô cữu).

Hào 4 âm, hợp với hào 3 dương, hào 2 dương thành quẻ Đoài , có tính vui vẻ, hoà duyệt. Hào 4 âm hợp với hào 3 dương, hào 5 âm, thành quẻ Chấn có tính động. Hào 4 âm lại ở giữa quẻ Khôn, có tính thuận.

Trong thời Thăng, hào 4 âm vừa có tính động, tính thuận, tính hoà duyệt, thăng tiến là điều tốt, là hào tốt.

Nhưng hào từ chỉ nêu không tội lỗi (vô cữu) và trong thời Thăng không nhắc đến chữ thăng ?

Lí do, hào 4 âm ở dưới hào 5 âm, tượng trưng đại thần ở dưới quân chủ, nếu ham địa vị, danh lợi mà thăng tiến, vượt quyền quân chủ sẽ gặp nguy hiểm, nên hào từ không nhắc đến chữ thăng.

### 3. Quyền biến

(1) Ở hoàn cảnh hào 4 âm, nên thăng tiến về mặt đạo đức, giúp nhà vua thăng tiến, nâng đỡ những người hiền bên dưới được thăng tiến, giúp quốc gia thăng tiến, thiên hạ thăng tiến, mới không tội lỗi.

(2) Nếu hào 4 âm, làm được như vậy, là hiểu được ý nghĩa vua Văn Vương tổ chức tế lễ ở Kỳ Sơn hội chư hầu được hanh thông (Vương dụng hanh vu Kỳ sơn).

Vì ông thuận theo chư hầu, thuận theo thiên hạ, thuận theo sự việc (thuận sự dã)

## **Lục ngũ, trinh cát, Thăng giai.**

Hào 5 âm, giữ được đạo chính thì tốt, thăng tiến theo quy luật.

Tượng viết : Trinh cát Thăng giai, đại đắc chí dã.

Tượng viết : Giữ đạo chính tốt, thăng tiến theo quy luật, thiên hạ được thăng tiến, nên mình cũng đắc chí.

### **1. Lục ngũ**

Hào 5 âm - nhu, ở vị trí dương, bất chính, ứng với hào 2 dương, ở giữa quẻ Khôn.

### **2. Hoàn cảnh**

Giai là bậc thêm, là tầng bậc, là thứ tự ; Thăng giai là đi lên, là thăng tiến. Hào 5

âm, bản chất âm nhu, lại bất chính, ở địa vị quân chủ, thông thường là không được tốt, hào từ cho là tốt (cát) ?

### 3. Quyền biến

(1) Nguyên, hào 5 âm ở giữa quẻ Khôn, có tính thuận, thuận theo tự nhiên, theo thứ tự, tuần tự mà tiến lên là hợp với quy luật. Hào 5 âm có đức trinh (trinh), lại ứng với hào 2 dương, được hào 2 dương giúp đỡ, phò tá, nên kết cục được tốt.

Nói cách khác, hào 5 âm được tốt, nhờ đức trinh (trinh), thuận theo tự nhiên, theo quy luật, tuần tự nhi tiến mà hành động (Thăng giai).

(2) Trinh chính nên tốt (trinh cát), tuần tự nhi tiến hợp với quy luật tự nhiên (Thăng giai), chí mình luôn nghĩ đến sự thăng tiến của thiên hạ, thiên hạ lại được thăng tiến, nên thoả chí lắm (đại đắc chí dã).

Thượng lục, minh Thăng, lợi vu bất tức chi trinh.

Hào trên cùng âm, muốn thăng tiến một cách ngu muội, không ngừng sửa đức cho hợp đạo chính, có lợi.

Tượng viết : Minh Thăng tại thượng, tiêu bất phú dã.

Tượng viết : Ở cuối thời Thăng, muốn thăng tiến một cách ngu muội, sẽ đi xuống tiêu mòn.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, thất trung, ở trên hào 5 âm, trên cùng quẻ Thăng.

## 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, là âm nhu, ở trên hào 5 dương, quân chủ ; ở cuối thời Thăng, lại còn muốn thăng tiến. Tượng trưng kẻ tiểu nhân, gian tà ngu muội, hôn ám, nên hào từ gọi là minh Thăng (minh : hôn ám, ngu muội).

(1) Người quân tử, ở trong hoàn cảnh ấy, sẽ bỏ ý muốn thăng tiến, một cách mê muội, mà chuyên tâm vào việc không ngừng thăng tiến lòng trinh chính (lợi vu bất tức chi trinh) thì mới có lợi.

(2). Tiêu có nghĩa là tiêu mòn ; tiêu còn thay cho chữ giáng (xuống), ngược với chữ thăng ; tiêu cũng có nghĩa là bất phú, không thể thăng tiến thêm được nữa.



Theo Dịch lí, cực tắc phản, trường cực tắc tiêu ; thế mà hào trên cùng âm, lại muốn thăng tiến một cách mê muội (Minh Thăng tại thượng), ở thời cực Thăng, đã bắt đầu tiêu mòn, đi xuống, không lên được nữa, chẳng có cách gì làm cho đầy (tiêu bất phú giả).

Ví dụ :

Cuối thời Đông Hán, Vương Bôn cầm đầu ngoại thích, nắm hết quyền bính, xem nhà vua như con rối, tha hồ sinh sát những người không cùng phe cánh, lòng tham vô đáy, giết luôn cả 3 người con.

Khi cướp được ngôi, Vương Bôn hoang dâm xa xỉ, gây chiến bốn phương, hàng triệu người chết vì chiến tranh.

Kết cục, Vương Bôn bị giết chết.

### 3. Quyền biến

Hào trên cùng âm, tượng trưng cho hai hạng người khác nhau, hoặc người biết quyền biến :

Tiểu nhân, phạm nhân, không hiểu quy luật, Dịch lí, nên ngu muội, tham lam, hành động mù quáng, rước họa vào thân.

Thánh nhân, quân tử, thông hiểu thời thế, chuyên tâm tu dưỡng lòng trinh chính,

nên tránh được họa.

Hoặc, người ngu muội, sai lầm nhưng biết phản tỉnh, bỏ đường tà, quay về nẻo chính, bỏ ác hướng thiện, thì có lợi.

## 47. TRẠCH THUỶ KHỐN

### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn giải thích : Khốn là làm cái nhà tranh đơn sơ, tạm bợ (Khốn, cổ lư giả). Nông dân ở vùng gần núi, thường làm cái lều, ở để canh chừng thú rừng phá hoại mùa màng, đến mùa thu hoạch thì lều bỏ không, dây leo mọc đầy, hoang phế, gọi là Khốn. Khốn là khốn cùng, khốn nạn, khốn ách.

### HÌNH QUẺ

[REDACTED]		[REDACTED]			
[REDACTED]					
[REDACTED]					
[REDACTED]					
[REDACTED]		[REDACTED]			
[REDACTED]					
[REDACTED]		[REDACTED]			

Dưới Khảm - thủy, trên Đoài - trạch, gọi là Trạch Thủy Khốn.

Theo hình, hào 2 dương ở giữa hào 1 âm, 3 âm, hào dương bị hai hào âm vây bủa ; hào 4 dương, hào 5 dương ở trên, cũng bị hào trên cùng âm che bịt, các hào dương đang bị khốn cùng, gọi là Khốn.

Hoặc, quẻ Đoài (âm) ở trên, quẻ Khảm (dương) ở dưới, dương bị âm che bịt, quân tử bị tiểu nhân dìm xuống, gọi là Khốn.

## SOÁN TỪ

Khốn, hanh. Trinh, đại nhân cát, vô cữu. Hữu ngôn bất tín

**Đại nhân là người có những tố chất tốt đẹp, có đạo đức, có trí tuệ, có tài năng, có nhân cách, có khí tiết, có sức chịu đựng, tố chất ấy càng mài càng luyện càng sáng.**

Lúc gặp cảnh khốn cùng (Khốn), mà được hanh thông, là nhờ giữ được sự trinh chính, giữ được tố chất của một bậc đại nhân như càng mài càng luyện càng tốt lành (quân tử cát), thì mới không tội lỗi (vô cữu).

Quẻ Khốn, dưới (hoặc trong) là Khảm, tượng trưng cảnh hiểm, nên quái từ viết Khốn. Trên (hoặc ngoài) là Đoài, tượng trưng vui vẻ hoà duyệt, nên quái từ viết hanh, cát, vô cữu.

Lúc gặp nguy khốn, bên trong phải ý thức được cảnh nguy hiểm, thái độ vẫn giữ được vui vẻ, hoà duyệt, lạc quan, đó cũng là một trong những cách thoát cảnh nguy khốn, hanh thông, tốt lành, không tội lỗi.

Tiểu nhân không có những tố chất của đại nhân, khi gặp khốn cùng thì bỏ cả nhân cách, bỏ khí tiết, làm bậy, làm càn, để cầu sống.

Ví dụ :

Tử Lộ hỏi Khổng Tử :

- Người quân tử mà cũng có khi cùng khốn ư ?

Khổng Tử nói :

- Người quân tử gặp khi cùng khốn, thì cố giữ gìn chịu đựng. Kẻ tiểu nhân gặp khi cùng khốn thì làm càn, làm bậy.

Đoài tượng trưng cái miệng, nên quái từ nhắc đến hữu ngôn bất tín. Trong thời Khốn, bọn tiểu nhân bưng bít trên dưới ; công lí, công đạo, đạo đức, trí mưu bị quyền lực, bị tiểu nhân che lấp, nên có nói phải chúng cũng chẳng tin (hữu ngôn

bất tín), cho nên người quân tử không nên nói nhiều, vì chẳng ai đồng tình, sẽ gặp nguy khốn.

Cái khốn trong thời Khốn con người chẳng tin ai.

Khổng Tử nói : Nếu ở trong cảnh nguy mà vội hành động, thì dân không tin mình ; lòng mình còn sợ hãi mà đã vội hành động, thì dân không hưởng ứng ; giao tình mà chưa bền, đã vội yêu cầu, thì dân sẽ từ chối ; không ai đồng tình với mình thì cái hại sẽ đến ngay.

## SOÁN TRUYỆN

Khốn, cương yếm dã. Hiểm dĩ thuyết (duyệt), Khốn nhi bất thất kì sở hanh, kì duy quân tử hồ ? Trinh, đại nhân cát, dĩ cương trung dã. Hữu ngôn bất thân, thượng khẩu nãi cùng dã.

Quẻ dương hoặc hào dương là cương bị quẻ âm hoặc các hào âm che lấp, hoặc dương sụp vào trong âm, nên gọi là Khốn (Khốn, cương yếm dã).

Dưới Khảm, tượng trưng hiểm, trên là Đoài, tượng trưng vui vẻ hoà duyệt, trong cảnh hiểm mà vẫn vui vẻ hoà duyệt (Hiểm dĩ duyệt).

Xét hào 5 dương có đức trung chính, ở trong thời Khốn, vẫn không mất đức

trung, đức chính nên được hanh thông (Khốn nhi bất thất kì sở hanh), chỉ có người quân tử mới giữ được như vậy ! (kì duy quân tử hồ !)

Giữ trinh chính, giữ gìn tố chất của bậc đại nhân, càng mài càng sáng, càng tốt lành. Các hào dương bị kẹp giữa các hào âm (cương cư trung), là khốn cùng ; xét kĩ những hào dương có đức cương trung, nên hoá giải được cảnh Khốn.

Trong thời Khốn, tiểu nhân dùng quyền lực, lấy bạo lực che mắt cả đạo lí, công lí, lẽ phải, người quân tử có nói phải, chúng cũng chẳng tin (Hữu ngôn bất tín), nói nhiều càng thêm nguy khốn (thượng khẩu nãi cùng dã).

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆNẮt**

Trạch vô thủy, Khốn ; quân tử dĩ trí mệnh toại chí.

Đoài - đầm, Khảm - nước ; đầm là nơi chứa nước, để nuôi dưỡng đất đai, vạn vật ; nay nước đã rút xuống tận đáy, khô nước, đất đai vạn vật không được nuôi dưỡng, gặp cảnh khốn cùng, gọi là Khốn (Trạch vô thủy).

Quân tử xem tượng ấy, nếu mình ở trong cảnh khốn cùng, dù có bỏ sinh mệnh của mình, vẫn vui vẻ giữ lấy đạo nghĩa, chính nghĩa, nhân cách, miễn sao thoả nguyện được cái chí của mình (Quân tử dĩ trí mệnh toại chí).

Ví dụ :

Khổng Tử nói về học trò là Nhan Hồi : Nhan Hồi hiền thay ! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở chốn ngõ hẹp, người khác không thể không lo lắng, Nhan Hồi cứ vui vẻ. Nhan Hồi hiền thay !

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, đồn Khốn vu châu mộ, nhập vu u cốc, tam tuế bất dịch.

Hào 1 âm, ngồi nhấp nhồm như bàn tọa không thụt, khô héo trụi như cây không nước, đi thì vào hang tối, ba năm không thấy ai đến cứu.

Tượng viết : Nhập vu u cốc, u, bất minh dã.

Tượng viết : Đi vào hang tối, vì bất minh mà không biết bất minh.

### 1. Sơ lục



Hào 1 âm (nhu), ở vị trí dương, bất chính, ở dưới quẻ Khảm, ứng với hào 4 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Châu mộc, là cây trơ trụi không có lá ; cây sống nhờ nước, nay ở thời Khốn, nước (Khảm) khô cạn, không có nước, rụng lá, tiểu Tuý trơ thân, trơ gốc.

Hào 1 âm nhu, lại ở trong thời Khốn, bị âm nhu vây quanh, khác nào đi trong hang tối (nhập u cốc), không tìm được lối ra.

Tam tuế bất dịch là 3 năm không thấy ai đến cứu, tức là lâm vào cảnh khốn cùng lâu dài. Hào từ không nói chữ hung, nhưng đã lại đủ mọi sự hung.

(1) Hào 1 âm nhu nhược, bất chính, ở dưới quẻ Khảm, tượng trưng người mới bước vào đời đã rơi vào cảnh hiểm (Khảm).

Hào 1 âm ứng với hào 4 dương, bản thân hào 4 dương, bất trung, bất chính, cũng đang lâm vào cảnh Khốn, chưa cứu được mình, làm sao cứu được người ?

Hào 1 âm sa vào cảnh hiểm, mong người cứu, mà người không cứu được, lâm vào cảnh cùng cực của khốn cùng.

Hào 1 âm lâm cảnh khốn cùng, ngồi không yên ổn như mộng không có thịt (đồn khốn), tiểu Tuy xơ xác như cây khô không nước (vu châu mộc), như rơi vào hang tối, suốt cả ba năm chẳng thấy người đến cứu, lâm cảnh khốn lâu dài (tam tuế bất địch).

Sở dĩ, hào 1 âm rơi vào cảnh khốn cùng, vì bản thân hôn ám, chỗ không đáng ngồi mà cứ ngồi, sinh nhấp nhóm, chỗ tối tăm không đáng đến mà đặt đến, nên lọt vào hang tối, đã lâu chẳng có ai cứu, tiền đồ mờ mịt.

(2) Vì thế, tượng từ cho rằng, rơi vào hang tối (Nhập vu u cốc), vì bản thân bất minh, bất minh mà cũng không biết mình bất minh, tối càng thêm tối, bất minh càng bất minh (u bất minh).

### 3. Quyền biến

Hoàn cảnh tối tăm, trí tuệ sáng thì có thể ra được ; hoàn cảnh đã tối tăm, bản thân tối tăm thì tận kiếp vẫn ở trong bóng tối.

Gặp cảnh khốn cùng, phải có đạo thoát cảnh khốn, không tìm được đạo vượt khốn, thì loanh quanh mãi, chẳng có lối ra.

Cửu nhị, Khốn vu tửu thực, chu phát phương lai, lợi dụng hưởng tự, chinh hung, vô cửu.

Hào 2 dương, thời Khốn đủ ăn mặc, người quyền quý đến cầu, đem lòng thành tính giúp người, trải nguy hiểm, kết cục vẫn không tội lỗi.

Tượng viết : Khốn vu tửu thực, trung hữu khánh dã.

Tượng viết : Thời Khốn, được miếng ăn cũng phải nghĩ, Trời cũng ban phúc và niềm vui.

## 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, cương, ở vị trí âm, thất chính nhưng đắc trung, ứng với hào 5 dương (đồng đức).

## 2. Hoàn cảnh

Thông thường, hào 2 dương, có đức cương trung, lại ứng với hào 5 dương, có đức cương trung là tốt, nhưng ở thời Khốn có 3 tình huống xảy ra : Một là gặp nguy hiểm. Hai là không tội lỗi. Ba là gặp gian nan nhưng kết cục là không có lỗi ?

Phất là bút tất, là phẩm phục, ngày xưa các quan lại mang bút tất, lấy màu sắc để định chức phận cao thấp ; chu phất là tất màu đỏ, biểu thị người có chức quan cao nhất, hoặc dùng cho người quyền quý, khi tế lễ.

Hào 2 dương, bị hai hào âm bao bọc, ở giữa quẻ Khảm, tượng trưng người đang ở trong hoàn cảnh nguy hiểm (chinh hung).

### 3. Quyền biến

(1) Nhưng hào 2 dương có đức cương trung, ứng với hào 5 dương, cũng có đức cương trung cứu ứng, như ban thưởng bổng lộc (ẩm thực).

Hào 2 dương lại có lòng chí thành như tế thần linh, trời đất ; trời đất, thần linh đều cảm động (chu phát phương lai, lợi dụng hưởng tự), nên thoát khỏi cảnh hiểm, không tội lỗi (vô cữu).

Có 3 cách giải thích khác, xoay quanh hai chữ tửu thực : Tửu thực là lộc nước, là ân sủng của nhà vua ban cho, là ăn sung mặc sướng, rượu thịt ê hề. Thời Khốn, thấy nhân dân đói rét, người quân tử phải cứu tế cho dân. Làø nhu cầu bình thường của con người. Vì vậy, có 3 cách giải thích về hào 2 dương :

Một, hào 2 dương (cận thần), được hào 5 dương (quân) ban cho nhiều ân sủng (ẩm thực), ăn sung mặc sướng, hưởng thụ quá nhiều là mang họa vào thân (chinh hung).

Hai, hào 2 dương, được ăn lộc nước, ơn vua, sung sướng, nhưng vốn người có đức cương trung, không đành lòng trong thời Khốn, san sẻ bớt ơn huệ cho dân, mới không tội lỗi (vô cữu).

Ba, hào 2 dương có đức cương trung, chưa gặp minh chúa, thì ẩn nấu chốn thâm sơn, cày ruộng mà ăn, dệt lụa mà mặc, đủ cho những nhu cầu bình thường, tiêu dao ngày tháng, đợi thời (âm thực). Lúc minh quân đến (chu phát phương lai), thì đem lòng thành tín mà phụng sự minh quân, như việc tế lễ cảm động đến đất trời (lợi dụng hưởng tự), có những lúc phải trải qua nguy hiểm (chinh hung), nhưng vẫn không có lỗi (vô cữu). Cách giải thích thứ ba là phổ biến hơn cả.

Ví dụ :

Gia Cát Lượng ẩn Long trung, ở lều tranh, cày ruộng mà ăn (âm thực), tiêu dao ngày tháng.

Ba lần Lưu Bị đến cầu (chu phát phương lai), Gia Cát Lượng cảm ơn tri ngộ mà đem hết lòng, hết sức phò tá nhà Thục.

Lưu Bị mất, Gia Cát Lượng biết là không đánh nổi nhà Ngụy nhưng vẫn dẫn quân ra Kì Sơn 6 lần, để giành thế chủ động, quốc lực tiêu hao đến một nửa (chinh hung).

Nhưng đánh giá cả cuộc đời Gia Cát Lượng, với lòng chí thành, cúc cung, tận Tụy, thì thần minh cũng cảm động (lợi dụng hưởng tự), bản thân cũng không tội lỗi (vô cữu).

(2) Trong thời Khốn, có đức cương trung như hào 2 dương, lúc ăn uống cũng lo nghĩ sâu xa (Khốn vu tửu thực) : Ai đem lại cho miếng ăn, ăn như thế nào để khỏi hại đến thân ; dân đói hay no, làm sao cho dân được no ấm ? Nỗi khổ tâm và lòng thành của người quân tử, thế nào Trời cũng ban cho phúc đức và niềm vui (trung hữu khánh dã).

Ngược lại, bọn tiểu nhân, có miếng ăn thì cứ cặm cụi mà ăn, ăn càng nhiều càng tốt.

Lục tam, Khốn vu thạch, cứ vu tặc lê, nhập vu kì cung, bất kiến kì thê, hung.

Hào 3 âm, tiến lên húc đầu vào đá, lui lại đụng vào cây gai, về nhà thì không gặp vợ, xấu.

Tượng viết : Cứ vu tặc lê, thừa cương dã ; nhập vu kì cung, bất kiến kì thê, bất tường dã.

Tượng viết: Hào 3 âm lui như đụng vào cây gai, vì cười lên hào 2 dương cương, về nhà không gặp vợ, toàn những việc chẳng lành.

## 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, bất trung, bất chính, ở trên hào 2 âm, dưới hào 4 dương, ở trên quẻ Khảm.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 2 dương biến thành âm, hợp với hào 3 âm, 4 dương, thành quẻ Cấn , là núi, núi có nhiều đá, nên hào từ đề cập đến khối đá (thạch).

Hào 3 âm, ở trên quẻ Khảm - hiểm, gần quẻ Đoài – trạch, Khảm tượng trưng cây (mộc), cho sự cứng rắn. Đoài - trạch là nơi có nhiều cây mọc, trong đó có loại cây gai ; vì vậy, hào từ nói đến loại cây mùa hè có hoa vàng, quả có gai (tật lê).

Hào âm nhu nhược, bất chính, bất trung, cưỡi lên hào 2 dương cương nên gặp nhiều gian nan trắc trở :

Muốn tiến lên ứng với hào 4 dương, hào 4 dương cũng từ chối, gặp vật nặng như đá đè, hoặc tự húc đầu vào đá, bấu đầu sút trán (khốn vu thạch).

Muốn ứng với hào 2 dương, hào 2 dương cự tuyệt, như người đang ngồi trong đám cây có gai bị gai đâm bị thương (vu tật lê).

Lúc cùng đường, hào 3 âm tiến lên ứng với hào trên cùng âm, như về nhà, về với vợ, lại bị hào 4 dương, hào 5 dương ngăn cản, như hòn đá bịt cả lối, nên chẳng gặp được vợ (nhập vu kì cung, bất kiến kì thê).

Tiến thì va vào đá, lui bị gai nhọn đâm, người mang đầy thương tích, đường về nhà thì xa ngái, đá chập chùng, nếu có về được vợ cũng quay lưng, sắp mặt chẳng nhìn, hoặc chết ở trên đường, không kịp về nhà gặp vợ ; hoàn cảnh của

hào 3 âm, thật là nguy hiểm (hung).

(1) Sở dĩ, hào 3 âm gặp nguy khốn đến tận cùng, vì bản thân nhu nhược, bất chính, bất trung ; vừa không đức, không trí, không tài, lại không chịu ngồi yên chỗ, dẫm đạp lên người có đức có tài (hào 2 dương, cương trung), đôn đáo chạy vạy tới lui, mình đây thương tích, cuối cùng chạy vào cửa tử.

Khổng Tử cho rằng : Không đáng nguy khốn, mà cứ liều thân vào chỗ khốn, tất danh phải mang lấy nhục, danh đã mang lấy nhục thì thân nguy, thân nguy thì cái chết rình rập, mong gì về nhà mà gặp vợ !

**(2) Tượng từ nêu rõ nguyên nhân : Hào 3 âm nhu nhược, bất chính, bất trung, như kẻ liều mạng ngồi trên bụi gai (vu tật lê), vì cả gan cười lên hào 2 dương cương (thừa cương dã), có về được nhà cũng không thấy mặt vợ ; hoặc người đã tệt hại đến thế, thì vợ cũng quay mặt bỏ đi (nhập kì cung, bất kiến kì thê), thật là những việc chẳng lành (bất tường dã).**

Kẻ tiểu nhân, vô đức, bất trí, bất tài, mà muốn cứ lấn lướt, ăn trên ngồi trước người quân tử có đức tài, khác nào đang ngồi trên bụi gai, sớm muộn cũng thân bại, danh liệt.

Ví dụ :

Thôi Trữ, làm quan hữu tướng, nắm quyền lớn ở nước Tề, muốn lấy nàng Đường Khương xinh đẹp, là vợ góa của đại phu Đường ấp, liền bói thử, được quẻ Khốn, biến thành quẻ Đại Quá. Các bosc quan ai cũng cho là tốt (cát).



Thôi Trữ nhờ Trần Văn Tử xem. Văn Tử luận hào 3 âm, rằng :

- Dựa vào cây có gai, sẽ bị gai đâm, về nhà vợ đã đi xa, gia đình sẽ không còn gia đình nữa, quả là nguy hiểm, không thể gọi là tốt (cát) mà xấu (hung).

Thôi Trữ mê Đường Khương nên nói :

- Người quả phụ này đã đem tai hoạ cho ông chồng cũ rồi ! Ta còn lo nỗi gì ?

Tề Trang Công vốn hiếu sắc, tư thông với Đường Khương.

Thôi Trữ tức giận, cho võ sĩ mai phục, bắt Tề Trang Công. Tề Trang công năn nỉ lay lục, bọn võ sĩ không tha giết chết Tề Trang Công.

Thôi Trữ lập Cảnh Công lên thay. Uy danh Thôi Trữ lừng lẫy cả nước Tề.

Quan tả tướng là Khánh Phong tuy rất ghét Thôi Trữ nhưng phải kiêng dè, rình cơ hội.

Thôi Trữ muốn phong ấp cho Thôi Minh, là con của Đường Khương, hai con trai trưởng của Thôi Trữ là Thôi Thành và Thôi Cương tức bực lắm, liền đến nhờ Khánh Phong giúp đỡ.

Khánh Phong đem binh khí giúp hai người này giết chết phe cánh của Thôi Trữ là Đông Quách Yển và Đường Vô Cửu.

Khánh Phong lại sai tay chân của mình là Lư Bồ Miết, đem quân, giả danh Thôi Trữ, giết chết Thôi Thành và Thôi Cường.

Cùng lúc, Khánh Phong lại giả cách giúp Thôi Trữ, đem quân dẹp hai đứa con phản nghịch. Thôi Trữ cảm ơn rồi rút !

Thôi Trữ vừa đem quân về nhà, thấy đầu hai đứa con trai treo trên xe Lư Bồ Miết.

Vào đến phòng thì thấy nàng Đường Khương đã thắt cổ, thân lủng lảng.

Thôi Trữ biết bị Khánh Phong lừa, uất quá, cũng thắt cổ mà chết.

### 3. Quyền biến

Trong thời Khốn, người quân tử phải xem xét kỹ nơi đáng dựa thì dựa, nơi không đáng dựa thì bỏ.

Không dựa vào chỗ núi sắp lở, đá lăn, không nên dựa vào chỗ miệng hùm nọc rắn, có gai nhọn, gai sẽ đâm.

Việc gì đúng với đạo nghĩa, đáng dẫn thân thì dẫn thân, không đáng dẫn thân thì thôi.

Cửu tứ, lai từ từ, Khốn vu kim xa. Lận, hữu chung.

Hào 4 dương, đi từ từ, bị cỗ xe bằng sắt chặn lại. Có điều ân hận, nhưng được trọn vẹn về sau.

**Tượng viết : Lai từ từ, chí tại hạ dã ; tuy bất đáng vị, hữu dự dã.**

Tượng viết : Đi từ từ, chí ứng với hào 1 âm, tuy xử như vậy là không nên, nhưng thời Khốn, mới đạt được mục đích.

### 1. Cửu tứ

Hào 4 dương ở vị trí âm, bất chính, ứng với hào 1 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 dương, ở trong quẻ Đoài, thuộc kim ; hào 4 dương hợp với hào 3 âm, hào 2 dương, thành quẻ Li, tượng trưng binh phạt, có binh khí, xe là binh khí nặng của ngày xưa ; hào từ gọi chung là xe bằng sắt (kim xa).

(1) Hào 1 đang lâm vào cảnh Khốn, hào 4 dương ứng với hào 1 âm, giúp hào một âm. Bản thân hào 4 dương tuy có đức dương cương nhưng bất trung, bất chính, không đủ sức để cứu ứng hào 1 âm. Tượng trưng người không biết bơi muốn xuống nước cứu người chết đuối, không khéo sẽ chết chìm, nên do dự chậm chạp (lai từ từ).

Hào 4 dương lại còn bị hào 2 dương ngăn cản, như chiến xe bằng sắt chặn đường, không khéo mình cũng rơi vào cảnh khốn (khốn kim xa), trong tình cảnh ấy, thật đáng xấu hổ (lận).

Nhưng hào 4 dương ở trong quẻ Đoài có tính hoà duyệt, hết lòng đến với hào 1 âm, hào 1 âm cũng hết lòng với hào 4 dương, âm dương tương ứng, kết cuộc cũng gặp nhau (hữu chung).

Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, chính thẳng tà, là hợp đạo lí, là quy luật nên chẳng có gì ngăn cản nổi.

## 3. Quyền biến

(1) Hoặc, hào 4 dương vào hào 1 âm, tương ứng với nhau, tâm đầu ý hợp, đồng

đạo, đồng mưu, người ngoài cho rằng đáng xấu hổ, cố tình ngăn cản, nhưng thực sự nhân nha để đợi thời cơ, cuối cùng họ đã hoá giải được cảnh khốn.

Ví dụ :

**Như đã kể, năm 189. TCN (năm thứ sáu, Huệ đế) tướng quốc Tào Tham mất. An Quốc hầu Vương Lăng được cử làm hữu thừa tướng, Trần Bình làm tả thừa tướng. Được hai năm thì Huệ đế mất.**

Lữ hậu chuyên quyền, muốn phong vương cho những người họ Lữ, hỏi ý hữu thừa tướng Vương Lăng.

Wương Lăng nói :

**- Không nên !**

Lữ hậu hỏi tả thừa tướng Trần Bình. Bình nói :

**- Nên !**

**Chu Bột cũng đồng ý với việc phong vương cho những người họ Lữ.**

Lúc bãi triều, Vương Lăng tìm Trần Bình và Chu Bột trách rằng, hai người a dua theo Lữ thái hậu, đã làm trái với lời thề với Hán Cao tổ.

Trần Bình và Chu Bột nói :

- Chuyện triều đình ông và chúng tôi không nên tranh luận ai phải ai trái, vì ông không giống chúng tôi, chúng tôi cũng không giống ông. Miễn sao giữ gìn được xã tắc.

Vương Lăng tức giận nhưng không biết làm sao.

Lữ thái hậu giận Vương Lăng, thăng chức thái phó, dạy hoàng đế, sự thực là không muốn dùng Vương Lăng nữa.

Từ đó, Lăng đóng cửa không vào chầu, được bảy năm thì mất.

Lữ Thái hậu cử Trần Bình lên thay Vương Lăng. Tích Dương hầu Thẩm Dị Cơ được giữ chức tả thừa tướng.

Bên ngoài, Trần Bình không chỉ về hòa với Lữ hậu, mà còn giả bộ mê rượu, ham gái, bỏ bê công việc triều chính. Lữ hậu thấy thế mừng thầm.

Thời cơ chín muồi, Trần Bình mưu tính với các thế lực công thần, tông tộc nhà

Hán, đánh úp Lữ hậu.

(2) Tuy dùng dăng, dùng đỉnh (lai từ từ) nhưng chí của hào 4 dương quyết ứng với hào 1 âm (chí tại hạ dã), hào dương ở địa vị âm là không đương vị, tuy xử sự như vậy là không đáng (tuy bất đáng vị) ; ở thời Khốn, có vậy mới đạt được mục đích (hữu dự).

Cửu ngũ, tị ngoạt, Khốn vu xích phát, nãi từ hữu thuyết (duyet), lợi dụng tế tự.

Hào 5 dương, lâm cảnh Khốn như người bị xẻo mũi, chặt chân, ngôi vị còn vận may đến, từ tổn vui vẻ, có lòng chí thành, có thể thoát ra cảnh Khốn .

Tượng viết : Tị ngoạt, chi vị đắc dã. Nãi từ hữu thuyết (duyet), dĩ trung trực dã, lợi dụng tế tự, thụ phúc dã.

**Tượng viết : Như bị xẻo mũi, chặt chân, còn nói chi đến chí. Từ tổn vui vẻ, tin vào sự ngay thẳng, lòng thành Trời hiểu, là phúc lắm rồi.**

1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đặc trưng, đặc chính, ứng với hào 2 dương (đồng đức), ở dưới hào trên cùng âm, giữa quẻ Đoài, thời Khốn.

## 2. Hoàn cảnh

Tị là xẻo mũi, ngoạt là chặt chân, cực hình của thời xưa, người bị tội thì bị xẻo mũi, chặt chân, có khi bị thiến.

Hào từ hào 2 dương gọi là bút tất màu đỏ (chu phát), hào 5 dương gọi bút tất màu đỏ tươi (xích phát), đều chỉ phẩm cấp quan lại lớn nhất, là phẩm phục dùng trong lúc tế lễ.

Màu đỏ (châu) gọi là bản sắc, màu đỏ tươi (xích) là sinh sắc, tượng trưng cho thời vận, vận may đến, hoặc chỉ phẩm phục của hào 5 dương quân chủ, thời vận của quân chủ.

Hào 5 dương, ở giữa quẻ Đoài, tượng trưng vui vẻ hoà duyệt nên hào từ viết từ tống hoà duyệt (nãi từ hữu duyệt). Tế tự là việc lớn, vừa tế tổ tiên cầu bảo vệ giang sơn, xã tắc, vừa thể hiện tinh thần đoàn kết của dân chúng.

Hào 5 dương cương, ở vị trí dương, đặc chính, đặc trưng, cương vị quân chủ, ở dưới hào 6 âm, ứng với hào 2 dương (đồng đức), hiền thần, đáng lẽ là hào tốt. Trong thời Khốn, hào 5 dương rơi vào cảnh :

Ở trên, bị hào trên cùng âm cười lên, như bị bọn gian tà che lấp cả Trời. Ở dưới,



muốn ứng với hào 2 dương (đồng đức) lại gặp hào 3 âm ngăn cản, bưng bít cả đất.

Trên bị lộng thần che lấp, dưới bị bọn gian thần bưng bít, hào 5 dương ở quân chủ nhưng bị cô lập, xa lìa thần dân, như cá xa nước, tâm trạng đau đớn như kẻ tội đồ bị cực hình xẻo mũi, chặt chân (tị ngoạt), chưa kể tai hoạ giáng xuống, quân vương cũng có thể trở thành tội đồ, hoàn cảnh rất khốn khổ. Minh đã vậy, thần dân chắc cũng có nhiều người bị cực hình oan uổng !

Ví dụ :

Vua Quang Tự, nhà Thanh, năm tuổi được đưa lên ngôi, không một người nào được đến gần nhà vua, ngay cả mẹ cũng không được gặp, trừ một người là Từ Hy.

Từ Hy lại dữ như cọp, kiêu sa thâm dật, chẳng thềm ngõ ngang đến ông vua nhỏ. Ngay cả thái giám Lí Liên Anh, vốn là kép hát cũng ăn hiếp nhà vua rất tàn nhẫn. Quang Tự có một quý phi rất hiền, bị Lí Liên Anh xô xuống giếng, tay chân của Lí Liên Anh ném đá, lấp giếng.

Lúc Quang Tự được lên cầm quyền, ông sáng suốt, nhiệt tâm, muốn cứu Trung Hoa ra khỏi cảnh các nước xâm xé, như một quả dưa, mạnh ai nấy xẻ (qua phân) liền mời Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, bàn về việc biến pháp, duy tân.

Sau đó, ông cho người mật bàn với Viên Thế Khải bao vây Di Hoà Viên lật đổ Từ Hy. Nhưng Viên Thế Khải thấy lực lượng của Từ Hy còn quá mạnh, phản bội Quang Tự.

Từ Hy biết được, quay về bắt Quang Tự và quần thần thân với Quang Tự quỳ xuống, Từ Hy chửi bới om sòm, rồi phế truất Quang Tự, giam vào trong một căn phòng bẩn thỉu, ăn không được no, mặc không được ấm, chịu nhục nhã, đau khổ cho tới chết.

Nhóm Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu người thì chạy trốn, người thì bị giết.

Sự kiện này, sử gọi là Mậu Tuất chính biến.

### 3. Quyền biến

(1) Tuy vậy, hào 5 dương có nhiều đức tính, cương, trung, chính, hết lòng cầu người đồng đức như hào 2 âm (hiền thân), ngôi quân chủ vẫn còn, vận may đã đến (khốn vu xích phát), nên rất vui mừng, từ tốn (nãi từ hữu duyệt), thoát khỏi cảnh cùng Khốn.

Ngày ấy, sẽ tổ chức tế lễ, tỏ lòng thành tín, vừa nhờ trời, thần, tổ tiên che chở cho xã tắc, trời sẽ hiểu cho lòng mình, lại được gặp dân chúng (lợi dụng tế tự).

(2) Quân chủ sống như cảnh tội đồ, nhân dân cũng là những kẻ tội đồ trong thời Khốn, thì còn nói gì đến chí hướng (Tị ngoạt, vị đắc chí dã).

Sở dĩ, từ tốn hoà duyệt là tin tưởng vào đức cương trung ngay thẳng của mình, tin vào đức cương trung, ngay thẳng của hiền thần, giữ được lòng thành tín, trời hiểu thì dân hiểu, ấy là phúc đức lắm rồi !

Thượng lục, Khốn vu cát lũy, vu niết ngọt, viết động hồi, hữu hồi, chinh cát.

Hào trên cùng âm, bị cảnh khốn như lạc vào đám dây sắn, dây mây, như ngồi chỗ cheo leo, nên suy nghĩ, hành động, phản tỉnh, cứ như vậy thì tốt.

Tượng viết : Khốn vu cát lũy, vị đáng đã ; động hồi hữu hồi, cát hành đã.

Tượng viết : Bị cảnh khốn như lạc vào đám sắn dây, dây mây, là chưa hiểu cách xử xử thời Khốn ; chỉ có hành động không sai lầm, phản tỉnh, cứ vậy mà làm là tốt.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở trên quẻ Đoài, cuối cùng thời Khốn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng âm, ở trong quẻ Đoài (là đầm), nơi có nhiều loại cây sắn dây (cát), dây mây (lũy) mọc, nên hào từ nhắc đến cát lũy.

Hào trên cùng âm, cưỡi lên hào 5 dương, quân chủ có đức dương cương trung chính ; dưới lại không ứng với hào 3 âm ; rơi vào cảnh Khốn, như đang ở trong đám cây sắn, cây mây mọc đầm nước cạn, buộc ràng, mờ mịt, như ngồi chốn cheo leo gập ghềnh (khốn vu cát lũy, vu niết ngột).

Viết là suy nghĩ, Vương Bật gọi là mưu ; động hối là hành động không sai lầm, để đứng lên ra khỏi chỗ cheo leo gập ghềnh ; hữu hối là phản tỉnh, bỏ tà theo chính, bỏ ác hành thiện ; động hối, hữu hối là phản tỉnh bằng hành động. Suy nghĩ, hành động mới chứng minh được sự phản tỉnh, cứ như vậy (chinh) thì mới tốt (cát).

### 3. Quyên biến

(1) Muốn thoát cảnh khốn, phải nắm bắt thời cơ đang chuyển hoá, phải suy nghĩ, hành động, chứng minh cho sự phản tỉnh ; suy nghĩ, hành động, phản tỉnh, cứ làm như vậy, cứ đi theo đường lối như vậy thì tốt (chinh cát).

(2) Hào trên cùng âm, bị ràng buộc vào nơi cùng khốn như rơi vào đám dây sắn, dây mây (Khốn vu cát, lũy), là vì chưa biết đạo xuất xử thời Khốn (vị đương dã).

Muốn thoát cảnh khốn chỉ có cách hành động chứng minh sự phản tỉnh (động hối, hữu hối), bỏ ác theo thiện, bỏ tà theo chính, cứ làm như vậy, cứ đi như vậy thì tốt (cát hành dã).

Vương Bật cho rằng, vật cùng tắc biến, trong thời Khốn phải có mưu, có mưu tất hành động, hành động tất thông, thông tất thoát cảnh khốn.

## TIỂU KẾT

### 1. Phương pháp thoát hiểm

Quẻ Khốn có 3 hào dương - hào thực, có tính dương cương, nên thoát được cảnh khốn : Hào 2 dương, không tội lỗi (vô cữu) ; hào 4 dương có kết cuộc tốt (hữu chung), hào 5 dương được hưởng phúc (thụ phúc).

Ba hào âm- hư, âm nhu : Hào 1 âm, ba năm không ai cứu (tam tuế bất dịch) ; hào 3 âm, về nhà không gặp mặt vợ, nguy hiểm nhất (hung).

Riêng hào trên cùng âm, gặp cảnh Khốn, nếu không bỏ đường cũ, đi theo đường mới, bỏ tà theo chính, bỏ ác hành thiện, mới thoát khỏi cảnh Khốn, mới tốt (cát).

Kinh Dịch không chỉ nêu phương pháp thoát hiểm cho người quân tử, mà còn mong tiểu nhân tự phản tỉnh đi theo con đường thiện.

### 2. Quẻ Khốn và chữ tù

Xét về chữ Khốn, gồm chữ mộc và bộ vi , cây bị bao vây ; sinh mệnh của cây là nước, cây bị cô lập tuyệt với nguồn nước, thì cây xơ xác, có thể chết, tức là khốn cùng.

Liên tưởng đến chữ tù , gồm nhân và bộ vi , con người bị giam hãm trong bốn bức tường, gợi nhiều ý nghĩa : Phạm tội bị giam giữ cách li với xã hội, bị cực hình. Bị vây hãm giữa đám tiểu nhân hoặc bị bưng trên bịt dưới không thấy được chân lí. Tự mình giam hãm vào bốn bức tường lợi danh. Tự sa mình vào hãm tối dục vọng. Tù nhân sống trong bóng tối vĩnh viễn, khổn mà không biết khổn, bị cầm tù mà không biết cầm tù, là do bất minh nhưng không biết mình bất minh.

#### 48. THUYẾT PHONG TỈNH

##### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn giải thích : Tỉnh, tám nhà chung một cái tỉnh, tượng dùng gỗ theo hàn hình, hình 4 cạnh hoặc tám, bao quanh, hoặc tượng cái vò mức nước lên (Tỉnh, bát gia nhất tỉnh, tượng cấu hàn hình, ung chi tượng dã).

##### HÌNH QUẺ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

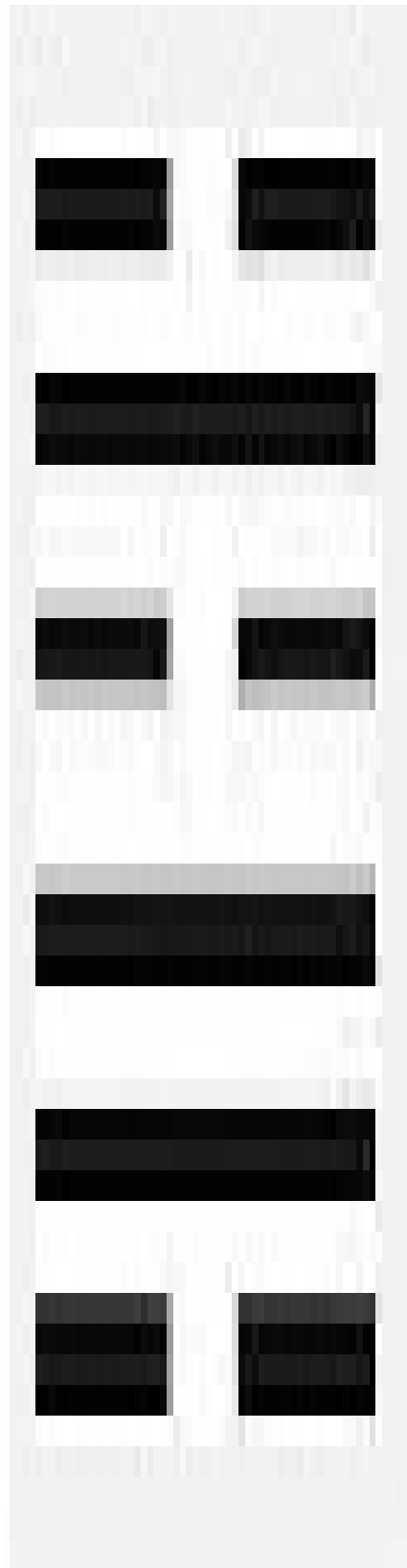
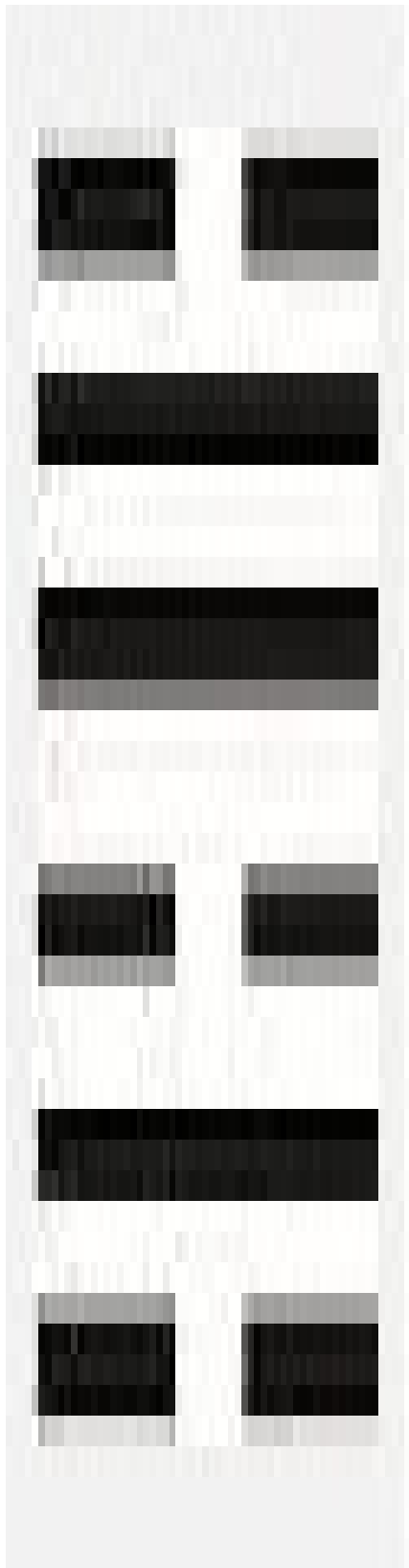
Dưới Tốn - phong, trên Khảm - thủy, gọi là Thủy Phong Tỉnh.

Quẻ gốc, tông quái, là quẻ Khốn (hình bên trái) , đảo ngược lại thành quẻ Tỉnh (hình bên phải) .

Trịnh Huyền giải thích, đại ý : Khảm là nước ; Tốn là mộc, là quất cao.

Hào 3 dương, hào 4 âm, hào 5 dương, hợp lại thành quẻ Li, ở ngoài thẳng, ở giữa rồng, mới đựng được nước, dùng bình hoặc gàu, để mức nước.





Thời cổ gọi quất cao là điều can, điều là cái thanh ngang, đặt ngang miệng giếng, can là cái trụ dọc, đặt theo chiều sâu của giếng, dùng gàu tựa vào đó để mức nước lên.

Nói chung, giếng tập hợp nhiều yếu tố, nguồn nước, chứa nước, những dụng cụ để mức nước lên. Có học giả giải thích hình quẻ : Hào 1 âm (nét đứt), như lỗ mạch nước trời lên. Hào 2 dương, 3 dương (nét liền), như lòng giếng chứa nước. Hào 4 âm (nét đứt) trống, để có thể lấy nước. Hào 5 dương (nét liền) như cái đáy miệng giếng. Hào trên cùng âm, đứt, trống, trông như miệng giếng.

Về đức quẻ, Khảm là nước, có tính hiểm, nên nước có thể nuôi người, cũng có thể làm đắm người. Tốn là mộc, có tính thuận. Như đã nói, giếng có nhiều yếu tố, nguồn nước, trữ nước, mức nước phải có gàu, dây gàu mới mức nước lên được. Nay đi gánh nước, đến giếng, không có dây gàu (Ngật chí, diệc vị duật tỉnh), đã mất công (vị hữu công dã), lại mất luôn cả gàu (luy kì bình), tức là không có nước để dưỡng thân, tất là mắc lấy nguy hiểm (thị dĩ hung dã). Tương tự, làm việc gì cũng phải chuẩn bị cho đủ mọi điều kiện, thiếu một điều kiện, có thể dẫn đến thất bại.

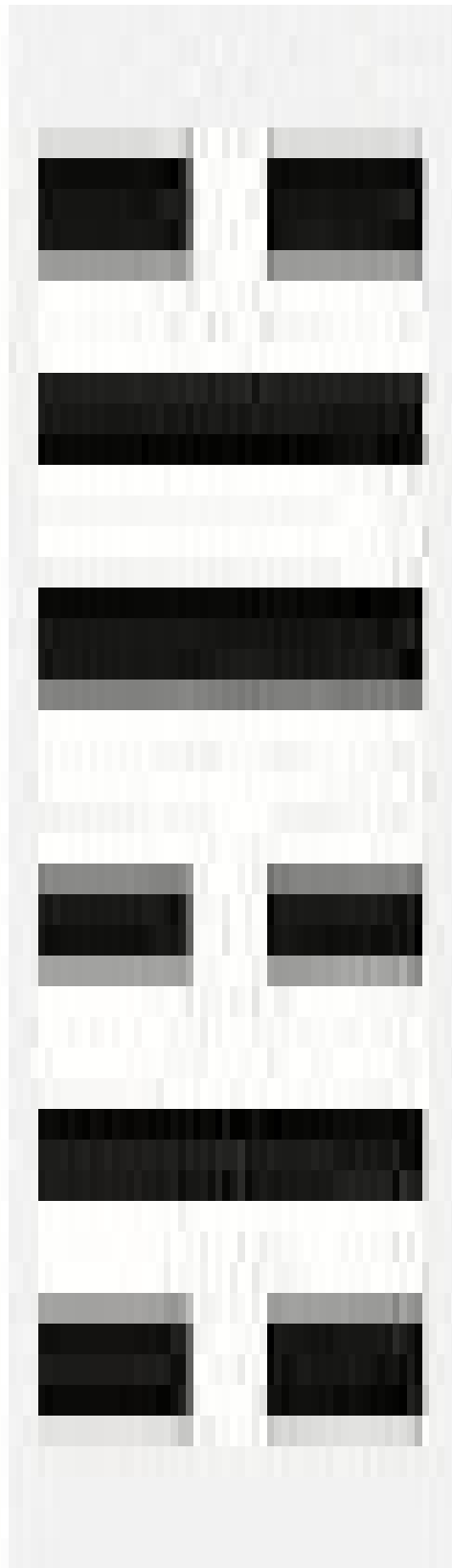
## SOÁN TỪ

Tĩnh, cái ấp bất cái Tĩnh, vô táng vô đắc, vãng lai Tĩnh Tĩnh. Ngật chí, diệc vị duật Tĩnh, luy kì bình, hung.

Nước là nguồn sống của con người, nơi có nguồn nước thì mới xây dựng thôn ấp, xây dựng thôn ấp phải đào giếng, xây giếng, nên gọi là Tỉnh (Tĩnh).

Nếu vì lí do nào đó, dân cư, thôn ấp dời đi chỗ khác, thì cũng không thể đem theo giếng đi theo (cải ấp, bất cải Tỉnh).

Giếng nước mãi mãi không mất, không kiệt, không được, không đầy (vô táng, vô đắc) ; người múc được nước rồi đi, người chưa có nước lại tới lấy nước (vãng lai Tỉnh Tĩnh), giếng vẫn không để ý ; đó là cái đức thường hằng, vô tâm của giếng.



Lại xem quẻ Khốn và quẻ Tỉnh : Quẻ Khốn là Tốn ở trên, Khảm dưới ; quẻ Tỉnh thì Khảm trên, Tốn dưới ; tượng trưng thôn ấp thay đổi, cuộc đời đổi thay, thương hải biến vi tang điền, những giá trị xã hội có khi bị đảo lộn.

Xét riêng, hào 2 dương, hào 5 dương, đều có đức cương trung, từ quẻ Khốn (hình bên trái) , chuyển sang quẻ Tỉnh (hình bên phải), thì đức cương trung của 2 hào vẫn không biến đổi.

Nói cách khác, bãi bể hoá cồn dâu, thôn ấp, cuộc đời thay đổi, giá trị xã hội có khi bị đảo lộn, nhưng chân lí, đạo đức vẫn thường hằng, vĩnh viễn.

## SOÁN TRUYỆN

Tốn hồ thủy nhi thượng thủy, Tỉnh ; Tỉnh dương nhi bất cùng dã. Cải ấp bất cải Tỉnh, nãi dĩ cương trung dã ; ngật chí diệc vị duật Tỉnh, vị hữu công dã ; luy kì bình, thị dĩ hung dã.

Tốn - mộc, bình gàu múc nước, đồ múc nước phải đầy nước – Thủy, và đưa nước lên trên, nên gọi là Tỉnh (Tốn hồ thủy, nhi thượng thủy, Tỉnh).

Giếng nước nuôi người mãi mãi, chẳng bao giờ cùng, bất biến, công đức của nó thật là vô lượng (Tỉnh dương nhi bất cùng dã).

Thôn ấp có thể di dời, có thể thay đổi nhưng giếng nước vẫn không thay đổi bất biến (Cải ấp, bất cải Tỉnh), đó là đức thường hằng của giếng.

Người quân tử có được đức cương trung, bất biến, thường hằng như hào 2 dương, hào 5 dương của quẻ Tỉnh, thì cũng có thể làm nên những công đức vô lượng (nãi cương trung dã).

Đi gánh nước, đến giếng rồi mà không có dây gàu (Ngật chí, diệc vị duật Tỉnh), mất công (vị hữu công dã), bể luôn cả bình (luy kì bình), lấy nước đâu mà sống, tất là nguy hiểm (thị dĩ hung dã).

Đi lấy nước phải biết nơi có giếng, biết nơi có giếng rồi phải chuẩn bị đầy đủ dụng cụ múc nước, lúc múc nước phải cẩn thận không để đứt dây gàu, vỡ bình, thì mới gánh nước về nhà.

Làm việc gì phải có mục tiêu, có đủ phương tiện, cẩn thận trong việc sử dụng phương tiện, thì mới thành công.

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Mộc thượng hữu thủy, Tỉnh ; quân tử dĩ lao dân khuyến tướng.

Dưới Tốn - mộc, trên Thuỷ - nước ; phải có mộc, dụng cụ mức nước, mới đưa chuyển nước lên khỏi mặt giếng, thuỷ ở trên mộc (mộc thượng hữu thuỷ), mới dùng được nước, gọi là giếng.

Hoặc, quan sát cây cỏ, cây hấp thụ nước đưa nước lên ngọn (mộc thượng hữu thuỷ), mà ngọn tốt tươi. Giếng nước nuôi người vô cùng, nước cũng nuôi cây vô lượng.

Quân tử xem tượng ấy mà nuôi dân vô cùng, khuyến khích dân giúp đỡ lẫn nhau mà nuôi nhau, vô lượng (Quân tử dĩ lạo dân, khuyến tướng).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, Tỉnh nê bất thực, cữu tỉnh vô cầm.

Hào 1 âm, giếng lầy bùn, không ai lại lấy nước ; không có con vật nào lại một giếng cũ.

Tượng viết : Tỉnh nê bất thực, hạ dã ; cữu Tỉnh vô cầm, thì xả dã.

Tượng viết : Giếng bùn không dùng được, vì ở đáy ; giếng cũ loài vật cũng không đến, người cũng bỏ.

## 1. Sơ lược

Hào 1 âm ở vị trí dương, không ứng với hào 4 âm, bắt đầu quẻ Tốn, dưới cùng quẻ Tỉnh.

## 2. Hoàn cảnh

Thuyết quái truyện cho rằng, Tốn tượng trưng sự hôi hám, nên hào từ đề cập đến giếng có bùn (tinh nê).

Hào 1 âm (u ám), ở dưới cùng quẻ Tỉnh, ở dưới quẻ Tốn, tượng trưng đáy giếng u ám, đầy bùn hôi hám (Tinh nê), không ứng với hào 4 âm, nên chẳng ai để ý, người không dùng được (vô thực), lâu ngày thành giếng bỏ (cửu tinh), loài vật cũng chẳng con nào bén mảng đến (vô cầm).

Nước giếng thanh khiết mới nuôi được người, nuôi được vật ; nước giếng đầy bùn, hoang phế, loài vật còn bỏ hưởng chi con người ?

Hào 1 âm, bất chính, khác nào kẻ tiểu nhân lặn ngụp trong vùng hắc ám, tận đáy bùn lầy, chẳng ai cứu được, chẳng ai cầu, vô dụng, vô ích, là hạng người đã bỏ đi.



(2) Kẻ vô dụng như cái giếng bùn, không dùng được (Tinh nê bất thực), là do phẩm cách quá thấp kém (hạ dã), giếng cũ hoang phế, loài vật còn xa lánh (cửu tinh vô cầm) người đời bỏ rơi (thời xả dã).

### 3. Quyền biến

Muốn thành người hữu dụng, được người đời biết đến, trước hết phải rèn nhân cách, phẩm cách.

Người quân tử phải tự mình lắng trong, thanh khiết, như đức của giếng : giữ lễ thường hằng (bất táng, bất đặc), vô tâm công bằng (vãng lai tinh tĩnh), rộng lượng nuôi dân mãi mãi (dường vô cùng).

Cửu nhị, Tinh cốc xạ phụ, ứng tộ lậu.

Hào 2 dương, nguồn nước giếng trời lên nuôi con cá nhỏ, cái bình nứt, nước rỉ ra.

Tượng viết : Tinh cốc xạ phụ, vô dự dã.

Tượng viết : Nguồn nước giếng nuôi con cá nhỏ, vì không biết đến giếng, không dùng giếng.

## 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị âm, bất chính, ở giữa quẻ Tốn, không ứng với hào 5 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Tỉnh cốc là cái lỗ của mạch nước giếng, nước phun lên ; thiệc phụ là loài cá nhỏ, sống ở giếng, không sống ở sông, ao, hồ.

Hào 2 dương, hào 3 dương, hào 4 âm, hợp thành quẻ Đoài . Thuyết quái truyện cho rằng, Đoài tượng trưng sự đổ bể, nên hào từ gọi là úng tậ lậu ; ngày xưa, người ta chế bình mức nước bằng đất nung, đã nứt thì không dùng được, nếu dùng chẳng mức được chẳng bao nhiêu, không đem về được.

(1) Hào 2 dương tuy bất chính nhưng có tài dương cương, không ứng với hào 5 dương, tức là ở trên không có người nâng đỡ ; ở dưới, gần hào 1 âm là kẻ bất tài, vô dụng.

Trong thời Tỉnh, lấy đạo nuôi người làm chính, hào 2 dương, ở vị trí thấp, không làm được việc nuôi người, giống như cái giếng chẳng ra giếng : mạch nước lăn tăn chỉ đủ nuôi con cá nhỏ (Tỉnh cốc thiệc phụ), muốn mức nước thì bình đã nứt, nước còn lại được bao nhiêu (úng tậ lậu).

### 3. Quyền biến

(1) Hoặc, nguồn nước giếng cứ trào lên, là đức của giếng, dùng giếng là việc của người ; người biết dùng giếng thì giếng hữu dụng, người không dùng giếng thì giếng không ra giếng. Biết dùng giếng thì giếng nuôi người, không biết dùng giếng, thì giếng chỉ nuôi con cá nhỏ. Hữu dụng, vô dụng đều do người sử dụng.

(2) Cho nên tượng từ là lời cảm thán : Nguồn nước giếng nuôi con cá nhỏ (Tỉnh cốc thiệc phụ), vì hào 5 dương không biết đến giếng, không dùng giếng ! (vô dự dã !).

Khổng Tử khuyên : Người đời chớ lo không ai biết đến mình, mà chỉ lo làm sao cho xứng đáng được người ta biết đến.

**Cửu tam, Tỉnh tiết bất thực, vi ngã tâm trắc, khả dụng cấp.  
Vương minh, tịnh thụ kì phúc.**

Hào 3 dương, giếng trong mà chẳng ăn, để lòng ta thương xót, có thể dùng mà mức lên được ; gặp ông vua sáng suốt thì mọi người đều được phúc.

Tượng viết : Tĩnh tiết bất thực, hành trắc dã ; cầu vương minh, thụ phúc dã.

Tượng viết : Có giếng trong lành chẳng dùng, đến kẻ đi đường cũng xót xa ;  
mong sao có vua sáng, thì thiên hạ được phúc vậy.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương cương, ở vị trí dương, đắc chính, ứng với hào trên cùng âm, âm dương tương ứng, vốn là hào tốt.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 3 dương, hào 4 âm, hào 5 dương, hợp thành quẻ Li , tượng trưng đức sáng, hào từ gọi là vương minh, vừa chỉ sự nắm thụ đức sáng của hào 3 dương, vừa chỉ sự sáng suốt của hào 5 dương ; hào 3 dương ở giữa quẻ Tĩnh, tương tự nước lừng chừng giếng, nắm thụ đức sáng nên trong, thanh khiết, mát ngọt, nên hào từ gọi Tĩnh tiết.

Hào 3 dương, ở trong quẻ Tốn, theo Thuyết quái truyện, Tốn có tính nóng gấp.

Hào 3 dương tuy bất chính nhưng có đức dương cương, muốn ứng với hào trên cùng âm, nhưng hào trên cùng âm nhu không dùng nối hào 3 dương ; hào 3 dương lại nóng gấp ứng với hào 5 dương, hào 5 dương trong lúc bất minh, không ứng với hào 3 dương.

Lúc này, hào 3 dương tượng như cái giếng nước trong lành, có đức nuôi người, nhưng người chẳng dùng (bất thực), khiến người có bụng liên tài phải tiếc, phải than thở (vì ngã tâm trắc).

Nếu hào 5 dương vừa có đức cương trung, có đức sáng của một vị vua (vương minh) thì đó là cơ hội cho cả hào 3 dương, đem tài ra dùng, phúc cho cả vua, phúc cho mọi người (tịnh thụ kì phúc).

(2) Có giếng trong lành chẳng dùng (Tinh tiết bất thực), đến kẻ đi đường cũng xót xa (hành trắc dã), mong sao có vua sáng (vương minh), thì thiên hạ được phúc vậy (thụ phúc dã).

Xã hội có người tài mà không ai dùng, ruồng rẫy kẻ trung lương, chẳng phân biệt trung – gian, vừa thiệt thòi cho kẻ cầm quyền, vừa thiệt thòi cho quần chúng, đất nước xiêu đổ. Kẻ qua đường còn xót xa, huống chi người trong cuộc, hỏi sao chẳng đau lòng ?

Ví dụ :

Sở Hoài vương đuổi trung thần Khuất Nguyên, bên ngoài thì tin Trương Nghi, bên trong thì bị Trịnh Tụ mê hoặc. Cuối cùng nước Sở bị mất đất, Hoài vương bỏ mạng ở nước Tần.

Khuất Nguyên đã than thở : Đời say cả riêng ta tỉnh, đời đục cả riêng mình ta trong.

### 3. Quyền biến

Xã hội có hiền tài phải có minh quân, có hiền tài nhưng không có minh quân, thì bỏ phí hiền tài ; vừa có hiền thần vừa có minh quân thì cả thiên hạ được hưởng phúc ; vua tối, tôi tối, đất nước đại loạn.

Lục tứ, Tỉnh trữu, vô cữu.

Hào 4 âm, tu sửa thành giếng, không có lỗi.

Tượng viết : Tỉnh thu vô cữu, tu Tỉnh dã.

Tượng viết : Giếng sửa, không lỗi, vì do hay tu sửa.

#### 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, dưới hào 5 dương, không ứng với hào 1 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 1 âm bất chính, ở dưới quẻ Tỉnh, tượng trưng ở đáy giếng có bùn (Tĩnh nê).

Hào 3 dương, có tài dương cương, lắng bùn xuống, lọc nước trong (Tĩnh tiết).

Hào 4 âm có đức âm nhu, không ứng với hào 1 âm, tượng trưng không có ai giúp đỡ, chỉ tu sửa ở bờ giếng, không cho bụi bặm tràn vào giếng (Tĩnh trứ).

(1) Nói cách khác, hào 3 có tài dương cương, chinh đốn bên trong, nội trị, lắng bùn đất ; hào 4 âm nhu, sửa sang bên ngoài, ngoại trị, ở dưới hào 5 âm, quân chủ, làm tròn chức phận của thân tử, nên không tội lỗi (vô cữu).

Nước giếng đã trong, càng phải tu tỉnh bên ngoài (tĩnh trứ), không tội lỗi (vô cữu), là do tu sửa bên ngoài (tu tỉnh giả).

## 3. Quyền biến

Nước giếng trong nhưng cũng phải cần tu sửa để bụi bẩn bên ngoài không tràn vào.

Lòng đã lắng trong thì cũng cần ngăn cản những tà ác bên ngoài xâm nhập, mới giữ được chất trong. Việc trị nước, lo nội chính cũng phải lo ngoại chính.

Cửu ngũ, Tinh liệt hàn tuyến, thực.

Hào 5 dương, nước giếng trong, mát, mức lên ăn được.

Tượng viết : Hàn tuyến chi thực, trung chính dã.

Tượng viết : Nước giếng trong, mát, mức lên ăn được, nhờ giếng có đức trung chính.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương - cương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, chủ quẻ Tinh.

## 2. Hoàn cảnh

Tinh liệt là giếng nước trong lành, tinh khiết, mát lạnh.



Hào từ hào 3 âm, tượng trưng giếng mới có nước trong, chưa có thành giếng, nên chưa dùng được (bất thực) ; hào 4 âm tư sửa thành giếng ; đến hào 5 dương, tượng trưng cái giếng đã có thể dùng được (thực).

### 3. Quyền biến

(1) Hào 5, quân chủ, trung chính, có đức cương trung, hồ quái là Li , nên lại có thêm đức sáng, vừa tu dưỡng mình, sáng trong, vừa nuôi dưỡng được nhân dân, công đức vô lượng.

Tương tự cái giếng trong lành, tinh khiết, mát lạnh (Tinh liệt), nhân dân, người qua kẻ lại múc nước để ăn (hàn tuyên thực).

(2) Mọi người có nước giếng trong mát để ăn (Hàn tuyên chi thực), là nhờ giếng có đức trung chính (trung chính dã).

Thượng lục, Tỉnh thu, vật mạc, hữu phu, nguyên cát.

Hào trên cùng âm, giếng hoàn thành, không che đậy, giữ được chân tính không, rất tốt.

Tượng viết : Nguyên cát tại thượng, đại thành dã.

Tượng viết : Hào trên cùng âm được mọi sự tốt lành, vì sự nghiệp nuôi người hoàn thành cực lớn.

### 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở trên quẻ Khảm, cuối thời Tỉnh.

### 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng ở trong quẻ Khảm, hào trên cùng đứt, tượng cái miệng giếng không bị bịt lại, nên hào từ nói, để mức nước thì không nên bịt lại, đầy lại (Tỉnh thu vật mạt).

Một cái giếng luôn giữ được sự tinh khiết, mát rượi, giữ được chân tính của nước, là giếng tốt.

### 3. Quyền biến

(1) Hào trên cùng âm, mặc dù không có tính dương cương nhưng đắc chính, luôn giữ được chân tính, tinh thần luôn lắng trong, lòng luôn rộng mở, có công đức nuôi người vô cùng, nên được mọi sự tốt lành.

Cái giếng đã hoàn thành, ai nấy tới lấy mà dùng (Tĩnh thu), không bị che bịt (vật mặc), nước luôn giữ được chân tính (hữu phụ) là tinh khiết, mát rượi, nên mọi sự tốt lành (đại cát).

Con người tu đức, đức đã cao, trong thời Tĩnh, đem tài nuôi dưỡng mọi người, sự nghiệp đã hoàn thành.

(2) Sở dĩ, hào trên cùng âm, ở trên cùng quẻ Tĩnh (tại thượng) được mọi sự tốt lành (đại cát) là vì công dụng của cái giếng đã đến lúc hoàn thành cực lớn (đại thành giả).

Theo quy luật, cùng tắc phản, nên hào trên cùng của quẻ mâu thuẫn chuyển hoá từ tốt sang xấu, nhưng hào trên cùng âm quẻ Tĩnh rất tốt (đại cát).

Dịch là biến dịch, hào trên cùng âm quẻ Tĩnh là một trong những biến lệ của Kinh Dịch.

## 49. TRẠCH HOẢ CÁCH

### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn giải thích : Cách là da thú sau khi đã cạo sạch lông, sau đó làm thành da thuộc (Cách, thú bì khủ kì mao, cách tiện chi).

Tức là làm da thú biến thành da thuộc. Biến nghĩa của chữ cách là cải cách, biến cách, thay đổi.

HÌNH QUẺ



Dưới Li - hoả, trên Đoài - trạch, gọi là Trạch Hoả Cách.

Dưới Li - hoả, trên Đoài - trạch, phản ánh cách làm da thuộc của người xưa : Trước tiên ngâm da thú vào trong đầm, khi da mềm thì đưa vào lửa, thành da thuộc.

## SOÁN TỪ

Cách, dĩ nhật nãi phu, nguyên hanh, lợi trinh, hối vong.

Kì là ngày Kì. Kì là một trong 10 thiên can : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kì, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Theo thứ tự trên, Kì là thứ năm, số 5. Người xưa coi trọng con số 5 (ngũ), chẳng hạn thân thể thì có ngũ quan, ngũ tạng, tay chân thì có ngũ chỉ (năm ngón) v.v.

Theo Phật giáo, mỗi bàn tay có 5 ngón, chắp hai bàn tay lại thành 10 ngón, gọi là thập hợp. Tức số 5 tương hợp với số 5, thành 10 ; số 10 là gọi là hợp thích.

Hai số 5 tương hợp, hình thành một đại thiên thể giới, hình thành một vũ trụ, một không gian.

Theo Kinh Dịch, số lẻ là số dương, gọi là cơ số ; số chẵn là số âm gọi là ngẫu số.

Ví dụ : trời là dương, đất là âm, trời là số 1, đất là số 2, trời số 3, đất số 4 ... trời 9, đất 10.

Số 1 hợp với số 2, số 3 hợp với số 4, số 5 hợp với số 6, số 7 hợp với số 8, số 9 hợp với số 10, số mười gọi là hợp thích.

Sách Sử kí giải thích về 4 can : Giáp là vạn vật bắt đầu ra khỏi vỏ, nảy mầm, Ất là vạn vật sinh trưởng, Bính là khí dương hiện rõ sáng chói, Đinh là vạn vật rất mạnh.

Suy ra, từ Giáp là khí dương bắt đầu sinh ra, phát triển, đến Đinh là cực thịnh. Từ Kỉ khí dương suy, khí âm bắt đầu phát triển và thịnh.

Ngày Kỉ, số 5, có sự thay đổi, dương chuyển sang âm, âm phát triển cho đến các ngày sau, nên gọi là Cách (Cách, Kỉ nhật).

Nhật Kỉ chỉ chung là thời điểm, thời cơ rất tốt cho sự cải cách, thay đổi, cách tân.

Quẻ Càn có bốn đức là nguyên, hanh, lợi, trinh, chỉ sự tốt đẹp. Trong việc cách tân vừa đúng với thời cơ, xuất phát từ sự thành tín, thành tín với nhân dân, với sự nghiệp cách tân (nãi phù), thì mọi việc tốt đẹp (nguyên, hanh, lợi, trinh) thì không ăn năn hối hận (hối vong).

## SOÁN TRUYỆN

Cách, thủy hoả tương tức, nhị nữ đồng cư, kì chí bất tương đắc, viết Cách. Dĩ nhật nãi phu, Cách nhi tín chi. Văn minh dĩ thuyết (duyet), đại hanh dĩ chính, Cách nhi đáng, kì hồi nãi vong. Thiên địa Cách nhi tứ thì thành, Thang Vũ cách mạng, thuận hồ Thiên nhi ứng hồ nhân, cách chi thì đại hĩ tai !

Tức là dập tắt, còn có nghĩa sinh ra hoặc chỉ giai đoạn tĩnh nhất định.

Quẻ Cách, trên là Li - hoả, lửa, dưới là Trạch - thủy, nước. Thông thường, nước – lửa, không dung nhau, nước ở trên lửa ở dưới, nước mạnh trên cao đổ xuống dập tắt lửa (thủy hoả tương tức).

Nay lửa ở trên, nước ở dưới, tương dung, tương sinh là biến cách, nên gọi là Cách (Cách, thủy hoả tương tức).

Trên Li tượng trưng con gái út, thiếu nữ ; dưới Đoài, tượng trưng con gái giữa, trung nữ ; như hai cô con gái cùng ở một nhà (nhị nữ đồng cư).

Tâm lí chung, các bà mẹ thường thương con gái út, ít thương con gái giữa, nên hai chị em sinh bất hoà, mâu thuẫn (kì chí bất tương đắc), vì thế mà phải biến cách, hoặc gọi là Cách (viết Cách).



Nước lửa khác tính, hấp dẫn nhau ; hai phụ nữ là đồng tính ở chung một nhà nhau ; khoảng thời gian giữa nước lửa hấp dẫn nhau, hai phụ nữ ở chung một nhà nhau, gọi là tức, trạng thái tĩnh, ổn định tạm thời, nhất định sẽ có sự biến cách.

Ví dụ :

Vua Càn Long, nhà Thanh, muốn hưởng thụ, tiêu xài hoang phí, muốn ngai vàng ổn định, nên dùng cả trung thần, cả nịnh thần gian thần.

Lưu Dung, phe trung thần ; Hoà Thân, đứng đầu tập đoàn gian thần, tham nhũng ; nước – lửa tạm dung nhau, hai nữ cùng sống chung một nhà.

Càn Long vừa chết, xác chưa lạnh. Gia Khánh cầm đầu phe trung thần, lập tức diệt phe đảng Hoà Thân.

Việc cải cách, phải nắm được thời điểm, thời cơ (Kỉ nhật), xuất phát từ sự thành tín, thành tín với nhân dân (nãi phu), thì nhân dân mới tin vào việc cải cách (Cách nhi tín chi).

Trên là Li, lửa có đức văn minh ; dưới là Đoài có tính hoà duyệt. Việc cải cách, phải lấy đức văn minh mà soi sáng, lấy dân tâm hoà duyệt làm căn bản, lấy trình chính làm trụ cột, thì mọi sự cải cách mới hanh thông (Văn minh dĩ duyệt, đại hanh dĩ chính).

Cải cách như vậy mới đáng gọi là cải cách (Cách nhi đương), trong tương lai, khi sự nghiệp cải cách hoàn thành mới không ăn năn (kì hối nãi vong).

Nếu cuộc cải cách không hội đủ các yếu tố văn minh, thuận lòng người, sự thành tín, chưa chắc mọi việc cải cách đã hanh thông ; cải cách cái không đáng cải cách, chắc chắn trong tương lai sẽ có hối hận.

Cách của trời đất luôn biến dịch (Thiên Địa Cách), bốn mùa đắp đổi, biến hoá, có như thế thì mọi vật mới thành tựu (nhĩ tứ thời thành).

Vua Thang làm cách mạng, đánh đuổi vua Kiệt ; vua Vũ làm cách mạng đánh đuổi vua Trụ, hai ông thành công là do thuận với đạo trời, ứng với lòng người (Thang, Vũ cách mệnh, thuận hồ thiên, nhi ứng hồ nhân).

Xem thế, mới thấy thời Cách, thời cơ làm việc Cách, là rất lớn ! (Cách chi thời đại hĩ tai !).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Trạch trung hữu hoả, Cách ; quân tử dĩ trì lịch minh thời.

Lịch là lịch pháp, gồm 4 mùa, 24 tiết khí, thiên can, địa chi ; là thời lệnh, thời khí, thời tiết, thời cơ ; là quy luật tự nhiên.

Trên là Li - lửa ; dưới là Đoài - nước ; trong nước có lửa, gọi là Cách (Trạch hữu trung hoả, Cách) ; thủy – hoả vốn tương khắc, chẳng dung nhau, nay tạm thời tương sinh.

Người quân tử xem tượng ấy, muốn làm được việc thay đổi, cách mệnh, nên thông suốt lịch pháp, nắm vững quy luật tự nhiên, hiểu rõ thời cơ (Quân tử dĩ tri lịch minh thì).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, củng dụng hoàng ngưu chi cách.

Hào 1 dương, cố kết bền chặt với người như bó chặt bằng da con bò vàng.

Tượng viết : Củng dụng hoàng ngưu, bất khả dĩ hữu vi dã.

Tượng viết : Nên cố kết bền chặt với người, chưa vội làm việc gì khác.

### 1. Sơ cửu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, không ứng với hào 4 dương, ở đầu thời Cách.

## 2. Hoàn cảnh

Hoàng là màu vàng, màu trung ương, người là trâu, có tính thuận, cách có nghĩa là da thú, da thuộc, có tính chất bền chặt, nên hào từ viết dùng da trâu vàng mà bó lại thật chặt (củng dụng hoàng người chi cách).

Hào từ hào 2 âm, quẻ Độn cũng viết : ràng buộc, khăng khít, bền chặt bằng da trâu vàng (chấp chi dụng hoàng người chi cách).

Hào 1 dương đắc chính nhưng lại có tính dương cương, nóng vội, ở đầu thời Cách, không ứng với hào 4 dương.

Tượng trưng, ở đầu thời Cách, thời cơ chưa đến, không có người giúp đỡ, thiếu thực lực, lại nóng vội tiến hành cải cách, nên không tránh được thất bại.

## 3. Quyền biến

(1) Muốn cải cách, không nên nóng vội, phải hội đủ mọi điều kiện ; việc hiện thời là có đức trung, biết thuận lòng người, cố kết bền chặt với người, như dùng da trâu để buộc (củng dụng hoàng người chi cách), không tội lỗi (vô cữu)

(2) Tượng từ khuyên : Ở vị trí, hoàn cảnh, điều kiện như hào 1 dương, chỉ nên thuận theo lòng người, giao kết với người cho thật chặt (củng dụng hoàng người), chưa nên làm những việc khác (bất khả hữu vi dã).

Lục nhị, dĩ nhật nãi Cách chi, chinh cát, vô cữu.

Hào 2 âm, năm thời cơ, chọn thời điểm để cải cách, tiến hành tốt, không lỗi.

Tượng viết : Dĩ nhật cách chi, hành hữu gia dã.

Tượng viết : Năm thời cơ, chọn thời điểm để hành động thì mới tốt.

## 1. Lục nhị

Hào 2 âm ở vị trí âm, đắc chính, đắc trung, ứng với hào 5 dương (trung chính), ở giữa quẻ Li.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 âm, ở giữa quẻ Li, tượng trưng có đức sáng suốt, là mặt trời giữa trưa.

Như đã giải thích, Kì (thiên can) là lúc dương chuyển sang âm, hoặc như mặt trời giữa trưa, dương cực thịnh sẽ chuyển sang âm, là quy luật.

Nói chung, là thời cơ, thời điểm, thích hợp cho việc cải cách và thuận theo quy luật.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm như bậc đại thần, đắc chính đắc trung, có đức sáng, văn minh, được quân chủ tin dùng, lại thuận theo quy luật, nắm bắt đúng thời cơ, để tiến hành cuộc cải cách (dĩ nhật nãi Cách chi).

Cuộc cải cách diễn biến tốt lành (chinh, cát), không tội lỗi (vô cữu). Tất nhiên, cuộc cải cách diễn biến không thuận lợi, không tốt lành (cát), thì chưa chắc bản thân hào 2 âm đã được vô cữu.

(2) Việc cải cách có nhiều điều kiện (đức, vị, tài, người ủng hộ) nhưng một trong những điều kiện quan trọng nhất là thời cơ, thời điểm, thuận theo quy luật (Kỉ nhật cách chi), để tiến hành thì mới tốt (hành hữu gia dã).

Cửu tam, chinh hung, trinh lệ. Cách ngôn tam tự, hữu phụ.

Hào 3 dương, nóng vội tiến hành thì xấu, giữ chính đạo. Cần thận lo lắng, lắng nghe quần chúng nghị luận, quần chúng tin tưởng.

Tượng viết : Cách ngôn tam tự, hữu hà chi hĩ.

Tượng viết : Lắng nghe quần chúng nghị luận rồi, không nên nghe lời bàn ra tán vào nữa.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở trên cùng quẻ Li, ứng với hào trên cùng âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 3 dương, ở trên cùng quẻ Li, có đức sáng nhưng quá sáng. Hào 3 dương ứng với hào trên cùng âm, ở quẻ Đoài, Đoài tượng trưng cái miệng, nên hào từ nhắc đến nghị luận (cách ngôn), chỉ sự nghị luận của quần chúng.

Thông thường bất minh là nguy hiểm, nhưng lại tự cho mình quá sáng như mặt trời chói lọi, không chịu nghe ai lại càng thêm nguy hiểm.



Hào 3 dương, tuy đắc chính nhưng quá cương, nóng vội, tự cho mình là sáng suốt, chẳng nghe ai, tiến hành cải cách nên gặp nguy hiểm (Chinh hung).

### 3. Quyền biến

(1) Trong hoàn cảnh hào 3 dương cần làm mấy việc : Vừa biết giữ sự trinh chính (trinh), thường cẩn thận lo sợ (lệ). Vừa ứng với hào trên cùng dương, để lắng nghe nghị luận của quần chúng, nghe nhiều lần (cách ngôn tam tự), phân tích lợi hại để quần chúng tin tưởng (hữu phu) lúc ấy mới bắt tay vào việc cải cách.

(2) Khi đã nghe nghị luận, đã nghị luận rồi, phân tích lợi hại rồi, đã quyết rồi, nên bắt tay vào việc (Cách ngôn tam tự).

Không nên nghe thêm những lời bàn ra, tán vào nữa (hựu hà chi hĩ), ngăn ngừa căn bệnh nói nhiều làm ít.

Cửu tứ, hồi vong, hữu phu cải mệnh, cát.

Hào 4 dương, hồi hận tiêu hết, có lòng tin, đổi mới mệnh lệnh, lập kỉ cương, tốt.

Tượng viết : Cải mệnh chi cát, tín (thân) chí dã.

Tượng viết : Diễn tiến cải cách mệnh lệnh tốt, củng cố lòng tin.

### 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, thất chính, ở đầu quẻ Khảm.

### 2. Hoàn cảnh

Mệnh tức là mệnh lệnh, cải mệnh là thay đổi mệnh lệnh, thay đổi kỷ cương.

Hào 4 dương hợp với hào 3 dương, 5 dương, thành quẻ Càn, có tính cương kiện, tự cường không ngừng nghỉ (tự cường bất tức).

Hào 4 dương đã qua khỏi quẻ Li, tiến lên quẻ Khảm, tượng trưng cuộc cải cách đã trải qua một giai đoạn, đã có những thành công.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 4 dương - cương, ở vị trí âm - nhu, vừa dùng cương, vừa dùng nhu, có tính tự cường không ngừng nghỉ.

Trong thời cải cách đã có những thành công, có lợi cho dân, hối hận tiêu tan (hối vong), lại được dân chúng tin tưởng (hữu phụ).

Ban bố mệnh lệnh mới, lập kỷ cương mới, chương trình cải cách mới, có lợi cho dân, nên tốt lành (cải mệnh, cát).

(2) Cuộc cải cách diễn biến tốt (Cải mệnh chi cát), càng thêm củng cố lòng tin của người cải cách và dân chúng vào sự nghiệp cải cách (Cải mệnh chi cát, tín chí dã).

Cửu ngũ, đại nhân hổ biến, vị chiêm hữu phụ.

Hào 5 dương, người có đức tài của bậc đại nhân tiến hành cải cách, khắp chốn thay đổi văn minh, như con hổ thay lông, chưa bói cũng đã tin rồi.

Tượng viết : Đại nhân hổ biến, kì văn bính dã.

Tượng viết : Những người tài đức, tiến hành cải cách, làm mọi nơi, mọi chốn, sáng đẹp, văn minh.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc trung, đắc chính, cương vị quân chủ, chủ quẻ Cách, ứng với hào 2 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Như đã nói, hào 5 dương, hợp với hào 4 dương, hào 3 dương, thành quẻ Càn, tượng trưng đại nhân, rồng, hổ, hào từ viết đại nhân hổ biến.

Đại nhân là người có nhiều đức tính tốt. Hổ tượng trưng uy đức, uy vọng ; hổ biến việc cải cách, khắp chốn thay đổi, văn minh như con hổ vừa thay xong bộ lông đẹp đẽ.

Hào 3 âm, hào 4 dương, hào 5 dương, hào từ đều đề cập đến lòng tin (hữu phu). Biểu thị trong cuộc cải cách phải luôn luôn củng cố lòng tin của dân chúng ; hoặc chỉ những thay đổi rõ ràng, có lợi cho dân thì dân càng ngày càng tin tưởng.

Riêng hào 5 dương, biểu thị dân chúng đã hoàn toàn tin tưởng vào cuộc cải cách.

## 3. Quyền biến

(1) Hào 5 dương, quân chủ, có tài dương cương, có đức trung chính (đại nhân) có được hào 2 âm, tể tướng, phò tá, tiến hành cuộc cải cách, uy đức vang xa, mọi nơi mọi chốn đều đổi mới, văn minh rực rỡ, như con hổ vừa thay lông mới (hổ biến).

Nhìn cương vị, tài, đức, người phò tá, kết quả của việc đổi mới, không cần bói nữa (vị chiêm), cũng biết thiên hạ đã hoàn toàn tin phục rồi (hữu phụ), vì đó là cuộc cải cách thuận với lòng dân.

Ví dụ :

Dưới thời vua Kiệt, nhân dân quá khổ. Khi vua Thành Thang cất quân đánh Kiệt, thuận với lòng dân, nhân dân đều nói rằng : Chờ vua ta, vua ta tới thì ta sẽ sống lại.

(2) Văn là vẻ đẹp vẻ sáng. Mặt trời sáng rõ, trăng sao vằng vặc là văn của bầu trời. Núi non hùng vĩ, sông ngòi trong xanh, thôn xóm đông đúc, cây cỏ tốt tươi là văn của mặt đất. Văn chương là văn của con người. Những nét vân trên gỗ đá là văn của vật. Văn trên da hổ là văn của con hổ, nên tượng từ viết : hổ biến, văn kì bỉnh.

Tài đức của bậc quân chủ và người phò tá (đại nhân) đã cải cách thành công, tạo nên vẻ đẹp, vẻ sáng (hổ biến, văn kì bỉnh dã) cho mọi người, mọi vật, mọi nơi, mọi chốn.

Thượng lục, quân tử báo biến, tiểu nhân cách diện. Chinh hung, cư trình cát.

**Hào trên cùng âm, người quân tử thực tâm cải cách như con báo thay lông ; kẻ tiểu nhân miễn cưỡng theo ngoài mặt. Công việc cải cách đã xong, không nên bày thêm việc, bày nữa, thì xấu, trước sau giữ vững chính đạo, thì tốt.**

Tượng viết : Quân tử báo biến, kì văn uly đã ; tiểu nhân cách diện, thuận dĩ tòng quân đã.

**Tượng viết : Quân tử thực tâm cải cách, tài đức phát tiết sáng đẹp như con báo thay lông ; tiểu nhân không thực lòng, chỉ cải cách ngoài mặt, a dua hoặc miễn cưỡng theo quân tử, nên chẳng có gì thay đổi.**

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở cuối cùng thời Cách.

## 2. Hoàn cảnh

Sách Chu Dịch tập giải, Lục Tích giải thích, con báo giống con hổ nhưng nhỏ, mặt trắng lông đỏ, vằn tròn màu vàng, loại gọi là báo đen (huyền báo) có nhiều vằn đen như đồng tiền hoặc như lá ngãi, chúng thường ẩn núp trong sương núi, đầm.

Trình Di giải thích, tiểu nhân thường ngu muội khó thay đổi, lòng khó cải, nên chỉ làm theo lệnh, gọi là Cách diện.

Quân tử thấy thuận với nhân tâm, đạo lí thì theo, sẽ có được vẻ đẹp vẻ sáng như con báo thay bộ lông (quân tử báo biến).

Tiểu nhân, ngu muội chẳng hiểu được đạo lí nên không thích việc thay đổi, nếu buộc thay đổi thì cũng chỉ thay đổi bên ngoài (Cách diện).

### 3. Quyền biến

(1) Việc cải cách đã thành công, nhân dân an cư lạc nghiệp, phong tục của nhân dân đã thuần hậu, xã hội văn minh rực rỡ, thì không nên bày vẽ thêm chuyện để đổi thay (chính) sẽ gặp nguy hiểm.

Sách Chu Dịch triết trung giải thích : Vương đạo đã được thi hành, nhân nghĩa đã trở thành thói quen tốt đẹp của mọi người, thì không nên thay đổi nữa.

Hoặc, quân tử tiến hành việc đổi thay xuất phát từ tấm lòng, theo quy luật tự nhiên như con báo đến mùa thì thay lông (quân tử báo biến), kết quả tốt lành.

Còn tiểu nhân tiến hành việc thay đổi cũng chỉ là bề mặt (Cách diện), là nguy quân tử, mục đích che đậy những âm mưu đen tối bên trong, nên sẽ gặp nguy hiểm.

Ví dụ :

Viên Thế Khải lật đổ nhà Thanh, lập nên Trung Hoa dân quốc. Nhưng rồi tham vọng nổi lên, thích làm hoàng đế, muốn lập lại chế độ phong kiến. Kết cuộc, danh tiếng không còn, thân cũng mất.

Soán từ quẻ Cách, quẻ gốc, đã nhắc đến chính đạo (trình), đến hào trên cùng âm, ngọn quẻ, nhắc lại chính đạo (trình) ; các hào khác có nhắc đến chính đạo hay không, thì cũng phải giữ chính đạo.

Nói cách khác, từ khi bắt đầu cải cách, từng bước cải cách, từ gốc đến ngọn, từ trước đến sau, phải giữ được đạo chính (cư trình), thì mới tốt.

(2) Quân tử thay cũ đổi mới, nên đạo đức, phẩm cách, tài năng, tinh anh, ngày phát tiết ra ngoài như con báo vừa thay lông đẹp đẽ (Quân tử báo biến kì văn úy dã).

Tiểu nhân thiếu thực tâm, giả cách là thay đổi ở bên ngoài, bằng mặt (cách diện), chỉ là a dua theo người quân tử, hoặc không theo cũng không được (thuận dĩ tòng quân tử) ; cho nên đạo đức chẳng ra làm sao, phẩm cách cũng chẳng có gì thay đổi, tài năng cũng không có gì tiến bộ, khác nào con báo kì lạ, chẳng theo quy luật tự nhiên, đến tuổi, đến kì mà chẳng thay lông ?



## 50. HOẢ PHONG ĐỈNH

### TÊN QUẺ

Chữ Đỉnh, chữ tượng hình , miêu tả cái đỉnh.

Sách Thuyết văn giải thích : Đỉnh, có 3 chân, 2 tai, là vật quý dùng để điều hoà ngũ vị (Đỉnh, tam túc lưỡng nhĩ, hoà ngũ vị chi ngọc khí dã).

Sách Thuyết văn cho rằng, vua Vũ sau khi đã định được 9 châu, cho đúc 9 cái đỉnh ở dưới núi Kinh, trên khắc hình con li (giống con rồng trong huyền thoại, không có sừng) trông rất quái lạ, cùng với các thiên thể ; chín cái đỉnh tượng trưng cho 9 châu.

Sau này, đỉnh tượng trưng pháp quyền, sự hưng vong của quốc gia, là Thiên mệnh, là vật truyền quốc bảo.

Nhà Hạ làm cách mệnh thì đỉnh thuộc về nhà Thương, nhà Ân Thương thì đỉnh thuộc nhà Chu, vua Thành vương để đỉnh ở Hiệp Tầm.

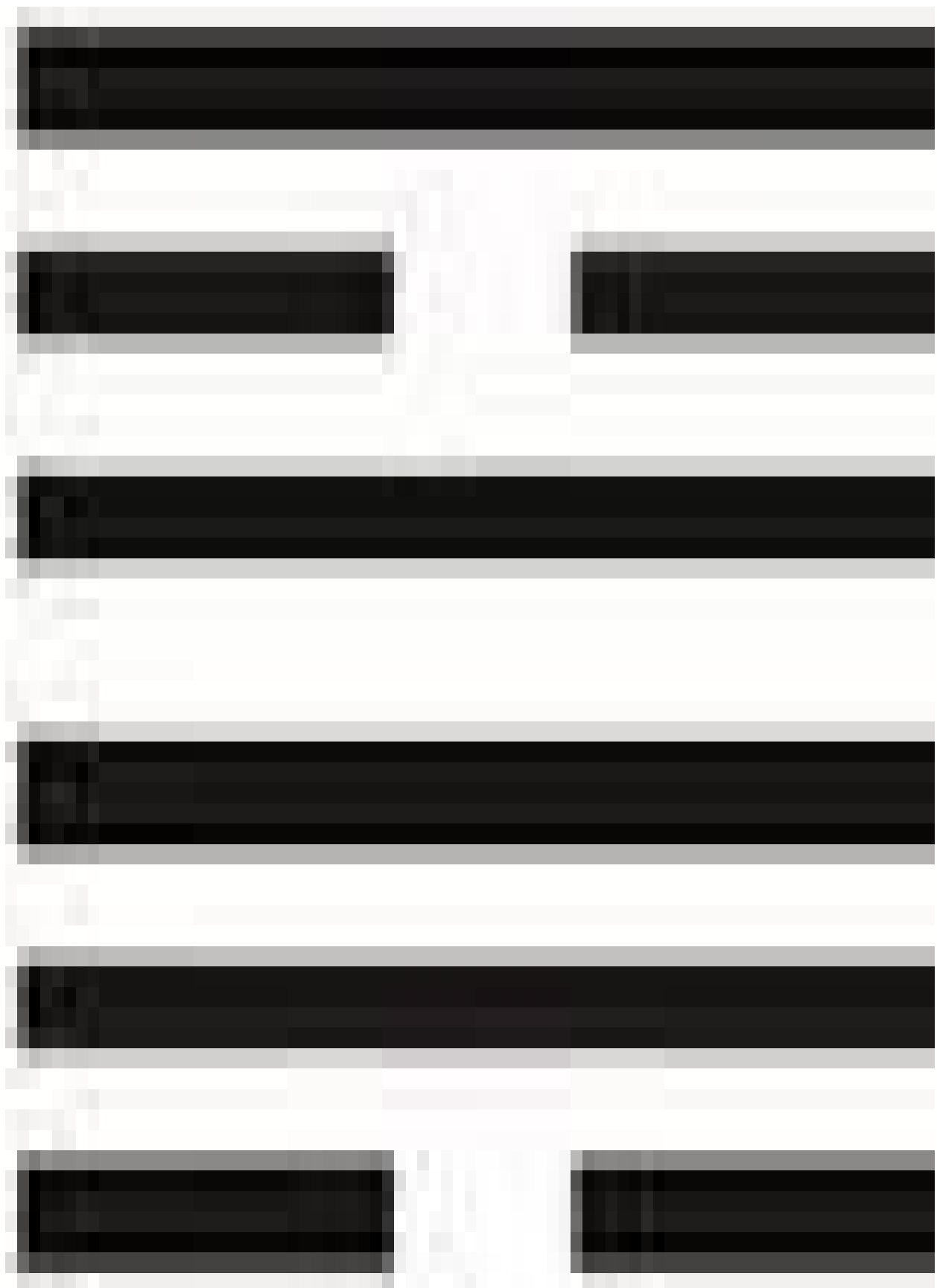
Gần một trăm ngàn năm, 9 cái đỉnh được chuyển 3 lần, lúc nhà Tần diệt sáu nước thì đỉnh mới mất.

Các nhà khảo cổ đã đào được những cái đỉnh 3 chân bằng đất, bằng sứ dùng để nấu nướng, có từ thời Phục Hy.

Tính chất của đỉnh là đựng nước (thủy), chịu lửa (hoả) ; công năng của đỉnh dùng để nấu nướng thức ăn, sống thành chín, cứng hoá mềm, tanh thành ngọt, có công nuôi dưỡng con người, nên người xưa rất coi trọng cái đỉnh.

Nghĩa bóng, đỉnh là cách tân, do chuyển từ triều đại này sang đại khác nên còn có nghĩa là cách mạng.

HÌNH QUẪ



Dưới Tốn - phong, trên Li - hoả, gọi là Hoả Phong Đỉnh.

Xét hình quẻ, dưới cùng là hào âm (nét đứt), tượng trưng chân vạc.

Giữa là nét dương (nét liền), tượng trưng trong vạc đựng đồ, ruột đầy đặc.

Tiếp là nét âm (nét đứt), tượng trưng hai tai vạc.

Trên cùng là hào dương (nét liền), tượng trưng cái đòn, dùng để khiêng vạc.

Xét về tượng quẻ, Tốn là mộc (củi), trên là Li (lửa), nhen củi, củi sinh lửa, đốt vạc để nấu ăn.

Từ hình quẻ, tượng quẻ gọi là Đỉnh.

SOÁN TỪ

Đỉnh, nguyên cát, hanh.

Tính chất của cái đỉnh (Đỉnh) là đựng được nước, chịu được lửa, dung hợp thuỷ hoả, lại có công năng biến thức ăn sống thành chín, cứng hoá mềm, mùi tanh hoá vị ngọt, nuôi sống con người, tất nhiên quá tốt, quá lợi (nguyên cát), làm gì mà chẳng hanh thông (hanh).

## SOÁN TRUYỆN

()

**Đỉnh, tượng dã. Dĩ mộc tổn hoả, hanh (phanh) nhẫm dã. Thánh nhân hanh (phanh), dĩ hưởng thượng đế, nhi đại hanh (phanh) dĩ dưỡng thánh hiền. Tổn nhi nhĩ mục thông minh, nhu tấn nhi thượng hành, đắc trung nhi ứng hồ cương, thị dĩ nguyên hanh.**

Quẻ Đỉnh lấy cái đỉnh, cái vạc, làm vật tượng trưng (Đỉnh tượng dã).

Phanh nhẫm là nấu nướng, nấu nướng để cúng tế thì phải cung kính thuần khiết, đủ lễ. Đại phanh là nấu nhiều thức ăn ngon, để nuôi nhiều nhân tài càng tốt.

Dưới là quẻ Tổn là mộc, là củi, là đưa vào, trên là quẻ Li là lửa, dùng củi nhen lửa để nấu thức ăn (Dĩ mộc tổn hoả, phanh nhậm dã), rõ ràng công dụng của cái đỉnh là rất lớn.

Chẳng hạn, thánh nhân dùng cái vạc nấu nướng để tế Trời, cúng tổ tiên, quỷ thần

(phanh nhằm dã thánh nhân phanh dĩ hưởng Thượng đế).

Thánh nhân lại dùng vạc nấu nướng thức ăn hậu hĩnh, ngon lành (nhi đại phanh dĩ dưỡng thánh hiền) để nuôi dưỡng những bậc thánh hiền, những bậc nhân tài.

Quẻ dưới (hoặc trong) Tốn có tính thuận, khiêm tốn ; quẻ trên (hoặc ngoài) Li tượng trưng mắt, hào âm giữa quẻ Li tượng trưng đức sáng, là cái tai ; đã có mắt thì thấy rõ, đã có tai thì nghe rõ (Tốn nhi nhĩ mục thông minh).

Toàn quẻ Đỉnh có hai hào âm nhu là hào 1 âm và hào 5 âm. Hào 1 âm nhu bất trung, bất chính, tiến mãi lên quẻ trên, hào 5 âm mới được đắc trung (nhu tiến nhi thượng hành đắc trung) ; thuận ứng với hào 2 dương cương (nhi ứng hồ cương) ; tương tự, quân chủ hạ ứng với hiền thần.

Bên trong có đức thuận, khiêm tốn ; bên ngoài có đức sáng suốt thông minh, trung, nhu, có hiền thần dương cương, giúp đỡ, xuất xử có cương có nhu, thì làm việc gì mà không tốt, việc gì mà chẳng hanh thông (thị dĩ nguyên hanh).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Mộc thượng hữu hỏa, Đỉnh, quân tử dĩ chính vị ngưng lệnh.

Dưới Tốn là mộc, trên Li là hỏa, đốt củi nhen lửa, thì việc nấu nướng mới thành

công (Mộc thượng hữu hoả), nên gọi là Đỉnh.

Như Soán truyện đã viết, hào 5 âm đặc trung, còn gọi là chính vị, có vị trí nhất định.

Ba chân của đỉnh chịu đựng, ngưng tụ, sức nặng của đỉnh, ba chân vững thì thân đỉnh mới vững ; mệnh là mệnh trời, mệnh lệnh, ngưng mệnh có thể hiểu là lập mệnh ; có thuận theo mệnh trời (quy luật), có lập mệnh lệnh, thì thân mới yên ổn.

Người quân tử xem tượng của quẻ Đỉnh, thấy được vị trí của mình, thuận theo mệnh trời (quy luật) lập ra mệnh lệnh. Lập được mệnh lệnh rồi thì bản thân và mọi người mới được yên ổn, vững vàng (Quân tử dĩ chính vị ngưng mệnh).

## HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, Đỉnh điền chi, lợi xuất bĩ. Đặc thiệp, dĩ kì tử, vô cữu.

Hào 1 âm, vạc chống chân lên, trút những đồ dơ bụi bặm ra thì lợi. Như gặp được người thiệp sinh con, không lỗi.

Tượng viết : Đỉnh điền chỉ, vị bội dã ; lợi xuất bĩ, dĩ tòng quý dã.

Tượng viết : Đỉnh chống chân lên dốc ngược ; chẳng có gì trái với lẽ thường, vì nhân đó mà bỏ cái cũ, làm theo cái mới.

## 1. Sơ lược

Hào 1 âm, ở vị trí dương, thất chính, ứng với hào 4 dương, ở dưới quẻ Tốn, dưới cùng quẻ Đỉnh.

## 2. Hoàn cảnh

Đoài tượng trưng trường nữ, không phải là chính thất mà là thiếp, nên hào từ viết là được thiếp (đắc thiếp).

Nếu quẻ Tốn, hào âm biến thành dương, 2 hào dương biến thành âm, sẽ thành quẻ Chấn , tượng trưng cái chân, trường nam, nên hào từ gọi là chỉ, tử.

Cái đỉnh là vật truyền quốc hoặc dùng để nấu ăn thì phải để ngay ngắn vững vàng.

Hào 1 âm, bất chính, biến quái là Chấn là cái chân, chân thì hay đi, hay động, chân đỉnh bị xô dịch, vạc đổ, chân chống lên trời (Đỉnh điền chỉ), là gặp điều



chẳng lành, nguy hiểm.

Hào 1 âm ứng với hào 4 dương, được hào 4 dương giúp đỡ, nên cứu vẫn được tình thế, việc dốc miệng đỉnh xuống là đổ những vật dư dấy ra ngoài (lợi xuất bĩ).

Trong cái rủi lại có cái may, trong cái hoạ có cái phúc và biến chuyển hoạ thành phúc. Tương tự người có vợ chính, nhưng không có con, gặp thiếp sinh con, nên không tội lỗi (đắc thiếp, dĩ kì tử).

### 3. Quyền biến

(1) Muốn nấu thức ăn, phải làm sạch đỉnh, muốn thay mới thì phải bỏ cũ, muốn hành thiện thì phải bỏ ác, muốn thành người tốt, phải bỏ những tật xấu, cũng là một quá trình tránh hoạ tìm phúc, tránh nguy hiểm thành không tội lỗi.

(2) Đỉnh lật xuống, chống chân lên Trời, là bất thường, nhưng để đổ bụi bặm ra, quét đỉnh là chuyện bình thường. Việc có tiểu thiếp là chuyện bất thường, nhưng tiểu thiếp sinh con là chuyện bình thường. Trong cái không bình thường phải tìm được lẽ bình thường ; không bình thường, bình thường cũng là những lẽ thường của việc đổi cũ làm mới bỏ. Bĩ vật bỏ đi, là xấu, là ác ; quý là vật mới, là thiện.

Đỉnh chống chân lên trời (Đỉnh điên chi), nhân đó mà làm sạch bụi (lợi xuất bĩ), việc ấy chẳng có gì trái với lẽ thường (vị bội dã), là cách bỏ cũ theo mới, bỏ điều xấu theo điều tốt (dĩ tòng quý dã).

Cửu nhị, Đỉnh hữu thực, ngã cửu hữu tật, bất ngã năng tức, cát.

Hào 2 dương, vạc chứa thức ăn, có kẻ đồ kị, nhưng không hại được, tốt.

Tượng viết : Đỉnh hữu thực, thận sở chi dã, ngã cửu hữu tật, chung vô vuơ dã.

Tượng viết : Vạc chứa thức ăn, nên cẩn thận, kẻ đồ kị không làm gì được, chung cuộc mới không tội lỗi.

## 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm bất chính nhưng đắc trung, ứng với hào 5 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Thực có nghĩa là hào dương, là thực phẩm, hoặc đầy hoặc có chân tài thực học. Hào 2 dương có đức cương trung, có chân tài thực học, ứng với hào 5 dương ở quẻ Li có đức sáng.

Tượng trưng cái đỉnh đựng đầy thức ăn ngon lành, có thể dùng để tế lễ hoặc dùng để nuôi dưỡng hiền tài và dân chúng (Đỉnh hữu thực).

### 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm có tài, có đức, có địa vị, có của cải, được quân chủ tin dùng, được quần chúng mến mộ, chắc chắn sẽ bị bọn tiểu nhân, như hào 1 âm, đố kỵ, thù oán (Ngã cừu hữu tật).

Với đức độ, uy danh của hào 2 âm, dù bị tiểu nhân ghen ghét cách mấy cũng không dám làm hại, hoặc có muốn hại cũng không hại được (bất ngã năng tức), nên tốt lành (cát).

(2) Dù có tài có đức, có tài, có địa vị, có của cải nuôi dưỡng người hiền, nuôi dưỡng dân chúng (Đỉnh hữu thực dã), nhưng cũng phải hết sức cẩn thận (thận sở chi dã), thì bọn tiểu nhân ghen ghét đố kỵ (ngã cừu hữu tật) cũng chẳng làm gì được, chung cuộc mới không tội lỗi (chung vô vưu dã).

Ví dụ :

Thời Trung Đường, dưới triều Hiến Tông, Bùi Độ làm tể tướng, đem quân bình định quân phản loạn ở Hoài Tây.

Quân phản loạn cử người sát hại Bùi Độ. Kẻ thích khách đâm trúng con ngựa, Bùi Độ thoát hiểm.

Sau khi bình định được Hoài Tây, Bùi Độ giúp Hiến Tông trung hưng, gọi là Nguyên Hoà trung hưng.

Cửu tam, Đỉnh nhĩ cách, kì hành tắc. Trĩ cao bất thực. Phương vũ, khuy hối, chung cát.

Hào 3 dương, cái tai vạc đang thay đổi, chưa cất vạc lên được. Thức ăn ngon ra được. Sắp mưa rồi, không còn ăn năn nữa, kết quả sẽ tốt.

Tượng viết : Đỉnh nhĩ cách, thất kì nghĩa dã.

Tượng viết : Tai đỉnh đang thay đổi, mất đi nghĩa lí thời Đỉnh.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở trên cuối quẻ Tốn, dưới quẻ Li.

## 2. Hoàn cảnh

**Hào 3 dương biến thành âm, hợp với hào 4 dương, 5 âm, thành quẻ Khảm , tượng trưng mỡ, nước (mưa), gian nan chưa được dùng, nên hào từ nhắc đến mỡ gà rừng, một loại thực phẩm ngon lành (trĩ cao), đề cập đến mưa (phương vũ) và gian nan không được dùng (bất thực).**

Thông thường, vạc dùng để nấu chín thực phẩm, rồi cầm tai vạc để đổ thức ăn ra để ăn, thức ăn chín, tai vạc bị biến cách hoặc không có tai, thì không thể đem thức ăn ra dùng.

Hào 5 âm, tượng trưng tai vạc (Đỉnh nhĩ), đang bị biến cách (cách) nên không hạ ứng với hào 3 dương. Hào 3 dương muốn tiến lên ứng với hào 5 âm cũng rất khó như đường bị bịt lối (kì hành tắc).

Hào 3 dương có đức dương cương, bụng đầy kinh luân, có tài nuôi dưỡng người nhưng chưa được quân chủ tin dùng, chưa gặp thời, gặp gian nan.

Tương tự, vạc đựng đầy thức ăn ngon lành mà không ăn, hoặc không biết mời ai ăn (trĩ cao bất thực).

Ví dụ :

Hàn Tín là người có tài, lúc chưa gặp Lưu Bang, Tín phải xin cơm Phiếu mẫu,

hát rằng :

Trăng chưa mọc hề

Bầy sao long lánh

Chưa gặp thời hề

Anh hùng long đong

(Nguyệt vị xuất hề

Chúng tinh cảnh quang

Thời vị ngộ hề

Anh hùng thối tàng)

Được Tiêu Hà tiến cử với Lưu Bang, Tín thành một tướng tài.

Nhưng theo quy luật cương nhu tương đắc, âm dương hoà hợp, sẽ sinh mưa rào

(phương vũ), hào 5 âm sẽ hợp với hào 3 dương.

Vua sáng, tôi hiền gặp gỡ, lúc ấy mới không còn ăn năn (khuy hối), kết quả sẽ tốt lành (chung cát).

### 3. Quyền biến

(1) Vua không biết dùng người hiền, hoặc người hiền không gặp được vua sáng, sẽ hối hận, mọi việc không được tốt lành, gặp nguy hiểm.

(2) Theo nghĩa lí của thời Đỉnh là thời anh hùng đỉnh lập, là thời có nhiều biến chuyển, âm dương hoà hợp và mưa xuống.

Nhưng xét riêng hào 3 dương, có đức dương cương, có tài thao lược nhưng thời chưa tới, vận chưa thông, như lúc gặp tai đỉnh biến cách (Đỉnh nhi cách), là ra ngoài nghĩa lí của thời Đỉnh (thất kì nghĩa dã).

Anh hùng lúc vị ngộ, gian nan, lại càng tin vào đức, vào tài và vào sự chuyển biến của thời thế.

Cửu tứ, Đỉnh chiết túc, phúc công tước, kì hình ác, hung.

Hào 4 dương, chân vạc gãy, đồ thức ăn của vương hầu, bị trừng trị, xấu.

Tượng viết : Phúc công tước, tín như hà dã.

Tượng viết : Thức ăn vương hầu bị đổ, sao lại ôm đồm đến thế.

## 1. Cửu tử

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, bất trung, ở dưới hào 5 âm, ứng với hào 1 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 dương ở dưới hào 5 dương, như bậc đại thần ở dưới quân chủ.

Hào 4 dương biến thành âm, hợp với 3 âm, 5 dương sẽ thành quẻ Chấn , tượng trưng cái chân (túc), có tính động, hào từ đề cập đến chân gãy (chiết túc).

Hào 4 dương thực, tượng lòng đỉnh đựng đầy thức ăn ngon, dùng để tế lễ hoặc dâng cho các bậc vương hầu (công tước).



Nhưng thức ăn ngon đã bị đổ (phúc), phạm vào vương pháp, bị trừng phạt rất nặng (kì hình ố).

Hào 4 dương, bất trung bất chính ; biến quái là Chấn, có tính nóng vội hiếu động ; lại ứng với hào 1 âm, vốn là kẻ tiểu nhân, bất tài, làm cho đình ngả (đình chỉ).

Tương tự, người được giao trách nhiệm nặng nề, nấu thức ăn, dùng để tế lễ, hoặc cung cấp cho các bậc vương hầu.

Bản thân đã bất trung, bất chính, không có đức tài, nóng vội, lại tin dùng một kẻ tiểu nhân, vì thế đã làm đổ thức ăn, không có để tế, chẳng có để cung cấp cho các bậc vương hầu ; phạm vương pháp, rước họa vào thân, bị trị tội rất nặng (kì hình ố), thật là nguy hiểm (hung).

Khổng Tử nói : Đức mỏng mà ngôi cao, trí kém mà mưu việc lớn, sức mọn mà gánh trách nhiệm nặng nề, xưa nay chưa từng thấy ai thành công.

Tín còn có nghĩa là thân duỗi ra, dài tay, ôm đồm. Hào 4 dương làm đổ đình thức ăn (phúc công phúc), sao mà ôm đồm quá vậy ! (tín như hà dã !).

### 3. Quyền biến

Không đủ sức làm việc lớn, đừng có gắng gượng, đã gắng gượng còn tin kẻ bất tài thì gánh lấy tai họa.

Ví dụ :

Theo Dương An Quốc truyện, An Quốc giảng Dịch cho vua Tống Nhân Tông nghe, đến hào 4 dương (Đỉnh chiết túc, phúc công túc kì hình ốc, hung). Vua Tống Nhân Tông hỏi :

- Ý nghĩa hào này thế nào ?

Nhân đó, An Quốc có ý khuyên nhà vua:

- Hào 4 dương trên nhận trọng trách của quân chủ giao phó, dưới lại đi nhờ cậy hào 1 âm, bất tài, vô đức, tất nhiên là công việc sẽ đổ bể.

Tống Nhân Tông khen :

- Luận như vậy, thật là chí lí !

Lục ngũ, Đỉnh hoàng nhĩ, kim huyễn, lợi trinh.

Hào 5 âm, tai vạc vàng sáng, có đôn xâu bằng kim khí, giữ được đạo chính thì bền.

Tượng viết : Đỉnh hoàng nhĩ, trung dĩ vi thực dã.

Tượng viết : Tai vạc vàng sáng, lòng đỉnh rộng nên chứa được thức ăn.

### 1. Lục ngũ

Hào 5 âm ở vị trí dương, thất chính nhưng đắc trung, ứng với hào 2 dương, dưới hào 6 dương.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 5 âm tượng trưng cái tai vạc, ở trong quẻ Li là lửa, ánh sáng sắc vàng, nên gọi là quai vạc sắc vàng sáng láng (hoàng nhĩ), là chủ quẻ.

Hào trên cùng dương cương như cái đôn vạc bằng sắt dùng để gánh vạc lên (kim huyền).

### 3. Quyền biến

(1) Hào 5 âm, quân chủ, có đức hư trung, khiêm tốn, trên được hào trên cùng dương giúp đỡ, dưới ứng với hào 2 dương, có đức dương cương tương trợ, chỉ còn việc giữ được sự trinh chính thì mới có lợi.

Tương tự cái vạc, lòng vạc thì đầy, quai vạc có sắc vàng sáng (Đỉnh hoàng nhĩ), sạch, vừa nấu xong, có đòn bằng sắt vững chắc để khiêng (kim huyễn), chỉ là khiêng thế nào cho ngay thẳng thì mới có lợi (lợi trinh).

(2) Hào 5 âm có đức hư trung, sáng láng, để thu nạp những kẻ có thực đức, thực tài như hào 2 dương, để nuôi dưỡng nhân tài và nhân dân.

Khác gì cái đỉnh có tai vạc sáng láng (Đỉnh hoàng nhĩ), tuy lòng đỉnh rỗng nhưng chứa đầy thức ăn (trung dĩ vi thực).

Thượng cửu, Đỉnh ngọc huyễn, đại cát, vô bất lợi.

Hào trên cùng dương, vạc có cái đòn bằng ngọc để khiêng, rất tốt, không gì là không lợi.

Tượng viết : Ngọc huyễn tại thượng, cương nhu tiết dã.

Tượng viết : Đòn bằng ngọc trên đỉnh, không quá cương, không quá nhu.

### 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, bất chính, ở trên hào 5 âm, trên cùng quẻ Đỉnh.

### 2. Hoàn cảnh

Hào từ hào 5 dương, nói đến cái đòn bằng kim loại (kim huyễn) ; hào từ hào 6 dương lại nói cái đòn bằng ngọc (ngọc huyễn) ?

Kim và ngọc đều là vật quý nhưng ngọc có tính mềm hơn, lộ ánh sáng ra ngoài nhiều hơn. Biểu thị, qua thực tiễn nhân tài bộc lộ rõ tài đức, ứng dụng cương nhu tương tế một cách thành thạo.

### 3. Quyền biến

(1) Hào trên cùng dương - cương, ở vị trí âm - nhu, dùng cương nhu tương tế, âm dương hoà hợp, làm xong việc nuôi dưỡng hiền tài, nhân dân trong thời Đỉnh, đức độ tài năng ngày càng thăng tiến, tên tuổi càng vang xa, không có gì là không tốt, làm việc gì mà không lợi.

Tương tự, vạc đã nấu thức ăn, cứng thành mềm, tanh thành ngọt, điều hoà ngũ vị, có thể ăn được, dùng để nuôi hiền dưỡng sĩ, lại có đòn bằng ngọc dùng khiêng vạc (Đỉnh ngọc huyền), cái gì lại không tốt (nguyên cát), làm việc gì chẳng lợi (vô bất lợi).

(2) Ở vị trí hào trên dương, ở cùng quẻ Đỉnh có một trách nhiệm nặng nề trong việc nuôi hiền sĩ, dưỡng dân nhân thành công là do biết ứng dụng cương nhu tương tế.

Như dùng đòn ngọc ở trên đỉnh (Đỉnh ngọc huyền) dùng khiêng đỉnh, chẳng quá cứng, chẳng quá mềm (tiết nhu dã)

## TIỂU KẾT

### 1. Đỉnh

Người xưa rất coi trọng cái đỉnh, thường đặt trong tông miếu, đôi khi các đại thần thường mượn cái đỉnh làm phương tiện đấu tranh chính trị.

Ví dụ : Thời Hán, nạn ngoại thích chuyên quyền, Lưu Hưởng đã dùng cái đỉnh để khuyên nhà vua. Ông nói : Cái đỉnh có 3 chân, tượng trưng cho ba vị tam công, nay có con chim hoang dã đến làm tổ ở tai đỉnh, trên ba chân, khác nào bọn tiểu nhân ở trên cả tam công, cây hoang mọc ở trong tông miếu, là điềm rất bất tường.

## 2. Khổng Tử đoán Dịch

Sách Thành Trai tập kí ghi : Khổng Tử sai Tử Cống đi đến nước Việt nhưng lâu chưa về, ông sai đệ tử bói Dịch, xem thử lành hay dữ.

Đệ tử bói được quẻ Đỉnh, thưa với Khổng Tử :

- Đỉnh đã gãy chân (Đỉnh chiết túc), không có chân làm sao mà đi ? Có lẽ Tử Cống không về đâu ?

Khổng Tử nói :

- Người nước Việt dùng thuyền, đâu có đi bộ mà dùng chân. Tử Cống sẽ sớm về.

Chứng tỏ, việc luận Dịch rất linh hoạt, biến hoá, không nên quá tin vào việc bói toán hoặc câu nệ vào câu chữ.

## 51. THUẦN CHẤN

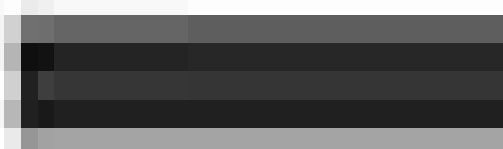
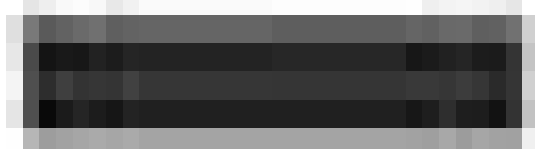
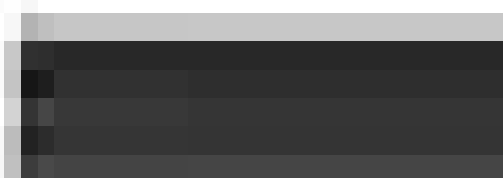
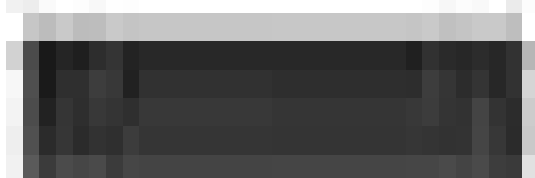
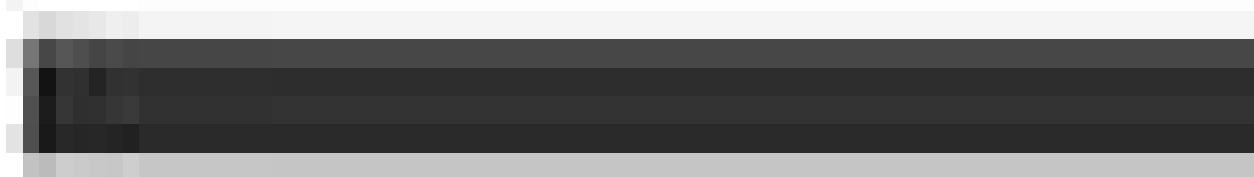
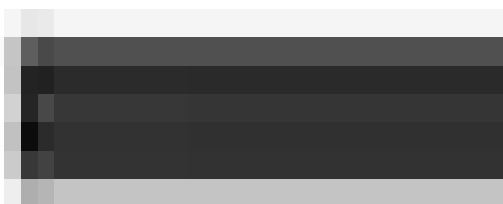
### TÊN QUẺ

Tự quái định nghĩa : Đỉnh là trọng khí, người làm chủ giữ trọng khí không ai bằng con trai trưởng, vì vậy, sau quẻ Đỉnh là quẻ Chấn.

Chấn là động, không gọi là động mà gọi là Chấn.

HÌNH QUÊ





Dưới Chấn, trên Chấn, gọi là Thuần Chấn.

Dưới là Chấn - sấm, trên là Chấn - sấm, những tiếng sấm liên tiếp, sấm dồn, gọi là Chấn.

Xem hình quẻ, hào dương ở dưới hai hào âm, động mà tiến lên, gọi là Chấn.

Hào 1 dương của quẻ Càn , giao hoán với quẻ Khôn , thành quẻ Chấn, hai quẻ Chấn chồng lên nhau, thành quẻ Thuần Chấn.

SOÁN TỪ

**Chấn, hanh. Chấn lai khích khích, tiểu thanh nha nha ; Chấn kinh bách lí, bất táng chủy sưởng.**

Quẻ Chấn, nét dương tượng trưng khí dương sinh ra, tiến lên dần dần, như sấm phát động, vạn vật sẽ nảy nở, hanh thông (Chấn hanh)

Chủy là cái đình ; sưởng rượu, là hương ; chủy sưởng chỉ chung những đồ dùng để tế lễ. Bách lí là vùng đất rộng trăm dặm, thời cổ nước chư hầu rộng khoảng

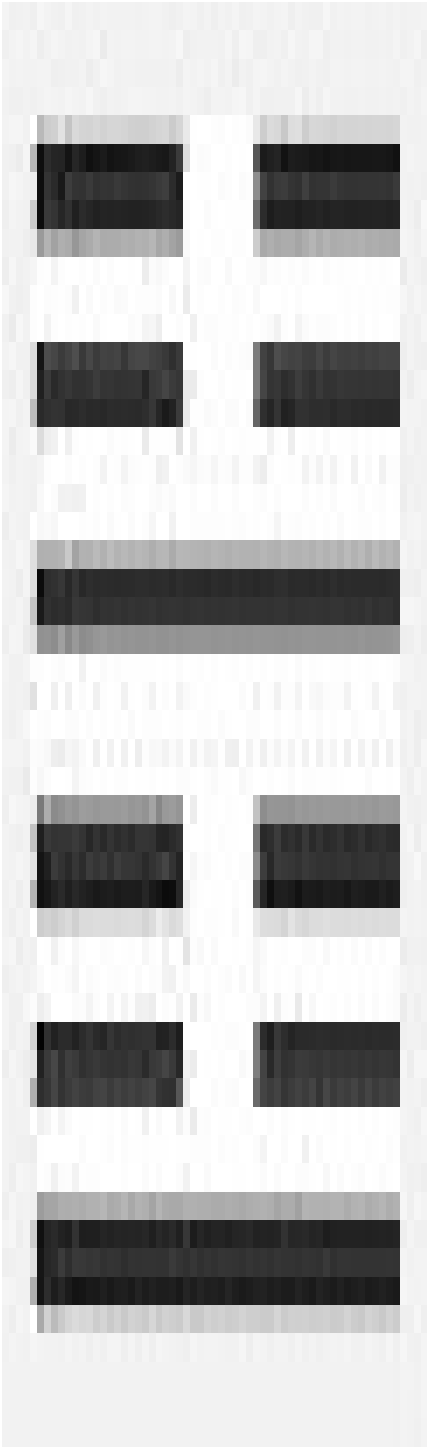
một trăm dặm.

Tâm lí thông thường, nghe tiếng sấm bất ngờ nổ rền, liên tiếp, làm cho người ta kinh sợ (Chấn lai kích kích), khi tiếng sấm ngừng thì người ta thở phào và cười (tiếu thanh nha nha).

Dù tiếng sấm vang động kinh hồn cả trăm dặm (Chấn kinh bách lí), người chủ tế cũng phải trấn tĩnh, không nên kinh động mà làm rơi những vật dùng để tế lễ (bất táng chủy sưởng).

## SOÁN TRUYỆN

**Chấn hanh. Chấn lai kích kích, khủng trí phúc dã ; tiểu ngôn nha nha ; hậu hữu tắc dã ; Chấn kinh bách lí, kinh viễn nhi cụ di dã. Xuất, khả dĩ thủ tôn miếu xã tắc, dĩ vi tế chủ dã.**



Như đã nói, sấm động dương khí sinh ra, mọi vật sinh sôi, nên hanh thông (Chấn hanh)

Xét quẻ Thuần Chấn (hình bên trái), trên là Chấn dưới là Chấn, nếu đảo ngược sẽ thành quẻ Thuần Cấn (hình bên phải), Chấn tượng trưng động, Cấn tượng trưng dừng, là tĩnh. Quẻ Thuần Chấn, Thuần Cấn, tương phản nhưng lại tương thành.

Sấm động vang đến người ta lo sợ (Chấn lai khích khích), từ lo sợ mà tu tĩnh, sẽ tự tạo phúc cho mình (khủng trí phúc dã).

Sấm dừng, tĩnh, người ta cười khoan khoái (tiểu ngôn nha nha), từ đó mà cư xử cho đúng phép tắc (hậu hữu tắc dã).

Người ta lo sợ rồi lại cười khoan khoái là tương phản, nhờ có sấm mà tự tạo phúc cho mình, làm đúng phép tắc, là tương thành.

Chấn là trưởng nam, về vương triều là thái tử, về người kế thừa vương vị. Xã tắc là chỉ giang sơn.

Sấm là uy Trời, vang rền cả trăm dặm, sấm tuy xa nhưng làm người gần phải kinh sợ (Chấn kinh bách lí, kinh viễn nhi cụ di dã).

Giang sơn biến loạn như cơn sấm dữ, vua không còn trong nước ; hoặc vua mất, chấn động như cơn sấm dữ (xuất) ; người kế thừa vương vị, phải giữ gìn tôn

miếu xã tắc giang sơn (khả dĩ thủ tông miếu xã tắc), như người chủ tế trấn tỉnh tiến hành buổi tế (dĩ vi tế chủ dã).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tấn lôi, Chấn ; quân tử dĩ khủng cụ tu tình.

Sấm liên tiếp gọi là Chấn (Tấn lôi, Chấn). Người quân tử xem tượng ấy, thường lo sợ (quân tử khủng cụ) mà phản tỉnh, tu dưỡng đức hạnh (tu tình).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, chấn lai khích khích, hậu tiểu ngôn nha nha, cát.

Hào 1 dương, sấm nổ thì lo sợ, sau đó cười nói, tốt.

Tượng viết : Chấn lai khích khích, khủng trí phúc dã ; tiểu ngôn nha nha, hậu hữu tắc dã.

Tượng viết : Sấm nổ thì lo sợ, sợ mà tự tạo phúc, sấm tan nói cười, thêm phép tắc.

### 1. Sơ cứu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở đầu quẻ Chấn.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 1 âm của quẻ Khôn , biến thành dương, mới thành quẻ Chấn , nên hào 1 dương là chủ quẻ Chấn.

Toàn quẻ Chấn có hai hào dương là hào 1 dương và hào 4 dương. Hào 1 dương cương, ở vị trí dương, tượng trưng tiếng sấm to mạnh ; hào 4 dương ở vị trí âm, tượng trưng tiếng sấm nhỏ, yếu.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 1 dương cương, đắc chính, thường lo sợ, đề phòng sự biến động ập đến, khi biến động ập đến thì trấn tĩnh, tỉnh táo, nên tốt lành.

Hoặc, người lúc gặp hoạn nạn dồn dập, phải hết sức cẩn thận, kính cẩn, thì mới thoát được hoạn nạn.

Ví dụ :

Văn Vương bị giam ở Dữu Lí hết sức cẩn thận, khôn khéo, mới được Trụ vương thả ra.

Tương tự, người phòng sợ sấm (Chấn lai khích khích), sấm đánh mang tai thì lo sợ, trấn tĩnh, sấm tan thì nói cười (hậu, tiểu ngôn nha nha) như thế thì tốt (cát).

Nếu không biết phòng bị, lo sợ, trấn tĩnh, chưa chắc được cười, chưa chắc là tốt.

(2) Hoạn nạn và bình yên có tính tương phản tương thành. Phòng hoạn nạn, gặp hoạn nạn, vượt hoạn nạn, là tự tạo phúc cho mình. Khỏi hoạn nạn, bình yên giúp mình thêm hành động đúng phép tắc.

Tương tự, sấm đến (Chấn lai khích khích), người ta sợ mà tự tạo phúc (khủng chí phúc dã), sấm qua nói cười nhưng hành động càng thêm đúng mực, đúng phép tắc (hậu hữu tắc dã).

Lục nhị, Chấn lai lệ, ức (ý) táng bối, tê vu cửu lăng, vật trực, thất nhật đắc.



Hào 2 âm, Sấm nổ, nguy, e mất hết chạy lên chín từng gò để tránh, tự nhiên bảy ngày sẽ được.

Tượng viết : Chấn lai lệ, thừa cương dã.

Tượng viết : Sấm nổ nguy, do cười lên hào dương cương.

## 1. Lục nhị

Hào 2 âm ở vị trí âm, đắc chính, đắc trung.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 âm biến thành dương, hợp với hào 3 âm, 4 dương, thành quẻ Li , tượng trưng ngọc trai, vỏ sò (bối), nên hào từ viết là mất vỏ sò (táng bối), ngày xưa dùng làm tiền.

Có sách viết ý là ước, táng ước bối là mất tiền bạc, của cải, đồ quý giá với số lượng lớn, ám chỉ sự tổn thất, mất tất cả.

Hào 2 âm, hợp với hào 3 âm, hào 4 dương thành quẻ Chấn là núi, là gò, nên hào từ nhắc đến chín tầng gò (cửu lăng). Xét, quẻ Cấu và quẻ Phục ; quẻ Cấu là hào 1 âm ở dưới cùng, các hào âm tiến dần hết 6 hào, lúc ấy hào dương mới phục sinh ở dưới quẻ Phục.

Vì vậy, soán từ quẻ Phục viết : Bảy ngày nữa, hoặc bảy lần nữa, hào dương phục sinh (vật trực thất nhật lai phục). Hào 2 âm, quẻ Chấn viết : Bảy ngày nữa được (thất nhật đắc). Âm chỉ nay dương tiến thì âm thối, âm thối bảy lần hoặc bảy ngày thì âm phục sinh.

Hào 2 âm vừa cười lên hào 1 dương cương, nơi phát sinh tiếng sấm mạnh mẽ dội đến (Chấn lai), lại không ứng với hào 5 âm, không có ai giúp, tình thế nguy hiểm, đáng sợ (lệ), e có nguy cơ tổn thất, mất hết tất cả (ức táng bối).

Tuy vậy, hào 2 âm có đức nhu (khiêm), đặc trưng đặc chính, tránh xa nơi vùng phát sinh tiếng sấm, lên chín tầng gò cao, tức là thối để tiến (tê vu cửu lăng).

Như đã nói, âm cực thì dương sinh, dương tiến thì âm thối, có động có tĩnh, mọi vật có co có duỗi, sấm có lúc phát động có lúc dừng ; các hào dương tiến cùng cực thì hào âm tự nhiên sinh (vật trực thất nhật đắc).

### 3. Quyền biến

(1) Ở hoàn cảnh hào 2 âm đặc trưng, đặc chính trong thời Chấn : Nếu hào 1 dương động, hào 2 dương tĩnh, tĩnh chế động ; hào 1 dương tiến, hào 2 âm thối ; hào 1 dương phát động, hào tránh xa ; hào 1 dương duỗi, hào 2 âm co.

Nhờ vậy, biến cái mất (táng) thành được (đắc), hoá nguy hiểm (lệ) thành tốt (cát).

(2) Trong thời Chấn, hào 2 âm gặp nguy (Chấn lai lệ) là do cưỡi lên hào 1 dương (thừa cương dã). Đã vậy, phải biết cách thoát nguy.

Lục tam, Chấn tô tô, chấn hành vô sảng.

Sấm động hồn xiêu phách lạc, tu tình mới không gặp nguy.

Tượng viết : Chấn tô tô, vị bất đáng dã.

Tượng viết : Sấm động hồn xiêu phách lạc, thật không đáng vị trí xử không đúng thời.

## 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị dương, thất chính, bất trung.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 3 âm, hợp với hào 4 dương, hào 5 âm, thành quẻ Khảm , tượng trưng nguy hiểm, tai hoạ, hào từ gọi là tai hoạ (sảnh).

Nếu hào 3 âm, biến thành dương, hợp với hào 4 dương, 5 âm, thành quẻ Đoài, vui vẻ, hoà duyệt.

Hào 3 âm, bất chính, lúc sấm động, sợ hãi đến rụng rời, biến sắc, hồn xiêu phách lạc (Chấn tô tô), hoặc thấy những gì chưa từng thấy, gặp những gì chưa từng gặp, mê mẩn cả tâm thần, cứ thế tất gặp nguy hiểm (sảnh).

## 3. Quyền biến

(1) Nếu hào 2 âm theo tượng quẻ Chấn mà tu tình (Chấn hành), tự biến đổi thành dương, như quẻ Đoài, trấn tĩnh, hoà duyệt, mới không gặp nguy hiểm (vô sảnh).

Ví dụ :

Lưu Bang vào đến cung thất nhà Tần, choáng ngợp khi thấy vàng bạc, mỹ nữ, không muốn rời một chút nào.

Trương Lương, Tiêu Hà khuyên can Lưu Bang ra khỏi cung nhà Tần.

(2) Sở dĩ, hào 3 âm, gặp chấn động mà xồn xiêu phách lạc (Chấn tô tô), là vì ở không ở đúng vị trí (vị bất đúng dã), xử chưa đúng vào thời Chấn.

Cửu tứ, Chấn toại nê.

Hào 4 dương, sấm động, bị mê say chìm đắm.

Tượng viết : Chấn toại nê, vị quang dã.

Tượng viết : Sấm động mê say, còn đâu ánh sáng.

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, bất trung.

## 2. Hoàn cảnh

Kinh Phòng giải thích, hào 4 dương hợp với hào 3 âm, hào 5 âm, thành quẻ Khảm là nước, là bùn ; hào 4 dương ở giữa, tượng trưng bùn, nên hào từ gọi là chìm đắm trong bùn (toại nê), nguy hiểm.

Toàn quẻ có hai hào dương, hào 1 dương và hào 4 dương ; hào 1 dương hào từ cho rằng tốt, hào 4 dương thì lại cho rằng chìm đắm trong bùn, tức là xấu ?

(1) Trình Di giải thích : Ở thời Chấn động, mà bất trung bất chính, bị hãm giữa các hào âm, thì không thể tự mình phấn phát được.

(2) Hào 4 dương cương, có tính sáng, nay lọt vào bùn (toại nê) mất hết cả tính sáng (vị quang dã).

Tương tự, tính con người vốn thiện, sa vào bùn ác, ngụp lặn trong đục vọng, bơi trong dòng thanh sắc, không rút chân ra được, bị che lấp cả tính thiện.

Ví dụ :

Lỗ Trang Công thu nạp hai cô gái nước Tề, suốt ngày dâm loạn. Các trung thần can gián, ông ta không nghe. Cuối cùng, thiệt thân, mất nước.

### 3. Quyền biến

Đạo Chấn là tu tĩnh, phản tĩnh, hào 4 dương không phản tĩnh, không tu tĩnh nên suốt đời chìm đắm trong mê muội.

Lục ngũ, Chấn vãng lai lệ ; ước (ý) vô táng, hữu sự.

Hào 5 âm, sấm tới hay lui, đều nguy ; việc xảy ra nhưng không tổn thất lớn.

Tượng viết : Chấn vãng lai lệ, nguy hành dã ; kì sự tại trung, đại, vô táng dã.

Tượng viết : Sấm tới hay lui, đều nguy, đi đâu cũng nguy ; mọi sự giữ đức trung, sự việc có xảy ra, không tổn thất lớn.

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm, ở vị trí dương, bất chính, nhưng đắc trung.

## 2. Hoàn cảnh

Đối với Dịch rất coi trọng đức chính và đức trung, đức trung quý hơn đức chính ; có đức chính chưa hẳn đã có đức trung, có đức trung ắt có đức chính.

Hào 5 âm, quân chủ, có đức trung, cho nên dù sấm sét chấn động qua lại hoặc đi đến đâu cũng gặp chấn động sấm sét (Chấn vãng lai lệ), cảm thấy nguy (lệ), sự việc đã xảy ra nhưng lại không tổn thất lớn (ức vô táng hữu sự).

### 3. Quyền biến

(1) Người có đức trung, trong cái hại có thể tìm được điều lợi, gặp nguy không đến nỗi tổn thất lớn, có thể chuyển nguy thành an, chuyển hoạ thành phúc.

(2) Sấm qua lại liên miên thật đáng sợ (Chấn vãng lai lệ), đi đâu cũng thấy nguy (nguy hành dã), mọi sự giữ được đức trung (kì sự tại trung), sự việc xảy ra cũng không đến nỗi tổn thất lớn (đại vô táng dã).

Người đã mất đức trung thì hành động sai lầm, đi đâu cũng gặp nguy hiểm. Người giữ được đức trung thì gặp gian nan vùi dập cũng không đến nỗi tổn thất lớn.

Ví dụ :

Đường Huyền Tông, vốn là ông vua sáng suốt, có tài năng, mưu lược, đã trọng dụng hiền tài, bãi miễn bọn tham quan ô lại, giảm nhẹ phu phen sưu thuế cho dân, trăm họ giàu có yên vui, nhà Đường trở nên thịnh vượng, gọi là thời Khai nguyên thịnh trị.



Nhưng rồi, Đường Huyền Tông không phân biệt được trung nịnh, ở trong cung ăn chơi xa xỉ, sa đọa, dẫn đến bên ngoài chiến tranh liên miên.

Lúc An Lộc Sơn nổi loạn, Đường Huyền Tông phải rời kinh đô chạy loạn, tình thế càng gay go, đi đâu cũng gặp nguy hiểm.

Túc Tông lên ngôi, tôn Đường Huyền Tông, lúc ấy đang chạy loạn, làm Thái thượng hoàng. Túc Tông thu phục được nhiều người đánh dẹp được An Lộc Sơn nhưng cũng không cứu vãn được nhà Đường.

Thượng lục, Chấn tác tác, thị quắc quắc, chinh hung. Chấn bất vu kì cung, vu kì lân, vô cữu. Hôn cấu hữu ngôn.

Hào trên cùng âm, sấm động mất thần sắc bất an nhìn trước nhìn sau, sơ sẩy là nguy hiểm. Nếu đề phòng trước, nhìn hàng xóm nghĩ tới mình, không lầm lỗi. Phải sáng suốt và biến thông.

Tượng viết : Chấn tác tác, trung vị đắc dã ; tuy hung vô cữu, úy lân giới dã.

Tượng viết : Sấm động mất thần sắc bất an ; tuy gian nan nhưng không tội lỗi, vì biết nhìn người hàng xóm mà tự răn ta.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở trên cùng quẻ Thuần Chấn.

## 2. Hoàn cảnh

Tắc tắc là chỉ mất hết thần khí, hai chân đứng không vững, rã rời ; quắc quắc là hồi hộp bất an. Hào 5 âm, hào 4 dương, hào 3 âm, hợp thành quẻ Khảm , tượng trưng sóng nước nguy hiểm, nên hào từ gọi là hung.

Kì cung là bản thân, là ta ; kì lân là hàng xóm, là người.

Thường, các quẻ trong Kinh Dịch, quẻ Chấn - sấm gặp quẻ Khảm – thủy, đều biểu thị sự gặp gỡ nam nữ kết hôn (hôn cấu) ; Ví dụ :, quẻ Truân, trên là Khảm, dưới là Chấn.

Quẻ Chấn, hào 5 âm, hào 4 dương, hào 3 âm, hợp thành quẻ Khảm, nên hào từ nói về việc hôn nhân (hôn cấu hữu ngôn).

Có sách không giải thích hôn cấu hữu ngôn, vì cho rằng, sấm chẳng quan hệ gì với chuyện hôn nhân ?

Quẻ Chấn là trường nam. Nếu hào trên cùng âm, biến thành dương, hợp với hào 5 âm, 4 dương thành quẻ Li , là trung nữ, là sự sáng suốt.

Lúc đó, hào trên cùng dương sẽ ứng với hào 3 âm, âm dương tương hợp, nam nữ gặp nhau, tiến đến hôn ước hôn nhân. Vậy, hôn cấu hữu ngôn, ám chỉ sự sáng suốt biến thông.

Ở cuối thời Chấn, chấn động đã cực ; hào trên cùng âm nhu, bất trung, dưới không ứng với 3 âm, không có người trợ lực ; lại ở trên hào 5 âm, như ở trên bờ vực, sóng nước đập dềnh, chỉ sa chân là tan xương nát thịt.

Tương tự, người bị sấm dòn đập, hết trận này đến trận khác, mất hết cả thần sắc (Chấn tác tác), hồi hộp bất an, nhìn trước nhìn sau (thị quắc quắc) chỉ sơ sẩy là rơi vào nguy hiểm (chinh hung).

### 3. Quyền biến

(1) Muốn khỏi rơi vào hoàn cảnh nguy hiểm, thì phải nhìn xa, lo xa, trông người mà ngấm đến ta, tránh vết xe đổ quá khứ mà tu tỉnh trong hiện tại, phòng bị tương lai, phải sáng suốt và biến thông.

Nếu thấy nhà hàng xóm bị hoạ, hoặc gieo hoạ cho hàng xóm, thì mình cũng bị vạ lây, môi hở thì răng lạnh.

Ví dụ :

Nước Tấn muốn thôn tính cả nước Ngụ và nước Quắc, nhưng đem vàng bạc, châu ngọc đút lót cho nước Ngụ, giả bộ mượn đường đánh nước Quắc.

Vua Ngụ tham vàng bạc, châu ngọc cho Tấn mượn đường. Tấn diệt Quắc xong, quay lại thôn tính nước Ngụ. Vua nước Ngụ mất vàng bạc, châu ngọc, mất luôn cả nước.

(2) Hào trên cùng âm bị sấm dồn dập, mất thần sắc, đứng không vững (Chấn tắc tắc), là vì không đắc trung, chưa đạt đạo trung (trung vị đắc dã).

Tuy gặp gian nan (tuy hung) nhưng không tội lỗi (vô cữu) là do biết tai ương đang ở xa mà phòng bị trước, trông người hàng xóm gặp nguy mà tự răn mình (úy lân giới dã).

## TIỂU KẾT

### 1. Cách vượt hoạn nạn

Sáu hào quẻ Chấn đều có chữ Chấn, biểu thị sấm rền liên tiếp, đã vào đời không ai tránh được cảnh hoạn nạn, vấn đề làm sao vượt qua hoạn nạn.

Hào 1 dương cương đắc chính thì sấm qua, có tiếng nói cười vui vẻ, tốt.

Hào 2 âm, đắc trung, đắc chính, nên không mất mà lại được.

Hào 3 âm bất chính nhưng biết tu tỉnh, không gặp tai họa.

Hào 4 âm, bất trung, bất chính, nên rơi vào vũng bùn không ngoi lên được.

Hào 5 tuy bất chính nhưng có đức trung nên không tổn thất.

Hào trên cùng âm, đắc trung, biết lo xa, phòng bị nên chuyển hung hoá thành không tội lỗi.

Có đức trung chính thì thành, không có đức trung chính thì bại.

## 2. Thuyết thiên trách

Sách Hán thư, Lưu Hưởng cho rằng, năm Nhị thế (Hồ Hợi) nguyên niên, trời khi không dậy sấm, là trời báo điềm dữ, bên trong Triệu Cao lộng hành, bên ngoài làm khổ trăm họ, dân chúng oán than.

Vì thế, Trần Thắng nổi lên, quần hùng quật khởi, nhà Tần bị diệt.

Lưu Hưởng nêu học thuyết sự liên quan giữa trời và người (thiên nhân tương dữ) hoặc có thuyết cho rằng con người làm sai với thiên đạo thì trời trách phạt (thiên

trách). Thực ra, mọi tai hoạ đều do con người tự gây ra.

Quẻ Chấn, nhắc con người, mỗi lần nghe tiếng sấm, cần phải xem lại hành vi của mình để sửa đổi.

Giữa sách vở, giữa Dịch và cuộc sống, chỉ cách nhau một khoảnh khắc là tiếng sấm ! Đó là cái hay của Kinh Dịch.

## 52. THUẦN CẤN

### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Cấn là rất (Cấn, ngăn đã), chú thích ngăn có 3 nghĩa : không nghe theo, làm rất khó, là ngừng.

### HÌNH QUẺ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới là Cấn - núi, trên là Cấn - núi, gọi là Thuần Cấn.

Tương tự quẻ Hàm, quẻ Thuần Cấn lấy khí quan của con người làm tượng : Hào 1 âm là ngón chân, hào 2 âm là bắp chân, hào 3 dương là lưng, hào 4 âm là thân, hào 5 âm là miệng. Cấn là chỉ phía sau lưng.

Gốc quẻ Thuần Cấn là quẻ Khôn , nét thứ 3 của Khôn biến thành dương, thành quẻ Cấn, hai hào âm tiến lên gặp hào dương phải dừng lại, nên gọi là Cấn.

## SOÁN TỪ

Cấn kì bói, bất hoạch kì thân ; hành kì đình, bất kiến kì nhân ; vô cữu.

Cấn tượng trưng là cửa khuyết, nên quái từ gọi là đình. Xem hình quẻ, chúng ta cũng có thể tưởng tượng, các hào như cái cửa cung đình, chỉ thấy các cánh cửa không thấy người (hành kì đình, bất kiến kì nhân).

Người xưa cho rằng, khí quan con người gồm thân - trước và lưng – sau.

Thân (trước), gồm tai, mắt, mũi, miệng, lưỡi, là những khí quan có công năng khiến con người nhận thức được mọi vật, đã nhận thức được thì sinh ham muốn,



dục vọng ; thân trước tượng trưng cho dục vọng.

Lưng (sau) không có những khí quan vừa nêu, nên vô tri, vô thức, vô dục, có tính dừng ; lưng là bộ phận có tính tĩnh chỉ ; vì vậy, Cấn là lưng, là tĩnh chỉ (Cấn kì bối).

Con người có thể thấy mọi vật nhưng không thấy lưng (bất hoạch kì thân), tức là không thấy mình, quên mình ; đi trước cửa đình mà không thấy người (hành kì đình bất kiến kì nhân) là không phân biệt mình với người khác.

Chỉ có ngừng dục vọng, dứt tham muốn, rũ sạch nhân dục, mới đạt được cảnh giới ấy. Khi đã đạt được cảnh giới ấy, thì không tội lỗi (vô cữu).

Kinh Kim cương của Phật giáo có câu : Không có tướng của mình, không có tướng của người, không có tướng của chúng sinh (Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng).

## SOÁN TRUYỆN

Cấn, chỉ dã. Thời chỉ tắc chỉ, thời hành tắc hành ; động tĩnh bất thất kì thời, kì đạo quang minh. Cấn kì chỉ, chỉ kì sở dã ; thượng hạ địch ứng, bất tương dự dã ; thị dĩ bất hoạch kì thân, hành kì đình, bất biến kì thân, vô cữu dã.

Cấn – núi, có tính dừng, hoặc gọi Cấn là dừng (Cấn chỉ dã), chữ dừng bao hàm tất cả, dừng phải đúng thời : Thời dừng thì dừng (thời chỉ tắc chỉ), là dừng ; thời hành động thì hành động (thời hành tắc hành) cũng là dừng ; lúc tĩnh thì tĩnh, lúc động thì động không bỏ lỡ thời cơ (động tĩnh bất thất kì thời) cũng là dừng. Có như thế mới làm sáng tỏ đạo lí của Cấn (kì đạo quang minh dã).

Chỉ là dừng ; kì sở là vị trí, là nơi chốn thích hợp ; chẳng hạn ngón chân ở bàn chân, lưng ở lưng, cá ở dưới nước, chim ở trên rừng.

Cấn có nghĩa là cái lưng, là dừng, lưng ở đúng vị trí, đúng nơi, là chốn của nó (Cấn kì chỉ, chỉ kì sở dã).

Không tương ứng với nhau gọi là địch ứng ; không hỗ tương, không níu kéo được nhau gọi là bất tương dữ.

Xét các hào trong quẻ Cấn không ứng với nhau (địch ứng) ; xét toàn quẻ, trên là Cấn là lưng, dưới Cấn là lưng, như hai cái lưng quay lại với nhau, không hỗ tương, không níu kéo nhau được (bất tương dữ dã).

Vì thế, soán từ mới viết là không thấy nhau, đi trong đình mà không thấy người (bất hoạch kì thân, bất kiến kì nhân).

Dưới Cấn là trong, trên Cấn là ngoài, trong không thấy mình, ngoài không thấy người, không phân biệt ta với người, đạt được cảnh giới đó thì không tội lỗi (vô cửu).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Kiên sơn, Cấn ; quân tử dĩ tư, bất xuất kì vị ?

Kiên là trùng điệp. Hai quẻ Cấn – núi, chồng lên nhau, núi trùng điệp, gọi là Kiên Sơn ; Cấn có tính dừng, tượng là dừng trong dừng.

Người quân tử xem tượng ấy, nghĩ làm sao cho xứng đáng với bốn phận của mình, không sai chạy bốn phận làm người đứng trong trời đất ?

## HÀO TỬ

Sơ lục, Cấn kì chỉ, vô cửu, lợi vĩnh trinh.

Hào 1 âm, động phải dừng ngay (như ở ngón chân) không có lỗi, giữ bền được chính đạo thì có lợi.

Tượng viết : Cấn kì chi, vị thất chính dã.

Tượng viết : Động phải ngừng ngay, vì thất chính.

### 1. Sơ lược

Hào 1 âm, ở vị trí dương, thất chính, ở dưới cùng quẻ Cấn. 2. Hoàn cảnh

Quẻ Thuần Cấn thủ tượng bằng các bộ phận của cơ thể, hào 1 âm thấp nhất, nên lấy ngón chân (chỉ) làm vật tượng trưng ; người ta đi hoặc chạy thì ngón chân động trước.

### 3. Quyền biến

Hào 1 âm, bất chính nên hào từ khuyên, ở thời Cấn, lúc dừng thì dừng, lúc đi thì đi, hợp với thời thế, nếu ngón chân động dậy, mà chưa phải lúc hành động, thì phải dừng ngay (Cấn kì chi), mới không tội lỗi (vô cữu).

Làm việc gì phải có trước có sau, biết nguyên nhân, lường kết quả, phải kiên trì như thế (lợi vĩnh trĩnh) mới có lợi.

Hoặc, biết dừng đúng lúc, trước sau đều tốt đẹp ; dục vọng, sai lầm vừa mạnh mẽ, thì phải dập tắt, mới được thiện thi, thiện chung ; không biết dừng trước, thì

sau sẽ gặp hoạ.

Ví dụ :

Hán Văn đế mới lên ngôi, thường đến hoa viên dạo chơi. Một viên quan chuyên nuôi hồ ở hoa viên gọi là Tường phu, miệng mồm lanh lợi, nói năng mẫn tiệp, Hán Văn đế vui và rất vừa lòng. Ông hạ chiếu sai Trương Thích phong chức cho Tường phu coi sóc vườn hoa.

Hai đại thần là Chu Bột và Trương Tương Như không dám can ngăn.

Trương Thích thấy vậy, liền nói :

- Ngày xưa, Tần Nhị đế mất nước, một phần là do bọn tay chân uốn lưỡi ăn nói mẫn tiệp, lưu loát, đôi khi sự mẫn tiệp lưu loát lại che đậy sự thực, mất đi chất phác, thuần hậu.

Thần sợ, bệ hạ thích người ăn nói mẫn tiệp, phong cho chức tước, thiên hạ sẽ đua nhau học ăn nói, tổ điểm ngôn từ, thì chí nguy.

Văn đế nghe xong, khen :

- Phải !

Thu hồi lệnh, không phong chức cho Tường phu nữa.

(2) Hào 1 âm, động phải dừng ngay (Cấn kì chỉ), vì thất chính (vị thất chính dã).

Lục nhị, Cấn kì phì, bất chừng kì tùy, kì tâm bất khoái.

Hào 2 âm, bấp chân phụ thuộc, không cứu được bấp về lại phải theo, lòng không vui.

Tượng viết : Bất chừng kì tùy, vị thối thính dã.

Tượng viết : Không cứu được, còn phải theo, do hào 3 dương bất trung, bất chính.

### 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm đắc chính, đắc trung, không ứng với hào 5 âm, ở dưới hào 3 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Phì là bắp chân, bắp chuối, không đi được, hoàn toàn phụ thuộc vào những bộ phận trên như đùi, lưng.

Hào 2 âm, hào 3 dương, hào 4 âm, hợp lại thành quẻ Khảm , thuyết quái truyện cho rằng, Khảm tượng trưng cho tâm bệnh, hào từ gọi là lòng không vui (kì tâm bất khoái).

## 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm, tuy trung chính, ở trong thời Cấn, hoàn toàn phụ thuộc, tùy thuộc vào hào 3 dương.

Hào 2 âm biết hào 3 dương cương, ngạo mạn, lại bất chính, bất trung, là người lầm lỗi, dục vọng đã dâng cao rồi, không thể cứu chữa được (bất chữa), nhưng cũng rán theo đó mà khuyên răn (kì tùy), hào 3 dương vẫn không hối cải, nên lòng cảm thấy chẳng rầu rầu, không vui (kì tâm bất khoái).

Ví dụ 1 :

Tề Tuyên vương tự nhận mình có tật ham thanh sắc, thích săn bắn. Mạnh Tử không trách hai tật ấy, tùy theo đó, khuyên rằng :

- Những tật ấy không có hại đến việc trị nước mà trái lại còn đem phúc cho dân Tề. Nếu nhà vua biết cho dân chúng hưởng cái chung cái vui với mình, như cùng nghe nhạc với mình, mở vườn hoa của mình cho dân chúng vào cắt cỏ, kiếm củi, săn trĩ, bắn thỏ.

Trị nước làm sao không có thiếu nữ nào buồn duyên vì không chồng, không có chàng trai nào tủi phận vì không vợ.

Nếu nhà vua ham thanh sắc, săn bắn theo kiểu ấy, thì nhân dân sẽ yêu mến, có thể dựng được nghiệp vương, không khó.

Mặc dù cố gắng khuyên Tề Tuyên vương nhưng Mạnh Tử biết nhà vua không thành thực, không muốn thực hành đạo của mình.

Mạnh Tử nấn ná một thời gian nhưng Tề tuyên vương cũng chẳng mặn mà cho lắm, ông ngậm ngùi rời khỏi nước Tề. Mạnh tử rầu rầu nói với đệ tử là Sung Ngu :

- Trời chưa muốn cho thiên hạ được bình trị. Nếu Trời muốn thì ta đã giúp vua Tề được rồi !

Ví dụ 2 :

Vua Trụ hoang dâm, háo sắc, kiêu ngạo, đã ăn sâu cốt tủy, hết thuốc chữa. Trung thần Tỷ Can hết lòng can gián vua Trụ, bị vua Trụ giết.



Hào tử không nêu rõ tốt xấu, chỉ nêu buồn lòng (kì tâm bất khoái), trong thời Cấn, thế là đã tốt rồi, vì biết dừng đúng lúc ; không dừng đúng lúc thì nguy.

(2) Hào 2 âm trung chính nhưng không cứu chữa được hào 3 dương, vì hào 3 dương bất trung, bất chính, không chịu nghe lời hào 2 âm.

Cửu tam, Cấn kì hạn, liệt kì dân, lệ huân tâm.

Hào 3 dương, ngăn ở lưng, như bị đứt ở giữa xương sống, nguy lo cháy cả ruột.

Tượng viết : Cấn kì hạn, nguy huân tâm dã.

Tượng viết : Ngăn ở lưng, nguy hiểm cháy cả lòng.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính nhưng bất trung, ở dưới quẻ Cấn trên, ở trên quẻ Cấn dưới.

## 2. Hoàn cảnh

Hạ là lưng, dân là xương sống ; xét toàn quẻ, tượng trưng thân thể con người, thì hào 3 dương ở giữa khoảng thắt lưng, xương sống.

Nếu lưng, xương sống bị đau thì đau đến tim gan, nên hào từ gọi là đau đến cháy tim (huân tâm).

Hào 3 dương, hợp với hào 2 âm, hào 4 âm, thành quẻ Khảm , tượng trưng nguy hiểm (lệ).

(1) Hào 3 dương, tuy chính nhưng bất trung, không ứng với trên, chẳng ứng với dưới, trên chẳng ai tin, dưới chẳng ai nghe ; hoặc chỉ biết mình, không biết đến ai ; rơi vào cảnh nguy khốn, lòng lo buồn cháy cả gan ruột.

Tương tự, người bị đau lưng (Cấn kì hạn), đứt xương sống (liệt kì dân), gân cốt, máu huyết trên dưới không thông, nguy hiểm (lệ) đau, tới tim gan (huân tâm).

(2) Hào 3 âm, đắc chính, thất trung, như người đau lưng (Cấn kì hạn), nguy (lệ) cháy cả ruột gan (huân tâm) là do cách trên, tuyệt dưới.

## 3. Quyền biến

Làm cho người trên tin, kẻ dưới phục, biết mình, biết người, mới không lâm bệnh quan cách, không rơi vào cảnh nguy khốn.

Lục tứ, Cẩn kì thân, vô cữu.

Hào 3 âm, kiểm soát các khí quan của thân mình, không có lỗi.

Tượng viết : Cẩn kì thân, chỉ chư cung dã.

Tượng viết : Kiểm soát thân, là kiểm soát khí quan của mình.

## 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở dưới hào 5 âm, không ứng với hào 1 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 âm tượng trưng phần trên của cơ thể, gồm các khí quan như tai, mắt, mũi, miệng, lưỡi ; thân là hành vi.

Hào 4 âm dưới hào 5 âm, tượng trưng cận thần ở dưới quân chủ, mang trọng trách nặng nề trong thời Cấn.

Nhưng hào 5 âm, quân chủ, không không có đức dương cương ; dưới cũng không ứng với hào 1 âm, không được khí dương tương trợ.

### 3. Quyền biến

(1) Ở hoàn cảnh như thế, hào 4 âm phải biết dừng, biết kiểm soát mọi hành vi của mình (Cấn kì thân), chẳng hạn, cái gì đáng thấy thì thấy, cái gì đáng nghe thì nghe... thì mới không tội lỗi (vô cữu).

(2) Chỉ chữ cung là biết dừng những cái riêng, khí quan của bản thân. Hào 4 âm, tuy không đạt đến cảnh giới quên mình, quên người như bậc thánh nhân, nhưng hào 4 âm biết kiểm soát hành vi của mình (Cấn kì thân), biết làm chủ các khí quan của bản thân (chỉ chữ cung), chuyện đáng nghe thì nghe, không đáng nghe thì không nghe... việc đáng làm thì làm, đáng dừng thì dừng.

Lục ngũ, Cấn kì phụ, ngôn hữu tự, hối vong.

Hào 5 âm, lời nói, nói năng có thứ tự, hối hận mất đi.

Tượng viết : Cẩn kì phụ, dĩ trung chính dã.

Tượng viết : Nói hay, vì có đức trung chính.

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm ở vị trí âm, thất chính, đắc trung.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 5 âm, tượng trưng cho mép, má, khí quan của ngôn ngữ, nên hào từ gọi là cẩn kì phụ, chỉ lời nói.

Hào 5 âm, hào 4 âm, hào 3 dương, hợp thành quẻ Chấn, có tính động, nên hào từ nhắc đến chữ hối.

Hệ từ thượng viết : Ở trong nhà, nói điều hay lẽ phải, ắt ngoài xa ngàn dặm ứng theo, hướng hồ người bên cạnh. Ở trong nhà lời nói sai quấy, ắt người xa ngàn dặm chống ta, hướng hồ người bên ta. Lời nói ra khỏi cửa miệng ảnh hưởng đến

dân. Hành động gần, kết quả nơi xa. Lời nói, việc làm là then chốt của người quân tử, then chốt vừa buông chủ cho vinh nhục. Lời nói và việc làm của người quân tử có thể lay động đến đất Trời, lẽ nào không thận trọng.

Sách Luận ngữ cho rằng : Chất phác thẳng văn thành ra quê mùa, văn thẳng chất phác chỉ là loại văn thư. Có cả văn, cả chất tốt đẹp, vậy mới là người quân tử.

Suy ra, ngôn hữu tự là lời nói phải, thận trọng, có mạch lạc, có cả văn cả chất, giữa lời nói và việc làm chỉ là một.

Hào 5 âm, địa vị quân chủ, nhu nhược, bất chính, ở trong hồ quái Chấn, nên có tính động là trái với thời Cấn có tính dừng, lại thêm nói năng không theo lẽ phải, thiếu thận trọng, xem nặng văn hơn chất, hoặc chất nhiều hơn văn, lời nói không đi đôi với việc làm, sẽ gặp hối hận.

### 3. Quyền biến

(1) Ở địa vị quân chủ của hào 5 âm, lời nói (Cấn kì phụ) phải tôn trọng lẽ phải, thận trọng, có mạch lạc, có cả văn cả chất, giữa lời nói và việc làm chỉ là một (ngôn hữu tự), hối hận mới tiêu tan (hối vong).

Ví dụ :

Tề Uy vương thích câu đố, tiếng lóng, ham mê khoái lạc, uống rượu thâu đêm, chẳng chú ý đến chính sự, phó mặc cho các quan đại phu. Trong, thì bách quan hoang mang, ngoài thì chư hầu xâm lấn, quốc gia nguy vong trong vòng sớm tối.

Các quan thân cận chẳng ai dám can ngăn. Thuần Vu Khôn dùng lối bóng gió, tàu rằng :

- Trong nước có con chim lớn, đậu ở sân nhà đại vương, ba năm cũng chẳng bay, chẳng hót. Đại vương có biết con chim gì không ?

Vua nói :

- Con chim đó không bay thì thôi, đã bay thì vút tận trời cao, không hót thì thôi, đã hót thì mọi người phải kinh ngạc.

Và cho triệu 72 viên huyện trưởng về triều, thưởng một viên (Tức Mặc đại phu), giết một viên (A đại phu), ào ạt xuất quân. Chư hầu hoảng sợ, đều trả lại hết đất cho Tề. Uy danh Tề Uy vương lừng lẫy trong 36 năm.

(2) Khổng Tử cho rằng : Người có đức tất nhiên lời nói hay, người nói hay chưa hẳn là người có đức.

Hào 5 dương, quân chủ nói (Cấn kì phụ) hay, vì có đức trung, chính.

Thượng cửu, đôn Cấn, cát.

Hào trên cùng dương, đôn hậu như núi cao dày, tốt.

Tượng viết : Đôn Cấn chi cát, dĩ hậu chung dã.

Tượng viết : Đôn hậu như núi cao dày, việc gì cũng kết cuộc được cao dày.

### 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, bất chính, ở trên cùng quẻ Cấn, có tính dừng.

### 2. Hoàn cảnh

Nếu hào trên dương cùng biến thành hào âm, thành quẻ Khôn, tượng trưng đất có đức dày, hào từ gọi là dày dặn (đôn).

Hệ từ truyện cho rằng, đất yên ổn là do dày đức nhân (an thổ đôn hồ nhân).

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, tuy thất chính nhưng ở trên hào 5 âm, trọng trách rất nặng nề.



### 3. Quyền biến

(1) Nhưng hào trên cùng âm, ở trên cùng quẻ Cấn, có tính dừng vừa có đức nhân dày dặn của quẻ Khôn (đôn Cấn), nên được tốt lành (cát).

(2) Cấn tượng cho núi, thuần Cấn là núi tiếp núi, lên đến hào trên cùng dương như núi vừa dày, vừa cao là tốt (đôn Cấn cát) ; việc gì cũng như núi, chung cục mà được cao dày là tốt.

Làm người càng ngày đức nhân càng cao dày, là hợp với đạo Cấn, chẳng có gì tốt hơn.

### 53. PHONG SƠN TIỆM

#### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn giải thích : Tiệm là cắt (Tiệm tiết dã).

Chữ tiệm gồm chữ trảm ( ) là đẽo, và bộ thủy ( ) là nước, người xưa, chặt cây gỗ đẽo thành hình tròn, ngâm nước, sau đó tiện thành bánh xe trơn láng. Tiệm là thứ tự công việc làm bánh xe.

Suy ra, có những việc phải làm theo thứ tự, phải tuân theo quy luật, gọi là tiệm.

HÌNH QUÊ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Cấn - sơn, trên Tốn - phong, gọi là Phong Sơn Tiệm.

Dưới Cấn - núi, trên Tốn – mộc, cây trên núi từ từ mọc lên, có thứ rõ ràng nên gọi là Tiệm.

**Tốn là mộc, Cấn là cái tay ; hào 2 âm, hào 3 dương, hào 4 âm hợp thành quẻ Khảm là nước.**

Chỉ thứ tự công việc, tay chặt cây (mộc), ngâm vào nước, rồi tiện làm bánh xe, chế tạo xe, nên gọi là Tiệm.

SOÁN TỪ

Tiệm, nữ quy cát, lợi trinh.

Ngày xưa muốn cưới vợ, gã chồng phải tiến hành theo thứ tự, gồm 6 công việc, gọi là lễ tiết, gồm 6 lễ là nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trưng, thỉnh kì, nghinh thân, gọi là Tiệm (Tiệm).

Lấy vợ, gã chồng là mở đầu đạo vợ chồng, người quân tử nên phải cẩn thận, tuân

theo lễ tiết, lập nền tảng cho đạo tề gia ; riêng người con gái về nhà chồng, theo đúng lễ tiết là tốt, là giữ được đạo trinh chính và có lợi (nữ quy cát, lợi trinh).

## SOÁN TRUYỆN

Tiệm chi tiến dã, nữ quy cát dã. Tiến đắc vị, vãng hữu công dã. Tiến dĩ chính, khả dĩ chính bang dã. Kì vị, cương đắc trung dã. Chi nhi Tốn, động bất cùng dã.

Làm việc gì cũng theo thứ tự, theo quy luật, tiệm tiến, như người con gái đi lấy chồng là tốt lành (Tiệm chi tiến dã, quy cát dã).

**Xét 4 hào giữa quẻ, từ hào 2 âm tiến lên, hào 3 dương, hào 4 âm, hào 5 dương đều ở đúng vị trí (tiến đắc vị)**

Đã tiến tiến lên đúng vị trí như thế, âm ra âm dương ra dương, người nào ra người ấy, việc nào ra việc đó, thì có thể lập được công nghiệp (vãng hữu công dã).

Xét hào 2 âm tiến lên đến hào 5 dương, đắc chính (tiến dĩ chính dã), nếu ứng dụng có trình tự, tiệm tiến như thế, có thể chinh đốn được việc nước (khả dĩ chính bang dã).

Xét riêng về hào 5 dương, ở thời Tiệm, bậc quân chủ có tài dương cương, đặc trung, thì tuần tự nhi tiến có thể lập làm nên công nghiệp, chinh đồn bang quốc (kì vị cương đặc trung dã).

Quẻ Cấn, ở trong, có tính an tĩnh, tính dừng ; quẻ Tốn, ở ngoài, có tính thuận, khiêm tốn ; đức của quẻ Tiệm là trong có tính dừng, biết dừng, biết an tĩnh, ngoài có tính thuận, tính hàm dưỡng (chỉ nhi Tốn).

Người hành động theo đức của quẻ Tiệm, trong biết dừng, an tĩnh, ngoài khiêm tốn, hành động thuận theo quy luật, có trình tự, theo lễ tiết sẽ không gặp cảnh khốn cùng (động bất cùng dã).

Ngược lại, người không biết dừng những ham muốn, nóng gấp, kiêu ngạo, hành động không theo quy luật, chẳng có trình tự, không theo lễ tiết, ắt gặp cùng khốn.

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Sơn thượng hữu mộc, Tiệm ; quân tử dĩ cư hiền đức, thiện tục.

Dưới là Cấn - sơn, trên là Tốn – mộc, trên núi có cây, lần lượt sinh trưởng, gọi là Tiệm (Sơn thượng hữu mộc, Tiệm).

Tục là dân tục, tục lệ, hủ tục. Người quân tử theo tượng quẻ Tiệm, mà hàm dưỡng, nuôi dưỡng, phẩm đức hiền lương (hiền đức) mỗi ngày mỗi cao hơn.

Gần thì làm gương cho người trong nhà noi theo, nuôi dưỡng, làm theo đức hiền lương (cư hiền đức). Xa thì làm gương cho thiên hạ, cải biến những hủ tục, ai nấy đều trở thành người hiền lương (thiện tục).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, Hồng tiệm vu can, tiểu tử lệ, hữu ngôn, vô cữu.

Hào 1 âm, như con chim hồng tiến đến bến sông, dễ bị kẻ tiểu nhân lãng nhục, không nhịn thì nguy, nếu nhịn được, không có lỗi.

Tượng viết : Tiểu tử chi lệ, nghĩa vô cữu đã.

Tượng viết : Bị tiểu nhân lãng nhục để ý thì nguy, không cảm thấy bị tổn thương đúng nghĩa với thời Tiệm, thì không có lỗi.

## 1. Sơ lược

Hào 1 âm, ở vị trí dương, bất chính, ở dưới cùng quẻ Tiệm.

## 2. Hoàn cảnh

Hồng là loài chim nhận nhỏ, sống ở bờ nước, mùa lạnh bay về hướng Nam, mùa nóng bay về hướng Bắc, con lớn bay trước, con nhỏ bay sau, có thứ tự, nên gọi là Tiệm.

Có sách cho rằng, chim nhận sống theo quy luật, mùa lạnh bay về Nam, nắng bay về Bắc, tượng trưng âm theo dương, vợ theo chồng.

Vì vậy, người xưa dùng chim nhận làm lễ vật trong lễ nạp thái, là một trong sáu lễ tiết của việc cưới xin.

Nếu quẻ Cấn, đảo ngược sẽ thành quẻ Chấn, có tính động. Hào 2 âm, 3 dương, 4 âm hợp thành quẻ Khảm, tượng trưng nguy hiểm, nên hào tử cho rằng lệ.

Tiểu tử chỉ hào 1 âm, ở vị trí thấp nhất trong quẻ Tiệm, hoặc chỉ kẻ tiểu nhân.

Sách Chu Dịch chính nghĩa Khổng Dĩnh Đạt giải thích, thời mà chưa có vị trí, thường bị người khác lăng nhục, không nhận có thể gặp nguy hiểm (lệ hữu ngôn).



Nhưng những lời của bọn tiểu nhân cũng không thể làm tổn thương được người quân tử.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 1 âm nhu, ở địa vị thấp, đầu thời Tiệm, làm việc tiệm tiến, không nên tiến xa, chỉ như con chim hồng tiến đến bến sông (Tiệm vu can), dù có kẻ trách cứ, lãng nhục, không cảm thấy bị thương tổn, không gặp tội lỗi (vô cửu).

Ngược lại, ở thời Tiệm, hào 1 âm nhu, địa vị thấp, gặp tiểu nhân oán trách, lãng nhục, nóng nảy mà hành động, sẽ gặp nguy hiểm.

(2) Hào 1 âm, vị trí thấp, hành động đúng theo quy luật, tiệm tiến, dù có bị kẻ khác trách cứ, lãng nhục (tiểu tử chi lệ), theo ý nghĩa của thời tiệm thì vẫn không tội lỗi (nghĩa vô cửu dã).

Lục nhị, hồng Tiệm vu bàn, ẩm thực khản khản ; cát.

Hào 2 âm, như chim hồng tiến đến phiến đá, ăn uống thành thới ; tốt.

Tượng viết : Ấm thực hân hân, bất tố bão dã.

Tượng viết : Như chim hồng tiến đến phiến đá, ăn uống thành thói, người quân tử không phải loại người ăn bám, ăn no.

### 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc trung, đắc chính, ứng với hào 5 dương.

### 2. Hoàn cảnh

Cần tượng trưng núi, đá, nên hào từ gọi là bàn.

Hào 2 âm, đắc trung đắc chính, ứng với hào 5 dương, âm dương tương ứng, tượng trưng đại thần được quân chủ tin dùng, an vui thoải thích như con chim nhận xa bến nước, tiến đến phiến đá, ăn uống thành thói (hồng Tiệm vu bàn, ấm thực hân hân), thật là sung sướng (cát).

### 3. Quyền biến

Không có đức mà ở địa vị cao, không công mà hưởng bổng lộc, không trồng trọt mà hái quả, không làm mà ăn no, không phải là đạo trung chính của người quân tử.

Vì vậy, người quân tử có đức trung chính, sống trong cảnh sung sướng (ấm thực hân hân), phải giúp người trên, lo cho người dưới, hào 2 âm không phải kẻ ăn không, ăn bám, ăn no (bất tố bảo dã).

Cửu tam, Hồng Tiệm vu lục, phu chinh bất phục, phụ dựng bất dục, hung. Lợi dụng ngự khẩu.

Hào 3 dương, chim hồng tới đất bằng, như chồng đi xa không về, vợ có thai, không nuôi dạy con, xấu. Chế ngự được giặc, có lợi.

Tượng viết : Phu chinh bất phục, li quần xú (sửu) dã. Phụ dựng bất dục, thất kì đạo dã. Lợi dụng ngự khẩu, thuận tương bảo dã.

Tượng viết : Như người có chồng đi xa không về, như chim hồng rời đàn, bỏ tốt tìm xấu. Như người vợ thai nghén không nuôi dạy con được, là do mất đạo lí. Chế ngự giặc trong lòng, nén được lời dèm pha hoặc đừng để bị dèm pha, là cách giữ gìn tình chồng vợ và mối quan hệ trên, dưới.

## **1. Cửu tam**

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, bất trung, không ứng với hào trên cùng dương, ở trên quẻ Cấn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 3 dương biến thành âm, thành quẻ gốc của Cấn là quẻ Khôn , Cấn là núi, Khôn là đất, nên hào từ gọi là đất bằng (lục).

Hào 3 dương, hào 2 âm, hào 4 âm, hợp thành quẻ Khảm , tượng trưng nguy hiểm, hào từ gọi là hung.

Hào 3 dương, hợp với hào 4 âm, hào 5 dương, thành quẻ Li , có đức sáng.

Ở hoàn cảnh hào 3 dương sẽ có hai trường hợp xấu (hung) và tốt (lợi).

Hào 3 dương đã lên đến nửa quẻ Tiệm, như con chim nhạn đã bỏ phiến đá, bay lên vùng đất bằng (hồng Tiệm vu lục).

Hào 3 dương có tính dương cương, bất trung, không ứng với hào trên cùng âm, nóng vội muốn hợp với hào 4 âm. Như con chim nhạn muốn bỏ bầy mà bay, lẻ loi, hoặc như ông chồng đi chinh chiến không trở lại (phu chinh bất phục).

Hào 3 âm, vốn đã bất trung, đã thế, lại gặp hào 4 dương cũng bất trung.

Không khác người đi cưới vợ, bản thân bất trung, bất chính, gặp người vợ cũng bất trung, thiếu sự tương thân tương ái, khó sinh con nuôi con, nếu có sinh con (phụ dưỡng) cũng khó mà nuôi dạy (bất dục).

Chồng thì xa bầy bạn, cô độc, lẻ loi, chẳng biết đường về ; vợ thì khó sinh, khó nuôi con ; cả hai đều xa đạo trung, cả hai đều không theo lễ tiết, thật nguy hiểm (hung).

Sách Chu Dịch triết trung cho rằng, trên dưới giao thiệp với nhau một cách bất trung, thì tất ở giữa có kẻ dèm pha, gọi là giặc (khẩu).

### 3. Quyền biến

(1) Nếu ở vị trí như hào 3 dương, biết lấy đức sáng, dẹp những tên giặc trong lòng (tính cương, mạo hiểm bỏ bầy đàn), tuân theo lễ tiết, xử theo đạo trung, chế ngự được những dèm pha hoặc không có ai dèm pha, mới thoát được cảnh hung hiểm và có lợi (lợi ngự khẩu).

(2) Xú là quần loại, là bầy, đàn.

Như kẻ có chồng đi xa không về, như nhận bỏ bầy đàn (phu chinh bất phục, li quần, xú dã) ; là bỏ tốt tìm xấu, bỏ an tìm nguy.

Như người vợ thai nghén, nuôi dạy con không được (phụ dưỡng bất dục), là do bỏ mất đạo trung, không theo đạo lí của Tiệm (thất kì đạo dã).

Đẹp giặc riêng tây, tư dục ở trong lòng, nén giận trước những lời dèm pha, thuận theo đạo trung, đạo lí của Tiệm, chính là để giữ gìn tình chồng vợ hoặc mối quan hệ trên dưới (lợi dụng ngự khẩu, thuận tương bảo dã).

Lục tứ, Hồng Tiệm vu mộc, hoặc đắc kì giốc, vô cữu.

Hào 4 âm, chim hồng bay lên cây, may được cành thẳng mà đậu, không có lỗi.

Tượng viết : Hoặc đắc kì đốc, thuận dĩ Tốn dã.

Tượng viết : Tạm đậu cành thẳng, thuận theo đạo Tốn.

## 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở dưới hào 5 dương, hào trên cùng dương, ở trong quẻ Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 âm, ở dưới quẻ Tốn, Tốn là mộc, hào từ gọi là chim nhận tiến lên trên cây (hồng Tiệm vu mộc).

Hào 4 âm, hợp với hào 3 dương, hào 2 âm, thành quẻ Khảm , tượng trưng nguy hiểm.

Hào 4 âm hợp với hào 3 dương và hào 5 dương, thành quẻ Li , có đức sáng.

Hào 4 âm ở trong quẻ Tốn có tính thuận, ở dưới hào 5 dương, tượng âm thừa dương, nữ thuận theo nam, vợ thuận theo chồng, như con chim nhận tạm đậu cành ngang thẳng, bình an.

Hào 4 âm ở trên cùng hồ quái là Khảm , tượng trưng đã vượt qua cảnh hiểm, lại ở trong hồ quái là Li , nên có đức sáng, văn minh.

## 3. Quyền biến

(1) Hào 4 âm, nhu, đắc chính, có đức sáng, vượt qua cảnh hiểm, có đức thuận, có nơi nương tựa, nên tạm bình an.

Tương tự, con chim hồng bay lên cây cao (hồng Tiệm vu mộc), tạm (hoặc) tìm được nhánh cây ngang thẳng mà đậu (đắc kì dắc), nên không tội lỗi (vô cữu).

(2) Hào 4 âm như con chim hồng đậu tạm bình an trên nhánh cây ngang thẳng, là nhờ có tính thuận của Tốn (thuận dĩ Tốn dã).

Cửu ngũ, Hồng Tiệm vu lãng, phụ tam tuế bất dụng, chung mạc chi thẳng, cát.

Hào 5 dương, chim hồng lên đồi cao, tương tự vợ ba năm không sinh đẻ, cuối cùng không ngăn nổi, tốt.

Tượng viết : Chung mạc chi thẳng, cát, đắc sở nguyện dã.

Tượng viết : Chung cuộc chẳng ngăn được, tốt, cả hai đều được như sở nguyện.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, ứng với hào 2 âm.

## 2. Hoàn cảnh



Hào 5 dương ở gần trên cùng quẻ Tiệm như con chim hồng bay lên đồi cao (hồng Tiệm vu lãng).

Hào 5 dương ở quẻ Cấn là nam, hào 2 âm ở quẻ Tốn là nữ, hào từ nói đến chuyện chồng, vợ, chuyện 3 năm vợ không thai nghén (phụ tam tuế bất dục).

### 3. Quyền biến

(1) Hào 5 dương trung chính, ứng với hào 2 âm trung chính là lẽ thường ; nhưng hào 5 dương bị hào 4 âm ngăn cách ; hào 2 âm bị hào 3 dương cản trở.

Hào 5 dương và hào 2 âm như vợ chồng ăn ở với nhau 3 năm mà chưa có con (phụ tam tuế bất dục).

Hào 3 dương, hào 4 âm đều bất chính, nên không thể ngăn cản mãi việc gặp gỡ, tương ứng của hào 5 dương và 2 âm (chung mạc chi thẳng) ; kết quả là tốt lành (cát).

Có sách giải thích, 3 năm không thai nghén, hàm ý là làm công việc gì, không phải một ngày mà làm được, cần phải tiệm tiến: muốn tương ứng với nhau, muốn tạo dựng công nghiệp cũng phải vua tôi gặp gỡ hiểu nhau ... đều phải có thời gian.

Ví dụ :

Lưu Bị đến lều tranh cầu 3 lần, Khổng Minh mới ra giúp Lưu Bị.

Thời Trình Quán, Văn đế, muốn xây dựng đất nước, phải 3 năm sau mới có kết quả.

(2) Tà, bất chính, không thể thẳng trung chính, là tốt (Chung mạc chi thẳng, cát). Những người trung chính như hào 5 dương, 2 âm đều đạt được sở nguyện (đắc sở nguyện dã)

Thượng cửu, Hồng Tiệm vu lục , kì vũ khả dụng vi nghi, cát.

Hào trên cùng dương, chim hồng bay bổng ở đường mây, cánh chấp chới y cờ quạt chốn nhân gian, tốt.

Tượng viết : Kì vũ khả dụng vi nghi, cát, bất khả loạn dã.

Tượng viết : Đã tiêu dao tự tại rứt rờ, tốt, lòng sao loạn được.

## 1. Thượng cữu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, bất chính, ở trên hào 5 dương, không ứng với hào nào trong quẻ.

## 2. Hoàn cảnh

Nghi là nghi trang, con chim nhận bay lên không, lông vũ, đôi cánh sáng đẹp, chấp chới khiến người ta chú ý, chỉ sự tốt đẹp. Có sách giảng, nghi là vật dùng làm cờ quạt, nghi biểu.

## 3. Quyền biến

(1) Hào trên cùng dương, đạo đức đã viên mãn, đã hoàn thành công nghiệp, công thành thì thân thoái ; không ứng với hào nào trong quẻ, như người không còn bị ràng buộc bởi danh lợi, ở ngoài thế tục, vân du, tiêu dao tự tại.

Tương tự, chim hồng bay bổng tuyệt vời (hồng Tiệm vu quỳ), cánh hồng chấp chới như nghi trượng chốn dân gian (kì khả dụng vị nghi), tốt lành (cát).

(2) Người đã tiệm tiến lên đến cực cao, đứng ra ngoài thế tục, tự tại, rứt rờ (kì vũ khả dụng vị nghi), thì có gì làm loạn được tâm (bất khả loạn).

## TIỂU KẾT

## 1. Về hình tượng

**Toàn quẻ lấy con chim hồng làm tượng, tiệm tiến, từ bãi sông ® phiến đá ® đất bằng ® cảnh cây ® đồi cao ® bay vút đường mây.**

Có nhà nghiên cứu cho rằng, nếu chim bay đến đồi cao chưa phải là cao, chưa bay vút lên mây được ?

Chim thì có chim trống, chim mái ; con chim hồng trống bay từ bãi sông đến đồi cao, từ thấp lên cao tìm bạn ; con chim hồng mái bay từ đỉnh núi xuống đồi gặp bạn, trống mái mãn nguyện, cùng bay lên đỉnh núi, rồi bay lên đường mây.

Đó là con đường tình đôi chim nhận trong bài ca dao cổ, thành trang tiểu thuyết trữ tình.

## 2. Chữ vị và chữ thời

Hào 1 âm địa vị thấp, như ở bãi sông.

Hào 2 âm, trung chính, địa vị cao hơn một chút, khá vững như ở phiến đá.

Hào 3 dương, địa vị nửa trên nửa dưới trong quẻ, nên chẳng có chỗ nào để đậu,

như chạy nhảy trên đất bằng.

Hào 4 âm, tuy địa vị có cao hơn một chút, tài lại thua hào 3 âm, nên tạm yên ổn ở cành cây.

Hào 5 dương, đắc trung, đắc chính, địa vị tối cao, ở trên đời cao, đúng như sở nguyện.

Hào 6 dương, tiệm đã đến cực điểm, nên như cánh hồng bay bổng trên không.

Cả sáu hào đều thủ tượng bằng chim hồng, cùng trong thời Tiệm, do thời riêng của mỗi hào khác nhau, nên vị trí, địa vị khác nhau.

Nói các khác, tuy cùng chung một thời đại, nhưng mỗi người có thời riêng.

Vì vậy, làm việc gì nên thời riêng của mình và thời chung, thời riêng hợp với thời chung, mới thành công.

## 54. LÔI TRẠCH QUY MUỘI

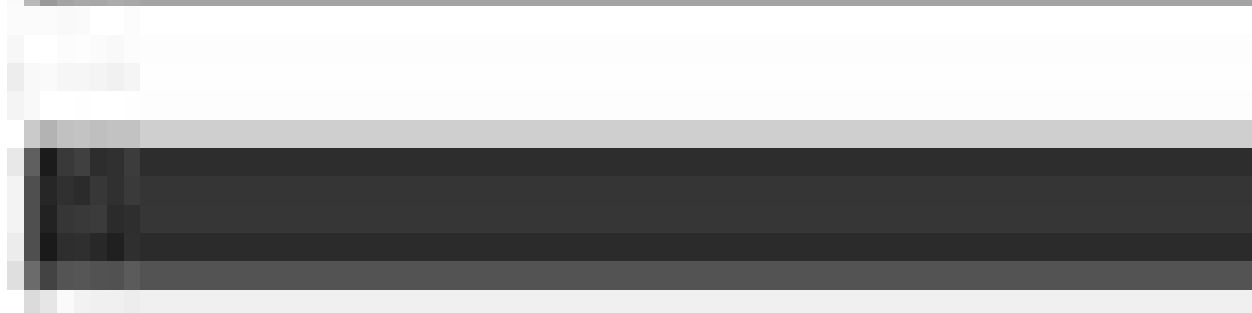
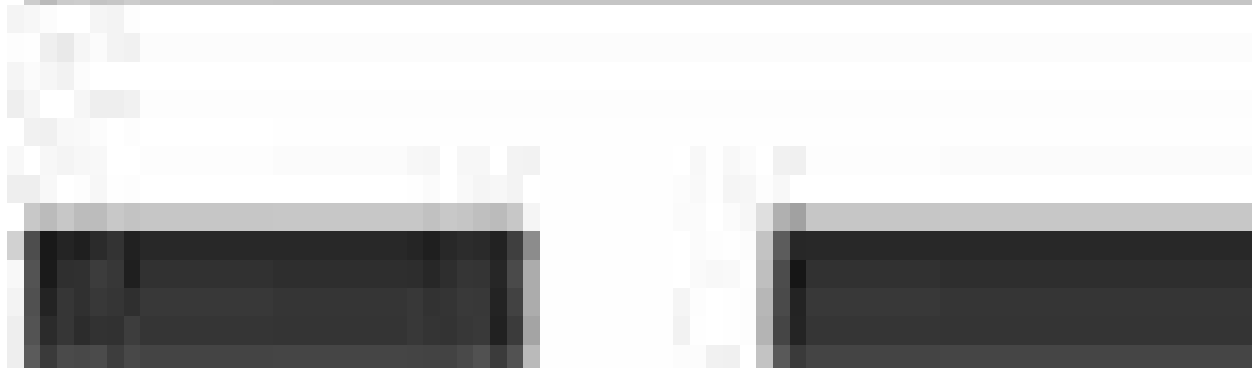
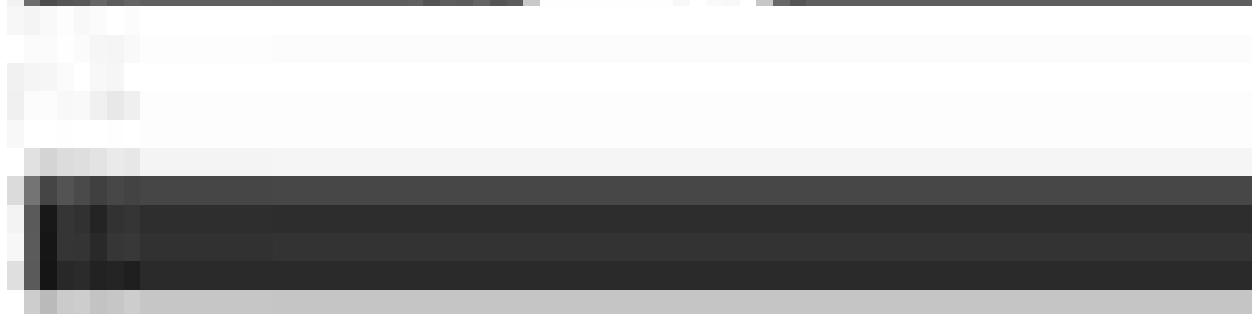
### TÊN QUÊ

Thời xưa, thiếu nữ được gọi là muội. Sách Bạch hổ thông giải thích : Thiếu nữ từ

trong nhà đi ra gọi là giá (xuất giá), đến nhà chồng gọi là quy (về), thiếu nữ đi lấy chồng, gọi là Quy muội.

Hàm ý, ở trên đời, nam lấy vợ (hôn), nữ lấy chồng (giá), xây dựng gia đình, thờ cúng tổ tiên, sinh con đẻ cái, nối dõi tông đường.

HÌNH QUÊ



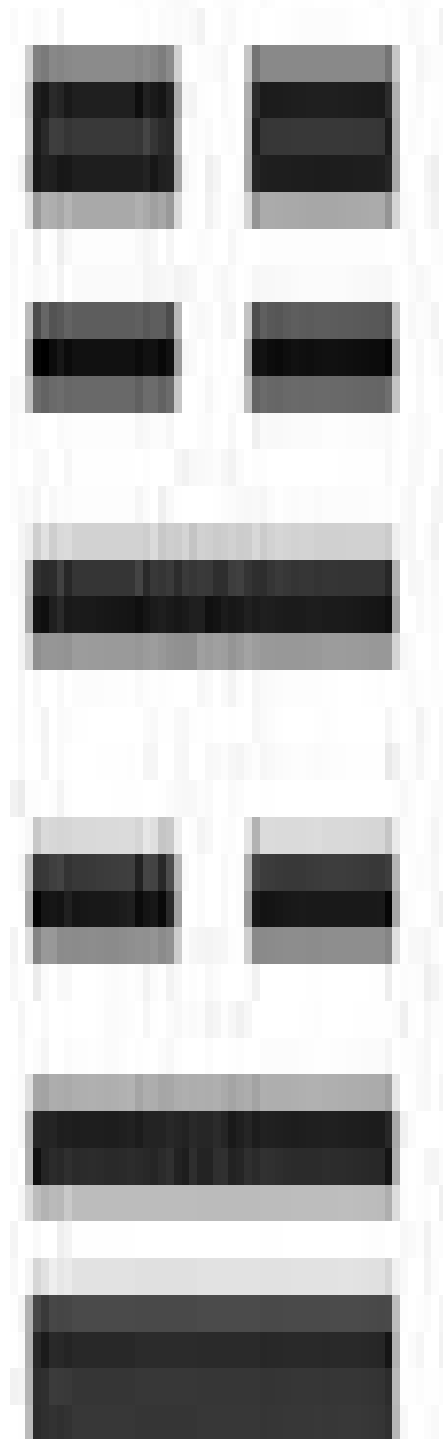
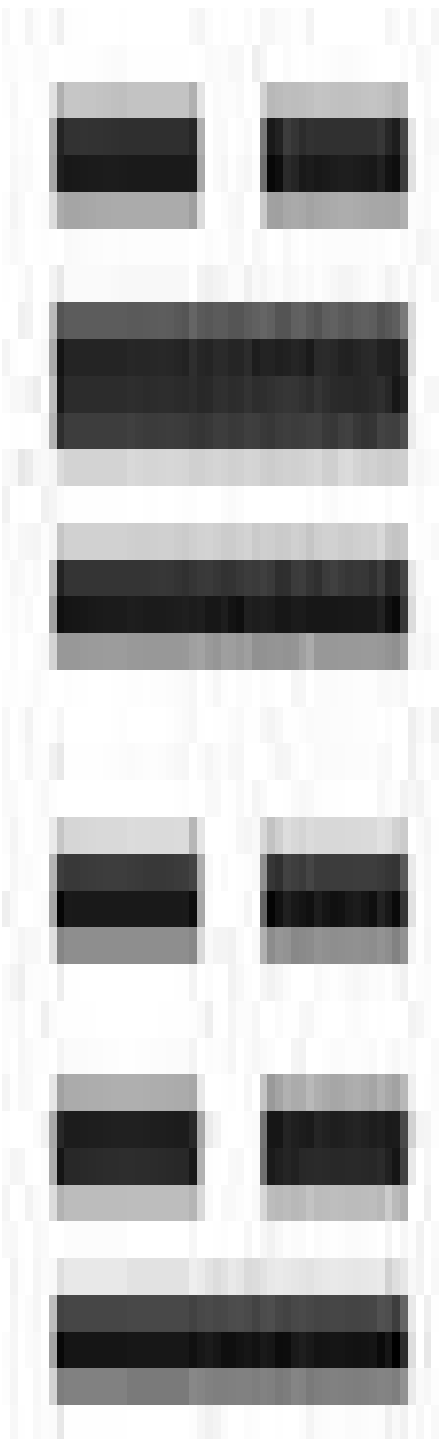
Dưới Đoài – trạch, trên Chấn - lôi, gọi là Lôi Trạch Quy Muội.

Dưới là Đoài tượng trưng thiếu nữ, có tính vui vẻ ; trên là Chấn, tượng trưng trưởng nam, có tính động. Tượng thiếu nữ gả về cho trưởng nam, gọi là Quy muội.

SOÁN TỪ

Quy muội, chinh hung, vô du lợi.

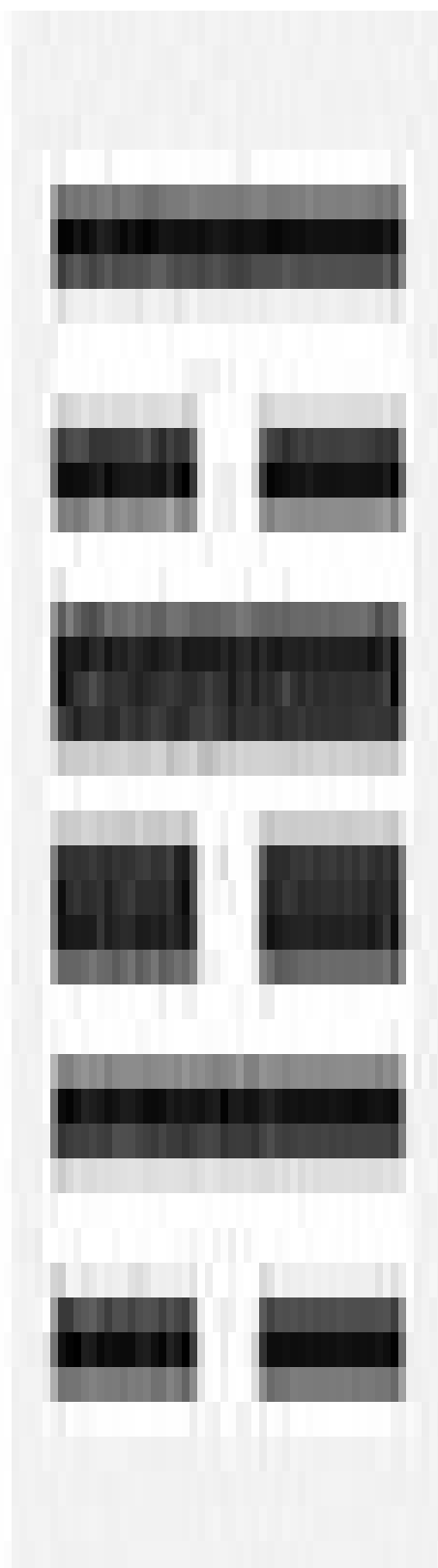
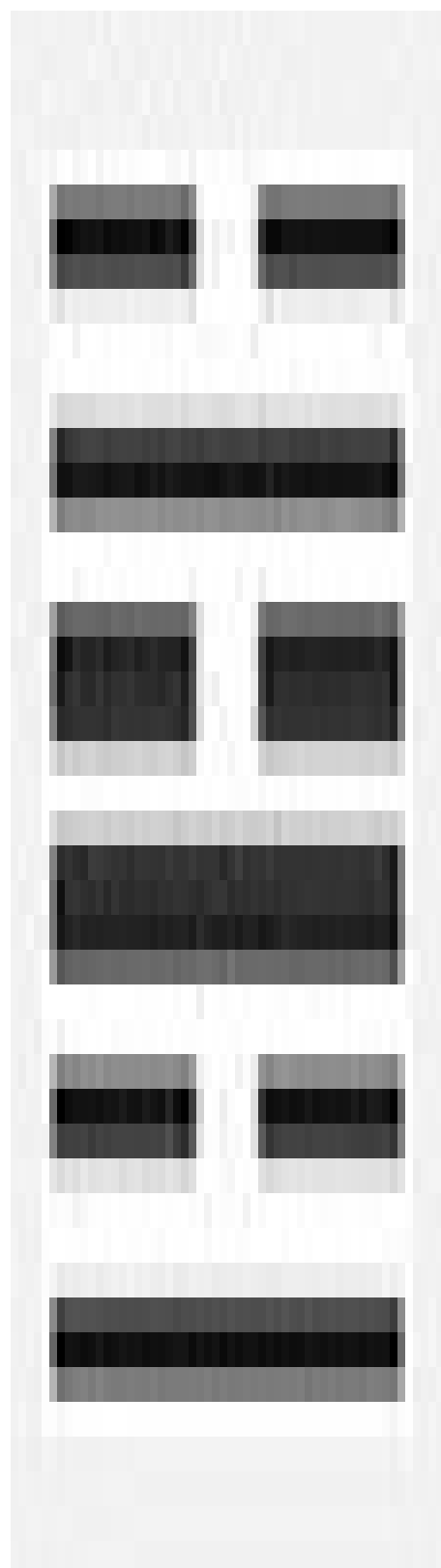




Xét theo thể quẻ, quẻ Chấn, trưởng nam, Đoài, thiếu nữ.

Quẻ Hàm (hình bên trái) , Chấn trưởng nam ở dưới, Đoài thiếu nữ ở trên, tức nam cầu nữ, là tốt (Thú nữ cát).

Quẻ Quy Muội (hình bên phải), Đoài, thiếu nữ ở dưới, Chấn trưởng nam ở trên, tức là nữ tối mắt chạy theo nam là không tốt.



Xét theo đức quẻ, Chấn có tính động, Đoài có tính vui vẻ. Nam chỉ dựa vào sự vui vẻ của nữ mà cảm động hoặc nữ thấy nam động mà vui vẻ, là không chính đáng, đã không chính đáng thì không đúng với đạo nam nữ, vợ chồng.

Xét theo hình quẻ, hào 3 âm, hợp với hào 4 dương, 5 âm là quẻ Khảm , nước. Nếu hào 2 dương, hợp với hào 3 âm, 4 dương, thành quẻ Li , lửa.

Khảm - nước, Li - hoả hợp lại thành quẻ Kí tể (hình bên trái), nước lửa tạm thời dung hợp nhau sẽ chuyển sang quẻ Vị tể (hình bên phải) thì nước lửa không còn dung hợp nhau.

**Nữ theo nam (Quy muội), lúc thành vợ chồng, sẽ sinh ra bất hoà hoặc tan vỡ, nguy hiểm, chẳng có gì lợi cả (Chinh hung, vô du lợi). Thiếu nữ về nhà chồng, đi theo thì xấu, không có gì lợi cả.**

## SOÁN TRUYỆN

Quy muội, thiên địa chi đại nghĩa dã. Thiên địa bất giao, nhi vạn vật bất hưng. Quy muội nhân chi chung thi dã. Thuyết (duyet) dĩ động, sở Quy muội dã. Chinh hung, vị bất đáng dã. Vô du lợi, nhu thừa cương dã.

Trời đất có âm có dương thì có nam nữ, âm dương giao cảm, nam nữ tương giao thì trai lớn lấy vợ, gái lớn lấy chồng. Cho nên, quẻ Quy Muội biểu thị nghĩa lớn

của trời đất (Quy muội, thiên địa chi đại nghĩa dã).

Trời đất cách tuyệt, âm dương không giao nhau, vạn vật không sinh dục được (Thiên địa bất giao nhi vạn vật bất hưng).

Trời đất phối hợp với nhau, âm dương giao nhau, nam nữ giao cảm, mà có việc con gái đi lấy chồng là để sinh con đẻ cái, nối dõi tông đường.

Vậy, Quy muội là kết quả nam nữ gặp gỡ của loài người, bắt nguồn từ âm dương giao nhau của trời đất (Quy muội nhân chi chung, thi dã).

Đoài là thiếu nữ, có tính vui vẻ, Chấn là nam có tính động ; nam động chỉ vì nữ vui vẻ theo nam nên gọi là Quy muội (Duyệt dĩ động).

Quy muội vốn là tốt lành, nhưng có trường hợp không tốt lành :

Sở dĩ xấu (chinh hung) là các hào 2 dương, hào 3 âm, hào 4 dương, hào 5 âm của quẻ Quy muội đều không xứng đáng với vị trí (vị bất đáng) thất chính, quan hệ nam nữ đã thất chính tất nhiên là gặp nguy hiểm.

Thông thường, các hào dương ở trên các hào âm thì tốt ; quẻ Quy muội, hào 3 âm cưỡi trên hào 2 dương, hào 5 âm cưỡi lên hào 4 dương (như thừa cương dã), nên không tốt.

Khác nào, gái áp chế trai, vợ lấn lướt chồng, trái với luân lí, nên chẳng có gì lợi

(vô du lợi).

Có sách giải thích, Kinh Dịch không gọi quẻ này là Muội quy mà viết là Quy muội, ám chỉ thiếu nữ tự theo trưởng nam, về nhà trưởng nam, không theo lễ tiết.

Hơn nữa, không gọi là quy nữ mà viết là quy muội, nữ là người đã trưởng thành, muội là thiếu nữ, còn nhỏ tuổi, đã tự theo trưởng nam, người nhiều tuổi, lại càng không tốt.

Ngay tên gọi của quẻ, đã nói lên sự bất lợi và nguy hiểm của mối quan hệ bất chính của nam – nữ.

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Trạch thượng hữu lôi, Quy muội. Quân tử dĩ vĩnh chung tri tậ.

Trạch là đầm nước lớn, sấm động thì sóng nước gợn theo ; sấm là dương, là nam ; trạch là âm, là nữ ; nam động mà nữ vui vẻ theo, gọi là Quy muội.

Sách Y xuyên Dịch truyện giải thích, vĩnh chung, là việc sinh con, đẻ cháu lâu dài. Tri tậ, là nhìn sự vật sẽ biết được sự tậ hại của nó sẽ xảy ra.

Người quân tử xem tượng quẻ Quy muội, thấy mối quan hệ ban đầu của nam nữ không đúng với lễ tiết, không hợp với đạo lí, đã biết rằng đời sống lâu dài của họ sẽ nảy sinh những tệ hại.

Tương tự, thấy sự việc bắt đầu, không cẩn thận sẽ biết những việc tệ hại sẽ xảy ra trong tương lai.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, Quy muội dĩ đệ, phả năng lí, chinh cát.

Hào 1 dương, thiếu nữ về nhà chồng làm thiếp, đi mà khắp khiêng, cứ thế thì tốt.

Tượng viết : Quy muội dĩ đệ, dĩ hằng dã. Phả năng lí, cát, tương thừa dã.

Tượng viết : Thiếu nữ đi làm thiếp là trái lễ thường ; nhưng phải giữ lễ thường, đúng phận. Dù có khó khăn đau lòng như đi khắp khiêng, cũng phải giúp đỡ người vợ chính, mới tốt.

## 1. Sơ cứu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, không chính ứng với trên.

## 2. Hoàn cảnh

Tục thời cổ, chị gọi em gái là nữ đệ, vợ chính gọi là thê, vợ lẽ gọi là thiếp ; có khi, chị gái đi lấy chồng, em gái theo làm thiếp.

Sách Lễ kí cho rằng, hôn nhân, đối với phụ nữ, có hai việc : Trên là thờ cúng tổ tiên tông miếu, dưới là sinh con.

Việc thờ cúng tổ tiên tông miếu thường do vợ cả trông nom, là thân phận cao quý. Thiếp chỉ có việc sinh con, đẻ cái, thân phận không được cao quý, bất toàn, trong lòng không thể không đau lòng. Vì vậy, hào từ cho rằng như người đi khắp khiêng, khó khăn (phả năng lí).

Hào 1 dương có tính dương cương, ở vị trí dương, không ứng với hào 4 dương. Biểu thị, người thiếu nữ có tính tình, hoặc hoàn cảnh cấp bách, phải đi làm thiếp, thân phận thấp lại không ai giúp đỡ.

Xét về hôn nhân là bất toàn, rất đáng đau lòng, khó hành xử, không khác người đi khắp khiêng (Quy muội dĩ đệ, phả năng lí).

## 3. Quyền biến



(1) Ở trong hoàn cảnh như vậy, cứ giữ đúng bốn phận, thì tốt (chính, cát).

(2) Thiếu nữ đi làm thiếp là trái lẽ thường (Quy muội dĩ đệ) ; nhưng đã làm thiếp rồi thì phải giữ lẽ thường, đúng phận (dĩ hăng) ; dù có khó khăn đau lòng (phả năng lí) cũng phải giúp đỡ người vợ chính, mới tốt (cát, tương thừa dã).

Cửu nhị, miếu năng thị, lợi u nhân chi trinh.

Hào 2 dương, thấy bằng mắt sáng mắt mờ, âm thầm giữ đức trinh chính, tốt.

Tượng viết : Lợi u nhân chi trinh, vị biến thường dã.

Tượng viết : Âm thầm giữ trinh chính thì lợi, trong cảnh biến giữ lẽ thường.

## 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, bất chính nhưng đắc trung, ứng với hào 5 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương, hợp với hào 3 âm, 4 dương, thành quẻ Li, tượng trưng cho con mắt, nên hào từ nhắc đến miếu năng thị.

Miếu là mắt bị bệnh, một mắt sáng, một mắt mờ, không thể nhìn xa được. U nhân là người sâu kín, âm thầm, lặng lẽ.

Hào 2 dương có đức cương trung, ứng với hào 5 âm nhu. Biểu thị, người phụ nữ có nhiều đức tính tốt nhưng gặp phải người chồng nhu nhược, bất tài.

Sách Chu Dịch bản nghĩa, Chu Hy giải thích : Gái hiền lấy phải chồng không tốt, thì không thành công lớn trong việc tề gia nội trợ. Tương tự, người bị bệnh mắt không thể nhìn xa (miếu năng thị).

Suy ra, tôi sáng gặp phải vua tối, người dưới khôn ngoan gặp người trên ngu đần, không cách nào thi thố được tài năng.

## 3. Quyền biến

(1) Gặp trường hợp này, người phụ nữ chỉ lặng lẽ, âm thầm, giữ sự trinh chính của một người vợ, thì mới có lợi (lợi u nhân chi trinh).

(2) Đạo vợ chồng là lễ thường, vợ hiền gặp chồng không tốt là bất thường. Nhưng trong hoàn cảnh đó người vợ âm thầm lặng lẽ giữ được sự trinh chính là lễ thường (Lợi u nhân chi trinh) của người vợ hiền ; cảnh ngộ tuy biến nhưng vẫn giữ được đạo lí thường hằng (vị biến thường dã), đó là ý chí và trí tuệ.

Lục tam, Quy muội dĩ tu, phản (phản) quy dĩ đệ.

Hào 3 âm, thời lấy chồng, nhiều tật hư thói xấu, về làm thiếp.

Tượng viết : Quy muội dĩ tu, vị đáng dã.

Tượng viết : Nhiều tật hư thói xấu chẳng ai cưới hỏi, không xứng đáng.

## 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, bất chính, bất trung, ở trên hào 1 dương, 2 dương, ở trên cùng quẻ Đoài.

## 2. Hoàn cảnh

Sách Chu Dịch bản nghĩa Chu Hy giải thích, tu là người phụ nữ ti tiện (Tu nữ chi tiện dã) ; có sách giải thích, tu là mao (lông), mặt có lông dài ; nói chung, chỉ người con gái có nhiều thói hư tật xấu.

Hào 3 âm, bất trung bất chính, lại cười lên hai hào dương, ở trên quẻ Đoài, vui vẻ tột bậc. Biểu thị, người con gái bất trung, bất chính, kiêu ngạo ; vì thế, đến tuổi lấy chồng, chẳng có chàng trai nào đến cưới hỏi (Quy muội dĩ tu).

Nhưng hào 3 âm, ở cuối quẻ Đoài, có tính rất vui vẻ, như người con gái tính toán thật nhiều, nhưng cuối cùng, dễ dãi đi theo người đàn ông có vợ, cam tâm làm thiếp cho người ta (phản quy dĩ đệ).

Hào 3 âm nhu ở vị trí dương cương, bất trung bất chính, nhiều thói hư tật xấu, chẳng ai cưới hỏi (Quy muội dĩ tu) không xứng đáng với tư cách của người con gái (vị bất đáng dã).

### 3. Quyên biến

Chẳng ai cầu đến hạng người xuất thân một cách bất chính, không có tư cách.

Nếu có chạy theo người ta, thì người ta cũng xem như tôi tớ, tay chân.

Cửu tứ, Quy muội khiên kì, trì quy hữu thời.

**Hào 4 dương, em gái về nhà chồng, lỡ thời, chậm nhưng phải đợi sẽ gặp được chồng tốt.**

Tượng viết : Khiên kì chi chí, hữu đãi nhi hành dã.

Tượng viết : Lỡ thời chẳng qua ý nguyện, được người chồng tốt.

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, không ứng với hào 1 dương, ở đầu quẻ Chấn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 dương, hào 3 âm, hào 2 dương, hợp thành quẻ Li , tượng trưng cho mặt trời, ngày (nhật).

Hào 4 dương, hào 3 âm, hào 5 dương, hợp thành quẻ Khảm, tượng trưng cho mặt

trăng, tháng (nguyệt).

Nhật nguyệt, ngày tháng, tượng trưng thời kì hôn nhân, quá kì hôn nhân gọi là khiên kì. Trì là chậm, là đợi.

Hào 4 dương cương, ở trên nửa quẻ Quy muội, hào 1 dương không chính ứng. Biểu thị cô gái hiền, có nhiều tính tốt, địa vị cũng không đến nỗi thấp hèn, nhưng chưa có người cầu hôn, quá kì về nhà chồng (Quy muội khiên kì).

Sách Chu Dịch triết trung giải thích, hào 4 dương có chất dương cương, ở vị trí âm, không nên nóng vội, dù chậm nhưng phải đợi khi nào, đầy đủ lễ tiết mới xuất giá theo chồng (trì quy hữu thời).

### 3. Quyền biến

Đã là người con gái hiền thực như hào 4 dương, không phải không có chàng trai nào ngấp nghé.

Lỡ thời chẳng qua là ý nguyện muốn được người chồng tốt (khiên kì chi chí), mới xuất giá (hữu đãi nhi hành dã).

Lục ngũ, Đế Ất quy muội, kì quân chi duệ, bất như kì đệ chi duệ lương. Nguyệt cơ vọng, cát.

**Hào 5 âm, như Đế Ất cho em gái về nhà chồng, trang phục giản dị không đẹp bằng những người thiếp, nhân hậu, khiêm tốn. Như trăng đêm mười bốn, tốt.**

Tượng viết : Đế Ất quy muội, bất như kì đệ chi duệ lương dã. Kì vị tại trung, dĩ quý hành dã.

Tượng viết : Như Đế Ất gả em gái, trang phục giản dị, không đẹp bằng những người thiếp. Vì xem trọng phẩm đức hơn là địa vị quyền quý.

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm, ở vị trí dương, thất chính nhưng đắc trung, ứng với hào 2 dương, ở giữa quẻ Chấn.

## 2. Hoàn cảnh

Theo bốc từ trên giáp cốt văn thời nhà Ân, nhà Thương viết là Ất muội, quy, gọi tắt là quy muội, chỉ việc gả con gái thời nhà Thương.

Nhà Thương là nước lớn nhưng suy yếu dần, dân tộc Chu là chư hầu, ngày càng mạnh, để giữ mối giao hảo, Đế Ất, cha của vua Trụ, gả em gái cho Chu Văn Vương.

Hào từ viết Đế Ất quy muội thiên về tính tượng trưng, hơn là ý nghĩa lịch sử.

Quân, chỉ hào 5 âm ở vị trí quân chủ, cũng có thể hiểu là địa vị cao quý của công chúa. Thời xưa, vợ vua chư hầu gọi là tiểu quân, vợ các quan gọi là huyện quân, chỉ người vợ chính, thân phận cao quý.

Duệ là áo quần, chỉ trang phục, kì quân chi duệ, bất như đệ chi duệ lương là trang phục của công chúa làm vợ vua chư hầu không đẹp bằng trang phục, trang sức của người theo hầu. Chỉ sự giản dị, coi trọng phẩm đức hơn là trang phục, trang sức.

Thông thường, vợ hoặc các thê thiếp thường làm dáng, làm đẹp để tranh sự sủng ái của chồng, không làm dáng, không ăn mặc đẹp hơn, là coi trọng phẩm đức hơn là sự tranh giành sự sủng ái của chồng.

Nguyệt cơ vọng là trăng ngày 14, thịnh mà chưa đầy, tròn mà chưa khuyết, chỉ công chúa, vợ vua chư hầu, địa vị rất tôn quý, nhưng lại rất mực nhân hậu (thịnh), khiêm tốn (chưa đầy).

Hào âm nhu, đắc trung, ở vị trí quân chủ, ứng với hào 2 dương. Biểu thị người con gái tôn quý như công chúa em của Đế Ất, xuất giá theo bậc vương hầu (Đế Ất quy muội).



### 3. Quyền biến

(1) Lúc đi lấy chồng, ở trong gia đình, tuy là vợ chính nhưng ăn mặc rất giản dị, còn thua kẻ những người thiếp (kì quân chi duệ, bất như kì đệ chi duệ lương), coi trọng phẩm đức, không giành sự sủng ái của chồng.

Đã thế, lại còn nhân hậu, khiêm tốn như trăng ngày 14 thịnh nhưng không đầy, tròn nhưng chưa vào thời khuyết (nguyệt cơ vọng), như vậy thật là tốt (cát).

Xét các hào 5 âm, 4 dương, 3 âm, hợp thành quẻ Khảm - hiểm, nhưng hào từ gọi là cát ?

Phải chăng dù ở giữa cảnh hiểm cũng không thể tổn thương người phụ nữ với những đức tính như hào 5 âm ?

Hoặc những người phụ nữ có đức tính như hào 5 âm, không bao giờ rơi vào cảnh hiểm.

(2) Đức trung là phẩm hạnh, ở bên trong, là sự trường cửu ; vị là địa vị, là sự tôn quý, đôi khi thể hiện ra ngoài bằng trang phục, là tạm thời.

Như nàng công chúa em Đế Ất xuất giá làm vợ vua chư hầu, vẫn ăn mặc giản dị, thua kém những người thiếp trong nhà (Đế Ất quy muội, bất như kì đệ), vì coi trọng đức trung, phẩm đức hơn là địa vị, xem cái trường cửu hơn cái tạm thời (kì vị tại trung, dĩ quý hành dã).

Thượng lục, nữ thừa không, vô thực ; sĩ khuê dương, vô huyết, vô du lợi.

Hào trên cùng âm, nữ xách giỏ mà giỏ trống không ; nam cắt cổ dê, không có huyết, không có gì lợi cả.

Tượng viết : Thượng lục vô thực, thừa hư không đã.

Tượng viết : Hào trên cùng âm hư, như cái giỏ không.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, không ứng với hào 3 âm, ở cuối quẻ Quy muội.

## 2. Hoàn cảnh

Trịnh Huyền giải thích, người phụ nữ về nhà chồng sau ba tháng thì tổ chức tế lễ tổ tiên, trở thành người chính thức của gia tộc.

Như đã giải thích, ngày xưa hôn nhân có hai mục đích : Thờ phụng, tế lễ tổ tiên tông miếu. Sinh con đẻ cái, nối dõi tông đường.

Khuông là cái giỏ dùng để đựng thức ăn dâng tế tổ tiên, là công việc của người vợ cả. Thừa khuông vô thực, là giỏ đựng thức ăn trống không, chẳng có gì cúng tổ tiên.

Dương là dê, cắt huyết dê để tế lễ tổ tiên, là công việc của người chồng. Sĩ khuê dương vô huyết là cắt huyết dê, không có huyết, không thể cúng tổ tiên.

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm ở cuối quẻ Quy muội, mâu thuẫn chuyển hoá, không ứng với hào 3 âm.

Biểu thị, cô con gái đã quá thì chẳng có ai cầu hôn, cuối cùng nhắm mắt đi theo người đàn ông.

Hậu quả của việc sống chung, vợ không làm tròn bổn phận của người vợ, chồng cũng không tròn bổn phận của người chồng, cả hai không làm tròn bổn phận với gia tộc và tổ tiên, chẳng có việc gì thành, gia đạo hỏng bét.

Tương tự, vợ xách cái giỏ đựng đồ cúng, nhưng giỏ không (nữ thừa khuông vô thực), chồng cắt tiết dê chẳng có huyết (dĩ khuê dương, vô huyết), việc gì chẳng xong việc gì (vô du lợi).

Hào 6 âm là hào hư, không thực, nên tượng từ gọi là vô thực, thừa hư.

Hào trên cùng âm hư, danh nghĩa là đi lấy chồng, là vợ, nhưng chẳng là đi lấy chồng, là vợ nhưng không làm tròn bốn phận nên chẳng phải là vợ (Thượng lục vô thực), không khác gì cái giỏ không (thừa hư khuông dã).

### 3. Quyền biến

(1) Vợ không làm tròn bốn phận, có thể dẫn đến chồng chẳng ra chồng ; chồng không không làm tròn nghĩa vụ, có thể dẫn đến vợ không ra vợ ; gia đạo sẽ rồi bời, làm việc gì cũng thất bại.

(2) Phải có thực sau mới có danh ; danh và thực phải đi đôi, có danh mà không có thực là hư danh. Kẻ hữu danh vô thực, không khác gì cái giỏ trống không.

## 55. LÔI HOẢ PHONG

### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn cho rằng, chữ phong lấy từ hình tượng hạt đậu chắc mầm hoặc hạt đậu nảy mầm, cái mầm chắc mầm. Sách Quãng Nhã cho rằng phong là đầy.

Nói chung, phong có nghĩa là phong phú, phong hậu, là lớn, là thịnh lớn.

### HÌNH QUẺ



[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Li - hoả, trên Chấn - lôi, gọi là Lôi Hoả Phong.

Dưới Li - hoả, là điện, trên Chấn - sấm ; hễ có sấm thì có lửa, có điện, sấm và lửa, điện giao nhau, là cách làm cho lớn, cho thịnh, gọi là Phong.

Nhìn hình quẻ, chúng ta có thể hình dung sự giao nhau của sấm và điện.

## SOÁN TỪ

Phong, hanh, vương giả (cách) chi. Vật ưu, nghi nhật trung.

Li – hoả có đức sáng, Chấn – sấm có tính động, lấy đức sáng mà hành động, làm nên sự nghiệp to lớn, hanh thông (Phong, hanh), chỉ có bậc vương giả mới đạt được sự nghiệp to lớn và hanh thông như vậy (vương giả cách chi).

Mặc dù, sự nghiệp to lớn, hanh thông như mặt trời giữa trưa nhưng cũng cần phải lo lắng, giữ được sự trung chính (Vật ưu nghi nhật trung).

## SOÁN TRUYỆN

**Phong, đại dã. Minh dĩ động, cố Phong. Vương giả (cách) chi, thượng đại dã ; vật ưu nghi nhật trung, nghi chiếu thiên hạ dã. Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực, Thiên Địa doanh hư, dự thời tiêu tức, nhi hướng ư nhân hồ ? Hướng ư quỷ thần hồ ?**

Phong là lớn (Phong đại dã). Li – lửa có tính sáng, Chấn – sấm tượng trưng cái chân, có tính động, trước sáng sau đó mới động, mới làm nên sự nghiệp lớn, gọi là Phong (Minh dĩ động cố Phong).

Chỉ có bậc vương giả mới làm được những việc lớn, tạo nên được cảnh giới như vậy (Vương giả cách chi, thượng đại dã). Ngược với quẻ Li là quẻ Khảm , tượng trưng nguy hiểm, Soán truyện vừa khuyên : Mặc dù sự nghiệp sáng rõ như mặt trời giữa trưa, nhưng phải lo lắng, giữ được sự trung chính.

Nguyên nhân phải lo lắng, giữ sự trung chính, vì mặt trời đứng bóng sẽ xế, trăng tròn sẽ khuyết (Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực), trong trời đất có đây ắt có vơi, theo thời gian mà mòn, mà bồi (dữ thời tiêu tức), trời đất, thời gian như thế hướng gì là người, là quỷ thần ? (nhi hướng ư nhân hồ, ư quỷ thần hồ ?).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Lôi điện giai chí, Phong ; quân tử dĩ chiết ngục trí hình.



Trên Chấn – sấm, dưới Li – điện, sấm nổ là uy của trời, khi sấm thì điện lóe lên soi sáng mọi nơi, gọi là Phong.

Quân tử xem tượng ấy, ứng dụng vào việc hình, vừa có uy vừa sáng suốt, thấy rõ thiện ác để xử đoán.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, ngộ kì phối chủ, tuy tuần vô cửu, vãng hữu thượng.

Sơ cửu, kẻ dưới phối hợp với người trên, tuy cân tài cân sức, nhưng đồng lòng với nhau, cùng nhau làm nên thời Phong, không tội lỗi, người dưới ứng với người trên, sẽ làm nên công nghiệp.

Tượng viết : Tuy tuần vô cửu, quá tuần tai dã.

Tượng viết : Tuy ngang tài, ngang sức mà phối hợp với nhau, đồng lòng với nhau thì không tội lỗi, một bên tranh thắng, đi quá, không chịu phục ai hoặc không nhường nhịn nhau, tất nhiên tai hoạ.

## 1. Sơ cứu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở dưới cùng quẻ Li.

## 2. Hoàn cảnh

Dưới Li – lửa, có tính sáng, trên là Chấn – sấm, có tính động gọi là Phong. Sách Dịch truyện Trình Di cho rằng, không có sáng thì động không có cơ sở, sáng mà không động thì sáng cũng chẳng có chỗ dùng, cho nên có sáng thì có động, có động thì có sáng, động - sáng phải hỗ tương nhau, mới làm được thời Phong.

Vì vậy, thông thường hào dương ứng với hào âm, riêng quẻ Phong, hào 1 dương ứng với hào 4 dương.

## 3. Quyền biến

(1) Hào 1 dương ở đầu quẻ Li, tượng trưng tính sáng mới bắt đầu ; hào 4 dương, ở đầu quẻ Chấn, tượng trưng tính động mới bắt đầu. Nhờ tính động của hào 4 dương, hào 1 dương mới được sáng ; do đó hào 1 dương phải tương ứng với hào 4 dương, hoặc phối hợp với hào 4 dương là chính (ngộ phối chủ).

Sấm mạnh, điện càng mạnh, điện mạnh thì sấm to, sấm và điện hỗ tương nhau, tương thành với nhau, tuy cân tài cân sức nhưng không đối địch nhau.

Tương tự, hào 1 dương – cương, hào 4 dương – cương, hai hào dương – cương tuy cân tài cân sức, nhưng đồng lòng với nhau (tuy tuần), phối hợp với nhau làm nên thời Phong, không tội lỗi (vô cữu), hào 1 dương đi lên ứng với hào 4 dương, sẽ làm nên công nghiệp (vãng hữu thượng).

(2) Hào 1 dương - cương, hào 4 dương - cương, ngang tài ngang sức với nhau nhưng phối hợp với nhau, đồng lòng với nhau thì không tội lỗi (tuy tuần vô cữu).

Nhưng một bên tranh thắng, đi quá, không chịu phục ai hoặc không nhường nhịn nhau, tất nhiên tai hoạ (quá tuần, tai dã).

Ví dụ :

Lạn Tương Như lập công lớn ở nước Tần, khi về Triệu, được thăng làm thượng khanh, trên cả Liêm Pha. Liêm Pha nói :

- Ta là đại tướng của nước Triệu, tác chiến, hạ thành, công trạng lớn thế, mà Lạn Tương Như chỉ nhờ vào miệng lưỡi đưa đẩy, lại được ngôi cao hơn ta ; và Tương Như vốn xuất thân hèn hạ, ta lấy làm xấu hổ, không chịu ở hàng dưới hắn. Ta gặp Tương Như nhất định phải làm nhục hắn.

Tương Như được tin đó, tránh không chịu dàn mặt Liêm Pha. Mỗi lần thiết triều, Tương Như thường cáo bệnh để khỏi phải tranh ngôi thứ trên dưới với Liêm Pha. Về sau, có lần ra đường, thấy bóng Liêm Pha, Tương Như ngoặt xe lẩn tránh. Đám xá nhân của Tương Như nói :

- Chúng tôi sờ dĩ bỏ cả bà con họ hàng, đến đây thờ ngài là chỉ vì hâm mộ ngài là người cao nghĩa. Nay ngài với Liêm Pha cùng là đại khanh cả, vậy mà ngài Liêm buông lời bất lịch sự với ngài, ngài lại lẩn tránh, sợ hãi quá chừng, bọn dung tục như chúng tôi còn lấy làm xấu hổ, huống chi bậc khanh tướng như ngài. Thôi, chúng tôi tuy bỉ lậu tầm thường nhưng cũng xin từ biệt ngài !

Tương Như cố nèo lại, nói :

- Các ông thử so sánh, xem thử, Liêm tướng quân có đáng sợ bằng Tần vương không ?

Đáp :

- Không bằng !

Tương Như nói :

- Tần vương uy lớn như thế, mà Tương Như tôi dám mắng vào mặt giữa chốn triều đình và làm nhục cả bọn bày tôi của hắn. Dù rằng kém cỏi nhưng Tương Như tôi đâu đến nỗi sợ Liêm tướng quân ! Nhưng tôi thiết nghĩ : Sờ dĩ nước Tần hùng cường nhưng không dám đem quân đánh Triệu, vì đây còn có hai chúng tôi. Hai con hổ chọi nhau, thì tất có con sống, con chết. Sờ dĩ, tôi chịu nhường nhện, nhả nhục là vì Tương Như tôi để mối nguy vong của quốc gia trên cái hiềm thù cá nhân đấy thôi !

Lời nói này đến tai Liêm Pha. Liêm Pha cười trần, lưng mang cành cây có gai,

đến nhà Tương Như tạ tội.

Rốt cuộc, hai bên vui vẻ với nhau, kết làm đôi bạn, thề cùng sống chết.

(3) Có sách giải thích, hào 5 âm là chủ quẻ, tượng trưng bậc quân chủ thời Phong nhưng lại âm nhu hôn ám, cần phải có những bề tôi sáng suốt có uy như hào 1 dương, hào 4 dương. Nếu hào 1 dương, hào 4 dương lẫn lượt quân chủ thái quá sẽ sinh ra tai hoạ.

Lục nhị, Phong kì bộ, nhật trung kiến Đẩu ; vãng đắc nghi tậ, hữu phu phát nhược, cát.

Lục nhị, ở thời Phong, hiền thần gặp vị quân chủ hôn ám, làm cho đức sáng, đức mình của hào 2 âm bị che lấp, tương tự như mặt Trời ban ngày bị mây che, thấy sao Bắc đẩu ; quân chủ không chỉ hôn ám, mà tính nghi kị hiền thần đã thành tậ, nếu hiền thần tiến lên sẽ gặp nguy hiểm, trong hoàn cảnh đó, hiền thần giữ lòng mình một cách thành tín, mới cảm phát được quân chủ, là tốt.

Tượng viết : Hữu phu phát nhược, tín dĩ phát chí dã.

Tượng viết : Chỉ đem lòng chí thành của mình mà khai phát được quân chủ, chắc

chấn sẽ cải biến được tâm chí của bậc quân chủ.

## 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở giữa quẻ Li, ứng với hào 5 âm, bất chính.

## 2. Hoàn cảnh

Bậ là che bịt ; Đẩu là chòm sao Bắc đẩu ; Phong kì bộ nhật trung kiến Đẩu, thời phong mà đức sáng bị che bịt như mặt trời bị mây che lấp, ban ngày mà tưởng như ban đêm, chỉ thấy chòm sao Bắc đẩu ; là mùng tối, cảnh đen tối.

Hào 2 âm, đắc chính ở giữa quẻ Li có đức sáng, đức minh, ứng với hào 5 âm – nhu, bất chính, ở giữa quẻ Chấn có tính động, nhu nhược hôn ám.

Nói cách khác, ở thời Phong, hiền thần gặp vị quân chủ hôn ám, làm cho đức sáng, đức minh của hào 2 âm bị che lấp. Tương tự, mặt Trời ban ngày bị mây che, thấy sao Bắc đẩu (phong kì bộ nhật trung kiến đẩu). Quân chủ không chỉ hôn ám, mà tính nghi kị hiền thần đã thành tật, nếu hiền thần tiến lên sẽ gặp nguy hiểm (vãng đắc nghi tật).

Ví dụ :

Tể tướng Lục Chí phò vua Đường Đức Tông, đời Trung Đường. Tể tướng Lục Chí hết lòng vì dân vì nước nhưng vua Đường Đức Tông hôn ám, có tính nghi

kị, không chỉ không nghe lời can gián của Lục Chí mà còn đày Lục Chí đến Trung Châu và chết ở đó.

### 3. Quyền biến

(1) Trong hoàn cảnh đó, hào 2 âm nên giữ lòng mình một cách thành tín, mới cảm phát được quân chủ, là tốt (hữu phu phát nhược cát).

(2) Hào 2 âm, ở giữa quẻ Li có đức sáng, bị rơi vào cảnh đen tối, cho nên chỉ đem lòng chí thành của mình mà khai phát được quân chủ, chắc chắn sẽ cải biến được tâm chí của bậc quân chủ (hữu phu phát nhược, tín dĩ phát chí).

Ví dụ :

Chu Công giúp Thành vương, bị Quản thúc, Sái thúc dèm pha, Thành vương có ý nghi ngờ.

Nhưng Chu Công lấy thành chí mà xuất xử, nên Thành vương hết nghi ngờ và nhận lỗi, tình nghĩa vua tôi trọn vẹn.

Cửu tam, Phong kì báỉ (bái), nhật trung kiến muội (muội) ; chiết kì hữu quǎng, vô cửu.

**Cửu tam, rơi vào hoàn cảnh tối tăm, ban ngày mà như đêm tối mù mịt, chỉ thấy sao, không thi thố được tài năng ; như người bị chặt mất cánh tay phải, nên giữ đức sáng suốt, chẳng nên trách thời, trách người, mới không tội lỗi.**

Tượng viết : Phong kì bá, bất khả đại sự dã. Chiết kì hữu quăng, chung bất khả dụng dã.

Tượng viết : Thời Phong, kẻ trên nhu nhược bất tài, bịt bùng không thấy đức sáng tài năng của con người, không thể làm được việc lớn. Mà còn như chặt cánh tay phải của người ta, khiến người ta trở nên kẻ vô dụng.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở trên cùng quẻ Li, ứng với hào trên cùng âm.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 3 dương biến thành âm, hợp với hào 2 âm, hào 4 dương, thành quẻ Cấn , tượng trưng cho cánh tay. Nếu hào 3 dương, hào 4 dương, hào 5 âm, hợp thành quẻ Đoài, tượng trưng việc chặt, hủy. Vì vậy, hào từ nhắc đến việc chặt cánh tay



phải (chiết kì hữu quăng). Vì là những ngôi sao nhỏ li ti.

Hào từ hào 2 âm nói, thời phong về ban ngày, mặt trời bị mây che lấp, như đêm tối, chỉ thấy chòm sao Bắc đẩu (phong kì bậu, nhật trung kiến Đẩu), mảng tối, hoàn cảnh tối tăm.

Hào 3 dương, cũng nói thời Phong, ban ngày, mặt trời bị mây che khuất, chỉ thấy những ngôi sao (Phong kì bá, nhật trung kiến muội), mảng tối càng tối hơn, hoàn cảnh tối tăm càng tối tăm hơn.

Thông thường, hào 3 dương ứng với hào trên cùng âm, âm dương tương ứng là tốt (cát) nhưng hào từ chỉ nói là không tội lỗi (vô cữu) ?

Nguyên, trong thời Phong, làm việc phong, hào 1 dương ở cuối quẻ Li có đức sáng, ứng với hào trên cùng âm quẻ Chấn, động đến cùng cực nên phải dừng, chẳng giúp ích gì cho hào 3 dương. Lại nữa, hào 3 dương lại ở dưới hào 4 dương, thế lực của hào 4 dương rất mạnh, càng che lấp tài năng, ánh sáng của hào 3 dương.

(1) Nói chung, hào 3 dương, ở trên quẻ Li có đức sáng, ở thời Phong, nhưng rơi vào hoàn cảnh tối tăm, ban ngày mà như đêm tối mù mịt, chỉ thấy sao (Phong kì bá nhật trung kiến muội).

Đa số, người ta thường thuận tay phải ; ở trong hoàn cảnh tối tăm, hào 3 dương không làm gì được, không thi thố được tài năng, như người bị chặt mất cánh tay phải (chiết hữu kì quăng).

Nhưng hào 3 dương, ở trên quẻ Li có chất sáng, giữ đức sáng suốt, thời đã thế, người đã thế, chẳng nên trách thời, trách người, mới không tội lỗi (vô cữu).

(2) Trong thời Phong, kẻ trên nhu nhược bất tài, bịt bùng không thấy đức sáng tài năng của con người, thì không thể làm được việc lớn (Phong kì báỉ, bất khả đại sự), mà còn như chặt cánh tay phải của người ta (chiết kì hữu quǎng), khiến người ta trở nên kẻ vô dụng (chung bất khả dụng dã).

### 3. Quyền biến

Trong việc dùng người, kẻ trên biết dùng người dưới, người dưới sẽ trở thành hữu dụng, trên – dưới sẽ thành một cơ thể lành mạnh, có đủ tay chân, làm nên việc lớn ở thời Phong. Kẻ trên không biết dùng người dưới, người dưới sẽ trở nên vô dụng, như kẻ bị chặt tay.

Cửu tứ, Phong kì bộ, nhật trung kiến Đẩu. Ngộ kì di chủ, cát.

**Cửu tứ, như mặt trời bị che lấp bởi mây đen, tưởng chừng như đêm, chỉ thấy chòm sao Bắc đẩu. Nhưng biết hạ mình tìm người sáng giúp đỡ thì tốt.**

Tượng viết : Phong kì bộ, vị bất đáng dã. Nhật trung kiến Đẩu, u bất minh dã. Ngộ kì di chủ, cát hành dã.

Tượng viết : Ở trong mùng tối, không xứng đáng với vị trí. Ban ngày như ban đêm, chỉ thấy sao Bắc đẩu, ở dưới người u mê, không sáng. Hạ mình tìm người sáng, làm như thế thì tốt.

### 1. Cửu tử

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, bất trung, ở đầu quẻ Chấn, ở dưới hào 5 âm.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 1 dương hướng lên ứng với hào 4 dương, gọi là phối chủ ; hào 4 dương hướng xuống ứng với hào 1 dương, gọi là di chủ.

Hào 4 dương, bất trung, bất chính, ở dưới hào 5 âm nhu, hôn ám, hoàn cảnh của hào 4 dương không khác hào 2 dương, như mặt trời bị che lấp bởi mây đen, tưởng chừng như đêm, chỉ thấy chòm sao Bắc đẩu (Phong kì bộ, nhật trung kiến Đẩu), là rất xấu, nhưng hào cho là tốt ? (cát ?)

### 3. Quyền biến

(1) Nguyên nhân, hào 4 dương, ở quẻ Chấn, có tính động, hướng xuống ứng với hào 1 dương, ở quẻ Li, có tính sáng (ngộ kì di chủ), hỗ tương với nhau, nên tốt

lành (cát).

Sách Thành Trai Dịch truyện, Trương Vạn Lí giải thích : Hào 4 dương, có tính động, ở gần bậc quân chủ, ứng với hào 1 dương, có tính sáng, cả hai đều có đức dương cương, trong sáng mà ngoài động.

(2) Bản thân hào 4 dương bất chính, chính bất trung, không xứng đáng với vị trí (vị bất đáng dã), lại ở dưới hào 5 dương, quân chủ, nhu nhược hôn ám (u bất minh) ; ở trong hoàn cảnh này, đức sáng bị che lấp, như mặt trời bị mây phủ (Phong kì bậ), ban ngày mà như đêm tối, chỉ nhìn thấy chòm sao Bắc đẩu (nhật trung kiến Đẩu).

Trong tình cảnh đó, hào 4 dương hạ ứng với hào 1 dương (ngộ kì di chủ), có đức sáng, như thế mới được tốt (cát hành dã).

Lục ngũ, lai chương, hữu khánh dự, cát.

Lục ngũ, hết lòng mời người tài giúp đỡ, sự nghiệp thời phong ngày càng thịnh, người người được hạnh phúc, bản thân cũng được khen ngợi, mọi việc tốt lành.

Tượng viết : Lục ngũ chi cát, hữu khánh dã.

Tượng viết : Hào 5 âm tốt, được phúc, vì hết lòng mời được người tài.

### 1. Lục ngũ

Hào 5 âm, ở vị trí dương, bất chính nhưng đắc trung, ở giữa quẻ Chấn, ở trên hào 1 dương, hào 3 dương hào 4 dương.

### 2. Hoàn cảnh

Chương là văn chương, là sự xán lạn, là nhân tài, là người có đức sáng ; lai chương là mời người tài tới.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 5 âm – nhu, quân chủ, nhưng ở vị trí dương – cương, ở giữa quẻ Chấn - sấm, có tính động, có tính cương, bản thân có tố chất cương, lại hết lòng mời hào 1 dương, 3 dương, 4 dương, là những nhân tài giúp đỡ (lai chương) sự nghiệp thời Phong ngày càng thịnh, người người được hạnh phúc (hữu khánh), bản thân hào 5 âm cũng được khen ngợi, mọi việc tốt lành (dự, cát).

Dương Vạn Lí phân tích : Muốn mình có thêm đức cương, thì dùng người có đức cương, muốn cho mình thêm đức sáng, thì dùng người có đức sáng.

(2) Hào 5 âm tốt, được phúc (Lục ngũ chi cát, hữu khánh dã), vì hết lòng mời người tài phò tá.

Thượng lục, Phong kì ốc, bộ kì gia, khuy kì hộ, huých kì vô nhân. Tam tuế bất địch, hung.

Thượng lục, như người tự giam hãm trong phòng tối, ở trong căn nhà lớn, cửa không có bóng người hiền nào lại qua, ba năm không tỉnh ngộ, quả là nguy hiểm.

Tượng viết : Phong kì ốc, thiên tế tường dã. Khuy kì hộ, huých kì vô nhân, tự tàng dã.

Tượng viết : Nhà cao vót như bay lượn giữa trời. Nhìn qua cửa vắng ngắt, chẳng có người hiền nào lai vãng, kì thực, đó là kẻ tự giam hãm mình mà thôi.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở trên cùng quẻ Chấn, cuối cùng thời Phong.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào trên cùng âm, biến thành dương, quẻ Chấn sẽ biến thành quẻ Li quẻ Phong sẽ thành quẻ Thuần Li, li có nghĩa li tán, là phản, ngược lại hiện trạng đang có, nên hào từ gọi là xấu (hung).

Phong kì ốc là nóc nhà cao lớn trùm xuống, chỉ sự giàu sang, khoe khoang sự giàu có, gia là chỗ ở, phòng ở; nóc nhà cao lớn, che bịt cả chỗ mình ở, biểu thị người tự giam mình vào cảnh tối tăm.

Vương Sung, đời Hán, cho rằng, vô nhân là không có người hiền.

Nhan Sư Cổ giải thích, tam tuế bất địch ám chỉ kẻ không có đạo đức, chỉ có lòng tham mà ở nhà cao cửa rộng, bất quá 3 năm sẽ bị diệt vong.

(1) Hào trên cùng âm – nhu, tượng trưng người đã tích lũy được tiền tài của cải ở cuối thời Phong, thích hưởng lạc, xa xỉ tột bậc, chìm đắm trong địa vị, của cải, chẳng nghĩ đến dân đến nước, như người tự giam hãm trong phòng tối, ở trong căn nhà lớn (Phong kì ốc).

Nhìn vào cửa vắng ngắt, không có bóng người hiền nào lại qua (khuy kì hộ, huých kì vô nhân), đã bị cô lập như thế mà không tỉnh ngộ, không thấy rõ hoàn cảnh của mình, hoặc lâu lắm là tồn tại được 3 năm (tam tuế bất địch), quả là nguy hiểm (hung).

(2) Tường còn gọi là phi tường, có nghĩa là bay lượn trên không trung, tượng trưng hào trên cùng âm như con ngựa bay trong không trung, chẳng cần biết ai ở dưới đất.

Nhìn ngôi nhà của hào trên cùng âm, cao vót đến trời, bay lượn giữa trời, như (Phong kì ốc thiên tế tường dã). Biểu thị, kẻ có chức, có quyền, có của nhưng kiêu ngạo, tham lam, tuyệt giao kẻ thấp hơn mình ; nhìn qua cửa vắng ngắt, y như căn nhà trống, chẳng có người hiền nào lai vãng (khuy kì hộ, huých kì vô nhân) ; kì thực, đó là kẻ tự che bịt mình, tự giam hãm mình mà thôi (tự tàng dã).

### 3. Quyền biến

Ở thời Phong, kẻ địa vị cao nhưng bất đức, kiêu ngạo, chẳng nghĩ đến ai, tham lam, xa xỉ, dù có nhà cao, lầu đài, mái rộng như bay lượn vót trời, cũng không khác căn nhà hoang tự giam hãm mình. TIỂU KẾT

#### 1. Đặc điểm quẻ Phong

Sách Chu Dịch triết trung cho rằng, đặc điểm quẻ Phong là các hào dương, hoặc âm đi với nhau mới tốt, âm đi với dương hoặc dương đi với âm là không tốt :

Hào 1 dương đi lên với hào 4 dương gọi là phối chủ, thì không lầm lỗi (vô cửu).

Hào 4 dương đi xuống với hào 1 dương, gọi là di chủ, thì tốt (cát)



Hào 2 âm đi với hào 5 âm, thì tốt. Hào 5 âm đi với hào 2 âm thì tốt.

Nhưng hào 3 dương, ứng với hào trên cùng âm, tuy không tội lỗi (vô cữu) nhưng giống như người bị chặt cánh tay phải.

Hào trên cùng âm, hạ ứng với hào 3 dương, sẽ gặp nguy hiểm.

## 2. Đồng đức vào đồng tâm

Hào 1 dương – cương, hào 4 dương – cương, có cùng đức dương cương, lại biết đồng tâm với nhau, kết quả tốt.

Hào 2 âm – nhu, hào 5 âm – nhu, cùng đức nhu trung, lại đồng tâm với nhau, kết quả tốt.

Riêng hào 3 dương – cương, hào trên cùng âm – nhu, không đồng đức, chẳng đồng tâm, cho nên gặp nguy hiểm, hào 3 dương như người bị chặt cánh tay phải, hào trên cùng âm như bị giam trong ngôi nhà nghèo đức nhưng giàu tham vọng, nguy hiểm.

## 56. HOẢ SƠN LỮ

TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Lữ, trong quân đội, năm trăm người, gọi là một lữ (Lữ, quân chi ngũ bách nhân vi lữ).

Thời cổ, quân của các thị tộc hợp nhau lại thành một lữ, có người đứng đầu, để tổ chức chiến tranh, săn bắn, hội minh.

Người xưa, hay tế núi sông, thường lập đàn dưới chân núi Tần để tế hoặc lập đàn hướng về núi Tần để tế lễ. Vì vậy, sách Luận ngữ viết : Lí thị, lữ Tần sơn. Chu Hy giải thích lữ là tế lễ.

Ngoài ra, lữ còn có nghĩa là diễn biến, là tạm, là xa, là lưu vong. Lữ đi với các chữ khác như lữ khách, lữ hành, lữ hoài ... là đề tài khá phong phú trong văn học Trung Quốc.

Chẳng hạn, Ngũ Tử Tư ở nước Sở lưu vong ở nước Ngô. Khổng Tử chu du Liệt Quốc. Nhà thơ Lí Bạch có nhiều bài thơ viết về đề tài xa quê, lữ khách. HÌNH QUÊ



Dưới Cấn - sơn, trên Li - hoả, gọi là Hoả Sơn Lữ.

Dưới Cấn – núi, trên Li – hoả, núi thì cố định, lửa ở trên núi nhưng không cố định, chỉ tạm thời, gọi là Lữ.

## SOÁN TỪ

Lữ, tiểu hanh ; Lữ trinh cát.

Sách Chu Dịch thiên thuật Trần Mộng Lô cho rằng, trong thời Lữ, không có sự hanh thông lớn, chỉ hanh thông nhỏ.

Có sách giải thích, trong thời Lữ nên khiêm tốn, cẩn thận, mới hanh thông.

Lại có sách giải thích, Lữ là ở ngoài, hanh thông, có thể nhỏ, có thể lớn (Lữ, tiểu hanh).

Ví dụ :

Huyền Cao, người nước Trịnh, làm nghề buôn trâu. Bấy giờ, Huyền Cao buôn được mấy trăm con trâu định đem sang nước Chu để bán.

Khi đến gần bến Lê Dương gặp một người bạn cũ tên là Kiến Tha, mới ở nước Tần về, Huyền Cao hỏi :

- Nước Tần hồi này có chuyện gì lạ không ?

Kiến Tha nói :

- Trong hồi tháng chạp mới rồi, nước Tần sai ba tướng đem quân đi, hình như muốn đánh úp nước Trịnh, chẳng bao lâu nữa quân Tần sẽ đến nơi.

Huyền Cao giật mình, nói rằng :

- Nước Trịnh là cha mẹ của ta, nay có cái tai nạn ấy, ta không nghe được thì thôi, nếu nghe được mà không cứu, một mai mất nước ta còn mặt mũi nào trở về nữa !

Huyền Cao nghĩ ra một kế, bèn từ biệt Kiến Tha, rồi một mặt sai người phi báo cho nước Trịnh biết, một mặt chọn 20 con trâu béo sữa soạn làm lễ khao quân.

Huyền Cao ngồi một mình trên một chiếc xe nhỏ, đi đón quân Tần.

Đi đến đất Diên Tân, nước Hoạt, gặp tiền đội của quân Tần, Huyền Cao đón đường, nói với quân Tần :

- Tôi là sứ thần nước Trịnh, xin yết kiến quan nguyên soái.

Quân tiền đội báo với tướng Tần là Mạnh Minh. Mạnh Minh giật mình nghĩ rằng :

- Tại sao nước Trịnh lại biết quân ta đến mà sai sứ thần ra đón ? Âu ta hãy tiếp, xem thế nào ?

Huyền Cao vào, ra vẻ phụng mệnh vua Trịnh, nói với Mạnh Minh :

- Chúa tôi nghe tin ba vị tướng quân sắp sửa đem quân đi ngang qua nước tôi, vậy sai tôi dâng chút lễ mọn này khao quân sĩ. Nước tôi tiếp giáp với các nước lớn, thường hay có việc can thiệp, nhờ quân quý quốc đóng đồn để giữ hộ cho. Nhưng nước tôi vẫn lo sợ, lỡ khi có việc bất trắc, lại mắc tội với thượng quốc, bởi vậy phải hết sức ngày đêm phòng giữ, không dám trễ nải, xin ba vị tướng quân xét cho.

Mạnh Minh hỏi :

- Vua Trịnh sai nhà người khao quân sao không có quốc thư ?

Huyền Cao nói :

- Chúa công tôi nghe tin các vị tướng quân khởi hành từ tháng chạp, mà quân đi gấp lắm, sợ đợi quốc thư thì không kịp nghênh tiếp, chỉ truyền miệng cho tôi tới đây, xin các vị tướng quân lượng thứ cho.

Mạnh Minh ghé tai Huyền Cao nói nhỏ rằng :

- Chúa công sai chúng tôi đem quân đi là định đánh nước Hoạt, không phải đánh nước Trịnh đâu !

Nói xong, liền đóng quân ở Diên Tân. Huyền Cao tạ ơn lui ra.

Mạnh Minh biết việc đánh Trịnh đã bại lộ, liền chuyển sang đánh nước Hoạt. Nhờ vậy, nước Trịnh được yên ổn.

Do cảnh ngộ đặc biệt, có người phải xa quê hương, làm người lữ khách (Lữ), ở đất khách quê người nhưng vẫn giữ được sự trinh chính thì tốt lành (trinh, cát).

Ví dụ :

Khổng Tử sang ở nước Thái được 3 năm, thì xảy ra việc nước Ngô đánh nước Trần. Nước Sở cứu viện nước Trần, kéo quân đến đóng ở ấp Thành Phủ.

Nước Sở được tin Khổng Tử đang ở khoảng ranh giới hai nước Trần, Thái, thì

sai sứ giả đến mời ông. Đang lúc, Khổng Tử muốn đi tiếp kiến người Sở thì bọn đại phu cầm quyền hai nước Trần, Thái bàn với nhau rằng :

- Khổng Tử là bậc hiền minh, những lời ông chê bai đều đúng với lầm lỗi của các nước chư hầu. Lâu nay, ông dừng lại ở khoảng giữa hai nước Trần, Thái, nhưng việc ta làm đều trái với ý ông. Nay, Sở là một nước lớn, mời ông. Nếu nước Sở dùng ông, thì bọn chúng ta nguy to.

Thế là bọn đại phu cùng nhau sai người đến vây Khổng Tử ở giữa rừng. Khổng Tử muốn thoát mà không có lối, lương thực lại hết sạch mà các đệ tử đều ngã bệnh, không dậy được. Khổng Tử biết học trò mình có ý oán trách, nên gọi Tử Lộ lại hỏi :

- Kinh Thi có câu : Tê chẳng phải tê, hổ chẳng phải, rừng hoang một đàn, quanh quất mãi. Đạo ta sai chăng ? Làm sao mà ta đến nỗi này ?

Tử Lộ thưa :

- Có lẽ đức nhân của ta chưa đủ, cho nên người chẳng tin ta. Có lẽ trí mưu của ta chưa đủ, cho nên người chẳng để cho công việc ta trót lọt.

Khổng Tử nói :

- Thật à ! Nay anh Do ! Nếu cứ có đức nhân là người ta tin, thì tại sao Bá Di, Thúc Tề lại chết đói ở Thú Dương ? Nếu có đủ trí mưu là công việc trót lọt, thì làm sao vương tử Tử Can lại bị moi tim ?



Tử Lộ ra, Tử Cống vào. Khổng Tử lại hỏi y như câu đã hỏi Tử Lộ. Tử Cống thưa :

- Đạo của thầy cực kì rộng lớn, cho nên người đời chẳng dung nạp được thầy. Có lẽ thầy nên thu hẹp, rút nhỏ đạo thầy đi một chút.

Khổng Tử nói :

- Nay anh Tứ ! Người làm ruộng lành nghề giỏi cày cấy, vị tất đã giỏi thu hoạch. Người thợ lành nghề, đủ ngón khéo léo mà vị tất đã làm vừa được ý người. Người quân tử tu đạo, biết giữ kĩ cương, điều lí đấy mà vị tất đã khiến nổi người đời dung nạp mình. Nay anh chẳng muốn tu đạo, mà lại chỉ muốn người đời dung nạp ? Anh Tứ ! Anh không được cao cả !

Tử Cống ra, Nhan Hồi vào. Khổng Tử lại hỏi giống câu đã hỏi Tử Lộ và Tử Cống.

Nhan Hồi thưa :

- Đạo của thầy cực kì rộng lớn, cho nên người đời chẳng dung nạp được thầy. Tuy nhiên, thầy cứ theo đạo ấy mà khuếch sung nó. Người đời chẳng dung nạp thầy, đủ thấy thầy là bậc quân tử. Đạo thầy chẳng sửa, thì thầy trò ta xấu. Đạo ấy đã sửa rồi mà chẳng được dùng, thì kẻ có nước, bọn vương hầu, xấu.

Người đời chẳng dung nạp được thầy, điều đó có quan hệ gì ? Người đời không

dung nạp thầy, đủ thấy thầy là bậc quân tử.

Khổng Tử cười, vui vẻ nói :

- Thế à ? Trò họ Nhan của ta ơi, giá mà anh giàu, ta tình nguyện làm kinh tài giúp anh.

Rồi, Khổng Tử sai Tử Cống đến nước Sở. Vua Sở Chiêu vương đem quân đi đón Khổng Tử. Nhờ vậy, Khổng Tử thoát nạn.

## SOÁN TRUYỆN

Lữ, tiểu hanh, nhu đặc trung hồ ngoại, nhi thuận hồ cương ; chỉ nhi lệ hồ minh, thị dĩ tiểu hanh, Lữ trình cát dã. Lữ chi thời nghĩa đại hĩ tai !

Thời Lữ, cần thận, khiêm tốn thì hanh thông (Lữ, tiểu hanh).

Xét hào 5 âm - nhu, đặc trung, bên ngoài dùng nhu thuận để đối đãi với các hào dương – cương (nhu đặc trung hồ ngoại nhi thuận hồ cương).

Hoặc, Cần là quẻ dương – cương, Li phải dựa, phải thuận vào quẻ Cần, dương –

cương, mới sáng được.

Quẻ Lữ, dưới Cấn có tính dừng, trên Li có tính dựa để sáng, tính sáng ; tức là biết dùng trí huệ sáng suốt để dừng những việc đáng dừng (chỉ nhi lệ hồ minh).

Ở thời Lữ, cảnh Lữ nhưng có đức nhu thuận, biết dừng, có đức sáng, lại cẩn thận, giữ được sự trinh chính nên tốt (thị dĩ tiểu hanh, Lữ trinh, cát dã).

Thời Lữ, cảnh Lữ rất khó khăn, cho nên phải xử cho đúng nghĩa lí. Cho nên, chữ nghĩa thời Lữ rất lớn (Lữ chi thời, đại hỉ tai !).

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Sơn thượng hữu hỏa, Lữ ; quân tử dĩ minh, thận dụng hình, nhi bất lưu ngục.

Cấn - sơn (núi) có tính tĩnh, tính dừng, tính thận trọng, có thể tượng trưng quán trọ ; Li – hỏa, là trung hư, có tính sáng, là minh xét, là ngọn lửa, là ánh đèn.

Khách tạm dừng chân trên núi, đốt lửa, ở qua đêm. Hoặc, trên núi có nhà, đốt lửa, đốt đèn, lữ khách tạm dựa vào ánh sáng của lửa đèn để đi. Hoặc, khách qua đường tạm dừng ở quán trọ, đốt đèn, đốt lửa qua đêm (Sơn thượng hữu hỏa).

Người quân tử xem tượng ấy mà minh xét, thận trọng trong việc hình ngục, không để phạm nhân ở lâu trong ngục (Quân tử dĩ minh, thận dụng hình, nhi bất lưu ngục).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, Lữ toả toả, tư kì sở thủ tai.

Sơ lục, bước vào cảnh Lữ mà ti tiện, tham lam, bẩn thỉu, tự rước lấy tai hoạ.

Tượng viết : Lữ toả toả, chí cùng tai đã.

Tượng viết : Mới bước vào cảnh Lữ mà ti tiện, tham lam, bẩn thỉu, ý chí đã cùng quẫn, thì rước lấy tai hoạ.

### 1. Sơ lục

Hào 1 âm - nhu, ở vị trí dương, bất chính, ứng với hào 4 dương, ở dưới quẻ Cấn.

## 2. Hoàn cảnh

Tòa tòa là vụn vặt, tham lam, bần thiêu ; quẻ Li tượng trưng binh hung, tai họa, nên hào từ nhắc đến chữ tai.

(1) Hào 1 âm, tượng trưng người bắt đầu ra khỏi cửa làm kẻ lữ hành, kiếm kế sinh nhai, bản thân âm nhu - không có năng lực gì, bất chính bất trung ; địa vị quá thấp thỏi ; tính cách lại vụn vặt, tham lam, bần thiêu ; ở quẻ Cấn, có tính dừng mà không biết dừng, lại nóng gấp cầu cạnh hào 4 dương, ước vọng quá cao.

Nói chung, kẻ tha phương cầu thực, ra khỏi cửa kiếm kế sinh nhai, việc gì cũng dám làm, kể cả việc bỉ ổi nhất, nên tự rước tai họa vào thân (Lữ, tòa tòa, tư kì sở tai).

(2) Mới bước vào cảnh Lữ mà ti tiện, tham lam, bần thiêu, ý chí đã cùng quẫn, thì rước lấy tai họa (Lữ tòa tòa, chí cùng tai dã).

## 3. Quyển biến

Cần biết tùy thời, lựa thế, trong cảnh khốn cùng phải giữ vững ý chí thì mới không gặp tai họa.

Ví dụ :

Khi Lưu Bị ở với Tào Tháo, ngày ngày lo chuyện tưới rau, tựa hồ như không quan tâm đến chuyện chính sự để che mắt Tào Tháo. Nhưng giữ vững ý chí, luôn luôn muốn thoát cũi, sổ lồng.

Lục nhị, Lữ tức thứ, hoài kì tư, đặc đồng bộc, trình.

Hào 2 âm, lữ khách mà có nơi ăn chốn ở, tài sản, lộ phí, kẻ hầu người hạ, người đi theo giúp đỡ hết sức trung trinh, trung thành, bản thân cũng được chính bền.

Tượng viết : Đặc đồng bộc, trình, chung vô vuơu dã.

Tượng viết : Có nơi ăn chốn ở, tiền bạc, tài sản, kẻ hầu người hạ, kẻ giúp đỡ trung trinh, hơn nữa là giữ gìn ý chí, chí hướng, tính cách, không nên oán trách ai.

## 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đặc chính, đặc trung, ứng với hào 5 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 âm, hào 3 dương, hào 4 dương, thành quẻ Tốn , Thuyết quái truyện quẻ Tốn cho rằng : lợi gấp ba lần.

Sách Thuyết văn định nghĩa, thứ là mái lều bằng cỏ tranh, tức là quán trọ ; hào 2 âm, ở giữa quẻ Cấn, Cấn tượng trưng cho cái cửa, là nơi nghỉ ngơi của lữ khách, hào từ gọi là đến chốn nghỉ, quán trọ (tức thứ). Hoài kì tư là có tài sản, của cải. Đồng bộc là kẻ theo hầu, là người giúp đỡ.

## 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm, tượng trưng người lữ hành, có đức trung chính, lại ứng với người trung chính, nên có đủ 3 điều lợi : nơi ăn chốn ở (tức kì thứ), tài sản, lộ phí (hoài kì tư), kẻ hầu người hạ, người đi theo giúp đỡ (đồng bộc) hết sức trung trinh, trung thành, bản thân cũng được chính bền (trinh).

Hào 2 âm, vốn là hào tốt nhưng hào từ không nhắc đến chữ cát ?

Nguyên nhân, bản thân của hào âm vẫn là người ở trên đất khách quê người, chưa phải là người thành công trong sự nghiệp, chỉ là cái tốt hiện tại, chưa hẳn là cái tốt trong tương lai, đường đời còn nhiều gập ghềnh, chưa đi hết, nên chưa có thể gọi là tốt.

(2) Hào 2 âm có 3 điều lợi : nơi ăn chốn ở ; tiền bạc, tài sản ; kẻ hầu người hạ, kẻ

giúp đỡ.

Trong ba điều đó, kẻ hầu người hạ, người đi theo giúp đỡ trung trình, trung thành là quan trọng bậc nhất (đắc đồng bộc trình), quan trọng hơn nữa là giữ gìn ý chí, chí hướng, tính cách, không nên oán trách ai (chung vô vưu dã).

Ví dụ :

Tấn Hiến Công mê nàng Li Cơ giết hại thế tử Thân Sinh. Trùng Nhĩ, nghe tin thế tử Thân Sinh chết, sợ liên lụy, liền tìm cách bỏ trốn ra khỏi nước Tấn.

Những người tài giỏi trung thành đi theo Trùng Nhĩ như Triệu Thôi, Hồ Yến, Hồ Mao, Ngụy Thù, Giới Tử Thôi.

Trùng Nhĩ và những người đi theo lưu lạc nhiều năm ở các nước Tề, Sở, Tần.

Cuối cùng, Trùng Nhĩ về nước lên ngôi, gọi là Tấn Văn Công.

Cửu tam, Lữ phần kì thứ, táng kì đồng bộc, trình lệ.

Hào 3 dương, cảnh Lữ mà như tự đốt quán trọ, mất cả người hầu hạ, kẻ giúp đỡ,



dù việc làm chính đáng, cũng nguy.

Tượng viết : Lữ phần kì thứ, diệt dĩ thương hĩ. Dĩ Lữ dữ hạ, kì nghĩa táng dã.

Tượng viết : Cảnh Lữ mà như tự đốt quán trọ, thật đau đớn. Thời Lữ, không lấy nghĩa của Lữ mà đối đãi với người dưới, thì những kẻ tội tố, những người giúp đỡ bỏ đi là phải rồi.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương - cương, ở vị trí dương, đắc chính nhưng bất trung, ở trên quẻ Cấn, gần quẻ Li.

## 2. Hoàn cảnh

Ở trong thời Lữ, cảnh Lữ, phải lấy nhu thuận xuất xử, nhưng hào 3 dương quá cương, thô bạo, bất trung, đã là thất bại.

Hào 3 dương, ở trên quẻ Cấn có tính dừng không biết dừng, ở gần quẻ Li - tượng trưng cho binh hung - tức là gần với tai họa ; mới bước lên quẻ trên, thế lại xa quẻ dưới, trên thì bị người nghi ngờ chưa tin, dưới thì bị người xa lánh.

Tương tự, người khách bị chủ đuổi ra khỏi quán trọ, như người tự đốt chỗ ở (táng kì thứ), vừa bị người tội tở hầu hạ ghét mà bỏ đi (táng kì đồng bộc), dù việc làm có chính đáng (trinh), thì cũng nguy (lệ).

(2) Bị người trên nghi ngờ, như bị chủ quán đuổi ra khỏi quán, như tự đốt cháy chỗ trọ (phần kì thứ), thật là đau đớn (diệc dĩ thương hi). Xử vào thời Lữ, theo nghĩa Lữ, nên nhu thuận, nay lấy thô bạo mà đối đãi với người dưới, thì những kẻ tội tở, những người giúp đỡ bỏ đi là phải rồi (dĩ Lữ hưng hạ, kì nghĩa táng dã).

### 3. Quyền biến

Ở thời Lữ, cảnh Lữ nên nhu thuận, khiêm tốn, không nên làm mất lòng người.

Cửu tứ, Lữ vu xử, đặc kì tư phủ, ngã tâm bất khoái.

Hào 4 dương, dừng chân đất khách quê người, tuy có tiền bạc của cải làm lộ phí, có đầy đủ vũ khí để tự vệ, nhưng tâm chí vẫn chưa được toại nguyện.

Tượng viết : Lữ vu xử, vị đặc vị dã. Đặc kì tư phủ, tâm vị khoái dã.

Tượng viết : Dừng chân, chưa đáng với vị trí. Tuy có tiền bạc, lộ phí, có vũ khí tự vệ, phòng thân nhưng lòng cũng không lấy gì mãn nguyện.

## 1. Cửu tử

Hào 4 dương - cương, ở vị trí âm - nhu, bất chính, ở dưới hào 5 âm - nhu, ứng với hào 1 âm - nhu.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 dương, 3 dương, hào 2 âm, hợp thành quẻ Tốn , tượng trưng mộc – cây cối và tiền của (đắc kì tử). Hào 4 dương, hào 3 dương và hào 5 âm, hợp thành quẻ Đoài, tượng trưng kim. Hào 4 ở dưới quẻ Li, tượng trưng binh nhung – vũ khí.

Mộc, kim, hợp thành vũ khí, hào từ gọi là cái búa (phủ) ; người xưa đi xa, dùng búa để chặt cây, mở đường... còn dùng búa làm vật phòng thân, tự vệ.

(1) Hào 4 dương, ở dưới hào 5 âm – nhu, ứng với hào 1 âm - nhu, tượng trưng người trên, kẻ dưới chẳng giúp được gì cho mình. Trong hoàn cảnh, tạm dừng chân dắt khách quê người (Lữ vu xử), hào 4 dương - cương, ở vị trí âm - nhu, có đức dương cương nhưng dùng nhu thuận khiêm tốn để xuất xử, tuy có tiền bạc của cải làm lộ phí, có đầy đủ vũ khí để tự vệ (đắc kì tử phủ), nhưng tâm chí vẫn chưa được toại nguyện (ngã tâm bất khoái).

(2) Hào 4 dương, đáng lẽ phải ở vị trí dương, nay lại ở vị trí âm, gọi là chưa đắc vị (vị đắc vị).

Thời Lữ là thời đi vì mục đích, nay tạm dừng chân (Lữ vu xử), theo vị trí của hào 4 dương không phải tha phương mà phải tha phương, hoặc muốn đi tiếp nhưng phải dừng chân (vị đắc vị dã). Trong lúc tạm dừng, tuy có tiền bạc, lộ phí, có vũ khí tự vệ, phòng thân (đắc kì tứ phủ) nhưng chưa có ai có lực có tài giúp đỡ, nên lòng cũng không lấy gì mãn nguyện (tâm vị khoái dã).

### 3. Quyền biến

Tạm dừng chân ở xứ người, lấy nhu thuận để xuất xử, có lộ phí, có vật phòng thân, tự vệ là việc cần nhưng phải có người giúp đỡ, đỡ đần, phải giữ được tâm chí, chí hướng của mình.

Lục ngũ, Xạ trĩ nhất thi, vong, chung dĩ dự mệnh.

**Hào 5 âm, bắn chim trĩ mất một mũi tên, chung cục được tiếng khen và trời ban phúc. Ất**

Tượng viết : Chung dĩ dự mệnh, thượng đãi dã.

Tượng viết : Với tiếng khen và trời ban phúc, chắc chắn sẽ tiến lên nữa.

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm - nhu, ở vị trí dương, bất chính nhưng đắc trung, ở giữa quẻ Li,

## 2. Hoàn cảnh

Thông thường, hào 5 tượng trưng cho quân chủ, riêng quẻ Lữ có 3 cách lập luận khác nhau :

Sách Y Xuyên Dịch truyện cho rằng, vua mà đã làm kẻ lữ hành, thì đã mất nước, không còn là vua nữa. Hào 5 âm, quẻ Lữ, chỉ lấy nghĩa là lữ nhân.

Sách Chu Dịch tập lại nói, có những ông vua lưu vong, mà vẫn hiệu lệnh được cho dân chúng, khôi phục lại địa vị. Hào 5 âm cũng có thể lấy nghĩa là quân chủ.

Sách Thành Trai Dịch truyện nêu vấn đề, có đức nên Thiếu Khang từ một lữ nhân trở thành thiên tử ; vô đức như Thái Khang Lịch Vương, từ thiên tử trở thành lữ nhân. Như vậy, nên căn cứ vào đức của hào 5 âm để xét là hợp với quy luật và lịch sử.

Hào 5 âm, ở giữa quẻ Li, Li tượng trưng ngày, văn minh, con chim trĩ, hào từ đề cập đến việc bắn chim trĩ (xạ trĩ). Theo sách Chu lễ, ngày xưa các đại phu tương kiến nhau, tay cầm con chim nhạn, bậc sĩ tương kiến thì dùng con chim trĩ, một loại gà rừng, tượng trưng văn minh.

Hào 5 âm, hợp với hào 4 dương, 3 dương thành quẻ Đoài, tượng trưng cái miệng, lời nói, hào từ gọi là tiếng khen (dự).

Hào 5 âm ứng với hào 2 dương, 3 dương, hợp lại thành quẻ Tốn, tượng trưng cho mệnh (mệnh), thiên mệnh là trời ban phúc.

Xạ trĩ, thất thi vong chung dĩ dự mệnh, biểu thị tuy có tổn thất, mất một mũi tên, dù được chim trĩ hay không, nhưng có lợi cho đại cục, là được tiếng khen và trời ban phúc.

(1) Hào 5 âm – nhu thuận với các hào dương, được lòng cả kẻ trên người dưới ; có đức sáng, đức văn minh, tuy tổn thất nhỏ nhưng không hại đến đại cục. Tương tự bắn chim trĩ, mất một mũi tên (xạ trĩ thất thi vong), chung cục là được tiếng khen và trời ban phúc.

Xét chung, hoàn cảnh của hào 5 âm là không được tốt, bị tổn thất nhưng chưa phương hại đến đại cục, sự nghiệp chưa hoàn thành, nên hào từ không nêu chữ cát.

(2) Với tiếng khen và trời ban phúc, chắc chắn hào 5 âm sẽ tiến lên nữa (Chung dĩ dự mệnh, thượng đãi dã).

### 3. Quyền biến

Trong thời Lữ, cảnh Lữ, ngoài việc xuất xử nhu thuận, tuy có tổn thất nhưng phải biết giữ gìn đại cuộc.

Thượng cửu, điều phần kì sào, lữ nhân tiên tiểu hậu hào đào, táng ngư vu dị, hung.

Hào trên cùng dương, như chim sắp cháy mất tổ, kẻ lữ khách cười cười, sau đó kêu gào khóc lóc như con trâu mất một cách dễ dàng, thật nguy hiểm.

Tượng viết : Dĩ Lữ tại thượng, kì nghĩa phần dã. Táng ngư vu dị, chung mạc chi văn dã.

Tượng viết : Thân lữ khách, lại ở cao trên hết mọi người, theo nghĩa của thời Lữ sẽ như con chim bị cháy tổ. Như người mất trâu, mất cả tính nhu thuận một cách dễ dàng, người hôn ám đến thế, thì chẳng nghe ai khuyên bảo.

### 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, ở trên 5 hào, cuối cùng thời Lữ.

## 2. Hoàn cảnh

Như đã nói, quẻ Li tượng trưng lửa, con chim trĩ ; hào từ gọi là chim trĩ bay lên cây làm tổ nhưng cây khô, dễ bắt lửa, dễ bị cháy (điều phần kì sào).

Nếu hào 6 dương, hào 4 dương, biến thành âm, quẻ Li sẽ thành quẻ Khôn , tượng trưng con trâu cái, hào từ nhắc đến mất trâu (táng ngu). Ngày xưa, cuộc sống du mục (lữ), là nhờ con trâu, hoặc trâu có tính nhu thuận ; mất nguồn sống, mất tính nhu thuận thì gặp nguy hiểm.

(1) Hào trên cùng dương, vốn là người ở trong cảnh Lữ, lại có tính dương - cương cường ; ở trên cùng quẻ như ăn trên ngồi trước mọi người, không lường hết tai họa, như con chim làm tổ trên cây khô, tổ sắp cháy mà không biết (điều phần kì sào), lại nói nói cười cười (tiên tiếu). Sau, lại khóc lóc (hậu hào đào) vì mất cả nguồn sống, mất luôn cả bản tính nhu thuận một cách dễ dàng (táng ngu vu dị) nên gặp nguy hiểm (hung).

Hoặc cảnh đất khách quê người, không biết nhìn xa trông rộng, nơi trú ẩn sắp cháy mà không biết như chim sắp cháy mất tổ, khóc lóc khi mất nguồn sống. Cảnh Lữ không biết xử thuận theo thời Lữ, như mất con trâu một cách dễ dàng, thật nguy hiểm.

(2) Làm thân lữ khách, lại ở cao trên hết mọi người (dĩ lữ tại thượng), theo nghĩa của thời Lữ sẽ như con chim tổ bị cháy (kì nghĩa phần dã), như người mất trâu, mất cả tính nhu thuận một cách dễ dàng (táng ngu vu dị), người hôn ám đến thế, thì chẳng nghe ai khuyên bảo (chung mạc chi văn dã).



Ví dụ 1 :

Khánh Phong và Thôi Trữ âm mưu giết vua Tề là Trang Công lập Cảnh Công lên ngôi vua. Khánh Phong lại tìm cách trừ Thôi Trữ và nắm hết quyền hành.

Sau đó, Khánh Phong bị Lữ Bồ Miết đánh đuổi, muốn chạy sang nước Lỗ, nghe tin nước Lỗ sẽ bắt mình nộp cho nước Sở, liền chạy sang nước Ngô.

Vua Ngô là Di Muội để cho Khánh Phong ở đất Chu Phương và cấp lương rất hậu, có phần hơn khi ở nước Tề, để Khánh Phong có thể thăm dò tình hình nước Sở.

Quan đại phu nước Lỗ là Tử Phục Hà nghe tin, nói với Thúc Tôn Bảo rằng :

- Khánh Phong sang ở nước Ngô, lại càng giàu lắm, chẳng lẽ trời giáng phúc cho kẻ dâm hay sao ?

Thúc Tôn Bảo nói :

- Người thiện giàu là phúc, đứa dâm giàu thì hoạ. Cái hoạ của Khánh Phong sắp đến nơi, sao gọi là phúc được ?

Sở Linh vương muốn đánh nước Ngô, mượn cớ bắt Khánh Phong, sai người đem

quân vây đất Chu Phương, bắt Khánh Phong và giết hết gia thuộc.

Sở Linh vương sai đem Khánh Phong ra giết trước hàng quân.

Ví dụ 2 :

Thành đế Lưu Ngao, nhà Hán, ham mê tửu sắc, sủng hạnh ca nữ Triệu Phi Yến làm hoàng hậu. Em gái của Triệu Phi Yến là Chiêu Nghi cũng dựa vào chị mà được nhà vua sủng ái.

Nghe tin, Hứa mĩ nhân, có thai sinh được hoàng tử, Chiêu Nghi tức giận, sai người bắt giết cả hai mẹ con Hứa mĩ nhân, giết xong thấy lòng rất hả hê.

Thành đế Lưu Ngao chết đột ngột, Chiêu Nghi phải tự sát.

### 3. Quyền biến

Thân đã làm khách hoặc sống nhờ, sống dựa, nên nhu thuận, không nên ăn trên ngồi trước, kiêu căng ngạo mạn, phải biết nhìn xa trông rộng, mới không gặp nguy hiểm.

### TIỂU KẾT

## 1. Cầm nang của kẻ tha phương

Tạp quái truyện cho rằng : Thân sống đất khách quê người là ít người thân yêu, là con đường cùng khổ của con người. Hoàn cảnh vô cùng khó xử :

Hào 1 âm, địa vị thấp, bất cứ việc gì cũng làm nên gặp tai hoạ.

Hào trên cùng dương, vị trí cao nhưng quá kiêu ngạo nên gặp nguy hiểm.

Hào 3 dương, quá cương, đến nỗi kẻ hầu hạ, người giúp đỡ bỏ mà đi, còn trở thân trên đất khách.

Hào 4 dương, tuy có đầy đủ tiền bạc, lộ phí, có vật phòng thân, nhưng những người chung quanh lại vô tài, nhu nhược chẳng giúp được gì, nên chí không toại.

Hai hào tốt là hào 2 âm và hào 5 âm, vì có đức nhu và đức trung. Vậy, nhu trung chính là cầm nang của người lữ thứ, xa quê.

## 2. Tối mùa thu nhớ nhà

Như đã nói, lữ là một trong những đề tài rất phong phú của văn học và thơ ca. Xin trích bài thơ của Lí Bạch.

## TỐI MÙA THU NHỚ NHÀ

Lạnh lòng gió vượt bể thu

Hồn quê theo gió như vù vù bay

Chạy dài dãy núi liền mây

Nước trôi trôi mãi, có ngày về chăng ?

Đám mây vút mắt xa chừng

Đứt tằm khúc ruột dưới vầng trăng soi

Cỏ thơm đẹp mướt thôi rồi

Áo may mặc rét giục người mót sa

Giấc mơ rơi dải Ngân hà

Sao thưa lác đác tỉnh ra khắp trời

Đoái thương nước cũ ngậm ngùi

Khóc rơi giọt lệ lau chùi đổ ai ?

(Tản Đà dịch)

THU TỊCH LỮ HOÀI

Lương phong độ thu hải

Xuy ngã hương tứ phi

Liên sơn khứ vô tế

Lưu thủy hà thời quy

Mục cực phù vân sắc

Tâm đoạn minh nguyệt huy

Phương thảo yết nhu diệm

Bạch lộ thôi hàn y

Mộng trường Ngân hán lạc

Giác bãi thiên tinh hi

Hàm bi tướng cứu quốc

Khấp hạ tùy năng huy

## 57. THUẦN TỐN

### TÊN QUẺ

Tự quái định nghĩa : Tốn có nghĩa là nhập vào (Tốn giả, nhập dã).

Tốn còn có nghĩa là thuận, là khiêm tốn.

### HÌNH QUẺ



[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]



Dưới Tốn, trên Tốn, gọi là Bát Thuần Tốn.

Dưới Tốn – phong, trên Tốn – phong, theo hình quẻ, trong gió, ngoài gió hoặc gió thổi từng trận ; hai hào âm – hử, là hai kẻ hử, có kẻ hử thì gió nhập vào.

## SOÁN TỪ

Tốn, tiểu hanh. Lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân.

Tốn tính âm nhu, có đức thuận, một hào âm thuận theo hai hào dương, âm thuận theo dương, nhu thuận theo cương, tiểu nhân thuận theo quân tử, nên hanh thông nhưng không lớn (Tốn tiểu hanh).

Cứ tiến hành như vậy, cứ thuận, có co có duỗi, co để duỗi, như gió từng trận thì lợi (lợi hữu du vãng) lúc gặp quân tử, đại nhân, thì có lợi (lợi kiến đại nhân).

## SOÁN TRUYỆN

Trùng Tốn dĩ thân mệnh. Cường tốn hồ trung chính nhi chí hành, nhu giai thuận hồ cương. Thị dĩ tiểu hanh, lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân.

Trên Tốn, dưới Tốn, gọi là trùng Tốn, bắt chước quẻ trùng Tốn mà phát ra mệnh lệnh (Trùng Tốn dĩ thân mệnh).

Xét hào 2 dương và hào 5 dương, đều có đức trung chính, cho nên khiêm tốn thuận tòng đều theo trung chính (Cường Tốn hồ trung chính, nhi chí hành).

Lại xét hào 1 âm – nhu, hào 4 âm - nhu, đều thuận tòng theo các hào dương - cương (nhu giai thuận hồ cương). Vì vậy, mới được hanh thông dù không lớn (thị dĩ tiểu hanh) nếu cứ tiến hành như vậy là lợi và lợi gặp được quân tử, đại nhân (lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tuỳ phong, Tốn ; quân tử dĩ thân mệnh hành sự.

Trên Tốn – gió, dưới Tốn – gió, gió nối tiếp nhau, gió là mệnh lệnh của Trời (tuỳ phong Tốn).

Quân tử xem tượng ấy, lấy đức khiêm tốn, thuận tòng của mình để giáo hoá thiên hạ, thiên hạ phục tòng mình, như vạn vật phục tòng gió, mệnh lệnh của Trời.

(Quân tử dĩ thân mệnh hành sự).

Khổng Tử cho rằng, đức quân tử như gió, đức của tiểu nhân như cỏ, gió thổi thì cỏ phải rạp.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, tiến thoái, lợi vũ nhân chi trinh.

Hào 1 âm, do dự không dám tiến, không dám thoái, nên thêm cương, cái dừng của người có võ nghệ giữ được sự trinh chính, mới có lợi.

Tượng viết : Tấn thoái, chí nghi dã ; lợi vũ nhân chi trinh, chí trị dã.

Tượng viết : Do dự, lui không lui, tới không tới, thường có tính đa nghi ; phải có cái dừng của người có võ nghệ, mới là người có chí khí.

### 1. Sơ lục

Hào 1 âm, ở vị trí dương, thất chính, ở dưới cùng quẻ Thuần Tốn, không ứng với hào 4 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Tốn tượng trưng gió, bắt đầu ; nguyên bắt đầu không tự đi được, phụ thuộc vào chân, lui tới đều do chân, hào từ gọi là tiến thoái.

Nếu hào 1 âm, biến thành dương, quẻ Tốn dưới sẽ thành quẻ Càn , có tính cương kiện, hào từ đề cập đến người có võ nghệ (vũ nhân).

Sách Thành Trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí cho rằng, dùng âm nhu nhược là tà, dùng cương là chính, khiếm nhược thì bị vây hãm, dùng mới thực là khiếm tốn.

## 3. Quyền biến

(1) Hào 1 âm - nhu, vị trí thấp nhất trong quẻ Tốn, có tính thuận, quá nhu nhược, khiếm nhược, không dám tiến, cũng không dám thoái, do dự (tấn thoái), không làm được việc gì.

Hào từ khuyên, nên thêm cương, cái dũng của người có võ nghệ (vũ nhân), để tiến thoái, khi tiến thì không nên nóng vội, lúc thoái thì không khiếm nhược, tức là giữ được sự trinh chính, mới có lợi (lợi vũ nhân chi trinh).

(2) Người do dự, thiếu quyết đoán thường có tính đa nghi (tiến thoái, chí nghi dã), phải có cái dũng của người có võ nghệ (lợi vũ nhân chi trình), mới là người có chí khí (chí trị dã).

Cửu nhị, Tồn tại sàng hạ, dụng sử, vu, phân nhược cát, vô cửu.

Hào 2 dương, nhu thuận, khiêm tồn đến nỗi có thể làm chuyện như nép dưới gầm giường, hành động như vậy cũng xuất phát từ thành ý, bằng sự cảm nhận, cảm ứng, như quan sử xem về tế lễ, như chức quan coi về việc bói toán, làm cảm động đến thần minh, huống chi là lòng người, có như vậy mới được tốt lành, không tội lỗi.

Tượng viết : Phân nhược chi cát, đắc trung dã.

Tượng viết : Nhu thuận, khiêm tồn lấy thành ý làm cảm động thần minh, huống chi là quân chủ nên được tốt lành, nhưng không mất nhân cách vì đắc trung.

## 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, bất chính nhưng đắc trung.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương, hào 3 dương, hào 4 âm, hợp thành quẻ Đoài , tượng trưng cái miệng, hào từ nói về quan coi về việc tế lễ, bói toán (dụng sử vu phân nhược), biểu thị sự thành kính.

Thường hào 2 dương – cương ứng với hào 5 âm, nhưng hào 5 quẻ Thuần Tốn là hào dương - cương, gọi là địch ứng, ngoài ra hào 2 dương với hào 5 dương bị ngăn cách bởi hào 3 dương và hào 4 âm.

Tương tự, vị thần tử có đức dương cương, có nhân cách, ở dưới bậc quân chủ có tính dương – cương, chung quanh quân chủ lại có những cận thần thân tín khác. Nếu đem cương trung chọi với cương sẽ thất bại, gặp nguy hiểm.

## 3. Quyền biến

(1) Vì vậy, hào 2 dương dùng đức nhu thuận, khiêm tốn ra để ứng xử với quân chủ, với các cận thần của quân chủ.

Nhu thuận, khiêm tốn đến nỗi có thể làm những chuyện khôi hài như nép dưới gầm giường (Tốn tại sàng hạ), hành động như vậy cũng xuất phát từ thành ý, bằng sự cảm nhận, cảm ứng, như quan sử xem về tế lễ, như chức quan coi về việc bói toán, làm cảm động đến thần minh, hướng chi là lòng người (dụng sử vu phân nhược), có như vậy mới được tốt lành (cát), không tội lỗi (vô cữu).

Lão Tử cho rằng : Biết như con trống, làm như con mái, làm cái hang sâu cho thiên hạ sụp vào (Tri kì hùng, thủ kì thư vi thiên hạ cốc), là quyền biến của hào 2 dương.

Ví dụ :

Tề Cảnh Công yêu ngựa, con ngựa quý bỗng ốm chết, nhà vua tức giận, liền ra lệnh chặt hết chân tay người giữ ngựa, còn hăm he :

- Ai can gián sẽ bị tội chết !

Án Tử thấy vậy, liền cầm cây đại đao, tiến lên, tóm lấy anh chàng giữ ngựa, hỏi Tề Cảnh Công :

- Tàu đại vương, ngày xưa vua Nghiêu, vua Thuấn hiền minh, mỗi lần muốn chặt tay, chặt chân người, thường hỏi chặt cái tay hoặc cái chân nào trước. Tôi chưa rõ, xin đại vương chỉ cho, chặt cái nào trước ?

Cảnh Công im lặng và tha cho người chẵn ngựa.

(2) Nhu thuận, khiêm tốn lấy thành ý làm cảm động thần minh, hướng chi là quân chủ ? Nên được tốt lành (phân nhược chi cát), nhưng không mất nhân cách vì đắc trung (đắc trung dã).

Cửu tam, tần Tốn, lận.

Hào 3 dương, thuận một cách miễn cưỡng, gặp nguy hết lần này đến lần khác, đáng xấu hổ.

Tượng viết : Tần Tốn chi lận, chí cùng dã.

Tượng viết : Chẳngặng đừng phải khiên tốn, gặp nguy hiểm, mang lấy nhục hết lần này sang lần khác, biểu thị ý chí đã đến lúc cùng.

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính nhưng bất trung, không ứng với hào 6 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 3 dương biến thành âm, hợp với hào 1 âm, hào 2 dương, thành quẻ Khảm tượng trưng nguy hiểm ; nếu giản lược hào 2 dương, 3 dương thành một hào dương ; hợp với hào 1 âm, 4 âm, thành quẻ Khảm tượng trưng nguy hiểm, đã nguy hiểm càng thêm nguy hiểm ; hào từ gọi đáng xấu hổ (lận). Tần là nhiều



lần, lặp lại nhiều lần.

(1) Hào 3 dương - bản chất dương cương, kiêu ngạo, bất trung nhưng ở trên quẻ Tốn, ở dưới quẻ Tốn, ở thời Tốn, phải thuận, không thuận là không được, thuận một cách miễn cưỡng, cứ như thế, gặp nguy hết lần này đến lần khác, đáng xấu hổ.

Sách Chu Dịch giải thích, thánh nhân quý ở chỗ sai thì sửa, không quý ở chỗ cứ sai thì sửa, sửa lại sai.

(2) Hào 3 dương, bản chất là cương cường, kiêu ngạo, sau đó chẳngặng dừng phải khiêm tốn... cứ thế nên gặp nguy hiểm, mang lấy nhục, hết lần này sang lần khác (tần Tốn chi lận), biểu thị ý chí đã đến lúc cùng (chí cùng dã).

### 3. Quyền biến

Sự khiêm tốn nhu thuận, luôn xuất phát từ lòng chí thành, giữ đúng chữ trung mới giữ được nhân cách, không mang nhục.

Lục tứ, hối vong, điền hoạch tam phẩm.

Hào 4 âm, hối hận tiêu mất, như đi săn mà được lợi có ba loại.

Tượng viết : Điền hoạch tam phẩm, hữu công dã.

Tượng viết : Như đi săn được ba loại, là người có công.

### 1. Lục tứ

Hào 4 âm – nhu, ở vị trí âm, đắc chính, ở giữa các hào dương, không ứng với hào 1 âm, ở đầu quẻ Tốn trên.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 4 âm hợp với hào 3 dương, 5 dương, thành quẻ Li tượng trưng binh nhung, binh lính sẵn bắn quy mô lớn, thuộc nhà nước, hào từ gọi là sẵn ở ruộng (điền hoạch).

Sách Chu Dịch tập giải cho rằng, hào 1 âm ở trong quẻ Tốn , tượng trưng con gà. Hào 2 dương, hào 3 dương, hào 4 âm, thành quẻ Đoài , tượng trưng, con dê. Hào 3 dương, 4 âm, 5 dương, thành quẻ Li, tượng trưng con chim trĩ, tam phẩm là gà, dê, chim trĩ.

Có sách giải thích, đi săn về chia là 3 loại : dùng để tế lễ, dùng để đãi dăng

khách khứa, phần giao cho nhà bếp.

Hào 4 âm – nhu, ở vị trí âm, đặc chính càng thêm nhu, ở trên quẻ Tốn, dưới quẻ Tốn, càng thêm nhu thuận, quá nhu thuận theo các hào dương trên dưới thì sẽ hối hận.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 1 âm khuyên, nên thêm cương, vũ dũng, như người có võ nghệ (vũ nhân), không những hối hận tiêu mất (hối vong), mà còn được lòng các hào dương như đi săn mà được lợi có ba loại dùng để tế lễ, dùng đãi khách, dùng cho nhà bếp (điền hoạch tam phẩm).

(2) Xử sự như hào 4 âm được lòng các hào dương, như đi săn được ba loại, là người có công nữa (hữu công dã).

Cửu ngũ, trinh cát, hối vong, vô bất lợi, vô sơ hữu chung. Tiên canh tam nhật, hậu canh tam nhật, cát.

Hào 5 dương, bản thân là tốt, trong thời Tốn, việc khiêm tốn thuận tòng ban đầu vẫn có hối hận, khi đã đi đến Canh, là đi quá chữ trung, thì phải sửa chữa lại, hối hận tiêu tan. Cải cách làm cho văn minh, nếu đi quá trung thì sửa chữa, chỉnh đốn cho hợp với đạo trung ; việc chỉnh đốn cần có thời gian, khảo nghiệm những gì đã xảy ra trước đó, đo lường những kết quả sẽ xảy ra, có như vậy, hối hận tiêu

tan, không có gì là không lợi, ban đầu sẽ không hối hận, chung cục lại hay, kết quả lại tốt.

Tượng viết : Cửu ngũ chi cát, vị chính trung dã.

Tượng viết : Hào 5 dương tốt, vì xử đúng theo vị trí, theo đạo trung chính.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, chủ quẻ Thuần Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Canh là 1 trong 10 thiên can :

[illegible]

Nhìn vào bảng, chúng ta thấy Mậu là số 5, số giữa, số trung, ba ngày trước ngày Canh là ngày Đinh số 4 là chưa đúng trung, ngày Canh là đã quá trung, chưa đạt đức trung là bất cập, quá đức trung là thái quá, cho nên phải chỉnh đốn sửa chữa cho đúng đạo trung.

Nếu hào 5 dương biến thành âm, hợp với hào 3 dương, 4 âm thành quẻ Chấn , Chấn có tính động, Tốn – phong có tính nhập, sấm động thì gió nhập, làm cho vạn vật thay đổi biến hoá. Hào 5 dương, hợp với hào 4 âm, hào 3 dương, thành quẻ Li , tượng trưng văn minh.

Canh không chỉ là ngày Canh, trong 10 thiên can, mà còn có nghĩa là canh cải, cải cách, thay đổi làm cho văn minh. Vì vậy, hào từ lấy chữ Canh trong 10 thiên tượng trưng việc thay đổi, cải cách, chỉnh đốn. Ba ngày trước ngày Canh là ngày Đinh, Đinh còn có nghĩa là đình ninh, tức là khi chưa chỉnh đốn, cải cách ; ba ngày sau ngày Canh là ngày Quý, Quý còn có nghĩa là đo đạc, đo lường, là 3 ngày sau khi đã cải cách phải đo lường.

### 3. Quyền biến

(1) Xét về tính cách, hào 5 dương - cương, tượng trưng bậc quân chủ, cương kiện trung chính, bản thân là tốt (trình cát). Trong thời Tốn, việc khiêm tốn thuận tòng ban đầu vẫn có hối hận, nếu đã quá chữ trung, đức trung, thì sửa chữa cho đúng chữ trung, đạo trung. Chẳng hạn, về thiên can, Mậu là số 5 là trung, khi đã đi đến số 7 Canh, là đi quá chữ trung, thì phải sửa chữa lại, hối hận tiêu tan (hối vong).

Xét về cải cách làm cho văn minh, nếu đi quá trung thì sửa chữa, chỉnh đốn cho hợp với đạo trung. Việc chỉnh đốn cần có thời gian, khảo nghiệm những gì đã

xảy ra trước đó (tiên Canh tam nhật), đo lường những kết quả sẽ xảy ra (hậu Canh tam nhật). Có như vậy, hối hận tiêu tan, không có gì là không lợi (du bất lợi), ban đầu sẽ không hối hận, chung cục lại hay (vô sơ hữu chung), kết quả lại tốt (cát).

(2) Hào 5 dương tốt, vì xử đúng theo vị trí, theo đạo trung chính (Cửu ngũ chi cát, vị trung chính dã).

Thượng cửu, Tốn tại sàng hạ, táng kì tư phủ, trinh hung.

**Hào trên cùng, dương, nhu thuận, khiêm tốn như người nép dưới gầm giường tự đánh mất địa vị, quyền lực, cứ thế mà làm sẽ gặp tai họa.**

Tượng viết : Tốn tại sàng hạ, thượng cùng dã ; táng kì tư phủ, chính hồ hung dã.

Tượng viết : Khiêm tốn, thuận tòng như người nép dưới giường, ở cuối cùng quẻ Thuần Tốn ; mất địa vị quyền lực, như thế không thể gọi là chính được, nên gặp nguy hiểm.

## 1. Thương cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, bất chính, bất trung, ở trên cùng quẻ Thuần Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào trên cùng dương hoá thành âm, hợp với hào 5 dương, 4 âm sẽ thành quẻ Khảm tượng trưng nguy hiểm, hào từ gọi là hoạ (hung).

Quẻ Lữ, hào 4 dương, hào từ nói đến tư phủ, là tiền bạc, vũ khí tự vệ ; táng tư phủ là mất cả tiền bạc, vũ khí tự vệ, biểu thị mất địa vị, quyền lực. Trinh, có nghĩa là khư khư, không sửa đổi.

Hào 2 dương, hào từ viết : Khiêm tốn, thuận tòng như nép dưới gầm giường (Tốn tại sàng hạ), kết cục không tội lỗi, tốt (vô cữu, cát).

Hào trên cùng dương, hào từ cũng viết : Khiêm tốn thuận tòng như nép xuống giường (Tốn tại sàng hạ), kết cục gặp hoạ (hung) ?

Nguyên nhân, hào 2 dương, bất chính nhưng đắc trung, vừa giữ được sự thành tín (dụng sử vu phân nhược).

(1) Hào trên cùng dương - cương, bất chính, bất trung, thiếu lòng thành tín ; thời Tốn đã chuyển biến nhưng cứ một mực nhu thuận, khiêm tốn như người nép



dưới gầm giường (Tốn tại sàng hạ).

Đặc biệt, hào trên cùng dương, tự từ bỏ bản tính dương – cương của mình, tự đánh mất địa vị, quyền lực (táng kì tư phủ), cứ thế mà làm sẽ gặp tai họa (trinh hung).

Nói cách khác, hào trên cùng dương, tượng trưng kẻ tiểu nhân, đánh mất nhân cách giả bộ khiêm tốn, thuận tòng để mưu lợi, để hại người, kết cục là hại mình.

(2) Khiêm tốn, thuận tòng như người nép dưới giường (Tốn tại sàng hạ), ở cuối cùng quẻ Thuần Tốn (thượng cùng dã) là không thức thời, như người mất địa vị quyền lực, như thế không thể gọi là chính, nên gặp nguy hiểm (chính hồ hung).

Ví dụ :

Mông Quát và Mông Nghị là hai anh em, rất thân với thái tử Phù Tô. Hai người này đã từng luận tội và ghép Triệu Cao vào tội chết ; hai người này cũng đã từng hiềm khích với Lí Tư.

Lúc Tần Thủy Hoàn tắt thở chỉ có 3 người bên cạnh là công tử Hồ Hợi, thừa tướng Lí Tư và hoạn quan Triệu Cao.

Triệu Cao sợ, nếu thái tử Phù Tô lên ngôi, thế nào Mông Quát, Mông Nghị cũng không tha cho hắn. Triệu Cao liền bàn với Hồ Hợi, lập chiếu thư giả, đưa Hồ Hợi lên ngôi. Hồ Hợi rất vui mừng.

Triệu Cao lại tìm cách thuyết phục Lí Tư. Ban đầu Lí Tư còn do dự. Nhưng khi nghe Triệu Cao nói nếu Mông Quát, Mông Nghị nắm quyền to thì Lí Tư cũng khó sống, Lí Tư liền bằng lòng.

Sau khi thái tử Phù Tô tự sát, Triệu Cao tìm cách diệt Mông Quát, Mông Nghị, giết hết những anh em của Hồ Hối để không còn ai dòm ngó ngai vàng.

Lúc Hồ Hối ngồi yên trên ngai vàng, Triệu Cao nắm quyền mọi quyền hành, hẳn liền tìm cách li gián giữa Tần Nhị Thế Hồ Hối và Lí Tư để diệt Lí Tư.

Lí Tư sa vào bẫy, bị Tần Nhị Thế Hồ Hối ghép vào tội âm mưu làm phản, bị ngũ hình : Thách chữ, xẻo mũi, chặt hai chân, chặt đầu (có sách chép là chặt lưng, chia thân thể làm hai đoạn), sau cùng vằm nhỏ để làm mắm.

### 3. Quyền biến

Không thức thời, mất chữ trung, bỏ nhân cách ; khiêm tốn, thuận tòng mà không thực lòng ; đó là những nguồn gốc của tai hoạ.

## 58. THUẦN ĐOÀI

### TÊN QUÊ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Đoài là nói (Đoài thuyết dã).

Chữ thuyết tượng cái miệng mở ra, có hai tình huống, mở miệng để nói hoặc mở miệng để cười vui vẻ.

Người xưa, đôi khi viết chữ thuyết thay cho chữ duyệt, vì vậy, đoán còn có nghĩa là vui vẻ.

HÌNH QUẺ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Đoài, trên Đoài, gọi là Bát Thuần Đoài.

Đoài tượng trưng con dê, theo hình quẻ Đoài, nét âm trên cùng, khuyết ở trên, gợi hình ảnh con dê.

Trên Đoài, dưới Đoài, trùng nhau, biểu thị trên dưới đều vui, trong ngoài đều vui.

SOÁN TỪ

Đoài, hanh, lợi trinh.

Dưới Đoài – đầm, trên Đoài – đầm, đầm là nước có tính nhuận, tưới nhuận cho nhau, nuôi dưỡng vạn vật, vạn vật sung sướng vui vẻ ; người quân tử nuôi dưỡng dân, thì dân chúng ai nấy vui vẻ, là hanh thông (Đoài hanh).

Tuy vậy, việc vui vẻ có hai nẻo chính và tà : quân tử làm cho dân chúng vui vẻ thì có lợi ; bọn siểm nịnh vui vẻ, đem họa cho người, tự rước họa vào thân.

Cho nên vui vẻ mà phải giữ được sự trinh chính, mới có lợi (lợi trinh).

Ba quẻ Chấn – Khảm – Cấn, tượng trưng nam, soán từ không có chữ trinh.

Ba quẻ Tốn - Li – Đoài, tượng trưng nữ, soán từ có chữ trinh, vì âm nhu, phải giữ được chữ trinh, thì mới hanh thông. Đó cũng là sự tinh thâm của Dịch. SOÁN TRUYỆN

Đoài, thuyết (duyet) dã. Cương trung nhi nhu ngoại, thuyết (duyet) dĩ lợi trinh, thị dĩ thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân. (Duyet) thuyết dĩ tiên dân, dân vong kì lao ; thuyết (duyet) dĩ phạm nạn, dân vong kì tử. Thuyết (duyet) chi đại, dân khuyến hĩ tai.

Đoài là nói, là vui vẻ (Đoài duyet dã). Xét quẻ Đoài, có hai hào dương – thực, ở trong, một hào âm ở ngoài (cương trung nhi nhu ngoại), tượng trưng trong thành thực mà ngoài vui vẻ.

Vui vẻ như thế là chính đáng, có lợi (duyet dĩ lợi trinh) ; vui vẻ như thế là thuận với mệnh Trời (dĩ thuận hồ Thiên), hợp với lòng người (nhi ứng hồ nhân).

Người quân tử, thuận lòng Trời, hợp lòng người, bản thân vui vẻ mà đi trước dân, chịu khó nhọc vì dân, xông vào hiểm nạn vì dân, quên chết vì dân (duyet dĩ tiên dân), thì dân cũng vui vẻ chịu khó nhọc không biết mệt, vui vẻ xông vào hiểm nạn, quên cả cái chết (dân vong kì lao, duyet dĩ phạm nạn, dân vong kì tử).

Người quân tử trong lúc yên bình mà vui, làm cho dân vui, không có gì là khó.

Nhưng khi lao khổ, hoạn nạn, thậm chí đương đầu với cái chết, người quân tử vẫn vui, thì đó là cái vui chân chính. Làm được như vậy, thì dân chúng cũng vui, quên lao khổ, vượt hoạn nạn, quên cái chết.

Xem thế, mới biết là đạo vui vẻ rất lớn (Duyệt chi đại), từ đó mà khuyến khích dân chúng (dân khuyến hĩ tai).

## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Lệ trạch, Đoài ; quân tử dĩ bằng hữu giảng tập.

Đối với nông nghiệp, nước và đầm nước có tầm quan trọng đặc biệt, nên Dịch lấy hai đầm nước gần nhau làm vật tượng trưng.

Dưới Đoài – trạch, trên Đoài – trạch, tượng trưng hai đầm nước liền nhau, bạn của nhau, giúp ích cho nhau (Lệ trạch, Đoài).

Người quân tử theo tượng ấy, thấy điều gì bạn hoặc mình chưa biết thì giảng cho nhau, việc gì bạn hoặc mình chưa thành thạo thì thực hành cho nhau xem, cả hai giúp cho nhau cùng tiến bộ (Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập).

## HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, hoà Đoài, cát.

Hào 1 dương, hoà thuận, vui vẻ, tốt.

Tượng viết : Hoà Đoài chi cát, hạnh vị nghi dã.

Tượng viết : Hoà thuận vui vẻ tốt, chẳng có gì đáng nghi.

### 1. Sơ cửu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở dưới cùng quẻ Thuần Đoài.

### 2. Hoàn cảnh



Hào 1 dương, có đức dương cương, đắc chính, ở dưới cùng quẻ Đoài có tính vui vẻ khiêm tốn, tuy ở vị trí thấp nhưng không ứng với hào 4 âm, tức là vô cầu, vô tư, không a dua, không siểm nịnh, gọi chung là hoà duyệt.

### 3. Quyền biến

#### **(1) Hoà thuận vui vẻ, tốt (hoà Đoài, cát).**

(2) Xét tư cách, hoà vui vẻ của hào 1 dương tốt, không có gì đáng nghi ngờ (hoà Đoài, cát hạnh vị nghi dã).

Cửu nhị, phu Đoài, cát, hối vong.

Hào 2 dương, ngay thẳng, thành tín mà vui vẻ, tốt, hối hận tiêu tan.

Tượng viết : Phu Đoài chi cát, tín chí dã.

Tượng viết : Lấy đức cương trung, ngay thẳng mà vui vẻ người, tốt, trong tâm chí lại có đức chí thành.

### 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, thất chính nhưng đắc trung, ở dưới hào 3 âm.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương, thất chính, ở dưới hào 3 âm là kẻ tiểu nhân, e có hối hận.

### 3. Quyền biến

Phu là thành tín, biểu thị bên trong có đức cương trung.

Hào 2 dương có vừa đức cương trung, ngay thẳng, lại có đức thành tín, nên vui vẻ (phu Đoài), tốt (cát), hối hận tiêu mất (hối vong).

Ở đời, có tiểu nhân thì có quân tử, trong việc xuất xử là làm sao quân tử có thể cải hoá được tiểu nhân hoặc tiểu nhân ảnh hưởng cái tốt của người quân tử.

Chu Đôn Di, đời Tống, cho rằng hoa sen tượng trưng cho quân tử. Vì hoa sen mọc từ bùn nhưng không hôi tanh mùi bùn. Cành sen thẳng, nước trong đổ ào xuống chẳng gãy. Hương sen bay xa.

(2) Tín là tin, chí là tâm chí ; tín chí là trong tâm chí có đức chí thành, không tà tâm.

Hào 2 dương, lấy đức cương trung, ngay thẳng mà vui vẻ đối đãi với người nên tốt (phu Đoài, cát), trong tâm chí lại có đức chí thành (tín chí dã).

Lục tam, lai Đoài, hung.

Hào 3 âm, quay lại cầu vui với người ở dưới, xấu.

Tượng viết : Lai Đoài chi hung, vị bất đáng dã.

Tượng viết : Lui về vui vẻ gặp nguy hiểm, vì bất chính, bất trung, không xứng đáng với vị trí.

### 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, bất chính, bất trung, ở trên cùng quẻ Đoài dưới.

## 2. Hoàn cảnh

Xét hình quẻ, hào 3 âm ở giữa 4 hào dương, tượng trưng một người con gái, bất chính, bất trung, ở giữa bốn người con trai, ngó lên ngó xuống, ngó ngang ngó ngửa để cầu hoà duyệt.

(1) Hào 3 âm nhìn lên hào 4 dương, 5 dương, không dám trèo cao, lui về hoà duyệt với hào 2 dương ở dưới (lai Đoài), hai hào dương dưới cũng không ưa hoà duyệt, vì thế mà mắc lấy nguy hiểm (hung).

Hoặc, hào 3 âm, tượng trưng tiểu nhân, tìm mọi thủ đoạn để cầu thân, làm cho mọi người vui vẻ, mục đích là kết bè kết đảng, không chỉ nguy hiểm cho bản thân của chúng mà còn nguy hiểm đối với quốc gia.

Ví dụ :

Thời Nguyên đế Lưu Anh, đời Hán, trọng dụng hoạn quan Thạch Hiến.

Trên Thạch Hiến làm vừa lòng Nguyên đế Lưu Anh, dưới kết thân với Trung thư bộc xạ Khiên Lương và mấy tên đồng đảng khác, gọi là ngũ lộc tà. Lúc ấy, dân gian có câu : Khiên tà, Thạch tà, ngũ lộc khách tà.

Thạch Hiến và bọn ngũ lộc khách tà khuynh đảo triều chính, tha hồ giết những người trung lương như Kinh Phòng, Lưu Canh Sinh... làm thương tổn nguyên khí của quốc gia, đẩy nhanh nhà Hán xuống vực diệt vong.

(2) Hào 3 âm, lui về vui vẻ gặp nguy hiểm, vì bất chính, bất trung, không xứng đáng với vị trí (Lai Đoài hung vị bất đáng dã).

### 3. Quyền biến

Xem bọn tiểu nhân, tà ác, nịnh nọt kẻ trên, dưới vui vẻ hoà duyệt với nhau, dự báo tai hoạ cho chúng và tai hoạ cho quốc gia.

Cửu tứ, thương Đoài vị ninh, giới tật hữu hỉ.

Hào 4 dương, vui vẻ thương lượng, giải bày, làm cho lòng quân chủ yên ổn, bỏ những căn bệnh, thế mới thật đáng vui mừng.

Tượng viết: Cửu tứ chi hỉ, hữu khánh dã.

Tượng viết: Không chỉ đáng vui mừng cho hào 4 dương, còn là niềm vui hạnh phúc chung của thiên hạ.

## 1. Cửu tử

**Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, ở trên quẻ Đoài dưới, ở trên hào 3 âm – tiểu nhân, dưới hào 5 dương quân chủ.**

## 2. Hoàn cảnh

**Hào 4 dương, hợp với hào 3 âm, hào 5 dương, thành quẻ Tốn. Thuyết quái truyện quẻ Tốn gió cho rằng, như gió khi tiến khi lui, thiếu quả đoán (vì tiến thoái, vì bất quả), hào từ quẻ Thuần Đoài gọi là cân nhắc (thương).**

Hào 4 dương, hợp với 3 âm, 2 dương, thành quẻ Li, tượng trưng sáng suốt văn minh.

Hào 4 dương, bất chính, ở trên gần với hào 5 dương, quân chủ, dưới ở gần hào 3 âm, tiểu nhân lôi kéo, cho nên do dự cân nhắc (thương Đoài).

Tuy thất chính, nhưng hào 4 dương có đức dương cương, có tính sáng, văn minh của quẻ Li, nên xa tiểu nhân mà gần với quân chủ.

Hào từ hào 5 dương, quẻ Vô vọng viết : Đã vô vọng mà tình cờ có tật, đó là tật vô vọng, không nên dùng thuốc, bệnh cũng lành (Vô vọng chi tật, vật được hữu hi) ; hào từ quẻ Thuần Đoài gọi là giới tật.

Quân chủ chăm lo việc triều chính nhưng cũng có lúc mắc bệnh do dự ; quân chủ có khi chủ lo lắng cho đất nước, nhưng cũng có lúc mắc bệnh sa đà vào hưởng lạc ; quân chủ sống đầy đủ, nhưng có lúc mắc bệnh bắt dân quá kham khổ ; quân chủ có khi lòng rất thanh tĩnh, nhưng cũng có lúc mắc bệnh ra uy.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 4 dương, có đức dương cương, sáng suốt, là cận thần, không dùng thuốc thang mà tìm cách vui vẻ thương lượng, giải bày (thương Đoài), làm cho lòng quân chủ yên ổn, bỏ những căn bệnh, thế mới thật đáng mừng (hữu hỉ).

(2) Hào 4 dương không chỉ đáng vui mừng riêng (cửu tứ hữu hỉ), mà niềm vui hạnh phúc chung của thiên hạ (hữu khánh dã).

Cửu ngũ, phu vu bác, hữu lệ.

Hào 5 dương, nếu chủ tin kẻ tiểu nhân, sẽ bị nó đánh đổ, thật nguy hiểm.

Tượng viết: Phu vu bác, vị chính đáng dã.

Tượng viết: Tin sẽ bị đánh đổ, ở địa vị như hào 5 dương, hiểm nghi hào trên cùng âm là đúng.

### 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, ở dưới hào trên cùng âm, địch ứng với hào 2 dương.

### 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng dương quẻ Bác viết : Tiểu nhân phá nhà (tiểu nhân bác lư) ; hào từ hào trên cùng âm, quẻ Thuần Đoài viết bị đánh đổ (bác).

Biểu thị, hào trên cùng âm là tiểu nhân sẽ đánh đổ quân tử, gian thần dùng lời nói khéo để dẫn dụ vua, đánh đổ vua.

(1) Nếu hào 5 dương, quân chủ tin nó, sẽ bị nó đánh đổ (phu vu bác), thật nguy hiểm (hữu lệ).

(2) Tin sẽ bị đánh đổ (phu vu bác), ở địa vị như hào 5 dương, hiểm nghi hào trên cùng âm là đúng (vị chính đáng dã).

### 3. Quyền biến



Hào từ hào 5 dương – quân chủ, không nhắc đến chữ Đoài – hoà duyệt vui vẻ, chứng tỏ sự cân nhắc chọn lựa cho đúng đạo lí của duyệt.

Vì sự vui vẻ hoà duyệt của quân chủ có quan hệ với sự an nguy của quốc gia, nên phải cần thận trọng, cân nhắc ; đề phòng vui vẻ hoà duyệt với tiểu nhân là việc làm chính đáng.

Thượng lục, dẫn Đoài.

Hào trên cùng âm, dùng miệng lưỡi, vui vẻ hoà duyệt, để dẫn dụ người ta vào con đường tà.

Tượng viết: Thượng lục dẫn Đoài, vị quang dã.

Tượng viết: Dùng miệng lưỡi dẫn dụ người ta vào đường tà, thật chẳng có gì là sáng sủa, không quang minh lỗi lạc.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đặc chính, ở trên cùng quẻ Thuần Đoài.

## 2. Hoàn cảnh

Quẻ Đoài tượng trưng cái miệng, con dê ; nếu đảo ngược, quẻ Đoài sẽ thành quẻ Tốn, tượng trưng sợi dây, cho nên hào từ gọi là dùng lời nói vui vẻ để dẫn dụ, lôi kéo, trói buộc người khác (dẫn Đoài).

Kinh Dịch cho rằng, vật cùng loại thì tụ với nhau, người cùng nhóm thì phân ra với nhau.

(1) Hào trên cùng âm – nhu, tuy đặc chính nhưng bất trung, tượng trưng kẻ tiểu nhân dùng miệng lưỡi, vui vẻ hoà duyệt, để dẫn dụ người ta vào con đường tà.

Nhưng chẳng có hào dương – quân tử nào theo hào trên cùng âm – tiểu nhân, hoá chẳng chỉ có hào 3 âm, tiểu nhân, cùng bọn nghe theo ?

Hào từ không nói đến tốt xấu nhưng rõ ràng là xấu, là nguy hiểm.

(2) Ở cuối thời Đoài, hào trên cùng âm, còn tìm cách dùng miệng lưỡi dẫn dụ người ta vào đường tà (thượng lục dẫn Đoài), thật chẳng có gì là sáng sủa, chẳng quang minh lỗi lạc (vị quang dã).

### 3. Quyền biến

Không nên tin vào miệng lưỡi vui vẻ hoà duyệt của bọn tiểu nhân, nếu tin chúng là tự trói thân cho chúng dẫn dắt, như chim sa vào lưới, như cá đã cắn câu.

## TIỂU KẾT

### 1. Quân tử và tiểu nhân

Khổng Tử cho rằng: Quân tử khó vui vẻ hoà duyệt, vui vẻ hoà duyệt mà không đúng với đạo thì không vui vẻ hoà duyệt (Quân tử nan duyệt, duyệt chi bất dĩ kì đạo, bất duyệt dã).

Tiểu nhân dễ vui vẻ hoà duyệt, vui vẻ hoà duyệt không đúng với đạo duyệt, mà vẫn cứ vui vẻ hoà duyệt (Tiểu nhân dị duyệt, duyệt bất dĩ kì đạo, duyệt dã).

### 2. Vui vẻ hoà duyệt và cái bẫy của bọn tiểu nhân

Toàn quẻ có 4 hào dương, có 2 hào âm ; hai hào tượng trưng tiểu nhân là hào 3 âm và hào trên cùng âm, thủ đoạn của tiểu nhân là :

Người ta không cầu vui vẻ hoà duyệt với nó, nó vẫn gấp cầu thân vui vẻ hoà duyệt với người ta (lai Đoài). Dùng miệng lưỡi dẫn dụ, lôi kéo người ta (dẫn Đoài).

Khi người ta lọt vào lưới của nó thì nó sẽ đánh đổ, bóc lột, trở thành mồi ngon, trở thành nạn nhân của chúng.

## 59. PHONG THUYẾT HOÁN

### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa: Hoán là lưu tán (Hoán, lưu tán dã).

Hoán là tan tác, chia lìa, li tán, giải tán.

### HÌNH QUẺ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

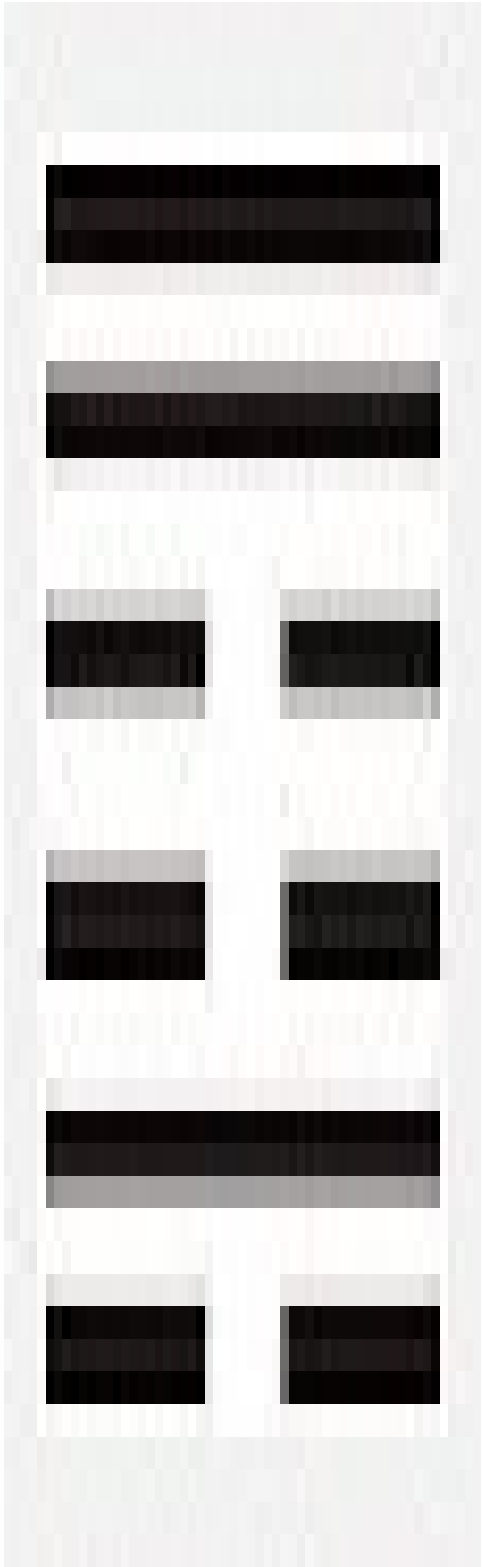
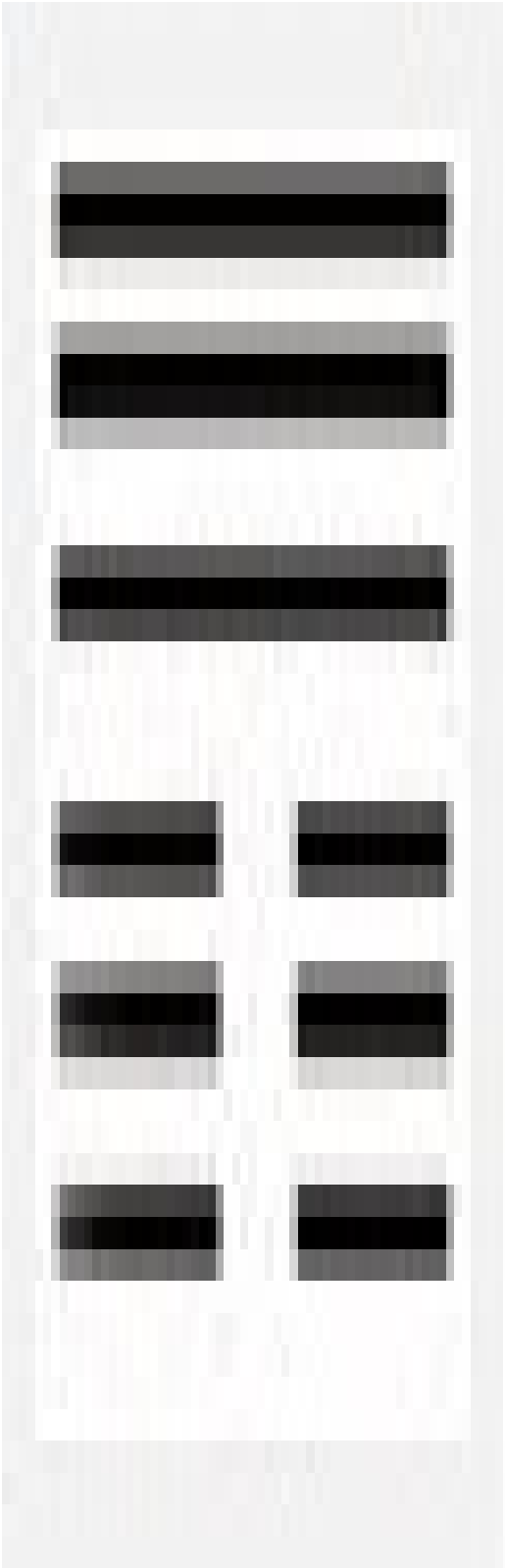
[REDACTED]

Dưới Khảm - thủy, trên Tốn - phong, gọi là Phong Thủy Hoán.

Dưới Khảm – nước, trên Tốn – gió, gió thổi làm cho nước lưu tán. Hoặc dưới Khảm – nước, trên Tốn – mộc, thuyền, thuyền lướt đi trên nước.

SOÁN TỪ

Hoán, hành, Vương giả (cách) hữu miếu, lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.



Xét hình quẻ Bĩ , hào 4 dương – khí dương, hoán đổi cho hào 2 âm – khí âm, sẽ thành quẻ Hoán .

**Bĩ là hai khí âm dương không giao nhau, Trời đất bế tắc. Nay, hai khí âm dương đã giao hoán (Hoán) với nhau, thiên địa hanh thông (hanh).**

Quẻ Tuy(hình trái) là tụ hợp, soán từ viết : Nhóm hợp là hanh thông (Tuy hanh). Ngược với quẻ Tuy là quẻ Hoán (hình phải) là giải tán, Soán từ cũng viết : Giải tán là hanh thông (Hoán hanh) ?

Mới đọc qua chúng ta thấy mâu thuẫn nhưng xét kỹ là hợp lý, vì trên đời có tụ thì có tán, có hợp thì có li, đã tán thì tìm cách tụ, đó là lẽ thường, là sự biến hoá kì diệu của Dịch.

Muốn làm công việc thời Hoán, tức là phải tụ lại, cần chú ý đến:

Một, phải có lòng chí thành, tương tự nhà vua đến tế lễ ở miếu tổ tiên (vương cách hữu miếu).

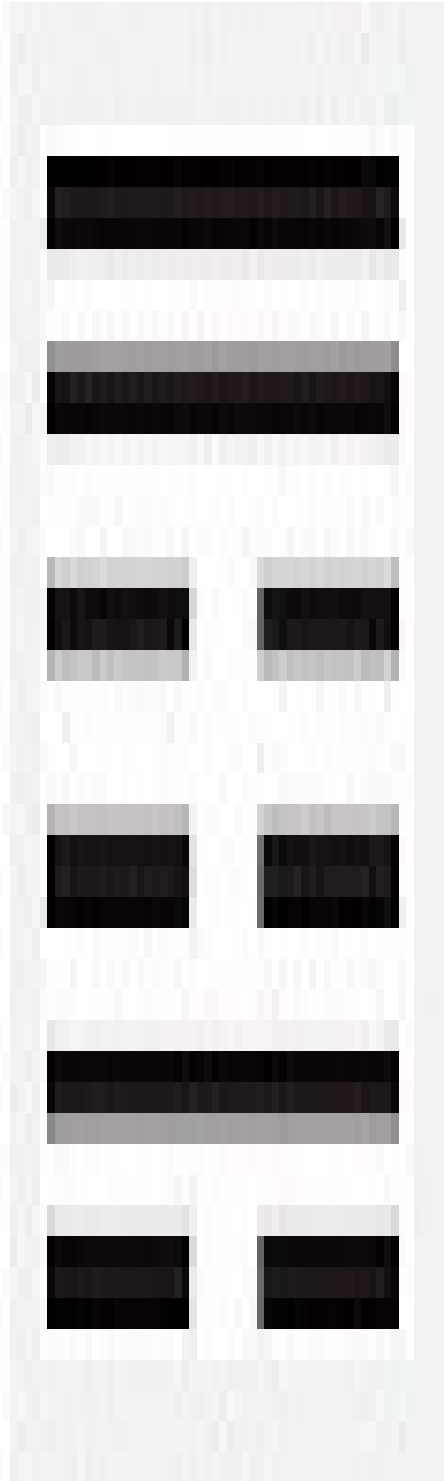
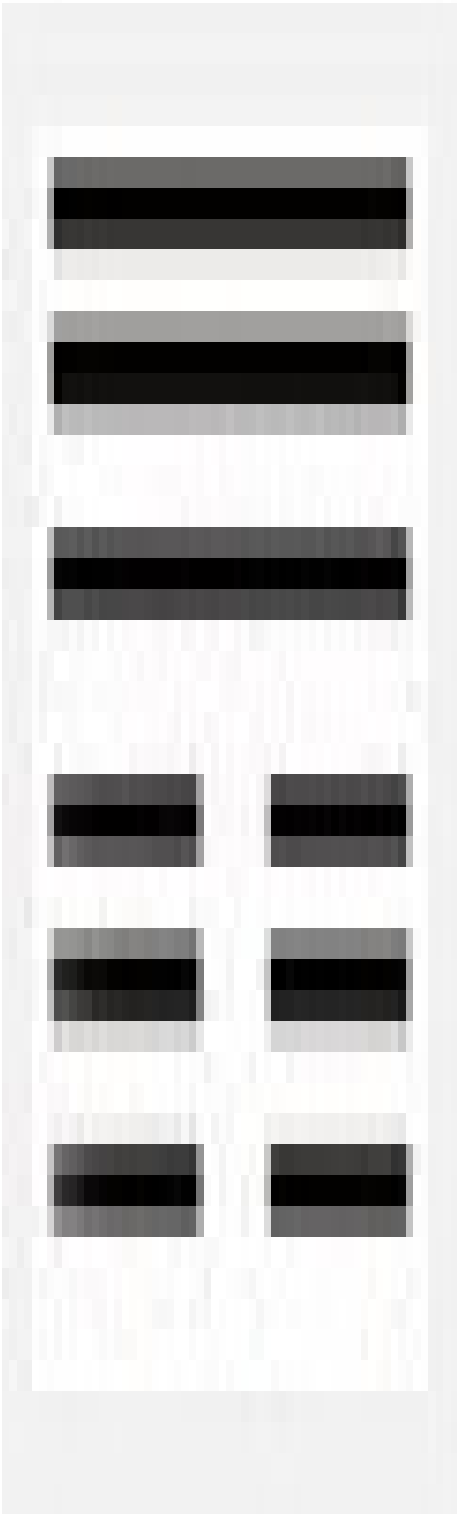
Hai, việc hoán là việc lớn, là việc nguy hiểm, vì vậy phải can đảm, như người vượt qua con sông lớn (lợi thiệp đại xuyên).

Ba, ở thời Hoán, làm việc hoán, phải giữ chính nghĩa, thì mới có lợi (lợi trinh).



## SOÁN TRUYỆN

Hoán hành, cương lai nhi bất cùng, nhu đắc vị hồ ngoại nhi thượng đồng. Vương giả (cách) hữu miếu, vương nữ tại trung dã. Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc hữu công dã.



Như đã nói, xét quẻ Bĩ (hình bên phải) và quẻ Hoán , hào 4 dương - cương quẻ Càn đi xuống thay cho hào 2 âm quẻ Khôn, hào 2 âm - nhu quẻ Khôn đi lên thay cho hào 4 dương quẻ Càn, thành quẻ Hoán (hình bên phải), âm dương hoán đổi nên hanh thông (Hoán hanh).

Hào 4 dương - cương đi xuống mà không mắc lấy khốn cùng (cương lai nhi bất cùng), hào 2 âm – nhu đi lên thông đồng với hào 4 dương, ở trên mình, ở ngoại quái, tuy nhu mà đắc vị (nhu đắc vị hồ ngoại), lại ở dưới hào 5 dương – quân chủ (nhi thượng đồng).

Nói cách khác, hào dương - cương không cùng, hào âm - nhu lại đắc vị, có đủ cương – nhu làm việc hoán, thời Hoán, nên hanh thông.

Hoặc, dương là quân tử, âm là tiểu nhân, làm việc Hoán cần phải có quân tử nhưng vẫn cần có tiểu nhân. Nhưng quân tử phải chăm việc trong, tiểu nhân làm việc ngoài, tiểu nhân ở yên vị trí của nó và biết tôn trọng quân chủ và quân tử.

Xét hào 5 dương, đắc chính, đắc trung, lại có lòng chí thành như nhà vua tế lễ tổ tiên (vương cách hữu miếu) ; tượng trưng bậc quân chủ trong thời Hoán, lấy đạo trung để tụ họp, tập trung dân chúng (vương nãi tại trung dã).

Khảm – nước - hiểm, Tốn – mộc – thuyền ; làm việc thời Hoán như người biết dùng gỗ để làm thuyền, rồi can đảm chèo thuyền qua sông lớn, thành công phần lớn là nhờ con thuyền (Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc hữu công).

Vua Cao tổ nói với ông Phó Duyệt : Như muốn vượt qua sông lớn, tôi phải nhờ

ông.

Vậy, biết tụ tập nhân tài, can đảm sử dụng nhân tài, cũng là cách tìm gỗ, đóng thuyền, chèo thuyền vượt qua sông lớn.

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Phong hành thủy thượng, Hoán ; tiên vương dĩ hưởng vu đế, lập miếu.

Dưới Khảm – nước, trên Tốn – phong, gió thổi trên nước, nước lưu tán, gọi là Hoán (Phong hành thủy thượng, Hoán).

Mọi vật sinh ra đều có gốc, gốc sâu xa của con người là trời, là Thượng Đế, gốc gần của con người là tổ tiên. Để khỏi quên nguồn gốc, những bậc tiên vương thường làm lễ tế trời, lập miếu để thờ cúng tổ tiên (Tiên vương dĩ hưởng vu Đế, lập miếu).

Thời Hoán, tuy đời sống vẫn có người li tán nhưng tinh thần của mọi người trong nước, trong tông tộc, vẫn gần nhau, hình tán nhưng thần không tán.

Đó là cách làm của tiên vương, bắt chước quẻ Hoán, để thống nhất nhân tâm.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, dụng chững mã, tráng cát.

Hào 1 âm, như người đi đường được con ngựa mạnh, thoát ra khỏi cảnh nguy hiểm, tốt.

Tượng viết : Sơ lục chi cát, thuận dã.

Tượng viết : Hào 1 âm được tốt là nhờ vào tính thuận, biết nương tựa vào người khác.

### 1. Sơ lục

Hào 1 âm, ở vị trí dương, bất chính, ở đầu quẻ Hoán, ở dưới quẻ Khảm.

### 2. Hoàn cảnh

Quẻ Khảm tượng trưng nguy hiểm, còn tượng trưng con ngựa, hào từ gọi là con ngựa mạnh (mã tráng).

### 3. Quyền biến

(1) Hào 1 âm – nhu, địa vị thấp, không có tài, có lực để vượt qua cảnh Hoán, nguy hiểm, nên phải nhờ hào 2 dương – cương, như người đi đường được con ngựa mạnh, thoát ra khỏi cảnh nguy hiểm, nên tốt (dụng chững mã, tráng cát).

Ví dụ :

Đời Hán, Võ hậu chuyên quyền, Trần Bình muốn khôi phục nhà Hán, phải dựa vào thái úy Chu Bột.

(2) Hào 1 âm – nhu được tốt là nhờ vào tính thuận, biết nương tựa vào người khác (Sơ lục chi cát, thuận dã).

Cửu nhị, Hoán bồn kì cơ (cơ), hối vong.

Hào 2 dương, lúc lưu li có người giúp đỡ, thoát ra khỏi cảnh nguy hiểm, đỡ bồn ba, được đến chỗ an cư, như được ngồi trên chiếc ghế dựa, hối hận tiêu tan.

Tượng viết: Hoán bồn kì cơ (cơ), đặc nguyện đã.

Tượng viết: Lưu li, bồn ba, mà có nơi nương tựa, như ngồi ghế dựa, là mãn nguyện.

### 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, bất chính, ở giữa quẻ Khảm.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương hợp với hào 3 âm, hào 4 âm, thành quẻ Chấn , tượng trưng cái chân, có tính động, bồn ba chạy vạy.

Trong thời Hoán, hào 2 dương bất chính, ở giữa quẻ Khảm, như đang giữa cảnh hiểm, lại thêm Chấn động, phải bồn ba chạy vạy, lưu li, nên có hối hận. Kì là cái ghế dựa, chỉ nơi an ổn, an cư.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 2 dương được hào 1 âm giúp đỡ, mới thoát ra khỏi cảnh nguy hiểm, đỡ bốn ba, được đến chỗ an cư, như được ngồi trên chiếc ghế dựa (Hoán, bốn kì kỉ), hối hận tiêu tan (hối vong).

Hào 1 âm thuận tòng theo hào 2 dương, được hào 2 dương cứu ứng như được con ngựa mạnh, nên được tốt ; hào 2 dương cầu hào 1 âm, được hào 1 âm giúp đỡ, nên đến nơi yên ổn, như ngồi trên ghế dựa, hối hận tiêu tan.

Trong thời chia lìa, mà có bè bạn, có người giúp đỡ mới ra khỏi cảnh nguy hiểm lưu li, không còn bốn ba chạy vạy, được an cư.

(2) Thời Hoán, lưu li, bốn ba, mà có nơi nương tựa, cương nhu tương tế, an cư như ngồi ghế dựa, là mãn nguyện lắm (Hoán bốn kì kỉ, đắc nguyện dã).

Lục tam, Hoán kì cung, vô hối.

Hào 3 âm, muốn thoát hiểm thì phải biến hoá, bỏ những cái riêng tư, mới không hối hận.

Tượng viết: Hoán kì cung, chí tại ngoại dã.



Tượng viết: Biết tán, biết bỏ cái địa vị, danh lợi, của cải đang có, vì chí mình ở bên ngoài địa vị, danh lợi, của cải, lợi riêng.

### 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị dương, bất chính, bất trung, ở trên cùng quẻ Khảm.

### 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 3 âm hoá thành dương, quẻ Khảm sẽ thành quẻ Tốn , Khảm và Tốn sẽ thành quẻ Hoán, là lưu tán, là biết tán.

Hào 2 âm, quẻ Kiến, hào từ viết : Chẳng phải vì thân mình (Phỉ cung chi cố).  
Hào từ quẻ Hoán, gọi là Hoán kì cung, hàm nghĩa nên bỏ những cái riêng, đang buộc ràng mình.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 3 âm, ở trên cùng quẻ Khảm, tượng trưng người ở trong cảnh hiểm, có cơ hội thoát khỏi cảnh hiểm.

Nhưng muốn thoát hiểm thì phải thay đổi, biến hoá, tự thành tán và bỏ địa vị, danh lợi, của cải, lợi riêng (Hoán kì cung), có như thế thì mới không hối hận (vô

hối).

Đời có tụ thì có tán, trong tán là đang tụ, phải tán nữa mới tụ.

Ví dụ :

Phạm Lãi bỏ gia đình phò Câu Tiễn, tức tán gia đình tụ với chúa.

Sau khi Câu Tiễn đánh bại Ngô Phù Sai. Phạm Lãi biết không ở được với Câu Tiễn, xin bỏ hết chức tước, bổng lộc, trốn đi Ngũ Hồ, thoát hiểm, tức là tán tình vua tôi mà tụ với gia đình.

Văn Chủng cũng phò Câu Tiễn, sau khi Câu Tiễn thành công, không chịu bỏ chức tước, không chịu tán tình vua tôi, bị Câu Tiễn ban cho thanh gươm để tự sát.

(2) Ngoại là ngoại quái Tốn, hào 3 âm, biết tán, biết bỏ, vì chí muốn thoát quẻ Khảm – hiểm, ra ngoài quẻ Tốn.

Biết tán, biết bỏ cái địa vị, danh lợi, của cải, lợi riêng, vì chí mình ở bên ngoài địa vị, danh lợi, của cải, lợi riêng, để thoát hiểm (Hoán kì cung, chí tại ngoại dã).

Lục tứ, Hoán kì quần, nguyên cát ; Hoán hữu Khâu, phi di sở tư.

Hào 4 âm, giải tán bè đảng riêng của mình, là quá thiện, quá tốt, giải tán những tông phái nhỏ, hợp thành tông phái lớn ; kì vĩ như núi Khâu, làm được việc như vậy, ai mà tưởng tượng ra nổi.

Tượng viết: Hoán kì quần nguyên cát, quang đại dã.

Tượng viết: Giải tán bè đảng, rất tốt, đó là việc làm quang minh chính đại.

## 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở dưới hào 5 dương, ở đầu quẻ Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Quần là nhóm nhỏ, bè nhóm, bè đảng, tông phái nhỏ. Khâu là gò đồng, là tụ, là lớn, núi lớn. Di là bình địa, bình thường.

Hào 4 âm - nhu, ở dưới hào 5 dương, có đức dương cương, trung chính. Tượng trưng vị đại thần thân cận với quân chủ, lấy đức nhu thuận mà giúp quân chủ,

cường nhu tương tế, lấy công tâm để làm việc Hoán, thời Hoán.

### 3. Quyền biến

(1) Công việc là giải tán bè đảng riêng của mình, tụ được những nhóm nhỏ thành nhóm lớn, hợp những nhóm lớn thành một thể thống nhất trong nước, trong thiên hạ (Hoán kì quần), thế là đã quá thiện, quá tốt (nguyên cát).

Hào 4 âm, cận thần, giúp hào 5 dương – quân chủ, hợp các tông phái, hợp thành tông phái lớn, kì vĩ như núi Khâu (hoán hữu Khâu).

Trong thời li tán, nhân tâm chia lìa, mà làm được việc phi thường, có công đức lớn lao như vậy, không ai mà tưởng tượng ra nổi (phỉ dĩ sở tư).

Sách Đông Pha Dịch truyện, Tô Đông Pha cho rằng : Hoán kì quần, là giải tán tiểu quần hợp thành đại quần, như đem những vật nhỏ hợp thành một vật lớn.

Người bình thường chỉ nghĩ rằng, thời Hoán chỉ nói là sự li tán, không ngờ trong tán lại có đạo lí tụ, nên nói người bình thường, tư duy bình thường không nghĩ ra được (phỉ sở tư).

(2) Giải tán bè đảng, rất tốt, đó là việc làm quang minh chính đại (Hoán kì quần, nguyên cát, quang đại dã).

Cửu ngũ, Hoán hãn kì đại hiệu, Hoán ; vương cư, vô cửu.

Hào 5 dương, ban bố hiệu lệnh mới như chữa bệnh nhiệt độ, mồ hôi phải toát ra khắp cơ thể ; mở kho lương, phân phát cho dân, làm như vậy, mới không tội lỗi.

Tượng viết: Vương cư vô cửu, chính vị dã.

Tượng viết: Phân phát kho lương, thu phục nhân tâm, không tội lỗi, mới xứng đáng vị trí, cương vị của một bậc quân chủ.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, ở trên hào 3 âm, 4 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 5 dương, ở giữa quẻ Tốn – gió, gió tượng trưng hiệu lệnh của trời, là đức của người quân tử, hào từ gọi là hiệu lệnh lớn (đại hiệu). Quẻ dưới là Khảm , tượng trưng cho nước, hào từ gọi là mồ hôi (hãn) ; theo Trung y người bị trúng nhiệt độ, phải dùng phương pháp phát tán, làm mồ hôi các lỗ chân lông đổ ra, thì mới khỏi bệnh.

Hào 5 dương, hào 4 âm, hào 3 âm, hợp thành quẻ Cấn , tượng trưng cửa khuyết, hào từ gọi là kho lẫm của nhà vua, chứa nhiều của cải (vương cư).

### 3. Quyền biến

Hào 5 dương, tượng trưng bậc quân chủ, có các đại thần như hào 3 âm, 4 âm phò tá, âm dương tương tế, làm công việc thời Hoán :

Một, ban bố hiệu lệnh mới, từ gần đến xa, từ chỗ đông người đến chốn thôn cùng xóm vắng, như chữa bệnh nhiệt độc, mồ hôi phải toát ra khắp cơ thể (hãn kì đại hiệu). Nếu hiệu lệnh mới không đi xa, không truyền khắp, thì không thể gọi là hiệu lệnh lớn.

Hai, sách Đại học viết, tài tán tất dân tỵ ; tức là nhà vua mở kho lẫm, phân phát của cải cho dân, giúp dân trong cơn li tán, là cách thu phục nhân tâm.

Đó là hai phương thuốc cứu dân trong thời li tán, có làm như vậy, mới không tội lỗi (vô cửu).

(2) Phân phát kho lẫm, thu phục nhân tâm, không tội lỗi, mới xứng đáng vị trí, cương vị, của một bậc quân chủ (Hoán vương cư, vô cửu, chính vị dã).

Thượng cửu, Hoán kì huyết, khứ địch (dịch) xuất, vô cửu.

Hào trên cùng dương, làm cho dân chúng không còn bị tổn hại, không còn lo sợ, mới không tội lỗi.

Tượng viết: Hoán kì huyết, viễn hại dã.

Tượng viết: Làm cho dân tránh được sự lo lắng, xa việc tai hại.

## 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, bất chính, ứng với hào 3 âm, cuối thời Hoán.

## 2. Hoàn cảnh

Xét toàn quẻ, các hào 1 - 4, 2 - 5 không ứng với nhau, biểu thị sự phân tán.

Riêng hào trên cùng dương, ứng với hào 3 âm. Phải chăng, biểu thị tái hợp, cuối cùng quẻ Hoán ?

**Hào trên cùng âm hoá thành dương, quẻ Tốn sẽ thành quẻ Khảm, tượng trưng nguy hiểm, ẩn phục, huyết, hào từ gọi là huyết và**

**địch. Chữ huyết gần nghĩa với chữ tuất () là lo lắng, bị thương, bị tổn hại ; địch là lo sợ.**

### 3. Quyền biến

(1) Trong thời Hoán, nạn can qua làm cho dân đồ thán, li tán, bị tổn hại và lo sợ.

Vì vậy, cuối thời Hoán, hào trên cùng dương, ứng với hào 3 âm, âm dương tương tế, làm cho dân chúng không còn bị tổn hại, không còn lo sợ (Hoán kì huyết, khử địch xuất), có như vậy mới không tội lỗi (vô cữu).

(2) Làm cho dân tránh được sự lo lắng, xa việc tai hại (Hoán kì huyết, viễn hại dã).

## TIỂU KẾT

### 1. Quẻ Tuy và quẻ Hoán

Quẻ Tuy, tượng trưng tụ họp, quẻ Hoán tượng trưng sự phân tán, giải tán, chia lìa nhưng soán từ có chỗ giống nhau, có chỗ khác nhau :

Chỗ giống nhau :



Quẻ Tuy và quẻ Hoán đều có chung chữ hanh, tức hanh thông ?

Nếu Tuy hanh thông mà Hoán không hanh thông, tức là thiếu tuy cơ ứng biến và không phải là Dịch lí.

Quẻ Tuy, quẻ Hoán có cùng câu: Như bậc vương tế lễ (Vương cách hữu miếu), ám chỉ sự thành tín.

Lí do, dù tụ hay tán cũng lấy sự thành tín làm đầu, lấy tinh thần làm gốc ; lúc tụ tinh thần phải tụ, lúc hình tán nhưng tinh thần không tán.

Chỗ khác nhau :

Soán từ quẻ Tuy viết : Gặp đại nhân thì có lợi (Lợi kiến đại nhân).

Soán từ quẻ Hoán viết : Như vượt qua sông lớn thì có lợi (Lợi thiệp đại xuyên) ?

Vì thời tụ, ít nguy hiểm hơn thời tán, chỉ cần người có đức có tài là có thể tụ tập được quần chúng.

Thời tán là thời có nhiều nguy hiểm, cần có người có đức, có tài, có can đảm, biết tập hợp được nhiều người, mới vượt qua được khó khăn, nguy hiểm.

Xem vậy, mới biết Kinh Dịch rất tinh diệu, ý tứ rất sâu xa, qua từng câu, từng chữ.

## 2. Tụ và tán

Hào 1 âm - nhu, một mình không thể làm được việc gì, phải nhu thuận, nhờ cậy hào 2 dương, như người đi xa được con ngựa mạnh, nên tốt.

Hào 2 dương, tuy có đức dương cương nhưng phải dựa vào hào 1 âm, mới thoát khỏi cảnh hiểm, về nơi an cư như được ngồi trên chiếc ghế.

Hào 3 dương, phải bỏ cái riêng tư của mình, mới không hối hận.

Hào 4 âm, giải tán bè nhóm của mình, giải tán các bè phái nhỏ, nên nhóm được cả thiên hạ, lập nên tông phái lớn.

Hào 5 dương, phát tán hiệu lệnh, ban phát của cải để thu được dân tâm.

Hào trên cùng dương, lo việc cuối cùng thời Hoán, là chữa các vết thương thời li tán, giúp người ta lánh xa được họa hại.

Nói chung, trong tán có tụ, trong tụ có tán, tán để mà tụ, tán cái nhỏ để tụ được cái lớn.

### 3. Áp dụng tụ - tán, tán - tụ

Năm thứ ba đời Hán, Hạng Vũ vây Hán vương rất gấp ở Vinh Dương. Hán vương lo sợ, cùng với Lữ Cơ tính kế làm suy nhược lực lượng của Sở vương. Lữ Cơ hiến kế :

- Xưa vua Thang đánh vua Kiệt xong rồi, thì phong cho con cháu vua Trụ ở nước Tống. Nay, nhà Tần bất nhân, bất nghĩa, xâm chiếm xã tắc của chư hầu, diệt hết kẻ kế thừa của sáu nước, làm cho họ không có tấc đất cắm dùi. Nếu bệ hạ có thể tái lập dòng dõi của sáu nước, cho họ đều được phong đất, nhận ấp, thì vua tôi, dân chúng của họ tất nhiên thay đổi ơn bệ hạ, chẳng ai là không cảm cái công đức ấy mà hướng tới bệ hạ, xin làm bề tôi. Ân nghĩa đã có hiệu lực rồi, bệ hạ ngửa mặt về phương Nam mà xưng bá và dân nước Sở sẽ khép áo ngay ngắn về châu.

Hán vương nói :

- Hay ! Hãy cho khắc ngay quốc ấn của sáu nước, tiên sinh mang theo để chia đất phong cho họ.

Lữ Cơ chưa kịp đi thì Trương Lương vào yết kiến Hán vương. Hán vương đang ăn, khoe rằng :

- Từ Phòng vào đây ! Có người bày kế cho ta làm suy giảm lực lượng của Sở.

Rồi kể hết lời Lữ Cơ đã khuyên. Hỏi :

- Theo ý Tử Phòng thì thế nào ?

Trương Lương nói :

- Việc bệ hạ hỏng hết cả rồi !

Hán vương hỏi :

- Sao vậy ?

- Thần xin mượn đôi đũa của đại vương đang dùng để trình bày.

Rồi Trương Lương hỏi :

- Xưa vua Thang đánh vua Kiệt mà phong cho con cháu vua Kiệt ở nước Kỉ là vì đã cầm chắc trong tay sinh mạng của vua Kiệt rồi. Nay, bệ hạ đã cầm chắc trong tay sinh mạng của Hạng Tịch chưa ?

- Chưa !

- Đó là một lẽ không nên. Vũ vương đánh vua Trụ mà phong cho con cháu vua

Trụ ở đất Tống vì vua Vũ đã nắm chắc trong tay cái đầu của vua Trụ rồi. Nay, bệ hạ đã nắm chắc cái đầu của vua Hạng Tịch chưa ?

- Chưa !

- Đó là hai lẽ không nên. Vũ vương khi mới vào nước Ân, cho trang hoàng cổng xóm nơi Thương Dung ở, phóng thích Cơ Tử đang bị giam, đắp cao ngôi mộ của Tỉ Can. Nay, bệ hạ đã có thể đắp cao phần mộ của bậc thánh nhân, trang hoàng cổng xóm của bậc hiền tài và tỏ lòng kính mộ với các bậc trí giả chưa ?

- Chưa !

- Đó là ba lẽ không nên. Vũ vương phát thóc cho Cự Kiêu, chia đụn tiền Lộc Đài cho đám dân nghèo đói. Nay, bệ hạ đã có thể phát thóc kho, chia tiền đụn cho dân nghèo đói hay chưa ?

- Chưa !

- Đó là bốn lẽ không nên. Dẹp xong nhà Ân, Vũ vương cho sửa đổi quân xa thành xe vận tải, xếp giáo mác, phủ da hổ lên trên, để tỏ cho thiên hạ biết rằng, thôi không dùng binh đao nữa. Nay, bệ hạ có thể xếp vũ công, dùng văn trị, không cần đến binh đao chưa ?

- Chưa !

- Đó là năm lễ không nên. Vũ vương thả ngựa trận ở phía nam Hoa Sơn để tỏ rằng, không cần thứ ấy nữa. Nay, bệ hạ có thể thả ngựa trận, được hay chưa ?

- Chưa !

- Đó là sáu lễ không nên. Vũ vương thả bò ở phía Bắc Đào Lâm, tỏ rằng không cần chuyển vận, tích trữ quân lương nữa. Nay, bệ hạ có thể thả bò, không cần chuyển vận, tích trữ quân lương chưa ?

- Chưa !

- Đó là bảy lễ không nên. Vả chăng, kẻ sĩ trong thiên hạ, đi du thuyết, bỏ cả thân thích, mộ phần, thân bằng cố hữu để theo bệ hạ, vì ngày đêm chỉ trông chờ được một ít đất đai. Nay lại lập sáu nước, phong cho con cháu Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tề, Sở, thì các người du thuyết, người nào người ấy, họ sẽ về nước họ, thờ chủ họ, theo họ hàng họ, tìm bè bạn cũ, thăm lại mồ mã xưa, hỏi lúc đó còn ai mưu đồ thiên hạ với bệ hạ ?

Đó là tám lễ không nên. Hơn nữa, cốt nhất là đừng làm cho Sở mạnh. Lúc tái lập sáu nước, thì họ có thể theo Sở, hỏi bệ hạ có cách nào để bắt họ làm bề tôi cho bệ hạ ỉ?

Nếu bệ hạ dùng mưu kế của người vừa nói với bệ hạ, thì việc bệ hạ hỏng rồi !

Hán vương đang ăn, ngừng lại, nhả cơm, mắng :

- Cái thằng Nho nhãi nhép ! Tí nữa làm hỏng việc của bố nó rồi.

Rồi ra lệnh hủy các ấn.

## 60. THUYẾT TRẠCH TIẾT

### TÊN QUẺ

Sách Thuyết văn định nghĩa : Tiết là đốt cây trúc (Tiết, ước trúc dã). Giáp cốt văn, viết chữ tiết, tượng người quỳ để làm lễ, nhằm tiết chế hành vi của mình.

Tiết thường ở trong các từ tiết chế, tiết kiệm, lễ tiết, tiết khí, tiết tấu, lễ tiết.

### HÌNH QUẺ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]



Dưới Đoài - trạch, trên Khảm - thủy, gọi là Thủy Trạch Tiết.

Dưới là Đoài – trạch, trên là Khảm – nước, đắp đập, ngăn đê, làm chằm chứa nước, để nước khỏi chảy, khỏi tràn, gọi là Tiết.

## SOÁN TỪ

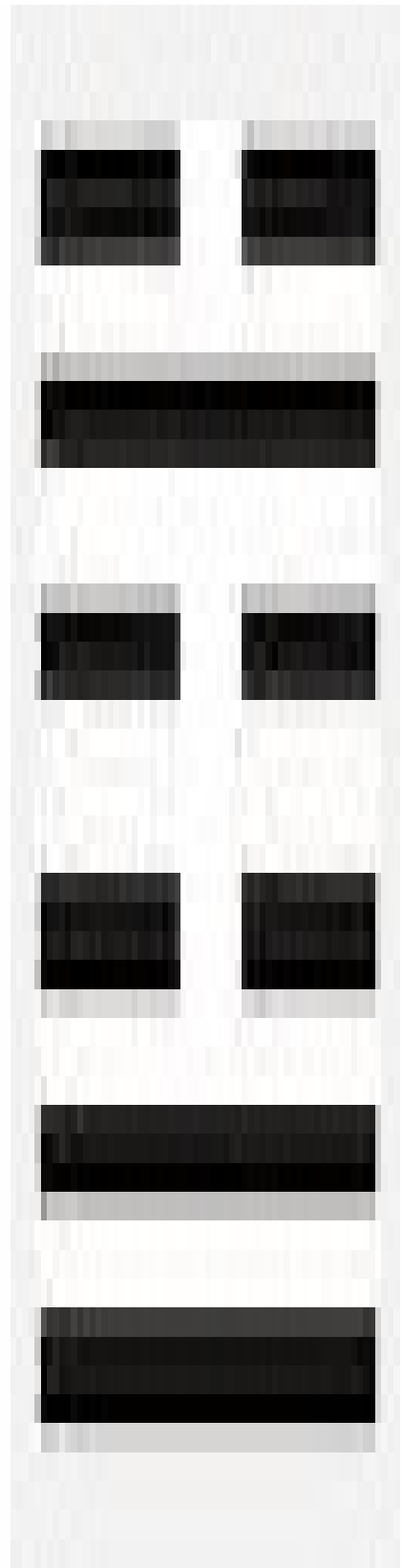
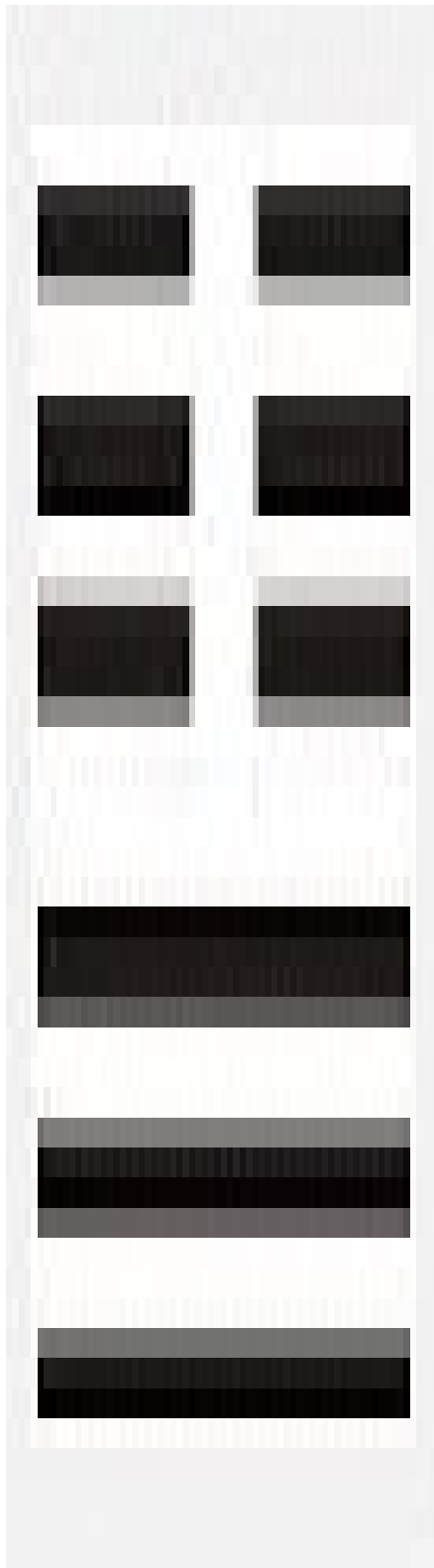
Tiết, hanh, khổ tiết bất khả trình.

Dưới Đoài – chằm, trên Khảm – nước, dung lượng của nước chằm có hạn độ, không có nước sẽ khô, không có nước không gọi là chằm, nhưng nước quá nhiều sẽ tràn, gọi là Tiết. Vì vậy, tiết chế có mức độ, hạn độ, theo đạo trung, thì hanh thông.

Khổ là đặng, là vượt quá hạn độ, vượt quá đạo trung. Trình là mãi, là lâu dài. Tiết chế quá hạn độ, quá đạo trung, không thể lâu dài được (khổ tiết bất khả trình).

## SOÁN TRUYỆN

Tiết hanh, cương nhu phân nhi cương đặc trưng. Khổ tiết bất khả trình, kì đạo cùng dã. Thuyết (duyet) dĩ hành hiểm, đang vị dĩ tiết, trung chính dĩ thông. Thiên địa tiết nhi tứ thời thành ; tiết dĩ chế độ, bất thương tài, bất hại dân.



Xét quẻ Thái (hình bên trái) dưới có 3 hào dương – cương, trên có 3 hào âm – nhu, do hào 3 dương đổi vị trí cho hào 5 âm, mà thành quẻ Tiết (hình bên phải) , dương – cương, âm – nhu phân biệt. Hoặc, trên Khảm, thuộc dương - cương, dưới là Đoài thuộc quẻ âm – nhu, tượng như nam nữ phân biệt (cương nhu nhi phân).

Xét hào 2 dương, 5 dương đều đắc trung. Có cương có nhu, đắc trung thì việc tiết chế mới hanh thông (Tiết hanh).

Ngược lại, quá cương hoặc quá nhu, cương nhu không phân biệt, quá mức trung, gọi là khổ tiết, thì không giữ được lâu dài (khổ tiết bất khả trình).

Xét đức quẻ, dưới Đoài, có tính hoà duyệt, trên Khảm, có tính hiểm, lấy hoà duyệt mà đi trong cảnh hiểm (duyet dĩ hành hiểm). Hào 5 dương, ở vị trí quân chủ, dương vị mà biết tiết chế (dương vị dĩ tiết), lại thêm có đức trung chính nên hanh thông (trung chính dĩ thông).

Xét về Trời Đất, nhờ tiết chế mà thành bốn mùa (Thiên Địa tiết nhi tứ thời thành). Ứng dụng vào đạo người, đặt ra chế độ tiết chế, không làm hao hụt tài sản, tài nguyên của đất nước, không làm tổn hại đến đời sống của dân chúng (tiết dĩ chế độ, bất thương tài, bất hại dân).

**ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Trạch thượng hữu thủy, Tiết ; quân tử dĩ chế số độ, nghị đức hạnh.

Dưới Đoài – chằm, đầm ; trên Khảm – thủy, nước, tượng trong chằm có nước, chằm thì có dung lượng nhất định, quá dung lượng, quá hạn độ nước sẽ tràn ra.

Dịch bao gồm có Dịch tượng, Dịch số ; độ là khuôn khổ, chương điều.

Người quân tử bắt chước quẻ Tiết, dựa theo Dịch số mà chế định pháp luật, có khuôn khổ, có chương điều, căn cứ vào đó, làm tiêu chí, mà nghị luận về đức hạnh của con người.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, bất xuất hộ đình, vô cửu.

Hào 1 dương, cẩn thận, tiết chế hành vi và lời nói như không ra khỏi cửa nhà, không tội lỗi.

Tượng viết: Bất xuất hộ đình, tri thông tắc dã.

Tượng viết : Cần thận, tiết chế hành vi, tiết chế lời nói như không ra cửa nhà, là biết biến thông.

### 1. Sơ cửu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ứng với hào 4 âm, ở dưới cùng quẻ Tiết.

### 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 1 dương biến thành âm, quẻ Đoài thành quẻ Khảm . Đoài tượng trưng vui vẻ, hoà duyệt, miệng lưỡi, lời nói, sự nguy hiểm.

Biểu thị, sự cần thận không nên hành động, hành động sẽ gặp nguy hiểm, nên tiết chế hành vi, hào từ gọi là không nên khỏi cửa (bất xuất môn đình).

### 3. Quyền biến

(1) Như đã nói, Đoài tượng trưng miệng lưỡi, lời nói. Vì vậy, không ra khỏi cửa nhà (bất xuất môn đình), cần thận, tiết chế hành vi còn có nghĩa rộng là tiết chế lời nói, gọi là cần ngôn, thì không tội lỗi (vô cửu).

Khổng Tử cho rằng : Tai hoạ không phải vô cớ mà sinh ra, mà do lời nói. Làm vua mà không cẩn thận trong lời nói thì mất bề tôi. Làm tôi mà không cẩn thận trong lời nói sẽ mất mạng. Cơ mưu mà không giữ được bí mật thì hỏng việc, tai hoạ sẽ xảy ra. Vì vậy, người quân tử thân mật mà không khinh xuất trong lời nói.

(2) Thông là hanh thông, tắc là bế tắc. Cẩn thận, tiết chế hành vi, tiết chế lời nói như không ra cửa nhà là biết biến thông, biến hoá, biết hanh thông hay bế tắc (Bất xuất môn đình, tri thông, tắc dã).

Cửu nhị, bất xuất môn đình, hung.

Hào 2 dương, do dự không ra khỏi cửa, gặp nguy hiểm.

Tượng viết: Bất xuất môn đình, hung ; thất thời cực dã.

Tượng viết: Do dự không ra khỏi cửa, gặp nguy hiểm ; mất chữ thời quá rồi.

1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, bất chính.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 3 âm, hào 4 âm, hào 5 dương, hợp thành quẻ Cấn, tượng trưng cánh cửa, hào 2 dương như đang đứng trong cánh cửa. Hào 2 dương, hào 3 âm, hào 4 âm hợp thành quẻ Chấn, tượng trưng cái chân, có tính động.

(1) Tượng trưng người muốn ra khỏi cửa nhưng do dự (bất xuất môn đình), thiếu quyết đoán nên gặp nguy hiểm (hung).

Hào 1 dương, không ra khỏi cửa (bất xuất môn đình) thì không tội lỗi (vô cữu). Hào 2 dương, không ra khỏi cửa (bất xuất môn đình) thì lại gặp nguy hiểm (hung) ?

Nguyên, hào 1 dương và hào 2 dương, đều ở quẻ Đoài – đầm. Đầm có hai công dụng điều tiết nước : Một chứa nước, hai là xả nước.

Chứa nước hay xả nước là tùy vào thời điểm, thời cơ ; thời điểm chứa mà không chứa, thời điểm đáng xả mà không xả, tức là mất thời cơ.

Thời Tiết, hào 1 dương cẩn thận hành động, đúng thời cơ nên không tội lỗi, hào 2 dương do dự, không đúng thời cơ, nên gặp nguy hiểm.

(2) Do dự không ra khỏi cửa, gặp nguy hiểm, mất chữ thời, quá rồi (Bất xuất



môn đình, hung, thất thời cực dã).

### 3. Quyền biến

Chu Hi than rằng : Ôi ! Chữ thời, thời đi không trở lại, không nên làm mất chữ thời.

Lục tam, bất Tiết nhược, tắc ta nhược, vô cữu.

Hào 3 âm, không tiết chế, không bao giờ tỉnh ngộ, rước vạ vào thân, than van, đổ lỗi cho ai.

Tượng viết : Bất Tiết chi ta, hựu thù cữu dã.

Tượng viết : Không tiết chế hành vi, lời nói, đến nỗi than van, đổ lỗi cho ai ?

### 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, bất chính ; ở trên hào 1 dương, hào 2 dương ; ở trên cùng quẻ Đoài, gần quẻ Khảm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 3 âm, thất chính, lại cười lên hai hào dương, vốn đã nguy hiểm ; lại đến gần quẻ Khảm, tượng trưng nguy hiểm đã gần kề, nguy hiểm càng thêm nguy hiểm.

Hào 3 âm - nhu, ở trên cùng quẻ Đoài, tượng trưng miệng lưỡi, vui vẻ.

(1) Tượng trưng, người bản chất hôn ám, không biết tiết chế, không bao giờ tỉnh ngộ (bất Tiết nhược) ; đã thế còn chà đạp lăng nhục người ta, vui vẻ hưởng khoái lạc, lại ăn nói càn rỡ, ắt rước vạ vào thân, than van, không biết đổ lỗi cho ai (tắc ta nhược, vô cữu) ?

Ví dụ :

Đời Tấn, có hai người giàu nhất vừa bạn của nhau, là Thạch Sùng và Vương Khải. Hai người quen thói bốc rời, tiêu hoang, xa xỉ, ngày đêm mở tiệc ca hát, trong lúc say sưa giết hại các thị nữ, gây nhiều thù oán.

Sau này, Thạch Sùng và Vương Khải bị một kẻ thù tên là Tôn Tú giết chết.

(2) Không biết tiết chế hành vi, lời nói, đến nỗi than van (bất Tiết chi ta), đổ lỗi cho ai ? (hữu thù cữu dã ?)

### 3. Quyền biến

Không biết tiết chế hành vi, lời nói, gây thù chuốc oán, xa xỉ, là những đầu mối của tai hoạ.

Lục tứ, an Tiết, hanh.

Hào 4 âm, giáo hoá nhân dân tiết chế một cách tự nhiên, không miễn cưỡng, nên hanh thông.

Tượng viết : An Tiết chi hanh, thừa thượng đạo dã.

Tượng viết : Giáo hoá dân tiết chế mà không miễn cưỡng, hanh thông, là vì nhu thuận, theo đạo cương trung của quân chủ.

#### 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở dưới hào 5 dương, ứng với hào 1 dương, bước lên quẻ Khảm.

## 2. Hoàn cảnh

**Hào âm ở dưới quẻ Khảm – nước, trên quẻ Đoài – đầm, tượng trưng nước đầm ngang bằng, bình lặng, nên hào từ gọi là an, chữ an gần nghĩa với chữ miễn miễn cưỡng, là an thuận.**

## 3. Quyền biến

(1) Hào 4 âm – nhu thuận, đắc chính, ở dưới hào 5 dương có đức dương cương, trung chính, nên địa vị an ổn, an thuận.

Tượng trưng bậc đại thần, có đức nhu thuận, trợ giúp quân chủ có đức dương cương trung chính làm việc thời Tiết, giáo hoá nhân dân tiết chế một cách tự nhiên, không miễn cưỡng (an Tiết), nên hanh thông (hanh).

(2) Sở dĩ, giáo hoá dân tiết chế mà không miễn cưỡng, hanh thông, là vì nhu thuận, theo đạo cương trung của quân chủ (An Tiết chi hanh, thừa thượng đạo dã).

Ví dụ :

Tề Cảnh Công thấy nhà của Ân Tử chật chội, ông ta không yên lòng, đợi Ân Tử đi sứ sang nước Tấn, sai người sửa nhà cho Ân Tử.

Để xây dựng nhà mới, Cảnh Công sai người tháo dỡ các nhà chung quanh.

Ân Tử đi sứ về, thấy nhà mới, liền cảm ơn Tề Cảnh Công.

Rồi Ân Tử bảo người nhà phá ngôi nhà mới, xây dựng lại những ngôi nhà của các người láng giềng.

Xây xong, Ân Tử mời các láng giềng của mình về ở như cũ.

Ban đầu, Tề Cảnh Công không chịu. Nhưng Ân Tử nhờ Thân Vô Vũ nói giúp mình. Tề Cảnh Công mới chịu.

Cửu ngũ, cam Tiết, cát. Vãng hữu thượng.

Hào 5 dương, tiết chế theo trung đạo, tự nhiên như nước ngọt, nên tốt. Được dân chúng ngưỡng mộ và noi theo.

Tượng viết: Cam Tiết chi cát, cư vị trung dã.

Tượng viết: Tiết chế theo trung đạo, tự nhiên như nước ngọt, tốt lành, đã làm đúng với cương vị, giữ được đạo trung.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, ở giữa quẻ Khảm, là chủ quẻ Tiết.

## 2. Hoàn cảnh

Theo hình quẻ Khảm hào 5 là hào dương – hào thực, trung thực.

Nước đầm tụ lại thì mặn, nước suối từ núi mới đổ xuống thì ngọt hoặc nước đầm ngưng tụ thì mặn, nước trôi chảy, lưu động thì ngọt.

Theo sách Chu Dịch triết trung, trong các vị như mặn, đắng, chua, cay, vị nào cũng thiên lệch cả, chỉ có vị ngọt là vị trung, trung hoà.

Hào 5 dương, hào 4 âm, 3 âm hợp thành quẻ Cấn , tượng trưng núi, đỉnh núi, hào từ gọi là hướng lên trên (vãng hữu thượng).

### 3. Quyền biến

(1) Hào 5 dương, quân chủ, đắc trung đắc chính, trung thực, biết tiết chế theo trung đạo, tự nhiên như nước ngọt, nên tốt (cam Tiết cát) ; được dân chúng ngưỡng mộ và noi theo (vãng hữu thượng).

(2) Cách tiết chế như nước ngọt, tốt lành (cam Tiết), vì hào 5 dương, đã làm đúng với cương vị của mình, giữ được đạo trung (cư vị trung dã).

Thượng lục, khổ Tiết, trinh hung, hối vong.

Hào trên cùng âm, tiết chế thái quá, vượt quá đạo trung, không hợp với lòng người, cứ mãi như thế thì gặp nguy hiểm, nếu biết thay đổi, tiết chế hợp với đạo trung, thì mới hết hối hận.

Tượng viết : Khổ Tiết, trinh hung, kì đạo cùng dã.

Tượng viết : Tiết chế thái quá, vượt quá đạo trung, cứ mãi như thế thì gặp nguy hiểm, đạo đã không hợp với lòng người, không thực hành được thì suy tàn.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở cuối thời Tiết.

## 2. Hoàn cảnh

Như trên đã nói, ngọt là vị trung ; khổ là vị đắng quá thiên lệch, vượt ra khỏi vị trung hoà.

Hào trên cùng âm, ở trên cùng quẻ Tiết, biểu thị sự tiết chế đã đến cùng cực.

(1) Tiết chế thái quá, vượt quá đạo trung, quá khắt khe, không hợp với lòng người, cứ mãi như thế thì gặp nguy hiểm (khổ Tiết, trinh hung).

Nếu biết thay đổi, tiết chế hợp với đạo trung, thì mới hết hối hận (hối vong).

Ví dụ :

Sách Nam hoa kinh, Trang Tử cho rằng, đạo của Mặc Tử rất khắt khe : Vì khi sống thì cấm ca hát, khi người thân chết thì cấm khóc, chôn cất thì chỉ dùng gỗ vông dày ba tấc, mà không có quách, đó là phép chung cho mọi người.



Sống thì lao khổ, chết thì bị chôn cất sơ sài, bạc bẽo, cái đạo ấy khắc nghiệt quá, khiến người ta u uất buồn rầu, khó mà thi hành được.

Đem cái đạo đó dạy người, đâu phải là yêu người, chính mình áp dụng cái đạo đó, thì cũng không phải yêu mình. Tôi còn ngại rằng, không phải đạo của thánh nhân, trái với lòng người, không ai chấp nhận nó.

(2) Tiết chế quá khắt nghiệt (khổ Tiết) nhưng cứ giữ mãi sẽ gặp nguy hiểm (trinh hung), đạo đã không hợp lòng người, không thực hành được, đạo ấy phải suy tàn (kì đạo cùng dã).

### 3. Quyền biến

Tiết chế hợp với đạo trung, hợp với lòng người, mới được mọi người chấp nhận.

## TIỂU KẾT

### 1. Quẻ Hoán và quẻ Tiết

Thứ tự sắp sắp đặt quẻ rất hay, trải qua thời kì Hoán, nhân dân li tán, đạo đức đảo lộn, kinh tế chưa kịp hồi phục, đời sống còn cực khổ, nếu mọi người hoang phí hoặc có một bộ phận nào đó trở nên giàu có, ăn tiêu xa xỉ, nhiều người chạy theo đời sống vật chất sẽ làm cho xã hội rối ren.

Vì vậy, chính quyền phải thực hành tiết chế dục vọng, hành vi, tiết kiệm của cải

để làm gương và giáo dục nhân dân thực hành tiết chế dục vọng, hành vi, tiết kiệm của cải. Tiết chế tiết kiệm là đạo đức, là chính trị, là luật pháp, liên quan đến ổn định xã hội.

Tuy vậy, đạo tiết phải hợp với đạo trung, đạo tiết vượt quá đạo trung, bắt mọi người khổ, u uất, ưu sầu thì không thực hành được.

## 2. Vị, chính, trung và thời

Dịch rất coi trọng chữ vị, chữ chính, chữ trung và chữ thời.

Xét các hào trong quẻ Tiết, hào nào đúng vị, đắc chính, đắc trung, đúng thời, thì tốt ; hào nào không đúng vị, thất chính, thất trung, không hợp thời thì xấu.

Hào 1 dương, cẩn thận, tiết chế hành vi như không ra cửa, nhưng hào 1 dương thì tốt, vì đúng vị, đúng thời ; hào 2 dương xấu, vì không đúng vị, đúng thời.

Hào 3 âm, hào 4 âm, đi với nhau, nhưng hào 3 âm gặp nguy hiểm vì bất chính, hào 4 âm được an tiết, vì đắc chính.

Hào 5 dương, hào 6 âm đi với nhau, nhưng hào 5 dương được cam tiết, vì đắc trung, hào 6 âm khổ tiết, vì thất trung.

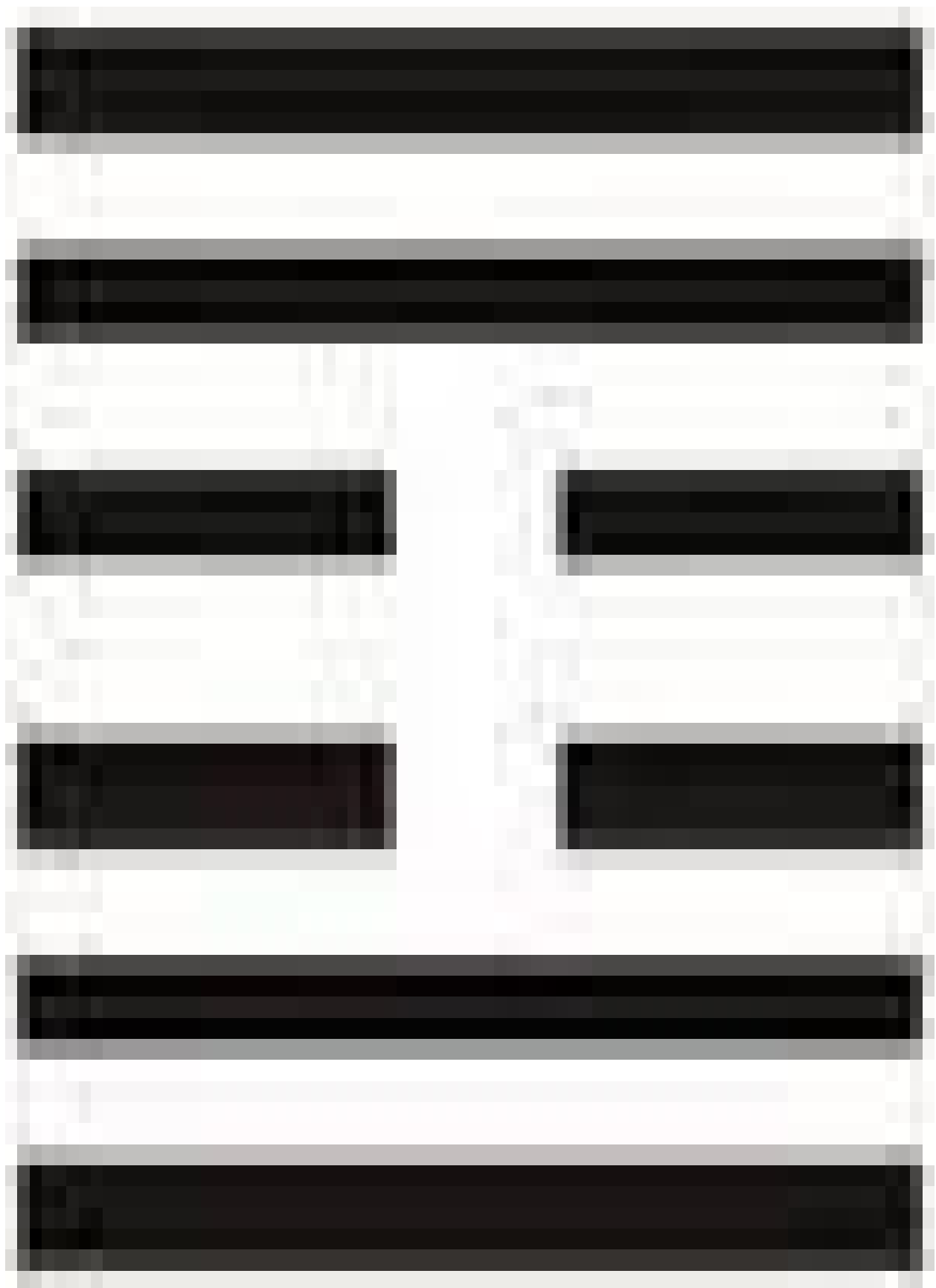
## 61. PHONG TRẠCH TRUNG PHU

## TÊN QUẺ

Sách Tự thuyết cho rằng : Chữ phu gồm chữ trảo () móng vuốt, dưới chữ là chữ tử () con, tượng con chim cắp con của nó.

Trảo còn có nghĩa là bảo vệ, biểu thị loài cầm thú dùng móng vuốt để bảo vệ con cái, một cách tự tin.

Dương Vạn Lí giải thích : Trong có ngọc thì phát ánh sáng ra bên ngoài, bên trong có thành thì ở ngoài có phu, phu là tin. Trung phu là sự thành tín. HÌNH QUẺ



Dưới Đoài - trạch, trên Tốn - phong, gọi là Phong Trạch Trung phu.

**Xét hình quẻ, dưới có hai hào dương, trên có hai hào dương là những hào thực, biểu thị sự thành thực. Giữa là hai hào âm, là hai hào hư, không chứa đựng tư dục. Trung thực, lòng không chứa tư dục, gọi là Trung phu.**

SOÁN TỪ

Trung phu, đồn ngư cát. Lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.

Như đã nói ở hình quẻ, trung thực, hư tâm, không tư dục, gọi là Trung phu.

Có sách giải thích, quẻ dưới là Đoài – trạch, nên đoán từ nhắc đến đồn ngư.

Đồn ngư là loại cá sinh ở đầm lầy, là con vật trước tiên biết gió sắp đến, nên khuấy sóng lên, như một linh cảm tự nhiên, lòng thành tín tự nhiên. Đường thi cũng có câu : Con đồn ở sông thổi sóng, thì gió sẽ đến.

Tương tự, con gà biết gáy sáng, con nhạn biết mùa thu đến.

Hào từ biểu thị, con vật còn có linh cảm, có lòng thành tín tự nhiên, là tốt (đồn ngư cát), huống gì là con người ?

Công dụng của lòng thành tín, hư tâm là rất lớn, giúp con vượt qua sông lớn nguy hiểm (lợi thiệp đại xuyên). Nếu cứ được mãi như thế thì có lợi (lợi trình).

## SOÁN TRUYỆN

Trung phu, nhu tại nội nhi cương đắc trung, thuyết (duyet) nhi tổn, phu, nãi hoá bang dã. Đồn ngư cát, tín cập đồn ngư dã. Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc châu hư dã. Trung phu dĩ lợi trình, nãi ứng hồ thiên dã.

Sở dĩ, gọi là Trung phu :

Xét các hào, hào 3 âm - nhu, hào 4 âm – nhu, ở giữa (Trung phu nhu tại nội) ; hào 2 dương – cương, hào 5 dương – cương, hai hào đều đắc trung (nhi cương đắc trung).

Trong 2 hào âm – hư, trên dưới hoặc ngoài, có hai hào dương thực, cương, đắc trung, trung hư là thể của tín, trung thực là chất của tín.

Tượng trưng người trong lấy nhu - hư tâm, ngoài lấy cương - thành thực mà xử thế, tiếp vật.

Xét thể quẻ, trên Tốn, có tính thuận ; dưới Đoài, có tính duyệt ; trên lấy tính thuận, dưới lấy tính hoà duyệt mà đối đãi với nhau một cách thành tín, thì có thể cảm hoá được cả bang quốc của mình (Duyệt nhi tốn, phu, nãi hoá bang dã).

Con đồn ngư sống ở đầm lớn có lòng thành tín, huống gì là người trong thiên hạ, nên tốt lành (đồn ngư cát, tín cập đồn ngư dã).

Theo hình quẻ, giữa là 2 hào âm – hư, chung quanh là hào thực, tượng trưng một vật rỗng ; hoặc Đoài – mộc, dùng gỗ khoét rỗng để làm thuyền, soán từ nhắc đến việc vượt sông lớn (thiệp đại xuyên, thừa mộc chu hư dã).

Nói cách khác, đức thành tín, hư tâm, có thể giúp người ta vượt qua hoạn nạn và nguy hiểm.

Đức thành tín, hư tâm, hợp với chính đạo, chẳng những hợp với đạo người, mà còn hợp với đạo Trời nữa (Trung phu dĩ lợi trinh, nãi ứng hồ Thiên dã).

Sách Lữ thị xuân thu cho rằng : Trời vận hành mà không tín, thì không có năm ; Đất vận chuyển mà không tín, thì cây cỏ không lớn nổi.

Đức của mùa Xuân là gió, gió không tín, thì hoa không nở rộ ; hoa không nở rộ, thì quả chẳng sinh.

Đức của mùa Hạ là nắng, nắng không tín, thì đất đai không phì nhiêu, đất không phì nhiêu, cây cỏ không thể sinh trưởng.

Đức của mùa Thu là mưa, mưa không tín, thì ngũ cốc làm sao cứng chắc, ngũ cốc không chắc, thì năm loại ngũ không thành.

Đức của mùa Đông là lạnh, lạnh không tín, thì đất không cứng, đất không cứng, băng chẳng đóng, thì khí không thông.

Trời Đất, bốn mùa biến hoá, không tín thì không thành, huống chi là con người.

**Người quân tử không có chữ tín, thì trăm họ không tín, xã hội sẽ loạn lạc. ĐẠI TỬ VỌNG TRUYỆN**

Trạch thượng hữu phong, Trung phu ; Quân tử dĩ nghị ngục, hoàn tử.

Dưới Đoài – trạch, đầm, nước ; trên Tốn – gió ; nước có tính hư, gió có tính nhập, gió thổi nhập vào, nước cảm động làm sóng gợn, gọi là Trung Phu (Trạch thượng hữu phong, Trung phu).

Sách Chu lễ cho rằng, có trọng án, xử tội chết, trước hết là nhà vua thẩm đoán, tiếp là giao cho quan tư khấu thẩm đoán, sau là giao cho quan tư không thẩm



đoán ; gọi là nghị ngục.

Mặc dù đã ba lần nghị, đã quyết, nhưng hội đồng hình quan vẫn tiếp tục xem xét thêm 3 lần nữa. Ba tháng sau, hội đồng hình lại tâu lên nhà vua quyết định ngày hành hình ; gọi là hoãn tử.

Mục đích, nghị ngục và hoãn tử là không để tội nhân chịu án oan, thể hiện đức hiếu sinh, trong đường chết cầu đường sống cho tội nhân.

Người quân tử bắt chước quẻ Trung phu, lấy đức thành tín, hư tâm, mà làm đúng những quy định của luật pháp, mở đức hiếu sinh, tìm con đường sống cho người bị tử tội (Quân tử dĩ nghị ngục hoãn tử).

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, ngu cát, hữu tha, bất yển.

**Hào 1 dương, đặt lòng tin vào người có đức tín, đức nhân như gặp con trâu ngu, một loài nhân thú, thì tốt lành, đặt lòng tin vào kẻ tiểu nhân, như loài rắn, loài trùng độc, sẽ không an thân.**

Tượng viết : Sơ cứu ngu cát, chí vị biến dã.

Tượng viết : Hào 1 dương được tốt lành là đặt lòng tin vào người có đức nhân, đức tín như gặp con trâu ngu, đã tốt lành như thế thì không nên thay đổi chí hướng.

## **1. Sơ cứu**

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở dưới cùng quẻ Trung Phu, ở dưới quẻ Đoài, ứng với hào 4 âm.

## **2. Hoàn cảnh**

Ngu là con trâu ngu ; người xưa cho rằng trâu ngu là loại nhân thú (nhân : nhân nghĩa). Sách Mao truyện định nghĩa, trâu ngu có nghĩa là thú, loài hổ trắng có vằn đen, không ăn sinh vật, nó có chữ tín.

Tha bốc từ giáp cốt văn viết , chữ triện viết , sách Thuyết văn viết : Người thượng cổ cho rằng tai họa ẩn trong cỏ là rắn hoặc trùng. Tha là rắn cắn chân hoặc trùng.

Người xưa ở hang động, nên xem rắn, trùng là kẻ thù, tai họa lớn nhất là bị rắn, trùng cắn vào chân, nên chữ hoạ ( ) tai họa, miêu tả con người bị rắn cắn vào chân . Yên là an ổn, bất yên là không yên ổn.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 1 dương, đắc chính, ở dưới quẻ Đoài có tính hoà duyệt, vui vẻ, bắt đầu cho sự tin tưởng, ứng với hào 4 âm, tuy vậy cũng cần phải thận trọng :

Nếu đặt lòng tin vào người có đức tín, đức nhân như gặp con trâu ngu, một loài nhân thú, thì tốt lành (ngu cát).

Nếu đặt lòng tin vào kẻ tiểu nhân, như loài rắn, loài trùng độc, thì sẽ không an thân (hữu tha, bất yển).

(2) Sở dĩ hào 1 dương được tốt lành là đặt lòng tin vào người có đức nhân, đức tín như gặp con trâu ngu, đã tốt lành như thế thì không nên thay đổi chí hướng (Sơ cửu ngu cát, chí vị biến dã).

Cửu nhị, minh hạc tại âm, kì tử hoà chi. Ngã hữu hảo tước, ngô dữ nhĩ mĩ chi.

**Hào 2 dương, đem lòng thành tín đối đãi với nhau, tương tự con hạc mẹ ở nơi rừng sâu kêu lên, hạc con hoạ theo. Như ta có bình rượu ngon, tuy chưa rót mời bạn, mà bạn đã say tình, mến nghĩa.**

Tượng viết : Kì tử hoà chi, trung tâm nguyện dã.

Tượng viết : Lòng thành tín cảm lòng người một cách tự nhiên, như hạc con hoạ theo tiếng kêu của hạc mẹ, vì hợp với sở nguyện từ đáy lòng.

### 1. Cửu nhị

Hào 2 dương, ở vị trí âm, bất chính, ở giữa quẻ Đoài, không ứng với hào 5 dương.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 2 dương, ở giữa quẻ Đoài, tượng trưng miệng lưỡi, hào từ nhắc đến tiếng hạc kêu (minh hạc).

Hạc là hạc mẹ, tử là hạc con. Âm là chỗ sau núi, nơi núi sâu thẳm. Kinh Thi có câu, con hạc đậu ở gò đất ven sông nhưng tiếng kêu của nó vang đến tận Trời. Tước là bình để đựng rượu, hảo tước là bình đựng rượu ngon, mỹ tửu.

### 3. Quyền biến

Xét theo quy tắc, hào 2 dương không ứng với hào 5 dương, biểu thị sự vô tâm, vô cầu.

Xét bản tính, về đức, cả hai hào đều có đức dương cương.

(1) Xét về đạo lí, đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu, tuy bề ngoài không ứng với nhau, nhưng sự đồng đức, vô tâm, vô cầu, đã cảm động lẫn nhau, đem lòng thành tín đối đãi với nhau.

Tương tự, con hạc mẹ ở nơi rừng sâu kêu lên, hạc con hoạ theo, không có gì thiêng liêng thân ái bằng tình mẹ – con (minh hạc tại âm, kì tử hoạ chi). Lòng thành tín như ta có bình rượu ngon, tuy chưa rót mời bạn, mà bạn đã say tình, mến nghĩa (ngã hữu hảo tước, ngô dữ mĩ chi).

(2) Lòng thành tín cảm lòng người một cách tự nhiên, như hạc con hoạ theo tiếng kêu của hạc mẹ (kì tử hoạ chi), vì hợp với sở nguyện từ đáy lòng (trung tâm nguyện dã).

Lục tam, đắc địch, hoặc cổ hoặc bãi, hoặc khắp hoặc ca.

Hào 3 âm gặp kẻ đối địch với nhau, tiến lui bất định tâm trạng hoảng hốt, khi múa may lúc rã rời, khi khóc òa, lúc hát khan.

Tượng viết : Hoặc cổ hoặc bãi, vị bất đáng dã.

Tượng viết : Lúc động lúc dừng khi múa khi rã rời, thật chẳng xứng với vị trí, tư cách chẳng ra gì !

### 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương bất chính, bất trung, ứng với hào trên cùng dương, bất trung, bất chính.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 3 âm, hợp với hào 2 dương, 4 âm, thành quẻ Chấn , tượng trưng cái chân, có tính động, hướng đi lên. Hào 3 âm, hợp với hào 4 âm, 5 dương, thành quẻ Cấn, có tính dừng, tĩnh chỉ, không tiến được. Biểu thị, hào 3 âm, khi tiến, khi thối, bất định, gọi là hoặc.

Hào 3 âm lại ở cuối quẻ Đoài, tượng trưng cái miệng, vui vẻ, nhưng vui quá hoá buồn, lạc cực sinh bi ; hào từ nêu trạng thái vui buồn bất thường, như múa (cổ), rã rời (bãi), khóc (khấp), ca hát (ca).

Dương Vạn Lí cho rằng, nước ở dưới sâu thì tĩnh, ở trên mặt, nông, thì động ; ở trên mặt, nông, thì kết ; sâu khi tiếp xúc thì động. Đầm mà gặp gió, mặt trên

nước sẽ sinh sóng, tầng dưới nước không dậy sóng, lúc gặp lạnh, mặt trên đóng băng, phía dưới chưa chắc đóng băng ; trên dễ dao động, dưới bị quấy nhiễu thì động.

Hào 3 âm ở cuối quẻ Đoài, vừa nhu vừa hoà duyệt tốt bậc, như ở trên mặt nước, khi có gió hoặc gặp vật gì đó, động thì múa (cổ), dừng thì rẽ rời (bãi), kết thì khóc (khấp), khi xuống sâu, tiếp xúc (động) thì ca (ca).

(1) Hào 3 âm – nhu, bất trung bất chính, còn kết bạn hào trên cùng dương, bất trung, bất chính ; nói là bạn thực ra như kẻ cắp gặp bà già, mặt cửa gặp mướp đắng, đối địch với nhau, kì phùng địch thủ (đắc địch).

Đã thế, hào 3 âm, tiến lui bất định, hành động thất thường, tâm trạng hoảng hốt, khi múa may, lúc rẽ rời, khi khóc òa, lúc hát khan (hoặc cổ hoặc bãi hoặc khấp hoặc ca) ; biểu thị người thiếu tự tin, thiếu thành thực, phản phúc vô thường, người như thế chẳng ai dám tin.

Ví dụ :

Nhờ tài hùng biện như nước chảy có thể làm đổ cả thành cao ngàn trượng, làm gãy cả địa thế xung yếu dài hàng trăm xích, Tô Tần đã làm tướng sáu nước Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy để chống Tần.

Lúc nghèo hèn, chị dâu không cho cơm ăn, vợ cũng chẳng thèm ngó ngang. Khi làm tướng sáu nước, xe chở vàng bạc lụa là nối dài dằng dặc, chị dâu ra xem bò như răn, vợ chỉ dám liếc nhìn.

Vì muốn thuyết hợp tung của mình được dùng, Tô Tần lừa người bạn là Trương Nghi bên vua Tần, đề xướng thuyết liên hoành. Cả hai đều thao túng chính trường các nước thời bấy giờ, cả hai cũng tráo trở vô thường. Người đời cho rằng, Tô Tần, Trương Nghi là hai kẻ buôn bán chiến tranh.

Kết cục, Tô Tần bị hành thích, vua Tề đem treo xác giữa chợ, để tìm hung thủ. Thuyết khác nói, Tô Tần làm phản gián cho nước Yên, nên bị vua Tề dùng xe để xé xác.

(2) Lúc động, lúc dừng, khi múa, khi rã rời, thật chẳng xứng với vị trí, tư cách chẳng ra gì (Hoặc cổ, hoặc bãi, vị bất đáng dã).

### 3. Quyền biến

Bản thân bất trung, bất chính, tráo trở vô thường, thì chẳng ai tin mình cả.

Lục tử, nguyệt cơ vọng, mã thất vong, vô cữu.

Hào 4 âm, khiêm tốn như trắng sắp rằm, đầy mà không tràn, cắt đứt mối quan hệ trời buộc, như bỏ con ngựa sóng đôi, bỏ tư lợi phụng sự công lợi, không tội lỗi.



Tượng viết : Mã thất vong, tuyệt loại thượng dã.

Tượng viết : Bỏ tư theo công như mất ngựa, tuyệt giao với bè bạn mà theo trên.

## 1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ứng với hào 1 dương, ở dưới hào 5 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 âm hợp hào 3 âm, hào 2 dương thành quẻ Chấn , tượng trưng hướng Đông, mặt Trời mọc ; quẻ Đoài , tượng trưng, phía Tây, mặt Trời lặn, là lúc Trăng sẽ lên.

Biểu thị, hào dương là mặt Trời, hào âm là mặt Trăng ; hào 4 âm, ở dưới hào 5 dương, tượng trưng mặt Trăng tương đối với mặt Trời, mặt Trăng sáng là nhờ ánh sáng của mặt Trời.

Kinh Dịch cho rằng, trăng rằm tròn sẽ khuyết, thịnh sẽ suy, đầy sẽ tràn, trăng chưa rằm, tượng trưng đầy mà không tràn.

Vì những căn cứ trên, hào từ gọi là nhìn trăng chưa rằm (nguyệt cơ vọng).

Nếu hào 4 âm biến thành dương hợp với hào 3 âm, hào 2 dương thì quẻ Chấn , tượng trưng con ngựa ; sẽ thành quẻ Li , tượng trưng lấy đức sáng mà bỏ con ngựa sóng đôi, hào từ gọi thất mã vong ; hào 4 dương, ở dưới quẻ Tốn , tượng trưng sợi giây.

Ngày xưa, khi đóng xe người ta thường chọn hai con ngựa màu sắc, sức khỏe, độ tuổi tương đương với nhau. Biểu thị mối quan hệ giữa hào 4 âm với hào 1 dương như hai con ngựa buộc lại với nhau, cân địch với nhau.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 4 âm, ở dưới hào 5 dương, như cận thần ở dưới bậc quân chủ, thường cận thần có nhiều công lao quân chủ sẽ hiềm nghi, nên cần phải khiêm tốn như trăng sắp rằm (nguyệt cơ vọng), đầy mà không tràn, làm cho vua sáng như mặt Trời, thì cận thần như mặt Trăng, dựa vào đó mà sáng rõ.

Hào 4 âm, đắc chính, ứng với hào 1 dương, âm dương tương ứng, thành tín với nhau, như cặp ngựa đi đôi, bị trói buộc, ràng buộc với nhau.

Hào 4 âm quan hệ với hào 1 dương, là quan hệ riêng ; hào 4 âm phụng sự hào 5 dương, là mối quan hệ việc công, việc nước, việc dân. Đã có nhiều mối quan hệ, sẽ không còn thuần sự chí thành, đôi khi công tư lẫn lộn.

Vì thế, hào 4 âm, lấy đức sáng cắt đứt sự trói buộc với hào 1 dương, như bỏ con ngựa sóng đôi (mã thất vong), thành tín, tận tâm, tận lực phụng sự hào 5 dương, bỏ riêng theo công, bỏ tư lợi phụng sự công lợi, bỏ tối theo sáng, nên không tội

lỗi (vô cữu).

(2) Hào 1 dương, ở thấp nhất, chỗ tối, hào 5 dương ở trên cao, chỗ sáng ; hào 4 âm đã bỏ tư theo công như mất ngựa, tuyệt giao với bè bạn, bỏ tối theo sáng ở trên (Mã thất vong, tuyệt loại thương dã).

Cửu ngũ, hữu Phu luyện như, vô cữu.

**Hào 5 dương, vua – tôi dân chúng lấy lòng thành tín mà cố kết bền chặt với nhau, nên không tội lỗi.**

Tượng viết : Hữu Phu loan như, vị chính đáng dã.

Tượng viết : Vua – tôi – dân chúng lấy lòng thành tín, cố kết với nhau ; xứng đáng với cương vị quân chủ.

1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, không ứng với hào 2 dương, ở giữa quẻ Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 5 dương, hợp với hào 4 âm, 3 âm, thành quẻ Cấn, tượng trưng cái tay ; hào 5 dương, ở giữa quẻ Tốn, tượng trưng sợi giây ; lấy dây trói buộc tay lại, hào từ gọi trói buộc (loạn), chỉ sự bền chặt.

Sách Chu Dịch triết trung, cho rằng, toàn quẻ, chỉ riêng hào 5 dương, mới có chữ Trung phu, vì hào 5 dương là chủ quẻ.

Soán truyện viết : Trên Tốn, có tính thuận ; dưới Đoài, có tính duyệt ; trên lấy tính thuận, dưới lấy tính hoà duyệt mà đối đãi với nhau một cách thành tín, thì có thể cảm hoá được cả bang quốc của mình (Duyệt nhi tốn, phu, nãi hoá bang dã).

## 3. Quyền biến

Hào 5 dương, tượng trưng bậc quân chủ, tuy không ứng với hào 2 dương, biểu thị sự vô tâm, vô tư, nhưng cả hai hào cùng đức dương cương, nên đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, cùng ràng buộc với nhau, cố kết với nhau, làm việc thời Trung phu.

Không những vậy, hào 5 dương, ở quẻ Tốn, có tính thuận – thành tín, nên dân chúng vui vẻ mà theo, có sức cảm hoá được dân chúng.

(1) Nói chung, vua – tôi - dân chúng lấy lòng thành tín mà cố kết bền chặt với nhau, nên không tội lỗi (Hữu phu, loan như vô cữu).

(2) Vua – tôi – dân chúng lấy lòng thành tín, cố kết với nhau ; hào 5 dương đắc trung, đắc chính, xứng đáng với cương vị quân chủ (Hữu phu loan như, vị chính đáng dã).

Thượng cửu, hàn âm đăng vu thiên, trinh hung.

Hào trên cùng dương, hữu danh vô thực, như con chim bay cao kêu, tiếng gió vang xa lên tận Trời, cứ giữ mãi cách cư xử như vậy, sẽ gặp nguy hiểm.

Tượng viết : Hàn âm đăng vu thiên, hà khả trường dã?

Tượng viết : Hư danh, hư vị như chim bay kêu trên cao, không thể lâu dài.

## 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, ở trên cùng quẻ Trung phu, ở trên quẻ Tốn.

## 2. Hoàn cảnh

Sách Lễ kí viết, con gà gọi là hàn âm. Sách Chu Dịch triết trung giải thích, hàn là con chim bay cao. Nói chung, hàn âm con chim tầm thường nhưng bay cao, có tiếng vang.

Sách Đông Pha Dịch truyện, Tô Thức cho rằng : Hàn âm vu thiên là không có đạo thành tín, bay lên để cầu vinh hiển, la lên để mong người ta tin.

(1) Hào trên cùng dương - cương, bất chính, ở trên cùng quẻ Tốn – gió, tượng trưng người hữu danh vô thực, như con chim bay cao kêu, tiếng gió vang xa lên tận trời (hàn âm đăng vu Thiên), thấy tiếng, chẳng thấy hình, chỉ là hư thanh ; nếu cứ giữ mãi cách cư xử như vậy, sẽ gặp nguy hiểm (trình hung).

(2) Cái hư danh, cái hư vị như chim bay kêu trên cao, không thể lâu dài (Hàn âm vu thiên, bất khả trường dã).

## 3. Quyền biến

Hào 2 dương, hào từ chim hạc mẹ kêu trong rừng sâu thẳm, hạc con hoạ lại (minh hạc tại âm, kì tử hoạ chi), vì tiếng kêu của chim hạc mẹ, hạc con xuất phát từ đáy lòng thành tín như tình mẫu tử.

Hào trên cùng dương, tiếng chim kêu vang đến tận trời (hàn âm vu thiên), chẳng có tiếng nào hoạ lại, chỉ vì tiếng kêu không xuất phát từ lòng thành tín, là tiếng

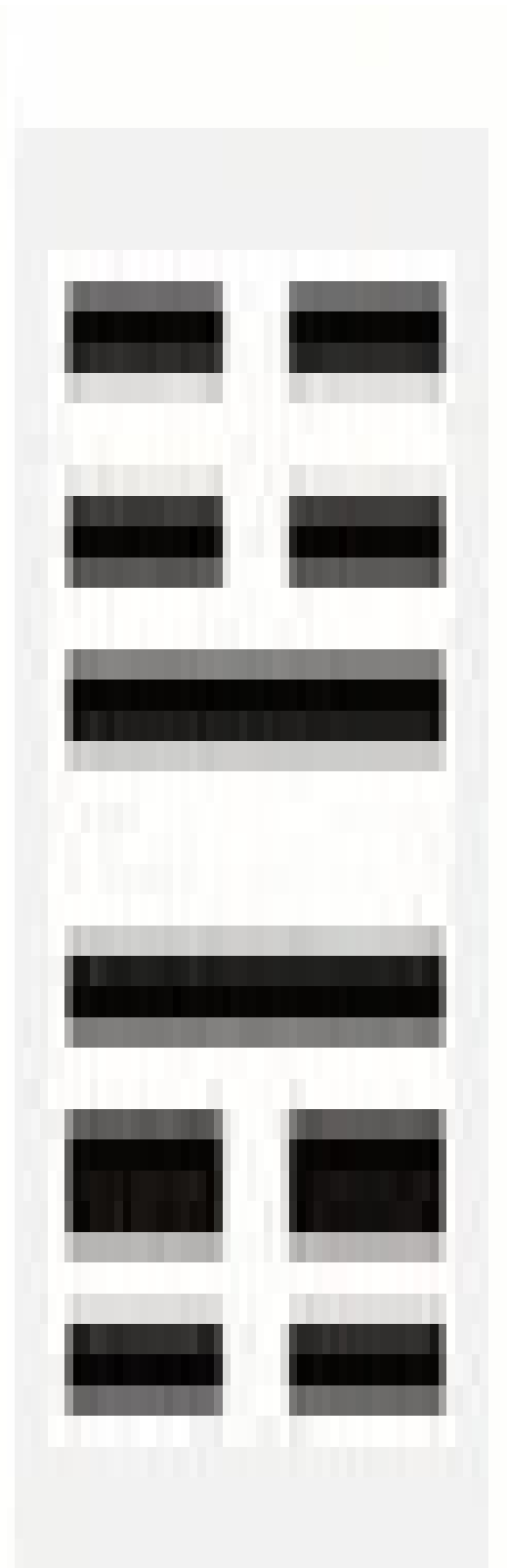
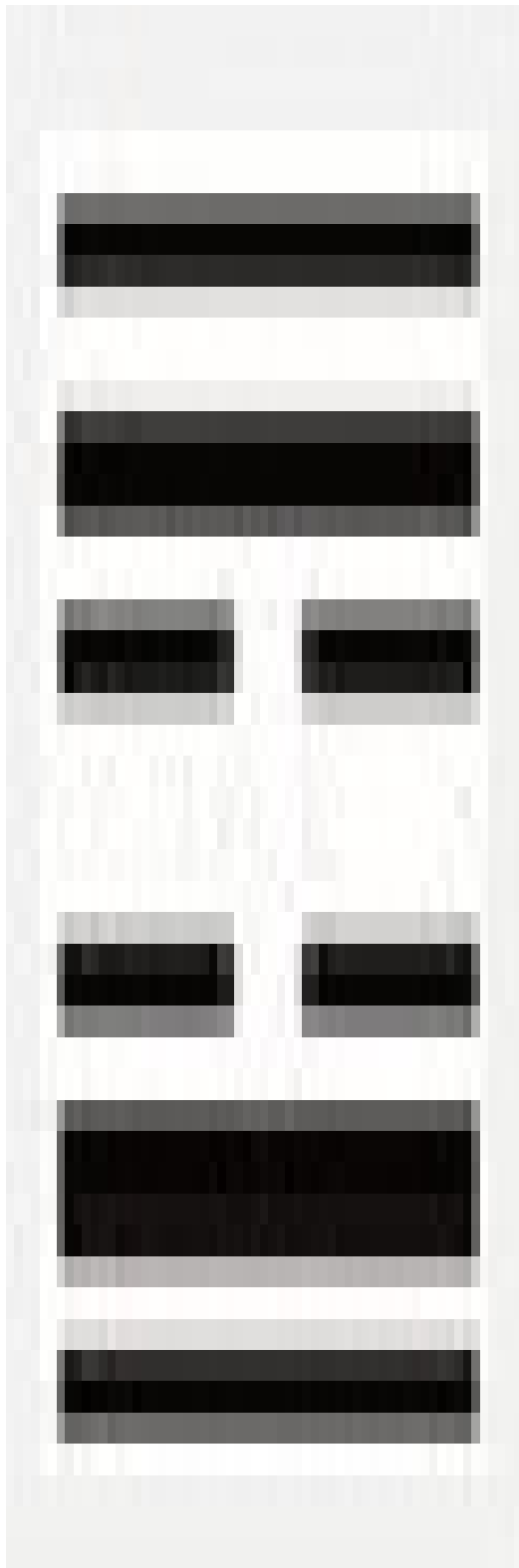
kêu hư ngụy.

Suy ra, người có lòng thành tín, có danh có thực, xứng có người hoạ, người tin.

Kẻ thiếu lòng thành tín, hữu danh vô thực, có kêu lên, cầu người ta tin, cũng chẳng ai tin.

## 62. LÔI SƠN TIỂU QUÁ

TÊN QUÊ





**Sách Chu tử ngữ loại cho rằng, quẻ Trung phu ( hình bên trái) có hình dạng quả trứng, các hồ quái biến hoá thành quẻ Tiểu quá (hình phải) có hình dạng con chim, hào 2 dương là cái bụng, 4 hào âm là cánh, chim từ nở ra trứng, gọi là Tiểu quá . Vì vậy, sau quẻ Trung phu là quẻ Tiểu quá.**

Chu Chấn thì cho rằng, sự việc đã lệch, muốn uốn nó về đúng giữa (đạo trung), thì phải uốn nó quá đi một chút.

Quá là kinh qua, là quá như quá cũ, quá mới, quá hậu, quá bạc ; Tiểu quá là việc nhỏ có quá, xê xích một chút.

HÌNH QUẺ



Dưới Cấn - sơn, trên Chấn - lôi, gọi là Lôi Sơn Tiểu quá.

Gọi hào dương là đại, hào âm là tiểu ; quẻ Đại quá có 4 hào dương, 2 hào âm, dương nhiều hơn âm, gọi là Đại quá ; quẻ Tiểu quá , có 2 hào dương, 4 hào âm, hào âm nhiều hơn hào dương, gọi là Tiểu quá.

Dưới là Cấn – núi ; trên là Chấn – sấm ; sấm nổ trên không trung thì rất to, nhưng sấm gặp núi, rền nhỏ hơn mức bình thường nên gọi là Tiểu quá.

## SOÁN TỪ

Tiểu quá, hanh, lợi trinh. Khả tiểu sự, bất khả đại sự. Phi điều di chi âm, bất nghi thượng, nghi hạ, đại cát.

Như đã nói, quẻ Tiểu quá, hào âm (tiểu) nhiều hơn hào dương, gọi là Tiểu quá. Ở đời, có việc phải uốn, phải sửa ; khi uốn, khi sửa phải quá đi một chút thì mới trở về mức bình thường, có như vậy mới hanh thông, nhưng cần nhất là phải chính đáng, hợp thời, thì mới có lợi (Tiểu quá, hanh, lợi trinh).

Tiểu sự là việc nhỏ, việc sinh hoạt bình thường hàng ngày, trong hoàn cảnh nhất định, nhất thời ; đại sự là việc lớn liên quan đến quốc kế dân sinh.

Việc uốn nắn, sửa chữa quá đi một chút, chỉ nên áp dụng vào trong những việc nhỏ, sinh hoạt bình thường, trong hoàn cảnh nhất định, không nên áp dụng vào việc lớn, liên quan đến quốc kế dân sinh (Khả tiểu sự, bất khả đại sự).

Thường con chim bay, còn dư âm tiếng kêu (phi điều chi di âm) là chưa bay quá xa, chưa quá cao, còn ở mức tiểu quá.

Chim bay lên trên Trời (thượng), gặp gió ngăn lại, nên bay xuống trở lại núi, đổ lại khe (hạ) ; cứ bay cao mãi, không trở lại núi, không đậu lại khe thì sẽ chết.

Con chim theo bản tính tự nhiên biết uốn, biết sửa đường bay, biết trên dưới, để tránh nguy hiểm, làm việc Tiểu quá (bất nghi thượng, nghi hạ, đại cát), huống chi là người quân tử ?

## SOÁN TRUYỆN

Tiểu quá, tiểu giả quá nhi hanh dã. Quá dĩ lợi trinh, dữ thì hành dã. Nhu đắc trung, thị dĩ tiểu sự cát dã ; cương thất vị nhi bất trung, thị dĩ bất khả đại sự dã. Hữu phi điều chi tượng yên. Phi điều di chi âm, bất nghi thượng, nghi hạ, đại cát, thượng nghịch nhi hạ thuận dã.

Trong sinh hoạt đời thường có việc hơi lệch, phải uốn nắn, sửa chữa ; khi uốn nắn, sửa chữa lại quá mức bình thường một chút, để việc trở lại bình thường, thì hanh thông (Tiểu quá, tiểu giả nhi hanh dã) ; việc uốn nắn, sửa chữa quá mức

bình thường đó phải chính đáng, phải hợp thời thì mới có lợi (lợi trình, dĩ thời hành dã).

Âm là nhu, là tiểu ; xét hào 2 âm - nhu, hào 5 âm – nhu, đều là đắc trung (Nhu đắc trung). Suy ra, thời Tiểu quá, người có đức nhu thuận nên làm việc nhỏ, thì tốt (tiểu sự cát).

Dương là cương, là đại ; xét 2 hào dương, hào 4 dương thất vị, hào 3 dương và hào 4 dương đều bất trung (cương thất vị nhi bất trung). Suy ra, thời Tiểu quá, người có đức dương cương không nên làm lớn (thị dĩ bất khả đại sự dã).

Xét hình quẻ : Hai hào dương - thực, bốn hào âm trên dưới là âm – hư, trong trung thực nhưng ngoài hơi câu kì, là quá đi một chút, là văn đã thẳng chất.

Hoặc, bốn hào âm vây tròn một hào dương, mỗi hào dương bị 2 hào âm chế ước ; nếu hào giản lược, hai hào dương ở giữa thành một hào dương, hai hào âm trên thành một hào âm, hai hào âm dưới thành một hào âm, quẻ Tiểu quá sẽ thành quẻ Khảm tượng trưng nguy hiểm.

Xét hào 5 âm và hào 2 âm : Hào 5 âm - nhu, bất chính, cưỡi (thặng) lên hào 4 dương – cương, dùng âm tà bất chính, đè nén dương cương, là quá mức bình thường. Xét hào 2 âm - nhu, đắc chính, ở dưới đội (thừa) hào 3 dương – cương, dùng nhu mà thừa thuận dương cương, là đã uốn nắn lại, hơi quá mức bình thường.

**Nếu đảo ngược quẻ Chấn, sẽ thành quẻ Cấn, quẻ Tiểu quá thành quẻ Thuần Cấn ; Cấn tượng trưng con chim. Hoặc theo hình quẻ Tiểu quá giống như con chim, hai hào dương là thân, 4 hào âm, là**

**cánh xòe bay lên, nên lấy hình con chim bay làm tượng (hữu phi  
điều tượng yên).**



Cách xuất xử của hào 5 âm lấy âm tà áp chế dương cương như con chim bay, còn để lại dư âm (phi điều chi âm) tức là chưa xa lắm, chưa cao lắm, mới lệch đường bay, quá mức bình thường, còn uốn được, sửa được.

Nếu tiếp tục bay lên cao nữa, là không thích nghi (bất nghi thượng), là nghịch (thượng nghịch), sẽ gặp nguy hiểm.

Do đó, hào 5 dương phải uốn lại, sửa lại như hào 2 âm, nhu thừa thuận dương cương, tượng con chim điều chỉnh đường bay, bay xuống (nghi hạ) về núi, về đậu ở khe, tuy hơi quá một chút, nhưng thuận (hạ thuận), thì mới không gặp nguy (đại cát).

Nói chung, trong đời thường cái gì hơi quá thì sửa chữa, uốn nắn ; nhưng uốn nắn, sửa chữa không thuận với thời, không hợp với lòng người, đã quá còn quá nữa, thì rất nguy.

Vì vậy, việc sửa chữa uốn nắn phải hợp với lòng người, với thời, quá làm cho bớt quá, cái quá nhỏ đi, thì mới không gặp nguy.

Hoặc, bên trong trung thực nhưng bên ngoài hơi cầu kì, văn đã thẳng chất một chút, cho nên cần sửa chữa, dù cho chất thẳng văn một chút, để cuối cùng văn – chất hài hoà là tốt.

**ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**



Sơn thượng hữu lô, Tiểu quá ; quân tử dĩ hành quá hồ cung, táng quá hồ ai, dụng quá hồ kiệm.

Trên Cấn – núi, dưới Chấn – sấm, thông thường tiếng sấm vang xa ở trong không trung, gặp núi nên tiếng sấm có nhỏ đi một chút, gọi là Tiểu quá (Sơn thượng hữu lô, Tiểu quá).

**Kẻ tiểu nhân thường thiếu cung kính, thiếu lễ độ, sống quá buông thả, hưởng lạc, quá xa xỉ, nên người quân tử cần uốn nắn lại là thái độ quá cung kính một chút, việc tang ma hơi bi ai một chút, việc tiêu pha hơi dè xén tiết kiệm một chút, là thực hành đạo Tiểu quá (Quân tử dĩ hành quá hồ cung, tang quá hồ ai, dụng quá hồ kiệm).**

Sách Chu Dịch toàn giải, Kim Cảnh Phương cho rằng : Trên thế giới, mọi vật đều có tiêu chuẩn về chất, không đúng chất – là bất cập, hoặc quá cái chất của nó – thái quá, thì không còn là nó nữa.

Chẳng hạn, người không có đức khiêm tốn mà tỏ cung kính với người quá đáng, trong lòng không có tình cảm mà bên ngoài khóc than bi thảm, việc không đáng tiết kiệm mà keo kiệt, đó là người giả dối.

**Kim Cảnh Phương còn nói, việc gì hướng xuống dưới thì nên hơi quá, việc gì hướng lên trên thì không nên hơi quá.**

Tức là nghịch thì không nên quá một chút, thuận thì quá một chút cũng không sao.

Chẳng hạn, đức khiêm cung, việc tang ma, tiết kiệm là việc dưới... việc trên là thiếu lễ độ, kiêu căng, tiệc tùng, hưởng lạc, xa xỉ ...

Ví dụ :

Án Tử, thời Xuân thu, làm tể tướng nước Tề, nhưng ngày thường ăn cơm hẩm, mặc áo cũ, sống đạm bạc, tiết kiệm làm gương cho dân chúng, tuy hơi quá nhưng lại hanh thông.

## HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, phi điều dĩ hung.

Hào 1 âm, như con chim bay nghịch hướng ắt gặp nguy hiểm.

Tượng viết : Phi điều dĩ hung, bất khả như hà dã.

Tượng viết : Đã như con chim không biết thuận, nghịch, gặp nguy hiểm, làm sao cứu được ?

## 1. Sơ lược

Hào 1 âm, ở vị trí dương, thất chính, bất trung, ở dưới quẻ Cấn có tính dừng, tính tĩnh, ứng với hào 4 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào trên cùng quẻ Trung phu, lấy hình như con chim bay cao kêu, tiếng gió vang xa lên tận Trời (hàn âm đặng vu Thiên), quẻ Tiểu quá kế tiếp quẻ Trung phu nên cũng lấy con chim làm tượng (phi điều).

Hình quẻ Tiểu quá, tượng con chim, con chim bay được là nhờ hai cánh. Hào 1 âm, hào 2 âm chỉ là một cánh, chưa đủ lông đủ cánh, mà muốn bay lên, tất phải sa xuống.

Hào 1 âm - nhu, bất trung, bất chính, không hiểu đặc thù thời Tiểu quá, không tự lượng sức mình, không rõ thuận nghịch, lấy tĩnh làm động, bất chấp sự ngăn trở của hào 2 âm, vội vã ứng với hào 4 dương.

(1) Tượng trưng, kẻ tiểu nhân, vô đức vô tài, tối mắt cầu thân với kẻ có quyền,

có thể, để làm việc Tiểu quá, nên gặp tai họa, như con chim bay nghịch hướng (phi điều) ắt gặp nguy hiểm (hung).

(2) Đã như con chim không biết thuận, nghịch, gặp nguy hiểm, làm sao cứu được ? (Phi điều dĩ hung, bất khả như hà dã ?)

### 3. Quyền biến

Làm việc gì cũng phải lượng đức, lượng tài, không lượng đức, lượng tài, việc nhỏ cũng thất bại.

Hoặc làm việc nhỏ, uốn nắn nhỏ, nhưng phải rõ thời thế, thuận nghịch thì mới không gặp nguy hiểm.

Lục nhị, quá kì tố, ngộ kì tử. Bất cập kì quân, ngộ kì thần, vô cữu.

Hào 2 âm, vượt qua ông để gặp bà, là quá. Không vượt qua vua, vua gặp tôi, tôi giữ được đạo quân thần là không quá, không tội lỗi.

Tượng viết : Bất cập kì quân, thần bất khả quá dã.

Tượng viết : Có việc hơi quá, nhưng phận làm tôi không thể lấn vua.

## 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm - nhu, đắc chính, đắc trung.

## 2. Hoàn cảnh

Sách Chu Dịch triết trung, Trương Chấn Uyên giải thích : Tổ là chỉ hào dương và tĩ là chỉ hào âm ; dương có tính kháng, âm có tính thuận, trong trường hợp này, bỏ dương kháng, theo âm thuận.

Vì vậy, gọi hào 3 dương là cha, hào 4 dương là ông (tổ) ; hào 5 âm là vua, hào trên cùng âm là bà (tì).

Đáng lẽ, hào 2 âm - nhu, ứng với hào dương – cương là đúng quy tắc.

Ở thời Tiểu quá, hào 2 âm vượt qua các hào 3 dương, 4 dương, 5 âm mà ứng với hào trên cùng âm.

Vượt qua hào 3 dương, 4 dương thì được nhưng vượt qua hào 5 âm thì khó.

Tương tự, vượt qua cha, ông mà lên gặp bà thì dễ, qua mặt vua mà gặp bà, thì không đúng đạo quân thần, nên dừng lại, là đúng đạo quân thần.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 2 âm, nhu thuận, trung chính, thời Tiểu quá, bỏ dương theo âm, là thuận, tương tự vượt qua cha, qua ông để gặp bà (quá kì tổ, ngộ kì tử), là quá ; nhưng không dám vượt qua vua, vua gặp tôi (bất cập kì quân, ngộ kì thần), tôi giữ được đạo quân thần, là không quá, không tội lỗi (vô cửu).

(2) Hào 2 âm, có những việc hơi quá, nhưng phận làm tôi không thể lấn vua (bất cập kì quân, thần bất khả quá dã).

Cửu tam, phát quá phòng chi, tòng hoặc tường chi, hung.

Hào 3 dương, ở với bọn tiểu nhân không cẩn thận quá một chút, không phòng bị quá một chút, sẽ gặp nguy hiểm.

Tượng viết : Tòng hoặc tường chi, hung như hà dã ?

Tượng viết : Ở với bọn tiểu nhân hoặc kết bạn với bọn tiểu nhân, không cần thận quá một chút, không đề phòng quá một chút, thì nguy hiểm biết chừng nào ?

## 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ứng với hào trên cùng âm, ở trên quẻ Cấn, dưới quẻ Chấn.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 3 dương, ở dưới quẻ Cấn, trên quẻ Chấn, như người cao không tới, dưới không thông, hoàn cảnh khó xử ; ở trên hai hào âm, ở dưới hai hào âm, như ở gần bọn tiểu nhân.

**Hào 2 âm, hào 3 dương, hào 4 dương hợp thành quẻ Tốn , có tính nhập ; hào 3 dương, hào dương, hào 5 âm, hợp thành quẻ Đoài tượng trưng miệng lưỡi, miệng tiếng ; nếu hào 3 dương, biến thành âm, quẻ Đoài thành quẻ Khảm tượng trưng nguy hiểm. Biểu thị, bị tiểu nhân hãm hại, tai bay vạ gió, miệng tiếng đủ điều.**

Thời Tiểu súc, thích hợp với nhu không thích hợp với cương, đi xuống là thuận, đi lên là nghịch. Nếu hào 3 dương – cương, tự cho mình là cường thịnh, không chịu đề phòng việc nhỏ, cứ đi lên ứng với hào trên cùng âm, sẽ gặp nguy hiểm : Không làm bạn với tiểu nhân thì bị chúng làm hại, nếu làm bạn với tiểu nhân trước sau cũng rước họa vào thân ; đường nào cũng gặp nguy.

### 3. Quyển biến

(1) Ở với bọn tiểu nhân phòng bị có quá một chút, cẩn thận quá một chút, cũng là điều tốt, không cẩn thận quá một chút, không phòng bị quá một chút, sẽ gặp nguy hiểm (phất quá phòng chi, tòng hoặc tường chi, hung).

(2) Ở với bọn tiểu nhân hoặc kết bạn với bọn tiểu nhân, không cẩn thận quá một chút, không đề phòng quá một chút, thì nguy hiểm biết chừng nào ? (Tòng hoặc tường, hung, khả hà dã ?).

Sách Tả truyện cho rằng, quân tử hay kiêng sợ những việc nhỏ, thì mới không gặp hoạn nạn lớn.

Ví dụ :

Thời Xuân Thu, Sở Huệ vương giao cho Tử Tây làm ngự sử chấp chính. Lúc ấy, Bạch Công Thắng, con công tử Kiến, đang lưu vong ở nước Ngô.

Có người nói với Tử Tây, nên tìm cách trừ Bạch Công Thắng.

Tử Tây cho rằng Bạch Công Thắng chỉ là cái trứng để đầu đẳng, làm gì sớm mọc lông mọc cánh được, có mọc đủ lông cánh cũng chẳng làm nên trò trống gì.



Sau, Bạch Công Thắng đem quân uy hiếp Sở Huệ vương, bắt giết Tử Tây.

Cửu tứ, vô cửu. Phất quá ngộ chi, vãng lệ, tất giới, vật dụng vĩnh trinh.

Hào 4 dương, muốn không tội lỗi. Không quá cương, lấy nhu mà xử sự là đúng với đạo Tiểu quá, đi lên sẽ gặp nguy hiểm, cho nên phải biết thuận nghịch, biết dừng, biết giữ mình, răn mình, không nên cố chấp.

Tượng viết : Phất quá ngộ chi, vị bất đương dã. Vãng lệ tất giới, chung bất khả trường dã.

Tượng viết : Không quá cương, xử đúng với đạo Tiểu quá, do ở không đúng vị trí nhu. Đi lên sẽ gặp nguy hiểm, nên tự răn mình, nếu không biết tự răn mình thì không được lâu dài.

## 1. Cửu tứ

Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, ở trên quẻ Cấn, dưới quẻ Chấn.

## 2. Hoàn cảnh

Cấn có tính dừng, tính tĩnh ; Chấn có tính động, tính gấp ; hào 4 dương, ở cuối cùng quẻ Cấn, đầu quẻ Chấn, như vừa lìa dưới, trên chưa vững vàng, dừng hay động dùng dằng khó quyết, hoàn cảnh thật khó xử.

## 3. Quyền biến

(1) Trong thời Tiểu quá, muốn không tội lỗi (vô cữu) hào 4 dương – cương, ở vị trí âm – nhu, tức là không quá cương (phất quá), lấy nhu hoặc quá nhu một chút, khiêm cung mà xử sự, như thế là đúng với đạo Tiểu quá (ngộ chi).

Thời Tiểu quá đi xuống là thuận, đi lên là nghịch ; hào 4 dương bản chất đã cương, vị trí đã bất chính, lại nóng nảy đi lên sẽ gặp nguy hiểm (vãng lệ), cho nên phải biết thuận nghịch, biết dừng, biết giữ mình, răn mình (tất giới).

Như Soán từ đã viết : Việc uốn nắn, sửa chữa quá mức bình thường đó phải chính đáng, phải hợp thời thì mới có lợi.

Người quân tử phải giữ đạo trung một cách bền vững là tốt, nhưng cũng không nên quá cố chấp (vật dụng vĩnh trĩnh), phải tùy thời xuất xử, tự uốn nắn, sửa chữa, quá mức thường một chút, là người biến thông.

(2) Thường không đáng vị là không tốt, nhưng thời Tiểu quá, không đáng vị, cương mà xử hơi quá nhu chút, lại hay.

Không quá cương, xử đúng với đạo Tiểu quá (phất quá ngộ chi), là do hào 4 dương ở vị trí nhu (bất đáng vị), thời Tiểu quá đi lên là nghịch, sẽ gặp nguy hiểm (vãng lệ), nên tự răn mình (tất giới), nếu không biết tự răn mình thì không được lâu dài.

Lục ngũ, mật vân bất vũ, tự ngã Tây giao, công đặc thủ bí tại huyết.

Hào 5 âm, như mây tụ ở phía Tây, chưa mưa, xử nhún một chút như tước công, làm việc tước công như dùng dây móc dây vào mũi tên để bắn chim, vào hang lòng thú.

Tượng viết : Mật vân bất vũ, dĩ thượng dã.

Tượng viết : Như mây dày đặc mà không mưa, khí âm bốc lên che kín ở trên.

## 1. Lục ngũ

Hào 5 âm, ở vị trí dương, thất chính, ở giữa quẻ Chấn.

## 2. Hoàn cảnh

Mưa là do âm dương giao nhau thành mưa. Nhưng thời Tiểu quá âm dương không giao nhau, dương ít, âm nhiều, nên mây chỉ uất kết dày đặc ở phía Tây, không mưa (Mật vân bất vũ tự ngã Tây giao), biểu thị lực lượng chưa đủ, thời cơ chưa đến.

Dặc là giây thừng nhỏ buộc vào mũi tên để bắn vệt trời, chim nhận, thấy rõ ở trên trời ; huyết là nơi có thú dữ ẩn nấp ; biểu thị những tai họa mạnh mẽ hay đang tiềm ẩn.

Hào 5 âm, ở giữa quẻ Chấn có tính động. Nếu ghép 2 hào lại với nhau, gọi là ước quái, quẻ Tiểu súc sẽ thành quẻ Khảm tượng trưng tai họa, nguy hiểm.

Hào 5 âm, ở ngôi quân chủ, đáng lẽ phải gọi là vương mới đúng, phải hành động, đem ân trạch tưới cho dân như trời mưa xuống, còn việc trừ tai họa đã lộ ra hoặc đang tiềm ẩn là việc của tước công, bậc cao nhất của bề tôi.

## 3. Quyền biến

(1) Nhưng gặp thời Tiểu quá, chỉ thích hợp làm việc nhỏ, không thích hợp làm việc lớn, nên tĩnh, không nên động, do lực lượng chưa đủ, tiểu nhân thì nhiều, quân tử thì ít, thời cơ chưa đến như mây tụ ở phía Tây, chưa mưa (Mật vân bất vũ tự ngã Tây giao).

Vì vậy, tuy là cương vị quân chủ dù có xử nhưn một chút như tước công, dù có

xen vào công việc của tước công, để cùng trừ tai hoạ đã lộ ra hay đang tiềm ẩn như dùng dây móc vào mũi tên để bắn chim (công đặc), vào hang sâu lòng thú (thủ bí tại huyết), mới không gặp nguy hiểm.

(2) Thời Tiểu quá, lúc âm dương không giao nhau, quân tử và tiểu nhân tránh nhau, thế tiểu nhân mạnh, như mây dày đặc mà không mưa, khí âm bốc lên che kín ở trên (Mật vân bất vũ dĩ thượng dã).

Thượng lục, phất ngộ quá chi, phi điều li chi, hung, thị vị tai sảnh.

Hào trên cùng âm, quá với đạo lí, đã thế lại còn quá nữa, như con chim cứ mãi bay lên cao mắc phải lưới, tai hoạ, không chết thì cũng bị thương tật.

Tượng viết : Phất ngộ quá chi, dĩ kháng dã.

Tượng viết : Làm việc đã quá sai với đạo lí rồi, lại làm sai nữa, đã cao muốn lên cao nữa.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở trên cùng quẻ Chấn, ở trên cùng quẻ Tiểu quá.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào trên cùng âm, biến thành dương, quẻ Chấn sẽ thành quẻ Li , tượng trưng con trỉ, con chim bay, là cung tên.

Chữ li , gần với chữ li , là gặp, mắc, gặp hoạn nạn ; Kinh Thi cho rằng, giăng lưới cá, con chim hồng khôn ngoan cũng có thể mắc phải (hồng tắc li). Phi điều chi li là con chim bay mắc vào lưới, bị người ta bắt.

Như đã nói ở trên, nếu giản lược các hào, quẻ Tiểu quá sẽ thành quẻ Khảm tượng trưng nguy hiểm, hào từ gọi là tai sảnh ; sảnh là con mắt bị bệnh hay bị thương tật gọi là tai sảnh.

Ở cuối cùng thời Tiểu quá, đi xuống thì thuận, đi lên thì nghịch, nên tĩnh chưa nên động.

(1) Hào trên cùng âm – nhu, ở trên quẻ Cấn, có tính động, động đã là quá với đạo lí, trật với đạo lí (quá ngộ), đã thế lại còn quá nữa (quá chi), khác nào thời Tiểu quá đi làm việc Đại quá, tương tự con chim cứ mãi bay lên cao mắc phải lưới (phi điều chi li) mắc tai hoạ (hung), thế nào cũng bị người ta bắt, không chết thì cũng bị thương tật (thị vị tai sảnh), vừa tự gây hoạ và chuốc lấy hoạ.

(2) Hào trên cùng âm, ở trên cùng quẻ, tượng trưng kẻ tiểu nhân đắc thế, ngồi

ghế cao ngất ngưỡng rồi, làm việc đã quá sai với đạo lí rồi, lại làm sai nữa, muốn lên cao nữa (Phất ngộ quá chi, dĩ kháng dã).

### 3. Quyền biến

Thời nào việc đó ; đã sai thì sửa ngay cho đúng với đạo lí ; địa vị đã cao càng phải khiêm tốn ; quyền lực đã lớn, bớt đi tham vọng ; của cải đã nhiều, thì tiết chế dục vọng ; mới không tự chuốc họa vào thân, không làm mỗi ngon cho kẻ khác.

## 63. THUỶ HOÀ KÍ TẾ

### TÊN QUÊ

Sách Thượng thư viết : Chín họ đã trở nên hoà mục với nhau (Cửu tộc kí mục), kí có nghĩa là thành công, đã hoàn thành.

Tế vốn tên con sông, gọi là Tế Thuỷ, phát nguyên ở Hà Nam, đi qua Sơn Đông, rồi đổ ra biển. Sau đó người ta dùng chữ tế chỉ việc qua sông, đến đời Hán phần nhiều dùng chữ độ thay thế chữ tế, đồng nghĩa với chữ tế.

Sách Sử kí viết : Tịch (Hạng Vũ), cùng tám ngàn đệ tử vượt sông (độ hà) sang Tây. Lúc thua ở trận Cai Hạ, nếu Hạng Vũ lấy một con thuyền vượt sông quay về Giang Đông, quân Hán không qua sông kịp.

Nói chung, tế là qua sông, còn có nghĩa là tương tế. Kí tế là việc đã qua, đã thành công, việc qua sông đã hoàn thành. Chỉ việc làm Kinh Dịch đã thành công, hoàn thành.

HÌNH QUÊ



[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Li - hoả, trên Khảm - thuỷ, gọi là Thuỷ Hoả Kí tế.

Các hào âm theo cặp với các hào dương, hào nào cũng đắc chính, đúng vị trí, biểu thị âm dương tương giao, hợp với sở nguyện, nên gọi là Kí tế.

Dưới Li – hoả, có tính nóng, bốc lên ; Khảm – thuỷ, có tính lạnh, hạ xuống, thuỷ hoả tương giao, tạo ra công dụng, gọi là Kí tế.

**Sách Chu Dịch chính nghĩa, Khổng Dĩnh Đạt giảng : Nước và thực phẩm ở trên, lửa ở dưới nấu nướng, nuôi dưỡng con người giúp con người làm nên sự nghiệp, gọi là Kí tế.SOÁN TỪ**

Kí tế, hanh tiểu, lợi trinh, sơ cát, chung loạn.

Sách Chu Dịch tập chú cho rằng, hào 2 âm – nhu, tiểu, đắc trung ; nên hanh thông, gọi là tiểu hanh, hào từ đảo trang thành hanh tiểu.

Biểu thị sự việc đã thành công (Kí tế), tiền đồ của nó rất hanh thông (tiểu hanh) ; vấn đề là giữ sự nghiệp ấy cho bền vững, mới có lợi (trinh lợi).

Hoặc sự nghiệp đã hoàn thành nhưng còn có những việc nhỏ cần phải chỉnh đốn thì sự nghiệp lại càng hanh thông ; việc chỉnh đốn phải chính đáng mới có lợi cho sự nghiệp.

Quẻ dưới, còn gọi quẻ sơ, là Li, có tính sáng, văn minh, là tốt ; quẻ dưới, còn gọi quẻ chung, là Khảm, có tính âm hiểm loạn lạc.

Việc gì quang minh, lỗi lạc, sáng suốt văn minh thì tốt ; việc gì âm hiểm, khuất lấp, thì sẽ sinh loạn lạc.

## SOÁN TRUYỆN

Kí tể hanh, tiểu giả hanh dã ; lợi trinh, cương nhu chính nhi vị đương dã ; sơ cát, nhu đắc trung dã ; chung chỉ tắc loạn, kì đạo cùng dã.

Sự nghiệp đã thành công (Kí tể), tiền đồ hanh thông (hanh tiểu), việc lớn đã thành công, cần chỉnh đốn những việc nhỏ, thì sự nghiệp càng hanh thông (tiểu giả hanh dã) ; vấn đề là sự nghiệp thành công hoặc chỉnh đốn việc nhỏ phải chính đáng, thì có lợi (lợi trinh).

Xét toàn quẻ, các hào dương – cương ở vị trí dương, các hào âm – nhu đều ở vị trí âm ; là đắc chính, xứng với vị trí (cương nhu chính, nhi vị đắc dã) ; hào 2 âm, hào 5 dương đều đắc chính, đắc trung. Suy ra, thời Kí tể, làm việc gì cũng hợp với đạo trung chính.

Xét hào 2 âm - nhu, đặc trưng, ở giữa quẻ Li, sáng suốt văn minh, cho nên tốt lành (sơ cát nhu đặc trưng).

Xét tượng quẻ, nước nuôi người nhưng có thể nhận chìm con người, lửa giúp người nhưng có thể thiêu hủy con người, nước – lửa vốn vô tình, mọi vật, mọi việc thành công không thể rời xa được nước – lửa nhưng phải biết sợ loạn nảy sinh từ nước lửa. Hoặc như đã nói, dưới hoặc ban đầu là Li – lửa, sáng, văn minh là tốt ; trên hoặc chung là Khảm – nước, hiểm, là loạn. Vì vậy, soán từ viết chung chỉ tắc loạn.

Xét thể quẻ, nước ở trên nhưng chung cục là thấm xuống dưới ; lửa ở dưới nhưng chung cục bốc lên trên, tức là cái đi đến tận cùng của thủy hoả tương tế.

Lửa bốc lên mạnh, lâu dài làm cho nước phải khô, là cái cùng của nước ; nước mà tràn ra quá mạnh, cũng làm cho tắt lửa, cũng là cái cùng của lửa ; cho nên giữa nước – lửa có sự quân bình, thì đạo Kí tế mới không cùng.

Xét nhân sự, sách Chu Dịch tập chú cho rằng : Khi lười biếng thẳng cung kính, thì sẽ gặp nguy hiểm, tức là đạo lí của con người đã cùng.

Nói chung, thời Kí tế sự nghiệp đã thành công, nhưng không ngừng thực hành đạo Kí tế, không nên lười biếng, thiếu cung kính, biết rõ diễn biến hiện tại suy ra tương lai, phát hiện được mâu thuẫn chuyển hoá, biết cái tận cùng của sự vật sự việc, giải quyết tận cái gốc của mâu thuẫn, thì không sinh ra loạn, chung cục mới tốt lành, đạo Kí tế mới hanh thông.

Nếu không được vậy, sẽ sinh ra loạn, chung cục sự nghiệp tiêu tan, lúc ấy có thực hành đạo Kí tể cũng đã muộn, vô ích (chung chỉ tắc loạn, kì đạo cùng dã).

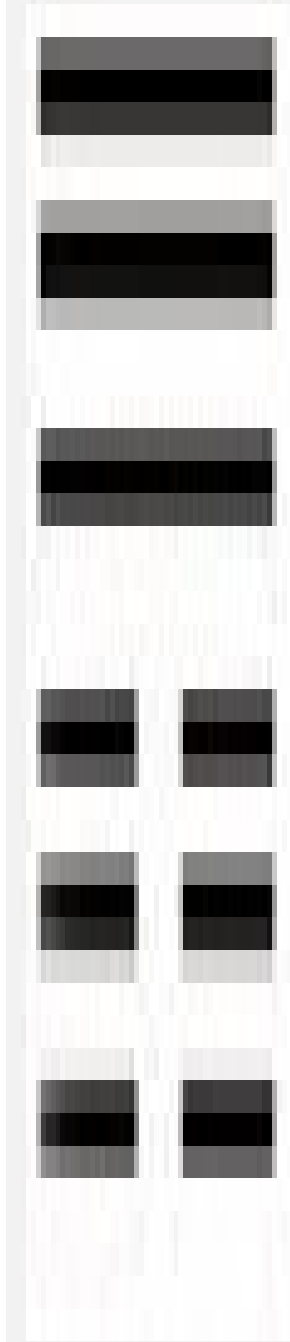
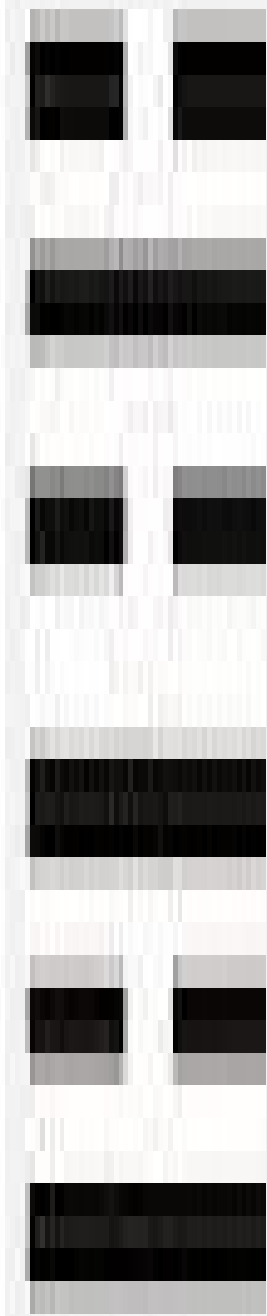
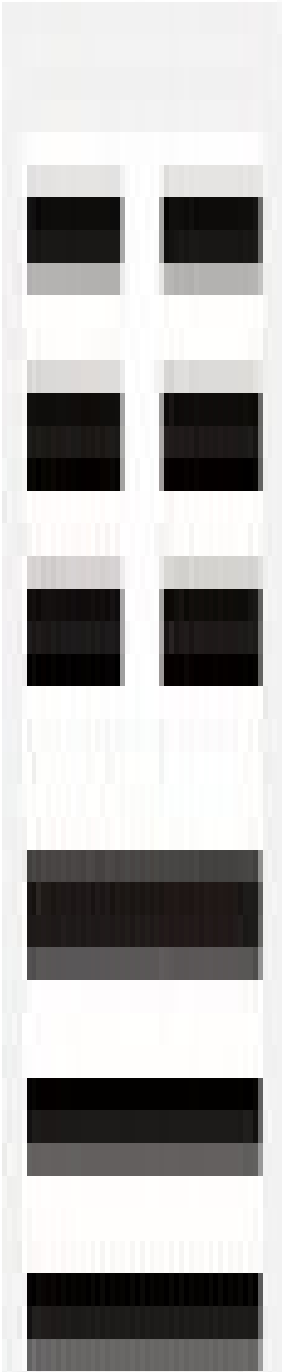
## ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Thủy tại hoả thượng, Kí tể ; quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi.

Dưới Li – lửa, trên Khảm – nước, lửa và nước tương tể với nhau sinh công dụng rất lớn, gọi là Kí tể (Thủy tại hoả thượng, Kí tể).

Trên là lửa, dưới là nước, hổ tương với nhau tạo ra công dụng, tác dụng rất lớn, nhưng nước có thể dập tắt lửa, lửa có thể làm nước cạn, làm hại lẫn nhau.

Lửa làm cho con người văn minh, nhưng người chết vì lửa cũng không ít ; nước nuôi dưỡng con người nhưng con người chết vì nước còn nhiều hơn lửa.



Xét quẻ Thái (hình bên trái), do hào 2 dương, đổi vị trí cho hào 5 âm, thành quẻ Kí tể (hình giữa) ;theo thứ tự quẻ sau, hoặc đảo ngược quẻ Thái sẽ thành quẻ Bĩ (hình phải) .

Ở thời Kí Tể, đã thấy rõ, trước là tốt, sau có thể xảy ra nguy hiểm, loạn lạc.

Cho nên, người quân tử xem tượng quẻ Kí tể mà lo xa, dự phòng, nạn nước lửa, đề phòng hoạ nạn (quân tử tư hoạ nhi dự phòng chi).

Kinh Thư cho rằng, chuẩn bị việc trị, lúc chưa loạn, cẩn thận việc an lúc chưa nguy.

## HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ cửu, duệ kì luân, nhu kì vĩ, vô cửu.

**Hào 1 dương, chậm rãi cẩn thận như bánh xe đi trên đất nhão, đừng như con cáo qua chừa sông ướm đuôi, như thế mới không tội lỗi.**

Tượng viết : Duệ kì luân, nghĩa vô cữu dã.

Tượng viết : Cẩn thận, chậm như bánh xe đi trên đất nhão, là ý nghĩa của không có lỗi.

## 1. Sơ cửu

Hào 1 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở đầu quẻ Kí tể, ứng với hào 4 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Quẻ Khảm tượng trưng nước cái cung, bánh xe, hào từ nhắc đến bánh xe (luân), do nước nên đất nhão, xe khó đi (duệ kì luân). Quẻ Li tượng trưng cho lửa, là văn con chim trĩ, văn của con cáo ; hào 1 dương ở dưới cùng quẻ Li, hào từ thủ tượng bằng đuôi con cáo ; trên là Khảm – nước, nên lại thủ tượng con cáo ướm đuôi (nhu kì vĩ), cáo ướm đuôi thì khó bơi qua sông.

Hào 2 âm, hào 3 dương, hào 4 âm, hợp thành quẻ Khảm tượng trưng nước và nguy hiểm, quẻ trên cũng là Khảm ; biểu thị cái hiểm gần và cái hiểm xa, cái hiểm gần ẩn náu trong hành động.

Hào 1 dương – cương, ở vị trí dương – cương, nên lại càng cương, càng nóng gấp tiến lên ứng với hào 4 âm, tức là từ nguy hiểm này tiến đến nguy hiểm khác.



### 3. Quyền biến

(1) Hào từ khuyên, việc thời Kí tế tuy là việc nhỏ nhưng hãy làm cẩn thận chậm rãi như bánh xe đi trên đất nhão (duệ kì luân), đừng hấp tấp như con cáo chưa qua sông ướm đuôi (nhu kì vĩ), chưa chi đã rước hoạ vào thân, như thế mới không tội lỗi (vô cữu).

(2) Cẩn thận như bánh xe đi trên đất nhão (duệ kì luân), là ý nghĩa của sự không có lỗi (nghĩa vô cữu đã).

Lục nhị, phụ táng kì phất, vật trục, thất nhật đắc.

Hào 2 âm, như người phụ nữ muốn ra khỏi nhà nhưng rèm xe đã bị mất trộm, nhưng không lâu, chẳng hạn là bảy ngày, mọi việc sẽ đâu vào đấy.

Tượng viết : Thất nhật đắc, dĩ trung đạo dã.

Tượng viết : Không lâu, chẳng hạn là bảy ngày, người có đức trung chính, sẽ có cơ hội làm việc của thời Kí tế.

## 1. Lục nhị

Hào 2 âm, ở vị trí âm, đắc chính, đắc trung, ở giữa quẻ Li, ứng với hào 5 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 2 âm, ở giữa quẻ Li, tượng trưng đức sáng, văn minh, trung nữ, bình khí, nên hào từ lấy phụ nữ ngồi xe làm tượng.

Như đã nói, quẻ hồ của hào 2 âm là Khảm, tượng trưng nguy hiểm, trộm cắp, hào từ gọi là xe không có màn che (Phụ háng kì phất).

Theo tục xưa, phụ nữ ra khỏi nhà, ngồi xe, xe có bốn bức rèm che, nay bị trộm lấy mất, không thể ra khỏi cửa.

Có mấy cách giải thích về bảy ngày (thất nhật): Mỗi quẻ có 6 hào, đến hào thứ bảy, sẽ biến thành quẻ khác, theo Dịch lí, cực thì biến, biến thì thông. Hoặc, theo quy luật của mặt Trăng, mỗi tháng chia là bốn kì, mỗi kì bảy ngày, ý chỉ thời gian ngắn.

Dương Vạn Lí giải thích trong hoàn cảnh như hào 2 âm, nóng gấp thì thất bại, tình, chờ đợi, không lâu thì mọi việc sẽ định, nên hào từ viết : vật trực, thất nhật đắc.

Hào 2 âm, nhu thuận, đắc trung đắc chính, có đức sáng, văn minh, muốn ứng với hào 5 dương, cũng đắc trung đắc chính, tương tự hiền tài muốn gặp quân chủ.

### 3. Quyền biến

(1) Nhưng thời Kí tế, sự nghiệp đã hoàn thành, quân chủ chưa vội cầu hiền, khiến hiền tài chưa ra được khỏi cửa để giúp đời, như người phụ nữ muốn ra khỏi nhà nhưng rèm xe đã bị mất trộm (phụ táng kì phất).

Trong hoàn cảnh ấy, hào từ khuyên rằng, vua sáng sẽ gặp tôi hiền, cần có thời gian, nhưng không lâu, chẳng hạn là bảy ngày, mọi việc sẽ đâu vào đấy (vật trực, thất nhật đắc).

(2) Không lâu, hạn là bảy ngày (thất nhật đắc), người có đạo trung chính, sẽ có cơ hội làm việc của thời Kí tế (dĩ trung đạo dã).

Cửu tam, Cao tôn phạt Quỷ Phương, tam niên khắc chi, tiểu nhân vật dụng.

Hào 3 dương, như vua Cao Tông chinh phạt Quỷ Phương 3 năm đã hoàn thành, chuyển sang thời bình, không nên dùng bọn tiểu nhân.

Tượng viết : Tam niên khắc chi, bá dĩ.

Tượng viết : Nếu tiểu nhân có công lao tham gia cuộc chiến ba năm thì chỉ nên tưởng thưởng, chẳng nên trọng dụng, trọng dụng tiểu nhân thì đất nước tan hoang.

### 1. Cửu tam

Hào 3 dương, ở vị trí dương, đắc chính, ở giữa quẻ Li, ứng với hào trên cùng âm, ở trên quẻ Khảm.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 3 dương, ở quẻ Li, nên hào từ nhắc đến việc binh nhung, chiến tranh binh phạt ; nếu hào 3 dương, biến thành âm, quẻ Li biến thành quẻ Chấn , có tính động ; biểu thị cuộc chiến chấn động, quy mô. Cao Tông, tên của Vũ Đinh, là vị vua trung kì thời Ân – Thương, tại vị 59 năm.

Cao Tông đem quân chinh phạt các dân tộc thiểu số, gọi là Quỷ Phương, 3 năm mới xong. Biểu thị cuộc chiến quy mô, xa xôi, lâu dài, gian nan, đã thành công.

### 3. Quyền biến

(1) Kí tế là tổng kết sự nghiệp, Ví dụ : vua Cao Tông chinh phạt Quỷ Phương 3 năm đã hoàn thành (Cao Tông phạt Quỷ Phương khắc chi), trong 3 năm chinh chiến quy mô, lâu dài, gian nan, thử thách, đã biết rõ ai là anh hùng, ai là kẻ hèn nhát, ai là quân tử, ai là tiểu nhân ? Vì vậy, thời Kí tế là thời bình, không nên dùng bọn tiểu nhân (tiểu nhân vật dụng).

(2) Nếu tiểu nhân có công lao tham gia cuộc chiến ba năm chỉ nên tưởng thưởng, chẳng nên trọng dụng, trọng dụng tiểu nhân thì đất nước tan hoang (tam niên khắc chi, bá dĩ).

Lục tứ, chu hữu y như, chung nhật giới.

Hào 4 âm, phòng khi thuyền thủng, đem theo áo cũ để trám, suốt ngày lo phòng hoạn nạn như thế, ắt việc sẽ thành.

Tượng viết : Chung nhật giới, hữu sở nghi dã.

Tượng viết : Làm việc thời Kí tế, nên cẩn thận, lo lắng suốt ngày, nghi ngại, lo sợ tai họa xảy ra.

1. Lục tứ

Hào 4 âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở dưới hào 5 dương, ở trên quẻ Li, bước vào đầu quẻ Khảm.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 âm, ở dưới hào 5 dương, như cận thân phò tá quân chủ, được quân chủ giao cho làm việc thời Kí tế.

## 3. Quyền biến

(1) Tương tự, người từ chỗ sáng (Li), chỗ yên, bước vào cảnh hiểm (Khảm), phải chuẩn bị thuyền bè để qua sông. Không những vậy, lại dự phòng khi thuyền thủng (nhu), đem theo áo cũ để trám (hữu y như) ; cần mẫn, suốt ngày lo phòng hoạn nạn như thế (chung nhật giới), ắt việc vượt sông, công việc thời Kí tế sẽ thành.

Có sách giải thích, nhu là hàng dệt màu, nhu hữu y như là sắp cũ, sắp rách, nên phải cẩn thận, xem chừng nó rách.

Tương tự, thời Kí tế là thời tốt đẹp, rục rờ như quẻ Li, phải đề phòng tai hoạ, đừng để nó băng hoại, bước vào cảnh hiểm (Khảm).

(2) Trước khi làm việc gì hoặc sắp bước vào cảnh hiểm, cẩn thận, lo lắng suốt ngày, có những nghi ngại, lo sợ tai hoạ xảy ra, là đúng (Chung nhật giới, hữu sở nghi).

Cửu ngũ, Đông lân sát ngư, bất như Tây lân chi thược tế, thực thụ kì phúc.

Hào 5 dương, nước láng giềng phía Đông giết trâu, lễ rất hậu, nước láng giềng phía Tây, tổ chức tế lễ đơn giản, đạm bạc, nhưng trời đất, thần minh lại ban phúc cho nước phía Tây nhiều hơn.

Tượng viết : Đông lân sát ngư, bất như Tây lân chi thời dã ; thực thụ kì phúc, cát đại lai dã.

Tượng viết : Nước láng giềng phía Đông, giết trâu, tế lễ hậu hĩnh nhưng không bằng nước láng giềng phía Tây đạm bạc ; vì nước phía Tây làm đúng thời, nên hưởng được nhiều phúc trạch, tốt lành đến không dứt.

## 1. Cửu ngũ

Hào 5 dương, ở vị trí dương, đắc chính, đắc trung, là chủ quẻ.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 5 dương, tượng trưng người lán giếng ở phía Đông ; hào 2 âm tượng trưng người lán giếng phía Tây.

Xưa, khi quốc gia có việc lớn, người thường giết trâu để tế trời đất, thần minh ; trâu là đứng đầu các con vật hiến tế ; biểu thị sự thịnh vượng, hậu hĩnh, hào từ gọi là sát ngư. Cũng có khi chỉ dùng các loại lúa, loại cỏ để tế, là lễ bạc, hào từ gọi là thực tế.

Hào từ hào 3 dương đã nói, vua Cao Tông phạt Quỷ Phương ba năm, đã thành công. Với cương vị nhà vua, khi chiến thắng thì tổ chức tế lễ, cáo và tạ ơn trời đất, thần minh. Tuy vậy, mỗi bậc quân chủ, mỗi nước tổ chức khác nhau.

### 3. Quyền biến

(1) Quân chủ nước lán giếng phía Đông, cho người giết trâu, dê ... lễ rất hậu (Đông lân sát ngư). Quân chủ nước lán giếng phía Tây, tổ chức tế lễ rất đơn giản, đạm bạc (Tây lân thực chi).

Nhưng trời đất, thần minh lại ban phúc cho nước phía Tây nhiều hơn (thực thụ kì phúc) phía Đông, nguyên nhân :

Một, nước lán giếng phía Đông, lễ hậu nhưng lòng không thành ; nước lán giếng phía Tây lễ bạc nhưng lòng thành.

Hai, nước lán giếng phía Đông đã tỏ ra cực thịnh, phung phí ; nước phía Tây



thịnh nhưng không phung phí, đầy mà không tràn.

Ba, nước phía Đông, ngoài khéo nhưng trong vụng ; nước phía Tây, ngoài vụng, trong khéo.

Bốn, xem ra nước phía Đông thịnh mà suy, nước phía Tây đang thịnh và sẽ thịnh.

Năm, quan trọng nhất là không hợp thời, không đúng thời.

Vậy, họa phúc không hẳn là do trời đất, thần minh cảm ứng mà ban xuống, giáng xuống mà do con người tự tạo ra.

(2) Nước phía Đông, giết trâu, tế lễ hậu hĩnh nhưng không bằng nước phía Tây đậm bạc (Đông lân sát ngưu, bất như Tây lân).

Vì nước phía Tây làm đúng thời, nên hưởng được nhiều phúc trạch, tốt lành đến không dứt (Tây lân chi thời giả, thực thụ kì phúc, cát đại lai dã).

Thượng lục, nhu kì thủ, lệ.

Hào trên cùng âm, như con cáo ướm cái đầu, nguy.

Tượng viết : Nhu kì thủ lệ, hà khả cửu dã.

Tượng viết : Như con cáo đã ướm đầu nguy, xem chừng không sống được bao lâu.

## 1. Thượng lục

Hào trên cùng âm, ở vị trí âm, đắc chính, ở trên cùng quẻ Khảm và thời Vị tể.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 1 dương, ở dưới quẻ, tượng trưng cho đuôi con cáo, hào trên cùng âm, tượng trưng cho đầu con cáo.

Hào trên cùng âm, ở trên cùng quẻ Khảm, là đã ở vào cảnh hiểm, lại ở cuối cùng quẻ Vị tể, tượng cực thịnh sẽ suy, ở trong thời loạn như Soán từ đã nêu, bắt đầu thì tốt, chung cuộc thì loạn (sơ cát chung loạn).

(1) Nói chung, hào trên cùng âm, gặp nguy hiểm đến cùng cực, như con cáo bơi sang sông mà ướm cả đầu, không quay đầu lại, sẽ chìm xuống sâu xuống nước mà

chết, thật nguy hiểm (như kì thú lệ).

(2) Như con cáo đã ướm đầu, nguy, xem chừng không sống được bao lâu (như kì thú, hà khả cữu dã).

### 3. Quyền biến

Cái hoạ không phải bây giờ mới ập tới, mà do không cẩn thận từ đầu, không lượng sức mình, không dò nông sâu, không chịu phản tỉnh, như con cáo chửa qua sông đã ướm đuôi, đến khi bơi thì ướm đầu, cũng không chịu quay lại bờ, phải chịu cảnh chết chìm.

## 64. HOẢ THUYẾT VỊ TẾ

### TÊN QUẺ

Tự quái viết : Vật sinh sôi không cùng, sinh sinh mãi, tuy việc viết Dịch đã xong, để quẻ Vị tế ở cuối cùng, tức là hữu hình, nhưng Dịch lí vô hình biến hoá, đạo Dịch sinh mãi không cùng (Vật bất khả cùng dã, cố thụ chi dĩ Vị tế).

Quẻ Kí tế chỉ sự nghiệp đã hoàn thành, nhưng quẻ Vị tế là nói việc chưa hoàn thành ?

Nói về Dịch, cái hữu hình đã hoàn thành nhưng cái vô hình thì vẫn tiếp diễn vô cùng, vô tận không lúc nào hoàn thành.

Nói về nhân sự, khi sự nghiệp đã hoàn thành, lại bắt đầu một cuộc hành trình mới, như việc học không bao giờ chấm dứt.

Ví dụ :

Tử Cống theo học Khổng Tử, thấy việc học quá khó khăn và mệt mỏi, Tử Cống thưa với thầy :

- Việc học quá mệt mỏi, đệ tử xin thầy cho con được nghỉ ngơi.

Khổng Tử nói :

- Con người ta sống thì không thể nghỉ ngơi, việc học càng không thể nghỉ ngơi.

Tử Cống thưa :

- Thế thì trên cõi đời này, đệ tử không có chỗ nào để nghỉ ngơi chăng ?

Khổng Tử chỉ mấy năm mờ trước phía trước nói :

- Đó là chỗ nghỉ ngơi của con người, về sau anh cũng tìm một chỗ như vậy để nghỉ ngơi.

Tử Cống im lặng !

HÌNH QUÊ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

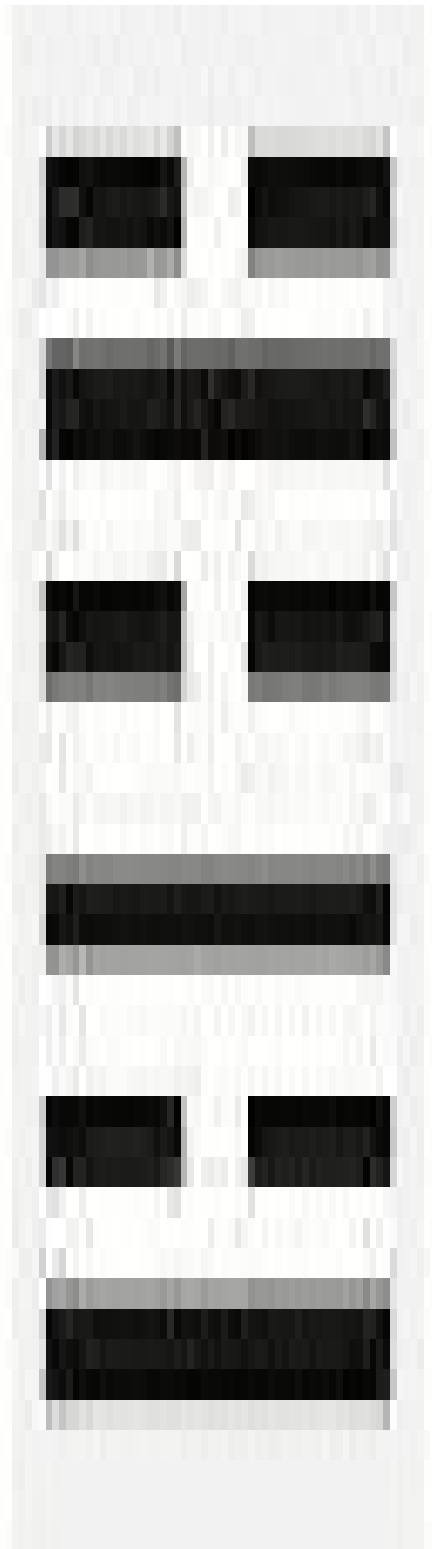
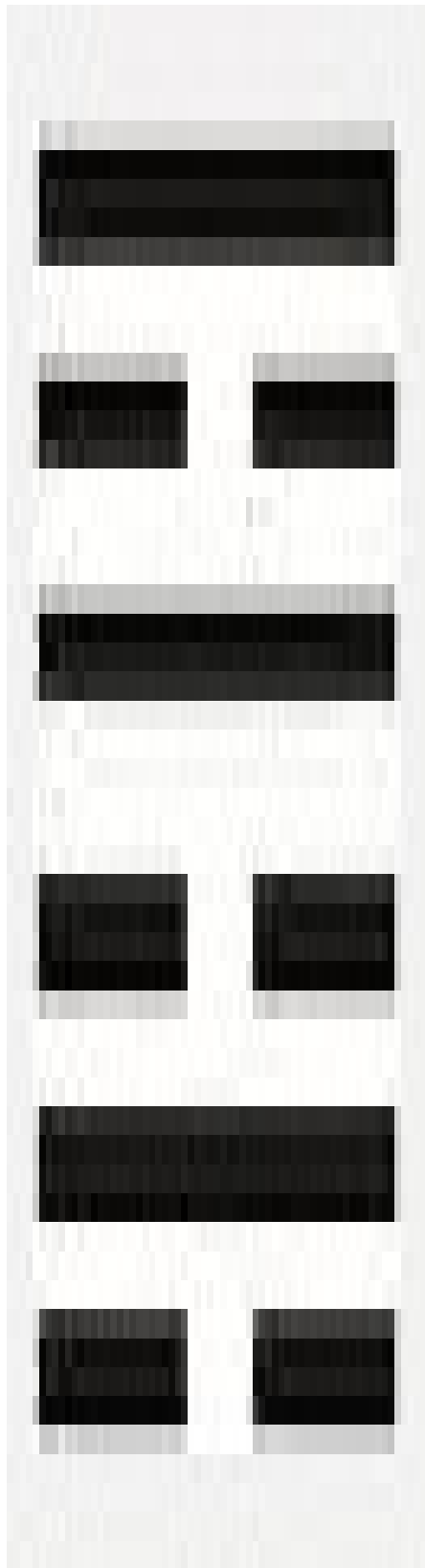
[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

Dưới Khảm - thủy, trên Li - hỏa, gọi là Hoả Thủy Vị tế.





Xét hình quẻ, quẻ Vị tể (hình trái) tương phản với quẻ Kí tể (hình phải). Kí tể là qua sông, sáu hào như con thuyền qua sông. Vị tể, sáu hào như con thuyền đổi hướng, về lại, không qua sông nữa, việc qua sông không hoàn thành. Hai quẻ Vị tể và Kí tể biểu thị sự chu chuyển theo Dịch lí.

Xét tượng quẻ, dưới Khảm – nước, trên Li – lửa, nước có tính đi xuống, lửa có tính đi lên. Nước đi xuống cứ đi xuống, lửa đi lên cứ đi lên, quay lưng lại với nhau, lửa không làm cho nước và thực phẩm chín, không nuôi dưỡng được con người, thì con người khó hoàn thành được sự nghiệp, gọi là Vị tể.

## SOÁN TỪ

Vị tể, hanh, tiểu hồ ngật tể. Nhu kì vĩ, vô du lợi.

**Tiểu hồ là con cáo nhỏ, thiếu kinh nghiệm ; ngật tương tự chữ ngật , cường tráng mạnh mẽ ; tương truyền, con cáo ướm đuôi thì không bơi được. Âm chỉ người cường tráng mạnh mẽ, cường cường, thiếu kinh nghiệm, hữu dũng vô mưu.**

Dưới là Khảm – nước, con sông, Vị tể là chưa qua sông, lúc có đủ thuyền bè sẽ qua sông, qua sông được thì hanh thông (Vị tể, hanh).

Nhưng trong lúc chờ đợi hoặc lúc qua sông phải cẩn thận, dò nông sâu, đúc rút kinh nghiệm, dùng cảm, mưu trí thì mới có lợi.

Đừng như con cáo nhỏ non tơ, thiếu kinh nghiệm, tỏ ra mạnh mẽ liều lĩnh, vô mưu, chẳng biết nông sâu, thiếu thận trọng, vừa xuống nước đã ướt cả đuôi (tiểu hồ ngật tể, nhu kì vĩ), chẳng có lợi gì cả (vô du lợi)

## SOÁN TRUYỆN

**Vị tể hanh, nhu đặc trung dã ; tiểu hồ ngật tể, vị xuất trung dã ; nhu kì vĩ, vô du lợi, bất tặc chung dã. Tuy bất đương vị, cương nhu ứng dã.**

Sở dĩ nói, chưa qua sông mà biết được hanh thông (Vị tể hanh) ; vì xét hào 5 âm – nhu, đặc trung (nhu đặc trung), ứng với hào 2 dương – cương, âm dương tương tể, nên có thể qua sông được.

Xét hào 1 và hào 2, hào 1 âm – nhu, tượng trưng con cáo nhỏ yếu mà ra vẻ hung hăng ; hào 2 dương – cương, ở giữa quẻ Khảm ; tương tự, kẻ sức yếu mà ra vẻ liều lĩnh, người dùng cương mà xử sự.

Kết cục, một kẻ như con cáo nhỏ ướt đuôi (nhu kì vĩ), bất lợi cho việc vượt sông (vô du lợi), một người đuối sức, không thể tiếp tục vượt sông cho đến bờ, đến bãi (bất tặc chung dã).

Xét toàn quẻ, các hào dương, ở vị trí âm, các hào âm, ở vị trí dương ; tuy là không xứng đáng với vị trí nhưng các hào tương ứng với nhau, cương – nhu tương tế, chắc chắn việc vượt sông, sẽ thành công (cương nhu ứng dã).

## **ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN**

Hoả tại thuỷ thượng, Vị tế ; quân tử dĩ thận biện vật cư phương.

Dưới Khảm – nước, trên Li – lửa, lửa ở trên nước ; nước có tính đi xuống, lửa có tính đi lên, hai vật đi hai hướng, không tương tế với nhau, để nấu chín thức ăn, không nuôi dưỡng con người, con người khó hoàn thành sự nghiệp, gọi là Vị tế (Hoả tại thuỷ thượng, Vị tế).

Người xưa, muốn lập quốc người ta thường chọn nơi có nước hoặc tự tạo nguồn nước ; nói cách khác nước là nguồn, là nơi để cho con người quần tụ, sinh sống, gọi là cư phương. Li tượng trưng phương Nam, Khảm tượng trưng phương Bắc, mỗi vật ở mỗi phương, cũng gọi là cư phương.

Người quân tử, xem tượng quẻ Vị tế, mà cẩn thận trong việc :

Phân biệt, chọn lựa nơi sinh sống cho dân hoặc tạo điều kiện sống cho dân, làm cho dân an cư lạc nghiệp.

Phân biệt các giống cây, để gieo trồng làm cho cây sinh trưởng, phân biệt các loài chim thú, cho nó có chỗ cư trú thích hợp, khiến nguồn tài nguyên đất nước dồi dào.

Phân biệt sở trường, sở đoản để dùng người, làm cho người nào cũng trở thành hữu dụng.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ lục, nhu kì vĩ, lặn.

Hào 1 âm, như con cáo chưa qua sông đã ướm đuôi, lằm lằm, đáng ân hận.

Tượng viết : Nhu kì vĩ, diệc bất tri cực dã.

Tượng viết : Như con cáo bị ướm đuôi đáng làm đáng thẹn, vì biết đầu chẳng biết đuôi.

## 1. Sơ lược

Hào 1 âm, ở vị trí dương, bất chính, ở đầu quẻ Khảm, ứng với hào 4 dương.

## 2. Hoàn cảnh

Hào 1 dương, quẻ Kí tể, lấy con cáo ướm đuôi, không qua sông được làm tượng, nhưng không tội lỗi. Hào 1 âm, quẻ Vị tể hào từ cũng lấy con cáo ướm đuôi làm tượng nhưng gặp lại lầm lẫn, đáng ân hận ?

Nguyên nhân, hào 1 dương, quẻ Kí tể, dương cương, đắc chính, ở dưới quẻ Li có đức sáng, nên có sơ suất như con cáo ướm đuôi nhưng không đến nỗi tội lỗi.

(1) Hào 1 âm, quẻ Vị tể, nhu nhược, bất chính, ở dưới quẻ Khảm, có tính hiểm, nôn nóng ứng với hào 4 dương, bất trung, bất chính ; như con cáo chưa qua sông đã ướm đuôi (nhu kì vĩ), lầm lẫn, đáng ân hận.

Cùng một hành động nhưng bản tính khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, kết cục khác nhau.

Ví dụ :

Hoàn Ôn, đời Đông Tấn, đem quân Bắc phạt, rầm rộ binh hùng, mã tráng, quần thần ai nấy tấm tắc khen ngợi.

Riêng quan Tư đồ mã trưởng sử là Thân Dẫn, vẻ mặt lo lắng, trầm tư. Có người hỏi :

- Sao mọi người vui vẻ, riêng ngài lo âu, rầu rĩ ?

Thân Dẫn nói :

- Hoạ đến vui nỗi gì ? Kéo quân rầm rộ ra đi nhưng rồi thảm bại mà về.

- Là cố sao ?

- Tấn thất suy nhược, quần thần trong triều trên dưới chưa chắc đã là một lòng, Hoàn Ôn thì chuyên quyền, phô trương thanh thế, hiêu hiêu tự đắc, ra uy mà đối đãi với quân tướng, chẳng biết ứng biến, làm sao mà thắng quân địch.

Quả nhiên, cuộc Bắc phạt của Hoàn Ôn thất bại hoàn toàn.

(2) Tri cực là biết rõ chung cục, bất tri cực là không biết chung cục, biết đầu mà không biết đuôi, biết mình chẳng biết người.

Hào 1 âm như con cáo bị ướm đuôi, đáng lằm, đáng thẹn, vì biết đầu chẳng biết đuôi (Nhu kì vĩ, diệc bất như tri cực dã).

### 3. Quyền biến

Làm việc gì cũng phải so sánh thực lực, biết mình biết ta, biết đầu biết đuôi mới không thất bại.

Cửu nhị, duệ kì luân, trinh cát.

Hào 2 dương, thận trọng, từ tốn như kéo xe đi trên nhão, không vội kinh suất tiến lên, giữ mãi được như thế thì tốt lành.

Tượng viết : Cửu nhị trinh cát, trung dĩ hành chính dã.

Tượng viết : Hào 2 dương được tốt lành lâu dài, vì có đức trung nên làm được điều chính đáng.

#### 1. Cửu nhị

Hào 2 dương ở vị trí âm, bất chính, đắc trung, ở giữa quẻ Khảm ứng với hào 5 âm.

## 2. Hoàn cảnh

Khảm tượng trưng bánh xe, nguy hiểm, nhiều thương tật, nên hào từ lấy bánh xe làm tượng.

Hào 2 dương, có đức dương cương, có tài làm việc thời Vị tể, ứng với hào 5 âm – nhu, như bề tôi có tài ở dưới quân chủ nhu nhược, dễ rước lấy tai họa.

## 3. Quyền biến

(1) Trong hoàn cảnh ấy, hào 2 dương, không nên quá cương, thận trọng, từ tốn như kéo xe đi trên đất nhão (duệ kì luân), không vội khinh suất tiến lên, giữ mãi được như thế thì tốt lành (trình cát).

(2) Trung thường tốt hơn chính, có trung là chính, có chính chưa chắc là trung, hào 2 âm tuy bất chính nhưng đắc trung.

Hào 2 dương được tốt lành lâu dài, vì có đức trung nên làm được điều chính đáng (Cửu nhị trình cát, trung dĩ hành chính dã).



Lục tam, Vị tể, chinh hung, lợi thiệp đại xuyên.

Hào 3 âm, chưa qua sông, ở trong cảnh hiểm nhưng được thuyền vượt qua sông lớn thuận lợi.

Tượng viết : Vị tể chinh hung, vị bất đường dã.

Tượng viết : Không qua sông được, gặp nguy hiểm, là do bất chính

## 1. Lục tam

Hào 3 âm, ở vị trí dương, bất chính, bất trung, ở trên cùng quẻ Khảm, ứng với hào trên cùng dương.

## 2. Hoàn cảnh

Nếu hào 3 âm biến thành dương, quẻ Khảm – nước, thành quẻ Tốn, tượng trưng mộc, dùng gỗ làm thuyền.

### 3. Quyền biến

(1) Hào 3 âm, bất chính, nhu nhược, bất trung, nhưng lại làm việc vượt sông, chưa qua được lênh đênh trên sông nước, ở trong cảnh hiểm (vị tể, chinh hung).

Nhưng hào 3 âm, ở cuối quẻ Khảm – hiểm, sắp lên quẻ Li sáng, tượng sóng gió sắp qua, bình minh ló dạng, thời nguy hiểm sắp qua, thời sáng sửa sắp đến.

Trong hoàn cảnh ấy, thời cơ ấy, hào 3 âm ứng với hào trên cùng dương, âm dương tương tể, như được gỗ, được thuyền vượt qua sông lớn thuận lợi (lợi thiệp đại xuyên), thoát khỏi hoạn nạn.

Có người cứu, có thời cứu, nên thoát hiểm và thành công.

(2) Hào 3 âm gặp nguy hiểm lênh đênh trên sông nước, không qua sông được là ở vị trí dương, là bất chính (Vị tể chinh hung, vị bất dương dã). Nhưng về thời thì cũng có thể vượt qua sông lớn thuận lợi. Chứng tỏ, thời hơn vị.

Cửu tứ, trinh cát, hồi vong. Chấn dụng phạt Quỷ Phương, tam niên hữu thưởng vu đại quốc.

Hào 4 dương, giữ được sự trinh chính, hồi hận mới tiêu tan, là tốt. Phải đem tài năng ra thi thố, kiên trì lập được công trạng, hoàn thành sự nghiệp, như các cận

thần của vua Cao Tông đã từng chinh phạt Quỷ Phương, 3 năm mới thành công, họ được phong thưởng chức hầu của nước lớn.

Tượng viết : Trình cát hồi vong, chí hành dã.

Tượng viết : Giữ trình chính, được tốt lành, hồi hận tiêu tan, là có chí, là có tài trong tài trong khi hành động.

## 1. Cửu tử

**Hào 4 dương, ở vị trí âm, bất chính, ở dưới quẻ Li, dưới hào 5 âm nhu.**

## 2. Hoàn cảnh

Hào 4 dương, ở dưới quẻ Li, tượng trưng cho chinh phạt, hào từ nêu việc chinh phạt Quỷ Phương, 3 năm. Hào 4 dương, biến thành âm, hợp với hào 2 âm, hào 3 dương, thành quẻ Chấn , có tính động, làm chấn động, hào từ gọi là chấn.

Hào 4 dương, ở dưới quẻ Li, tượng trưng đức sáng, ở dưới hào 5 âm – nhu, đặc trưng. Tương tự, cận thần có đức dương cương, có đức sáng, cận kề với quân chủ nhu trung, công việc thời Vị tế cũng đã làm được một nửa, đáng lẽ là tốt.

Nhưng hào tử lại nêu có hối hận, hối hận tiêu tan, có ban thưởng, có xấu có tốt ?

### 3. Quyền biến

(1) Nguyên nhân, hào 4 dương – cương, ở dưới quân chủ nhu trung, nếu quá cương, quá gấp làm việc, thì sẽ bị người ta hiềm nghi là lấn lướt quân chủ, sẽ hối hận.

Cho nên, trước hết phải giữ được sự trinh chính, mới đánh tan được sự hiềm nghi, hối hận mới tiêu tan, là tốt (trinh, cát, hối vong).

Khi đất nước có đại sự phải đem tài năng ra thi thố, kiên trì lập được công trạng, hoàn thành sự nghiệp hiển hách, chấn động trong ngoài, như các cận thần của vua Cao Tông đã từng chinh phạt Quỷ Phương, 3 năm mới thành công, họ được phong thưởng chức hầu của nước lớn (chấn dụng phạt Quỷ Phương, tam niên hữu thưởng vu đại quốc), thế mới trinh chính, mới tốt.

Sách Học Dịch kí, Lí Giản dẫn lại lời Lôi Tử : Trước là phải giữ trinh chính, đánh tan hiềm nghi, hối hận tiêu mất, sau đó mới chinh phạt Quỷ Phương, trước sửa mình trị mình, sau mới trị người.

Lão Tử cũng cho rằng : Thắng mình là trí, thắng người là mạnh.

(2) Sách Thành Trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí cho rằng : Gặp hoạn nạn, nguy hiểm, đành thúc thủ là người không có chí, chẳng có tài. Muốn giải nạn, muốn

vượt hiểm, mà không tìm ra kế sách, là người có chí mà không có tài.

Người vừa có chí, vừa có tài mới có thể giải nạn và vượt qua cảnh hiểm.

Hào 4 âm giữ trinh chính, được tốt lành, hối hận tiêu tan, là có chí, là có tài trong khi hành động (Trinh cát hối vong, chí hành dã).

Lục ngũ, trinh cát, vô hối ; quân tử chi quang, hữu phu, cát.

Hào 5 âm, quân chủ lấy hư tâm, đức trung, đức sáng đối đãi với hiền thần, hiền thần lấy đức dương cương, lấy đức trung trinh mà giúp đỡ quân chủ, nên tốt lành, chẳng có gì hối hận ; quân chủ có đức văn minh, lại được hiền tài phò tá, phát ra đức sáng của quân tử, ánh sáng ấy không chỉ rực rỡ ở bề ngoài mà do lòng chí thành ở bên trong phát lộ ra, vốn đã tốt, lại tốt thêm.

Tượng viết : Quân tử chi quang, kì huy cát dã.

Tượng viết : Vị quân chủ văn minh phát ra đức sáng của người quân tử, đó là tia sáng chói của sự tốt lành.

### 1. Lục ngũ

Hào 5 âm, ở vị trí dương, bất chính nhưng đắc trung, ở giữa quẻ Li, ứng với hào 2 dương.

### 2. Hoàn cảnh

Hào 5 âm, ở giữa quẻ Li, tượng trưng mặt Trời, tia lửa, hào từ gọi là sáng, rực rỡ (quang).

Hào 5 âm – hư, đắc trung, ở giữa quẻ Li có đức sáng, ứng với hào 2 dương – cương, đắc chính.

### 3. Quyền biến

Hào 5 âm, tượng trưng vị quân chủ lấy hư tâm, đức trung, đức sáng đối đãi với hiền thần. Hiền thần lấy đức dương cương, lấy đức trung trinh mà giúp đỡ quân chủ, nên tốt lành, chẳng có gì hối hận (trinh cát, vô hối).

Vị quân chủ có đức văn minh, lại được hiền tài phò tá, phát ra đức sáng của quân tử (quân tử chi quang), ánh sáng ấy không chỉ rực rỡ ở bề ngoài mà do lòng chí thành ở bên trong phát lộ ra (hữu phu), trinh chính vốn đã tốt, nay lại tốt thêm (cát).

(2) Hào 5 âm như vị quân chủ văn minh phát ra đức sáng của người quân tử, đó

là tia sáng chói của sự tốt lành (Quân tử chi quang, kì huy cát dã).

**Thượng cửu, hữu phu vu âm tửu, vô cửu. Nhu kì thủ, hữu phu thất thị.**

Hào trên cùng dương, ăn no uống say, nhưng có sự tự tin, giữ được lòng tin của mọi người, thì không tội lỗi. Ăn sung mặc sướng, lao đầu ao dục vọng, nhúng đầu vào sông rượu, ướt cả đầu, đã phóng túng, dù có sự tự tin nhưng đánh mất lòng tin của mọi người, thì sự tự tin ấy cũng vô nghĩa.

Tượng viết : Âm tửu nhu thủ, diệc bất tri tiết dã.

Tượng viết : Chìm đắm trong sông rượu, ướt cả đầu, vì chẳng biết đến chữ thời, chữ tiết, chẳng lo xa, chẳng chuẩn bị.

## 1. Thượng cửu

Hào trên cùng dương, ở vị trí âm, bất chính, ở trên cùng quẻ Li, ở cuối thời Vị tế.

## 2. Hoàn cảnh

Quẻ Kí tể, hào trên cùng âm, ở quẻ Khảm – nước, hào từ thủ tượng con cáo bơi qua sông ướm đầu. Quẻ Vị tể, hào trên cùng dương, ở quẻ Li – lửa, hào từ cũng thủ tượng bằng con cáo ướm đầu (nhu kì thủ) ?

Sách Thành Trai Dịch truyện, Dương Vạn Lí giải thích : Nước có thể nhận chìm bản thân một người hoặc một số người. Rượu không chỉ làm chìm đắm cả bản thân, còn làm chìm đắm cả quốc gia. Rượu là nước lụt (giáng thủy), là hồng thủy trong thiên hạ.

Phu là tin, gồm tự tin và người tin mình, tự tin mình là chưa đủ, người không tin mình thì nguy, mất lòng tin là mất tất cả.

## 3. Quyền biến

**(1) Mặc dù hào trên cùng dương - cương, có đức dương cương, ở quẻ trên Li - sáng, rất sáng suốt ; thường người quá cương, quá sáng dễ dẫn đến nóng nảy, vọng động.**

Lại thêm, thời Vị tể đang chuyển sang thời Kí tể, mâu thuẫn chuyển hoá, việc cũ mới thành, việc mới chưa định. Vì vậy, không kiềm chế bản tính, không rõ chữ thời, có thể dẫn đến sai lầm :

Đôi lúc ăn no uống say, vui hưởng hạnh phúc, nhưng có sự tự tin, giữ được lòng tin của mọi người, thì không tội lỗi (hữu phu vu ẩm tửu, vô cữu).



Thích ăn sung mặc sướng, đắm chìm trong lạc thú, lao đầu vào dục vọng, nhúng đầu vào sông rượu, ướt cả đầu ; đã phóng túng, dù có sự tự tin nhưng đánh mất lòng tin của mọi người, thì sự tự tin ấy cũng vô nghĩa (như kì thủ, hữu phu thất thị).

Hào tử hào 5 dương, quẻ Nhu, viết : Dù trong cảnh hạnh phúc no say vẫn phải giữ sự trung chính, thì mới tốt (Nhu vu tửu tự, trinh cát).

Ví dụ 1 :

Có lần nước Nhung triều cống một con chó quý hiếm, cao bốn thước, lông đuôi xù ra, con chó rất đẹp và rất khôn. Vũ vương thích lắm, thường chơi với con chó. Chiêu Công thấy vậy, lo Vũ vương sa đà vào những thú vui, quên việc nước.

Một hôm, Chiêu Công tâm với Vũ vương :

- Hiện nay, các nước đều quy phục, triều cống là nhờ thánh đức của bệ hạ. Vì vậy, trong lúc thu nạp triều cống, không nên phân biệt loại quý loại không quý. Người có đức thì vật gì cũng quý, người không có đức thì vật quý cũng hoá ra tầm thường. Xưa nay, quân chủ đắm mình trong thanh sắc, thì ý chí tiêu trầm. Cho nên, tục ngữ có câu : Thích chơi một vật nào đó, có thể làm cho người ta sao nhãng chí hướng.

Vũ vương im lặng. Chiêu Công nói tiếp :

- Nhà vua là tấm gương sáng đạo đức, nhất cử nhất động của nhà vua đều ảnh hưởng rất lớn đến quần thần. Cái đài cao trăm trượng cũng phải được xây từ những viên gạch. Tương tự, người có đạo đức cao, sự nghiệp to lớn cũng phải thể hiện từ những việc làm nhỏ. Nhà vua không nên xem thường.

Vũ vương nghe lời Chiêu Công, từ đó rất chăm lo việc nước.

Ví dụ 2 :

Trụ vương mất nước, một phần cũng do phóng đảng dân dật, dựng rừng thịt (nhục lâm), xây ao rượu (tửu trì), có khi say sưa cả tuần chẳng biết ngày tháng, làm mất lòng tin của thần dân.

(2) Chữ tiết đi liền với các chữ khác như tiết chế, thời tiết ; chữ tiết liên quan đến chữ tín, chữ trung.

Tượng từ hào 5 dương, quẻ Kí tể, nhắc đến chữ thời, nước láng giềng phía Đông giết trâu tế lễ, nhưng không bằng nước láng giềng phía Tây tế lễ đạm bạc, vì chữ thời (Đông lân sát ngư, bất như Tây lân chi thời dã). Xét về ý tứ, chữ tiết gần gũi với chữ thời hơn cả, biết thời tiết mới lo xa, chuẩn bị chu đáo vào không thất bại.

Chìm đắm trong sông rượu, ướm cả đầu, vì chẳng biết đến chữ thời, chữ tiết, nên chẳng lo xa, chẳng chuẩn bị, không làm nổi công việc từ Vị tể sang Kí tể (Ấm thực nhu vu đầu, diệc bất tri tiết dã).

## TIỂU KẾT QUẺ KÍ TẾ VÀ VỊ TẾ

### 1. Thái – Bĩ, Kí tế – Vị tế

Xét về tông quái, quẻ Kí tế (hình bên trái, hàng trên) , do hào 2, hào 5 của quẻ Thái thay đổi nhau mà thành. Quẻ Vị tế (hình bên trái, hàng dưới) , do hào 2, hào 5 của quẻ Bĩ thay đổi mà thành. Quẻ Thái, quẻ Kí tế là quẻ tốt ; quẻ Bĩ, quẻ Vị tế là quẻ xấu.

Biểu thị, cái tốt này chuyển sang cái tốt khác không lâu, thời gian xê xích nhau không dài, cái xấu này dẫn đến cái xấu khác, cũng không xa, thời gian xê xích nhau cũng rất ngắn.

Vì thế, làm sao cho cái tốt càng tốt hơn, ngăn ngừa cái xấu, đừng để cái xấu lan rộng.

Xét về thứ tự, quẻ Thái đảo ngược thành quẻ Bĩ, ở gần quẻ Bĩ ; Vị tế đảo ngược thành quẻ Kí tế, hai quẻ gần nhau.

Biểu thị, từ an sang nguy, từ phúc sang hoạ, từ hoàn thành đến không thành rất gần, rất nhanh ; hoạ đã ẩn trong phúc, phúc đã có mầm trong hoạ.

Vấn đề là làm sao, tìm ra cái hoạ ẩn tàng trong phúc, biết tránh hoạ tìm phúc.

Xét về sự biến hoá, quẻ Kí tể đã lên đến cực điểm thì chuyển sang Bĩ, Vị tể lên đến cực điểm thì chuyển sang Thái, Thái đã cực thì chuyển sang Bĩ... như bánh xe khí số vô tình lăn chuyển.

Cho nên, gặp thời tốt như Thái, Kí tể, không nên đắc ý tự mãn ; gặp thời xấu như Bĩ, Vị tể không vì thế mà chán nản, buông xuôi ! Nhân định thắng thiên, lấy đức hạnh, trí tuệ, tài năng mà chuyển bánh xe khí số.

Đó là ý nghĩa thâm diệu của Dịch, của bốn quẻ Thái, Bĩ, Kí tể, Vị tể, nói chung và hai quẻ Kí tể, Vị tể, nói riêng !

## 2. Càn – Khôn, Thuỷ – Hoả

Mở đầu Kinh Dịch là quẻ Càn, quẻ Khôn, biểu thị vũ trụ bắt đầu, có Càn – Khôn mới sinh ra 64 quẻ.

Cuối thượng kinh, quẻ 30, đã có hai quẻ Khảm thuỷ và Li – hoả.

Lúc Kinh Dịch sắp hoàn thành, kết thúc hạ kinh, là hai quẻ Kí tể, Vị tể lấy Khảm – nước, Li – hoả làm tượng. Biểu thị, công dụng của Đất Trời, không có gì lớn hơn là nước với lửa.

Nếu xem thuỷ – hoả có công dụng lớn nhất của Trời – Đất của tạo hoá, tại sao không để hai quẻ Khảm - nước và Li - lửa sau hai quẻ Càn – Khôn, mà để cuối cùng hạ kinh ?

Nguyên nhân, thủy – hỏa tương khắc mới tương thành, mới tạo ra công dụng, nếu để Khảm – nước, Li – lửa riêng biệt, thì không thể tương thành với nhau được. Đó chính là Dịch lí.

### 3. Kinh Dịch hoàn thành mà chưa hoàn thành

**Cách nghĩ xuôi thông thường, việc gì chưa hoàn thành sẽ hoàn thành. Nhưng thứ tự quẻ Kí tể và Vị tể lại ngược, hoàn thành – chưa hoàn thành.**

Quẻ Kí tể biểu thị việc sáng tạo, sắp xếp 64 quẻ, 384 hào, cái hữu hình của Kinh Dịch đã hoàn thành. Quẻ Vị tể, biểu thị cái vô hình của đạo Dịch, Dịch lí ... vẫn tiếp diễn vô cùng, vô tận không lúc nào hoàn thành.

**Thực tế đã chứng minh, Văn Vương làm xong quẻ Kí tể - Vị tể, Chu Công, Khổng Tử nối tiếp hoàn thiện Kinh Dịch, thời gian hơn cả 1000 năm. Từ khi Kinh Dịch như con chim đủ lông đủ cánh bay lên, đã sinh sôi, sinh sôi không ngừng nghỉ.**

Phần bốn:TRUYỆN:

## HỆ TỪ THƯỢNG TRUYỆN

### CHƯƠNG 1

**1.Thiên tôn địa ti, Càn Khôn định hĩ; ti cao dĩ trăn, quý tiện vị hĩ.Động tĩnh hữu thường, cương nhu đoán hĩ. Phương dĩ tụ loại, vật dĩ quần phân, cát hung sinh hĩ. Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hoá hiện hĩ.**

"Vì thấy Trời cao, Đất thấp mà thánh nhân vạch ra quẻ Càn và quẻ Khôn ; cao thấp đã bày ra thì định được dương - quý và âm - tiện.

Động và tĩnh đã có luật nhất định, do đó mà phân biệt cương – dương – động , nhu – âm - tĩnh.Việc có xu hướng phải - trái nên sắp với nhau thành nhóm ; vật có hình riêng nên chia ra từng bầy ; do đó mà đặt ra lời tốt và xấu. Xem trên trời (thấy mặt Trời, mặt Trăng, tinh tú...) làm ra tượng ; xem dưới đất thấy núi sông, cỏ cây, muông thú...) làm ra hình ; sự biến hoá của các sự vật qua hình – tượng đã hiện rõ"

### **2. Thị cổ cương nhu tương ma, bát quái tương đẳng.**

"Cho nên cương - nhu cọ xát nhau, giao cảm mà thành bát quái, bát quái xô đẩy luân chuyển, hoán đổi nhau mà thành sáu mươi bốn quẻ"

3. Cổ chi dĩ lôi đình, nhuận chi dĩ phong vũ, nhật nguyệt vận hành, nhất hàn nhất thử.

"Cổ động cho muôn vật không gì bằng sấm sét (Chấn), thấm nhuần cho muôn vật không gì bằng gió mưa (Tốn), mặt Trời mặt Trăng xoay vần, lạnh rồi tới nóng, thay đổi nhau hoài"

#### **4. Càn đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ.**

"Cổ đạo Càn - khí dương nên thành giống đực, có đạo Khôn - khí âm, nên thành giống cái"

5. Càn tri đại thi, Khôn tác thành vật.

"Càn là nhân tố đầu tiên khai sáng muôn vật, đạo Khôn tiếp theo Càn mà sinh thành muôn vật"

6. Càn dĩ dĩ tri, Khôn dĩ giản năng.

"Càn nhờ đức cương kiện mà động nên bình dị, không tốn sức mà làm chủ tác động lúc mới đầu, Khôn nhờ đức nhu thuận nên đơn giản mà tác thành vạn vật".

7. Dị tắc dị tri, giản tắc dị tòng. Dị tri tắc hữu thân, dị tòng tắc hữu công. Hữu thân tắc khả cửu, hữu công tắc khả đại. Khả cửu tắc hiền nhân chi đức, khả đại tắc hiền nhân chi nghiệp.

"Nếu bắt chước Càn, xử thế một cách bình dị thì trong lòng mình bạch, mọi người dễ biết ; nếu bắt chước Khôn mà xử sự thì công việc gọn gàng mà người khác dễ theo. Dễ biết thì nhiều người đồng lòng với ta, cho nên có nhiều người thân ; dễ theo thì đông người hợp sức với mình, cho nên ta lập được công lao. Có nhiều người thân thì thống nhất được bên trong, cho nên được dài lâu, có công lao thì kiêm cả được ngoài, cho nên có thể lớn. Đức là được ở bản thân, nghiệp là thành ở việc. Nếu noi theo được đạo Càn – Khôn thì có thể trở thành hiền nhân"

8. Dị giản nhi thiên hạ chi lí đắc hĩ, thiên hạ chi lí đắc nhi thành vị hồ kì trung hĩ.

"Hiểu được lẽ bình dị và giản ước của Càn – Khôn, là nắm được đạo lí trong thiên hạ ; nắm được đạo lí trong thiên hạ, thế là có được cái địa vị ở giữa trời và đất, tức là tam tài : Trời - Người -Đất"

## CHƯƠNG 2

1. Thánh nhân thiết quái, quan tượng, hệ từ yên nhi minh cát hung.

"Thánh nhân quan sát vật tượng trong trời đất đặt ra 64 quẻ (384 hào) ; dưới các quẻ, các hào đều có lời buộc vào để tỏ rõ triệu tốt xấu"



2. Cương nhu tương thôi nhi sinh biến hoá.

"Cương – quẻ dương, hào dương, nhu - quẻ âm, hào âm xô đẩy nhau mà sinh ra biến hoá (dương thành âm, âm thành dương)"

3. Thị cố, cát hung giả, đắc thất chi tượng dã: hồi lận giả, ưu ngu chi tượng dã.

"Cho nên, tốt - xấu là cái tượng của sự đắc - thất ; hồi – lận là cái tượng của sự thiếu sót mà lo phiền"

4. Biến hoá giả, tiến thoái chi tượng dã ; cương nhu giả, trú dạ chi tượng dã. Lục hào chi động, tam cực chi đạo dã.

"Biến hoá là hình tượng của sự tiến thoái ; cương – dương, nhu – âm, là hình tượng của ngày và đêm. Sự biến động của sáu hào là cái lí bao hàm trên đến trời, dưới đến đất, giữa đến người (Trời – Người - Đất)"

5. Thị cố, quân tử sở cư nhi an giả. Dịch chi tự dã ; sở lạc nhi ngoạn giả, hào chi từ dã.

"Vì vậy, người quân tử xem cái thứ tự của đạo Dịch mà xử sự sẽ yên tâm ; vui thích, không chán khi nghiền ngẫm các lời đoán tinh diệu của các hào"

6. Thị cố quân tử cư tắc quan kì tượng nhi ngoạn kì từ ; động tắc quan kì biến nhi ngoạn kì chiêm ; thị dĩ tự nhiên hữu chi, cát vô bất lợi.

"Cho nên, người quân tử lúc bình thời thì xem tượng mà ngẫm nghĩ lời quẻ, lời hào ; khi hữu sự hành động thì xem sự biến hoá mà ngẫm nghĩ lời đoán của quẻ ; nhờ vậy mà được trời giúp cho gặp điều tốt, không có gì chẳng lợi "

## CHƯƠNG 3

### **1. Thoán giả, ngôn hồ tượng giả dã: hào giả, ngôn hồ biến giả dã.**

"Lời Thoán là lời tổng thuyết về cái tượng - ý tượng và hình tượng của mỗi quẻ ; lời hào là lời thuyết riêng về sự trao đổi, biến hoá của các hào"

2. Cát hung giả, ngôn hồ kì thất đắc dã ; hối lận giả, ngôn hồ kì tiểu tì dã ; vô cửu giả, thiện bổ quá dã.

"Cát – tốt, hung - xấu là nói về sự đắc – được, thất - mất ; hối lận là nói về những sai lầm nhỏ ; vô cửu là khéo sửa lỗi"

3. Thị cố, liệt quý tiện giả, tồn hồ vị ; tề tiểu đại giả, tồn hồ quái ; biện cát hung giả, tồn hồ từ.

"Cho nên, xét vị - ngôi của hào mà biết sang hay hèn ; xem tượng của quẻ mà cân nhắc, quyết định, được lớn - dương hay nhỏ - âm ; xét lời đoán mà phân biệt được tốt - xấu"

4. Ưu hối lận giả tồn hồ giới, chấn vô cữu giả tồn hồ hối.

"Biết lo về những hối hận - lầm nhỏ thì biết dự phòng ở ranh giới giữa thiện - ác ; kinh sợ thì hối hận, đã hối hận thì sẽ không có lỗi"

5. Thị cố, quái hữu tiểu đại, từ hữu hiểm dị ; từ dã giả các chỉ kì sở chi.

**" Cho nên, theo sự phân định âm - dương, tiêu - trưởng, nên có quẻ lớn, có quẻ nhỏ ; theo sự an – nguy mà phân biệt, nên lời quẻ thì có hiểm hay dễ dàng ;lời quẻ, mỗi lời đều chỉ rõ hướng đi, xấu là chỉ phương cần tránh, tốt là chỉ phương nên đi"**

## CHƯƠNG 4

1. Dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng di luân thiên địa chi đạo.

" Kinh Dịch theo mẫu mực của trời - đất, cho nên cùng bao hàm mọi đạo lí trong trời – đất"

2. Ngưỡng dĩ quan ư Thiên văn, phủ dĩ sát ư Địa lí, thị cố tri u minh chi cố. Nguyên thủy phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết. Tinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri quỷ thần chi tình trạng.

" Khi làm Dịch, thánh nhân ngẩng lên mà xem mặt Trời, mặt Trăng, tinh tú ở trên trời, cúi xuống xem hình thế núi sông, đồng ruộng ở dưới đất, cho nên biết cái sự lí u uẩn của vô hình và sự lí rõ ràng của hữu hình. Suy nguyên sự khởi đầu của sự vật, thấy được sự chung cục của sự vật, sẽ biết được lẽ sống – chết. Xem xét tinh khí ngưng tụ thành vật hữu hình, khí hồn du tán, sẽ biết được tình trạng của quỷ thần"

3. Dữ thiên địa tương tự cố bất vi ; trí chu hồ vạn vật nhi đạo tế thiên hạ, cố bất quá, bàng hành nhi bất lưu, lạc thiên tri mệnh cố bất ưu ; an thổ đôn hồ nhân, cố năng ái.

" Người biết nghĩa lí Dịch có thể gần như đạo lí của trời – đất, nên hành vi không vi phạm vào quy luật (tự nhiên) của trời – đất, tri thức thì chu tuần ở muôn vật, đạo đức thì đủ nâng đỡ thiên hạ ; cho nên lúc động, lúc dừng không sai sót ; quyền lực thì thoả khắp nơi mà không quá lạm ; vui với lẽ trời, biết mệnh trời, cho nên không lo lắng ; yên với cảnh ngộ, lấy đôn hậu làm điều nhân nghĩa, cho nên thực hành được lòng bác ái"

4. Phạm vi thiên địa chi hoá nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri, cố thần vô phương nhi dịch vô thể.

"Thánh nhân lấy sự biến hoá của trời - đất làm khuôn mẫu mà không quá, vẫn giữ đạo trung, uốn nắn mà thành tựu được vạn vật, chẳng bỏ sót vật nào, thông suốt đạo u minh ngày đêm mà không gì không biết ; cho nên thân trí của Dịch không bị giới hạn ở nơi nào, không bị giới hạn ở hình thể nào"

## CHƯƠNG 5

1. Nhất âm nhất dương chi vị Đạo.

"Một âm, một dương gọi là Đạo"

2. Kế chi giả, thiện dã ; thành chi giả, tính dã.

"Cái Đạo ấy khi phát ra thì tốt lành, cái tốt lành là do cái Đạo ấy cụ thể hoá ở người, ở vạn vật, gọi là tính"

3. Nhân giả kiến chi vị chi nhân, trí giả kiến chi vị chi trí. Bách tính nhật dụng chi nhi bất tri, cổ quân tử chi đạo tiền hĩ.

" Đạo ấy rất huyền nhiệm tinh vi, tùy bẩm thụ khác nhau, người có đức nhân thấy nó nhân, gọi nó là đạo nhân, người trí thấy nó trí, gọi nó là trí. Trăm họ ngày nào cũng dùng nó mà chẳng biết, cho nên đạo người quân tử gồm cả nhân lẫn trí, ít người có được"

**4. Hiến chư nhân, tàng chư dụng, cổ vạn vật nhi bất dĩ thánh nhân đồng ưu, thịnh đức đại nghiệp chí hĩ tai.**

" Đạo ấy hiện rõ ở đức nhân, tác dụng rất mầu nhiệm, nó cổ vũ vạn vật mà vô tâm, không lo lắng ; là Đạo của thánh nhân, cho nên cái đức của nó cực thịnh, sự nghiệp của nó cực lớn"

5. Phú hữu chi vị đại nghiệp, nhật tân chi vị thịnh đức.

"Đạo ấy to lớn, bao trùm hết thảy, cho nên nói là sự nghiệp nó lớn ; nó biến hoá không bao giờ ngừng, cho nên nói là đức nó thịnh"

6. Sinh sinh chi vị dịch.

" Âm – dương sinh sinh không dứt gọi là biến dịch"

7. Thành tượng chi vị Càn, hiệu pháp chi vị Khôn.

"Vạch ra tượng của trời gọi là Càn ; mô phỏng các thức của đất mà vạch quẻ gọi là Khôn"

8. Cực số tri lai chi vị chiêm, thông biến chi vị sự.

"Xem xét đến cùng luật của các số, cực số của cỏ thi, mà biết được tương lai thì gọi là bói ; vật cùng cực muốn cho nó khai thông, thì phải biết sự biến hoá của nó, mới khai thông được"

9. Âm dương bất trắc chi vị thần.

"Muôn vật trong thiên hạ, trong âm có dương, trong dương có âm, cái này sinh,

cái kia thành, vốn là nguyên do của nó, cái mà ta không thể lường đoán được, như vậy gọi là thần"

## CHƯƠNG 6

1. Phù Dịch quảng hĩ, đại hĩ: Dĩ ngôn hồ viễn tắc bất ngự, dĩ ngôn hồ tĩnh nhi chính, dĩ ngôn hồ thiên địa chi gian tắc bị hĩ.

" Đạo Dịch rộng lớn thật : So với xa thì đạo ấy biến hoá vô cùng, so với gần thì đạo ấy tĩnh mà đoan chính, so với khoảng trong Trời đất thì đạo ấy bao gồm đủ cả"

2. Phù Càn kì tĩnh dã chuyên, kì động dã trực, thị dĩ đại sinh yên. Phù Khôn, kì tĩnh dã hãm, kì động dã tịch, thị dĩ quảng sinh yên.

" Phàm Càn - dương lúc tĩnh thì chuyên nhất, lúc động thì tiến thẳng, cho nên nó sinh ra khí phách cứng và lớn. Phàm Khôn - âm lúc tĩnh thì thu lại, lúc động thì mở ra, cho nên nó sinh ra khí chất khoan nhu"

3. Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, âm dương chi nghĩa phối nhật nguyệt, giản dị chi thiện phối chí đức.

"Vì đạo Dịch cứng – lớn - khoan nhu, nên phối hợp với trời - đất, tượng trưng sự biến hoá, giao hoà, thông suốt nên phối hợp với quy luật của bốn mùa ; vì dương – cương, âm – nhu, nên phối hợp với mặt trời mặt trăng ; vì nó có cái hay là giản và dị, cho nên phối hợp với đạo đức tối cao"

## CHƯƠNG 7

1. Tử viết: Dịch kì chí hĩ hồ ! Phù dịch thánh nhân sở dĩ sùng đức nhi quảng nghiệp dã ; trí sùng lễ ti ; sùng hiệu thiên, ti pháp địa.

" Khổng Tử nói : Đạo lí Dịch tinh diệu thay ! Thánh nhân dùng Dịch mà đưa đức mình lên cao, mở rộng sự nghiệp của mình ; cái quý của trí tuệ là ở chỗ cao quý, lễ tiết quý ở chỗ khiêm cung, sự cao quý ấy là học ở trời, sự khiêm cung là bắt chước đất"

2. Thiên địa thiết vị nhi dịch hành kì trung hĩ ; thành tín tồn tồn, đạo nghĩa chi môn.

" Trời cao, đất thấp, đã thành ngôi, đạo lí Dịch biến hoá lưu hành ở khoảng giữa trời - đất ; người ta nắm thụ được cái tính (tốt của trời – đất) rồi, thì còn, còn mãi, đó là cái cửa của đạo nghĩa"

## CHƯƠNG 8

1. Thánh nhân hữu dĩ kiến thiên hạ chi trách, nhi nghĩ chư kì hình dung, tượng kì vật nghi, thị cố vị chi tượng.

" Thánh nhân thấy được những lẽ sâu kín, phức tạp trong thiên hạ, bắt chước tạo thành hình tượng để tượng trưng các vật, cùng tính cách của mỗi vật, gọi là tượng (tượng hình, tượng ý)"



2. Thánh nhân hữu dĩ kiến thiên hạ chi động, nhi quan kì hội thông, dĩ hành kì điển lễ, hệ từ yên dĩ đoán kì cát hung, thị cố vị chi hào.

"Thánh nhân lại thấy được sự vận động không ngừng của mọi vật trong thiên hạ, từ đó mà xét về cái lẽ tụ hội và tương quan của chúng, tìm ra được quy luật vận động của chúng, rồi đặt ra lời ghép vào mỗi hào, để đoán cát hay hung, gọi là hào"

3. Ngôn thiên hạ chi chí trách nhi bất khả ố dã, ngôn thiên hạ chi chí động nhi bất khả loạn dã.

"Thánh nhân nói về cái sâu kín, phức tạp trong thiên hạ mà không làm cho người ta chán ; nói về cái biến động không ngừng trong thiên hạ, mà người ta không thấy hỗn loạn"

4. Nghĩ chi nhi hậu ngôn, nghị chi nhi hậu động, nghĩ nghị dĩ thành kì biến hoá.

" Người làm Dịch, học Dịch, trước hết là so sánh, cân nhắc tượng của Dịch, rồi mới bàn về cách biến động của Dịch ; sau khi đã so sánh rồi, bàn rồi, thì mới thành nên thứ triết học biến hoá đặc thù của Dịch"

5. Hạc minh tại âm, kì tử hoạ chi ; ngã hữu hảo tước, ngô dữ nhữ mị chi\*

Tử viết : Quân tử cư kì thất, xuất kì ngôn, thiện tắc thiên lí chi ngoại ứng chi, huống kì nhĩ giả hồ ; cư kì thất, xuất kì ngôn, bất thiện, tắc thiên lí chi ngoại vi

chi, hưởng kì nhĩ giả hồ ? Ngôn, xuất hồ thân, gia hồ dân ; hành phát hồ nhĩ, kiến hồ viễn, Ngôn hành quân tử chi xu cơ, xu cơ chi phát, vinh nhục chi chủ dã, Ngôn hành quân tử chi sở dĩ động thiên địa dã, khả bất thận hồ!

" Con hạc mẹ gáy ở bóng râm, con nó hoạ lại ; như tôi có chén rượu ngon, tôi cùng anh chia nhau.

Khổng Tử giải thích : Người quân tử ở trong nhà, mà nói ra, nếu lời nói hay thì người ngoài nghìn dặm cũng hưởng ứng, hưởng chi là người ở gần ; ở trong nhà mà nói ra, nếu lời nói không hay thì người ngoài ngàn dặm cũng phản đối, hưởng chi là người ở gần ? Lời nói ở miệng mình phát ra thì tác động ngay tới dân chúng ; hành vi từ gần phát ra thì ảnh hưởng hiện ngay ở xa. Lời nói, việc làm của người quân tử cũng như cái máy cái chốt, cái máy cái chốt đó phát rồi là cái gốc của điều vinh nhục. Do lời nói và việc làm mà người quân tử cảm động được trời đất, như vậy phải nên thận trọng"

## 6. Đồng nhân tiên hào đào nhi hậu tiểu

Tử viết : Quân tử chi đạo hoặc xuất hoặc xử, hoặc mặc hoặc ngữ, nhị nhân đồng tâm, kì lợi đoạn kim, đồng tâm chi ngôn, kì xú như lan.

" Hai người đồng tâm với nhau thì trước kêu rêu rồi sau lại cười.

Khổng Tử giải thích: Như đạo người quân tử, hoặc xuất hoặc xử, hoặc yên lặng hoặc nói năng, hai người mà cũng một lòng (đồng tâm) thì sức mạnh bẻ gãy được loại kim, ngăn cách họ và lời của họ thấm thía như hương lan"

## 7. Sơ lược, tạ dụng bạch mao, vô cữu

Tử viết : Cầu thổ chư địa nhi khả hĩ, tạ chi dụng mao, hà cữu chi hữu ? Thận chi chí dã, Phù mao chi vi vật bạc nhi dụng khả trọng dã. Thận tư thuật dã dĩ vãng, kì vô sở thất hĩ.

" Lót vật gì mà dùng cỏ mao trắng thì không có lỗi.

Khổng Tử giải thích : Nếu đặt vật gì xuống đất cũng được rồi, mà lại còn dùng cỏ mao trắng để lót nữa thì còn sợ gì đổ bể nữa ? Như vậy là rất cẩn thận. Cỏ mao là vật tầm thường mà biết dùng thì lại đáng quý. Nếu ta thận trọng như vậy khi làm việc đời thì chắc không bị lỗi"

## 8. Lao khiêm, quân tử hữu chung, cát

Tử viết : Lao nhi bất phạt, hữu công chi bất đức, hậu chi chí dã. Ngử dĩ kì công hạ nhân giả dã. Đức ngôn thịnh, lễ ngôn cung, khiêm dã giả, trí cung dĩ tồn kì vị giả dã.

" Khó nhọc mà nhún nhường, người quân tử giữ được địa vị tới cùng, tốt.

Khổng Tử giải thích : Khó nhọc mà không khoe khoang, có công với đời mà chẳng nhận là ân đức, đức như vậy là cực dày. Lao khiêm có nghĩa rằng lấy công lao của mình mà nhún nhường ở dưới người. Đạo đức thì thịnh, lễ mạo thì cung kính, người khiêm hết lòng cung kính mà giữ được địa vị"

## 9. Kháng long hữu hối.

Tử viết : Quý nhi vô vị, cao nhi vô dân, hiền nhi tại hạ vị nhi vô phụ, thị dĩ động nhi hữu hối dã.

" Rồng lên cao đến cùng cực, tất có điều phải ăn năn. Khổng Tử giải thích: Hào 6 dương, quý vì ở trên cao hơn hết nhưng không có ngôi, cao mà người không có dân, vì hào 5 là vua mới có dân, các người hiền ở dưới mình mà không giúp đỡ mình, cho nên nếu hoạt động thì tất có điều phải ăn năn"

## 10. Bất xuất hộ đình, vô cữu

Tử viết : Loạn chi sở minh dã tắc ngôn ngữ dĩ vi giai. Quân bất mật tắc thất thần, thần bất mật tắc thất thân, cơ sự bất mật tắc hại thành. Thị cố, quân tử thận mật nhi bất xuất dã.

" Không ra khỏi sân ngõ thì không bị lỗi.

Khổng Tử giải thích: Loạn sở dĩ sinh ra là do ngôn ngữ gây ra trước. Ông vua mà không cẩn ngôn thì mất bề tôi ; bề tôi mà không cẩn ngôn thì mất thân mình ; mưu cơ mà không giữ kín thì tai hại sinh ra. Cho nên người quân tử cẩn mật mà giữ gìn lời nói, không cho tiết lộ ra"

11. Tử viết : Tác Dịch giả, kì tri đạo hồ ? Dịch viết : Phụ thừa thừa, trí khẩu chí. Phụ dã giả, tiểu nhân chi sự dã ; thừa dã giả, quân tử chi khí dã. Tiểu nhân nhi thừa quân tử chi khí, đạo tư đoạt chi hĩ. Thượng mạn hạ bạo, đạo tư phạt chi hĩ.

Mạn tàng hối đạo, dã dung hối dân.

Dịch viết : Phụ thả thừa, trí khẩu chi đạo chi chiêu dã

" Khổng Tử : Người làm Dịch biết được tâm lí bọn ăn trộm chẳng ?

Kinh Dịch viết : Kẻ mang đội đồ vật mà lại ngồi xe là xui bọn trộm cướp tới. Là vì mang đội đồ vật là công việc của người thường, người nghèo, mà xe là đồ dùng của người sang, người giàu. Người thường mà ngồi xe của người sang là xui cho kẻ trộm cướp tìm cách cướp đoạt của mình. Người trên khinh nhờn, kẻ dưới ỷ thế tàn bạo, thì kẻ cướp tìm cách đánh đuổi ngay. Giấu cất không kín đáo là dạy cho kẻ trộm vào lấy của nhà mình ; trau giồi nhan sắc là dạy cho bọn gian dân hiếp mình.

Kinh Dịch nói : Kẻ mang đội đồ vật mà lại ngồi xe là xui bọn trộm cướp tới. Đó là tự mình vờ trộm cướp tới "

## CHƯƠNG 9

1. Thiên nhất Địa nhị, Thiên tam Địa tứ, Thiên ngũ Địa lục, Thiên thất Địa bát, Thiên cửu Địa thập.

" Số của Trời là 1, của Đất là 2, của Trời là 3, của Đất là 4 ; của Trời là 5, của Đất là 6 ; của Trời là 7, của Đất là 8, của Trời là 9, của Đất là 10"

2. Thiên số ngũ, địa số ngũ. Ngũ vị tương đắc nhi các hữu hợp. Thiên số nhị thập hữu ngũ, địa số tam thập. Phàm thiên địa chi số ngũ thập hữu ngũ. Thử sở dĩ thành biến hoá nhi hành quỷ thần dã.

" Có năm số về trời, tức những số lẻ: 1, 3, 5, 7, 9 ; năm số về đất, tức những số chẵn: 2, 4, 6, 8, 10. Có năm số về trời tương đắc với năm số về đất. Do đó mà thành ra biến hoá và hành động như quỷ thần"

3. Đại diện chi số ngũ thập, kì dụng tứ thập hữu cửu. Phân nhi vị nhị dĩ tượng lưỡng. Quải nhất dĩ tượng tam. Thiệt chi dĩ tứ dĩ tượng tứ thời.

Quy cơ ư lạc dĩ tượng nhuận. Ngũ tuế tái nhuận, cổ tái lạc nhi hậu quải.

" Số đại diện - chiêm phê là 50, nhưng trong việc bói chỉ dùng 49 cọng cỏ thi. Chia các cọng làm hai, một để bên trái, một để bên phải, tượng trưng hai nghi (lưỡng nghi). Rồi lấy 1 cọng cỏ thi cài vào khi ngón út tay trái để tượng trưng tam tài (Trời – Đất - Người). Ở mỗi bên nhặt đếm, cứ bốn cọng để tượng trưng bốn mùa. Dành chỗ lẻ còn lại kẹp ở khe ngón giữa tay trái, tượng trưng tháng nhuận. Cứ 5 năm thì có hai tháng nhuận. Lại đem số cọng cỏ thi còn lại (ở bên trái) kẹp vào (ngón giữa tay trái). Rồi sau đó lại làm lại từ đầu"

4. Càn chi sách nhị bách nhất thập hữu lục ; Khôn chi sách bách tứ thập hữu tứ, phàm tam bách hữu lục thập, dương cơ chi nhật.

" Số lượng cỏ thi của Càn là 216 cọng (thẻ), thẻ của Khôn là 144, tổng cộng là 360, hợp với số ngày trong một năm"

5. Nhị thiên chi sách vạn hữu nhất thiên ngũ bách nhị thập, dương vạn vật chi số đã.

" Số thẻ của hai thiên (thượng kinh và hạ kinh, tổng cộng 64 quẻ) của Dịch là 11.520, hợp với con số của vạn vật"

6. Thị cổ tứ dinh nhi thành Dịch, thập hữu bát biến nhi thành quái.

" Cho nên bốn lần mà thành một lần biến, mười tám lần biến, mới thành một quẻ"

7. Bát quái nhi tiểu thành.

" Được tám quẻ đơn rồi thì gọi là tiểu thành"

8. Dẫn nhi thân chi, xúc loại nhi trường chi, thiên hạ chi năng sự tất hĩ.

" Cứ như vậy mà tiếp tục mở rộng ra 64 quẻ, tiếp xúc với từng loại mà khai triển ra thì tóm hết được mọi việc có thể xảy ra trong thiên hạ"

9. Hiến đạo, thần đức hạnh, thi cố khả dĩ thù tạc, khả dĩ hựu thần hĩ.

**" Kinh Dịch làm rõ rệt cái đạo và làm cho đức hạnh đẹp như ngọc một cách**

**thần kì, Dịch lí có thể giúp ta tinh thông mọi việc trong thiên hạ, cho nên có thể làm sáng rõ đạo vô vi và làm cho đức hạnh đạt đến mức độ thần linh"**

10. Tử viết : Tri biến hoá chi đạo giả, kì tri thần chi sở vi hồ ?

" Không Tử nói: Ai biết được đạo biến hoá thì biết được việc làm của thần chẳng? "

## CHƯƠNG 10

1. Dịch hữu thánh nhân chi đạo tứ yên : Dĩ ngôn giả thượng kì từ, dĩ động giả thượng kì biến, dĩ chế khí giả thượng kì tượng, dĩ bốc phệ giả thượng kì chiêm.

" Kinh Dịch có bốn đạo của thánh nhân thường dùng : Khi nói năng, ta theo lời từ (quái từ, hào từ) ; khi hành động ta tuân theo lẽ biến hoá trong Kinh ; khi chế tạo đồ dùng, chúng ta phỏng theo những hình tượng trong Kinh ; khi bói toán ta theo nguyên lí bói phệ trong Kinh"

2. Thị dĩ quân tử tương hữu vi dã, tương hữu hành dã, vấn yên nhi dĩ ngôn.

Kì thụ mệnh dã như hưởng, vô hữu viễn cận, u thâm, toại tri lai vật. Phi thiên hạ chi chí tinh, kì thực năng dự ư thử ?

" Cho nên, người quân tử sắp làm hay tiến hành việc gì thì dùng bói phệ mà hỏi



Dịch. Dịch nhận được mệnh của bói phê và trả lời nhanh như tiếng vang. Không kể xa gần sâu tối, Dịch cũng biết được cái gì sẽ xảy ra. Nếu Dịch không phải là cái gì rất tinh vi trong thiên hạ thì đâu có làm được như vậy ?"

3. Tham ngũ dĩ biến, thác tổng kì số. Thông kì biến toại thành thiên địa chi văn, cực kì số toại định thiên hạ chi tượng. Phi thiên hạ chi chí biến, kì thực năng dự ư thử ?

" Tìm hiểu ba lần, năm lần, mới thông hiểu được sự biến hoá (âm - dương) ; mới thấy được sự hình thành văn thái của trời đất ; xem xét đến cùng, thì mới phán đoán được các hình tượng trong thiên hạ.

Nếu Dịch không thông hiểu biến hoá (âm - dương) không phán đoán được các hình tượng trong thiên hạ, thì đâu có làm được như vậy ?"

4. Dịch vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cổ. Phi thiên hạ chi chí thần kì thực năng dự ư thử ?

" Làm ra Dịch không phải là do sự trầm tư mặc tưởng mà do vô vi tự nhiên mà có ; nó tĩnh lặng, bất động, chỉ dựa vào giao cảm, âm dương tương ứng mà thấu được muôn việc trong thiên hạ. Nếu Dịch không phải là cái thần diệu tốt bậc trong thiên hạ thì đâu có được như vậy ?"

5. Phù Dịch thánh nhân chi sở dĩ cực thâm nhi nghiên cơ dã.

" Thánh nhân nhờ Dịch mà biết được sâu và xét được lẽ tinh vi từ khi sự việc

mới mạnh nha"

6. Duy thâm dã cố năng thông thiên hạ chí chí, duy cơ dã cố năng thành thiên hạ chi vụ, duy thần dã cố bất tật nhi tốc, bất hành nhi chí.

**" Nhờ biết được sâu nên mới thông hiểu được cái chí của thiên hạ, chỉ nhờ xét được tinh vi nên mới hoàn thành được mọi việc trong thiên hạ. Nhờ thần diệu, cho nên không vội vàng mà hoá ra mau chóng, không đi mà đến"**

**7.Tử viết:Dịch hữu thánh nhân chi đạo tứ yên giả, thử chi vị dã.**

**" Không Tử nói : Kinh Dịch có bốn cái đạo của thánh nhân là thế đó"**

## CHƯƠNG 11

**1.Tử viết:Phù Dịch hà vi dã giả ? Phù Dịch khai vật thành vụ, mạo thiên chi đạo, như tư nhi dĩ giả dã.**

Thị cố thánh nhân dĩ thông thiên hạ chí chí, dĩ định thiên hạ chi nghiệp, dĩ đoán thiên hạ chi nghi.

**" Khổng Tử nói : Đạo Dịch để làm gì ? Để mở mang trí và chí cho loài người,**

tạo thành muôn việc, gồm hết các đạo lí trong thiên hạ, chỉ có vậy mà thôi.

Cho nên thánh nhân dùng Dịch để thông cái chí của thiên hạ, thành tựu những việc trong thiên hạ, quyết đoán sự ngờ vực trong thiên hạ"

2.Thị cổ thi chi đức viên nhi thần, quái chi đức phương dĩ trí, lục hào chi nghĩa dịch dĩ cố.

Thánh nhân dĩ thử tẩy tâm, thoái tàng ư mật, cát hung dữ dân đồng loạn, thần dĩ tri lai, trí dĩ tàng vãng.

Kì thực năng dự ư thử ? Cổ chi thông minh duệ trí, thần vũ nhi bất sát giả phù ?

" Cái đức của cỏ thi thì tròn trịa mà thần diệu, cái đức của quẻ thì vuông vức mà sáng suốt, cái nghĩa của sáu hào biến đổi để chỉ bảo chúng ta về sự tốt xấu. Thánh nhân dùng ba đức ấy mà rửa lòng cho trong sạch, lúc vô sự thì cất giấu đạo đức ấy ở đáy lòng, lúc hữu sự thì biết được tốt - xấu cùng vui, cùng lo với trăm họ, vừa biết trước việc sắp tới một cách thần kì, vừa chứa cất những kinh nghiệm cũ, một cách sáng suốt.

Ai có thể được như vậy ? Chỉ người xưa thông minh sáng suốt dùng uy vũ một cách thần diệu, mà chẳng tàn sát là được vậy thôi "

3. Thị dĩ minh ư thiên chi đạo nhi sát ư dân chi cổ, thị hưng thần vật dĩ tiền dân dụng. Thánh nhân dĩ thử trai giới dĩ thần minh kì đức phù.

" Cho nên, thánh nhân muốn làm rõ đạo trời, hiểu tình cảnh của trăm họ, mới tạo cách bói thần diệu bằng cỏ thi, dạy cho dân lúc cần tới thì sử dụng, để tránh xấu tìm tốt. Vì thế mà thánh nhân khi bói Dịch, dùng Dịch phải trai giới để cho đức của mình được thần diệu, sáng tỏ"

4. Thị cố hạp hộ vị chi Khôn, tịch hộ vị chi Càn. Nhất hạp nhất tịch chi biến, vãng lai bất cùng chi vị thông, hiện nãi vị chi tượng, hình nãi vị chi khí, chế nhi dụng chi vị chi pháp, lợi dụng xuất nhập, dân hàm dụng chi vị chi thần.

" Dịch thể hiện được đạo âm – dương biến hoá, sinh tức, ví như đóng cửa cất giấu muôn vật, gọi là Khôn, mở cửa lộ mở muôn vật, gọi là Càn. Một lần đóng, một lần mở gọi là biến, qua lại không ngừng gọi là thông ; lẽ biến thông đó khi hiện ra ở sự vật thì gọi là tượng ; mô phỏng cái tượng đó mà tạo ra hình thì gọi là đồ dùng, cách chế mà dùng đồ đó gọi là phép ; trong đời sống hằng ngày, mọi người đều dùng nó, như vậy mới gọi là thần kì"

**5.Thị cố Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái.**

" Dịch có Thái cực, Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái"

6. Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp.

" Tám quẻ để đoán định được tốt xấu, có đoán định được tốt xấu, thì mới sinh nghiệp lớn"

7. Thị cổ pháp tượng mạc đại hồ thiên địa ; biến thông mạc đại hồ tứ thời ; huyền tượng trữ minh mạc đại hồ nhật nguyệt ; sùng cao mạc đại hồ phú quý ; bị vật trí dụng, lập thành khí dĩ vi thiên hạ lợi, mạc đại hồ thánh nhân ; thám trách sách ẩn, câu thâm trí viễn dĩ định thiên hạ chí cát hung, thành thiên hạ chi môn giả, mạc đại hồ thi quy.

" Phỏng theo tự nhiên thì không gì lớn bằng trời đất, về biến thông thì không gì lớn bằng bốn mùa ; về hình tượng treo ở trên trời và sáng rõ thì không gì lớn bằng mặt trời, mặt trăng ; được tôn sùng, cao cả thì không gì lớn hơn giàu sang ; chuẩn bị sự vật để dùng, tạo lập khí cụ làm lợi cho thiên hạ thì không ai lớn hơn thánh nhân ; dò cái thâm u, tìm cái kín đáo, thấu cái sâu, đạt được cái xa, mà định sự cát hung cho thiên hạ khiến cho thiên hạ đều gắng gỏi, thì không gì bằng bói cỏ thi và xem mai rùa"

8. Thị cổ thiên sinh thần vật, thánh nhân tắc chi ; thiên địa biến hoá, thánh nhân hiệu chi ; thiên thùy tượng, hiện cát hung, thánh nhân tượng chi ; Hà xuất đồ, Lạc xuất thư, thánh nhân tắc chi.

" Cho nên, trời sinh ra thần vật như cỏ thi và mai rùa, thì thánh nhân áp dụng theo mà lập ra bốc phệ ; trời đất xuất hiện bốn mùa biến hoá, thì thánh nhân bắt chước để chế định các điều lệnh thưởng phạt ; trời bày ra hình tượng mặt trời, mặt trăng, tinh tú hiện rõ các triệu tốt xấu, thì thánh nhân phỏng theo mà làm ra các khí cụ thiên văn ; sông Hoàng Hà hiện Long đồ đồ, sông Lạc Thuỷ xuất hiện Quy thư, thì thánh nhân áp dụng theo, soạn ra Bát quái, Cửu trù"

9. Dịch hữu tứ tượng sở dĩ thị dã ; hệ từ yên sở dĩ cáo dã ; định chi dĩ cát hung sở dĩ đoán dã.

" Dịch có Tứ tượng (Thái dương, Thiếu dương, Thái âm, Thiếu âm) để biểu thị cho người ta thấy các điềm triệu ; có lời đoán ghép vào mỗi quẻ, mỗi hào, để chỉ

cho người ta ý nghĩa, định thế nào là tốt, là xấu, để người ta quyết đoán"

## CHƯƠNG 12

### 1. Dịch viết: Tự thiên hữu chi, vô bất lợi 8

Tử viết : Hữu giả trợ dã. Thiên chi sở trợ giả thuận, nhân chi sở trợ giả tín.

Lí tín, tư hồ thuận, hữu dĩ thượng hiền dã, thị dĩ tự thiên hữu chi ; cát, vô bất lợi dã.

" Dịch viết : Tự trời phù hộ cho, tốt ; không có gì là không lợi.

Khổng Tử giải thích : Phù hộ (hữu) nghĩa là giúp (trợ). Ai thuận với đạo trời thì trời giúp cho ; ai có lòng thành tín với người thì người giúp cho. Giữ lòng thành tín với người, nghĩ đến sự thuận đạo trời, lại biết trong người hiền, như vậy thì được trời phù hộ cho ; tốt ; không có gì là không lợi"

### 2. Tử viết : Thự bất tận ngôn, ngôn bất tận ý, nhiên tắc thánh nhân chi ý kì bất khả kiến hồ ?

Tử viết : Thánh nhân lập tượng dĩ tận ý, thiết quái dĩ tận tình nguy, hệ từ yên dĩ tận kì ngôn, biến nhi thông chi dĩ tận lợi, cổ chi vũ chi dĩ tận thần.

" Khổng Tử nói : Sách không nói hết lời, lời không diễn hết ý ; vậy thì cái ý của thánh nhân không thể thấy hết được sao ?

Khổng Tử (lại) nói : Thánh nhân đặt ra tượng để diễn hết ý, đặt ra quẻ để diễn hết sự thực hay giả, đặt ra lời đoán ghép vào mỗi quẻ, mỗi hào để nói hết lời, biến thông để dùng cho hết cái lợi, cổ võ để đưa ra hết cái thần diệu"

3. Càn, Khôn, kì Dịch chi uẩn da ? Càn, Khôn thành liệt nhi Dịch lập hồ kỳ trung hĩ. Càn, Khôn hủy tắc vô dĩ kiến dịch. Dịch bất khả kiến tắc Càn, Khôn hoặc cơ hồ tức hĩ.

" Phải chăng Càn, Khôn là cái sâu kín của đạo Dịch ? Càn, Khôn đã được thiết lập rồi mà đạo Dịch lập nên ở trong. Càn, Khôn bị hủy diệt thì còn gì để thấy đạo Dịch nữa. Dịch không thấy được thì cơ hồ Càn – dương , Khôn - âm không thi hành được"

4. Thị cố hình nhi thượng giả vị chi Đạo ; hình nhi hạ giả vị chi Khí ; hoá nhi tài chi vị chi biến ; suy nhi hành chi vị chi thông ; cử nhi thố chi thiên hạ chi dân, vị chi sự nghiệp.

" Cho nên, cái có trước khi có hình (nhân tố tinh thần), thì gọi là Đạo ; cái có từ khi có hình (trạng thái vật chất), thì gọi là khí ; hai vật ấy, có công dụng khiến cho sự vật giao cảm, hoá dục, hai vật ấy lại tiết chế lẫn nhau gọi là biến ; thuận theo mà biến đổi, phát triển rộng khắp thì gọi là thông ; đem đạo lí này ra cho mọi người trong thiên hạ sử dụng, gọi là sự nghiệp"

5. Thị cố phù tượng, thánh nhân hữu kiến thiên hạ chi trạch, nhi nghĩ chư kì hình dung, tượng kì vật nghi, thị cố vị chi tượng.

Thánh nhân hữu dĩ kiến thiên hạ chi động, nhi quan kì hội thông, dĩ kì diễn lễ, hệ từ yên dĩ đoán kì cát hung, thị cố vị chi hào.

"Thánh nhân thấy được cái lẽ sâu kín trong thiên hạ mà đặt chúng thành hình tượng cụ thể, rồi theo đó mà tượng trưng bằng ý nghĩa thích hợp, gọi là tượng – quái.

Thánh nhân lại thấy muôn vật trong thiên hạ không ngừng vận động, mà xét cái hội hợp, biến thông, trong đó để có lợi cho việc thi hành phép tắc, lễ nghi, nên ghép lời từ vào dưới 64 quẻ, 384 hào để phán đoán tốt xấu trong sự biến động của sự vật, gọi là hào"

6. Cực thiên hạ chi trách giả tồn hồ quái ; cố thiên hạ chi động giả tồn hồ từ.

" Hình quẻ là diễn đến cùng cực cái lẽ sâu kín khó thấy trong thiên hạ ; cốt lõi của lời quẻ, lời hào là cố vũ sự hăng hái hoạt động trong thiên hạ"

7. Hoá nhi tài chi tồn hồ biến ; suy nhi hành chi tồn hồ thông, thần nhi minh chi tồn hồ kì nhân ; mặc nhi thành chi bất ngôn nhi tín tồn hồ đức hạnh.

"Thúc đẩy cho sự tương giao, cảm hoá nhưng tiết chế lẫn nhau, để làm cho muôn vật thuận theo quy luật mà biến đổi, phát triển, là ở sự thông suốt ; làm cho đạo của Dịch thần kì sáng rõ là người biết vận dụng Dịch ; yên lặng tu dưỡng mà thành tựu, không nói gì mà người khác tin mình, là nhờ ở đức hạnh"



# HỆ TỪ HẠ TRUYỆN

## CHƯƠNG 1

### **1. Bát quái thành liệt, tượng tại kì trung hĩ ; nhân nhi trùng chi, hào tại kì trung hĩ.**

" Tám quẻ được tạo thành, sự tượng trưng của muôn vật đã có trong đó rồi ; nhân đó mà chồng tám quẻ lên với nhau, thành 64 trùng quái, thì 384 hào cũng nằm ở trong đó"

### **2. Cương nhu tương thôi, biến tại kì trung hĩ ; hệ từ yên nhi mệnh chi, động tại kì trung hĩ.**

" Hào cương – dương, nhu – âm, độn đẩy nhau mà có sự biến hoá ở trong ; lời đoán tốt xấu được ghép vào mỗi hào, mà sự động của hào sẽ ra sao đã chỉ ra ở trong đó"

### **3. Cát hung hối lận giả sinh hồ động giả dã.**

"Tốt xấu, ăn năn và tiếc, nhân cái động trong quẻ và hào mà thấy"

### **4. Cương nhu giả lập bản dã ; biến thông giả thú thời giả dã.**

" Hào cương – dương, nhu – âm có ngôi nhất định sẵn, nét dương nên ở ngôi lẻ : 1, 3, 5 nét âm nên ở ngôi chẵn : 2, 4, 6, từ ngôi này mà đổi ra ngôi kia phải theo thời"

5. Cát hung giả, trinh thắng giả dã.

" Giữ được sự trinh chính thì tốt thắng xấu, không giữ được trinh chính thì xấu thắng tốt, là quy luật nhất định"

6. Thiên địa chi đạo trinh quan giả dã ; nhật nguyệt chi đạo trinh minh giả dã ; thiên hạ chi động trinh phù nhất giả dã.

" Đạo trời đất chỉ cho chúng ta quy luật tốt xấu là chính thì tốt thắng xấu ; đạo mặt trời, mặt trăng sáng tỏ là vì theo luật đó ; các hoạt động trong thiên hạ cũng theo một luật đó mà thôi"

7. Phù Càn xác nhiên thị nhân dị hĩ ; phù Khôn đòi nhiên thị nhân giản hĩ.

" Đạo Càn mạnh mẽ, cường kiện, lấy cái bình dị mà thể hiện ; đạo Khôn mềm mại, nhu thuận, lấy cái đơn giản mà thể hiện"

8. Hào dã giả hiệu thử giả dã ; tượng dã giả, tượng thử giả dã.

" Hào có hào lẻ hào chẵn, là bắt chước đạo Càn - Khôn, tượng là phỏng theo đạo Càn - Khôn mà diễn bằng hình tượng"

9. Hào tượng động hồ nội, cát hung hiện hồ ngoại. Công nghiệp hiện hồ biến, thánh nhân chi tình hiện hồ từ.

" Hào và tượng động ở trong, mà tốt xấu hiện ra ngoài ; công nghiệp hiện ra ở sự biến hoá, mà tình ý của thánh nhân hiện ra lời quẻ, lời hào"

10. Thiên Địa chi đại đức viết sinh, thánh nhân chi đại bảo viết vị.

Hà dĩ thủ vị ? Viết nhân, Hà dĩ tỵ nhân ? Viết tài, lí tài chính từ cấm dân vi phi viết nghĩa.

" Đức lớn của trời đất là sinh sinh hoá hoá, cái rất quý của thánh nhân là cái ngôi vị.

Nhờ cái gì mà giữ được ngôi ? Nhờ cái gì mà tỵ hợp được người lại ? Nhờ tiền của, biết quản lí tiền của, các sản phẩm để nuôi dân ; điều chỉnh lời để dạy dân, dùng pháp luật cấm dân làm bậy ; như vậy là hợp với điều nghĩa"

## CHƯƠNG 2

1. Cổ giả Bào Hi thị chi vương thiên hạ dã, ngưỡng tắc quan tượng ư thiên, phủ tắc quan pháp ư địa, quan điểm thú chi văn dữ thiên địa chi nghi, cận thủ chư

thân, viễn thủ chư vật, ư thị thủy tác bát quái dĩ thông thần minh chí đức, dĩ loại vạn vật chi tình.

" Ngày xưa họ Bào Hi cai trị thiên hạ, ngẩng lên thì xem các hình tượng trên trời, cúi xuống thì xem các phép tắc dưới đất, xem các văn vẻ của chim muông cùng những thích nghi với cuộc sống trên mặt đất. Gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở vật, rồi làm ra bát quái để thông suốt cái đức thần minh và điều hoà cái tình của vạn vật"

2. Tác kết thẳng vi vông cổ, dĩ điền dĩ ngư, cái thủ chi Li.

" Bào Hi thắt dây thành cái lưới để săn thú, đánh cá, là lấy tượng của quẻ Li"

3. Bào Hi thị một, Thần Nông thị tác, tác mộc vi tỉ, nhu mộc vi lỗi, lỗi nậu chi lợi, dĩ giáo thiên hạ, cái thủ chư Ích.

" Họ Bào Hi mất, khi họ thần Nông lên thay, đẽo gỗ làm cày, uốn cây làm cán, đem cái lợi của việc cày, bừa dạy cho thiên hạ, là lấy tượng quẻ Ích"

4. Nhật trung vi thị, trí thiên hạ chi dân, tự thiên hạ chi hoá, giao dịch nhi thoái, các đắc kì sở, cái thủ chi Phệ hạp.

" Mặt trời đứng bóng thì họp chợ, khiến dân trong thiên hạ tự lại trao đổi hàng hoá với nhau xong rồi về, ai cũng được như ý, là lấy tượng ở quẻ Phệ hạp"

5. Thần Nông thị một, Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn thị tác, thông kì biến, sử dân bất quỵện, thần nhi hoá chi, sử dân nghi chi.

Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu. Thị dĩ tự nhiên hữu chi cát, vô bất lợi.

Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn thùy y thường nhi thiên hạ trị, cái thủ chư Càn, Khôn.

" Họ Thần Nông mất, các họ Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, kế nghiệp, các ông tiếp tục cải biến vật dụng, pháp chế của đời trước, khiến cho dân tiến thủ không mệt, cách cải biến của các ông ấy thần diệu, khiến cho dân thích nghi và vui vẻ.

Đạo Dịch là đến lúc cũng tất phải biến, đã biến thì thông, nhờ thông mà được lâu dài. Thế là tự Trời giúp cho, tốt, không có gì là chẳng lợi. Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn cải tiến cách ăn mặc cho dân, mặc xiêm áo dài chùng, mà thiên hạ được trị, là lấy tượng ở quẻ Càn, quẻ Khôn"

6. Khô mộc vi chu, diệm mộc vi tiếp. Chu tiếp chi lợi dĩ tế bất thông trí viễn dĩ lợi thiên hạ, cái thủ chư Hoán.

" Xẻ gỗ làm thuyền, đẽo gỗ làm mái chèo. Cái ích lợi của thuyền, chèo là có phương tiện giao thông, tới những nơi xa được, làm lợi cho thiên hạ ; đó là lấy tượng ở quẻ Hoán"

7. Phục ngư thừa mã, dẫn trọng trí viễn dĩ lợi thiên hạ, cái thủ chư Tuỳ.

" Đánh bò, cưỡi ngựa, chở nặng đến xa, làm tiện lợi cho thiên hạ, đó là lấy tượng ở quê Tuy"

8. Trùng môn kích thác dĩ đãi bạo khách, cái thủ chư Dự.

" Đóng hai lần cửa, đánh mõ để báo động kẻ cướp, là lấy tượng ở quê Dự"

9. Đoạn mộc vi chữ, quật địa vi cữu ; cữu chữ chi lợi vạn dân dĩ tế, cái thủ chư Tiểu quá.

" Đẽo gỗ làm chày, đào đất làm cối ; cái ích lợi của cối chày là để giúp nhân dân, là lấy tượng ở quê Tiểu quá"

10. Huyền mộc vi hồ, diệm mộc vi thi ; hồ chỉ chi lợi dĩ uy thiên hạ, cái thủ chư Khuê.

" Giăng dây để uốn gỗ thành cung, đẽo gỗ làm tên ; dùng cái lợi của cung tên để làm uy với thiên hạ, là lấy tượng ở quê Khuê"

11. Thượng cổ huyết cư nhi dã xử ; hậu thế thánh nhân dịch chi dĩ cung thất, thượng đồng hạ vũ dĩ đãi phong vũ, cái thủ chu Đại tráng.

" Người thượng cổ, mùa đông ở trong hang, mùa hè ở giữa đồng ; thánh nhân đời sau mới làm ra nhà cửa, trên có đòn nóc, dưới có mái che, để phòng lúc mưa gió là lấy cái tượng ở quê Đại tráng"

12. Cổ chi táng giả, hậu ý chi dĩ tân, táng chi trung dã, bất phong bất thụ ; tang kì vô số ; hậu thế thánh nhân dịch chi dĩ quan quách, cái thủ chư Đại quá.

" Thời xưa, chôn cất người chết thì lấy củi bó một lớp dày chung quanh rồi chôn ở giữa đồng, không đắp mộ cũng không trồng cây, để tang bao lâu không hạn định ; đời sau thánh nhân cải biến tập tục, dùng áo quan và quách, là lấy tượng ở quẻ Đại quá"

13. Thượng cổ kết thừng nhi trị ; hậu thế thánh nhân dịch chi dĩ thư khế, bách quan dĩ trị, vạn dân dĩ sát, cái thủ chư Quải.

"Thời thượng cổ thắt nút dây, để ghi nhớ các việc, mà xử lí mọi việc ; đời sau thánh nhân nghĩ ra cách dùng văn tự, khế ước, mà điều hành việc quan, dân chúng dùng cách này để làm các việc nhỏ, là lấy tượng ở quẻ Quải"

### CHƯƠNG 3

1. Thị cổ Dịch giả tượng dã ; tượng giả tượng dã.

" Cho nên, Dịch là tượng trưng ; tượng trưng là phỏng theo ngoại vật"

2. Thoán giả tài dã.

"Thoán là nói chung về tài đức của mỗi quẻ"

3. Hào dã giả, hiệu thiên chi động giả dã.

" Sáu hào là phỏng theo các biến động của muôn vật trong thiên hạ"

4. Thị cổ cát hung sinh nhi hối lận trử dã.

" Cho nên tốt xấu sinh ra mà sự hối tiếc hiện rõ"

## CHƯƠNG 4

1. Dương quái đa âm, âm quái đa dương.

" Trong quẻ dương có nhiều âm, trong quẻ âm có nhiều dương"

2. Kì cổ hà dã ? Dương quái cơ, âm quái ngẫu.

" Tại sao như vậy ? Vì trong quẻ dương thì lấy một hào dương làm chủ (âm ít dương nhiều), quẻ âm lấy hai hào dương làm chủ (âm ít dương nhiều)"



3. Kì đức hạnh hà dã ? Dương nhất quân nhi nhĩ dân, quân tử chi đạo dã ; âm nhĩ quân nhi nhất dân, tiểu nhân chi đạo dã.

" Đức hạnh của những quẻ dương và âm ra sao ? Trong các quẻ dương có một vua - hào dương và hai dân - hào âm (vua được dân ủng hộ), hợp với đạo của quân tử ; trong các quẻ âm có hai vua – hào dương và một dân – hào âm (như hai vua muốn lật đổ nhau, kẻ dưới ở hai lòng), đó là tư cách của tiểu nhân"

## CHƯƠNG 5

1. Dịch viết : Đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư

Tử viết : Thiên hạ hà tư hà lự, thiên hạ đồng quy nhi thụ đồ, nhất trí nhi bách lự, thiên hạ hà tư hà lự ?

" Kinh Dịch viết : Trong việc giao thiệp mà lãng xãng, qua lại mà lòng ý bất định, bạn bè cuối cùng qua lại với anh chỉ là những người anh nghĩ tới mà thôi.

Khổng Tử giải thích : Đạo lí trong thiên hạ cần gì phải ngẫm nghĩ bằng ý riêng (tư), tính toán bằng mẹo vặt (lự), vì thiên hạ đường đi tuy khác nhau mà quy kết thì y như nhau: tính toán trăm lối mà cuối cùng chỉ quy về một lẽ, cần gì phải ngẫm nghĩ bằng ý riêng, tính toán bằng mẹo vặt"

2. Nhật vãng tắc Nguyệt lai, Nguyệt vãng tắc Nhật lai, Nhật Nguyệt tương thôi nhi minh sinh yên ; hàn vãng tắc thử lai, thử vãng tắc hàn lai, hàn thử tương thôi nhi tuế thành yên ; vãng giả khuất dã, lai giả thân dã, khuất thân tương cảm nhi

lợi sinh yên.

" Ví dụ :, mặt Trời qua thì mặt Trăng lại, mặt Trăng qua thì mặt Trời lại, mặt Trời mặt Trăng (cảm ứng nhau) xô đẩy nhau mà ánh sáng phát ra ; mùa lạnh qua thì mùa nóng lại, mùa nóng qua thì mùa lạnh lại, lạnh nóng (cảm ứng nhau) xô đẩy nhau mà thành ra năm tháng ; cái đã qua co rút lại, cái sắp tới duỗi dài ra, co rút (khuất), duỗi dài (thân), hai cái đó cảm ứng với nhau mà ích lợi mới nảy ra"

3. Xích hoạch chi khuất dĩ cầu thân dã ; long xà chi trập dĩ tồn thân dã ; tinh nghĩa nhập thần dĩ trí dụng dã ; lợi dụng an thân dĩ sùng đức dã.

" Con sâu đo co lại là để rồi duỗi ra ; con rồng con rắn nấp dưới vực, dưới đất, là để giữ mình. Người quân tử tìm hiểu nghĩa lí tới chỗ tinh vi, vào tới được chỗ thần diệu là để có công dụng cực kì mà lập nên sự nghiệp ; lợi dụng sự an định tâm thân là để cho đức được cao quý"

**4. Quá thử dĩ vãng, vị chi hoặc tri dã ; cùng thần tri hoá, đức chi thịnh dã.**

" Khi cái đức đã cao quý, từ đó mà tiến lên mãi thì sẽ đạt tới mức mà người thường khó đo lường được ; vì lúc đó đã cực kì thần diệu, biết hết lẽ biến hoá rồi, thánh đức đã rất thịnh"

5. Dịch viết : Khốn vu thạch, cử vu tật lê, nhập vu kì cung, bất kiến kì thê, hung

Tử viết : Phi sở khốn nhi khốn yên, danh tất nhục ; phi sở cử nhi cử yên, thân tất nguy ; kí nhục thả nguy, tử kì tương chi, thê kì khả đắc kiến da ?

" Kinh Dịch viết : Như một người bị khốn vì đá dẫn ở trên mà lại dựa vào cây tật lê, vô nhà thì lại không thấy vợ, xấu.

Khổng Tử giải thích : Không phải chỗ đáng bị khốn mà mình bị khốn thì danh ắt bị nhục ; không phải chỗ đáng dựa mà mình dựa vào thì thân mình tất bị nguy ; đã bị nhục lại bị nguy thì sắp chết tới nơi, còn thấy sao được vợ nữa"

6. Dịch viết : Công dụng thiệc, chuẩn vu cao dung chi thượng, hoạch chi, vô bất lợi

Tử viết : Chuẩn giả cầm dã, cung thi giả khí dã, thiệc chi giả nhân dã. Quân tử tàng khí ư thân, đãi thời nhi động, hà bất lợi chi hữu ? Động nhi bất quát, thí dĩ xuất nhi hữu hoạch, ngữ thành khí nhi động giả dã.

" Kinh Dịch viết : Một vị công nhằm bắn cho chim chuẩn ở trên bức tường cao. Bắn được, không có gì là không lợi.

Khổng Tử giải thích : Chuẩn là một loài chim, cung tên là đồ dùng, kẻ bắn là người. Người quân tử chứa sẵn đồ dùng (tài đức) ở trong mình, đợi thời mà hoạt động, thì có gì mà chẳng lợi ? Hoạt động mà không bị chướng ngại thì ra làm tất thành công: ý muốn nói phải có đủ đồ dùng rồi hoạt động cho đúng lúc"

7. Tử viết : Tiểu nhân bất sĩ bất nhân, bất úy bất nghĩa, bất kiến lợi bất khuyển, bất uy bất trừng. Tiểu trừng nhi đại giới, tiểu nhân chi phúc dã.

Dịch viết : Lí giáo diệt chỉ, vô cữu, thử chi vị dã

" Khổng Tử nói: Kẻ tiểu nhân không xấu hổ về điều bất nhân, không sợ điều bất nghĩa, không thấy lợi thì không gắng sức, không thấy cái uy, sự trừng trị, thì không răn mình. Nếu họ mới có tội nhỏ mà bị trừng trị ngay thì biết răn đe mà không mắc tội lớn, đó là phúc cho họ.

Kinh Dịch viết : Ví như mắc chân vào cái cùm mà đứt ngón chân cái, không có tội lớn, là nghĩa vậy"

8. Thiện bất tích bất túc dĩ thành danh ; ác bất tích bất túc dĩ diệt thân.

Tiểu nhân dĩ tiểu thiện vi vô ích nhi phát vi dã, dĩ tiểu ác vi vô thương nhi phát khứ dã ; cố ác tích nhi bất khả yếm, tội đại nhi bất khả giải.

**Dịch viết : Hạ giáo diệt nhĩ, hung.\***

" Không tích lũy được nhiều điều thiện thì không có danh tiếng được, không tích lũy nhiều điều ác thì không đến nỗi bị diệt thân thể. Kẻ tiểu nhân cho rằng một điều thiện nhỏ là vô ích nên không làm, một điều ác nhỏ là vô hại nên cứ làm ; vì vậy mà các điều ác cứ tích lũy tới lúc không che giấu được nữa, tội hoá lớn mà không thể tha được.

Kinh Dịch viết : Cổ tra vào gông, bị tội cắt tai, xấu."

9. Tử viết : Nguy giả an kì vị giả dã ; vong giả bảo kì tồn giả dã ; loạn giả hữu kì trị giả dã. Thị cố quân tử an nhi bất vong nguy, tồn nhi bất vong vong, trị nhi bất vong loạn. Thị dĩ nhân an nhi quốc gia khả bảo dã.

Dịch viết : Kì vong, kì vong, hệ vu bao tang

" Khổng Tử nói : Sợ dĩ đến nỗi nguy là vì mình chắc giữ yên được vị của mình ; sợ dĩ đến nỗi mất là vì mình chắc bảo tồn được ; sợ dĩ đến nỗi loạn là vì mình chắc sẽ có cách trị được. Cho nên, người quân tử khi yên ổn thì không quên rằng sẽ có thể nguy ; khi vững thì không quên rằng sẽ có thể mất ; khi trị thì không quên rằng sẽ có thể loạn. Nhờ vậy mà thân an, nước vững.

Kinh Dịch viết : Có thể mất đấy, có thể mất đấy: Biết lo trước như vậy thì sự nghiệp mình mới vững như buộc vào một cụm dâu"

10. Tử viết : Đức bạc nhi vị tôn, trí tiểu nhi mưu đại, tiểu nhi nhiệm trọng, tiến bất cập hĩ.

Dịch viết : Đỉnh chiết túc, phúc công tước, kì hình ốc, hung.Ngôn bất thăng kì nhiệm dã.

" Khổng Tử nói : Đức mỏng mà ngôi tôn, trí nhỏ mà mưu lớn, sức yếu mà gánh nặng, thì ít khi tránh được (tai nạn).

Kinh Dịch viết : Chân vạc gãy, đánh đổ thức ăn của nhà công hầu mà bị hình phạt nặng, xấu. Lời đó nói về cái hoạ không gánh nổi trách nhiệm"

11. Tử viết : Tri cơ kì thần hồ ! Quân tử thượng giao bất siểm, hạ giao bất độc, kì tri cơ hồ ! Cơ giả động chi vi, cát chi tiên kiến giả dã. Quân tử kiến cơ nhi tác, bất si chung nhật.

Dịch viết : Giới vu thạch, bất chung nhật, trinh cát. Giới như thạch yên, ninh dụng chung nhật, đoán khả thức hĩ. Quân tử tri vi, tri chương, tri nhu, tri cương, vạn phu chi vọng

" Khổng Tử nói : Biết trước được cái triệu chứng, từ khi mới có dấu hiệu, thì quả là thần diệu. Người quân tử giao tiếp với người trên thì không nịnh, với kẻ dưới thì không nhờn, là biết trước cái triệu chứng vậy. Triệu chứng là cái dấu hiệu đầu tiên rất nhỏ của sự biến động, cát hay hung chưa hiện mà đã thấy được.

Người quân tử thấy trước triệu chứng mà ứng phó ngay, không đợi cho tới hết ngày.

Kinh Dịch viết : Chí bền chắc như đá, chẳng đợi tới hết ngày (mà ứng phó ngay), chính đính, bền vững, tốt. Chí bền chắc như đá thì chẳng cần đợi tới hết ngày, vì phán đoán đã rành rẽ rồi. Người quân tử biết được lúc còn lơ mờ, lúc đã rõ rệt, biết lúc nào nên nhu, lúc nào nên cương. Vì vậy mà vạn người trông vào mình"

12. Tử viết : Nhan thị chi tử kì đãi thứ cơ hồ ! Hữu bất thiện vị thường bất tri, tri chi vị thường phục hành dã.

Dịch viết : Bất viễn phục vô kì hối, nguyên, cát.

" Khổng Tử nói : Người con họ Nhan, tức Nhan Hồi, chẳng ? Nếu anh ấy có làm lỗi gì thì biết ngay, biết rồi thì không mắc lần thứ nhì nữa.

Kinh Dịch nói : Tuy làm lỗi nhưng thời gian chẳng xa, trở lại tốt lành ngay, thì không đến nỗi ăn năn lớn ; rất tốt.

13. Thiên địa nhân huân, vạn vật hoá thuần ; nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh.

Dịch viết : Tam nhân hành tắc tồn nhất nhân, nhất nhân hành tắc đắc kì hữu.  
Ngôn trí nhất dã.

" Trời đất, âm dương giao cảm mà vạn vật hoá ra có đủ hình, giống đực giống cái kết hợp tinh khí mà vạn vật sinh nó biến hoá.

Kinh Dịch viết : Ba người cùng đi thì bớt đi một người, một người đi (một mình) thì được thêm bạn. Đó là nói về đạo nhất trí"

14. Tử viết : Quân tử an kì thân nhi hậu động, dị kì tâm nhi hậu ngữ, định kì giao nhi hậu cầu. Quân tử tu thữ tam giả, cố toàn dã. Nguy dĩ động tắc dân bất dữ dã, cụ dĩ ngữ tắc dân bất ứng dã, vô giao nhi cầu tắc dân bất dữ dã. Mạc chi dữ tắc thương chi giả chí hĩ.

Dịch viết : Mạc ích chi, hoặc kích chi, lập tâm vật hằng, hung ?

" Khổng Tử nói: Người quân tử làm cho thân mình được an ổn rồi sau mới hành động ; khiến cho lòng mình bình dị rồi sau mới nói – thuyết phục người khác, nếu không thì là vọng ngữ ; làm cho giao tình được bền rồi sau mới yêu cầu, nếu không là vụng về, sẽ thất bại. Người quân tử trau dồi ba điều đó nên được trọn vẹn, yên ổn.

Nếu ở trong cảnh nguy mà đã vội hành động thì dân không tin mình ; còn sợ hãi mà đã vội hành động thì dân không hưởng ứng ; giao tình chưa được bền mà đã vội yêu cầu thì dân sẽ từ chối. Không ai biểu đồng tình với mình thì cái hại sẽ tới ngay.

Kinh Dịch nói : Không ai làm ích cho mình mà có kẻ đả kích mình nữa, là vì không giữ được hằng tâm ; xấu"

## CHƯƠNG 6

1. Tử viết : Càn Khôn, kì Dịch chi môn da ? Càn dương vật dã, Khôn âm vật dã. Âm dương hợp đức nhi cương nhu hữu thể, dĩ thể Thiên Địa chi soạn, dĩ thông thần minh chi đức.

" Khổng Tử nói : Càn, Khôn là cửa của Dịch chăng ? Càn đại biểu những vật thuộc về dương, Khôn đại biểu những vật thuộc về âm. Đức (tính cách) của âm dương hợp với nhau mà hào dương và hào nhu mới có thực thể, nhân đó mà suy trắc được công việc của trời đất và thông cảm được đức của thần minh !"

2. Kì xưng danh dã tạp nhi bất việť. Ư kê kì loại, kì suy thể chi ý da ?



" Tên của các quẻ tuy lộn xộn nhưng ý nghĩa không vượt khỏi nghĩa lí của quẻ và hào ; khi xét về lời đoán của mỗi quẻ thì Dịch là mối suy tư của thánh nhân trong một đời loạn chăng ?"

3. Phù Dịch chương vãng nhi sát lai, nhi vi hiển triển u ; khai nhi đáng danh biện vật, chính ngôn, đoán từ, tắc bị hĩ.

" Dịch làm rõ cái đã qua mà xét cái sắp tới, làm sáng tỏ cái kín đáo, mở cái bí mật. Người làm Dịch khai triển hình tượng hay ý nghĩa, phân biệt mọi vật đúng với tên của chúng ; ngôn được chính, lời đoán được định rồi, thế là Dịch đầy đủ"

4. Kì xưng danh dã tiểu, kì thủ loại dã đại, kì chỉ viễn, kì từ văn, kì ngôn khúc nhi trúng, kì sự tứ nhi ẩn, nhân nhị dĩ tế dân hạnh, dĩ minh thất đắc chi báo.

" Về sự đặt tên trong Dịch thì tới cả những vật rất nhỏ, tầm thường, mà bao gồm cả những loại rất lớn như thiên địa, vũ trụ, ý nghĩa của Dịch sâu xa mà lời thì văn vẻ, lời giảng khúc chiết mà đúng sự việc, trình bày rõ ràng mà thâm diệu, u ẩn, nhân lòng dân có điều nghi ngờ mà giúp dân về đức hạnh, bằng cách tỏ cho dân thấy rõ sự ứng nghiệm về sự xấu tốt"

## CHƯƠNG 7

1. Dịch chi hưng dã, kì ư trung cổ hồ ? Tác Dịch giả kì hữu ưu hoạn hồ ?

" Đạo Dịch hưng thịnh lên ở thời trung cổ chăng ? Người làm Dịch có điều ưu tư lo lắng đấy chăng ?"

2. Thị cố, Lí, đức chi cơ dã ; Khiêm, đức chi bính dã ; Phục, đức chi bản dã ; Hằng, đức chi cố dã ; Tồn, đức chi tu dã ; Ích, đức chi dụ dã ; Khốn đức chi biến dã ; Tình, đức chi địa dã ; Tồn, đức chi chế dã.

" Quẻ Lí (lễ, là cung kính cẩn thận) là cái nền của đức, quẻ Khiêm (khiêm tốn) là chuôi của đức ; quẻ Phục (trở về với thiên lí) là gốc của đức ; quẻ Hằng (giữ lòng cho bền) là cái bền vững của đức ; quẻ Tồn (bớt dục, bớt giận) là sự trau dồi đức ; quẻ Ích (đạo đức tăng tiến) là sự nảy nở đầy đủ của đức ; quẻ Khốn (gặp nghịch cảnh mới kiểm nghiệm được cái đức) là để nghiệm xem đức cao hay thấp ; quẻ Tình (công dụng) là sự dày dặn của đức ; quẻ Tồn (thuận theo lẽ phải) là sự chế ngự đức, khiến cho nó thuần thực, linh hoạt"

3. Lí, hoà nhi chí ; Khiêm tốn nhi quang ; Phục, tiểu nhi biện ư vật ; Hằng, tạp nhi bất yếm ; Tồn, tiên nan nhi hậu dị ; Ích trường dụ nhi bất thiết ; Khốn, cùng nhi thông ; Tình, cư kì sở nhi thiên ; Tồn, xứng nhi ần.

**" Lí khuyên người ta ôn hoà, cẩn thận để đi đến đích ; Khiêm khuyên người ta khiêm tốn, tự hạ, nhưng lại được tôn trọng mà vẻ vang ; Phục là khuyên người ta thấy việc tuy nhỏ nhưng biện biệt thiện – ác, sáng tối ; Hằng khuyên người ta ở thời chính – tà lẫn lộn mà giữ được đức cho bền, không mệt, không chán ; Tồn khuyên người ta bớt tư dục, mới đầu tuy khó sau thành thói quen, hoá dễ ; Ích khuyên người ta giúp ích cho người một cách tự nhiên, tu dưỡng đạo đức, mà không làm ích một cách giả dối ; Khốn khuyên người ta thân tuy cùng mà đạo vẫn thông, nhờ đó hết cùng thì sẽ thông ; Tình khuyên người ta sống nơi yên ổn, thì ban phát ân huệ cho rộng, cho khắp ; Tồn khuyên người ta lúc cầu thuận thể hiện lệnh mà không để lộ tài đức ra"**

4. Lí dĩ hoà hạnh, Khiêm dĩ chế lễ ; Phục dĩ tự tri ; Hằng dĩ nhất đức ; Tồn dĩ

viễn hại, Ích dĩ hưng lợi ; Khốn dĩ quả oán ; Tỉnh dĩ biện nghĩa ; Tồn dĩ hành quyền.

"Lễ quẻ Lí để điều hoà tính của mình ; quẻ Khiêm để điều chế điều lễ ; quẻ Phục để làm chủ mình ; quẻ Hằng để cho đức của mình được thuần nhất ; quẻ Tồn để tránh xa mọi cái hại ; quẻ Ích để hưng khởi mọi cái lợi ; quẻ Khốn để khi hoạn nạn, ít phải oán hận ; quẻ Tồn để biết quyền biến"

## CHƯƠNG 8

1. Dịch chi vi thư dã bất khả viễn. Vi đạo dã lữ thiên, biến động bất cư, chu lưu lục hư, thượng hạ vô thường, cương nhu tương dịch, bất khả vi diễn yếu, duy biến sở thích.

" Sách Dịch bao gồm triết học nhân sinh và xử thế, không thể xa rời trong giây phút. Lễ đạo thể hiện trong Dịch thường biến thiên, biến hoá, vận hành không ngừng, xoay quanh trong khoảng 6 hào của các quẻ, lên xuống đi lại, đi lại lên xuống, âm dương thay nhau, không dùng khuôn mẫu cho mọi việc mọi thời được, mà phải biến hoá mới thích hợp"\*

2. Kì xuất nhập độ, nội ngoại sử cụ.

" Dịch ra vào có chừng mực, việc trong, việc ngoài, Dịch khuyên ta phải thận trọng"

3. Hựu minh ư ưu hoạn dữ cố, vô hữu sư bảo, như lâm phụ mẫu.

**" Dịch lại làm cho ta rõ sự lo lắng và duyên cớ, cho nên, ta tuy không có thầy, mà như có cha mẹ săn sóc"**

4. Sơ suất kì từ, nghi quỹ kì phương, kí hữu điển thường, cầu bất kì nhân, đạo bất hư hành.

" Mới đầu theo ý nghĩa của Thoán từ, hào từ mà dẫn đo ý nghĩa, nhưng khi thấy quy tắc rồi, nhưng không có người sáng suốt, thì cũng không thi hành làm sáng tỏ đạo Dịch"

## CHƯƠNG 9

1. Dịch chi vị thư dã, nguyên thủy yếu chung dĩ vi chất dã. Lục hào tương tạp, duy kì thời vật dã.

Kinh Dịch mỗi quẻ bắt đầu từ hào sơ, kết thúc ở hào thượng, đó là đủ thể của quẻ. Sáu hào là sáu thành phần của quẻ, xen lẫn nhau, chỉ cho biết ý nghĩa tùy từng thời thôi"

2. Kì sơ nan tri, kì thượng di tri, bản mặt dã. Sơ từ nghĩ chi, tốt thành chi chung.

\*Ghi chú :

Sách Dịch không thể quên.

Đạo Dịch thường biến thiên.

Biến động không ngừng.

Xoay quanh sáu cỗi.

Thăng giáng không nhất định.

Cương nhu (dương âm) thay nhau.

Không dùng làm khuôn mẫu bất dịch được

Có biến hoá mới thích hợp.

" Ý nghĩa hào 1 khó biết, ý nghĩa hào trên cùng dễ biết, vì hào 1 chỉ lúc đầu chưa biết sự việc biến chuyển ra sao, hào trên cùng chỉ lúc cuối lúc mãn cuộc, mọi biến chuyển đã biết rõ rồi. Lời đoán hào sơ là lời dẫn đo tính toán ; kết quả tốt cuối mới biết"

3. Nhược phù tạp vật soạn đức, biện thị dữ phi, tắc phi kì trung hào bất bị.

" Còn như muốn biết việc làm và tính cách của mỗi sự việc, phân biệt phải trái, thì phải xét (bốn) hào ở giữa mới đủ được"

4. Y, diệc yêu tồn vong, cát hung, tắc cư khả tri hĩ. Trí giá quan kì thoán từ, tắc tư quá hĩ.

" Ôi ! Muốn biết về sự mất – còn, tốt - xấu thì có thể dễ dàng biết được. Kẻ sáng suốt xem lời thoán toàn quẻ thì đã nghĩ ra quá nửa rồi"

5. Nhị dữ tứ đồng công nhi dị vị, kì thiện bất đồng. Nhị đa dự, tứ đa cụ, cận dã. Nhu chi vi đạo, bất lợi viễn giả, kì yếu vô cữu kì dụng nhu trung dã.

" Hào 2 và hào 4 có cùng công năng của âm – nhu và mỗi hào khác nhau ở ngôi vị trên dưới, nên điều lợi hại, được mất mà hai hào này tượng trưng cũng khác nhau. Hào 2 được nhiều tiếng khen, hào 4 phần nhiều sợ hãi, vì ở gần ngôi vua.

Một hào nhu, tức ở vị trí âm, mà ở xa, thì không lợi, nhưng quan trọng là không bị lỗi ; hào 2 được lợi vì nhu thuận mà đắc trung, do đó không bị lỗi"

6. Tam dữ ngũ đồng công nhi dị vị. Tam đa hung, ngũ đa công, quý tiện chi đẳng dã. Kì khu nguy, kì cương thắng.

" Hào 3 và hào 5 cùng công năng mà khác bậc, hào 3 thấp, hào 5 cao. Hào 3 gặp nhiều cái xấu, hào 5 làm nhiều cái lớn, là do sang hèn khác nhau. Ở vị trí nhu – âm, nhu nhược thì nguy, cương – dương, thì mới kham được nhiệm vụ của mình

chăng ? "

## CHƯƠNG 10

1. Dịch chi vi thư dã, quảng đại tất bị: hữu Thiên đạo yên, hữu Nhân đạo yên, hữu địa đạo yên, kiêm tam tài nhi lưỡng chi, cố lục. Lục giả, phi tha dã, tam tài chi đạo dã.

" Sách Dịch bao la (rộng lớn) gồm đủ cả: có đạo trời ; có đạo Người, có đạo Đất, gồm cả ba ngôi (tam tài là Trời, Người, Đất) mà nhân hai lên, cho nên thành ra sáu hào. Sáu hào không có gì khác là đạo của ba ngôi"

2. Đạo hữu biến động, cố viết hào. Hào hữu đẳng, cố viết vật. Vật tương hạp cố viết văn. Văn bất đáng, cố cát hung sinh yên.

" Đạo có thay đổi biến động, nên sáu vạch trong quẻ gọi là hào. Hào có bậc (cao thấp) trong quẻ, cho nên nó tượng trưng sự vật. Sự vật, cương – nhu xen nhau, cho nên có những đặc tính của mỗi hào. Đặc tính của mỗi hào có khi không thích hợp với vị trí của nó, cho nên mới sinh ra tốt xấu"

3. Dịch chi hưng dã. Kì đương Ân chi mật thế, Chu chi thịnh đức da ? Đương Văn Vương dữ Trụ chi sự da ? Thị cố kì từ nguy. Nguy giả sử bình, dị giả sử khuynh, kì đạo thậm đại, bách vật bất phế. Cự dĩ chung thủy, kì yêu vô cữu, thủ chi vị Dịch chi đạo dã ?

" Đạo Dịch hưng thịnh lên vào cuối đời nhà Ân, lúc đức nhà Chu đang thịnh ư ?

Vào lúc vua Văn Vương có chuyện với Trụ đầy ư ? Vì vậy mà Thoán từ (của Văn Vương) có giọng nguy sợ. Hễ có lòng nguy sợ thì tìm cách khiến cho nguy thành yên ; ngược lại, hễ có lòng coi thường, thì tự gây cho mình sự sụp đổ. Đạo Trời như vậy, đạo Dịch cũng vậy, thật to lớn, không bỏ một vật nào không xét tới, thận trọng từ đầu tới cuối là để không mắc lỗi, như vậy mới gọi là lẽ đạo của Dịch chăng ? "

## CHƯƠNG 11

1. Phù Càn, thiên hạ chi chí kiện dã, đức hạnh hằng dị, dĩ tri hiểm. Phù Khôn, thiên hạ chi chí thuận dã, đức hạnh hằng giản, dĩ tri trở.

" Đạo Càn mạnh nhất trong thiên hạ, đức của nó là làm việc gì cũng dễ dàng, bình dị, mà biết được chốn nguy hiểm. Đạo Khôn nhu thuận nhất trong thiên hạ, đức của nó là đơn giản, mà biết được sự trở ngại"

2. Năng duyệt chư tâm, năng nghiên chư hầu chi lược, định thiên hạ chi cát hung, thành thiên hạ chi vĩ vĩ dã.

"Thánh nhân vui trong lòng mà tìm tòi trong ý nghĩ, cho nên định được tốt xấu trong thiên hạ và thúc đẩy muôn vật trong thiên hạ gắng gỏi, phấn phát"

3. Thị cổ biến hoá vân vi, cát sự hữu tường, tượng sự tri khí, chiêm sự tri lai.

" Vì vậy, theo quy luật biến hoá của Dịch mà làm thì được tốt lành, ngay cả khi quan sát các vật tượng trưng, sẽ rõ được sự hình thành của những đồ khí cụ,



chiêm về vấn đề trước mắt, có thể suy biết được điều ứng nghiệm trong tương lai"

4. Thiên địa thiết vị, thánh nhân thành năng, nhân mưu quý mưu, bách tính dự năng.

" Trời đất đặt ngôi rồi, thánh nhân dựa theo đó mà sáng tác Dịch, để rộng thi thố công dụng, thế là mưu lự của con người thông với mưu lự của quỷ thần, ngay những người bình thường cũng nắm được công dụng của Dịch"

5. Bát quái dĩ tượng cáo, hào thoán dĩ tình ngôn. Cương nhu tạp cư nhi cát hung khả kiến hĩ.

" Bát quái lấy tượng để biểu thị triết lí, lời hào mô phỏng tình thái cụ thể của sự vật để trình bày ý nghĩa của quẻ ; sáu hào âm – nhu, dương – cương, ở các ngôi vị xen nhau, mà lẽ tốt xấu hiện ra"

6. Biến động dĩ lợi ngôn, cát hung dĩ tình thiên. Thị cố ái ố tương công nhi cát hung sinh, viễn cận tương thủ nhi hối lận sinh, tình nguy tương cảm nhi lợi hại sinh. Phàm Dịch chi tình, cận nhi bất tương đắc tắc hung, hoặc hại chi, hối thả lận.

" Sự vận động biến hoá của các hào có thích đáng hay không là dùng lợi hay bất lợi để biểu đạt, kết cuộc là tốt hay xấu là căn cứ vào tình thái của sự vật được dùng để ví mà dịch chuyển.

Cho nên sự vật yêu nhau, cầu nhau hoặc ghét nhau, thù nhau, thì xấu tốt sẽ sinh ra từ mâu thuẫn ấy, xa gần hoặc ứng nhau, hoặc thân kẻ nhau, mà lấy bỏ không thích đáng thì sự hối hận, đáng tiếc sinh ra từ đó.

Tình thái các sự vật được dùng để ví trong Dịch, thường hai vật liên nhau mà không tương đắc với nhau thì có hung hiểm, hoặc gặp phải những tổn hại do bên ngoài đưa tới, khó tránh khỏi hối hận, thẹn, tiếc"

7. Tương phản giả, kì từ tà, trung tâm nghi giả, kì từ chi ; cát nhân chi từ quả ; tảo nhân chi từ đa ; vu thiện chi nhân, kì từ du ; thất kì thủ giả, từ kì khuất.

"Tình thái của các sự vật được dùng để ví trong Dịch tương tự con người : Hễ người nào làm phản, thì lời nói tất nhiên có ý hồ thẹn không yên ; người mà trong lòng nghi hoặc thì lời nói tất nhiên rời rạc, thiếu gãy gọn ; người tốt thì tất nhiên lời nói ít mà tinh ; người nóng nảy, tất nhiên lời nói rườm rà ; kẻ vu cáo tất nhiên lời nói vòng vo ; người không giữ được chí, lời nói tất nhiên quanh co"

## THUYẾT QUÁI TRUYỆN

1. Tích giả thánh nhân chi tác Dịch dã, u tán ư thần minh nhi sinh thi. Tham lưỡng thiên địa nhi ỷ số. Quan biến ư âm dương nhi lập quái, phát huy ư cương nhu nhi sinh hào. Hoà thuận ư đạo đức nhi lí ư nghĩa ; cùng lí tận tính dĩ ư chí ư mệnh.

" Muốn thấy được cái thâm sâu của tạo hoá, Thánh nhân làm ra Dịch, bằng cách dùng cỏ thi để bói. Rồi lấy số 3 của trời và số 2 của đất, tượng trưng số lẻ, số chẵn. Lại quan sát quy luật biến hoá của trời – đất, âm – dương, mà đặt ra hình quẻ ; thay đổi hai vạch âm – nhu, dương – cương lập ra sự biến đổi, biến thiên

của các hào. Sau đó tu dưỡng đạo đức một cách hoà hợp, rồi vận dụng các phương pháp thích hợp để trị lý thiên hạ ; lại truy cứu đến tận lẽ thâm sâu của muôn vật, cứu xét cái tính mà vạn vật đã bẩm thụ từ trời – đất, vận mệnh mà trời – đất đã phú thác cho nó (mà định được lẽ tốt xấu)"

2. Tích giả, thánh nhân chi tác Dịch, tương dĩ thuận tính mệnh chi lí. Thị dĩ lập thiên chi đạo viết dữ dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa. Kiêm tam tài nhi lưỡng chi, cố Dịch lục hoạch nhi thành quái ; phân âm, phân dương, điệp dụng nhu cương, cố Dịch lục vị nhi thành chương.

" Thánh nhân thuận theo tính chất muôn vật, quy luật của tự nhiên để làm ra Dịch. Cho nên, xác lập đạo Trời có âm – dương, đạo Đất có nhu – cương, đạo Người có nhân – nghĩa. Mỗi quẻ có đủ tam tài (Thiên – Địa – Nhân) và hai nghi mới thành quẻ. Sáu hào, phân thành các ngôi âm – dương, có hào nhu – hào cương mới thành một quẻ Dịch, lúc ấy quẻ mới thành văn thành chương, nét đẹp của quẻ"

3. Thiên Địa định vị ; sơn trạch thông khí ; Lôi Phong tương bạc, Thuỷ hoả bất tương xạ ; bát quái tương thác. Số vãng giả thuận, tri lai giả nghịch, thị cố Dịch nghịch số dã.

" Trời – Đất, trên dưới đã định vị ; thì Núi – Đầm, một cao, một thấp, khí thông với nhau ; Sấm – Gió đều tự nổi lên tiềm nhập với nhau ; Nước – Lửa không quay lưng lại với nhau mà giúp nhau. Tám quẻ (Trời – Đất, Sơn – Trạch, Sấm - Gió, Thuỷ – Hoả) mâu thuẫn nhưng thống nhất hài hoà với nhau. Dựa vào sự biến hoá của âm – dương, tám quẻ, thì theo chiều thuận có thể suy ra việc đã qua, theo chiều nghịch có thể dự đoán được việc tương lai"

4. Đế xuất hồ Chấn, tề hồ Tốn, tương hiện hồ Li, trí dịch hồ Khôn, duyệt hồ Đoài, chiến hồ Càn, lao hồ Khảm, thành ngôn hồ Cấn.

Vạn vật xuất hồ Chấn, Chấn Đông phương dã ; Tề hồ Tốn, Tốn Đông Nam dã ;  
tề giả dã, ngôn vật chi khiết tề dã.

Li giả dã, minh dã, vạn vật giai tương hiện, Nam phương chi quái dã, thánh nhân  
Nam diện nhi thính thiên hạ, hướng minh nhi trị, cái thủ chi thử dã ?

Khôn giả dã địa dã, vạn vật giai trí dưỡng yên, cổ viết trí dịch hồ Khôn.

Đoài chính thu dã, vạn vật chi sở duyệt dã, có viết ngôn hồ Đoài.

Chiến hồ Càn, Càn Tây Bắc chi quái dã, ngôn âm dương tương bạc dã.

Giao phối, kết hợp ở phương Càn, quẻ Càn là tượng trưng hướng Tây – Bắc, nên  
nói âm dương tiềm nhập.

Khảm dã thủy dã, chính Bắc phương chi quái dã, lao quái dã, vạn vật chi sở quy  
dã, cổ viết lao hồ Khảm.

Cấn Đông Bắc chi quái dã vạn vật chi sở thành chung nhi sở thành thủy dã, cổ  
viết thành ngôn hồ Cấn.

" Chúa tể vạn vật là Chấn, cùng sinh cùng lớn là Tốn, sự vật sinh trưởng thịnh  
vượng là Li, tiếp tục lớn mạnh là Khôn, vui vẻ hoan hỉ là Đoài, tiếp cận là Càn,

một nhọc lao khổ là Khảm, thành công là Cấn.

Vạn vật sinh ra ở phương Chấn, Chấn là phương Đông ; cùng sinh cùng lớn ở phương Tốn, Tốn là Đông - Nam, cùng sinh cùng lớn, là nói vạn vật đều tắm tấp (nảy lộc, đâm chồi).

Li là sáng, thịnh vượng, là quẻ tượng cho phương Nam, thánh nhân nhìn về hướng Nam để nghe và quyết định việc chính sự, biểu thị sự sáng suốt trong việc trị lí, phải chăng thánh nhân bắt chước quẻ Li ?

Khôn tượng trưng đất, mọi vật đều được sự nuôi dưỡng của đất, cho nên nói mặc sức dụng sự ở phương Khôn.

Đoài tượng trưng giữa tiết Thu, vạn vật thành thực, phơi phơi, nên nói thành thực, phơi phơi, phương Đoài.

Khảm tượng trưng nước, quẻ tượng trưng chính Bắc, Khảm còn tượng trưng vất vả, mệt nhọc, vạn vật quy về nghỉ ngơi, nên nói Khảm là phương vất vả, mệt nhọc.

Quẻ Cấn tượng trưng Đông - Bắc, muôn vật thành lại quay về bắt đầu, nên nói thành công cuối cùng là ở phương Cấn"

4. Thần dã giả, diệu vạn vật vu ngôn giả dã. Động vạn vật giả mạc tậ hồ Lôi ; náo vạn vật giả mạc tậ hồ Phong ; táo vạn vật giả mạc hán hồ Hoả, duyệt vạn vật giả mạc duyệt hồ Trạch ; nhuận vạn vật giả mạc nhuận hồ Thuỷ, chung vạn

vật thuỷ vạn vật giả mạc thịnh hồ Cấn.

Cổ thuỷ hoả tương đãi, lôi phong tương bội, sơn trạch thông khí.

Nhiên hậu năng biến hoá kí thành vạn vật dã.

" Sở dĩ gọi tạo hoá thần kì là ở chỗ hoá dục muôn vật một cách thần kì. Cổ động muôn vật không có gì nhanh bằng Sấm ; ruổi gấp muôn vật không có gì nhanh bằng Gió ; nung nấu muôn vật không gì nóng cháy bằng Lửa ; làm cho vạn vật vui tươi không gì bằng Đầm ; thấm nhuần muôn vật không gì bằng Nước ; muôn vật công thành rồi lại nảy sinh, thịnh vượng không gì bằng Cấn.

Cho nên, Nước – Lửa khác nhau mà giúp cho nhau, Sấm – Gió khác nhau mà không trái ngược nhau, Núi – Đầm ở chốn khác nhau, mà khí thông nhau.

Sự vận động biến hoá như thế, mới hình thành muôn vật"

5. Càn kiện dã ; Khôn thuận dã ; Chấn động dã ; Tốn nhập dã ; Khảm hãm dã ; Li lệ dã ; Cấn chỉ dã ; Đoài duyệt dã.

" Càn là mạnh ; Khôn là thuận ; Chấn là động ; Khảm là hãm ; Li là đẹp, là phụ thuộc ; Cấn là dừng ; Đoài là vui mừng"

6. Càn vi thủ, Khôn vi phúc, Chấn vi tức, Tốn vi cổ, Khảm vi nhĩ, Li vi mục, Cấn vi thủ, Đoài vi khẩu.

" Càn tượng trưng đầu, Khôn tượng bụng, Chấn chân, Tốn tượng đùi, Khảm tượng tai, Li tượng mắt, Cấn tượng tay, Đoài tượng miệng"

7. Càn Thiên dã, cổ xưng hồ phụ.

Khôn địa dã, cổ xưng hồ mẫu.

Chấn nhất sách nhi đắc nam, cổ vị chi trưởng nam.

Tốn nhất sách nhi đắc nữ, cổ vị chi trưởng nữ.

Khảm tái sách nhi đắc nam, cổ vị chi trung nam.

Li tái đắc sách nhi đắc nữ, cổ vị chi trung nữ.

Cần tam sách nhi đắc nam, cổ vị chi thiếu nam.

Đoài tam sách chi đắc nữ, cổ vị chi thiếu nữ.

" Càn tượng trưng trời, gọi là cha.

Khôn tượng trưng đất, gọi là mẹ.

Chấn là con trai, cầu hợp lần đầu tiên, gọi con trai trưởng.

Tốn là con gái, cầu hợp lần đầu tiên, gọi trưởng nữ.

Khảm là con trai, cầu hợp lần thứ hai, gọi con trai thứ.

Li là con gái, cầu hợp lần thứ hai, gọi con gái thứ.

Cấn là con trai, cầu hợp lần thứ ba, gọi con trai út.

Đoài là con gái, cầu hợp lần thứ ba, gọi con gái út"

8. Càn vi thiên, vi hoàn, vi quân, vi phụ, vi ngọc, vi kim, vi hàn, vi băng, vi đại xích, vi lương mã, vi lão mã, vi tích mã, vi bác mã, vi mộc quả.

Khôn vi địa, vi mẫu, vi bố, vi phủ, vi lặn sắc, vi quân, vi tử mẫu ngư, vi đại dư, vi văn, vi chúng, vi bình, kì ư địa dã vi hắc.

Chấn vi lôi, vi long, vi huyền hoàng, vi phu, vi đại đồ, vi trưởng tử, vi quyết táo,



vi thượng lang trúc, vi hoàn vi, kì ư mã dã, vi thiện minh, vi chú túc, vi tác túc, vi đích tăng, kì ư giá dã, vi phản sinh, kì cứu vi kiện, vi phồn tiên.

Tổn vi mộc, vi phong, vi trường nữ, vi thẳng trực, vi công, vi bạch, vi trường, vi cao, vi tiến thoái, vi bất quả, vi khứu, kì ư nhân vi quả phát, vi quảng tăng, vi đa bạch nhãn, vi cận lợi thị tam bội, kì cứu vi táo quái.

Khảm vi thủy, vi câu độc, vi ẩn phục, vi kiểu nhu, vi cung luân, kì ư nhân dã, vi ưu gia, vi tâm bệnh, ví nhĩ thống, vi huyết quái, vi xích, kì ư mã dã vi dĩ tích, vi cực tâm, vi hạ thủ, vi bạc đề, vi duệ, kì ư dư dã vi đa sánh, vi thông, vi nguyệt, vi đạo, kì ư mộc dã vi kiên đa tâm.

Li vi hoá, vi nhật, vi điện, vi trung nữ, vi giáp trụ, vi qua bình, kì ư nhân dã vi đại phúc, vi can quái, vi miết, vi giải, vi luy, vu bạng, vi quy, kì ư mộc dã vi khoa thượng cáo.

"Cấn vi sơn, vi kinh lộ, vi tiểu thạch, vi môn khuyết, vi quả lửa, vi hôn tự, vi chỉ, vi cầu, vi thử, vi kiểm trắc chi thuộc, kì ư mộc dã vi kiên đa tiết.

Đoài vi trạch, vi thiếu nữ, vi vu, vi khẩu thiệt, vi hủy chiết, vi phụ quyết, kì ư địa dã vi cương, vi thiếp, vi dương.

Càn tượng trưng trời, hình tròn, vua, cha, ngọc, vàng, lạnh, băng, sắc đỏ thẫm, ngựa tốt, ngựa già, ngựa gầy, cây trái.

Khôn tượng trưng đất, mẹ, tiền tệ, cái nôi, keo kiệt, bình quân, con nghé, con

trâu cái, cái xe lớn, sắc màu xen kẽ, đám đông, cái chuôi, đất đen.

Chấn tượng trưng sấm, rồng, xanh vàng lẫn lộn, bông hoa, con đường to rộng, con cẩu, cương quyết, gấp gáp, cây trúc non, cây lau, con ngựa hay hí, con ngựa có lông trắng ở chân trái, con ngựa hai chân trước song phi, con ngựa đỉnh đầu có đốm trắng, cây mạ nảy mầm ; quẻ này phát triển đến cùng cực tượng cứng khoẻ, cây cỏ xum xuê, tươi tốt.

Tốn tượng trưng cây, gió, con gái cả, dây chuẩn thẳng, sự khéo léo, màu trắng, tượng đài, cao, lựa chọn tiến thoái, trừ trừ không quyết, mùi vị, người ít tóc, trán, nhìn người bằng nửa con mắt, mua hàng chỗ thân quen, lợi gấp ba ; quẻ này phát triển đến cùng hoá thành quẻ gấp vội.

Khảm tượng trưng nước, ngòi, vũng, sông, đầm, ẩn phục, uốn cong, bẻ thẳng, kéo cung, ưu tư sâu sắc, mắc bệnh nội tâm, đau tai, là quẻ máu, sắc đỏ thẫm, ngựa có sừng đẹp, con ngựa nóng nảy, ngựa chúc đầu xuống, ngựa giậm vó, con ngựa lết đi chật vật, xe gặp nhiều tai nạn, đi lại, mặt trăng, giặc cướp, cây cối cứng cáp mọc nhiều gai.

Li tượng trưng lửa, mặt Trời, ánh chớp, con gái thứ, giáp trụ, binh khí giáo mác, phụ nữ có thai, quẻ khô nóng, con ba ba, con cua, con ốc, con rùa, cây cối khô khốc phần trên rỗng.

Cấn tượng trưng núi, con đường núi, hòn đá nhỏ, cổng cao vòm rộng, quả dưa, người coi cửa, coi đền, ngón tay, con chó, con chuột, loài chim mỏ đen hung tợn, cây cứng cáp có nhiều đốt.

Đoài tượng trưng đầm, con gái út, thầy bói, miệng lưỡi, phá phách hủy diệt,

thuận theo sự quyết đoán, chất đất rắn, nàng hầu, con dê"

## TỰ QUÁI TRUYỆN

1. Hữu thiên địa nhiên hậu vạn vật sinh yên, doanh thiên địa chi gian giả, duy vạn vật cố thụ chi dĩ Truân ; Truân giả doanh dã, Truân giả vật chi thử sinh dã.

" Có trời đất rồi, mới có vạn vật sinh sôi nảy nở, đầy khắp ; lúc sinh sôi là lúc khó khăn, nên tiếp theo hai quẻ Càn – Khôn là quẻ Truân, Truân là khó khăn"

2. Vật sinh tất Mông, cố thụ chi dĩ mông, Mông giả mông dã, vật chi trĩ dã.

"Vật mới sinh ra còn non yếu nên tiếp quẻ Truân là quẻ Mông, Mông là vật còn non yếu"

3. Vật trĩ bất khả dưỡng dã, cố thụ chi dĩ Nhu, Nhu giả ẩm thực chi đạo dã.

" Vật còn non yếu cần phải nuôi dưỡng, nên sau quẻ Mông là quẻ Nhu, Nhu là đạo ăn uống, nuôi dưỡng"

4. Ẩm thực tất hữu Tụng, cố thụ chi dĩ Tụng.

" Đã ăn uống, tất sinh tranh giành, kiện tụng, nên sau quẻ Nhu là quẻ Tụng"

5. Tụng tất hữu chúng khởi, cố thụ chi dĩ Sư, Sư giả, chúng dã.

"Đã tranh giành, kiện tụng thì có phe phái, đông người, nên sau quẻ Tụng là quẻ Sư, Sư là đông, là quân lính"

6. Chúng tất hữu sở Tỉ, cố thụ chi dĩ Tỉ, Tỉ giả tỉ dã.

"Đã đông tức là có quan hệ với nhau, nên sau quẻ Sư là quẻ Tỉ, Tỉ là quan hệ"

7. Tỉ tất hữu sở súc, cố thụ chi dĩ Tiểu súc.

"Đã quan hệ với nhau, thì có sự chứa nhóm, nuôi nhau, ngăn đón nhau, nên sau quẻ Tỉ là quẻ Tiểu súc"

8. Vật súc, nhiên hậu hữu Lễ, cố thụ chi dĩ Lí.

"Vật đã chứa nhóm, thì phải có trật tự, có lễ để chế ước, nên sau quẻ Tiểu súc là quẻ Lí"

9. Lí nhi Thái, nhiên hậu an, cố thụ chi dĩ Thái, Thái giả thông giả.

" Có lẽ chế ước mới yên ổn, an thái, thông thuận, nên sau quẻ Lí là quẻ Thái, Thái là thông thuận"

10. Vật bất khả chung thông, cố thụ chi dĩ Bĩ.

" Mọi vật, mọi việc không thể thông thuận hoài mãi, sẽ có bế tắc, nên sau quẻ Thái là quẻ Bĩ"

11. Cố thụ chi dĩ Đồng nhân.

" Mọi vật, mọi việc cũng không bế tắc mãi, phải hợp lại để khai thông, sau quẻ Bĩ là quẻ Đồng nhân"

12. Dự nhân đồng giả, vật tất quy yên, cố thụ chi dĩ Đại hữu.

" Nhiều người hoà đồng tụ hợp, cái được rất lớn, rất thịnh, nên sau quẻ Đồng nhân là quẻ Đại hữu"

13. Đại hữu giả, bất khả dĩ doanh, cố thụ chi dĩ Khiêm.

"Thịnh thì không nên quá đầy, giàu không nên quá kiêu, cần phải khiêm tốn, nên sau quẻ Đại hữu là quẻ Khiêm"

14. Hữu đại nhi năng Khiêm, tất Dự, cố thụ chi dĩ Dự.

"Đã thịnh mà không đầy, giàu mà khiêm tốn, tất nhiên là vui sướng, nên sau quẻ Khiêm là quẻ Dự"

15. Dự tất hữu tùy, cố thụ chi dĩ Tùy.

"Đã vui vẻ thì có nhiều người theo hoặc vui vẻ theo người, nên sau quẻ Dự là quẻ Tùy"

16. Dĩ hỉ tùy nhân giả, tất hữu sự, cố thụ chi dĩ Cố, Cố giả sự dã.

"Vui vẻ theo người, tất có sẽ có công việc, nên sau quẻ Tùy là quẻ Cố, Cố là công việc"

17. Hữu sự nhi hậu khả đãi, cố thụ chi dĩ Lâm, Lâm giả, đại dã.

"Có công việc rồi, mới làm việc lớn, nên sau quẻ Cố là quẻ Lâm, Lâm là lớn"

18. Vật đại nhiên hậu khả quan, cố thị chi dĩ Quán.

"Vật gì lớn mới biểu thị cho người ta xem được, sau quẻ Lâm là quẻ Quán"

19. Khả quán nhi hậu hữu sở hợp, cố thụ chi Phệ hạp, Hạp giả hợp dã.

"Đã có chỗ xem được thì mới hợp nhau được, muốn hợp thì phải bỏ sự ngăn cách, nên sau quẻ Quán là quẻ Phệ hạp, Hạp là hợp"

20. Vật bất khả dĩ cấu hợp nhi dĩ, cố thụ chi dĩ Bí, Bí giả sức dã.

"Vật đã hợp với nhau thì không thể chung chạ xuềnh xoàng, nên sau quẻ Phệ hạp là quẻ Bí, Bí là trang sức, trau dồi cho nhau"

21. Sức nhiên nhi hậu hanh tắc tận hĩ, cố thụ chi dĩ Bác, Bác giả bác dã.

"Trau dồi cho nhau đạt đến cực điểm thì tiêu hao, tiêu mòn, nên sau quẻ Bí là quẻ Bác, Bác là tiêu mòn"

22. Vật bất khả chung tận, bác cùng phản hạ, cố thụ chi dĩ Phục.

"Vật thì không bao giờ cùng tận, tiêu mòn đã cùng cực bên trên, tất quay trở lại dưới, phục sinh, quay lại, nên sau quẻ Bác là quẻ Phục"

23. Phục tắc bất vọng hĩ, cố thụ chi dĩ Vô vọng.

" Đã quay lại với chính đạo, thì không thể làm càn, sau quẻ Phục là quẻ Vô vọng"

24. Hữu Vô vọng, hậu nhiên khả súc, cố thụ chi dĩ Đại súc.

" Đã không làm càn, thì mới chứa nhóm được mọi vật, sau quẻ Vô vọng là Đại súc"

25. Vật súc nhiên hậu khả dưỡng, cố thụ chi dĩ Di, Di giả dưỡng dã.

" Đã chứa nhóm thì phải nuôi, sau quẻ Đại súc là quẻ Di, Di là nuôi dưỡng"

26. Bất dưỡng tắc khả động, cố thụ chi dĩ Đại quá.

" Không nuôi dưỡng đủ thì không thể phần chấn, nuôi dưỡng đủ, dư mới phần chấn, làm việc phi thường, nên sau quẻ Di là quẻ Đại quá"

27. Vật bất khả chung quá, cố thụ chi dĩ Khảm, Khảm giả hãm dã.

" Vật không thể quá mãi, quá mãi thì rơi vào cảnh hiểm, sau quẻ Đại quá là Khảm, Khảm là hiểm hãm"

28. Hãm tất hữu sở lệ, cố thụ chi dĩ Li, Li giả lệ dã.



" Rơi vào cảnh hiểm thì phải có chỗ dựa, sau quẻ Khảm là Li, Li là dựa"

29. Hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật ; hữu vạn vật nhiên hậu hữu nam nữ ; hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu phụ ; hữu phu phụ nhiên hậu hữu phụ tử ; hữu phụ tử nhiên hậu hữu quân thần ; hữu quân thần nhiên hậu hữu thượng hạ ; hữu thượng hạ nhiên hậu lễ nghĩa hữu sở thố.

" Có trời – đất mới có vạn vật, đã có vạn vật, sau mới có trai gái ; có trai gái sau mới có âm dương giao kết mà thành vợ chồng, sau mới có công sinh dưỡng là thành cha con, có cha con mới có vua tôi, có vua tôi mới có trên dưới, vậy sau mới có chốn mà thiết lập lễ nghĩa"

30. Phu phụ chi đạo, bất cửu dã, có thụ chi dĩ Hằng.

" Đạo vợ chồng cốt nhất là lâu dài, thường hằng không đổi, nên sau quẻ Hàm là quẻ Hằng"

31. Hằng giả cửu dã, vật bất khả cửu cư kì sở, cố thụ chi dĩ Độn, Độn giả thối dã.

" Hằng là thường lâu, nhưng thường mỗi vật không ở mãi một chốn, phải tránh lui, sau quẻ Hằng là quẻ Độn, Độn là lui"

32. Vật bất khả chung độn, cố thụ chi dĩ Đại tráng.

" Cũng không có vật gì lui hoài, hết lui thì lớn mạnh, sau quẻ Độn là quẻ Đại tráng"

33. Vật bất khả chung tráng, cố thụ chi dĩ Tấn, Tấn giả tiến dã.

" Vật khi đã lớn mạnh thì tiến lên, sau quẻ Đại tráng là quẻ Tấn, Tấn là tiến lên"

34. Tiến tất hữu sở thương, cố thụ chi dĩ Minh di, Di giả thương dã.

" Tiến lên mãi tất phải bị thương, sau quẻ Tấn là quẻ Minh di, Minh di là bị thương"

35. Thương ư ngoại giả, tất phản ư gia, cố thụ chi dĩ Gia nhân.

" Ở ngoài bị thương, tất trở về nhà, sau quẻ Minh di là quẻ Gia nhân"

36. Gia đạo cùng tất quai, cố thụ chi dĩ Khuê, Khuê giả quai dã.

" Gia đạo đến cùng tất ngang trái, nên sau quẻ Gia nhân là quẻ Khuê, Khuê là ngang trái"

37. Quai tất hữu nạn, cố thụ chi dĩ Kiến, Kiến giả nạn dã.

" Đã gặp ngang trái, tất là gay go hiểm nạn, sau quẻ Khuê là quẻ Kiển, Kiển là nạn"

38. Vật bất khả chung nạn, cố thụ chi dĩ Giải, Giải giả hoãn dã.

" Nạn đã cực rồi, có lúc tan, lúc thư hoãn, cởi giải, sau quẻ Kiển là quẻ Giải, Giải là thư hoãn, cởi giải"

39. Hoạn tất hữu sở thất, cố thụ chi dĩ Tồn.

" Lúc thư hoãn, cởi giải thường quên lo lắng, quên lo lắng thì sẽ thiệt hại, tồn thất, sau quẻ Giải là quẻ Tồn"

40. Tồn nhi bất dĩ, tất ích, cố thụ chi dĩ Ích.

" Nếu tồn bản thân mà ích cho người, sau quẻ Tồn là quẻ Ích"

41. Ích nhi bất dĩ, tất quyết, cố thụ chi dĩ Quải, Quải giả quyết dã.

" Ích đã đến cùng cực, tất tràn đầy, là rách toác, là quả quyết, sau quẻ Ích là quẻ Quải, Quải là quyết, phán quyết"

42. Quyết tất hữu sở ngộ, cố thụ chi dĩ Cấu, Cấu giả ngộ dã.

"Đã quả quyết, phán quyết rồi, thì biết phải hay trái, lành hay dữ, chắc có người gặp gỡ, sau quả Quả là quả Cấu, Cấu là gặp gỡ"

43. Vật tương ngộ nhi hậu tự, cố thụ chi dĩ Tuy, Tuy giả tự dã.

"Vật đã gặp nhau thì thành bầy, thành nhóm, sau quả Cấu là quả Tuy, Tuy là nhóm"

44. Tự nhi thượng giả, vị chi thăng, cố thụ chi dĩ Thăng.

"Nhóm mà cứ chồng chất, thì cao lên dần, sau quả Tuy là quả Thăng"

45. Thăng nhi bất dĩ, tất khốn, cố thụ chi dĩ Khốn.

"Đã thăng lên cùng cực thì gặp cùng khốn, sau quả Tuy là quả Khốn"

46. Khốn hồ thượng giả, tất phản hạ, cố thụ chi dĩ Tỉnh.

"Khốn ở cao chót vót thì rơi xuống, như rơi xuống giếng, sau quả Khốn là quả Tỉnh"

47. Tỉnh đạo bất khả cách, cố thụ chi dĩ Cách.

" Muốn nước giếng trong thì phải mức nước cũ, cho mạch nước mới nhả ra, gọi là biến cách, sau quẻ Tỉnh là quẻ Cách"

48. Cách vật giả, mạc nhược đình, cố thụ Đình.

" Vật có công dụng biến cách, nấu sống thành chín, cứng thành mềm, thay đổi cuộc sống, không có gì bằng cái đình, sau quẻ Cách là quẻ Đình"

49. Chủ khí giả mạc nhược trường tử, cố thụ chi dĩ Chấn ; Chấn giả động dã.

" Đình là loại trọng khí, làm chủ trọng khí là con trai trưởng, sau quẻ Đình là quẻ Chấn, tượng con trai trưởng ; Chấn là có tính động"

50. Vật bất khả chung động, chỉ chi, cố thụ chi dĩ Cấn, Cấn giả chỉ dã.

"Vật không thể động hoài, mãi, có lúc dừng, sau quẻ Chấn là quẻ Cấn, Cấn có tính dừng"

51. Vật bất khả chung chỉ, cố thụ chi dĩ Tiệm, Tiệm giả tiến dã.

" Vật cũng không thể dừng mãi, có lúc tiệm tiến, tiến lên, sau quẻ Cấn là quẻ Tiệm, Tiệm là tiến"

52. Tiến tất hữu sở quy, cố thụ dĩ Quy muội.

" Tiến tất có chỗ đến, chỗ về, như gái gả về nhà chồng, sau quẻ Tiệm là quẻ Quy muội"

53. Đắc kì sở quy giả, tất đại, cố thụ chi dĩ Phong, Phong giả đại dã.

" Được chỗ đến, chỗ về, tất nhiên thịnh lớn, sau quẻ Quy muội là quẻ Phong, Phong là lớn, thịnh lớn"

54. Cùng đại giả tất thất kì cư, cố thụ chi dĩ Lữ.

" Thịnh lớn đến cùng cực (cực thịnh tắc suy), có thể mất chỗ ở, làm thân lữ khách, sau quẻ Phong là quẻ Lữ"

55. Lữ nhi vô sở dung cố thụ chi dĩ Tốn, Tốn giả nhập dã.

**" Làm thân lữ khách muốn có chốn dung thân, thì phải học theo tính gió, thuận mới nhập được người, sau quẻ Lữ là quẻ Tốn, Tốn là nhập vào"**

56. Nhập nhi hậu duyệt chi, cố thụ chi dĩ Đoài, Đoài giả duyệt dã.

" Đã nhập vào được, sau mới ứa nhau, mà hoà duyệt với nhau, sau quẻ Tốn là quẻ Đoài, Đoài là hoà duyệt"

57. Duyệt nhi hậu tán chi, cố thụ chi dĩ Hoán, Hoán giả li dã.

" Duyệt đến cùng cực thì li tán, sau quẻ Đoài là quẻ Hoán, Hoán là li tán"

58. Vật bất khả chung li, cố thụ chi dĩ Tiết.

"Vật không thể li tán mãi, phải có cách để ngăn đón, tiết chế, sau quẻ Hoán là quẻ Tiết"

59. Tiết nhi tín chi, cố thụ chi dĩ Trung phu.

" Đã định ra sự tiết chế, tất phải có lòng tin, sau quẻ Tiết là quẻ Trung phu"

60. Hữu kì tín giả, tất hành chi, cố thụ chi dĩ Tiểu quá.

" Tin mà không xét, làm ngay, làm hơi quá, sau quẻ Trung phu là quẻ Tiểu quá"

61. Hữu quá vật giả, tất Tể, cố thụ dĩ Kí tể.

"Người có đức tài hơn người, hành vi thiện mỹ hơi quá mức một chút, thì việc cũng thành công, sau quẻ Tiểu quá là quẻ Kí tể"

62. Vật bất khả cùng dã, cố thụ chi dĩ Vị tể, chung yên.

"Vật sinh sinh hoá hoá không nghỉ, biến dịch không cùng, tuy xong rồi nhưng vẫn chưa hết, sau quẻ Kí tể là Vị tể, Vị tể là chưa xong, chưa hết."

Việc làm Dịch bằng hệ thống phù hiệu, bằng văn tự (vật hữu hình), đã xong rồi, nhưng giao dịch, biến dịch, bất dịch (phần vô hình), không bao giờ cùng"

## TẠP QUÁI TRUYỆN

Càn cương, Khôn nhu, Tỉ lạc, Sư ưu. Lâm, Quan chi nghĩa, hoặc dữ hoặc cầu. Truân hiệnnhi bất thất kì cư. Mông tạp nhi trứ. Cấn khởi dã, Chấn chỉ dã. Tồn, Ích thịnh suy chi thuỷ dã. Đại súc thời dã. Vô vọng tai dã. Tuy nhi Thăng bất lai dã. Khiêm khinh nhi Dự đãi dã. Tuy vô cố dã. Cổ tắc sức dã. Bác lạn dã, Phục phản dã. Tấn trú dã. Minh di chu dã. Tỉnh thông nhi Khốn tương ngộ dã. Hàm tốc dã. Hằng cửu dã. Hoán tạp dã. Tiết chỉ dã, Giải hoãn dã. Kiển nan dã. Khuê ngoại dã. Gia nhân nội dã. Bĩ, Thái phản kì loại dã. Đại tráng tắc chỉ, Độn tắc thoái dã. Đại hữu chúng dã. Đồng nhân thân dã. Cách khứ cố dã. Đỉnh thủ tân dã. Tiểu quá quá dã. Trung phu tín dã. Phong đa cố dã. Thân quả Lữ dã. Li thượng nhi Khảm hạ dã. Tiểu súc quả dã. Lí bất xử dã. Nhu bất tiến dã. Tụng bất thân dã. Đại quá điên dã. Cấu ngộ dã, nhu ngộ cương dã. Tiệm nữ quy đãi nam hành dã. Vị tể nam chi cùng dã. Quải quyết dã, cương quyết nhu dã, quân tử đạo trường, tiểu nhân đạo ưu dã.



"Quẻ Càn cương, Khôn nhu, Tỉ vui tươi, Sư lo phiền. Lâm – Quan, quẻ ban phát, quẻ mưu cầu. Truân sinh tồn mà không mất nơi ở. Mông xen kẻ sáng tối. Chấn động. Cấn dừng. Tốn – Ích bắt đầu chuyển thịnh suy. Đại súc tự chứa đúng thời. Vô vọng phòng tai vạ. Tụ là tụ họp, Thăng lên cao mà không trở lại. Khiêm là coi nhẹ mình, Dự là vui sinh lười biếng. Phệ hạp là cắn để hợp, như miệng đang ăn. Bí là thuận phác, vô sắc. Đoài vui vẻ, Tốn bên trong thuận tòng, Tuy không thành kiến. Cỗ chinh đồn công việc. Bác chín thì rơi rụng. Phục là quay về gốc. Tấn như mặt Trời lên cao dần, Minh di ánh sáng lụi tàn như ban đêm. Tỉnh thông dụng mà Khốn là trở ngại.

Hàm là cảm ứng thần tốc. Hằng là bền lòng dài lâu. Hoán là phân li. Tiết là chế ước. Giải là thoát mái. Khảm là trắc trở, gian nan. Khuê ngang trái ở ngoài, Gia nhân hoà thuận bên trong. Bĩ – Thái là hai loại tương phản. Đại tráng là cường thịnh, biết dừng. Độn là lui tránh. Đại hữu là dân chúng đông đúc. Đồng nhân là thân cận. Cách là cải sửa cái cũ, Đỉnh là làm cho mới. Tiểu quá là việc nhỏ hơi quá một chút. Trung phu là trong lòng thành tín. Phong là thịnh lớn, ắt nhiều công việc, ít người thân là Lữ. Li là lửa hướng lên trên, Khảm là nước hướng xuống dưới. Tiểu súc là chứa ít. Lí là theo lễ, không dám ở yên. Nhu không nóng vội tiến lên. Tụng là tranh chấp, khó thân. Đại quá là đảo lộn thường lí. Cấu là tương ngộ, nhu gặp cương. Tiệm là nữ đã sắp lấy chồng, chỉ đợi đủ lễ là xuất giá. Di là đạo nuôi thân, dưỡng chính. Kí tế là việc đã thành, an định. Quy muội là gả chồng cho con gái. Vị tế là con trai làm cầu cho xong việc. Quải là quyết đoán, cương quyết nhu, đạo quân tử thịnh, đạo tiểu nhân khốn, lo"

## SÁCH THAM KHẢO

## I.TIẾNG VIỆT:

- 1.Chu Dịch, Sào Nam Phan Bội Châu, Văn hoá – Thông tin, 1996.
- 2.Kinh Dịch, Ngô Tất Tố (dịch và chú giải), Văn học, 2003.
- 3.Kinh Dịch – đạo người quân tử, Nguyễn Hiến Lê, Văn học, 1994.
- 4.Dịch học tinh hoa, Thu Giang Nguyễn Duy Cần, TP.HCM, 1992.
5. Ất Dịch học hiện đại – Tư duy, đạo lí và mưu lược kinh doanh, Đông A Sáng, Thanh Hoá, 2007.
6. Chu Dịch tường giải, Nguyễn Quốc Đoan (biên dịch), Văn hoá – Thông tin, 1998.
7. Chu Dịch – Vũ trụ quan, Lê Văn Quán, NXBGD, 1995.
8. Chu Dịch với dự đoán học, Thiệu Vĩ Hoa ; Mạnh Hà (dịch), Văn hoá, 1995.
9. Bí ẩn của bát quái, Kinh Dịch nhân sinh quyết sách chỉ nam ; Vương Ngọc Đức, Diêu Vĩ Quân, Trịnh Vĩnh Tường ; Trần Đình Hiến (dịch), Văn hoá –

Thông tin, 1996.

10. Ất Chu Dịch dịch chú, Hoàng Thọ Kỳ – Trương Thiệu Văn ; Vương Mộng Bưu – Nguyễn Trung Thuần (dịch), Hà Nội, 2007.

11. Đại điển tích văn hoá Trung Hoa, Triệu Quốc Hoa – Lưu Kiến Quốc ; Nguyễn Lạc Hoàng Việt Thắng (dịch), Văn hoá – Thông tin, 1996.

12. Luận ngữ, Khổng Tử ; Lê Phục Thiện (dịch), Văn học, 2002.

13. Đạo đức kinh, Lão tử ; Thu Giang Nguyễn Duy Cần (dịch và bình chú), Văn học, 2001.

14. Nam hoa kinh, Trang tử ; Nguyễn Hiến Lê, Văn học, 1994.

15. Tứ thư, dịch giả Đoàn Trung Còn, Thuận Hoá, 2006.

16. Tả truyện, Tôn Phương Li (biên soạn), Đồng Nai, 1995.

17. Sử kí Tư Mã Thiên, Giản Chi – Nguyễn Hiến Lê, Văn học, 1994.

18. Vương triều hoàng đế Trung Quốc, Trương Tự Văn ; Nguyễn Thanh Hà – Luyện Xuân Thu – Nguyễn Thị Dương – Trần Trọng Văn (biên dịch) ; Văn hoá

– Thông tin, 2001.

19. Thuật sống của người Trung Hoa, Đông A Sáng, NXBGD, 2007.

20. Mĩ nhân và ngai vàng Trung Hoa, Trần Sáng, NXBGD, 2008.

## II. TIẾNG TRUNG:

1. Chu Dịch diễn thuyết, Tương Phàm, Hồ Nam văn nghệ xuất bản xã.

2. Dịch Kinh đích trí huệ, Trần Tuyên, Cam Túc văn hoá xuất bản xã.

3. Chu Dịch ngoại truyện kính thuyên (thượng, hạ), Trần Ngọc Lâm – Trần Hiến Hiến, Trung Hoa thư cục.

4. Chu Dịch nội truyện, Vương Phu Chi (tuyển), Lí Nhất Hân, Cửu Châu xuất bản xã.

5. Lục thập tứ quái đích nhân sinh triết lí dữ mưu lược, Dịch Kinh đối thoại, Khoa học xã hội xuất bản xã, 2001.

6. Chu Dịch dữ nhân sinh mưu lược, Lưu Hiếu Tồn, Trung Quốc Văn quan xuất bản công ti, 1998.

7. Chu Dịch nhân sinh chi đạo, Lưu Ngọc Bình, Hồ Nam NXB Văn nghệ xuất bản xã, 1998.

8. Chu Dịch dữ kinh doanh chi đạo, Ngô Thế Thái – Trương Vệ Quân, Tứ Xuyên nhân dân xuất bản xã.

AUTHOR - ĐÔNG A SÁNG :

KINH DỊCH - TRÍ HUỆ VÀ QUYỀN BIẾN (QUYỂN HẠ)

By Đông A Sáng

Copyring Đông A Sáng

Smashwords Edition.